

BỘ ĐỀ LUYỆN THI 10 THEO CẤU TRÚC MỚI**ĐỀ SỐ 1****I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)****Đọc đoạn thơ và thực hiện các yêu cầu**

Nếu anh không về trong buổi chiều nay
 Em đừng buồn và âu lo quá nhé
 Nhớ đón con và động viên cha mẹ
 Bởi Tổ quốc cần, anh chẳng thể ngồi yên...
 Bao nhiêu người cũng rất muốn đoàn viên
 Nhưng covid đang tràn lan đất nước
 Anh không thể, nghĩ tình riêng mình được
 Khi các bạn anh, bạc tóc, hao gầy
 Ai cũng mong cho đất nước mỗi ngày
 Không còn tin, người nhiễm thêm ca mới
 Thương Tổ quốc, em ở nhà hãy đợi
 Hết dịch rồi, anh sẽ lại về thôi...
 Sáng nay tin từ nước Ý xa xôi
 Mấy ngàn người đã không còn sự sống
 Thương Iran, muôn trái tim lay động
 Hơn nghìn người trong tuyệt vọng, ra đi...
 Tây Ban Nha, rồi Đại Lục - Trung Hoa...
 Cả thế giới chìm một màu tang tóc
 Lo quê nhà, trái tim anh chợt khóc
 Sợ dịch đến mình, sợ mất một người thân...
 Anh không về, vì dân tộc đang cần
 Chào em yêu, đồng đội anh đang đợi
 Nếu ngày mai, anh mãi xa vời vợi
 Đừng khóc nghe em... Anh chẳng yên lòng... ”

(Theo “Nếu anh không về” của Vũ Quốc Tuấn)

Câu 1. (0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt của đoạn trích trên.**Câu 2.** (0,5 điểm). Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ “Sáng nay tin từ nước Ý xa xôi

Mấy ngàn người đã không còn sự sống
 Thương Iran, muôn trái tim lay động
 Hơn nghìn người trong tuyệt vọng, ra đi...
 Tây Ban Nha, rồi Đại Lục - Trung Hoa...
 Cả thế giới chìm một màu tang tóc”

Câu 3. (1,0 điểm). Em hiểu gì về nội dung của đoạn thơ sau:

“Nếu anh không về trong buổi chiều nay
 Em đừng buồn và âu lo quá nhé
 Nhớ đón con và động viên cha mẹ
 Bởi Tổ quốc cần, anh chẳng thể ngồi yên...”

Câu 4. (1,0 điểm). Em rút ra thông điệp gì từ đoạn trích trên.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm).

Từ nội dung đoạn trích ở phần đọc-hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của sự cống hiến cho cuộc đời trong cuộc chiến chống đại dịch Covid 19 hiện nay.

Câu 2. (5,0 điểm).

Vẻ đẹp của chị em Thúy Kiều trong đoạn trích cùng tên, trích *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích: Biểu cảm	0,5 điểm
	2	Biện pháp tu từ : Liệt kê	0,5 điểm
	3	Nội dung của đoạn thơ: -Lời tâm tình của những người nơi tuyến đầu chống dịch. -Nhắc nhở những người nơi hậu phương hãy làm thật tốt vai trò của mình	1,0 điểm
	4	HS có thể rút ra nhiều thông điệp, miễn không vi phạm chuẩn mực đạo đức. Sau đây là vài gợi ý: -Thấu hiểu, sẻ chia với những người nơi tuyến đầu chống dịch. - Hãy làm thật tốt vai trò của người hậu phương để người tuyến đầu vui bớt nhọc nhằn.	1,0 điểm
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>“ <i>Đừng hỏi Tổ quốc đã làm gì cho ta/ Mà hãy hỏi ta đã làm gì cho Tổ quốc hôm nay</i>”, câu hát trên đã gợi cho ta nhiều suy ngẫm về sự cống hiến của mỗi người cho cuộc đời đặc biệt là trong đại dịch Covid 19 hiện nay. Vậy theo bạn cống hiến là gì? Theo tôi cống hiến là sự hi sinh lợi ích của bản thân, làm việc hết mình, dốc lòng, dốc sức đóng góp cho công việc chung của tập thể. Cống hiến sẽ giúp cho con người khẳng định được giá trị của bản thân và phát huy vai trò trách nhiệm của mình với mọi người và xã hội. Cống hiến sẽ làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, lan tỏa yêu thương đến cộng đồng. Người cống hiến sẽ được mọi người yêu quý, ngưỡng mộ, ca ngợi và trân trọng. Ta có thể bắt gặp sự cống hiến của mọi người ở khắp mọi nơi, mọi thời điểm. Trong đại dịch Covid 19 thì sự cống hiến của mọi người càng được thể hiện rõ hơn,</p>	2,0 điểm

	<p>sâu sắc hơn. Sẽ chia những chai sát khuẩn, những chiếc khẩu trang, những cây gạo ATM, những bữa cơm không đồng,...đã làm ấm lòng đồng bào để vượt qua đại dịch. Những thiên thần áo trắng, các lực lượng công an, bộ đội...cũng căng mình chiến đấu vì Covid. Kết quả của sự cống hiến đó là Việt Nam đã từng bước kiểm soát tốt dịch bệnh và trở thành điểm sáng trên bản đồ thế giới về chống dịch. Thế nhưng bên cạnh những người cống hiến quên mình vì đất nước thì vẫn còn đâu đó những thành phần vô cảm, ích kỉ không có tinh thần cống hiến thiết nghĩ đáng lên án. Bản thân em là học sinh, là thế hệ trẻ của đất nước vậy nên ngay từ bây giờ phải ra sức rèn đức luyện tài và góp một phần nhỏ bé của mình vào xây dựng quê hương đất nước và trước hết hãy cùng nhau chống dịch bằng những việc làm nhỏ nhất. Tóm lại sự cống hiến có vai trò, ý nghĩa vô cùng quan trọng trong cuộc sống của con người ở mọi thời đại.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>I. Mở bài</p> <p>- Giới thiệu tác giả Nguyễn Du và đoạn trích Chị em Thúy Kiều</p> <p>- Dẫn dắt vấn đề nghị luận: đoạn trích đã làm nổi bật nhan sắc và tài năng của chị em Thúy Kiều, đặc biệt là sắc đẹp và tài năng của Thúy Kiều.</p> <p>Có thể viết mở bài như sau:</p> <p>Nguyễn Du cả đời cầm bút luôn dụng tâm hướng cảm xúc của mình đến với vẻ đẹp cũng như số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Dưới ngòi bút của ông, chân dung những người phụ nữ luôn được ca ngợi và cực tả đến tuyệt mỹ. Điều này ta có thể thấy rõ qua bức chân dung chị em Thúy Kiều trong đoạn trích cùng tên. Bằng nét bút tài hoa, ông đã dựng nên bức tranh về hai tố nữ với những nét đẹp không hề lặp lại. Vẻ đẹp ấy đã làm cho trái tim bao thế hệ bạn đọc không khỏi trầm trồ, ngưỡng mộ. Đồng thời qua đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” mỗi</p>	5,0 điểm

chúng ta có cơ hội được diện kiến ngòi bút kì tài của Nguyễn Du trong nghệ thuật khắc họa chân dung nhân vật.

II. Thân bài

1. Giới thiệu khái quát về đoạn trích

- Nằm ở phần đầu của Truyện Kiều
- Nội dung: Khắc họa chân dung chị em Thúy Kiều qua đó bộc lộ cảm hứng nhân văn sâu sắc của tác giả.

2. Vẻ đẹp của Chị em Thúy Kiều

a. Vẻ đẹp của Thúy Vân:

- Phong thái: thanh thoát, nhẹ nhàng, đoan trang, lịch sự;
- Nhân diện: Láy vàng trắng so sánh khuôn mặt: phúc hậu, hiền hòa
- Giọng nói: cũng trở thành nét đẹp rất riêng trong con người nàng. Xuân Diệu ca ngợi: từ **thốt** là chữ đắt giá.
- Dự báo số phận từ nhan sắc: “*mây thua....tuyết nhường.*”: số phận bình an, hạnh phúc.

=> Bằng bút pháp ước lệ tượng trưng và thủ pháp so sánh ngầm, Nguyễn Du đã làm cho chân dung Thúy Vân hiện lên như một tổ nữ, đẹp người, đẹp nét và bình an trong số phận.

b. Vẻ đẹp tài sắc của Thúy Kiều

b1. Nhan sắc của Thúy Kiều:

- Thúy Vân là phong nền hoàn hảo mở đường cho sự xuất hiện của Thúy Kiều với vẻ đẹp sắc sảo, mặn mà;
- Thủ pháp tăng tiến trong miêu tả “*Kiều càng sắc sảo mặn mà*” không chỉ đẹp mà còn có sức hút mạnh mẽ đối với người đối diện;
- *Đôi mắt* như nước mùa thu lột tả nội tâm luôn man mác một chút buồn ẩn sâu dưới cái nhìn trong veo của Kiều
- Nguyễn Du sử dụng những từ ngữ có sức gợi cảm cao như “ghen”, “hờn” khi miêu tả vẻ đẹp của Kiều. Hai từ ngữ ấy tự nó đã chứa đựng sự dự báo không mấy tốt đẹp mà Kiều có thể phải đối mặt ở tương lai.

=> Tạo hóa ganh ghét với nhan sắc vượt qua những chuẩn chung. Nguyễn Du đã bày tỏ sự thương cảm kín đáo với số phận của nhân vật.

- “*Nghiêng nước nghiêng thành*”: đây vẻ đẹp của Kiều lên hàng *quốc sắc thiên hương*, có một không hai-> Sự yêu mến hết mực mà Nguyễn Du đã dành cho Kiều-> Chân dung của Kiều hiện ra với vẻ đẹp vạn người mê. Vẻ đẹp ấy khiến cho tạo hóa và vạn vật sinh lòng đố kị-> Dấu hiệu dự báo một cuộc đời đầy sóng gió.

b2. Nét đẹp tài năng:

	<p>- Thúy Kiều có tài năng toàn vẹn: cầm, kì, thi, họa. Lĩnh vực nào Kiều cũng tinh thông nhưng nổi bật nhất là tài đàn.</p> <p>- Nguyễn Du hoàn thiện cho một triết lí “<i>tài mệnh tương đố</i>”, mỗi khúc đàn luôn ẩn chứa nét buồn ai oán-> tiếng đàn mang tính chất dự báo một thiên bạc mệnh đang chờ đợi nàng ở phía trước-> người con gái đa sầu, đa cảm.</p> <p>=> Bằng bút pháp lí tưởng hóa, vẻ đẹp của Thúy Kiều ở phương diện tài năng và nhan sắc đạt đến mức hoàn mỹ và đỉnh cao.</p> <p>c. Vẻ đẹp trong lối sống của chị em Thúy Kiều</p> <p>- Lối sống phong lưu, được chăm sóc và yêu chiều “<i>Phong lưu rất mực hồng quần</i>”</p> <p>- Luôn khuôn phép giữ mình theo đúng chuẩn mực của một người có nền nếp gia phong.</p> <p>- Cả hai chị em Kiều là những cô gái ngoan, kín đáo, tế nhị và luôn ý thức được giá trị của bản thân mình. “<i>Tường đông ong bướm đi về mặc ai</i>”</p> <p>3. Đánh giá khái quát:</p> <p>- Tả người từ khái quát đến cụ thể, tả ngoại hình mà bộc lộ tính cách, dự báo số phận, ngôn ngữ gợi tả, sử dụng hình ảnh ước lệ, thủ pháp đòn bẩy, các biện pháp tu từ, nhân hóa, so sánh, dùng điển tích, điển cố. Tất cả đã làm nổi bật lên hai bức tranh tố nữ với những nét đẹp không hề lặp lại. Nghệ thuật ấy đã tôn lên tài năng của Nguyễn Du trong việc khắc họa chân dung nhân vật.</p> <p>- Qua chân dung chị em Kiều, ta càng mến yêu, trân trọng những người phụ nữ xưa. Dù cuộc sống có trải qua những thăng trầm biến cố song vẻ đẹp của họ luôn khiến ta ngưỡng mộ và yêu thương.</p> <p>III. Kết bài</p> <p>- Đánh giá khái quát lại vẻ đẹp của chị em Kiều cũng như tấm lòng và tài năng của Nguyễn Du.</p> <p>- Nêu được cảm xúc của bản thân về hai nhân vật và niềm mong ước của bản thân về cuộc sống và số phận của người phụ nữ trong xã hội ngày nay.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
--	--	--

ĐỀ SỐ 2

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu

Sẻ chia từng chiếc khẩu trang

Bạn đã nghe đến chuyện phát bánh mì miễn phí cho người nghèo hay những thùng trà đá miễn phí để bên đường. Hoặc những chai nước suối được chính các anh CSGT phát cho người dân trên những nẻo đường về quê ăn Tết. Thì trong mùa dịch, chính là những chiếc khẩu trang được phát miễn phí khắp các ngõ phố từ Bắc vô Nam, không tỉnh nào là không có. Tại các công viên hay khu tập trung công cộng, bạn sẽ bắt gặp nhiều bạn sinh viên cầm trên tay những chiếc khẩu trang đi phát cho những người chưa có cơ hội mua được. Mọi người sẵn sàng chia sẻ khẩu trang khi bắt gặp người đang không có khẩu trang.

Khi một số cửa hàng tăng giá khẩu trang, thì những cửa hàng khác lại không bán khẩu trang. Họ chỉ phát miễn phí. Người dân đến mua hàng hay đi qua có thể ghé qua tự lấy khẩu trang miễn phí nếu cần. Chỉ cần bước chân vào một hiệu thuốc, nhân viên sẽ hỏi bạn có cần khẩu trang không và tự động để khẩu trang vào túi cho bạn. Và tất nhiên đó là miễn phí.

(Trích Câu chuyện về tình dân tộc Việt mùa đại dịch từ virus Corona)

Câu 1. (0,5 điểm) Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.

Câu 2. (0,5 điểm) Tìm và gọi tên một phép liên kết có trong đoạn văn thứ nhất?

Câu 3. (1,0 điểm) Những việc làm của các bạn sinh viên và các cửa hàng có ý nghĩa như thế nào trong việc phòng chống dịch bệnh?

Câu 4. (1,0 điểm) Theo em việc làm của rất nhiều cá nhân và tập thể trong văn bản trên có cần được ca ngợi không? Vì sao? Bản thân em cần phải làm gì để cùng chung tay đẩy lùi dịch bệnh?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm) Hãy viết đoạn văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về *sự chia sẻ trong cuộc sống hàng ngày*.

Câu 2. (5.0 điểm) Cảm nhận của em về hai khổ thơ sau trong bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải.

*Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hoà ca
Một nốt trầm xao xuyến.*

*Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.*

(Thanh Hải – Mùa xuân nho nhỏ)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên: tự sự	0,5 điểm
	2	Một phép liên kết: lặp từ “khẩu trang” ở câu (4) và câu (5)	0,5 điểm

	3	Việc làm của các bạn sinh viên và các cửa hàng phát khẩu trang miễn phí có ý nghĩa rất lớn trong việc bảo vệ sức khỏe của mọi người và phòng chống dịch bệnh. Hành động đó cũng là biểu tượng đẹp của sự sẻ chia trong cuộc sống.	1,0 điểm
	4	<p>- Theo em việc làm của rất nhiều cá nhân và tập thể trong văn bản trên cần được ca ngợi vì đó là những nghĩa cử cao đẹp vì những hành động ấy thể hiện sự tương thân tương ái của đồng bào trong hoàn cảnh khó khăn của đất nước.</p> <p>- Đề chung tay đẩy lùi dịch, bản thân em:</p> <p>+ Chấp hành quy định cách li của Nhà nước.</p> <p>+ Tuyên truyền nâng cao ý thức cách li đối với mỗi người.</p> <p>+ Chung tay giúp đỡ người khó khăn trong điều kiện bản thân có thể làm được.</p>	1,0 điểm
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>1.Mở đoạn: Giới thiệu về sự sẻ chia trong cuộc sống.</p> <p>2.Thân đoạn</p> <p>a.Giải thích: sẻ chia là san sẻ những gì mình khó, giúp người khác qua cơn khó khăn.</p> <p>b. Phân tích, chứng minh</p> <p>* Biểu hiện của sự chia sẻ:</p> <p>-Về vật chất: chúng ta có thể quyên góp, ủng hộ bằng nhiều cách để giúp đỡ những người gặp hoạn nạn, khó khăn.</p> <p>-Về tinh thần: chúng ta biết lắng nghe, mở lòng để thấu hiểu họ, thể hiện tình cảm, sự thấu hiểu đối với những người gặp khó khăn</p> <p>- Về công sức: có thể góp sức xây dựng nên nơi cư trú hay xây dựng trường học cho những nơi khó khăn,...</p> <p>* Ý nghĩa:</p> <p>- Đối với người nhận: những người gặp khó khăn sẽ rất vui, họ cảm thấy được an ủi, được quan tâm và chia sẻ</p> <p>- Đối với người cho: những người ủng hộ sẽ được an lòng, cảm thấy nhẹ nhàng, thanh thản và sống tốt hơn.</p> <p>=> Chia sẻ đều mang lại lợi ích cho cả hai bên, giúp cho tinh thần của học trở nên thư thái và được yêu thương</p>	2,0 điểm

	<p>hơn.</p> <p>c. Bàn luận mở rộng: Phê phán những người vô cảm, ích kỉ, không biết sẻ chia.</p> <p>d. Bài học nhận thức và hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - SC là một hành động đẹp cần phát huy, lan tỏa. - Học tập và rèn luyện, tham gia các hoạt động, các phong trào thiện nguyện,... <p>3. Kết đoạn: Cuộc sống sẽ tốt đẹp hơn khi chúng ta biết sẻ chia.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>I. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vài nét về nhà thơ Thanh Hải: Một nhà thơ có thể nói là đã cống hiến cả đời mình cho cách mạng. - Tác phẩm: một bông hoa đặc sắc về tình yêu và khát khao cống hiến đối với đất nước thiêng liêng. - Dẫn dắt đoạn thơ: nằm ở giữa tác phẩm, nói về ước nguyện được cống hiến của tác giả. <p>II. Thân bài</p> <p>1. Khái quát về bài thơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về hoàn cảnh ra đời đặc biệt của bài thơ: được viết trong những ngày cuối cùng Thanh Hải nằm trên giường bệnh, cả cuộc đời ông đã dùng để cống hiến cho cách mạng, giờ đây ông lại cất lên niềm khát khao, niềm mong mỏi có thể tiếp tục cống hiến “mùa xuân nho nhỏ” cho cuộc đời này. - Giá trị nội dung: Bài thơ thể hiện tình yêu thiên nhiên, ca ngợi quê hương và khát khao cống hiến của tác giả. <p>2. Ước nguyện của tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự chuyển đổi ngôi thứ "tôi" -> "ta" => Nói lên quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng - Điệp ngữ "ta làm", nói lên sự quyết tâm, lối liệt kê: con chim, cành hoa, nốt nhạc -> Yếu tố tạo nên mùa xuân - Nốt nhạc trầm là biểu tượng cho sự cống hiến thầm lặng => Liên tưởng anh thanh niên trong "Lặng lẽ Sapa", chỉ quét rác trong "Tiếng chổi tre" 	5,0 điểm

	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích tựa bài thơ - Điệp ngữ "dù là" <p>=> Như lời nhắn nhủ giữa người đi trước và người đi sau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lối hoán dụ người tóc bạc, tuổi 20 -> tuổi trẻ -> tuổi già -> Sự cống hiến không phân biệt tuổi tác, thứ bậc, giới tính, giai cấp. <p>3. Đặc sắc nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm xúc dâng trào, cách diễn đạt thật chân thật, tha thiết - Ngôn từ giản dị, giọng điệu thiết tha. - Hình ảnh ẩn dụ đẹp đẽ - biểu tượng vừa quen thuộc, vừa gần gũi với hình ảnh thực, vừa sâu sắc, có ý nghĩa khái quát và giá trị biểu cảm, tạo nên giá trị sâu sắc trong lòng người đọc. <p>III. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá giá trị nghệ thuật, nội dung. - Đoạn thơ đã góp phần làm nên thành công tác phẩm. <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
--	---	--

ĐỀ SỐ 3

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu

Một trong những nhân vật - đồ vật xuất hiện xuyên suốt trong đời sống nhân loại năm 2020 chính là chiếc khẩu trang. Vốn chỉ thông dụng ở những xứ sở ô nhiễm môi trường hay trong những nơi làm việc độc hại, từ khi coronavirus khởi phát ở Vũ Hán (Trung Quốc) rồi trở thành đại dịch, chiếc khẩu trang đồng hành với đời sống con người, từ Đông sang Tây, từ thành phố hoa lệ đến thôn quê hẻo lánh, từ người trẻ trong học đường đến người già trong nhà dưỡng lão... Vượt qua những e ngại và thành kiến ban đầu, nay chiếc khẩu trang đã chinh phục tuyệt đại đa số nhân loại như là một "vị cứu tinh" trong đại dịch Covid-19, ít nhất là cho đến khi vaccine chủng ngừa căn bệnh này được sử dụng phổ biến trên toàn cầu.

Chiếc khẩu trang trước hết là một sản phẩm y tế, nhằm bảo vệ sức khỏe con người. Đeo khẩu trang là để lập lá chắn bảo vệ bản thân, gia đình và xã hội. Đeo khẩu trang cũng là cách góp phần giảm gánh nặng của y, bác sĩ và nhân viên y tế trong tình trạng quá tải của các bệnh viện...

Từ một sản phẩm y tế, chiếc khẩu trang trở thành một hiện tượng giao tiếp xã hội. Đeo khẩu trang là một cách thể hiện thái độ ứng xử với tha nhân, với không gian công cộng. Cũng là "mask" như cái mặt nạ trong hội hóa trang, nhưng khẩu trang chỉ che miệng và mũi, vẫn còn để hở đôi mắt, vầng trán, mái tóc để nhận ra một hình ảnh. Người ta vẫn có thể nhận ra nhau qua ánh mắt lấp lánh niềm vui để động viên nhau hay buồn rầu ứa lệ trước cảnh người thân bị cách ly, thậm chí là đời mà không thể tiễn đưa. Giao tiếp qua

trung gian chiếc khẩu trang đòi hỏi những thay đổi nhất định: giọng nói tăng âm, ánh mắt biểu cảm, khoảng cách cần thiết, cử chỉ linh hoạt để thu hút người đối thoại... Cách đeo khẩu trang nói lên tính kỷ luật và ý thức cộng đồng của con người. Người cẩn trọng đeo khẩu trang chỉ chạm vào sợi dây, không chạm vào mặt vải và thay mới hằng ngày; người cẩn thả đeo cho lấy có, dùng một khẩu trang vài ngày liền mà không giặt sạch. Năm qua nước ta thành công trong chống dịch, ngoài những biện pháp quyết liệt như giãn cách xã hội, cách ly tập trung, có phần nhờ nâng cao ý thức cá nhân trong việc sử dụng khẩu trang.

Trong hoàn nạn, chiếc khẩu trang trở thành một hiện tượng văn hóa, thể hiện tình gia đình, tình đồng bào, tình nhân loại"

Học sinh thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Theo văn bản, nhân vật - đồ vật nào xuất hiện xuyên suốt trong đời sống nhân loại năm 2020? (0,5 điểm)

Câu 2. Chỉ ra hai tác dụng của việc đeo khẩu trang đã được đề cập trong đoạn trích(0,5 điểm)

Câu 3. Em có đồng tình với ý kiến của tác giả: "*Trong hoàn nạn, chiếc khẩu trang trở thành một hiện tượng văn hóa, thể hiện tình gia đình, tình đồng bào, tình nhân loại*" không? Vì sao? (1,0 điểm)

Câu 4. Em rút ra những bài học gì cho bản thân qua việc đeo khẩu trang? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về *trách nhiệm của mỗi người trong đại dịch*.

Câu 2. (5.0 điểm)

Trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

Quê hương anh nước mặn, đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.
Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau,
Súng bên súng, đầu sát bên đầu,
Đêm rét chung chăn thành đội tri kỉ.
Đồng chí !

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

(Trích *Đồng chí* - Chính Hữu, *Ngữ văn 9, Tập một*, NXB Giáo dục, 2008, tr.128)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Theo văn bản, nhân vật - đồ vật xuất hiện xuyên suốt trong đời sống nhân loại năm 2020: chiếc khẩu trang	0,5 điểm
	2	HS nêu được hai trong số những tác dụng sau -Một sản phẩm y tế để bảo vệ sức khỏe con người. -Một hiện tượng giao tiếp xã hội -Một hiện tượng văn hóa.	0,5 điểm

	3	HS nêu quan điểm của bản thân, lí giải phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội	1,0 điểm
	4	-Đeo khẩu trang giúp bảo vệ sức khỏe cho bản thân, gia đình và xã hội. - Đeo khẩu trang sẽ giảm gánh nặng của y, bác sĩ và nhân viên y tế. -Đeo khẩu trang là góp phần nhanh chóng đẩy lùi dịch bệnh.	1,0 điểm
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau</p> <p>Ta từng tự hào vì đất nước Việt Nam hơn 4000 năm dựng nước và giữ nước thì giờ đây ta lại thêm tự hào vì mang trong mình dòng máu của mảnh đất anh hùng, kiên cường chống dịch Covid 19. Để có được điều đó bên cạnh sự chỉ đạo sáng suốt của các cấp lãnh đạo thì còn phải kể đến ý thức trách nhiệm của mỗi người dân. Vậy ý thức trách nhiệm là gì? Trách nhiệm là việc mỗi người phải làm và phải có ý thức với những điều đó.. Người sống có trách nhiệm sẽ luôn chủ động trong mọi việc. Để làm được điều đó mỗi người phải chấp hành tốt quy định phòng chống dịch như đeo khẩu trang, thường xuyên sát khuẩn,...Ta dễ dàng nhận thấy ý thức trách nhiệm của mỗi công dân khi nhiều người xung phong vào tuyến đầu chống dịch, đó có thể là những người đang công tác là y bác sĩ, bộ đội, công an, cũng có thể là những người về hưu và thậm chí là những sinh viên y khoa đang còn ngồi trên ghế nhà trường. Điều đó thật tự hào làm sao. Mỗi cá nhân như một vì sao tinh tú góp phần tô sáng cho bầu trời âm u mà ở nơi đó đại dịch không hoành hành. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn có một bộ phận không nhỏ thiếu đi tinh thần trách nhiệm. Đó có thể là những cô gái chàng trai trốn cách li, không khai báo y tế khi vừa về từ vùng dịch, hay là vì lợi ích cá nhân mà cho những người nhập cảnh trái phép. Những hành vi ấy thật đáng suy ngẫm. Bản thân em là học sinh ngoài việc học tập và rèn luyện thì cần phải chung tay đẩy lùi dịch bệnh như đeo khẩu trang, giữ khoảng cách tối thiểu đến nơi công cộng, thường xuyên sát khuẩn...Tóm lại, mỗi người hãy cùng chung tay đồng lòng chống dịch thì nhất định ngày chiến thắng Covid-19 sẽ không còn xa.</p>	2,0 điểm

	<p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>I. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu ngắn gọn tác giả Chính Hữu và bài thơ “Đồng chí” - là một trong số những bài thơ hay nhất, tiêu biểu nhất của Chính Hữu và cũng là của nền thơ kháng chiến. - Qua bài thơ ta càng hiểu rõ hơn về cơ sở hình thành tình đồng chí cũng như tình cảm mà các anh dành cho nhau. <p>II. Thân bài</p> <p>1. Khái quát chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ “Đồng chí” được sáng tác mùa xuân năm 1948, sau khi tác giả tham gia chiến dịch Việt – Bắc thu đông (1947). Bài thơ là kết quả từ những trải nghiệm của tác giả về thực tế cuộc sống và chiến đấu của bộ đội ta trong những ngày đầu kháng chiến. - Bài thơ được in trong tập “Đầu súng trăng treo” (1966) - tập thơ phần lớn viết về người lính trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. <p>2. Cơ sở hình thành tình đồng chí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình đồng chí bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân của những người lính: "Quê hương anh nước mặn đồng chua Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá". "Anh" ra đi từ vùng "nước mặn đồng chua", "tôi" từ miền "đất cày lên sỏi đá". Hai miền đất xa nhau, "đôi người xa lạ" nhưng cùng giống nhau ở cái "nghèo". Hai câu thơ giới thiệu thật giản dị hoàn cảnh xuất thân của người lính: họ là những người nông dân nghèo. - Tình đồng chí hình thành từ sự cùng chung nhiệm vụ, cùng chung lý tưởng, sát cánh bên nhau trong hàng ngũ chiến đấu: "Súng bên súng, đầu sát bên đầu" Họ vốn "chẳng hẹn quen nhau" nhưng lý tưởng chung của thời đại đã gắn kết họ lại với nhau trong hàng ngũ quân đội cách mạng. "Súng" biểu tượng cho nhiệm vụ chiến đấu, "đầu" biểu tượng cho lý tưởng, suy nghĩ. Phép điệp 	5,0 điểm

từ (súng, đầu, bên) tạo nên âm điệu khoẻ, chắc, nhấn mạnh sự gắn kết, cùng chung lý tưởng, cùng chung nhiệm vụ.

- Tình đồng chí nảy nở và bền chặt trong sự chan hoà và chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui:

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ.

Cái khó khăn thiếu thốn hiện lên: đêm rét, chăn không đủ đắp nên phải "chung chăn". Nhưng chính sự chung chăn ấy, sự chia sẻ với nhau trong gian khổ ấy đã trở thành niềm vui, thắt chặt tình cảm của những người đồng đội để trở thành "đôi tri kỷ".

=> Sáu câu thơ đầu đã giải thích cội nguồn và sự hình thành của tình đồng chí giữa những người đồng đội. Câu thơ thứ bảy như một cái bản lề khép lại đoạn thơ một để mở ra đoạn hai.

3. Những biểu hiện cảm động của tình đồng chí

- Tình đồng chí là sự cảm thông sâu sắc những tâm tư, nỗi niềm của nhau. Những người lính gắn bó với nhau, họ hiểu đến những nỗi niềm sâu xa, thâm kín của đồng đội mình:

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày,

Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

Người lính đi chiến đấu để lại sau lưng những gì yêu quý nhất của quê hương: ruộng nương, gian nhà, giếng nước gốc đa,... Từ "mặc kệ" cho thấy tư thế ra đi dứt khoát của người lính. Nhưng sâu xa trong lòng, họ vẫn da diết nhớ quê hương. Ở ngoài mặt trận, họ vẫn hình dung thấy gian nhà không đang lung lay trong cơn gió nơi quê nhà xa xôi.

- Tình đồng chí còn là cùng nhau chia sẻ những gian lao, thiếu thốn của cuộc đời người lính :

+ Những gian lao, thiếu thốn trong cuộc sống của người lính những năm kháng chiến chống pháp hiện lên rất cụ thể, chân thực: áo rách, quần vá, chân không giày, sự khổ sở của những cơn sốt rét rừng hành hạ, trời buốt giá, môi miệng khô và nứt nẻ, nói cười rất khó khăn, có khi nứt ra chảy cả máu. Nhưng những người lính vẫn cười bởi họ có hơi ấm và niềm vui của tình đồng đội "thương nhau tay nắm lấy bàn tay".

+ Hơi ấm ở bàn tay, ở tấm lòng đã chiến thắng cái lạnh ở "chân không giày" và thời tiết "buốt giá". Cặp từ xưng hô "anh" và "tôi" luôn đi với nhau, có khi đứng chung trong một câu thơ, có khi đi sóng đôi trong từng cặp câu liền

		nhau diễn tả sự gắn bó, chia sẻ của những người đồng đội. III. Kết bài - Khẳng định thành công của tác phẩm - Dư âm của tác phẩm với bạn đọc d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
--	--	--	--

ĐỀ SỐ 4

Phần I: Đọc – Hiểu (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4

“Bất cứ ai cũng đã từng thất bại, đã từng vấp ngã ít nhất một lần trong đời như một quy luật bất biến của tự nhiên. Có nhiều người có khả năng vực dậy, đứng lên rồi nhẹ nhàng bước tiếp như thể chẳng có chuyện gì xảy ra, nhưng cũng có nhiều người chỉ có thể ngồi một chỗ và vẫn luôn tự hỏi lí do vì sao bản thân lại có thể dễ dàng “mắc bẫy” đến như thế...”

Bất kì vấp ngã nào trong cuộc sống cũng đều mang lại cho ta một bài học đáng giá: Về một bài toán đã áp dụng cách giải sai, về lòng tốt đã gửi nhầm chủ nhân hay về một tình yêu lâu dài bỗng phát hiện đã trao nhầm đối tượng.

(...) Đứng để khi tia nắng ngoài kia đã lên, mà con tim vẫn còn băng lạnh. Đứng để khi cơn mưa kia đã tạnh, mà những giọt lệ trên mi mắt vẫn còn tuôn rơi. Thời gian làm tuổi trẻ đi qua nhanh lắm, không gì là mãi mãi, nên hãy sống hết mình để không nuối tiếc những gì chỉ còn lại trong quá khứ mà thôi...”

(Trích “**Hãy học cách đứng lên sau vấp ngã** - 04/6/2015)

Câu 1 (0,5 điểm): Hãy chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên?

Câu 2 (0,5 điểm): Tác giả đã đưa ra những dẫn chứng nào để khẳng định “Bất kì vấp ngã nào trong cuộc sống cũng đều mang lại cho ta một bài học đáng giá”?

Câu 3(1,0 điểm): Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì trong hai câu văn sau: “Đứng để khi tia nắng ngoài kia đã lên, mà con tim vẫn còn băng lạnh. Đứng để khi cơn mưa kia đã tạnh, mà những giọt lệ trên mi mắt vẫn còn tuôn rơi”? Hãy phân tích hiệu quả biểu đạt của biện pháp tu từ đó?

Câu 4(1,0 điểm): Thông điệp rút ra từ đoạn trích trên?

Phần II: Làm Văn (7,0 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về vai trò của niềm tin trong cuộc sống

Câu 2(5 điểm): Cảm nhận của em về 2 khổ thơ sau trong bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* của Huy Cận

Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa.
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,
Câu hát căng buồm cùng gió khơi.

Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng,

Cá thu biển Đông như đoàn thoi
Đêm ngày dẹt biển muôn luồng sáng.
Đến dẹt lưới ta, đoàn cá ơi!

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I. ĐỌC HIỂU	1	Phương thức biểu đạt chính là nghị luận.	0,5
	2	- Tác giả đã đưa ra những dẫn chứng sau: “Về một bài toán đã áp dụng cách giải sai; về lòng tốt đã gửi nhầm chủ nhân; một tình yêu lâu dài bỗng phát hiện đã trao nhầm đối tượng” để khẳng định “Bất kì vấp ngã nào trong cuộc sống cũng đều mang lại cho ta một bài học đáng giá”	0,5
	3	Học sinh trả lời được một trong ba phép tu từ sau: * Biện pháp tu từ: Điệp ngữ (Đừng để khi) ; điệp cấu trúc ngữ pháp (lặp CTNP); đối lập (tia nắng...đã lên><giọt lê....rơi). * Tác dụng: - Điệp ngữ ; điệp cấu trúc ngữ pháp: Tạo âm hưởng nhịp nhàng, cân đối. Nhấn mạnh, khuyến khích mọi người hãy từ bỏ những ưu phiền để sống vui vẻ, hòa nhịp với thế giới xung quanh... - Đối lập: Làm nổi bật sự trái ngược giữa ngoại cảnh với tâm trạng con người, nhằm khích lệ con người từ bỏ những ưu phiền, hướng đến cuộc sống vui tươi, ý nghĩa....	1,0
	4	Hs có thể trả lời nhiều cách như : Sống như thế nào để không phải nuối tiếc khi nhìn lại quá khứ; đứng dậy sau khi vấp ngã để có cuộc sống tươi đẹp trong tương lai; có niềm tin vào cuộc sống.....	1,0
II. LÀM VĂN	1	Học sinh có thể có nhiều cách làm bài khác nhau nhưng cần đảm bảo được những yêu cầu sau:	
		- Đảm bảo cấu trúc đoạn văn: có thể trình bày theo cấu trúc diễn dịch, quy nạp...	0,25
		- Vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; Sau đây là một số gợi ý.	0,25
		- Nêu vấn đề nghị luận.	0,25
		-Niềm tin là hi vọng của con người vào những điều tốt đẹp vẫn luôn tồn tại trong cuộc sống. - Chỉ khi có được niềm tin vào con người và cuộc đời thì những điều tốt đẹp mới có thể xuất hiện. - Chỉ khi giữ được niềm tin thì con người mới tạo nên kì tích, và hơn nữa, mới có thể thư thái và hạnh phúc dù ở trong nghịch cảnh. - Niềm tin là điều quan trọng nhưng nên tùy trường hợp để vận dụng, không nên đặt niềm tin mù quáng, thiếu căn cứ bởi điều đó sẽ phản tác dụng, sẽ đem đến sự hoài nghi, phủ nhận tất cả, sống thiếu lí tưởng sau này.	1,25

	<p>- Để giữ được niềm tin, giữ được sự tồn tại của những giá trị tốt đẹp, cần có một cái nhìn sáng suốt, đặt niềm tin đúng chỗ. Hơn nữa cần phải có lập trường kiên định, có niềm tin đủ lớn, và đặc biệt cần sống một cách nhân văn, tự tạo nên những điều tốt đẹp để tỏa bóng cho mình và cho đời.</p> <p>- Trong xã hội ngày nay, bên cạnh những người sống quá thực dụng, chẳng hề có niềm tin, những người ngây thơ đến ấu trĩ thì vẫn có những người có lí tưởng, có niềm tin và chính họ đã định hướng cho sự phát triển của xã hội.</p>	
	Viết bài văn	5
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận</i>	0.25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i>	0.25
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm;</i>	
	<p>1. Mở bài :</p> <p>- Huy Cận là nhà thơ nổi tiếng trong phong trào Thơ mới. Sau CM thơ Huy Cận tràn đầy niềm vui, niềm tin yêu cuộc sống mới.</p> <p>- Thiên nhiên vũ trụ là nguồn cảm hứng dồi dào trong thơ Huy Cận và nó mang những nét đẹp riêng.</p> <p>- Một trong những bài thơ được nhiều người yêu thích nhất là bài “ Đoàn thuyền đánh cá” được viết năm 1958 tại vùng biển Quảng Ninh. Với bút pháp lãng mạn kết hợp hiện thực và nhiều hình ảnh kì vĩ, tráng lệ ,bài thơ đã ca ngợi thiên nhiên vũ trụ và con người lao động trong cuộc sống mới ở miền Bắc thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội.</p> <p>2. Thân bài</p> <p>Cảm nhận nét đặc sắc về mặt nội dung: 2 khổ thơ đã miêu tả cảnh hoàng hôn trên biển và cảnh đoàn thuyền chuẩn bị ra khơi đánh cá:</p> <p>a. Cảnh hoàng hôn trên biển.</p> <p>- Cảnh mặt trời lặn được miêu tả thật độc đáo và ấn tượng: <i>Mặt trời xuống biển như hòn lửa</i> <i>Sóng đã cài then đêm sập cửa</i></p> <p>- Nghệ thuật so sánh nhân hóa cho thấy cảnh biển hoàng hôn vô cùng tráng lệ, hùng vĩ. Mặt trời được ví như một hòn lửa khổng lồ đang từ từ lặn xuống. Trong hình ảnh liên tưởng này, vũ trụ như một ngôi nhà lớn, với đêm buông xuống là tấm cửa khổng lồ, những lượn sóng là then cửa.</p> <p>- Chi tiết Mặt trời xuống biển có thể gây ra sự thắc mắc của người đọc vì bài thơ tả cảnh đoàn thuyền đánh cá ở vùng biển miền Bắc, mà ở bờ biển nước ta, trừ vùng Tây Nam thường chỉ thấy cảnh mặt trời mọc trên biển chứ không thể thấy cảnh mặt trời lặn xuống biển. Thực ra hình ảnh mặt trời xuống biển là được nhìn từ trên con thuyền đang ra biển hoặc từ một hòn đảo</p>	

vào lúc hoàng hôn, nhìn về phía tây, qua một khoảng biển thì vẫn có thể thấy như là mặt trời xuống biển. Với sự quan sát tinh tế nhà thơ đã miêu tả rất thực chuyển đổi thời khắc giữa ngày và đêm.

-> Bức tranh hoàng hôn triền biển đẹp tráng lệ, rực rỡ, huy hoàng cho thấy được trí tưởng tượng, liên tưởng phong phú của tác giả.

b. Khi thiên nhiên bước vào trạng thái nghỉ ngơi thì con người bắt đầu làm việc:

“ Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi

Câu hát căng buồm với gió khơi”

– Đoàn thuyền chứ không phải chỉ con thuyền ra khơi đã tạo ra sự tấp nập trên biển. Chữ “Lại” vừa khẳng định nhịp điệu lao động của người dân chài đã đi vào ổn định, vừa thể hiện sự đối lập giữa sự nghỉ ngơi của đất trời và sự làm việc của con người.

– Tác giả đã tạo ra một hình ảnh khỏe, lạ mà thật từ sự gắn kết 3 sự vật và hiện tượng: Câu hát, cánh buồm và gió khơi. Người đánh cá căng buồm và cất câu hát lên nhà thơ có cảm giác như chính câu hát đó đã làm căng cánh buồm. Câu hát mang theo niềm vui, sự phấn chấn của người lao động trở thành sức mạnh cùng với gió biển làm căng cánh buồm để con thuyền lướt sóng ra khơi.

– Nghệ thuật ẩn dụ trong hình ảnh thơ lãng mạn này đã góp phần thể hiện một hiện thực : Đó là niềm vui phơi phới, tinh thần lạc quan của người dân chài. Họ ra khơi trong tâm trạng đầy hứng khởi vì học tìm thấy niềm vui trong lao động, yêu biển và say mê với công việc chinh phục biển khơi làm giàu cho Tổ quốc.

– Câu hát của người lao động còn mang theo niềm mong mỏi tha thiết vừa hiện thực vừa lãng mạn

“ Hát rằng : cá bạc biển đông lặng

.....

Đến dệt lưới ta đoàn cá ơi!”

-Từ dáng cá hình thoi, nhà thơ liên tưởng đến biển như một tấm lụa lớn mà đoàn cá là “ đoàn thoi” đang vun t qua lại. Người dân chài hát khúc hát ca ngợi sự giàu có của biển cả, họ hát bài ca gọi cá vào lưới và mong muốn công việc đánh cá thu được nhiều kết quả tốt đẹp.

* Cảm nhận về nét đặc sắc nghệ thuật.

- Hình ảnh thơ đẹp, bay bổng, lãng mạn, trí tưởng tượng phong phú, liên tưởng độc đáo sáng tạo.

- Giọng điệu tươi vui khỏe khoắn

- Ngôn ngữ thơ giàu chất tạo hình

	<p>- Sử dụng thành công nhiều biện pháp nghệ thuật: ẩn dụ, so sánh, nhân hóa...</p> <p>3. Kết bài</p> <p>- Chỉ với 2 khổ thơ, Huy Cận đã vẽ nên bức tranh thiên nhiên hoàng hôn đẹp tráng lệ, huy hoàng, cùng cảnh đoàn thuyền ra khơi với tinh thần hăng say, phấn khởi, tình yêu cuộc sống, yêu lao động.</p> <p>- Với giọng điệu khỏe khoắn, mạnh mẽ, hình ảnh thơ đẹp, 2 khổ thơ đã góp phần làm nên thành công của tác phẩm, từ đó cho thấy được tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu con người trong hồn thơ Huy Cận.</p>	
	d. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp.	0.25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0.25

ĐỀ SỐ 5

I. ĐỌC - HIỂU

Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu:

“Tỷ phú Hồng Kông Yu Pang-Lin vừa qua đời ở tuổi 93, để lại di chúc hiến toàn bộ tài sản trị giá khoảng 2 tỉ USD cho hoạt động từ thiện. Ông giải thích hành động của mình: “Nếu các con tôi giỏi hơn tôi thì chẳng cần phải để nhiều tiền cho chúng. Nếu chúng kém cỏi thì có nhiều tiền cũng chỉ có hại cho chúng mà thôi”. Yu Pang-Lin không phải là người đầu tiên trên thế giới “keo kiệt” với con nhưng lại hào phóng với xã hội. Người giàu nhất thế giới – Bill Gates – từng tuyên bố chỉ để lại cho con 0,05% tổng tài sản kếch xù của mình. Báo chí hỏi tại sao lại như vậy, ông trả lời đại ý: Con tôi là con người, mà đã là con người thì phải tự kiếm sống, không chỉ kiếm sống phục vụ chính bản thân mình mà còn phải góp phần thúc đẩy xã hội. Đã là con người thì phải lao động. Tại sao tôi phải cho con tiền?

(...) Có người nói rằng, có hai thứ mà cha mẹ cần trang bị cho con cái và chỉ hai thứ đó là đủ, còn không, nếu có để lại cho con thứ gì đi nữa mà thiếu hai thứ đó thì coi như chưa cho con gì cả. Hai thứ đó là: ý thức tự chịu trách nhiệm về bản thân mình và năng lực để tự chịu trách nhiệm”.

(Theo Nhật Huy, Không để lại tiền cho con, dẫn theo [http:// tuoitre.vn](http://tuoitre.vn), ngày 10/5/2015)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản ?

Câu 2. Tìm lời dẫn gián tiếp trong câu sau: Báo chí hỏi tại sao lại như vậy, ông trả lời đại ý: Con tôi là con người, mà đã là con người thì phải tự kiếm sống, không chỉ kiếm sống phục vụ chính bản thân mình mà còn phải góp phần thúc đẩy xã hội.

Câu 3. Em hiểu “ý thức tự chịu trách nhiệm về bản thân mình và năng lực để tự chịu trách nhiệm” nghĩa là gì ?

Câu 4. Em có đồng tình với ý kiến được nêu ở đoạn kết trong phần Đọc hiểu: “Có người nói rằng, Hai thứ đó là: ý thức tự chịu trách nhiệm về bản thân mình và năng lực để tự chịu trách nhiệm” không ? Vì sao ?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về câu nói của Bill Gates thể hiện ở phần Đọc hiểu: *Con tôi là con người, mà đã là con người thì phải tự kiếm sống, không chỉ kiếm sống phục vụ chính bản thân mình mà còn phải góp phần thúc đẩy xã hội*”.

Câu 2 (5,0 điểm):

Cảm nhận của em về 2 khổ cuối bài thơ "Bếp lửa" của Bằng Việt.

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Nghị luận.	0,5
	2	- Lời dẫn gián tiếp: <i>Con tôi là con người, mà đã là con người thì phải tự kiếm sống, không chỉ kiếm sống phục vụ chính bản thân mình mà còn phải góp phần thúc đẩy xã hội</i>	0,5
	3	- Ý thức tự chịu trách nhiệm về bản thân mình: Chịu trách nhiệm về mọi suy nghĩ, hành động, sự trưởng thành về trí tuệ và nhân cách... của chính mình. - Năng lực để tự chịu trách nhiệm bao gồm: Tri thức (hiểu biết về thế giới, kiến thức chuyên môn...), khả năng lao động, sáng tạo và đạo đức (lòng trung thực, nghị lực sống, quan niệm sống đúng đắn,...)	0,5 0,5
	4	- Học sinh có thể trình bày suy nghĩ cá nhân (đồng ý/ không đồng ý), có phân tích, lí giải cụ thể, thuyết phục về quan điểm của mình. Dưới đây là một vài gợi ý: + Đồng ý: - Chỉ hai thứ ấy là đủ: Con cái sẽ sống cuộc sống của chính mình không phụ thuộc vào người khác và không sống cuộc sống do người khác sắp đặt, đường đời con cái có thể vấp ngã nhưng phải tự đứng dậy, đương đầu,... Đó là sự tự do, sự trải nghiệm và trưởng thành quý giá mà cha mẹ ban tặng. - Ngược lại đưa con được bao bọc sẽ trở nên yếu đuối không thể vững bước trên đường đời, sớm ngã gục trước phong ba và sẵn sàng phung phí mọi của cải vật chất không phải do mình làm nên. + Không đồng ý: Cuộc sống con người vô cùng phức tạp, không phải chỉ có hai thứ trên mà đảm bảo cuộc sống, con người rất cần sự giúp đỡ của cha mẹ về kinh tế vật chất,... + Học sinh có thể kết hợp hai quan điểm trên và lý giải thuyết phục, giám khảo vẫn cho điểm tối đa.	1,0
		LÀM VĂN	
		NGHỊ LUẬN XÃ HỘI	2,0
		a. Yêu cầu về hình thức: - Viết đúng 01 đoạn văn khoảng 200 chữ, đảm bảo kết cấu	0,25

	<p>của đoạn văn (có mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn), trình bày được hiểu biết, suy nghĩ đúng đắn, tích cực.</p> <p>- Hành văn chặt chẽ, trong sáng, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ, đặt câu</p>	
<p>II</p> <p>1</p>	<p>b. Yêu cầu về nội dung: Học sinh có thể triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều hướng nhưng cần đảm bảo một số nội dung chính sau:</p> <p>c. Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận nêu ra trong phần Đọc hiểu: Dẫn ý, nêu vấn đề. Khẳng định đây là câu nói đúng, có nhiều ý nghĩa: <i>“Con tôi là con người, mà đã là con người thì phải tự kiếm sống, không chỉ kiếm sống để phục vụ chính bản thân mình mà còn phải góp phần thúc đẩy thúc đẩy xã hội.</i></p> <p>* Giải thích:</p> <p>- Con người khẳng định sự tồn tại của mình qua lao động, khẳng định sự trưởng thành của mình qua tính tự lập và phải tự kiếm sống. Không chỉ kiếm sống để phục vụ chính bản thân mình mà còn phải góp phần để thúc đẩy xã hội: Sống tự lập đem lại lợi ích cho bản thân và xã hội.</p> <p>- Câu nói trên nhắc nhở con người phải có ý thức trách nhiệm với bản thân, lấy lao động làm động lực để tạo nên cuộc sống cá nhân và góp phần làm thay đổi xã hội.</p> <p>* Phân tích, chứng minh: <i>Học sinh có thể trình bày quan điểm cá nhân nhưng cần hợp lí, thuyết phục, dưới đây là một hướng giải quyết:</i></p> <p>- Tự kiếm sống giúp con người tăng cường sự tự tin trong công việc, tự quyết định nhiều vấn đề cho bản thân mà không bị phụ thuộc vào người khác.</p> <p>- Có tự kiếm sống, tự lao động, con người mới biết trân quý giá trị lao động.</p> <p>- Có tự kiếm sống, tự lao động, con người mới biết tự nếm trải những khó khăn thử thách, biết rút ra nhiều kinh nghiệm, từ đó có thêm nhiều kỹ năng sống, tự tin, bản lĩnh, biết xử lý tình huống trước cuộc sống phức tạp, muôn màu.</p> <p>* Bình luận:</p> <p>- Cha mẹ phải quan tâm con cái nhưng không nên giám sát con 24/24 mọi nơi mọi lúc mà phải dạy con biết sống tự lập, để cho con có cuộc sống riêng tư nhiều hơn, biết tự chịu trách nhiệm trước quyết định và hành động của mình.</p> <p>- Phê phán những bậc cha mẹ, bao bọc con quá mức khiến con không thể trưởng thành,...Phê phán những người sống ỷ lại, lười biếng, chủ quan. Hậu quả: trở thành người sống lệ thuộc vào người khác, dù đó là người thân. Họ trở thành</p>	

	<p>gánh nặng cho gia đình và xã hội...</p> <p>* Bài học nhận thức và hành động :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được vai trò, sứ mệnh của gia đình đối với mỗi người: là mái ấm chở che, là cái nôi để ta trưởng thành, là nơi ta trở về,... Biết lắng nghe, tiếp thu những lời răn dạy của cha mẹ, những người đi trước để trưởng thành, trở thành người có ích. - Mỗi con người vẫn phải tự lập, sống cuộc sống đúng nghĩa của mình để xứng đáng với sự tin cậy của cha mẹ. 	
	Viết bài văn	5
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận</i>	0.25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i>	0.25
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm;</i>	
	<p>1. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về tác giả, tác phẩm: + Bằng Việt thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong phong trào kháng chiến chống Mỹ. Thơ ông trong trẻo, mượt mà, khai thác những kỉ niệm đẹp và ước mơ tuổi trẻ. + Bài thơ “<i>Bếp lửa</i>” được sáng tác năm 1963 khi tác giả là du học sinh Liên Xô. + Giới thiệu : 2 khổ thơ cuối nói lên những suy ngẫm chiêm nghiệm về cuộc đời của bà cũng như hình tượng bếp lửa và nỗi nhớ khắc khoải, khôn nguôi về người bà của người cháu xa quê. <p>2. Thân bài</p> <p>a. Cảm nhận về nội dung câu 2 khổ thơ:</p> <p><i>2.1. Những suy ngẫm chiêm nghiệm về cuộc đời của bà cũng như hình tượng bếp lửa</i></p> <p>* <i>Suy ngẫm về cuộc đời bà</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự tần tảo, hi sinh của bà thể hiện: “Lặn đận đời bà biết mấy nắng mưa”: sự chiêm nghiệm của cháu về cuộc đời bà + Cuộc đời bà đầy những gian truân, vất vả, lặn đận trải qua nắng mưa tưởng như không bao giờ dứt. + Từ láy “ lặn đận” đặt ở đầu câu cùng biện pháp đảo ngữ gợi lên bao nhọc nhằn, khó khăn và gian truân mà bà đã phải trải qua. Thói quen của bà in hình vào bếp lửa sớm hôm tần tảo để lo cho con, cho cháu. Bà sống âm thầm mà giàu đức hy sinh. + Điệp từ “nhóm” lặp lại bốn lần: người bà đã nhóm lên, khơi dậy những yêu thương, kỉ ức và giá trị sống tốt đẹp trong lòng người cháu. - Ngoài gợi tả sự khéo léo làm cho lửa và chất đốt bén vào nhau, cháy lên, từ “ nhóm” còn gợi sự chi chút của tấm lòng người bà. . Bà nhóm ngọn lửa ấm áp của đời sống vật 	

chất và thường nhật trong không gian gia đình ấm cúng. Bà nhóm lửa của “niềm yêu thương”, của “nồi xôi gạo mới”, của tình đoàn kết, nghĩa xóm làng. Bà mở rộng tấm lòng nhóm lên ngọn lửa của tình yêu quê hương, đất nước. -> Bếp lửa được bà nhen lên không chỉ bằng nguyên liệu bên ngoài mà còn là từ ngọn lửa trong lòng bà - ngọn lửa của sự sống, lòng yêu thương và niềm tin. Vì thế, bà mới có thể “nhóm dậy”, khơi dậy ký ức tuổi thơ ngọt ngào nơi người cháu.

- Hình ảnh bếp lửa kết tinh thành hình ảnh ngọn lửa chất chứa niềm tin, hy vọng của bà

+ Người cháu như phát hiện ra điều kì diệu giữa cuộc sống đời thường “Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa”: người cháu thấm nhuần được tình yêu thương và đức hi sinh của bà.

- Bếp lửa “thiên liêng”, vì nơi ấy ấp ủ và sáng lên mãi tình cảm bà cháu, là bếp lửa của lòng bà, của tình yêu mà bà luôn giữ trọn, gửi trọn cho cháu., cho quê hương và cho đất nước. Đó là bếp lửa hội tụ tất cả những gì đẹp đẽ nhất, là tình bà ấm nồng, tình đất nước, không khí thời đại và văn hóa dân tộc. Nhớ về bà là nhớ về bếp lửa, là nhớ về tình yêu quê hương đất nước

2.2. Nỗi nhớ khắc khoải, khôn nguôi về người bà

- Lời tự bạch của đứa cháu khi trưởng thành, xa quê hương: người cháu vẫn cảm thấy ấm áp bởi tình yêu thương vô bờ của bà;

- Kết thúc bài thơ tác giả tự vấn “Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?” : niềm tin dai dẳng, nỗi nhớ luôn thường trực trong lòng người cháu;

=> Tác giả rất thành công trong việc sáng tạo ra hình tượng mang ý nghĩa thực, mang ý nghĩa biểu tượng: bếp lửa.

b. Cảm nhận về nét đặc sắc nghệ thuật:

- Kết hợp miêu tả, biểu cảm, tự sự phù hợp với dòng hồi tưởng và tình cảm của cháu;

- Hình ảnh thơ vừa chân thực, vừa giàu tính biểu tượng

- Cảm xúc mãnh liệt, da diết trong nỗi nhớ khôn nguôi về bà

- Sử dụng phép đảo ngữ, từ cảm thán, ẩn dụ, điệp ngữ, liệt kê....

3. Kết bài:

- Hai khổ cuối bài thơ *Bếp lửa* mang một ý nghĩa triết lí sâu sắc: về hình ảnh người bà như một hình ảnh truyền thống làm bước đệm vững chắc nâng bước con người trong hành trình dài rộng của tương lai, cuộc đời.

- Tình cảm gia đình là cơ sở vững chắc để làm nền tảng

	cho tình yêu quê hương đất nước.	
	<p><i>d. Sáng tạo</i> Có cách diễn đạt mới mẻ, có suy nghĩ riêng sâu sắc về vấn đề nghị luận nhưng cần phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật.</p>	0.25
	<p><i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</p>	0.25

ĐỀ SỐ 6

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản :

Tôi vừa đọc một bài trong tạp chí GQ. Bài báo trích dẫn lời của diễn viên Andy Garcia nói rằng: “Điều quan trọng khi bạn theo đuổi một mục tiêu là không bao giờ quên tính toàn vẹn của hành trình ấy.” Tôi rất thích cách diễn tả này. Và Garcia đã đúng. Hành trình đến bất cứ kết quả nào - dù là một kỹ năng tuyệt vời hay một cách sống tốt đẹp - cũng quan trọng ngang bằng với đích đến của nó (nếu không nói là quan trọng hơn). Có một điều tôi mong bạn hãy suy ngẫm: hành trình leo núi ban tặng nhiều giá trị và phần thưởng hơn việc đến được đỉnh núi. Tại sao? Bởi vì chính cuộc hành trình sẽ hình thành cá tính, tạo cơ hội để bạn nhận ra tiềm năng của mình và kiểm tra xem bạn thực sự muốn chiến thắng tới đâu. Chính hành trình mới dạy bạn, biến đổi bạn, và kêu gọi tài năng ẩn náu trong con người. Bạn phải phát huy những phẩm chất của một người xuất sắc, như sự kiên định, can đảm, dẻo dai, trầm ẩn, hiểu biết. Tất nhiên, đạt tới ước mơ sẽ mang lại cảm giác tuyệt vời. Tôi luôn đồng ý như vậy. Nhưng nó không mang lại những quà tặng tương tự như những gì bạn nhận được qua cuộc hành trình. Trong thử thách, ta học hỏi được nhiều hơn lúc thành công.

Vậy mỗi khi bạn cảm thấy nôn nóng, tuyệt vọng hay chán nản trên đường tiến tới một cuộc đời mình mong muốn, hãy nhớ rằng chính nơi bạn dừng chân có thể là nơi tốt nhất dành cho bạn. Và có lẽ hành trình còn tốt hơn cả đích đến.

(Trích Hành trình và đích đến, trong Đời ngắn đừng ngủ dài,
 Robin Sharma,

Phạm Anh Tuấn dịch, NXB Trẻ, 2018, tr 204 - 205)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 2. Xác định và gọi tên thành phần biệt lập trong câu *Hành trình đến bất cứ kết quả nào - dù là một kỹ năng tuyệt vời hay một cách sống tốt đẹp - cũng quan trọng ngang bằng với đích đến của nó (nếu không nói là quan trọng hơn).*

Câu 3. Em hiểu như thế nào về ý kiến: “Hành trình leo núi ban tặng nhiều giá trị và phần thưởng hơn việc đến được đỉnh núi”?

Câu 4. “Mỗi khi bạn cảm thấy nôn nóng, tuyệt vọng hay chán nản trên đường tiến tới một cuộc đời mình mong muốn, hãy nhớ rằng chính nơi bạn dừng chân có thể là nơi tốt nhất dành cho bạn.”

Em có đồng tình với quan điểm trên không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Từ gợi ý của văn bản phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) với chủ đề: Trình bày suy nghĩ về câu nói của Moravia: *Thành công không phải là một đích đến, đó là một hành trình*

Câu 2 (5.0 điểm):

Phân tích 2 khổ thơ sau trong bài thơ "Ánh trăng" của Nguyễn Duy

*Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng*

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình*

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.0
	1	Chỉ ra được phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	0.5
	2	- Thành phần biệt lập: + <i>dù là một kỹ năng tuyệt vời hay một cách sống tốt đẹp</i> + <i>nếu không nói là quan trọng hơn</i> -> <i>Thành phần phụ chú.</i>	0.5
	3	“Hành trình leo núi ban tặng nhiều giá trị và phần thưởng hơn việc đến được đỉnh núi” có thể hiểu : + Hành trình leo núi được hiểu là quá trình đến đích, hay vươn đến mục tiêu. + Đỉnh núi: Là những mục tiêu, giá trị, thành công mà con người muốn đạt tới. => <i>Ý cả câu : Quá trình chúng ta bỏ công sức theo đuổi một mục tiêu nào đó sẽ đem lại cho ta nhiều phần thưởng. Đó là những bài học, kinh nghiệm, sự tôi luyện về ý chí, tinh thần giúp ta có thể đạt đến những mục tiêu và thành công lớn lao hơn so với mục tiêu ban đầu.</i>	1.0
	4	Học sinh trả lời ngắn gọn rõ ý theo quan điểm cá nhân và giải thích hợp lí, tránh lối diễn đạt chung chung hoặc sáo rỗng.	1.0
II		LÀM VĂN	7.0
	1	Viết một đoạn văn với chủ đề : <i>Hành trình đến bất cứ kết quả nào cũng quan trọng ngang bằng với đích đến của nó</i>	2.0
		a. <i>Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Giá trị của những trải nghiệm trên con đường vươn đến mục tiêu trong cuộc sống.	0.25

	<p><i>c. Triển khai vấn đề cần nghị luận</i></p> <p>1. Giải thích nội dung ý nghĩa câu nói:</p> <ul style="list-style-type: none"> - “cuộc hành trình” là quá trình nỗ lực thực hiện kế hoạch, mục tiêu. - “điểm đến” là kết quả đạt được. <p>=> Câu nói nhấn mạnh ý nghĩa quan trọng của con đường đi đến thành công, tức là quá trình hành động, nỗ lực để đạt được mục tiêu đã đề ra.</p> <p>2. Phân tích, bình luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi nào thì gọi là thành công ? + Đó là khi người ta đạt được kết quả qua một “cuộc hành trình” bền gan nỗ lực phấn đấu vượt khó khăn gian khổ để thực hiện mục tiêu đề ra. + Thành công ở đây là kết quả của một quá trình nỗ lực phấn đấu có mục tiêu chứ không phải là kết quả của những hành động ngẫu nhiên. + Kết quả thành công đó đem lại mang ý nghĩa là thành công của cả một quá trình phấn đấu chứ không phải là điểm đến của quá trình hành động hay kết quả của kết quả. + Nếu ngẫu nhiên đạt kết quả thì đó chỉ là cơ may chứ chưa phải là thành công. Chính vì vậy mà thành công sẽ để lại những bài học quý giá và bổ ích, cái thành công ấy mới trở nên vô giá. - Đánh giá sự thành công nếu chỉ nhìn vào kết quả cụ thể trước mắt chưa đủ mà phải thấy được “cuộc hành trình” đi đến kết quả ấy như thế nào. Bởi vì quá trình thực hiện để đạt được mục đích như thế bao giờ cũng đúc kết nhiều bài học, nhiều kinh nghiệm. - Để có được thành công, thực sự không dễ dàng. Con người ta phải tập trung tâm trí, sức lực, phấn đấu kiên trì, bền bỉ, có lúc phải vượt qua những thử thách, vượt lên chính mình. - Dẫn chứng về sự thành công của một người hay một công ty... trong cuộc sống, trong các lĩnh vực học tập, làm việc... <u>Ví dụ:</u> Bill Gate lập công ty Microsoft, một học sinh đậu thủ khoa Đại học, một nông dân chế tạo được máy gặt / nuôi kì đà xuất khẩu... - Không ai đạt được mong muốn, ước mơ mà không trải qua thử thách. Thành công thực sự là niềm vui và hạnh phúc khi đó chính là kết quả của một quá trình bản thân quyết tâm thực hiện theo kế hoạch đề ra. 	<p>1.0</p>
	<p><i>d. Sáng tạo</i></p> <p>Có cách diễn đạt mới mẻ, có suy nghĩ riêng sâu sắc về vấn đề nghị luận nhưng cần phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật.</p>	<p>0.25</p>
	<p><i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</p>	<p>0.25</p>

	Viết bài văn	10
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận</i>	0.25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i>	0.25
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm;</i>	
	<p>1. Mở bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Duy là một gương mặt tiêu biểu cho lớp nhà thơ trẻ thời chống Mỹ giai đoạn sau với phong cách thơ mang màu sắc triết lí mà thâm đậm cái hồn của ca dao, dân ca. - Bài thơ "Ánh trăng" là một trong những tác phẩm tiêu biểu của ông sáng tác năm 1978 tại thành phố Hồ Chí Minh, 3 ngày sau khi đất nước được giải phóng. - Hai khổ thơ cuối bài thơ để lại ấn tượng sâu sắc vì mang một triết lí sâu xa, gợi nhắc con người về lẽ sống ân nghĩa, thủy chung. <p>2. Thân bài.</p> <p>a. Cảm nhận về nội dung: Vầng trăng thức tỉnh con người và sự hối hận của tác giả</p> <p>* Khổ 5: Tâm trạng, cử chỉ của con người khi đối diện với vầng trăng</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tư thế “ngửa mặt lên nhìn mặt”: là tư thế trực tiếp đối mặt + Phép nhân hóa, từ mặt thứ hai chỉ vầng trăng tròn, đó là thiên nhiên hồn nhiên tươi mát, đó còn là quá khứ bạn bè tươi đẹp. + So sánh, liệt kê, điệp ngữ, lặp cấu tứ “như là đồng là bể - như là sông là rừng”: diễn tả dòng hoài niệm ủa về và con người thấy trăng là thấy người bạn tri kỉ ngày nào. <p>⇒ Cảm xúc chùng như nén lại nhưng cứ trào ra thổn thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ thể trữ tình lặng lẽ đối diện với vầng trăng trong tư thế im lặng cũng chính là quá khứ đối diện với hiện tại, sự thủy chung tình nghĩa đối diện với sự bạc bẽo vô tình - Đối diện với vầng trăng tình nghĩa, con người dường như thức tỉnh được sự thiện lương: nhìn sâu vào bản thân để thấy lỗi lầm, sự thay đổi của mình - Cuộc gặp gỡ không lời giúp con người tự soi chiếu vào chính mình <p>* Khổ 6: Bài thơ khép lại ở hình ảnh sâu lắng của vầng trăng và sự ăn năn, thức tỉnh của con người</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trăng tròn đầy vành vạnh có hai lớp nghĩa: nghĩa tả thực về sự tròn đầy lung linh của trăng, thiên nhiên vũ trụ vĩnh hằng, gợi quá khứ bạn bè tươi đẹp chẳng thể phai mờ + Trăng còn được nhân hóa “kể chi người vô tình - ánh trăng im phăng phắc” gợi thái độ bao dung, nhân hậu + Trăng tròn vành vạnh-con người vô tình, trăng im phăng phắc-con người vô tình. <p>⇒ Câu thơ cuối mang ý nghĩa nhân văn, cái giật mình thức tỉnh của con người từng bội bạc trở nên đáng trân trọng bởi nhớ quên là lẽ</p>	

	<p>thường tình, quan trọng là biết thức tỉnh lương tâm.</p> <p>Chính vì vậy cái giât mình ở đây là một sự ăn năn, sám hối. Cái giât mình ấy đầy tính nhân văn. Kết cấu đối lập ở hai câu thơ cuối mang ý nghĩa nhắc nhở nghiêm khắc: Hãy đừng quên quá khứ, hãy sống thủy chung với quá khứ. Mượn hình ảnh ánh trăng, Nguyễn Duy đã làm một cuộc tự vấn tâm hồn để nhắc nhở con người về lẽ sống nghĩa tình, thủy chung. Ra đi từ những trải nghiệm cá nhân nên bài thơ có sức ngầm rất sâu trong lòng độc giả.</p> <p>b. Những đặc sắc về mặt nghệ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết hợp giữa phương thức tự sự với biểu cảm - Hình ảnh thơ vừa gần gũi quen thuộc vừa giàu ý nghĩa biểu tượng - Ngôn ngữ thơ mộc mạc, không cầu kỳ, gọt giũa nhưng vẫn đậm chất thơ. - Sử dụng thành công các biện pháp nghệ thuật: nhân hóa, liệt kê, điệp ngữ so sánh, ẩn dụ... <p>3. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ ngắn gọn, đơn sơ như dáng dấp của một câu chuyện mang nhiều ý nghĩa triết lí. Hai khổ thơ nói riêng và bài thơ nói chung qua việc xây dựng thành công hình ảnh quen thuộc "ánh trăng" mang ý nghĩa biểu tượng, đã gọi nhắc con người về lẽ sống thủy chung, nhắc con người luôn ghi tạc một điều: người nào bắn súng lục vào quá khứ thì tương lai sẽ bắn anh ta bằng đại bác. 	
	<i>d. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp.</i>	0.25
	<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</i>	0.25

ĐỀ SỐ 7

I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Xã hội hiện đại thường có xu hướng đánh giá sự thành công của con người qua hình thức vật chất bên ngoài: chức vụ của họ, số tiền họ kiếm được, chiếc xe họ đi, quần áo họ mặc. Nhiều người quên rằng, tiền bạc chỉ là một thước đo chứ không phải là tất cả để đánh giá sự thành công về mặt sự nghiệp của một con người. Còn rất nhiều thước đo phi vật chất. Công việc có phù hợp với người đó không, có đem lại cho họ sự thỏa mãn sâu sắc không, môi trường làm việc có thích hợp không, họ có lợi ích tinh thần nào khác trong công việc không, công việc có giúp ích trong việc hoàn thành những mục tiêu dài hạn của người đó, nó có giúp họ nhận thấy được ý nghĩa của việc họ làm hay đem lại lợi ích cho nhiều người khác không?

Tương tự như vậy, cuộc sống con người là tập hợp nhiều vai trò trong xã hội mà công việc chỉ là một trong số những vai trò đó (...). Có người thành công trong vai trò này của cuộc đời nhưng lại thất bại trong vai trò khác. Benjamin Franklin, một trong những vị cha đẻ của nền độc lập Hoa Kỳ, vừa là nhà ngoại giao, nhà vật lý, nhà hải dương học, nhà phát minh, nhà khoa học, người chơi cờ, nhạc sĩ, có nhiều đóng góp cho

ngành in ấn, bưu điện và sự phát triển của nước Mỹ. Đối với nhiều người, ông là mẫu hình lí tưởng của sự xuất chúng và thành công. Nhưng Benjamin Franklin không có mặt bên vợ mình trong những giây phút cuối cùng của cuộc đời bà, bà mất đi khi ông đang công du tại châu Âu. Ông có mối quan hệ cực kì căng thẳng với người con trai duy nhất của mình và đưa con trai đã rời bỏ ông đi định cư ở một nơi khác vì mâu thuẫn về quan điểm chính trị. Có lẽ không ít người chẳng dám đánh đổi những thứ như thế để đạt được thành công rực rỡ như Franklin.

Định nghĩa thành công cũng khác nhau ở mỗi người. Tôi còn nhớ sự chia sẻ của Jessica Lu, chuyên gia tư vấn nhân sự của Tập đoàn Towers Watson, người đã nghỉ hưu ở tuổi 40 vì đã đạt được những mục tiêu về tài chính: “Tôi tự thấy mình là người thành công, vì hiện giờ tôi đã trở thành chính xác con người mà tôi từng mong ước”. Thành công tức là trở thành người mình từng mong muốn trở thành, một định nghĩa thú vị. Quả thật, điều thử thách nhất và mãn nguyện nhất trong cuộc sống, không phải là trở thành người thành công trong mắt người khác, hay trong cái nhìn của xã hội, mà là vượt lên bản thân, đạt được những mục tiêu của mình, và trở thành người mà mình từng mong ước. Còn đối với tôi, thành công chính là sống trọn vẹn với tất cả tiềm năng của mình...

(Trích Tuổi trẻ đáng giá bao nhiêu? – Rossie Nguyễn, NXB Hội nhà văn,

2018)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt của đoạn trích trên.

Câu 2: Xác định khởi ngữ trong câu sau: *Còn đối với tôi, thành công chính là sống trọn vẹn với tất cả tiềm năng của mình...*

Câu 3: Việc tác giả trích dẫn ý kiến của Jessica Lu có tác dụng gì?

Câu 4: Em có cho rằng người thành công là người “vượt lên bản thân, đạt được những mục tiêu của mình, và trở thành người mà mình từng mong ước” không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Từ nội dung văn bản phần đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về ý nghĩa của sự thành công đối với mỗi người.

Câu 2 (5 điểm):

Phân tích, cảm nhận tâm trạng nhân vật ông Hai trong tác phẩm truyện ngắn *Làng* của nhà văn Kim Lân.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.0
	1	Phương thức biểu đạt: nghị luận	0.5
	2	Khởi ngữ: <i>Còn đối với tôi</i>	0.5
	3	Tác dụng: Nhằm khẳng định mỗi người có một quan điểm khác nhau về sự thành công. Vì vậy, mỗi người đều có thể hướng tới được những thành công của mình ở trong những vai trò nhất định, không nhất thiết phải lấy thành công của người này để đánh giá thành công của người khác.	1.0
	4	- Học sinh có thể trả lời đồng tình hoặc không đồng tình - Học sinh đưa ra những lí giải hợp lí thuyết phục.	0.25 0.75

II	LÀM VĂN	7.0
1	<p>Từ nội dung văn bản phần đọc hiểu, anh, chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về ý nghĩa của sự thành công đối với mỗi người.</p> <p>a. <i>Yêu cầu kỹ năng</i>: Đảm bảo hình thức của đoạn văn theo cách quy nạp, diễn dịch hoặc tổng - phân - hợp...</p> <p>b. <i>Xác định vấn đề cần nghị luận</i>: ý nghĩa của sự thành công đối với cuộc sống của mỗi người.</p> <p>c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận</i></p> <p>Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ ý nghĩa của sự thành công đối với cuộc sống của mỗi người. Có thể theo hướng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành công là những thành quả mà con người luôn mơ ước, khát khao đạt được bằng chính công sức và tài năng của bản thân. - Ý nghĩa của sự thành công: <ul style="list-style-type: none"> + Thành công giúp con người có cuộc sống tốt đẹp hơn, có ý nghĩa hơn. + Thành công giúp con người có được sự thừa nhận, coi trọng của người khác, của xã hội; giúp họ khẳng định được năng lực và bản lĩnh cá nhân. + Khích lệ con người luôn nỗ lực, cố gắng phấn đấu để đạt tới những thành công mới. - Bàn luận, mở rộng: <ul style="list-style-type: none"> + Cần có cách nhìn nhận và đánh giá về thành công phù hợp với năng lực của mỗi người. + Bên cạnh những người luôn cố gắng để đạt được thành công còn có một bộ phận sống thờ ơ, hời hợt, thiếu mục tiêu, lí tưởng. - Bài học: Xác định đúng mục tiêu và quyết tâm của bản thân để đạt được thành công cho chính mình. 	<p>2.0</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>1.5</p> <p>0,25</p> <p>0,75</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
	<p>Viết bài văn</p> <p>a. <i>Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận</i></p> <p>b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận</i>:</p> <p>c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i>;</p> <p>I. Mở bài</p> <p>- Giới thiệu tác giả Kim Lân và truyện ngắn <i>Làng</i>:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhà văn Kim Lân là nhà văn chuyên viết truyện ngắn, ông vốn am hiểu và gắn bó sâu rộng với cuộc sống nông thôn, <i>Làng</i> là truyện ngắn xuất sắc của ông. + Dẫn dắt nội dung nghị luận: diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai trong truyện ngắn <i>Làng</i> của Kim Lân. <p>II. Thân bài</p> <p>1. Khái quát về nhân vật và tình huống nảy sinh sự chuyển biến tâm trạng của ông Hai</p> <p>- Nhân vật ông Hai người nông dân yêu, tự hào về làng, mọi niềm vui,</p>	<p>5</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p>

nỗi buồn của ông đều xoay quanh chuyện làng chợ Dầu.

+ Ở nơi tản cư ông luôn nhớ về làng, khoe làng của mình với mọi người.

- Nhân vật được đặt trong tình huống ngặt nghèo có tính thử thách để nhân vật bộc lộ tâm trạng, tình yêu làng của mình: ở nơi tản cư, ông Hai nghe tin làng chợ Dầu theo giặc làm Việt gian.

2. Phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai

- Khi đang vui mừng tin thắng trận ở khắp nơi thì ông Hai nghe tin dữ: làng chợ Dầu theo giặc làm Việt gian, ông bất ngờ, choáng váng (Cổ ông nghẹn ắng lại như không thở được).

- Ông cố trấn tĩnh bản thân, ông hỏi lại như thể không tin vào những điều vừa nghe thấy nhưng người phụ nữ tản cư khẳng định chắc chắn khiến ông Hai sững sờ, ngượng ngùng, xấu hổ (ông cố làm ra vẻ bình thản, đánh trống lảng ra về).

+ Cổ ông lão nghẹn ắng lại, da mặt tê rân rân ông lão lặng đi tưởng như không thở được.

- Về tới nhà ông tủi hổ, lo lắng khi thấy đàn con (nước mắt lão cứ dàn ra, chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư?)

+ Niềm tin, sự ngờ vực giằng xé mạnh trong tâm trạng ông Hai

- Nghe thấy tiếng chửi bọn Việt gian “ông cúi gằm mặt xuống mà đi”, nỗi tủi hổ khiến ông không dám lộ mặt ra ngoài

+ Lúc nào cũng nơm nớp lo sợ, thấy đám đông tụ tập nhắc tới hai chữ Cam nhông, Việt gian ông lại chột dạ.

→ Tác giả diễn đạt cụ thể nỗi lo lắng, sợ hãi tới mức ám ảnh thường xuyên của ông Hai, trong tâm trạng ông lúc nào cũng thường trực nỗi đau xót, tủi hổ trước tin làng mình theo giặc.

- Tình yêu làng quê và tình yêu làng trong ông có cuộc xung đột lớn, gay gắt. Ông Hai dứt khoát chọn theo cách mạng “Làng yêu thì yêu thật, nhưng làng theo giặc thì phải thù”.

+ Tình yêu nước rộng lớn bao trùm lên tình yêu làng, dù xác định như thế nhưng trong lòng ông vẫn chan chứa nỗi xót xa, tủi hổ.

+ Ông Hai tiếp tục rơi vào bế tắc, tuyệt vọng khi chủ nhà đánh tiếng đuổi gia đình ông đi nơi khác

- Đoạn văn diễn tả cảm động, chân thật nỗi đau sâu xa trong lòng và sự chân thành của nhân vật ông Hai

- Ông Hai chỉ biết tâm sự nỗi lòng mình với đứa con chưa hiểu sự đời. Lời nói của ông với con thực chất là lời nói để ông tỏ lòng mình: nỗi nhớ, tình yêu làng, sự thủy chung với kháng chiến, cách mạng

- Khi nghe tin cải chính, ông Hai như sống lại, mọi nỗi xót xa, tủi hờn, đau đớn tan biến, thay vào đó là niềm hân hoan, hạnh phúc hiện lên trên khuôn mặt, cử chỉ, điệu cười của ông (dẫn chứng trong văn bản)

3. Thành công nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật

- Đặt tâm trạng nhân vật vào tình huống thử thách để khai thác chiều sâu tâm trạng

	<p>- Thể hiện tâm trạng nhân vật tài tình, cụ thể qua ngôn ngữ đối thoại, độc thoại, và độc thoại nội tâm qua ý nghĩ, hành vi, cử chỉ.</p> <p>+ Ngôn ngữ đậm chất khẩu ngữ và lời ăn tiếng nói của người nông dân, và thế giới tinh thần của người nông dân.</p> <p>III. Kết bài</p> <p>- Tâm trạng nhân vật ông Hai được thể hiện qua nhiều cung bậc tình tế, chân thật, đa dạng: diễn tả đúng, gây ấn tượng mạnh mẽ về sự ám ảnh, day dứt trong tâm trạng nhân vật.</p> <p>- Ông Hai người yêu làng mạnh mẽ, say sưa, hãnh diện thành thói quen khoe làng, qua tình huống thử thách tình cảm đó càng trở nên sâu sắc hơn.</p> <p>- Chứng tỏ Kim Lân am hiểu sâu sắc về người nông dân và thế giới tinh thần của họ</p>	
	<i>d. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp.</i>	0.25
	<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</i>	0.25

ĐỀ SỐ 8

I. ĐỌC – HIỂU (3,0 ĐIỂM)

Đọc đoạn văn sau và thực hiện nhiệm vụ nêu bên dưới.

Mỗi người trên thế giới đều là những người khách bộ hành, mỗi ngày đều bước đi một cách chủ động hoặc bị động trên con đường mình đã chọn.....

Cuộc đời không chỉ là con đường đi khó, đôi khi chúng ta còn gặp phải những hố sâu do người khác tạo ra, gặp phải sự tấn công của thú dữ, mưa bão và tuyết lạnh. Bất luận gian khổ thế nào, chỉ cần chúng ta còn sống, chúng ta còn phải đối mặt. Sống tức là thực hiện một cuộc hành trình không thể trì hoãn....

Trước muôn vàn lối rẽ, không ai có được bản đồ trong tay, cũng không phải ai cũng có kim chỉ nam dẫn đường, tất cả đều phải dựa vào phán đoán và lựa chọn của bản thân. Nếu bạn rẽ nhầm lối, khoảng cách với xuất phát điểm sẽ bị rút ngắn ngược lại, nếu rẽ đúng, con đường phía trước sẽ bằng phẳng, rộng rãi.

(Trích **Bí quyết thành công của Bill Gates**, Khâm Sài Nhân, NXB Hồng Đức)

Câu 1(0,5điểm). Xác định phương thức biểu đạt của đoạn văn bản trên.

Câu 2(0,75điểm). Chỉ ra hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: *Cuộc đời không chỉ là con đường đi khó, đôi khi chúng ta còn gặp phải những hố sâu do người khác tạo ra, gặp phải sự tấn công của thú dữ, mưa bão và tuyết lạnh.*

Câu 3(0,75điểm). Em hiểu như thế nào về câu nói: *Nếu bạn rẽ nhầm lối, khoảng cách với xuất phát điểm sẽ bị rút ngắn ngược lại, nếu rẽ đúng, con đường phía trước sẽ bằng phẳng, rộng rãi.*

Câu 4(1,0điểm). Thông điệp nào trong đoạn trích có ý nghĩa nhất đối với em?

II. LÀM VĂN (7,0 ĐIỂM)

Câu 1: (2,0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về chủ đề: ***Cuộc sống không bao giờ hết những thử thách.***

Câu 2: (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về đoạn văn bé Thu nhận ra ông Sáu là ba: \ "Chúng tôi , mọi người- kể cả anh, điều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi... hôn vai và hôn cả vết sẹo dài bên má của bá nó nữa\ ". Trích “Chiếc lược ngà” - Nguyễn Quang Sáng.

Phần	Câu	Đáp án - Hướng dẫn chấm	Điểm
Đọc- Hiểu (3,0 điểm)	1	Phương thức nghị luận	0,5
	2	- Các biện pháp tu từ được sử dụng trong câu là: + So sánh: Cuộc đời - con đường đi khó + Ẩn dụ: <i>những hố sâu do người khác tạo ra/ sự tấn công của thú dữ, mưa bão và tuyết lạnh</i> - tượng trưng cho những cay đắng do con người tạo ra hoặc khó khăn do thiên nhiên gây ra. + Liệt kê những cay đắng, những khó khăn trên đường đời: <i>những hố sâu do người khác tạo ra/ sự tấn công của thú dữ/ mưa bão/ tuyết lạnh</i> - Tác dụng: Tạo nên cách diễn đạt hình ảnh, ấn tượng, gợi nhiều suy ngẫm về những khó khăn, thách thức trong cuộc sống. Lưu ý: Cho điểm học sinh trả lời đúng một trong những biện pháp tu từ trên.	0,75
	3	- Câu nói khẳng định: Trong cuộc đời nếu ta chọn sai hướng thì con đường đi đến thành công sẽ rất dài, rất nhiều gian nan, thử thách, ngược lại, nếu có những quyết định, lựa chọn đúng đắn sẽ mang đến những kết quả tốt đẹp, nhanh chóng đi đến thành công.	0,75
	4	Hs có thể rút ra những thông điệp khác nhau, nhưng cần phù hợp với nội dung đoạn văn bản. Có thể rút ra một trong các thông điệp sau: - Cuộc sống có muôn vàn khó khăn thử thách, chúng ta không thể chọn cách trốn tránh mãi được mà cần phải đối mặt, đương đầu để vượt qua. - Trước muôn vàn ngã rẽ của cuộc đời, chúng ta cần suy nghĩ chín chắn, thận trọng, trách nhiệm và quyết đoán để có những lựa chọn đúng đắn.	1,0
Làm văn (7,0 điểm)	1	Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh (chị) về chủ đề: <i>Cuộc sống không bao giờ hết những thử thách.</i>	2,0
		a.Đảm bảo cấu trúc: Học sinh viết đúng hình thức đoạn văn và đảm bảo dung lượng khoảng 200 chữ, tránh viết quá ngắn hoặc quá dài so với quy định.	0,25
		b.Nêu vấn đề nghị luận: Những thử thách là điều không bao giờ thiếu trong cuộc sống của mỗi con người.	0,25
		c. Triển khai vấn đề * Giải thích vấn đề: “ <i>Thử thách</i> ” là những yếu tố gây khó khăn, cản trở đến việc thực hiện một công việc, một kế hoạch, một mục tiêu... nào đó mà buộc con người ta phải vượt qua.	1,0

	<p>*Phân tích, bàn luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Con người luôn luôn phải đối diện với những thử thách trong cuộc sống, lao động, học tập và trong tất cả các mối quan hệ xã hội. Thử thách luôn luôn là một nhân tố quan trọng để thúc đẩy sự phát triển của mỗi cá nhân cũng như đối với toàn xã hội. – Những thử thách trong cuộc sống có thể do khách quan hoặc chủ quan mang lại, nó có thể là hữu hình và cũng có thể vô hình. – Con người cần phải có những thử thách để phát triển. Thử thách là một đòi hỏi tất yếu, là động lực để con người phấn đấu và vươn lên trong cuộc sống. – Để vượt qua thử thách, con người cần có sức mạnh và luôn luôn rèn luyện để có sức mạnh, cả về vật chất lẫn tinh thần. Đặc biệt, con người cần phải có niềm tin, ý chí, nghị lực và luôn trau dồi tri thức, kinh nghiệm. – Trong thực tế cuộc sống, có rất nhiều người đã vượt qua những thử thách để đến với thành công. Ngược lại, có không ít người đã đầu hàng trước thử thách, có khi chỉ là thử thách rất nhỏ và chấp nhận thất bại, thậm chí còn ảnh hưởng xấu đến sự phát triển chung của cộng đồng xã hội. <p>*Liên hệ bản thân: bài học nhận thức và hành động.</p>	
	<p>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ đặt câu</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận</p>	0,25
	<p>Viết bài văn</p>	5
	<p>1. Mở Bài</p> <p>Giới thiệu tác giả, tác phẩm: xem lại các đề trước.</p> <p>Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Đoạn trích là cảnh bé Thu nhận cha trong giờ khắc chia tay, thể hiện tình yêu cha sâu sắc, mãnh liệt của cô bé.</p> <p>2. Thân Bài</p> <p>a) Cảnh ngộ của cha con ông Sáu</p> <p>Bé Thu - đứa con duy nhất của ông Sáu được sinh ra và lớn lên khi ông biên biệt xa nhà đi chiến đấu. Sau 8 năm, ông được trở về thăm nhà với biết bao mong chờ, hạnh phúc vì được gặp con. Nhưng trở trêu thay, suốt ba ngày, con bé kiên quyết không nhận ông là cha bởi vết sẹo trên mặt khiến ông khác hẳn người đàn ông trong bức hình chụp chung với má. Chỉ đến khi được ngoại tháo gỡ, nó mới chịu gọi "ba" nhưng đó cũng là lúc ông Sáu phải trở lại chiến trường...</p> <p>b) Cảm nhận về đoạn trích bé Thu nhận cha:</p> <p>* Về nội dung</p> <p>- Thời gian: lúc anh Sáu phải lên đường. Thời điểm đó thật éo le, tạo sự dồn nén cảm xúc của các nhân vật.</p>	

	<p>Bé Thu khiến mọi người đều bất ngờ khi bỗng thét gọi "Ba... a... a... ba!". "Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sụm lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng "Ba" mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm, tiếng "Ba" như vỡ tung ra từ lòng nó".</p> <p>Con bé bộc lộ cảm xúc rất mãnh liệt:</p> <p>+ "NÓ vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó". *</p> <p>+ Nó "ôm chặt lấy cổ ba", "nói trong tiếng khóc" để giữ không cho ba đi: "Ba!</p> <p>Không cho bơ đi nữa! Ba ở nhà với con!" .Đó vừa giọt nước mắt của sự ân hận về những ngày không nhận ba, ương bướng và xa cách ba; vừa là giọt nước mắt của tình yêu thương, nỗi nhớ mong vô bờ bến; đồng thời là nỗi buồn khi phải chia tay ba.</p> <p>+ "Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa" - chứng tỏ nó đã hiểu sự hi sinh của ba, nỗi đau của ba.</p> <p>=> Con bé đã mong đợi được gặp ba từ lâu, luôn yêu thương ba nó nhưng phải kìm nén quá lâu, đến nay, khi hiểu chuyện, thắc mắc được giải tỏa, tình cảm ấy trỗi dậy, vỡ òa. Người đọc rơi nước mắt không chỉ bởi cảnh ngộ éo le của hai cha con mà còn bởi tình cảm sâu sắc, mãnh liệt Thu dành cho ba!</p> <p>* Về nghệ thuật</p> <p>Miêu tả tâm trạng nhân vật qua cử chỉ, hành động, lời nói thể hiện sự quan sát tỉ mỉ và am hiểu tâm lí trẻ thơ của nhà văn.</p> <p>Nghệ thuật liệt kê được sử dụng hiệu quả (Nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó... Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa.)</p> <p>3. Kết Bài</p> <p>- Đoạn trích đã tạo nên bước ngoặt cho câu chuyện: hóa giải được những thắc mắc, hoài nghi của bé Thu, khiến cha con thực sự được đoàn tụ và ông Sáu được thỏa lòng mong nhớ con; đồng thời thể hiện rõ nét tính cách của bé Thu: cá tính và yêu cha hết mực.</p> <p>Đoạn trích nói riêng và truyện ngắn nói chung đã thể hiện tình cảm cha con, tình cảm gia đình trong chiến tranh một cách cảm động; gợi lên trong lòng người đọc nhiều suy ngẫm về chiến tranh và hạnh phúc của con người</p>	
	<i>d. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp.</i>	0.25
	<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</i>	0.25

ĐỀ SỐ 9

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Câu chuyện về bốn ngọn nến

Trong phòng tối, có bốn ngọn nến đang cháy. Xung quanh thật yên tĩnh, đến mức người ta có thể nghe thấy tiếng thì thầm của chúng.

Ngọn nến thứ nhất nói : Tôi là hiện thân của hòa bình. Cuộc đời sẽ như thế nào nếu không có tôi? Tôi thực sự quan trọng cho mọi người.

Ngọn nến thứ hai lên tiếng : Còn tôi là hiện thân của lòng trung thành. Hơn tất cả, mọi người đều phải cần đến tôi.

Đến lượt mình, ngọn nến thứ ba nói : Tôi là hiện thân của tình yêu. Tôi mới thực sự quan trọng. Hãy thử xem cuộc sống sẽ như thế nào nếu thiếu đi tình yêu?

Đột nhiên, cánh cửa chợt mở tung, một cậu bé chạy vào phòng. Một cơn gió ủa theo làm tắt cả ba ngọn nến. "Tại sao cả ba ngọn nến lại tắt ?" - cậu bé sững sốt nói. Rồi cậu bé òa lên khóc.

Lúc này, ngọn nến thứ tư mới lên tiếng: Đừng lo lắng, cậu bé. Khi tôi vẫn còn cháy thì vẫn có thể thắp sáng lại cả ba ngọn nến kia. Bởi vì, tôi chính là niềm hy vọng.

Lau những giọt nước mắt còn đọng lại, cậu bé lần lượt thắp sáng lại những ngọn nến vừa tắt bằng ngọn lửa của niềm hy vọng.

(Trích “Những bài học về cuộc sống”, NXB Thanh Niên, 2005)

Câu 1(0,5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt của văn bản.

Câu 2(0,5 điểm): Viết lại câu sau thành câu có khởi ngữ với từ in đậm: *Tôi thực sự quan trọng cho mọi người.*

Câu 3(1,0 điểm): Anh chị hiểu như thế nào về lời thì thầm của ngọn nến thứ hai: *Còn tôi là hiện thân của lòng trung thành. Hơn tất cả, mọi người đều phải cần đến tôi ?*

Câu 4(1,0 điểm): Thông điệp sâu sắc nhất mà anh/chị rút ra được từ văn bản trên. Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Em hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về niềm hy vọng đối với mỗi người

Câu 2 (5,0 điểm)

Cảm nhận về vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long.

Phần		Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.00
	1	Phương thức biểu đạt: tự sự	0.50
	2	Hs viết lại: Quan trọng thì tôi thực sự quan trọng cho mọi người.	0,5
	3	<p>Ngọn nến thứ hai cho rằng mình quan trọng bởi nó là hiện thân của lòng trung thành.</p> <p>- Trung thành là phẩm chất tốt đẹp cần có ở tất cả mọi người bởi đó là lối sống trước sau như một, một lòng một dạ, giữ trọn niềm tin và tình cảm gắn bó không thay đổi trước bất kì hoàn cảnh nào trong quan hệ giữa người với người.</p> <p>- Trung thành sẽ tạo dựng được niềm tin, sự tín nhiệm của mọi người và vun đắp các mối quan hệ ngày càng bền chặt, trở nên tốt đẹp hơn.</p>	1,0

[illegible]

	<p>c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm;</i></p>	
	<p>I. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả Nguyễn Thành Long và tác phẩm <i>Lặng lẽ Sa Pa</i>. - Giới thiệu vấn đề nghị luận: vẻ đẹp của anh thanh niên. <p>Ví dụ: <u>Truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa</u> của tác giả Nguyễn Thành Long lấy cảm hứng từ chuyến đi thực tế ở Lào Cai và nhân vật anh thanh niên đang làm nhiệm vụ khí tượng chính là hình ảnh trung tâm, ca ngợi những đóng góp thầm lặng của những người lao động trong công cuộc xây dựng đất nước.</p> <p>II. Thân bài</p> <p>1. Giới thiệu tình huống truyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuộc gặp gỡ giữa anh thanh niên làm việc ở một mình trên trạm khí tượng với bác lái xe, ông kĩ sư và cô họa sĩ trên chuyến xe lên Sa Pa. - Tình huống truyện đặc sắc, tạo điều kiện bộc lộ tư tưởng, quan điểm của tác giả khi ngợi ca con người lao động. <p>2. Cảm nhận về vẻ đẹp của anh thanh niên</p> <p>a, Hoàn cảnh sống và làm việc của anh thanh niên</p> <ul style="list-style-type: none"> + Làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 m, quanh năm sống với hoa cỏ + Công việc của anh: đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dựa vào công việc dự báo trước thời tiết hằng ngày, phục vụ sản xuất và chiến đấu + Công việc đòi hỏi tỉ mỉ, chính xác cũng như tinh thần trách nhiệm cao (nửa đêm đi ốp dù trời mưa tuyết, giá lạnh) <p>- Điều gian khổ nhất chính là vượt qua nỗi cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng chỉ sống trên đỉnh núi một mình</p> <p>b, Những nét đẹp trong cách sống, suy nghĩ, hành động và quan hệ tình cảm với mọi người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vượt lên hoàn cảnh sống khắc nghiệt, anh có suy nghĩ rất đẹp: <ul style="list-style-type: none"> + Với công việc khắc nghiệt gian khổ, anh luôn yêu và mong muốn được làm việc ở điều kiện lý tưởng (đỉnh cao 3000 m) + Anh có những suy nghĩ đúng đắn, sâu sắc về cuộc sống con người: “khi ta làm việc, ta với công việc là một, sao lại gọi là một mình được” + Anh thấu hiểu nỗi vất vả của đồng nghiệp + Quan niệm về hạnh phúc của anh thật đơn giản và tốt đẹp - Hành động, việc làm đẹp <ul style="list-style-type: none"> + Mặc dù chỉ có một mình không ai giám sát nhưng anh luôn tự giác hoàn thành nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao (nửa đêm đúng giờ ốp dù mưa gió thế nào anh cũng trở dậy ra ngoài trời làm việc một cách đều đặn và chính xác 4 lần trong một ngày) - Anh thanh niên có phong cách sống cao đẹp 	

	<p>+ Anh có nếp sống đẹp khi tự sắp xếp công việc, cuộc sống của mình ở trạm một cách ngăn nắp: có vườn rau xanh, có đàn gà đẻ trứng, có vườn hoa rực</p> <p>+ Đó là sự cởi mở chân thành với khách, quý trọng tình cảm của mọi người</p> <p>+ Anh còn là người khiêm tốn, thành thực cảm thấy công việc của mình có những đóng góp chỉ là nhỏ bé</p> <p>→ Chỉ bằng những chi tiết và chỉ xuất hiện trong một khoảnh khắc của truyện, tác giả phác họa được chân dung nhân vật chính với vẻ đẹp tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa công việc.</p> <p>- Anh thanh niên đại diện cho người lao động</p> <p>+ Anh thanh niên là đại diện chung cho những người lao động nhiệt huyết, sống đẹp, cống hiến vì Tổ quốc một cách thầm lặng, vô tư.</p> <p>+ Những con người khiêm tốn, giản dị, trung thực, âm thầm thực hiện công việc nhiệm vụ được giao.</p> <p>-> Tác giả đã xây dựng tình huống truyện tự nhiên, đơn giản, cùng với ngôn ngữ kể chuyện hấp dẫn, miêu tả nhân vật qua suy nghĩ, hành động, lời nói, qua đó đã làm nổi bật lên vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên - nhân vật chính trong truyện.</p> <p>III. Kết bài</p> <p>- Nêu cảm nhận hình tượng anh thanh niên: Hình tượng nhân vật anh thanh niên miệt mài, hăng say lao động vì lợi ích đất nước, có sức lan tỏa tới những người xung quanh.</p> <p>- Tác giả rất thành công khi xây dựng hình tượng nhân vật anh thanh niên cùng những người đồng nghiệp thầm lặng cống hiến sức trẻ, thanh xuân cho đất nước, dân tộc.</p> <p>- Nhắc nhở thế hệ trẻ lòng biết ơn, trách nhiệm với vận mệnh quốc gia.</p>	
	<i>d. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp.</i>	0.25
	<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</i>	0.25

ĐỀ SỐ 10

Phần 1: Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi ở dưới

CON LỪA GIÀ VÀ NGƯỜI NÔNG DÂN

Một ngày nọ, con lừa của một ông chủ trang trại sẩy chân rơi xuống một cái giếng. Con vật kêu la hàng giờ liền. Người chủ trang trại cố nghĩ xem nên làm gì. Và cuối cùng ông quyết định: con lừa đã già và cái giếng cũng cần được lấp lại và không ích lợi gì khi cứu con lừa lên cả. Thế là ông nhờ vài người hàng xóm sang giúp mình

Họ xúc đất đổ vào giếng, con lừa như hiểu được chuyện gì đang xảy ra và nó kêu la thảm thiết, sau hồi lâu, con lừa bỗng trở nên im lặng. Sau một vài xéng đất, ông chủ trang trại nhìn xuống giếng và ông vô cùng sửng sốt. Mỗi khi bị một xéng đất đổ lên lưng, lừa lắc mình cho đất rơi xuống và bước chân lên trên. Cứ như vậy, đất đổ xuống, lừa lại bước chân lên cao hơn. Chỉ một lúc sau, mọi người nhìn thấy chú lừa xuất hiện trên miệng giếng và lóc cóc chạy.

(Quà tặng cuộc sống)

Câu 1 (0,5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính trong văn bản trên?

Câu 2 (0,5 điểm): Từ "miệng" trong câu sau là nghĩa gốc hay nghĩa chuyển: *Chỉ một lúc sau, mọi người nhìn thấy chú lừa xuất hiện trên miệng giếng và lóc cóc chạy.*

Câu 3 (1,0 điểm): Sự khác nhau trong quyết định của người nông dân và con lừa là gì?

Câu 4 (1,0 điểm): Qua câu chuyện trên em rút ra được những thông điệp sống gì cho mình?

Phần 2: Làm văn(7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Qua ngữ liệu phần đọc hiểu, anh (chị) hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề: **Thử thách trong cuộc sống?**

Câu 2 (5 điểm): Em hãy phân tích hai đoạn thơ sau để làm rõ niềm xúc động thiêng liêng của tác giả:

*Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim.*

*Mai về miền Nam thương trào nước mắt
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này...
(Viếng lăng Bác – Viễn Phương)*

Phần		Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.00
	1	Văn bản sử dụng phương thức tự sự.	0.50
	2	Từ <i>miệng</i> là nghĩa chuyển.	0,5
	3	Sự khác nhau trong quyết định của người nông dân và con lừa: – Người nông dân nhanh chóng buông xuôi và bỏ cuộc – Con lừa khôn ngoan, dùng chính những xéng đất muốn vùi lấp nó để tự giúp mình lên khỏi giếng.	1,0
	4	Những thông điệp có ý nghĩa (hs nêu ít nhất 2 thông điệp) (0,5điểm) - Thử thách, khó khăn tôi luyện con người - Đề cao vai trò của ý chí, nghị lực.. - Cách mỗi con người vượt qua hoàn cảnh	0,25 0,75
II		LÀM VĂN	
	1		2.00

	<p><i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i></p> <p>Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp, song hành hoặc tổng – phân – hợp</p>	0.25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Giá trị, vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của tình yêu thương trong cuộc sống.</p>	0.25
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận:</i></p>	0,25
	<p>* Phân tích, hoặc nêu vấn đề nội dung câu chuyện để rút ra ý nghĩa vấn đề: thông qua chuyện con lừa, tác giả nêu lên bài học về cách ứng xử đối với khó khăn hoạn nạn của con người trong cuộc sống.</p> <p>– Giải thích vấn đề: Thử thách là những yếu tố gây khó khăn, cản trở đến việc thực hiện một công việc, một kế hoạch, một mục tiêu nào đó mà buộc con người ta phải vượt qua. Trong cuộc sống, thử thách luôn luôn tồn tại như một quy luật tất yếu trong sự vận động và phát triển của mỗi cá nhân cũng như của toàn xã hội.</p> <p>* Phân tích, chứng minh</p> <p>– Con người luôn luôn phải đối diện với những thử thách trong cuộc sống, lao động, học tập và trong tất cả các mối quan hệ xã hội. Không có ai sống mà không phải đối diện với những thử thách trong cuộc đời.</p> <p>– Con người cần phải có những thử thách để phát triển. Thử thách là một đòi hỏi tất yếu, là động lực để con người phấn đấu và vươn lên trong cuộc sống.</p> <p>– Những thử thách trong cuộc sống có thể do khách quan hoặc chủ quan mang lại, nó có thể là hữu hình và cũng có thể vô hình. Thử thách xuất hiện ở mọi mặt đời sống và tồn tại dưới mọi hình thức.</p> <p>– Xét về mức độ và phạm vi thì thử thách có thể là nhỏ hoặc lớn, có thể là đối với cá nhân, cũng có thể là đối với cộng đồng xã hội, với quốc gia dân tộc, thậm chí là đối với nhân loại.</p> <p>* Bàn luận</p> <p>– Con người cần phải biết đương đầu và vượt qua thử thách thì mới có thể tồn tại, phát triển và hướng tới thành công. Ngược lại, nếu không biết đương đầu và vượt qua thử thách thì con người sẽ thất bại và không thể tồn tại để phát triển được.</p> <p>– Để vượt qua thử thách, con người cần có sức mạnh và luôn luôn rèn luyện để có sức mạnh, cả về vật chất lẫn tinh thần. Đặc biệt, con người cần phải có niềm tin, ý chí, nghị lực và luôn trau dồi tri thức, kinh nghiệm.</p> <p>– Trong thực tế cuộc sống, có rất nhiều người đã vượt qua những thử thách để đến với thành công, góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Ngược lại, có không ít người đã đầu hàng trước thử thách, có khi chỉ là thử thách rất nhỏ và chấp nhận thất bại, thậm</p>	<p>0,5</p> <p>0,25</p>

	chỉ còn ảnh hưởng xấu đến sự phát triển chung của cộng đồng xã hội. * Liên hệ bản thân: bài học nhận thức và hành động. + Về nhận thức: hãy dũng cảm, lạc quan. Bản lĩnh thép sẽ dẫn bước thành công. + Về hành động: Hãy làm lại sau mỗi lần thất bại, không bỏ cuộc, nỗ lực vươn lên, không đầu hàng số phận...	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn về chính tả và ngữ pháp tiếng Việt	0.25
	e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận	0.25
	Viết bài văn	10
	a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận	0.25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:	0.25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm;	
	Giới thiệu về tác giả Viễn Phương và bài thơ <i>Viếng lăng Bác</i> , niềm xúc động thiêng liêng của đoạn thơ * Giới thiệu chung: có thể khái quát vị trí, cảm hứng bao trùm; mạch vận động của tâm trạng; cảm xúc của nhà thơ;... * Phân tích: Khổ thơ diễn tả cảm xúc và suy nghĩ của tác giả khi vào trong lăng viếng Bác. - Khung cảnh và không khí thanh tĩnh như ngưng kết cả thời gian và không gian ở bên trong lăng Bác đã được nhà thơ gợi tả rất đạt bằng hai câu thơ giản dị: <i>Bác nằm trong giấc ngủ bình yên/ Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền</i> . Câu thơ diễn tả chính xác và tinh tế sự yên tĩnh, trang nghiêm và ánh sáng dịu nhẹ, trong trẻo của không gian trong lăng Bác. Đồng thời hình ảnh <i>vầng trăng sáng dịu hiền</i> gợi nghĩ đến tâm hồn cao đẹp, sáng trong của Bác. - Nhà thơ xúc động, đau xót trước sự ra đi mãi mãi của Người <i>Vẫn biết trời xanh là mãi mãi</i> <i>Mà sao nghe nhói ở trong tim</i> - Hình ảnh <i>Vẫn biết trời xanh là mãi mãi/ Mà sao nghe nhói ở trong tim!</i> Lí trí thì nhận biết sự trường tồn của Bác đối với đất nước nhưng tình cảm thì không thể không đau xót vì sự mất mát lớn lao khi Bác đã ra đi. Tâm trạng xúc động của tác giả thể hiện bằng hình ảnh ẩn dụ thật độc đáo. + Dù Người ra đi, nhưng sự ra đi đó hóa thân vào thiên nhiên, vào dáng hình xứ sở, giống như Tố Hữu có viết “ <i>Bác sống như trời đất của ta</i> ” + Nỗi lòng “nghe nhói ở trong tim” của tác giả chính là sự quặn thắt tê tái trong đáy sâu tâm hồn khi đứng trước di hài của Người, đó chính là sự rung cảm chân thành của nhà thơ. Cảm xúc khi rời lăng của nhà thơ	

	<p>- Cuộc chia lìa lưu luyến bịn rịn, thấm đẫm nước mắt của tác giả</p> <p>+ <i>Mai về miền Nam thương trào nước mắt</i>: như một lời giã từ đặc biệt, lời nói diễn tả tình cảm sâu lắng, giản dị</p> <p>+ Cảm xúc “<i>dâng trào</i>” nổi luyến tiếc, bịn rịn, không muốn xa rời</p> <p>+ Ước nguyện chân thành muốn được hóa thân thành “chim”, cây tre”, “đóa hoa” để được ở gần bên Bác</p> <p>+ Điệp từ “<i>muốn làm</i>” diễn tả trực tiếp và gián tiếp tâm trạng lưu luyến của nhà thơ</p> <p>- Hình ảnh cây tre kết thúc bài thơ như một cách kết thúc khéo léo, hình ảnh cây tre trung hiếu được nhân hóa mang phẩm chất trung hiếu như con người</p> <p>+ “<i>Cây tre trung hiếu</i>” mang bản chất của con người Việt Nam trung hiếu, thẳng thắn, bất khuất đó cũng là sự tự hứa sống có trách nhiệm với sự nghiệp của Người</p> <p>* Về nghệ thuật:</p> <p>- Hình ảnh thơ có nhiều sáng tạo, kết hợp hình ảnh thực, hình ảnh ẩn dụ, biểu tượng. Đặc sắc nhất là hình ảnh ẩn dụ - biểu tượng (<i>trời xanh, vàng trắng</i>) vừa quen thuộc, gần gũi lại vừa sâu sắc có ý nghĩa khái quát và giá trị biểu cảm cao.</p> <p>- Giọng thơ trang trọng, tha thiết phù hợp với tâm trạng và cảm xúc.</p> <p>Đoạn thơ nói riêng và bài thơ nói chung thể hiện lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc của tác giả và của mọi người đối với Bác; qua đó cảm nhận được tâm trạng và cảm xúc của nhà thơ khi vào lăng viếng Bác.</p>	
	<i>d. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp.</i>	0.25
	<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</i>	0.25

ĐỀ 11

PHẦN 1. ĐỌC - HIỂU (2,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Tổ quốc là tiếng mẹ

Ru ta từ trong nôi

Qua nhọc nhằn năm tháng

Nuôi lớn ta thành người

Tổ quốc là mây trắng

Trên ngút ngàn Trường Sơn

Bao người con ngã xuống

Cho quê hương mãi còn

Tổ quốc là cây lúa

Chín vàng mùa ca dao

Như dáng người thôn nữ

Nghiêng vào mùa chiêm bao ...

(Trích *Tổ quốc là tiếng mẹ* - Nguyễn Việt Chiến, nguồn: <https://www.thivien.net>)

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định thể thơ được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 2. (0,5 điểm) Nêu nội dung chính của đoạn trích.

Câu 3. (1,0 điểm) Chỉ ra và nêu hiệu quả của một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 4. (1,0 điểm) Nội dung đoạn thơ đã chạm vào miền cảm xúc nào trong em?

PHẦN II. LÀM VĂN (7,0 điểm).

Câu 1 (2,0 điểm):

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 12 đến 15 câu) trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của lòng tự trọng trong cuộc sống

Câu 2 (5,0 điểm).

Cảm nhận của em về vẻ đẹp của tình đồng chí trong bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu.

HƯỚNG DẪN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	2,0
	1	Thể thơ: 5 chữ	0,5
	2	Nội dung: Tổ quốc lớn lao song lại vô cùng giản dị và gần gũi. Đó là tiếng mẹ ta nói hằng ngày, là mây trắng bay trên đỉnh trường sơn, là cây lúa ngoài đồng...	0,5
	3	Biện pháp tu từ: Điệp ngữ "Tổ quốc là", so sánh Tác dụng: thể hiện những cảm nhận khác nhau về Tổ quốc của tác giả.	1,0
	4	Cảm xúc: yêu mến, tự hào...về Tổ quốc.	1,0
II		LÀM VĂN	8,0
	1		
		a. Đảm bảo thể thức một đoạn văn	
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận	
		c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn	
		1. Giải thích - Lòng tự trọng là ý thức biết coi trọng và giữ gìn phẩm cách, danh dự của chính mình. 2. Phân tích, chứng minh những biểu hiện của lòng tự trọng - Tự trọng là sống trung thực - Tự trọng là hết lòng vì công việc; trung thực trong công tác, học tập - Tự trọng là dám nhìn nhận sai trái, khuyết điểm của bản thân, sống trong sáng, thẳng thắn - Tự trọng là biết giữ gìn phẩm giá, nhân cách - Tự trọng là dám bênh vực lẽ phải dù có ảnh hưởng đến quyền lợi bản thân. - Lòng tự trọng có nhiều mức độ: Tự trọng bản thân, tự trọng quốc thể,	3,0

	<p>tự trọng dân tộc....</p> <p>- Dẫn chứng:</p> <p>+ Trần Bình Trọng: Ta thà làm quỷ nước Nam/ Còn hơn làm vương đất Bắc.</p> <p>+ Người Nhật: Sau chiến tranh Thế giới thứ II, sau vụ động đất, sóng thần vừa qua...</p> <p>3. Đánh giá - mở rộng</p> <p>- Lòng tự trọng là thước đo nhân cách con người. Trong khó khăn thử thách, lòng tự trọng của con người càng làm đẹp con người. Con người không có lòng tự trọng sẽ trở nên vị kỷ, hèn hạ, sống giả dối.</p> <p>- Con người sống có lòng tự trọng sẽ giúp cho xã hội phát triển, văn minh.</p> <p>- Cần phân biệt tự trọng với tự ái, tự cao, tự đại...</p> <p>4. Bài học nhận thức và hành động</p> <p>- Nhận thức: Lòng tự trọng làm nên giá trị bản thân của mỗi người, giúp con người luôn hướng đến những chuẩn mực chung của xã hội, làm những điều tốt đẹp, suy nghĩ những điều thiện, những điều tích cực...</p> <p>- Mỗi con người cần bồi đắp cho mình cách sống tự trọng từ những việc làm nhỏ nhất nhất trong cuộc sống hàng ngày.</p> <p><i>d. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp</i></p>	
2	<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận</i></p> <p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i></p> <p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm;</i></p> <p>I. Mở bài.</p> <p>- Giới thiệu tác phẩm Đồng chí và tác giả Chính Hữu</p> <p>- Sáng tác năm 1948 trong thời kì đầu cuộc kháng chiến chống Pháp</p> <p>- Dẫn dắt vấn đề nghị luận: Vẻ đẹp tình đồng chí thấm thiết sâu nặng của những người lính thời kháng chiến chống Pháp đồng thời làm hiện lên hình ảnh chân thực, giản dị mà cao đẹp của người lính cụ Hồ.</p> <p>II. Thân bài.</p> <p>1. Khái quát chung về bài thơ</p> <p>- Hoàn cảnh ra đời của bài thơ, vị trí đoạn trích</p> <p>2. Phân tích vẻ đẹp tình đồng chí</p> <p>a, Vẻ đẹp của sự cảm thông, chia sẻ sâu sắc những tâm tư thầm kín</p> <p>- Thấu hiểu hoàn cảnh gia đình của nhau, thấu hiểu nỗi lòng riêng tư của người bạn lính, chia sẻ niềm thương nhớ, nặng lòng với quê hương bạn</p> <p><i>Ruộng nương anh gửi bạn thân cày</i> <i>Gian nhà không mặc kệ gió lung lay</i></p> <p>- Hiểu được sự hy sinh thầm lặng, sự nhớ thương mong ngóng của những người ở hậu phương</p>	<p>5,0</p> <p>0,5</p> <p>5</p>

+ Hình ảnh hoán dụ giếng nước, gốc đa gợi lên hình ảnh về quê hương, người thân nơi hậu phương của người lính

+ Họ cùng sống với nhau trong kỉ niệm, nỗi nhớ nhà, cùng nhau vượt lên nỗi nhớ đó để chiến đấu

b, Về đẹp của việc đồng cam cộng khổ với hoàn cảnh chiến đấu ác liệt, đau thương

- Họ chia sẻ những gian lao, khổ cực, thiếu thốn trong cuộc đời người lính “*Sốt run người vàng trán ướt mồ hôi*”, “*áo rách vai*”, “*chân không giày*”

- Họ cùng nhau trải qua khó khăn, khắc nghiệt trong chiến đấu

+ Tác giả xây dựng những câu thơ sóng đôi, đối ứng nhau, bao giờ người lính cũng nhìn bạn nói về bạn trước khi nói tới mình.

+ Cách nói thể hiện nét đẹp thương người như thể thương thân, trọng người hơn mình

+ Tình đồng chí, tri kỉ đã giúp họ vượt lên trên buốt giá

- Họ quên mình để động viên nhau, cùng nhau vượt lên trên buốt giá và những bàn tay động viên, truyền cho nhau hơi ấm.

“*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay*”

- Yêu thương nhau bằng cả tấm lòng chân thành sâu nặng với những cử chỉ nghĩa tình

- Họ cùng nhau vượt qua mọi gian khổ với tinh thần lạc quan, sức mạnh của tình đồng đội “*miệng cười buốt giá*”

→ Sức mạnh của tình đồng chí được thể hiện trong khó khăn gian khổ

c, Biểu tượng cao đẹp về tình đồng chí

- Tình đồng chí được tôi luyện khi họ cùng nhau sát cánh thực hiện nhiệm vụ đánh giặc

- Chính ở nơi thử thách, ranh giới mong manh giữa sự sống và cái chết gần kề tình đồng chí thực sự thiêng liêng cao đẹp

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo

- Trên nền khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ nhưng cũng khắc nghiệt, những người lính với tư thế chủ động “*chờ*” giặc thật hào hùng.

- Hai câu thơ cuối đối nhau thật chỉnh khi ca ngợi tình đồng chí giúp người lính vượt lên tất cả khó khăn, khắc nghiệt của thời tiết

- Hình ảnh đầu súng trăng treo bất ngờ, là điểm nhấn làm sáng bừng bài thơ: đây là sự kết hợp giữa chất hiện thực và lãng mạn

+ Nghĩa tả thực: người lính cầm súng hướng lên trời, người lính như thấy trăng treo lơ lửng nơi hòng súng

+ Ý nghĩa biểu tượng: súng biểu tượng cho đấu tranh khó khăn nguy hiểm - đây là hiện thực khốc liệt của chiến tranh. Trăng là biểu tượng thanh mát, yên bình.

- Hình ảnh này kết hợp, cô đọng vẻ đẹp tâm hồn người lính với sự tỏa sáng vẻ đẹp của tình đồng chí, khiến người lính ngay cả trong hiểm

	nguy vẫn bình thản, lẳng mạn. 3. Giá trị nghệ thuật - Ngôn ngữ thơ cô đọng hình ảnh chân thực gợi tả có sức khái quát cao, nhằm diễn tả cụ thể tình cảm thiêng liêng cao đẹp - tình đồng chí. - Giọng thơ sâu lắng, xúc động như lời tâm tình tha thiết.	
	III. Kết bài: - Tình đồng chí được thể hiện chân thực, cao đẹp qua thể thơ tự do, ngôn từ hình ảnh giản dị mà hàm súc - Đoạn thơ góp phần cùng bài thơ làm nên một áng thơ đẹp về tình đồng chí nói riêng và hình tượng người lính cách mạng nói chung.	
	<i>d. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp.</i>	
	<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</i>	

ĐỀ SỐ 12

I. ĐỌC - HIỂU: (4,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*Ôi tiếng Việt suốt đời tôi mắc nợ
Quên nổi mình quên áo mặc cơm ăn
Trời xanh quá môi tôi hồi hộp quá
Tiếng Việt ơi! Tiếng Việt ân tình...*

(Tiếng Việt – Lưu Quang Vũ)

Câu 1 (0,5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ?

Câu 2 (0,5 điểm): Tìm các thành phần biệt lập có trong đoạn thơ ?

Câu 3 (1,0 điểm): Xác định và nêu hiệu quả của những biện pháp tu từ trong câu thơ:

Tiếng Việt ơi! Tiếng Việt ân tình...

Câu 4 (1 điểm): Qua đoạn thơ trên, Lưu Quang Vũ muốn bày tỏ điều gì?

II. LÀM VĂN: (7,0 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Từ ý nghĩa của đoạn thơ ở phần I, viết một đoạn văn (Từ 10 đến 15 dòng) có một phép nối (gạch chân từ ngữ dùng để nối) trình bày suy nghĩ về việc giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt?

Câu 2 (5 điểm):

Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến*

*Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc...*

(Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải)

*** Hướng dẫn chấm:**

Phần	Hướng dẫn chấm		Điểm
	I. ĐỌC- HIỂU (4,0 điểm)		
I	1	- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm	0.5
	2	- Các thành phần biệt lập: + Thành phần cảm thán: <i>Ôi</i> + Thành phần gọi - đáp: <i>ơi</i>	0.5
	3	- Biện pháp tu từ: + Điệp ngữ: <i>Tiếng Việt</i> + Nhân hóa: Tiếng Việt <i>ân tình</i> - Hiệu quả: Nhấn mạnh và khẳng định vai trò, ý nghĩa của tiếng Việt đối với cuộc sống của người Việt. Đồng thời, tiếng Việt không còn là thứ ngôn ngữ mà đã trở thành một sinh thể rất quan trọng, tồn tại và phát triển cùng con người, dân tộc, đất nước...	1.0
	4	- Điều Lưu Quang Vũ bày tỏ: + Những ân tình của tiếng Việt, những giá trị cao cả mà tiếng Việt bồi đắp và dẫn dắt. + Nhắc nhở tình cảm yêu mến tha thiết, ý thức trách nhiệm của mỗi người trong việc giữ gìn và bảo vệ làm cho tiếng Việt ngày càng giàu và đẹp.	0.5 0.5
	II. LÀM VĂN (6,0 điểm)		
II	1	Viết đoạn văn	2.0
		* Về hình thức: - Viết đúng đoạn văn, độ dài từ 10 – 15 câu. - Có sử dụng và gạch chân phép nối. - Diễn đạt rõ ràng, chữ viết sạch sẽ, không mắc lỗi chính tả, dung từ, ngữ pháp.	1.0
		* Về nội dung: Triển khai nội dung đoạn văn hợp lý. Có thể theo các ý sau: - Giải thích: Sự trong sáng của Tiếng Việt Trong sáng thuộc về bản chất của ngôn ngữ nói chung và Tiếng Việt nói riêng. + "Trong có nghĩa là trong trẻo, không có tạp chất, không đục". + "Sáng có nghĩa là sáng tỏ, sáng chiếu, sáng chói, nó phát huy cái trong nhờ đó nó phản ánh được tư tưởng và tình cảm của người Việt Nam ta, diễn tả sự trung thành và sáng tỏ những điều chúng ta muốn nói" - Ý thức, trách nhiệm: Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt + Mỗi cá nhân nói và viết cần có ý thức tôn trọng và yêu quý Tiếng Việt. + Có thói quen cẩn trọng, cân nhắc, lựa lời khi sử dụng	1.0

	<p>Tiếng Việt để giao tiếp sao cho lời nói phù hợp với nhân tố giao tiếp để đạt hiệu quả cao nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Rèn luyện năng lực nói và viết theo đúng chuẩn mực. + Loại bỏ những lời nói thô tục, kệch cỡm pha tạp, lai căng không đúng lúc. + Biết cách tiếp nhận những từ ngữ của nước ngoài. + Biết cách làm cho Tiếng Việt phát triển. - Phê phán, lên án: bộ phận người, đặc biệt giới trẻ chưa có ý thức giữ gìn... 	
2	Viết bài văn	5.0
	<p>* Yêu cầu về kĩ năng: Viết bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ. Có kiến thức vững chắc về văn bản <i>Mùa xuân nho nhỏ</i> của Thanh Hải. Văn viết có tính khái quát; có cảm xúc, hình ảnh; bố cục rõ ràng, kết cấu chặt</p>	
	a. Đảm bảo cấu trúc của bài văn nghị luận về đoạn thơ, bài thơ. Có đủ MB, TB, KB; mỗi phần làm đúng nhiệm vụ của mình.	0.25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật của hai khổ thơ trong bài thơ <i>Mùa xuân nho nhỏ</i> của Thanh Hải.	0.25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm, luận cứ rõ ràng, chính xác; lập luận thuyết phục.	
	* Mở bài: Giới thiệu tác giả, bài thơ, nêu ngắn gọn nội dung hai khổ thơ – Lời ước nguyện chân thành, tha thiết của nhà thơ.	0.5
	<p>* Thân bài: Phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật của hai khổ thơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ những cảm xúc về mùa xuân, tác giả đã chuyển mạch thơ một cách tự nhiên sang bày tỏ những suy ngẫm và tâm niệm của mình về lẽ sống, về ý nghĩa giá trị của cuộc đời mỗi con người: <p>“ <i>Ta làm con chim hót</i> <i>Ta làm một cành hoa</i> <i>Ta nhập vào hoà ca</i> <i>Một nốt trầm xao xuyến</i>”.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Để bày tỏ lẽ sống của mình, ngay từ những câu thơ mở đầu đoạn, Thanh Hải đã đem đến cho người đọc cái giai điệu ngọt ngào, êm ái của những thanh bằng liên tiếp “ta”-“hoa”-“ca”. + Điệp từ “ta” được lặp đi lặp lại thể hiện một ước nguyện chân thành, thiết tha. + Động từ “làm”-“nhập” ở vai trò vị ngữ biểu lộ sự hoá thân đến điệu kỳ - hoá thân để sống đẹp, sống có ích. 	3.0

+ Nhà thơ đã lựa chọn những hình ảnh đẹp của thiên nhiên, của cuộc sống để bày tỏ ước nguyện: *conchim, một cành hoa, một nốt trầm*. Còn gì đẹp hơn khi làm một cành hoa đem sắc hương tô điểm cho mùa xuân đất mẹ! Còn gì vui hơn khi được làm con chim nhỏ cất tiếng hót rộn rã làm vui cho đời!

+ Các hình ảnh bông hoa, tiếng chim đã xuất hiện trong cảm xúc của thi nhân về mùa xuân thiên nhiên tươi đẹp, giờ lại được sử dụng để thể hiện lẽ sống của mình. Một ý nghĩa mới đã mở ra, đó là mong muốn được sống có ích, sống làm đẹp cho đời là lẽ thường tình.

+ Cái “tôi” của thi nhân trong phần đầu bài thơ giờ chuyển hoá thành cái “ta”. Có cả cái riêng và chung trong cái “ta” ấy. Với cách sử dụng đại từ này, nhà thơ đã khẳng định giữa cá nhân và cộng đồng, giữa cái riêng và cái chung.

+ Hình ảnh “nốt trầm” và lặp lại số từ “một” tác giả cho thấy ước muốn tha thiết, chân thành của mình. Không ồn ào, cao giọng, nhà thơ chỉ muốn làm “một nốt trầm” nhưng phải là “một nốt trầm xao xuyến” để góp vào bản hoà ca chung. Nghĩa là nhà thơ muốn đem phần nhỏ bé của riêng mình để góp vào công cuộc đổi mới và đi lên của đất nước.

-> Đọc đoạn thơ, ta xúc động trước ước nguyện của nhà thơ xứ Huế và cũng là ước nguyện của nhiều người.

- Lẽ sống của Thanh Hải còn được thể hiện trong những vần thơ sâu lắng:

“ Một mùa xuân nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời

Dù là tuổi hai mươi

Dù là khi tóc bạc.”

+ Cách sử dụng ngôn từ của nhà thơ Thanh Hải rất chính xác, tinh tế và gợi cảm. Làm cành hoa, làm con chim, làm nốt trầm và làm một mùa xuân nho nhỏ để lặng lẽ dâng hiến cho cuộc đời.

+ “Mùa xuân nho nhỏ” là một ẩn dụ đầy sáng tạo, biểu lộ một cuộc đời đáng yêu, một khát vọng sống cao đẹp. Mỗi người hãy làm một mùa xuân, hãy đem tất cả những gì tốt đẹp, tinh túy của mình, dầu có nhỏ bé để góp vào làm đẹp cho mùa xuân đất nước.

+ Cặp từ láy “nho nhỏ”, “lặng lẽ” cho thấy một thái độ chân thành, khiêm nhường, lấy tình thương làm chuẩn mực cho lẽ sống đẹp, sống để cống hiến đem tài năng phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân.

	<p>-> Không khoe khoang, cao điệu mà chỉ lặng lẽ âm thầm dâng hiến. Ý thơ thể hiện một ước nguyện, một khát vọng, một mục đích sống. Biết lặng lẽ dâng đời, biết sống vì mọi người cũng là cách sống mà nhà thơ Tố Hữu đã viết:</p> <p><i>“Nếu là con chimchiếc lá Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh, Lẽ nào vay mà không trả Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình”.</i></p> <p>Nhớ khi xưa, Ưc Trai tiên sinh đã từng tâm niệm:</p> <p><i>“Bui một tác lòng trung lẫn hiếu Mài chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen”.</i></p> <p>Còn bây giờ, Thanh Hải – nhà thơ xứ Huế trước khi về với thế giới “người hiền” cũng đã ước nguyện: “Lặng lẽ dâng cho đời/Dù là tuổi hai mươi/Dù là khi tóc bạc”. Lời ước nguyện thật thủy chung, son sắt. Sử dụng điệp ngữ “dù là” nhắc lại hai lần như tiếng lòng tự dặn mình đỉnh ninh: đâu có ở giai đoạn nào của cuộc đời, tuổi hai mươi tràn đầy sức trẻ, hay khi đã già, bệnh tật thì vẫn phải sống có ích cho đời, sống làm đẹp cho đất nước.</p> <p>-> Đây là một vấn đề nhân sinh quan nhưng đã được chuyển tải bằng những hình ảnh thơ sáng đẹp, bằng giọng thơ nhẹ nhàng, thủ thỉ, thiết tha. Vì vậy, mà sức lan tỏa của nó thật lớn.</p> <p>Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh thơ vừa gần gũi, giản dị, tự nhiên, vừa giàu ý nghĩa biểu tượng. - Ngôn ngữ thơ mộc mạc, dễ hiểu - Giọng thơ chân thành, tha thiết - Sử dụng thành công nhiều biện pháp nghệ thuật đặc sắc... 	
	* Kết bài: Khái quát chung và rút ra bài học liên hệ.	0.5
	d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt, trình bày sang tạo, thể hiện sự am hiểu sâu sắc về bài thơ và kiểu bài nghị luận.	0.25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đúng theo quy tắc tiếng Việt.	0.25
	Tổng điểm	10.0

ĐỀ SỐ 13

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

"Một người ăn xin đã già. Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi. Ông chìa tay xin tôi. Tôi lục hết túi nọ đến túi kia, không có lấy một xu, không có cả khăn tay, chẳng có gì hết. Ông vẫn đợi tôi. Tôi chẳng biết làm thế nào. Bàn tay tôi run run nắm chặt lấy bàn tay nóng hổi của ông:

- Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả.

Ông nhìn tôi chăm chăm, đôi môi nở nụ cười:

- Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi.

Khi ấy tôi chợt hiểu ra: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được một cái gì đó của ông."

(Theo Tuốc – ghê – nhép)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên. (0.5 điểm)

Câu 2: Cậu bé trong câu chuyện đã tuân thủ phương châm hội thoại nào?

Câu 3: Theo em, nhân vật "Tôi" trong câu chuyện đã nhận được gì ở ông lão ăn xin?

Câu 4: Em rút ra bài học gì qua câu chuyện trên?

PHẦN II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1: Nghị luận xã hội (2.0 điểm)

Từ câu chuyện trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về tình yêu thương của giới trẻ hiện nay.

Câu 2: Nghị luận văn học (5.0 điểm)

Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

Người đồng mình thương lắm con ơi!
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn
Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc
Người đồng mình thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con
Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục
Con ơi tuy thô sơ da thịt
Lên đường
Không bao giờ nhỏ bé được
Nghe con.

(Nói với con, Y Phương, Ngữ văn 9 tập Hai)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	2.0
	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: tự sự	0,5
	2	Phương châm lịch sự	0,5
	3	Nhân vật "tôi" nhận được <u>lời cảm ơn</u> từ ông lão, đồng thời nhận được <u>bài học sâu sắc</u> : Sự đồng cảm, tình người có giá trị hơn mọi thứ vật chất, của cải khác	1,0
	4	Các bài học rút ra từ văn bản: - Sự quan tâm, lòng chân thành chính là món quà tinh thần quý giá nhất đối với những mảnh đời bất hạnh, nó vượt lên trên mọi giá trị vật chất khác. - Phải biết yêu thương, chia sẻ, đồng cảm với hoàn cảnh, số phận của	

		người khác - Khi cho đi cũng chính là lúc ta nhận lại.	
II		LÀM VĂN	7,0
	1		2,0
		<i>a. Đảm bảo thể thức một đoạn văn</i>	
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i>	
		<i>c. Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn</i>	
		1/ Giới thiệu vấn đề bàn luận: Tình yêu thương con người là phẩm chất cao quý, sáng ngời giá trị nhân văn của mỗi con người chúng ta, phát xuất từ tình yêu những người ruột thịt : cha mẹ, anh em, họ hàng cô bác rồi đến cộng đồng người trong xã hội nói chung. 2/ Đưa ra quan điểm đánh giá của bản thân: - Quan điểm tích cực: Giới trẻ ngày nay vẫn luôn thể hiện tình yêu thương của mình với gia đình, thầy cô, bạn bè và xã hội. Những học sinh, sinh viên không những lo đèn sách, học tập văn hóa, bồi dưỡng kiến thức mà họ còn tham gia nhiều hoạt động xã hội như: Chiến dịch tình nguyện mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo, dạy thêm cho các mái ấm ... đó là biểu hiện tốt đẹp của tình yêu thương con người - Quan điểm tiêu cực: Hiện nay, một bộ phận giới trẻ ăn chơi lêu lổng, ích kỉ, vô cảm với cuộc sống của người thân trong gia đình và xã hội. Những người này không những không thể hiện tình yêu thương đối với gia đình, mọi người xung quanh mà thậm chí trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội. 3/ Rút ra bài học cho bản thân	2,0
		<i>d. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp</i>	
	2		5,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận</i>	
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i>	
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm;</i>	
		1. Giới thiệu về nhà thơ Y Phương và bài thơ “Nói với con”, đoạn thơ cần nghị luận. (0,5 điểm) - Y Phương là một trong những nhà thơ dân tộc Tày. Thơ ông thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của con người miền núi. - Bài thơ “Nói với con” được viết vào năm 1980 là một trong những thi phẩm đặc sắc làm nên tên tuổi của Viễn Phương. - Đoạn thơ là lời của cha nói với con về vẻ đẹp và truyền thống của con người quê hương, nhắc nhở con nên sống theo những truyền thống tốt đẹp của người đồng mình.	0,5
		2. Trình bày cảm nhận (4 điểm) a) Những phẩm chất cao quý của người đồng mình: (2 điểm) “Người đồng mình thương lắm con ơi	5,0

Cao đo nỗi buồn

Xa nuôi chí lớn”

+ Dòng thơ đầu được lặp lại: “người đồng mình” là cách gọi thể hiện sự gần gũi, thân thương như trong một gia đình. "thương lắm" bày tỏ sự đồng cảm sâu sắc với cuộc sống nhiều vất vả, gian khó của họ.

+ Từ ngữ giàu sức gợi: “cao” “xa” vừa gợi hình ảnh miền núi cao vừa gợi điều kiện sống khó khăn, vất vả. “Nỗi buồn” “chí lớn” thể hiện bản lĩnh vững vàng, ý chí kiên cường của người đồng mình.

- Lời thơ thể hiện niềm tự hào về phẩm chất tốt đẹp của người miền núi.

• Tác giả khái quát lên vẻ đẹp truyền thống của người miền cao:

Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương

Con quê hương thì làm phong tục

+ Hình ảnh “người đồng mình”: vóc dáng, hình hài nhỏ bé, “thô sơ da thịt”, họ chỉ có đôi bàn tay lao động cần cù nhưng chẳng mấy ai nhỏ bé, yếu hèn. Họ dám đương đầu với gian lao, vất vả, họ lớn lao về ý chí, cao cả về tâm hồn.

+ Công lao vĩ đại của người đồng mình: “đục đá kê cao quê hương” xây dựng quê hương, tạo nên ruộng đồng, dựng lên nhà cửa, bản làng, làm nên giá trị vật chất, tinh thần cho quê hương. “Làm phong tục”, tạo nên bao nền nếp, phong tục đẹp, làm nên bản sắc riêng của cộng đồng.

- Lời thơ tràn đầy niềm tự hào về vẻ đẹp của người đồng mình. Nhấn nhủ con phải biết kế thừa, phát huy những truyền thống đó.

- Từ đó, người cha khuyên con biết sống theo những truyền thống của người đồng mình:

+ Điệp từ “sống” khởi đầu 3 dòng thơ liên tiếp, tô đậm mong ước thiết tha, mãnh liệt của cha dành cho con.

+ Ẩn dụ “đá”, “thung” chỉ không gian sống của người miền cao, gợi lên những nhọc nhằn, gian khó, đói nghèo. Người cha mong con "không chê" tức là biết yêu thương, trân trọng quê hương mình.

+ So sánh “như sông”, “như suối”: lối sống hồn nhiên, trong sáng, mạnh mẽ, phóng khoáng, vượt lên mọi gập ghềnh của cuộc đời.

+ Đối, thành ngữ “lên thác xuống ghềnh”: cuộc sống không dễ dàng, bằng phẳng, cần dũng cảm đối mặt, không ngại ngần.

- Cha khuyên con tiếp nối tình cảm ân nghĩa, thủy chung với mảnh đất nơi mình sinh ra của người đồng mình và cả lòng can đảm, ý chí kiên cường của họ.

b) Lời dặn dò vừa ân cần, vừa nghiêm khắc của người cha: (1,5 điểm)

- “Thô sơ da thịt” được nhắc lại để nhấn mạnh những khó khăn, thử thách mà con có thể gặp trên đường đời, bởi con còn non nớt, con chưa đủ hành trang mà đời thì gập ghềnh, gian khó.

+ Dẫn vậy, “không bao giờ nhỏ bé được” mà phải biết đương đầu với khó khăn, vượt qua thách thức, không được sống yếu hèn, hẹp hòi, ích

	<p>kì. Phải sống sao cho xứng đáng với cha mẹ, với người đồng mình. Lời nhắn nhủ chứa đựng sự yêu thương, niềm tin tưởng mà người cha dành cho con.</p> <p>c) Nghệ thuật (0,5 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ tự do phóng khoáng, từ ngữ, hình ảnh giản dị, giàu sức gợi, pha lẫn tư duy trong sáng, hồn nhiên, sinh động của người miền núi. - Giọng điệu khi tâm tình, thủ thỉ, ân cần, tha thiết; khi mạnh mẽ, khi nghiêm khắc. 	
	<p>3. Đánh giá chung (0,5 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn thơ thể hiện tình cảm sâu nặng mà người cha dành cho con. Từng lời dặn dò, khuyên nhủ chan tình để con biết sống sao cho xứng đáng với gia đình, quê hương. - Bộc lộ tình yêu quê hương xứ sở và niềm tự hào về người đồng mình của tác giả. 	
	d. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp.	
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	

ĐỀ SỐ 14

I. ĐỌC - HIỂU

Đọc văn bản sau:

THỜI GIAN LÀ VÀNG

Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.

(Phương Liên – Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Theo tác giả, thời gian có những giá trị nào?

Câu 2. Theo tác giả, thời gian có những giá trị nào?

Câu 3. Chỉ ra biện pháp tu từ chính được sử dụng trong văn bản và nêu tác dụng.

Câu 4. Thông điệp nào của văn bản trên có ý nghĩa nhất với anh/chị? Vì sao?

PHẦN II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1: Nghị luận xã hội (2.0 điểm)

Từ câu chuyện trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến: thời gian là vàng

[illegible]

	cảm giác nuối tiếc, hụt hẫng về những giá trị đã qua.\\ Bài học nhận thức và hành động: - Quý trọng thời gian là quý trọng giá trị cuộc sống. Mỗi con người phải ý thức được giá trị của thời gian, sống đẹp trong từng ngày của hiện tại, trân trọng từng phút giây. - Quý trọng thời gian không có nghĩa là sống vội, sống gấp, sống chỉ biết tận hưởng mà cần sống, học tập, lao động và cống hiến cho xã hội.	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn về chính tả và ngữ pháp tiếng Việt	0.25
	e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận	0.25
	Viết bài văn	10
	a. <i>Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận</i>	0.25
	b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i>	0.25
	c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm;</i>	
	A. Mở bài: - Giới thiệu đề tài mùa thu trong thi ca - Dẫn vào bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh - Bài thơ được viết theo thể thơ năm chữ: Nhịp nhàng, khoan thai, êm ái, trầm lắng và thoáng chút suy tư... thể hiện một bức tranh thu trong sáng, đáng yêu ở vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ. B. Thân bài. Khổ 1: Những cảm nhận ban đầu của nhà thơ về cảnh sang thu của đất trời. a. Thiên nhiên được cảm nhận từ những gì vô hình: + Hương ổi phả trong gió se (se lạnh và hơi khô). “Hương ổi” là làn hương đặc biệt của mùa thu miền Bắc được cảm nhận từ mùi ổi chín rõ. + Từ “phả”: Động từ có nghĩa là toả vào, trộn lẫn -> gợi mùi hương ổi ở độ đậm nhất, thơm nồng quyến rũ, hoà vào trong gió heo may của mùa thu, lan toả khắp không gian tạo ra một mùi thơm ngọt mát - hương thơm nồng nàn hấp dẫn của những vườn cây sum suê trái ngọt ở nông thôn Việt Nam. + Sương chùng chình: Những hạt sương nhỏ li ti giăng mắc như một làn sương mỏng nhẹ nhàng trôi, đang “có ý” chậm lại thông thả, nhẹ nhàng, chuyển động chậm chậm sang thu. Hạt sương sớm mai cũng như có tâm hồn b. Cảm xúc của nhà thơ: + Kết hợp một loạt các từ: “Bỗng, phả, hình như” thể hiện tâm trạng ngỡ ngàng, cảm xúc băng khuâng trước thoáng đi bất chợt của mùa thu. Nhà thơ giật mình, hơi bối rối, hình như còn có chút gì chưa thật rõ ràng trong cảm nhận. Vì đó là những cảm nhận nhẹ nhàng, thoáng	

	<p>qua. hay là vì quá đột ngột mà tác giả chưa nhận ra? Tâm hồn thi sĩ biến chuyển nhịp nhàng với phút giao mùa của cảnh vật. Từng cảnh sang thu thấp thoáng hồn người: Chùng chình, bịn rịn, lưu luyến, băng khuâng...</p> <p>Khổ 2: Hình ảnh thiên nhiên sang thu được nhà thơ phát hiện bằng những hình ảnh quen thuộc làm nên một bức tranh mùa thu đẹp đẽ và trong sáng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dòng sông quê hương thướt tha mềm mại, hiền hoà trôi một cách nhàn hạ, thanh thản → gọi lên vẻ đẹp êm dịu của bức tranh thiên nhiên mùa thu. + Đối lập với hình ảnh trên là những cánh chim chiều bắt đầu vội vã bay về phương nam tránh rét trong buổi hoàng hôn. + Mây được miêu tả qua sự liên tưởng độc đáo bằng tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên tha thiết: <p>“Có đám mây mùa hạ. Vắt nửa mình sang thu”-> Gọi hình ảnh một làn mây mỏng, nhẹ, kéo dài của mùa hạ còn sót lại như lưu luyến. Không phải vẻ đẹp của mùa hạ cũng chưa hẳn là vẻ đẹp của mùa thu mà đó là vẻ đẹp của thời khắc giao mùa được sáng tạo từ một hồn thơ tinh tế và nhạy cảm đang say thời khắc giao mùa này. Trong “chiều sông thương”, ông cũng có một câu thơ tương tự về cách viết: Đám mây trên Việt Yên. Rủ bóng về Bồ Hạ.”</p> <p>3. Khổ 3: Thiên nhiên sang thu còn được gọi ra qua hình ảnh cụ thể: Nắng – mưa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắng – hình ảnh cụ thể của mùa hạ. Nắng cuối hạ vẫn còn nồng, còn sáng nhưng đã nhạt dần, yếu dần bởi gió se đã đến chứ không chói chang, dữ dội, gây gắt. - Mưa cũng đã ít đi. Con mưa mùa hạ thường bất ngờ chợt đến rồi lại chợt đi. Từ “vơi” có giá trị gợi tả, diễn tả cái thưa dần, ít dần, hết dần những cơn mưa rào ào ạt, bất ngờ của mùa hạ. - Hình ảnh ẩn dụ: “Sấm cũng bớt bất ngờ. Trên hàng cây đứng tuổi” + Ý nghĩa tả thực: Hình tượng sấm thường xuất hiện bất ngờ đi liền với những cơn mưa rào chỉ có ở mùa hạ (sấm cuối mùa, sấm cuối hạ cũng bớt đi, ít đi lúc sang thu). + Ý nghĩa ẩn dụ: Sấm: Những vang động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời. “Hàng cây đứng tuổi” gợi tả những con người từng trải đã từng vượt qua những khó khăn, những thăng trầm của cuộc đời. Qua đó, con người càng trở nên vững vàng hơn. <p>=> Gợi cảm xúc tiếc nuối</p> <p>Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Với thể thơ 5 chữ, ngôn ngữ giản dị, hình ảnh đơn sơ, quen thuộc, biện pháp nghệ thuật nhân hóa những hình ảnh màn sương, đám mây, ... làm cho bài thơ trở nên sinh động hơn. <p>C. Kết bài: “Sang thu” của Hữu Thỉnh đã không chỉ mang đến cho người đọc những cảm nhận mới về mùa thu quê hương mà còn làm</p>
--	--

	sâu sắc hơn tình cảm quê hương trong trái tim mọi người. - Miêu tả mùa thu bằng những bước chuyển mình của vạn vật, Hữu Thỉnh đã góp	
	<i>d. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp.</i>	0.25
	<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</i>	0.25

ĐỀ 15

I. PHẦN ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Con về thăm mẹ chiều mưa,
Mới hay nhà dột gió lùa bốn bên
Hạt mưa sợi trắng, sợi xiên,
Cứ nhả vào mẹ những đêm trắng trời.
Con đi đánh giấc một đời,
Mà không che nổi một nơi mẹ nằm.
(Tô Hoàn)

1. Xác định các phương thức biểu đạt trong đoạn thơ trên. (0,5 điểm)
2. Cuộc sống nghèo khổ, gian truân của người mẹ được diễn tả qua những từ ngữ nào? (0,5 điểm)
3. Hai câu cuối thể hiện nỗi niềm gì của người con? (1,0 điểm) .
4. Đoạn thơ gợi đến người đọc thông điệp gì? (1,0 điểm)

PHẦN II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1: Nghị luận xã hội (2.0 điểm)

Từ đoạn thơ trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về tình mẫu tử

Câu 2: Nghị luận văn học (5.0 điểm)

Cảm nhận của em về vẻ đẹp tâm hồn những cô thanh niên xung phong trong [truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi](#) (Lê Minh Khuê).

Phần		Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.00
	1	Phương thức biểu đạt trong đoạn thơ trên là biểu cảm	0.50
	2	Cuộc sống nghèo khổ, gian truân của người mẹ được diễn tả qua những từ ngữ: "nhà dột " "gió lùa bốn bên"	0,5
	3	Hai câu cuối thể hiện nỗi niềm gì của người con: Câu kết như một niềm ân hận và cao hơn nữa là một sự phản tỉnh của lương tri: <i>Con đi đánh giấc một đời</i> <i>Mà không che nổi một nơi mẹ nằm</i> Người con thương mẹ, giạt mình mà nài vậy chứ đâu chỉ có lỗi của anh? Câu thơ ghim vào lòng người đọc, vào mỗi chúng ta, nhắc chúng ta rằng hạnh phúc của con người thiết thực, cụ thể, có khi tưởng là nhỏ bé nhưng thật ra lớn lao vô cùng. Có khi ai	1,0

		đó mơ ước những cái cao xa trên chín tầng mây mà quên đi mái nhà còn dột của người mẹ chiến sĩ	
	4	Đoạn thơ gửi đến người đọc thông điệp gì: con cái cần phải có trách nhiệm đối với cha mẹ của mình.	1,0
II		LÀM VĂN	
	1		2.00
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp, song hành hoặc tổng – phân – hợp	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Giá trị, vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của tình yêu thương trong cuộc sống.	0.25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận:</i>	0,25
		<p>1. Khái quát chung thế nào là tình mẫu tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đây là một tình cảm thiêng liêng giữa mẹ và con - Mẫu là mẹ, tử là con, mẫu tử là mẹ con - Tình mẫu tử thể hiện sự gắn bó, yêu thương và chăm sóc <p>2. Bình luận về tình mẫu tử:</p> <p><i>a. Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng và có vai trò đặc biệt với mỗi con người:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ khi con người sinh ra đã có mẹ ở bên, có sự yêu thương che chở của mẹ: mẹ mang thai, sinh chúng ta, chăm chúng ta,.... - Mẹ là người có tấm lòng cao cả, tha thứ mọi lỗi lầm dù lớn đến mức nào của chúng ta - Tình mẫu tử cũng là truyền thống đạo lí của dân tộc ta từ xưa <p><i>b. Tình mẫu tử đối với mỗi người:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Một người có tình mẫu tử sẽ có cuộc sống hạnh phúc, được yêu thương - Ai không có tình mẫu tử thì rất bất hạnh và là một thiệt thòi <p><i>c. Vai trò của tình mẫu tử:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình mẫu tử soi sáng đường cho chúng ta đi - Giúp chúng ta thức tỉnh khi có chút vấp ngã trong cuộc sống <p>3. Trách nhiệm của chúng ta trước tình mẫu tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chúng ta cần giữ gìn và tôn trọng tình cảm thiêng liêng này - Không ngừng học tập và báo đáp công ơn mẹ cha - Không có những hành động thiếu tình mẫu tử 	<p>0,5</p> <p>0,25</p>
		d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn về chính tả và ngữ pháp tiếng Việt	0.25
		e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận	0.25
		Viết bài văn	10
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận</i>	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i>	0.25

	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm;</p>	
	<p>I. Mở bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm <i>Những ngôi sao xa xôi</i> - Truyện làm nổi bật tâm hồn trong sáng mơ mộng và tinh thần dũng cảm lạc quan trong cuộc chiến đấu đầy gian khổ, hi sinh của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn <p>II. Thân bài</p> <p>1. Hoàn cảnh sống và chiến đấu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ba cô gái Thao, Phương Định, Nho làm ở tổ trinh sát mặt đường - Họ sống trên một cao điểm giữa vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung bom đạn nguy hiểm - Công việc nguy hiểm phải chạy trên cao điểm cả ngày, phơi mình giữa vùng trọng điểm bắn phá của máy bay địch, sau mỗi trận bom phải đo khối lượng đất đá, đánh dấu bom chưa nổ, phá bom → Công việc, hoàn cảnh sống nguy hiểm đòi hỏi sự gan dạ, bình tĩnh <p>2. Phân tích những nét chung và nét riêng của ba cô gái thanh niên xung phong</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ đều là những cô gái thanh niên xung phong còn trẻ, phải xa nhà, xa mái trường đi chiến đấu * <i>Nét chung</i> <ul style="list-style-type: none"> - Phẩm chất cao đẹp: tinh thần trách nhiệm cao với công việc, không sợ cái chết - Dũng cảm, gan dạ: Sẵn sàng nhận nhiệm vụ, dám đối mặt với cái chết mà không nao núng dù nhiều lần họ bị bom vùi và làm bị thương - Họ có tinh thần đồng đội gắn bó, thân thiết: thể hiện ở tính tình, sự quan tâm chăm sóc chu đáo khi đồng đội bị thương - Nổi bật vẻ đẹp tâm hồn của ba cô gái thanh niên xung phong <ul style="list-style-type: none"> + Là những cô gái trẻ dễ vui, mơ mộng nhưng cũng trầm tư sâu lắng + Họ nữ tính, thích làm đẹp cho cuộc sống ở chiến trường khói lửa + Bình tĩnh, chủ động, lạc quan luôn nghĩ về tương lai * <i>Nét riêng</i> <ul style="list-style-type: none"> - Nho là em út tính nết trẻ con, thích ăn kẹo, có dáng vẻ bé nhỏ, nhẹ nhàng, nhưng rất bản lĩnh, rắn rỏi - Chị Thao là người thích làm dáng nhất, ở chị có những nét tính cách tương trái ngược nhau: <ul style="list-style-type: none"> + Thích hát bài hát do Phương Định bịa ra nhưng lại không hát trôi chảy bài nào 	

	<p>+ Rất dũng cảm táo bạo nhưng lại sợ máu, sợ vất</p> <p>+ Trong cô có sự nhút nhát mềm yếu của cô gái, là cô gái bản lĩnh trong chiến đấu</p> <p>- Nhân vật Phương Định</p> <p>+ Là cô gái Hà Nội vào chiến trường 3 năm, hay hoài niệm về quê hương, mẹ, mái trường...</p> <p>+ Là cô gái hồn nhiên mơ mộng với nhiều nét tính cách thể hiện rất rõ ràng: thích hát, thuộc nhiều bài hát, say sưa tận hưởng cơn mưa hồn nhiên như chưa hề nghe thấy tiếng bom đạn nổ</p> <p>→ Đó là vẻ đẹp trong sáng hồn nhiên, thật đáng yêu</p> <p>+ Chăm sóc chu đáo cho đồng đội</p> <p>+ Là cô gái nhạy cảm, duyên dáng nhưng không biểu lộ tình cảm, tỏ ra kín đáo trước đám đông, tưởng như kiêu kì nhưng lại tạo nên một sức hút tự nhiên</p> <p>+ Nổi bật nhất phẩm chất anh hùng: có tinh thần trách nhiệm với công việc, gan dạ tự tin, thận trọng khi làm nhiệm vụ</p> <p>→ Qua hành động và dòng suy tư của nhân vật tác giả Lê Minh Khuê cho người đọc thấy được thế giới nội tâm phong phú cùng phẩm chất anh hùng của nhân vật</p> <p>3. Thành công nghệ thuật</p> <p>- Phương thức trần thuật: kể bằng ngôi thứ nhất chân thực, miêu tả thế giới nội tâm phong phú sâu sắc</p> <p>- Ngôn ngữ giọng điệu: lời kể linh hoạt, câu văn ngắn, câu đặc biệt tạo được sự nhịp nhàng phù hợp không khí chiến đấu</p> <p>- Nghệ thuật miêu tả tâm lý và tính cách nhân vật đa dạng, sinh động</p> <p>III. Kết bài</p> <p>Truyện ngắn <i>Những ngôi sao xa xôi</i> là thành công của tác giả khi xây dựng thành công hình tượng tiêu biểu về những người trẻ trong thời kì kháng chiến chống Mỹ kiên cường, anh dũng nhưng cũng mơ mộng, hồn nhiên.</p>	
	<i>d. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp.</i>	0.25
	<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</i>	0.25

ĐỀ SỐ 16

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Hòn đá có thể cho lửa, cành cây có thể cho lửa. Nhưng chỉ có con người mới biết nuôi lửa và truyền lửa. Lửa xuất hiện khi có tương tác, ít ra là hai vật thể tạo lửa. Lửa là kết quả của số nhiều. Cô bé bán diêm là số đơn. Cô đã chết vì thiếu lửa. Để rồi từ đó loài người đã cảnh giác thấp nển suốt mùa Giáng sinh để cho không còn em bé bán diêm nào phải chết vì thiếu lửa.

Nước Việt hình chữ “S”, hiện thân của số nhiều, lẽ nào không biết nuôi lửa và truyền lửa, lẽ nào thiếu lửa? Không có lửa, con rồng chẳng phải là rồng, chỉ là con giun, con rắn. Không có lửa làm gì có “nồng” nàn, “nhiệt” tâm! Làm gì có “sốt” sắng, “nhiệt” tình, đuốc tuệ! Làm gì còn “nhiệt” huyết, “cháy” bỏng! Sẽ đâu rồi “lửa” yêu thương? Việc mẹ cha, việc nhà, việc nước, làm gì với đôi vai lạnh lẽo, ơ hờ? Không có lửa em lấy gì “hun” đúc ý chí, “nấu” sử sôi kinh? Em... sống đời thực vật vô tri như lưng cây, mắt lá, đầu cành, thân cỏ.... Cho nên: Biết ủ lửa để giữ nhân cách – người, nhân cách – Việt. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội. Thế nhưng: Nếu không có lửa làm sao thành mùa xuân?”.

(Trích Thấp mình để sang xuân, Nhà văn Đoàn Công Lê Huy)

Câu 1. Xác phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Cho biết ý nghĩa của từ “lửa” được in đậm trong hai câu văn sau: “Hòn đá có thể cho lửa, cành cây có thể cho lửa. Nhưng chỉ có con người mới biết nuôi lửa và truyền lửa”. (0,5 điểm)

Câu 3. Tại sao tác giả lại nói: “Biết ủ lửa để giữ nhân cách - người, nhân cách - Việt”? (1,0 điểm)

Câu 4. Thông điệp có ý nghĩa nhất được rút ra từ đoạn văn bản trên là gì? (1,0 điểm)

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ), trình bày suy nghĩ về ý kiến được nêu ở đoạn trích trong phần Đọc hiểu: “Nếu không có lửa làm sao thành mùa xuân?”.

Câu 2 (5,0 điểm).

Cảm nhận bức tranh thiên nhiên qua hai khổ thơ sau:

“Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng”

(Trích “Mùa xuân nho nhỏ” - Thanh Hải)

“Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se,
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về”

(Trích “Sang thu” - Hữu Thỉnh)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên: nghị luận	0,5 điểm
	2	Từ “lửa” được nói đến trong câu văn mang ý nghĩa ẩn dụ, nó là: nhiệt huyết, đam mê, khát vọng, ý chí, niềm tin, là tình yêu thương mãnh liệt... ngọn lửa ấy được con người nuôi dưỡng trong tâm hồn và có thể lan truyền từ	0,5 điểm

		người này sang người khác.	
	3	<p>“Biết ủ lửa để giữ nhân cách – người, nhân cách – Việt”</p> <p>“Biết ủ lửa” tức là biết nhen nhóm, nuôi dưỡng lửa trong tâm hồn mình. Có ngọn lửa của đam mê, khát vọng mới dám sống hết mình, dám theo đuổi ước mơ hoài bão. Có ngọn lửa của ý chí, nghị lực sẽ có sức mạnh để vượt qua khó khăn trở ngại, đến được cái đích mà mình muốn. Có ngọn lửa của tình yêu thương sẽ sống nhân ái, nhân văn hơn, sẵn sàng hi sinh vì người khác. Ngọn lửa ấy giúp ta làm nên giá trị nhân cách con người.</p>	1,0 điểm
	4	<p>HS có thể rút ra những thông điệp khác nhau từ đoạn văn bản trên và trình bày suy nghĩ thẩm thía của mình về thông điệp đó.</p> <p>Ví dụ : không có lửa cuộc sống con người chỉ còn là sự tồn tại.</p>	1,0 điểm
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn theo định hướng sau :</p> <p>1. Mở đoạn : Giới thiệu vấn đề</p> <p>2. Thân đoạn :</p> <ul style="list-style-type: none"> – Mùa xuân – mùa khởi đầu của một năm, mùa để vạn vật hồi sinh, trời dậy. Yếu tố làm nên mùa xuân của đất trời là sức sống; còn yếu tố làm nên mùa xuân của cuộc đời, của con người là lửa. – Lửa là nhiệt huyết, khát vọng, đam mê; là ý chí, nghị lực, niềm tin; là tình yêu thương của con người với con người... – Có lửa để con người mạnh mẽ, tự tin, dám nghĩ, dám làm, dám theo đuổi ước mơ, hoài bão. Có lửa con người mới sống hết mình trong cháy khát, đam mê. Có lửa để con người sống người hơn, nhân văn hơn. Lửa thôi thúc ta vươn tới những tầm cao mới, lửa làm nảy nở những búp chồi hạnh phúc ... – Nếu lửa chỉ cháy trong một cá nhân chẳng khác nào một ngọn nến le lói trong bóng đêm. Ngọn lửa phải lan tỏa, chúng ta cùng cháy mới có thể thắp lên “mùa xuân”. <p>3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	2,0 điểm

2	<p>a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I/ Mở bài Thiên nhiên luôn là nguồn cảm hứng vô tận đối với thi sĩ từ xưa đến nay bởi vẻ đẹp gợi cảm và vĩnh hằng của nó. Hình ảnh thiên nhiên luôn được gọi lên với những bức tranh tuyệt đẹp qua biết bao tác phẩm sống mãi với thời gian. Mỗi lần đọc “<i>Mùa xuân nho nhỏ</i>” của Thanh Hải và “<i>Sang Thu</i>” của Hữu Thỉnh, chúng ta lại bắt gặp những rung cảm tinh tế của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên ban tặng cho cuộc sống. Đặc biệt 2 khổ thơ đầu của bài thơ đã khơi gợi cho người đọc những cảm xúc băng khuâng xao xuyến của thiên nhiên ở 2 mùa xuân thu: <div style="text-align: center;"> <p>“<i>Mọc giữa dòng sông xanh</i> <i>Một bông hoa tím biếc</i> <i>Oi con chim chiền chiện</i> <i>Hót chi mà vang trời</i> <i>Từng giọt long lanh rơi</i> <i>Tôi đưa tay tôi hứng</i>” (Trích “<i>Mùa xuân nho nhỏ</i>” - Thanh Hải) “<i>Bỗng nhận ra hương ổi</i> <i>Phả vào trong gió se,</i> <i>Sương chùng chình qua ngõ</i> <i>Hình như thu đã về</i>”. (Trích “<i>Sang thu</i>” - Hữu Thỉnh)</p> </div> II/ Thân bài 1.Khái quát chung Thanh Hải viết bài thơ “<i>Mùa xuân nho nhỏ</i>” khi đất nước vừa thoát khỏi chiến tranh không lâu (1980), bản thân nhà thơ cũng ở tình trạng sức khỏe hiểm nghèo, nhưng cả cuộc đời gắn bó với quê hương xứ sở làm sao không có những cảm xúc lúc đi xa. Còn Hữu Thỉnh lúc viết bài “<i>Sang thu</i>” thì mới chỉ ngoài ba mươi tuổi, (1977) nhưng là người từng trải. Vì ông xuất thân từ một người lính, đã trải qua biết bao nhiêu là khó khăn, gian nan, vất vả; với biết bao nhiêu tang tóc, hi sinh, mất mát nơi chiến trường khốc liệt... nên rất thiết tha cháy bỏng với cuộc sống này. Viết về quê hương, đất nước thì mỗi nhà thơ lại có một cảm nhận riêng. Nếu hình ảnh đất nước trong bài “<i>Mùa xuân nho nhỏ</i>” của Thanh Hải được soi chiếu qua lăng</p>	5,0 điểm
---	---	----------

kính mùa xuân thì “*Sang thu*” của Hữu Thỉnh, quê hương, đất nước lại được soi chiếu qua bức tranh giao mùa cuối hạ sang thu... Thật phong phú, đa dạng mà không kém phần thú vị.

2. Cảm nhận bức tranh thiên nhiên qua hai khổ thơ

a. Khổ thơ bài Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải

Thật vậy, hình ảnh quê hương, đất nước hiện lên qua cảnh sắc mùa xuân – thiên nhiên xứ Huế tinh khôi, trong trẻo, đầy sức sống. Mùa xuân của thiên nhiên cũng là mùa xuân của đất nước con người:

*“Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng”*

Thanh Hải đưa ta về với thiên nhiên tạo hoá đất trời. Sau những ngày đông lạnh lẽo, thiên nhiên lại được khoác một tấm áo tươi non, ấm áp của mùa xuân. Mùa xuân đến, báo hiệu bằng những cảnh sắc thiên nhiên quen thuộc : dòng sông xanh, bông hoa tím biếc và chim chiền chiện. Cảnh sắc thiên nhiên ấy không chỉ đẹp mà còn sinh động. Từ “*mọc*” đặt ở đầu câu thơ vang lên như một điểm nhấn, một sự phát hiện đầy cảm xúc của nhà thơ. Hai câu thơ đầu vẽ nên một không gian mùa xuân rộng mở tươi tắn với hình ảnh một dòng sông xanh trong chảy hiền hoà. Cái màu xanh ấy phản ánh được màu xanh của bầu trời, của cây cối hai bên bờ, cái màu xanh quen thuộc mà ta có thể gặp ở bất kì một con sông nào ở dải đất miền Trung. Nổi bật trên nền xanh lơ của dòng sông là hình ảnh “*một bông hoa tím biếc*”, một hình ảnh thân thuộc của cánh lục bình hay hoa súng mà ta thường gặp ở các ao hồ sông nước của làng quê mà ta từng gặp trong những vần thơ của khác:

*“Con sông nhỏ tuổi thơ ta tắm
Vẫn còn đây nước chẳng đổi dòng
Hoa lục bình tím cả bờ sông...”*

(Lê Anh Xuân)

Màu tím biếc ấy không lẫn vào đâu được với sắc màu tím Huế thân thương- vốn là nét đặc trưng của những cô gái đất kinh kỳ với sông Hương núi Ngự. Màu xanh của nước hài hoà với màu tím biếc của bông hoa tạo nên một nét chấm phá nhẹ nhàng mà sống động. Bức tranh xuân còn được điểm xuyết thêm bằng âm thanh rộn rã, tưng bừng

của con chim chiến chiến hót vang trời. Tiếng hót của chim, đường nét uốn lượn quanh co của con sông, màu tím biếc của bông hoa vẽ nên một bức tranh mùa xuân đầy sức sống mãnh liệt trên quê hương tác giả. Trước vẻ đẹp ấy, nhà thơ ngất ngây sung sướng không ngăn được dòng cảm xúc. Những từ cảm thán “Ơi”, “*Hót chi*” vang lên là tiếng lòng nao nức say sưa của nhà thơ khi lần đầu tiên phát hiện vẻ đẹp đơn sơ mà say đắm của cảnh vật quê hương.

*“Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng”*

Cụm từ “*giọt long lanh*” gợi lên những liên tưởng phong phú và đầy thi vị. Nó có thể là giọt sương lấp lánh qua kẽ lá trong buổi sớm mùa xuân tươi đẹp, có thể là giọt nắng rọi sáng bên thềm, có thể giọt mưa xuân đang rơi, giọt hạnh phúc, giọt thời gian rơi qua kẽ lá... Nhưng theo mạch liên tưởng của bài thơ thì “*giọt long lanh*” còn là **giọt âm thanh** đồ liên hồi của con chim chiến chiến... Hình ảnh có tính chất tượng trưng “*tôi đưa tay tôi hứng*” là **thái độ yêu thương, trân trọng của nhà thơ trước vẻ đẹp của đất trời. Nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác** quả đã đạt tới mức tinh tế đáng khâm phục. Hai câu thơ đã biểu hiện niềm say sưa, ngây ngất, xốn xang, rạo rực của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời lúc vào xuân. Chắc hẳn trong lòng thi sĩ đang dạt dào tình yêu quê hương, đất nước, tình yêu cuộc đời.

b. Khổ thơ bài Sang thu của Hữu Thỉnh

Tạm rời xa mùa xuân của Thanh Hải ta tìm đến với cái tình non sông đất nước được khơi nguồn từ cảnh sắc thiên nhiên trong bài “Sang thu” của Hữu Thỉnh. Thi sĩ bộc bạch tình yêu đất nước ở nhiều cung bậc. Hữu Thỉnh với cái nhìn thật tinh tường, một cảm nhận thật sắc nét đã vẽ lại bức tranh in dấu sự chuyển mình của đất trời qua bài thơ “*Sang Thu*”. *Sang thu* của Hữu Thỉnh giúp ta chiêm ngưỡng lại những giây phút giao mùa tinh tế đầy ý vị mà bấy lâu nay ta hững hờ. Đó là lúc hồn ta run lên những cảm nhận dung dị. Hình ảnh đất nước quê hương còn được nhà thơ phác họa qua phút giao mùa cuối hạ sang thu thật tinh tế và sâu sắc. Bắt đầu từ một khu vườn ngoại ô của vùng đồng bằng Bắc Bộ:

*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se,*

Không phải là sắc “*mơ phai*” của Xuân Diệu hay hình ảnh “*con nai vàng ngơ ngác*” của Lưu Trọng Lư mà là

“*huong ổi*” thân quen nơi vườn mẹ đã đánh thức những giác quan tinh tế nhất của nhà thơ. Hương vị đơn sơ, mộc mạc, đồng nội, rất quen thuộc của quê hương. Câu thơ có hương vị ấm nồng của chớm thu ở một miền quê nhỏ. Vì sao tín hiệu đầu tiên để tác giả nhận ra mùa thu là “*huong ổi*” mà không phải là các hương vị khác? Mùi hương quê nhà mộc mạc “*phả*” trong gió thoảng bay trong không gian. Tất cả đến với tác giả nhẹ nhàng, mà đột ngột quá, thu về với đất trời quê hương, với lòng người mà không hề báo trước. Cảm giác bất chợt đến với nhà thơ: “*bỗng nhận ra*” - một sự bất ngờ mà như đã chờ đợi sẵn từ lâu lắm. **Câu thơ không chỉ tả mà còn gợi liên tưởng đến màu vàng ươm, hương thơm lựng, vị giòn, ngọt, chua chua nơi đầu lưỡi của trái ổi vườn quê.** Câu thơ ngắn mà có cả gió cả hương. Hương là hương ổi, gió là gió se. Đây là những nét riêng của mùa thu vùng đồi trung du miền Bắc. **Gợi được như vậy hẳn cái tình quê của Hữu Thỉnh phải đậm đà lắm.** Nhận ra hương ổi giống như một sự phát hiện nhưng ở đây là phát hiện ra mùi hương vẫn vương vấn mà bấy lâu nay con người hờ hững. chính vì sự phát hiện ra cái gần gũi xung quanh mình cho nên con người mới có cảm giác ngỡ ngàng đôi chút bối rối ấy. Và không chỉ có thế, cả “*sương*” thu như cũng chứa đầy tâm trạng, thông thả, chùng chình giăng mắc trên khắp nẻo đường thôn:

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về.

Một hình ảnh đầy ấn tượng. “*Sương*” được cảm nhận như một thực thể hữu hình có sự vận động – một sự vận động chậm rãi. *Sương* thu đã được **nhân hoá**, hai chữ “*chùng chình*” diễn tả rất thơ bước đi chậm chậm của mùa thu. Đâu chỉ có thế, **cái hay của từ láy “chùng chình” còn là gợi tâm trạng.** *Sương* “*dềnh dàng*” hay lòng người đang tư lự, hay tâm trạng của tác giả cũng “*chùng chình*”? **Cái “ngõ” sương phải chăng là cái ngõ thời gian thông giữa hai mùa?** Nhà thơ ngỡ ngàng, sung sướng, có phần giật mình, bối rối “*Hình như thu đã về*”, cảm giác băng khuâng, xao xuyến, cảm thấy rồi mà sững sờ khó tin. Hình như thu đã về còn như là một câu thăm hỏi lại mình để có một sự khẳng định. Tâm hồn thi sỹ nắm bắt những biến chuyển nhẹ nhàng, mong manh của tạo vật trong phút giao mùa cũng êm đềm, băng khuâng như bước đi nhỏ nhẹ của mùa thu. Khổ thơ ngắn mà đã để lại cho ta biết bao rung động. Ta như cảm thấy một hồn quê, một

	<p>tình quê đi về trong câu chữ làm lòng ta ấm áp. Hình ảnh quê hương như càng thêm gần gũi, yêu mến.</p> <p>3.Đánh giá</p> <p>Cả 2 khổ đều được viết theo thể thơ 5 chữ, cô đọng, hàm súc; vận dụng hiệu quả các phép tu từ (đảo ngữ, nhân hóa, ẩn dụ); sử dụng cả những hình ảnh hữu hình (dòng sông, bông hoa, chim chiền chiện, sương) và vô hình (tiếng chim, hương ổi); ngòi bút miêu tả rất mềm mại, tinh tế; hình ảnh thơ bình dị, thân thuộc. Thông qua hai khổ thơ, hai tác giả đã vẽ nên hai bức tranh thiên nhiên thật trong trẻo, bình yên, đẹp đẽ. Điều đó cho thấy sự quan sát tỉ mỉ, tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống của hai nhà thơ. Tuy nhiên hai khổ thơ cũng có những điểm khác biệt. Một khổ viết về mùa xuân, một khổ viết về mùa thu. Rồi thời gian, không gian nghệ thuật trong mỗi văn bản cũng khác nhau: một bức tranh đậm chất xuân xứ Huế, một bức tranh chớm thu - bắt đúng khoảnh khắc giao mùa của vùng quê Bắc Bộ. Những vần thơ của Thanh Hải chân thật, bình dị, đôn hậu trong khi sáng tác của Hữu Thỉnh lại tinh tế, triết lí. Cảm xúc của hai thi nhân khi viết hai bài thơ cũng khác nhau: Nhà thơ Thanh Hải thiết tha, say đắm trước cảnh xuân, sắc xuân, ông nâng niu, trân trọng từng tiếng chim trong trẻo. Nếu ta đặt bài thơ vào hoàn cảnh ra đời của nó - những ngày cuối đời của nhà thơ, thì ta sẽ càng thêm hiểu những tâm tư này. Còn nhà thơ Hữu Thỉnh, ông ngõ ngàng, giật mình trước bước đi của thời gian nên còn chưa chắc chắn trước sự hiện hữu của những tín hiệu đầu tiên của mùa thu.</p> <p>III/ Kết bài</p> <p>Khẳng định thành công của tác phẩm=> Tóm lại, hai đoạn thơ là hai bức tranh thiên nhiên đầy cảm hứng. Nếu Thanh Hải cho ta cảm nhận cái rộn ràng của thiên nhiên thì Hữu Thỉnh lại mang đến cái dân dã, mộc mạc, đầy rung cảm và thân quen. Dur âm của tác phẩm với bạn đọc=>Hai đoạn thơ để lại trong lòng bao thế hệ bạn đọc những cảm xúc sâu lắng, khó phai mờ, gợi nhắc cho những thế hệ trẻ tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước.</p>	
--	--	--

ĐỀ SỐ 17

I.PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

...Cuộc sống vẫn bình yên trong mỗi căn nhà

Con vẫn học qua online trực tuyến
 Bố, mẹ giao ban cơ quan qua máy tính
 Cả nước đồng lòng đẩy lùi cuộc chiến
 Hiện hình trên màn ảnh ti-vi...
 Phía ngoài bệnh viện trầm tư
 Nhưng bên trong là nhịp chân hồi hả
 Vì mạng sống của hàng trăm người bệnh
 Thầy thuốc đâu quản gian nguy
 Vẫn biết lưỡi hái tử thần không ngoại trừ ai hết!

...
 Ôi mỗi người con đất Việt
 Đã từng chiến thắng ngoại xâm
 Nay thấm thía trong tâm:
 Tự nguyện cách ly
 Vì trường tồn cuộc sống
 Lặng lẽ để hồi sinh
 Cho những ngày thắng dịch

(Trích *Lặng lẽ để hồi sinh*- Nguyễn Hồng Vinh, Hà Nội, 4/4/2020)

Câu 1 (0.5 điểm): Đoạn trích trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2 (0.5 điểm): Chỉ ra những việc làm thể hiện sự đồng lòng của cả nước để đẩy lùi dịch bệnh trong đoạn trích?

Câu 3 (1.0 điểm): Em hiểu như thế nào về dòng thơ “*Lặng lẽ để hồi sinh*”?

Câu 4 (1.0 điểm): Thông điệp ý nghĩa nhất em rút ra được qua đoạn trích trên là gì? Vì sao em chọn thông điệp đó?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Từ nội dung phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) theo cấu trúc tổng - phân - hợp, trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái của nhân dân ta trong việc phòng chống đại dịch Covid 19.

Câu 2 (5.0 điểm).

Cảm nhận của em về nhân vật anh thanh niên trong tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long. Từ đó, nhận xét về tình cảm của tác giả dành cho những người đang cống hiến, quên mình cho nhân dân, tổ quốc.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Đoạn trích trên được viết theo thể thơ	0,5 điểm
	2	Những hành động thể hiện cả nước đồng lòng chống dịch: -Tự nguyện khai báo, cách ly tập trung, tránh tụ tập đông người - Hành động hy sinh thầm lặng của các vị bác sĩ, những chiến sĩ, công an nơi tuyến đầu chống dịch....	0,5 điểm
	3	“ Lặng lẽ để hồi sinh ”: Những việc làm âm thầm lặng lẽ, tự nguyện dù nhỏ bé nhưng lại góp phần làm nên chiến	1,0 điểm

		thắng đại dịch.	
	4	<p>HS có thể lựa chọn bất kì thông điệp nào và lý giải.</p> <p>-Thông điệp: Chúng ta cần phát huy tinh thần đoàn kết, đồng sức đồng lòng chiến đấu chống đại dịch.</p> <p>-Giải thích: Đoàn kết tạo nên sức mạnh dân tộc, đó là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Ngay lúc này, tinh thần đoàn kết vô cùng cần thiết để chiến thắng đại dịch.</p>	1,0 điểm
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>1/ Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận</p> <p>Tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái của nhân dân ta trong việc phòng chống đại dịch Covid 19 là một nét đẹp trong hành động và trong văn hóa ứng xử.</p> <p>2/ Thân đoạn:</p> <p>Bước 1. Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoàn kết là kết thành một khối thống nhất, cùng hoạt động vì một mục đích chung, không chia rẽ. - Tương thân tương ái: là tinh thần thương yêu lẫn nhau <p>Bước 2. Phân tích, chứng minh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cả hệ thống chính trị vào cuộc. - Tất cả người dân cùng chung tay chống giặc bằng những hành động cụ thể. <p>Khẳng định đây là những hoạt động văn hóa ứng xử tốt đẹp của nhân dân ta</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoàn kết tạo nên sức mạnh chung thống nhất - ĐK giúp đất nước vượt qua khó khăn, chung tay cùng với chính phủ đương đầu với “sóng thần” Covid 19. - Giúp những người bị cách ly hoặc mắc Covid 19 nhận được những âm áp về tinh thần và vật chất. - Góp phần lan tỏa tình yêu thương trong xã hội, góp phần tạo nên một xã hội tốt đẹp hơn. <p>=>Đoàn kết và tương thân tương ái đều là những biểu hiện của tình yêu nước.</p> <p>Dẫn chứng: Ủng hộ những chai nước rửa tay khô, những chiếc khẩu trang y tế, những bữa ăn miễn phí, lương thực, thực phẩm.... cho vùng bị cách ly...</p> <p>Bước 3. Bàn luận, mở rộng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu gương tốt về tinh thần đoàn kết. - Phê phán những biểu hiện sai trái, tin giả, trục lợi khi mua những thiết bị y tế. <p>Bước 4. Rút ra bài học</p>	2,0 điểm

	<p>* Nhận thức: là một nét đẹp trong hành động và trong văn hóa ứng xử của người Việt</p> <p>* Hành động: Rèn cho mình đức tính đoàn kết, tương thân tương ái trong cuộc sống từ những việc nhỏ nhất.</p> <p>3/ Kết đoạn: Khẳng định, khái quát vấn đề cần nghị luận</p> <p>Có thể viết thành đoạn văn như sau:</p> <p>Mở đoạn → Tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái của nhân dân ta trong việc phòng chống đại dịch Covid 19 là một nét đẹp trong hành động và trong văn hóa ứng xử.</p> <p>Thân đoạn → Vậy đoàn kết và tương thân tương ái là gì?</p> <p>Giải thích → Đoàn kết là kết thành một khối thống nhất, cùng hoạt động vì một mục đích chung, không chia rẽ còn tương thân tương ái là tinh thần thương yêu lẫn nhau.</p> <p>Phân tích, chứng minh → Đây là những hoạt động văn hóa ứng xử tốt đẹp của nhân dân ta. Vai trò → Đoàn kết tạo nên sức mạnh chung thống nhất, giúp đất nước vượt qua khó khăn, giúp những người bị cách ly hoặc mắc Covid 19 nhận được những âm áp về tinh thần và vật chất, góp phần lan tỏa tình yêu thương trong xã hội để tạo nên một xã hội tốt đẹp hơn. Dẫn chứng → Ta dễ dàng nhận thấy điều đó qua đại dịch Covid 19 khi cả hệ thống chính trị, người dân vào cuộc cùng chung tay chống giặc bằng những hành động cụ thể như ủng hộ những chai nước rửa tay khô, những chiếc khẩu trang y tế, lương thực, thực phẩm, những bữa ăn miễn phí cho vùng bị cách ly... Đoàn kết và tương thân tương ái đều là những biểu hiện của tình yêu nước. Bàn luận, mở rộng → Tuy nhiên trong xã hội hiện nay khi cả nước đang oằn mình chống dịch thì vẫn còn đâu đó những hạng người với những biểu hiện sai trái, tung tin giả, trục lợi cho cá nhân. Những hành động này cần lên án gay gắt. Bài học → Bản thân em là học sinh khi đang ngồi trên ghế nhà trường phải ra sức học tập và rèn luyện thật tốt bên cạnh đó cũng rèn cho mình đức tính đoàn kết, tương thân tương ái trong cuộc sống từ những việc nhỏ nhất, góp phần vào vườn hoa đẹp để cùng cả nước chống dịch. Kết đoạn → Tóm lại, với tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái trong thời gian tới, nhất định dịch Covid 19 sẽ được ngăn chặn và đẩy lùi.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	a. Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học	5,0 điểm

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận
c. Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.

Có thể viết bài văn theo định hướng sau :

1/ Mở bài

- Giới thiệu tác giả Nguyễn Thành Long và tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa
- Khái quát về nhân vật anh thanh niên : đại diện tiêu biểu cho vẻ đẹp của những con người lao động với công việc thầm lặng.

2/ Thân bài

Bước 1. Khái quát về công việc của anh thanh niên

- Anh thanh niên làm kĩ sư khí tượng thủy văn trên đỉnh Yên Sơn cao 2.600m.
 - Nhiệm vụ của anh là đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày để phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu.
- => Công việc đầy gian khổ, thách thức, đáng sợ hơn cả là phải đối diện với nỗi cô đơn "thèm người".

Bước 2.

1/ Cảm nhận nhân vật anh thanh niên

* Luận điểm 1: Anh thanh niên say mê và có trách nhiệm cao trong công việc

- Anh làm việc một mình trên đỉnh núi cao, chấp nhận cuộc sống cô đơn, xa cách với cộng đồng.
 - Mỗi ngày đều phải báo cáo số liệu cụ thể vào 4 mốc thời gian là 4 giờ sáng, 11 giờ trưa, 7 giờ tối và 1 giờ sáng.
 - Anh làm việc trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt:
 - + có mưa tuyết, trời tối đen, "gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới"
 - + “gió thì giống những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung... Những lúc im lặng lạnh cănh mà lại hùng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ được".
 - > Nghệ thuật so sánh, liệt kê, nhân hóa được dùng hiệu quả, giúp người đọc cảm nhận thật rõ về sự khắc nghiệt của thời tiết Sa Pa.
 - Thái độ của anh với công việc:
 - + Vui vẻ, hồ hởi chia sẻ về công việc của mình rất chi tiết, tỉ mỉ, đầy hào hứng.
 - + Dù ở bất cứ hoàn cảnh nào vẫn luôn chăm chỉ, cần mẫn, đều đặn hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.
- => Anh thanh niên là một người yêu công việc, say mê

	<p>lao động; có tinh thần trách nhiệm cao, có lí tưởng sống đẹp và tinh thần vượt khó, sẵn sàng chấp nhận thử thách.</p> <p>* Luận điểm 2: Anh thanh niên có lẽ sống, lý tưởng sống cao cả đáng trân trọng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sống giữa những năm tháng chống Mĩ, anh luôn khát khao được cầm súng ra mặt trận, anh đã cùng bố viết đơn xin ra lính... - Ý thức được ý nghĩa thiêng liêng của công việc, anh sẵn sàng vượt bao thử thách, gian khổ, đặc biệt là nỗi cô đơn để hoàn thành nhiệm vụ. - Cũng vì ý thức trách nhiệm ấy mà anh không những không cảm thấy chán, không cảm thấy sợ mà còn đặc biệt yêu nghề, say mê với công việc của mình: "Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi..." <p>* Luận điểm 3: Anh thanh niên có tâm hồn trẻ trung, yêu đời, yêu cuộc sống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là thanh niên, lại sống nơi heo hút, vắng người, nhưng anh không sống buông thả mà đã biết tổ chức cho mình một cuộc sống khoa học, văn hóa: <ul style="list-style-type: none"> + Căn phòng, nhà cửa gọn gàng ngăn nắp; + Trồng hoa tô điểm cho cuộc sống của mình + Nuôi gà tăng gia sản xuất, phục vụ cho cuộc sống của chính mình + Thỉnh thoảng xuống núi tìm gặp lái xe cùng hành khách để trò chuyện cho vơi nỗi nhớ nhà. -> Anh thanh niên có tinh thần lạc quan, yêu đời, sống khoa học. => Anh thanh niên đã chiến thắng nỗi cô đơn và tạo cho mình một cuộc sống đẹp để đầy ý nghĩa với một niềm yêu đời, yêu cuộc sống say mê. <p>* Luận điểm 4: Anh thanh niên cởi mở, chân thành, hiếu khách, chu đáo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Niềm vui được đón tiếp khách dào dạt trong anh, bộc lộ qua từng cử chỉ, nét mặt, lời nói: <ul style="list-style-type: none"> + Biểu bác lái xe củ tam thất + Tặng bó hoa cho cô gái + Tặng giỏ trứng gà cho ông họa sĩ - Anh thanh niên đã bộc bạch nỗi lòng, sẻ chia tâm sự với các vị khách một cách rất cởi mở, không hề giấu giếm => Sự cởi mở, những lời tâm sự chân thành của anh thanh niên đã giúp xóa bỏ khoảng cách giữa họ, tạo môi tâm giao đầy thân tình, cảm động. <p>* Luận điểm 5: Anh thanh niên là người rất khiêm tốn, giản dị, lễ phép.</p>	
--	--	--

	<p>- Khi ông họa sĩ bày tỏ ý muốn phác họa chân dung mình, anh từ chối vì tự thấy mình không xứng đáng với niềm cảm mến và sự tôn vinh ấy</p> <p>- Anh giới thiệu cho ông họa sĩ về ông kĩ sư ở vườn rau, nhà khoa học nghiên cứu sét...</p> <p>-> Anh chỉ dám nhận phần nhỏ bé, bình thường so với bao nhiêu người khác.</p> <p>2. Tình cảm của tác giả:</p> <p>- Qua nhân vật anh thanh niên, tác giả muốn gửi gắm tình cảm yêu mến, trân trọng và ngợi ca tới những người lao động chân chính, đang ngày ngày thầm lặng cống hiến cho đất nước</p> <p>- Tác giả cũng thể hiện niềm tự hào và tình yêu nước qua việc đặt cái tên chung chung “anh thanh niên” ngầm khẳng định rằng trên khắp đất nước này có rất nhiều người lao động đáng trân quý như thế.</p> <p>Bước 3. Đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật</p> <p>- Nhân vật được lí tưởng hóa từ nhiều điểm nhìn, nhiều góc nhìn</p> <p>- Nhân vật được đặt trong tình huống đặc sắc:</p> <p>+ Là thanh niên trẻ trung, sôi nổi, yêu đời nhưng lại làm việc ở một nơi heo hút, heo lánh và cô đơn.</p> <p>+ Cuộc gặp gỡ ngắn ngủi giữa anh với ông họa sĩ, cô kĩ sư trên đỉnh Yên Sơn đã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của anh.</p> <p>- Không gọi nhân vật bằng tên cụ thể mà bằng đặc điểm giới tính, nghề nghiệp</p> <p>- Khắc họa nhân vật qua những chi tiết nghệ thuật đặc sắc, giàu sức gợi.</p> <p>3/ Kết bài</p> <p>- Khẳng định những phẩm chất tốt đẹp của anh thanh niên.</p> <p>- Liên hệ bản thân và rút ra bài học về sự cống hiến cho đất nước.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
--	--	--

ĐỀ SỐ 18

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Thay vì giúp con có một ước mơ thực sự, nhiều ông bố bà mẹ thường đưa trẻ đến những trung tâm bồi dưỡng tài năng để tham gia hết khóa học này đến chương trình khác. Bởi, phụ huynh cho rằng những chương trình đó rất bổ ích và có giá trị với con.

(...) Ai trong chúng ta cũng có một ước mơ cho riêng mình, trẻ em cũng vậy. Song khác với người lớn, trẻ sẽ có nhiều ước mơ bay bổng do trí tưởng tượng phong phú. Khi đó nhiệm vụ của cha mẹ là nuôi dưỡng ước mơ của con một cách hợp lý, giúp chúng định hướng tương lai.

Trẻ em thường xuyên có ước mơ mới mỗi khi ngưỡng mộ ai đó. Khi được bác sĩ chữa khỏi bệnh, trẻ mong ước lớn lên sẽ làm bác sĩ, khi xem tivi và chứng kiến những diễn viên xinh đẹp hoặc xem những bộ phim siêu nhân thì ước mơ của trẻ lại khác. Chắc hẳn, đây là câu chuyện xảy ra trong nhiều gia đình. Thường, trẻ nhỏ với suy nghĩ ngây thơ, có thể con sẽ thốt ra những câu nói khiến cha mẹ hoang mang. Khi đó không ít phụ huynh áp đặt suy nghĩ và mong muốn của mình lên con. Họ ép con thích những điều cha mẹ muốn. Song, đó không phải là niềm yêu thích của trẻ. Theo các chuyên gia, đó là một trong những suy nghĩ sai lầm mà cha mẹ nên bỏ trong quá trình định hình ước mơ cho con trẻ. Theo chuyên gia Trần Quốc Phúc, cha mẹ hãy cho con một ước mơ và đừng bao giờ "tiêu diệt" giấc mơ đó. "Cha mẹ hãy hỏi con thích gì và tin con sẽ làm được điều đó. Cha mẹ hãy dẫn con tới nơi có những người thành công, để con tiếp cận, nhìn những căn nhà đẹp, những chiếc xe đẹp. Đồng thời để con chứng kiến cuộc sống của những trẻ em nghèo", chuyên gia cho biết.

Theo: Vân Huyền, *Khơi gợi điều trẻ muốn hướng tới*, Báo Giáo dục và Thời đại, số 99, Thứ hai, 26/04/2021, tr.13)

Câu 1 (0,5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2 (0,5 điểm): Chỉ ra và gọi tên thành phần biệt lập trong câu văn sau: Chắc hẳn, đây là câu chuyện xảy ra trong nhiều gia đình.

Câu 3 (1,0 điểm): Nêu nội dung chính của văn bản trên.

Câu 4 (1,0 điểm): Em có đồng tình với việc cha mẹ ép con thích những điều cha mẹ muốn không? Vì sao?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ việc đọc hiểu văn bản ở phần I, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về **ý nghĩa của ước mơ đối với mỗi con người trong cuộc sống**.

Câu 2 (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng,
Ra đậu dặm xa dò bụng biển,
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.*

*Cá nhụ cá chim cùng cá đé,
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,
Cái đuôi em quẫy trắng vàng chóc.
Đêm thơ : sao lùa nước Hạ Long.*

*Ta hát bài ca gọi cá vào,
Gỗ thuyền đã có nhịp trắng cao.
Biển cho ta cả nhọc lòng mẹ
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.*

(Trích *Đoàn thuyền đánh cá* - Huy Cận, Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019, tr. 140)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận	<i>0,5 điểm</i>
	2	Thành phần biệt lập trong câu là: Chắc chắn – thành phần tình thái	<i>0, 5 điểm</i>
	3	Học sinh có thể giải thích theo ý hiểu của mình, có lý giải Gợi ý: Đoạn trích đang nói tới thực hướng dạy con của các bậc phụ huynh hiện nay. Đồng thời nói lên tiếng nói con trẻ với mong muốn được thực sự phát triển, hướng tới đam mê của mình.	<i>1,0 điểm</i>
	4	Học sinh trình bày quan điểm của mình, có lý giải. Gợi ý: Không đồng tình: Vì việc ép những đứa trẻ đi theo con đường mà cha mẹ chúng muốn sẽ khiến những đứa trẻ trở thành những người máy, luôn làm theo những gì được sắp đặt từ trước. Không phát huy được hết khả năng của mình....	<i>1,0 điểm</i>
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>1.Mở đoạn:</p> <p>C1: Con người chúng ta từ khi sinh ra cho tới lúc trưởng thành, ai cũng có một ước mơ, hoài bão của riêng mình.</p> <p>C2: Dân gian ta thường nói “<i>Sống là phải có ước mơ</i>”...</p> <p>2.Thân đoạn:</p> <p>a. Giải thích</p> <p>Ước mơ chính là những dự định, khát khao mà mỗi chúng ta mong muốn đạt được trong thời gian ngắn hoặc dài.</p> <p>Ước mơ chính là động lực để mỗi chúng ta vạch ra phương hướng đường đi để dẫn tới ước mơ.</p> <p>b. Bàn luận chứng minh</p> <p>- Vai trò và ý nghĩa của ước mơ trong cuộc sống:</p>	<i>2,0 điểm</i>

	<p>+ Ước mơ chính là ngọn đuốc soi sáng trong tim mỗi chúng ta nó hướng chúng ta tới những điều tốt đẹp.</p> <p>+ Ước mơ cũng chính là mong muốn được cống hiến sức lực của mình cho xã hội và khi chúng ta đạt được ước mơ cũng là lúc chúng ta được thừa nhận năng lực của mình.</p> <p>Phân tích được con người đi tới ước mơ có dễ dàng không?</p> <p>+ Con đường dẫn tới ước mơ cũng vô cùng khó khăn, không phải lúc nào cũng dễ dàng đạt được, nhưng với những người kiên trì, bền chí, thì ước mơ sẽ giúp cho bạn định hướng cho tương lai của mình một cách tốt đẹp nhất.</p> <p>Dẫn chứng cụ thể.</p> <p>- Nó là vì sao sáng soi những lối ta đi, khi đi qua những khó khăn nhìn thấy ước mơ của mình lấp lánh ở phía xa xa, bạn sẽ nỗ lực bước tiếp.</p> <p>- Những ước mơ sẽ đưa con người đi tới những tương lai, không quản ngại những chông gai, nghiệt ngã, những khó khăn trên con đường đi của mình.</p> <p>- Cuộc sống mà không có ước mơ thì sẽ như thế nào?</p> <p>+ Ước mơ là điều mà ai cũng nên có và cần có trong cuộc sống bởi nếu không có ước mơ cuộc sống của bạn sẽ mất phương hướng vô định. Dẫn chứng cụ thể.</p> <p>+ Không có ước mơ bạn sẽ không xác định được mục tiêu sống của mình là gì. Chính vì không xác định được phương hướng sẽ dẫn tới bạn sẽ sống hoài sống phí, và trở thành người tụt hậu bị bạn bè, xã hội bỏ lại phía sau.</p> <p>c. Bàn luận mở rộng: Phê phán những người không có khát vọng, ước mơ,...</p> <p>d. Bài học nhận thức và hành động: Là một học sinh ngồi trên ghế nhà trường chúng ta cần phải có ước mơ mục đích sống cho riêng mình.</p> <p>3. Kết đoạn:</p> <p>- Để đạt được ước mơ chúng ta cần ra sức rèn luyện học tập, tu dưỡng đạo đức để chuẩn bị những tư trang cần thiết cho con đường đi tới ước mơ của mình.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p>	5,0 điểm

Có thể viết bài văn theo định hướng sau :

I/Mở bài

Huy Cận là một trong những nhà thơ lớn của nền văn học Việt Nam, đặc biệt là trong phong trào Thơ mới. Thơ của ông luôn có một phong cách rất riêng với những nhà thơ khác. Tiêu biểu cho các tác phẩm của ông trong thời kì mới là bài thơ **“Đoàn thuyền đánh cá”** ra đời 1958. Bài thơ là lời ca ngợi thiên nhiên và con người lao động Việt Nam thời kì đất nước xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để lại nhiều ấn tượng nhất trong lòng người đọc là **vẻ đẹp và mối giao hòa giữa con người và thiên nhiên trên cái nền lộng lẫy, tráng lệ của vũ trụ biển cả qua ba khổ thơ sau:**

*“...Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng
Ra đậu dặm xa dò bụng biển,
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.
Cá nhụ cá chim cùng cá đé
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng.
Cái đuôi em quẫy trắng vàng chóa
Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long.
Ta hát bài ca gọi cá vào,
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.
Biển cho ta cá như lòng mẹ
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.”*

II/ Thân bài

1.Khái quát chung

Bài thơ được sáng tác trong chuyến đi công tác của Huy Cận tại vùng mỏ Hòn Gai, Quảng Ninh năm 1958 và được bắt nguồn từ cảm hứng ngợi ca công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của miền Bắc tự do độc lập. Với ý nghĩa đó, bài thơ *"Đoàn thuyền đánh cá"* là khúc tráng ca, ca ngợi con người lao động với tinh thần làm chủ và niềm vui, niềm tin trước cuộc sống mới trong những năm đầu xây dựng đất nước. **Ba khổ thơ trên** nằm giữa bài thơ, đã làm nổi bật với **vẻ đẹp tráng lệ của biển khơi và vẻ đẹp khỏe khoắn, mạnh mẽ của đoàn thuyền, của con người trong lao động**. Tất cả được viết lên bằng trí tưởng tượng mãnh liệt, bằng niềm hứng khởi bay bổng và bút pháp tạo hình đầy sáng tạo.

2.Phân tích, cảm nhận

Luận điểm 1: Người dân ra khơi với tư thế tầm vóc lớn lao (khổ 3)

Mở đầu đoạn thơ là hình ảnh đoàn thuyền lướt nhanh

giữa trời cao biển rộng có cái lân lân, sáng khoái lạ thường:

*“Thuyền ta lái gió với buồm trắng
Lướt giữa mây cao với biển bằng.
Ra đậu dặm xa dò bụng biển
Dàn đan thế trận lưới vây giăng”.*

Nghệ thuật phóng đại “*Lướt giữa mây cao với biển bằng*” - con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé giờ đây qua cái nhìn của tác giả đã sánh ngang tầm vũ trụ. Con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé trước biển trời bao la, đã trở thành con thuyền kì vĩ, lớn lao mang tầm vóc vũ trụ. Thuyền có gió làm lái, có trắng làm buồm, lướt giữa mây cao và biển bằng, giữa mây trời và sóng nước với tất cả sức mạnh chinh phục biển cả, chinh phục thiên nhiên. Hình ảnh này thể hiện rất rõ sự thay đổi trong cảm hứng nghệ thuật của Huy Cận trước và sau cách mạng. Chủ nhân con thuyền – những người lao động cũng trở nên lồng lộng giữa biển trời trong tư thế, tầm vóc làm chủ cuộc đời. Nghệ thuật ẩn dụ “*lái gió buồm trắng*” nghĩa là thiên nhiên hòa hợp, cùng con người lao động. Nếu như ở đoạn đầu, thiên nhiên đã chìm vào trạng thái nghỉ ngơi, thư giãn “*mặt trời xuống biển*”, “*sóng đã cài then*”, “*đêm sập cửa*” thì ở đây, con người đã đánh thức thiên nhiên, khiến thiên nhiên dường như bừng tỉnh, như cùng hòa vào niềm vui trong lao động. Có thể nói, lòng tin yêu thiên nhiên, con người và cảm hứng lãng mạn bay bổng đã giúp nhà thơ xây dựng được một hình ảnh thơ tuyệt đẹp, vừa hoành tráng, lại vừa thơ mộng.

Đã qua rồi thời con người còn nhỏ bé, đơn độc trước sức mạnh bí ẩn của biển cả. Mang trong mình khí thế của người làm chủ, biển thu hẹp lại để con người ra tận khơi xa dò bụng biển, tìm luồng cá, dàn đan thế trận, bủa lưới vây giăng để con người tìm tòi, khám phá. Họ đang hoàng ra những nơi xa để bắt thiên nhiên phục vụ. Họ những dân chài mang theo cả sức trẻ, sức khỏe, mang theo cả sự tìm tòi, khám phá để tung phá thế giới bí hiểm của thiên nhiên. Nghệ thuật ẩn dụ “*Dàn đan thế trận*” được tác giả khai thác rất thành công. Việc đánh bắt ấy như một trận chiến mà mỗi người lao động như một chiến sĩ. Qua phân tích ta thấy sự kết hợp giữa hiện thực (đoàn thuyền) với chất lãng mạn (thuyền lái gió, trắng treo trên cánh buồm) tạo nên những vần thơ đẹp và sâu sắc.

*** Luận điểm 2: Cảnh biển đẹp trong đêm (khổ 4)**

Bức tranh lao động được điểm tô bằng vẻ đẹp của

thiên nhiên. Cái nhìn của nhà thơ đối với biển và cá cũng có những sáng tạo bất ngờ, độc đáo:

*“Cá nhụ cá chim cùng cá đé
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng.
Cái đuôi em quẫy trắng vàng chóa”*

Thủ pháp liệt kê kết hợp với sự phối sắc tài tình qua việc sử dụng các tính từ chỉ màu sắc “*đen hồng*”, “*vàng chóa*”... đã tạo nên một bức tranh sơn mài nhiều màu sắc, ánh sáng, lung linh huyền ảo như trong câu chuyện cổ tích nói về xứ sở thần tiên. Nhà thơ đã liệt kê những loài cá quý của biển: cá nhụ, cá chim, cá đé, mỗi loài cá là một kiểu dáng, một màu sắc làm nên sự giàu đẹp của biển cả quê hương. Nhân hóa “*Cái đuôi e quẫy*” như có một hội rước đuốc trong lòng biển đêm sâu thẳm. Mỗi khi: “*Cái đuôi em quẫy*”, trắng như vàng hơn, rực rỡ hơn, biển cả như sống động hẳn lên. Nhà thơ gọi cá bằng một cách gọi rất dịu dàng-“em” ẩn chứa sự yêu mến với cá và biển cả quê hương.

Người xưa thường nói: “*Thi trung hữu họa*” – nghĩa là trong thơ có hình có ảnh. Quả đúng như thế, mỗi loài cá ở đây là bức kí họa thần tình. Chúng đâu chỉ là sản phẩm vô tri được đánh bắt bởi bàn tay con người. Với họ - những người ngư dân này – cá là bạn, là “em”, là niềm cảm hứng cho con người trong lao động, và cũng chính là đối tượng thẩm mĩ cho thi ca. Cảnh đẹp không chỉ ở màu sắc, ánh sáng, mà còn ở âm thanh. Nhìn bầy cá bơi lội, nhà thơ lắng nghe tiếng sóng vỗ rì rầm:

"Đêm thở : sao lùa nước Hạ long"

Hình ảnh nhân hoá thật độc đáo. Đêm vẫn thư giãn và thủy triều lên xuống tạo ra hơi thở của đêm. Những đốm sao bạt ngàn in trên mặt nước, trôi dạt trên đầu những ngọn sóng triều đập vào bãi cát được ví như: “*lùa nước Hạ Long*”. Sao với nước cũng xuất hiện và tồn tại trong nhịp thở của đêm. Nổi những miền không gian lại với nhau, thiên nhiên như bức tranh sơn mài trắng lệ và kỳ ảo.

*** Luận điểm 3: Tinh thần lao động hăng say và lòng biết ơn biển** (khổ 5)

Tiếng hát theo những người dân chài trong suốt cả cuộc hành trình và giờ đây tiếng hát cất lên là để gọi cá vào lưới:

*Ta hát hài ca gọi cá vào
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao*

Bài hát căng buồm đưa đoàn thuyền ra khơi, bài hát lại vang lên trong công việc, biển lao động cực nhọc thành

niềm vui phơi phới, niềm vui lao động, niềm vui được hòa nhập gắn bó thân thiết với thiên nhiên. Lời ca gọi cá vào lưới nâng cao thêm chất thơ mộng của bức tranh. Người dân chài gõ thuyền xua cá vào lưới, nhưng đây không phải là con người mà là ánh trăng: trăng in xuống dòng nước, sóng vỗ như gõ nhịp vào mạn thuyền xua cá. Hiện thực được trí tưởng tượng sáng tạo thành hình ảnh lãng mạn, giàu chất thơ. Cái nhìn của nhà thơ đối với biển cả và con người là cái nhìn tươi tắn, lạc quan, ông như hòa nhập vào công việc, vào con người, vào biển cả.

Từ đó, cảm xúc dâng trào, không thể không cất lên tiếng hát, bài ca về lòng biết ơn mẹ biển giàu có và nhân hậu:

*“Biển cho ta cá như lòng mẹ
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào”*

Biển ở đây được Huy Cận ví như một người mẹ. Một người mẹ luôn bao dung, che chở cho những đứa con của mình, một người mẹ sẽ luôn dành cho những đứa con những gì tốt đẹp nhất, và luôn luôn là vậy, như câu thơ *"nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra"*, chẳng bao giờ vơi cạn. Thật vậy, *"biển cho ta cá"*, luôn hào phóng với chúng ta, không bao giờ giữ lại gì cho riêng mình. Đây là một hình ảnh so sánh thật tài tình, mang đầy lòng biết ơn, kính trọng của Huy Cận với mẹ biển cả, với sự hào phóng của thiên nhiên. Biển đã cho ta, nuôi ta lớn khôn từ những ngày ta còn thơ bé, nuôi lớn chúng ta qua bao thế hệ con người. Phải, chúng ta thực lòng phải cảm tạ biển cả mệnh mông đã cho ta của cải, nuôi lớn ta, giúp ta làm giàu cho quê hương đất nước. Lời thơ vang lên như lời tâm tình, như lời thủ thủ của con người dành cho mẹ biển bao la. Đó là lời cảm ơn, lời biết ơn sâu sắc gửi tới biển, bởi biển hào phóng quá, yêu thương triu mến quá! Qua phân tích ta thấy con người luôn có khát vọng chiến thắng, làm chủ thiên nhiên nhưng cũng vô cùng biết ơn thiên nhiên.

3.Đánh giá, mở rộng

Đánh giá=> Ba khổ thơ là hình ảnh của thiên nhiên và con người trong công cuộc đánh bắt cá. Nó vừa đẹp lãng mạn lại vừa mang một màu sắc hiện thực thật rõ ràng. Có thể nói, Huy Cận đã vẽ lên một bức tranh thiên nhiên và những người dân chài thật đầy màu sắc. Cùng với đó, nghệ thuật mà Huy Cận sử dụng trong đoạn thơ trên vô cùng nhuần nhuyễn như so sánh, liệt kê, nhân hóa cũng góp phần tạo nên đặc sắc cũng như thành công cho đoạn

		<p>thơ. Mở rộng=>Từ hình ảnh con thuyền và người dân chài trong bài “<i>Đoàn thuyền đánh cá</i>” khiến em liên tưởng đến hình ảnh con thuyền và người dân chài trong bài “<i>Quê hương</i>” của Tế Hanh:</p> <p style="text-align: center;"><i>“Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang”</i></p> <p>III/ Kết bài</p> <p>Đánh giá thành công của tác phẩm=> Tóm lại, chỉ bằng ba khổ thơ ngắn ngủi, nhưng vẫn hiện lên thật rõ bút pháp tài hoa của nhà thơ Huy Cận. Nó đã thể hiện niềm cảm xúc dào dạt của ông trước cuộc sống mới của những người dân sau bao năm tháng chiến tranh. Ông thật xứng đáng là một trong những nhà thơ hiện đại tài năng bậc nhất nền thi ca Việt Nam.Dư âm của tác phẩm với bạn đọc=>Đọc đoạn thơ, bài thơ ta càng yêu hơn, trân trọng hơn vẻ đẹp của cảm hứng say sưa, niềm vui phơi phới trước cuộc đời và tình yêu thiên nhiên, con người thiết tha của nhà thơ Huy Cận.</p> <p>d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
--	--	---	--

ĐỀ SỐ 19

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đang gây ra tác động tới mọi khía cạnh của cuộc sống, của tất cả mọi sinh vật trên Trái Đất này. Những sinh vật có sức chống trả càng yếu, sẽ càng sớm trở thành nạn nhân, và chịu ảnh hưởng càng nặng nề. Rồi loài người sẽ là những nạn nhân tiếp theo nếu chúng ta không cùng nhau tạo ra thay đổi. Thế hệ tương lai sẽ trả giá, hay biết ơn là hệ quả của chính những gì chúng ta làm ngày hôm nay. Tôi tin rằng, nếu đã đọc đến đây, bạn sẽ trở thành đồng đội của tôi, của tác giả, của những người đang cố gắng để làm cho Trái Đất này trở thành một nơi tốt đẹp hơn.
(Theo Hoàng Thảo – Lời giới thiệu, Sống xanh không khó - Nam Kha, NXB Dân trí, 2020)

Câu 1. (0,5 điểm). Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2. (0,5 điểm). Theo đoạn trích, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đang gây ra tác động tới những đối tượng nào?

Câu 3. (1,0 điểm). Nêu nội dung chính của đoạn trích.

Câu 4. (1,0 điểm). Em có đồng tình với ý kiến: Thế hệ tương lai sẽ trả giá, hay biết ơn là hệ quả của chính những gì chúng ta làm ngày hôm nay không? Vì sao?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 15 – 20 dòng) chia sẻ về **những việc em có thể làm để Trái Đất này trở nên tốt đẹp hơn.**

Câu 2 (5,0 điểm). Phân tích hình tượng người lính trong đoạn thơ sau:

Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh,

Sốt run người, vầng trán ướt mồ hôi.

Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá

Miệng cười buốt giá

Chân không giày

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay!

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo.

(Trích *Đồng chí* - Chính Hữu, SGK Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục, 2020)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: Nghị luận	0,5 điểm
	2	Theo đoạn trích, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đang gây ra tác động tới <i>tất cả mọi sinh vật trên Trái Đất này.</i>	0,5 điểm
	3	Nội dung chính của đoạn trích: Gợi ý - Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đang tác động nghiêm trọng tới cuộc sống chúng ta - Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường và con người phải hành động	1,0 điểm
	4	Học sinh có thể trình bày theo quan điểm cá nhân, diễn giải hợp lý. Gợi ý: Đồng tình Lý giải: Những việc làm của chúng ta ngày hôm nay sẽ gây tác động đến môi trường mà thế hệ sau chính là đối tượng trực tiếp chịu ảnh hưởng từ hệ quả đó. Vì vậy nếu hôm nay chúng ta cùng nhau thay đổi để có môi trường xanh thì tương lai thế hệ sau của chúng ta sẽ được sống trong một cuộc sống trong lành, Trái đất trở thành một nơi tốt đẹp hơn và ngược lại.	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1.Mở đoạn: Bảo vệ Trái đất chính là vấn đề cấp thiết	2,0 điểm

	<p>hiện nay.</p> <p>2. Thân đoạn: Bàn luận vấn đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu thực trạng ô nhiễm môi trường hiện nay: + Trái đất ngày càng nóng lên + Không khí chứa nhiều thành phần gây hại hơn + Nồng độ chì đã và đang tăng lên + Ô nhiễm từ các loại xe cộ... - Những việc cần làm để trái đất trở nên tốt đẹp hơn: + Cần có ý thức bảo vệ, giữ gìn vệ sinh môi trường + Có lối sống bền vững + Tiết kiệm nguồn điện, nguồn nước + Ít sử dụng hóa chất + Ngăn chặn chặt phá và khai thác rừng,... + Bảo vệ các loài động vật quý hiếm... + Cần có sự quản lý chặt chẽ của người nhà nước trong việc xử lý những doanh nghiệp, cá nhân vi phạm. + Tăng cường tuyên truyền để cho nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường, hiểu rõ tác hại của ô nhiễm môi trường đối với hệ sinh thái, sức khỏe con người... + Tái chế rác thải, tái sử dụng giấy + Giảm thiểu chất thải và tác động của môi trường - Bài học nhận thức và hành động + Nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của vấn đề môi trường và bảo vệ môi trường. + Hiểu rằng bảo vệ môi trường chính là bảo vệ cuộc sống của mình, của tất cả những người quanh mình, của toàn xã hội. * Bài học cho bản thân: <p>3. Kết đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát lại vấn đề vừa bàn luận. <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a. Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>1. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ Đồng chí và tác giả Chính Hữu 	5,0 điểm

	<p>- Dẫn dắt vào đoạn trích: Bài thơ Đồng chí được nhà thơ Chính Hữu xây dựng hình tượng người lính hiện lên thật chân thực, giản dị với tình đồng chí cao đẹp. Đặc biệt là qua đoạn trích: "..."</p> <p>2. Thân bài</p> <p>* Vẻ đẹp đời sống tâm hồn, tình cảm của những người lính</p> <p>- Là sự thấu hiểu những tâm tư, nỗi lòng của nhau, cùng chia sẻ những gian lao, thiếu thốn của cuộc đời người lính, đùm bọc nhau trong những giây phút ốm đau, bệnh tật:</p> <p style="text-align: center;"><i>Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi</i></p> <p>- Là sự đoàn kết, thương yêu, kề vai sát cánh bên nhau cùng nhau chiến đấu chống lại quân thù tạo nên bức tượng đài bất diệt về hình ảnh người lính trong kháng chiến chống Pháp.</p> <p>- Tình cảm gắn bó thắm lặn mà cảm động của người lính: “<i>Thương nhau tay nắm lấy bàn tay</i>”.</p> <p style="text-align: center;"><i>"Áo anh rách vai Quần tôi có vài mảnh vá Miệng cười buốt giá Chân không giày Thương nhau tay nắm lấy bàn tay!"</i></p> <p>- Tuy có những khó khăn, thiếu thốn nhưng dưới ngòi bút của nhà thơ Chính Hữu hình ảnh người lính hiện lên đôi khi mang đầy vẻ đẹp lãng mạn. Những điều này đã được tác giả miêu tả bằng những hình ảnh gợi nhiều liên tưởng phong phú và sinh động:</p> <p style="text-align: center;"><i>"Đêm nay rừng hoang sương muối Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới Đầu súng trăng treo."</i></p> <p>3. Kết bài</p> <p>- Khẳng định vẻ đẹp của hình tượng người lính trong kháng chiến chống Pháp.</p> <p>d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
--	---	--

ĐỀ SỐ 20

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

"(...) chúng ta hãy biết trân quý vẻ đẹp tâm hồn, bởi đó là yếu tố tiên quyết làm nên giá trị chân chính của một con người. Con người là tổng hòa của vẻ đẹp hình thức bên ngoài lẫn tâm hồn bên trong (...). Với tôi, vẻ đẹp đáng được nâng niu, trân trọng được ngưỡng mộ hơn hết vẫn là nét đẹp toát lên từ tâm hồn mỗi người.

Vẻ đẹp tâm hồn là vẻ đẹp tổng hòa của cảm xúc, nhận thức, lý trí và khát vọng của lòng nhân ái, bao dung, thấu hiểu và sẻ chia, của sự chân thành, hiểu biết, thái độ, cách suy nghĩ và sự lắng nghe trong cuộc sống. Một tâm hồn đẹp giúp ta biết yêu thương, biết sống đẹp, sống có ích. Vẻ đẹp tâm hồn như người ta vẫn nói, tuy nó không có hình hài nhưng thực sự sâu xa và bền vững. Bởi vậy, đó là cái đẹp đáng được quý trọng nhất.

(...) Giống như lớp vỏ bên ngoài, như bình hoa hay một cô búp bê, khi ngắm mãi, (...) ta cũng sẽ thấy chán. Vẻ đẹp hình thức của một con người cũng vậy. Dẫu đẹp, dẫu ấn tượng đến mấy rồi cũng sẽ dễ dàng bị xóa nhòa nếu người đó chỉ là một con người nhạt nhẽo, vô duyên, hay ích kỷ, xấu xa... Nhưng vẻ đẹp tâm hồn thì khác. Nó luôn tạo nên được sức thu hút vô hình và mạnh mẽ nhất, là giá trị thực sự lâu bền của bản thân mỗi người. Một người có tâm hồn đẹp thì vẻ đẹp tâm hồn sẽ càng tôn vinh, bồi đắp cho vẻ đẹp hình thức của người ấy. Và muốn có được vẻ đẹp tâm hồn, mỗi người cần phải trải qua quá trình rèn luyện, tu dưỡng, học hỏi một cách thường xuyên (...)"

(Nguyễn Đình Thi, Trích "Vẻ đẹp tâm hồn",

Nguồn: <http://baolaocai.vn/baivietcu/20180518090329594-ve-dep-tam-hon>)

Câu 1 (0,5 điểm): Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là gì?

Câu 2 (0,5 điểm):

Chỉ ra từ ngữ thể hiện phép nối giữa hai câu văn sau: "Vẻ đẹp tâm hồn như người ta vẫn nói, tuy nó không có hình hài nhưng thực sự sâu xa và bền vững. Bởi vậy, đó là cái đẹp đáng được quý trọng nhất".

Câu 3 (1,0 điểm):

Em hiểu như thế nào về nội dung của câu văn: "Một tâm hồn đẹp giúp ta biết yêu thương, biết sống đẹp, sống có ích"?

Câu 4 (1,0 điểm):

Một người có tâm hồn đẹp thì vẻ đẹp tâm hồn sẽ càng tôn vinh, bồi đắp cho vẻ đẹp hình thức của người ấy". Em có đồng tình với quan điểm này của tác giả không? Vì sao?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Viết đoạn văn khoảng 200 chữ bàn về **cách thức để con người rèn luyện, tu dưỡng vẻ đẹp tâm hồn.**

Câu 2 (5,0 điểm):

Cảm nhận của em về tình cảm của ông Sáu dành cho bé Thu trong đoạn trích Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng. Từ đó thấy được "Tấm lòng của người cha là một tuyệt tác của tạo hóa" (Abbe' Pre'vost).

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	0,5 điểm
	2	Những từ ngữ thể hiện phép nối: Tuy...nhưng, bởi vậy.	0, 5 điểm
	3	Học sinh có thể giải thích theo ý hiểu của mình, có lý giải Gợi ý: "Một tâm hồn đẹp giúp ta biết yêu thương, biết sống đẹp,	1,0 điểm

		<i>sống có ích” là nhận định chính xác bởi khi có một tâm hồn đẹp con người không chỉ biết yêu thương mà còn biết sẻ chia có thái độ và cách suy nghĩ thấu đáo,.. nhờ vậy lối sống trở thành sống đẹp, cuộc sống trở nên có ý nghĩa hơn.</i>	
	4	Học sinh trình bày quan điểm của mình, có lý giải. Gợi ý: Đồng tình Lý giải: Vẻ đẹp tâm hồn tạo nên sức hút vô cùng mạnh mẽ và bền vững. Nó chính là một trong yếu tố quan trọng làm nên vẻ đẹp hình thức hoàn thiện nhất.	1,0 điểm
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: tầm quan trọng của việc nuôi dưỡng vẻ đẹp tâm hồn.</p> <p>2. Thân đoạn:</p> <p>a. Giải thích vẻ đẹp tâm hồn: là vẻ đẹp bên trong mỗi con người, là nhân cách, phẩm chất tốt đẹp, những đức tính quý báu mà mỗi chúng ta cần rèn luyện, trau dồi để hoàn thiện bản thân mình.</p> <p>=>Khẳng định: con người rèn luyện, tu dưỡng vẻ đẹp tâm hồn.</p> <p>b. Phân tích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi con người có một khả năng riêng, thể mạnh riêng, chúng ta cần phải nhận ra giá trị của bản thân mình và tự tin vào bản thân mình, đó sẽ là động lực quan trọng góp phần giúp ta cố gắng thực hiện những mục tiêu trong cuộc sống và đạt được những điều chúng ta mong muốn. - Con người sống và đối xử với nhau bằng tính cách, bằng suy nghĩ và hành động, không phải bằng vẻ bề ngoài, vì vậy, để trở thành người tốt được mọi người yêu quý, trọng dụng, chúng ta cần phải rèn luyện cho bản thân mình vẻ đẹp tâm hồn và những đức tính tốt đẹp. - Người có đạo đức, nhân phẩm tốt sẽ được mọi người yêu quý, tôn trọng, sẽ có được nhiều cơ hội quý báu hơn trong cuộc sống. <p>Chứng minh Học sinh tự lấy dẫn chứng về những con người nuôi dưỡng vẻ đẹp tâm hồn thành công và trở thành người có ích cho xã hội để minh họa cho bài làm văn của mình.</p> <p>Lưu ý: Dẫn chứng phải tiêu biểu, xác thực và được nhiều</p>	2,0 điểm

	<p>người biết đến.</p> <p>c. Bàn luận mở rộng Trong cuộc sống vẫn còn có nhiều người quá tự cao tự đại, ảo tưởng về sức mạnh của bản thân mà không chịu trau dồi, tiến bộ. Lại có những người đề cao vẻ đẹp về ngoại hình, hình thức hơn về đẹp tâm hồn, nhân cách,... những người này đáng bị xã hội thẳng thắn phê phán và chỉ trích.</p> <p>d. Bài học và liên hệ bản thân.</p> <p>3. Kết đoạn Khái quát lại vấn đề nghị luận: tầm quan trọng của việc nuôi dưỡng vẻ đẹp tâm hồn.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>I. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vài nét về tác giả Nguyễn Quang Sáng và tác phẩm “Chiếc lược ngà”. - Giới thiệu cảm nghĩ khái quát về nhân vật ông Sáu. - Giới thiệu về vấn đề nghị luận: Tình yêu của ông Sáu dành cho bé Thu, được thể hiện trong đoạn văn kể chuyện khi ông trở về khu căn cứ và làm cho con cây lược ngà. <p>II. Thân bài:</p> <p>1. Khái quát Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến, mãi đến khi con gái ông lên tám tuổi, ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Bé Thu không chịu nhận cha vì vết sẹo trên mặt làm ba em không giống với người chụp chung với má trong bức ảnh mà em đã biết. Thu đối xử với ba như người xa lạ, đến lúc hiểu ra, tình cảm cha con thức dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải lên đường. Ở khu căn cứ, bao nỗi nhớ thương con ,ông dồn vào việc làm cho con cây lược. Ông hi sinh trong một trận càn của Mỹ nguỵ. Trước lúc nhắm mắt, ông còn kịp trao cây lược cho một người bạn. Tình đồng đội, tình cha con của ông Sáu được miêu tả thật cảm động, làm sáng ngời vẻ đẹp của người lính Cách mạng, của người cha yêu con.</p>	5,0 điểm

2. Tình cảm của ông Sáu dành cho con khi ông ở căn cứ kháng chiến.

- Kiếm được ngà voi, mặt ông “hớn hờ như một đĩa tré được quà”. Những lúc rỗi, ông “ngồi tựa chiếc rặng lược, thận trọng tỉ mỉ và khổ công như người thợ bạc”. Trên sống lưng cây lược, ông đã tận mẫn khắc một dòng chữ nhỏ: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”. Dòng chữ nhỏ mà chứa bao tình cảm lớn lao. Việc làm chiếc lược vừa là cách ông giải tỏa tâm trạng mong nhớ, ân hận vừa là cách gửi vào đó những yêu thương khao khát cháy bỏng dành cho đứa con gái yêu của mình. Chiếc lược ngà giờ đây đã trở thành một vật quý giá thiêng liêng với ông Sáu. Nó làm dịu đi nỗi ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm yêu mến, nhớ thương, mong đợi của người cha đối với đứa con xa cách. Cây lược ấy chưa chải được mái tóc của con nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của ông. Những lúc nhớ con, ông “lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng thêm mượt”. Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ trở thành một nghệ nhân - nghệ nhân chỉ sáng tạo ra một tác phẩm duy nhất trong đời. Ông gửi vào đó bao lời nhắn nhủ thiêng liêng, gửi vào đó bao nỗi nhớ mong con. Chiếc lược ngà là kết tinh tình phụ tử mộc mạc mà đậm thắm, đơn sơ mà diệu kì, là hiện hữu của tình cha con bất hủ giữa ông Sáu và bé Thu. Tình thương ông dành cho con cháy bỏng, như một dòng sông chảy mãi từ suối nguồn, như dòng máu chảy sâu vào tim ông, vào tâm hồn ông đến phút cuối vẫn bùng cháy chẳng nguôi.

- Một tình cảnh đau thương lại đến với cha con ông Sáu: trong một trận càn lớn của quân Mỹ nguy, ông Sáu bị một viên đạn bắn vào ngực và ông đã hi sinh. “Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được”, tất cả tàn lực cuối cùng chỉ còn cho ông làm một việc “đưa tay vào túi, móc cây lược” đưa cho người bạn chiến đấu. Đó là điều trăng trối không lời nhưng nó thiêng liêng hơn cả những lời di chúc. Nó là sự ủy thác, là ước nguyện cuối cùng, ước nguyện của tình phụ tử. Chiếc lược ngà như là biểu tượng của tình thương yêu, săn sóc của người cha dành cho con gái, cho dù đến khi không còn nữa anh chưa một lần được chải tóc cho con. Người kể chuyện, đồng đội của ông Sáu đã bộc lộ một sự đồng cảm và xúc động thực sự khi kể lại câu chuyện.

- Những dòng cuối cùng của đoạn trích khép lại trong nỗi

	<p>buồn mệnh mang mà chứa chan ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Chiến tranh là hiện thực đau xót của nhân loại. Chiến tranh đã làm cho con người phải xa nhau, chiến tranh làm khuôn mặt ông Sáu biến dạng, chiến tranh khiến cuộc gặp gỡ của hai cha con vô cùng éo le, bị thử thách, rồi một lần nữa chiến tranh lại khắc nghiệt để ông Sáu chưa kịp trao chiếc lược ngà đến tận tay cho con mà đã phải hi sinh trên chiến trường. Nhưng những đau thương mất mát mà chiến tranh tàn bạo gây ra không thể nào giết chết những tình cảm đẹp đẽ của con người Việt Nam. “Chiếc lược ngà” như một truyện cổ tích hiện đại dẫn người đọc dõi theo số phận của nhân vật. Người còn, người mất nhưng kỉ vật gạch nối giữa cái mất mát và sự tồn tại là chiếc lược ngà nói với chúng ta nhiều điều về tình người, tình đồng chí, tình cha con. Cảm động nhất, để lại ấn tượng nhiều nhất cho người đọc là tình phụ tử thiêng liêng, sâu đậm – tình yêu thương mà ông Sáu dành cho đứa con gái.</p> <p>3. Nhận xét, đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể nói nhân vật ông Sáu được nhà văn xây dựng bằng những nét nghệ thuật đặc sắc. Nguyễn Quang Sáng đã đặt nhân vật vào cảnh ngộ éo le của đời sống để từ đó ngòi bút miêu tả tâm lí tinh tế đã phát hiện bao cung bậc cảm xúc của tình phụ tử. - Ngôn ngữ kể chuyện vừa truyền cảm, vừa mang đậm chất địa phương Nam Bộ đem đến cho người đọc nhiều xúc động. Đặc biệt, nhà văn đã lựa chọn được một số chi tiết nghệ thuật rất đắt giá như lời dặn mua cho con cây lược của bé Thu, ông Sáu hớn hờ khi kiếm được chiếc ngà voi... Tất cả đã góp phần tô đậm vẻ đẹp của người chiến sĩ Cách mạng, của người cha yêu con nồng thắm. <p>III. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định thành công của tác giả trong việc thể hiện tình phụ tử thiêng liêng như câu danh ngôn của Abbe’ Pre’vost từng nói.: <i>"Tấm lòng của người cha là một tuyệt tác của tạo hóa"</i>. - Khẳng định giá trị tác phẩm. <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
--	--	--

ĐỀ SỐ 21

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

“Đố kị nghĩa là bực tức, khó chịu trước những may mắn và thành công của người khác. Trong khi người thành công luôn nhìn thấy và học hỏi những đức tính tốt đẹp của người khác thì kẻ thất bại lại không làm được điều đó. Họ không muốn nhắc đến thành công của người khác, đồng thời luôn tìm cách chê bai, hạ thấp họ. Họ để mặc cho lòng tự ái, thói ganh tỵ, cảm giác tự ti gặm nhấm tâm trí ngày qua ngày.

Đố kị không những khiến con người cảm thấy mệt mỏi mà còn hạn chế sự phát triển của mỗi người. Thói đố kị khiến chúng ta lãng phí thời gian và không thể tận dụng hết năng lực để đạt được điều mình mong muốn. Ganh tỵ với sự thành công của người khác sẽ khiến chúng ta đánh mất cơ hội thành công của chính mình.

(George Matthew Adams, *Không gì là không thể*, Thu Hằng dịch, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2017, tr.,44)

Câu 1. (0,5 điểm) Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là gì?

Câu 2. (0,5 điểm) Xác định một phép liên kết và chỉ ra từ ngữ thực hiện phép liên kết ấy trong đoạn văn: “*Họ không muốn nhắc đến thành công của người khác (...) Họ để mặc cho lòng tự ái, thói ganh tỵ, cảm giác tự ti gặm nhấm tâm trí ngày qua ngày.*”

Câu 3. (1,0 điểm) Theo em, vì sao người có tính đố kị thường “*không muốn nhắc đến thành công của người khác*”?

Câu 4. (1,0 điểm) Em có đồng ý với ý kiến: “*Ganh tỵ với sự thành công của người khác sẽ khiến chúng ta đánh mất cơ hội thành công của chính mình*” không? Vì sao?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm) Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (từ 1 đến 10 câu) trình bày suy nghĩ của em về **vẻ đẹp của lối sống không có sự đố kị**

Câu 2. (5,0 điểm)

Phân tích nhân vật Vũ Nương trong Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ. Từ đó, nhận xét về tình cảm của tác giả dành cho người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: nghị luận	0,5 điểm
	2	Phép liên kết: Phép lặp: "họ"	0,5 điểm
	3	Người có tính đố kị thường không muốn nhắc đến thành công của người khác vì họ cảm thấy ganh ghét, bản thân mình thua kém trước thành công đó.	1,0 điểm
	4	Trình bày quan điểm của bản thân, lý giải hợp lý. Gợi ý: Đồng ý - Lý giải: - Ganh tỵ với người khác khiến cho bản thân tốn nhiều thời gian để khó chịu, mặc cảm, tự ti, - Đố kị khiến con người ngày càng kém cỏi, lãng phí thời gian để hoàn thiện bản thân, tích lũy những kiến thức cần thiết cho sự phát triển bản thân của mình,	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn	2,0 điểm

chúng.

Có thể viết đoạn văn như sau:

1.Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề:

2.Thân đoạn: Sử dụng các thao tác lập luận như: giải thích, chứng minh, phân tích, bình luận.

– Giải thích:

+ Đố kị nghĩa là bực tức, khó chịu trước những may mắn và thành công của người khác. Đố kị là sự ghen ghét, không công nhận, thậm chí có suy nghĩ, hành động bài trừ đối với những thành tựu của người khác.

+ Lối sống không có sự đố kị là người có lối sống lành mạnh, phong phú; sống có lý tưởng, sống phù hợp với thời đại và hoàn cảnh.

– Một số tác hại của đố kị:

+ Làm nảy sinh nhiều trạng thái tâm lý tiêu cực, khiến cho bản thân người có lòng đố kị luôn căng thẳng, bức bối, không thoải mái, thậm chí là đau đớn. Bởi kẻ đố kị không chấp nhận thực tế người khác hơn mình.

+ Động cơ kích thích phấn đấu giảm sút, mà ý muốn hạ thấp, hãm hại người khác để thỏa lòng ích kỷ tăng lên. Kẻ đố kị luôn chán nản, bỏ cuộc dẫn đến liên tục thất bại.

+ Thói ghen ghét, đố kị làm cho con người trở nên ti tiện, nhỏ nhen, tầm thường, ích kỷ, tự hạ thấp giá trị bản thân mình.

- Vẻ đẹp của lối sống không có sự đố kị.

+ Người có lối sống không có sự đố kị là người có đức hi sinh, có đạo đức, có ý chí, lòng quả cảm, sống trung thực, có tấm lòng vị tha, khoan dung, độ lượng... khiến những người xung quanh tin tưởng và yên mến.

+ Người có lối sống không có sự đố kị sẽ tạo nên sức mạnh làm thay đổi bộ mặt xã hội, tất cả đều hướng thiện, hướng về chân lý, lẽ phải, cái tốt, cái đẹp; làm cho cái xấu, cái ác không có chỗ nương thân...

- Ý nghĩa của lối sống không có sự đố kị:

+ Được mọi người yêu quý

+ Làm cho chúng ta cảm thấy yêu đời và thoải mái hơn

+ Giúp cuộc sống và xã hội tươi đẹp hơn

– Bình luận: Đố kị là một thói xấu bạn cần phải loại bỏ ra khỏi bản thân để con người trở nên cao thượng. Phải biết thi đua, phấn đấu và luôn biết kích thích tinh thần của mình để đạt được thành công như người khác.

3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề: Từ bỏ thói đố kị, thành công nhất định sẽ tìm đến với bạn.

d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng,

	<p>mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>I.Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vài nét về tác giả Nguyễn Dữ và truyện <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i>: + Nguyễn Dữ là một trong những nhà văn nổi tiếng của thế kỉ thứ 15 với thể loại truyện truyền kì. + "<i>Chuyện người con gái Nam Xương</i>" là tác phẩm được rút trong tập truyện <i>Truyền kì mạn lục</i> nổi tiếng của ông, viết về phẩm chất và số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa, đồng thời lên án, tố cáo lễ giáo phong kiến hà khắc. - Giới thiệu khái quát nhân vật Vũ Nương: là hiện thân của lòng vị tha và vẻ đẹp người phụ nữ nhưng phải chịu bi kịch bất hạnh của chế độ phong kiến. <p>II.Thân bài</p> <p>1. Khái quát về truyện Chuyện người con gái Nam Xương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh ra đời: <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> là truyện thứ 16 trong 20 truyện trong sách <i>Truyền kì mạn lục</i> (ghi chép tản mạn những điều kì lạ vẫn được lưu truyền) của Nguyễn Dữ được viết vào thế kỉ XVI. Truyện có nguồn gốc từ truyện cổ dân gian "<i>Vợ chàng Trương</i>". - Cốt truyện: Truyện kể về người con gái tên Vũ Nương thùy mị nết na, tư dung tốt đẹp, người vợ hiền con thảo nhưng bị hàm oan phải tự tử để bảo vệ danh tiết. <p>2. Phân tích nhân vật Vũ Nương</p> <p>a. Hoàn cảnh sống:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ: chiến tranh phong kiến xảy ra, xã hội trọng nam khinh nữ + Hoàn cảnh gia đình: Hôn nhân không có sự bình đẳng về giai cấp, vợ chồng vì chiến tranh mà phải sống xa nhau, tính cách vợ chồng trái ngược nhau. <p>b. Vũ Nương, người phụ nữ có nhiều phẩm chất tốt đẹp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là người con gái thùy mị nết na, tư dung tốt đẹp - Người vợ một mực thủy chung với chồng, thấu hiểu nỗi 	5,0 điểm

khổ và nguy hiểm mà chồng phải đối mặt nơi chiến tuyến, chờ đợi chồng

+ Biết Trương Sinh vốn có tính đa nghi, nên nàng luôn “*giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa*” => một người vợ hiền thực, khôn khéo, nết na đúng mực.

+ Khi chồng đi lính: Vũ Nương rót chén rượu đầy, dặn dò chồng những lời tình nghĩa, đầm thắm, thiết tha: “*Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong được đeo ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi*”.

=> Chồng đi xa vẫn một lòng chung thủy, thương nhớ chồng khôn nguôi, mong chồng trở về bình yên vô sự, ngày qua tháng lại một mình vò võ nuôi con.

- Người con dâu hiếu thảo:

+ Thay chồng chăm lo phụng dưỡng mẹ chồng

+ Khi mẹ chồng ốm thì thuốc thang chạy chữa, lễ bái thần phật và lấy những lời khôn khéo để khuyên lơn để cho mẹ có thể vui bớt đi nỗi nhớ thương và mong ngóng con.

+ Lo ma chay, tế lễ chu đáo khi mẹ chồng mất.

- Người mẹ thương con hết mực:

+ Khi chồng đi lính chưa được bao lâu thì Vũ Nương sinh bé Đản và một mình gánh vác hết việc nhà chồng nhưng nàng chứ bao giờ chênh mảng chuyện con cái.

+ Để con trai bớt đi cảm giác thiếu vắng tình cảm của người cha, nàng chỉ bóng mình trên vách và bảo đó là cha Đản.

-> Vũ Nương là một người phụ nữ lý tưởng đầy đủ phẩm chất công – dung – ngôn – hạnh.

=> Nguyễn Dữ đã dành thái độ yêu mến, trân trọng đối với nhân vật qua từng trang truyện, khắc họa hình tượng người phụ nữ với đầy đủ phẩm chất tốt đẹp.

c. Bi kịch số phận bất hạnh, hẩm hiu:

- Nàng là nạn nhân của chế độ nam quyền, một xã hội mà hôn nhân không có tình yêu và tự do: Trương Sinh xin mẹ trăm lạng vàng để cưới Vũ Nương.

- Là nạn nhân của chiến tranh phi nghĩa:

+ Cuộc sống hôn nhân với Trương Sinh chưa được bao lâu thì chàng phải đi lính, để lại mình Vũ Nương với mẹ già và đứa con còn chưa ra đời.

+ Trong ba năm chồng đi lính, nàng phải thay chồng cáng đáng việc gia đình, chăm sóc con cái, phụng dưỡng mẹ già

+ Sự xa cách do chiến tranh đã tạo điều kiện nảy sinh

	<p>hiếu làm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nỗi đau, oan khuất: + Người chồng đa nghi vì nghe lời con trẻ ngây thơ nên nghi oan, cho rằng nàng đã thất tiết, mắng nhiếc, đánh và đuổi nàng đi mặc nàng đau khổ, khóc lóc bày tỏ nỗi oan. + Không thể thanh minh được, nàng tìm đến cái chết để tỏ bày nỗi oan ức, bảo toàn danh dự. + Dù ở thủy cung luôn nhớ về nhân gian nhưng không thể trở về được -> Vũ Nương có những phẩm chất tâm hồn đáng quý nhưng phải chịu một số phận cay đắng, oan nghiệt. => Tô cáo xã hội phong kiến bất công phi lí đương thời rẻ rúng, chà đạp lên hạnh phúc của con người nhất là người phụ nữ. <p>3.Đánh giá đặc sắc nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo dựng tình huống để thử thách nhân vật - Khắc họa nhân vật qua ngoại hình, hành động, đối thoại... kết hợp với yếu tố kì ảo có thực - Bút pháp miêu tả nhân vật sinh động <p>4.Tình cảm của tác giả dành cho người phụ nữ trong xã hội phong kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Dữ đã xây dựng được một hình tượng nhân vật người phụ nữ hội tụ những vẻ đẹp đáng quý nhất và cũng là đầy đủ những gì đau khổ, tủi nhục nhất của con người. Vũ Nương cũng là đại diện tiêu biểu của hình ảnh người phụ nữ Việt Nam trong xã hội cũ. - Qua đó, tác giả đã đứng trên lập trường nhân sinh để bênh vực cho họ, đồng thời lên tiếng tố cáo gay gắt với các thế lực đã gây ra nỗi đau khổ cho họ. - Liên hệ với cuộc sống của người phụ nữ trong xã hội hiện đại. <p>III. Kết bài: Khái quát và khẳng định lại vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương.</p> <p>d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
--	---	--

ĐỀ SỐ 22

I.PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Tình yêu thương chân thật thường rất vị tha. Người có tình yêu thương chân thật thường nghĩ nhiều đến hạnh phúc của người khác hơn là của bản thân mình. Tình yêu ấy làm cho chúng ta thay đổi bản thân và ngày một trưởng thành hơn. Tình yêu thương

chân thành và sâu sắc bao giờ cũng trường tồn ngay cả sau khi người đó đã từ giã cõi đời. Tuy nhiên, yêu thương không được bày tỏ thì không bao giờ đạt được ý nghĩa đích thực của nó (..)

Hãy bày tỏ tình yêu thương với mọi người xung quanh ngay khi chúng ta còn hiện diện trong cuộc sống này. Hãy nhớ rằng tình yêu thương là ngọn lửa sưởi ấm cuộc đời của mỗi chúng ta. Bạn đừng ngần ngại khi muốn nói với ai đó rằng bạn rất yêu quý họ!

(Trích *Cho đi là con mãi*, Azim Jamal & Harvey McKinnon, NXB Trẻ, 2010, tr. 56-57)

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. (0,5 điểm) Theo đoạn trích, người có tình yêu thương chân thật thường nghĩ gì?

Câu 3. (1,0 điểm) Nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong câu văn: “*Hãy nhớ rằng tình yêu thương là ngọn lửa sưởi ấm cuộc đời của mỗi chúng ta*”.

Câu 4. (1,0 điểm) Em có đồng tình với nhận định của tác giả: Yêu thương không được bày tỏ thì không bao giờ đạt được ý nghĩa đích thực của nó? Vì sao?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm).

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về **sức mạnh của tình yêu thương trong cuộc sống**.

Câu 2. (5,0 điểm) Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim!
Mai về miền Nam thương trào nước mắt
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này*

(Trích *Viếng lăng Bác*, Viễn Phương, Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, tr. 58-59)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	0,5 điểm
	2	Theo đoạn trích, người có tình yêu thương chân thật thường nghĩ nhiều đến hạnh phúc của người khác hơn là của bản thân mình.	0,5 điểm
	3	Tình yêu là tình cảm sâu đậm thanh khiết nhất, tôn quý nhất, vĩ đại nhất trong tâm hồn, nó đã trở thành ngọn lửa sưởi ấm tâm hồn, là ngọn lửa nâng cao tinh thần, nhân cách.... Ngọn lửa ấy sưởi ấm ta bằng sức nóng, nó giúp cuộc sống của chúng ta ngày một ý nghĩa hơn	1,0 điểm
	4	Trình bày quan điểm của em, lý giải hợp lý. Gợi ý: - Đồng tình:	1,0 điểm

		<p>- Lý giải:</p> <p>+ Tình yêu thương cần được bày tỏ để phát huy tác dụng của nó, tạo sự lan tỏa, động lực cho mọi người.</p> <p>+ Khi bày tỏ tình yêu thương cả người cho và người nhận mới đều nhận được giá trị toàn diện nhất của nó.</p>	
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>1. Mở đoạn: Nêu vấn đề nghị luận: sức mạnh của tình yêu thương trong cuộc sống.</p> <p>2. Thân đoạn:</p> <p>Bước 1: Giải thích</p> <p>-Tình yêu thương là cái gốc của nhân loại, là sợi dây vô hình gắn kết con người với con người, thể hiện trong nhiều mối quan hệ: cha mẹ - con cái, vợ - chồng, anh - em, ông bà - cháu, tình bạn, tình yêu đôi lứa, tình cảm giữa người với người dù không cùng màu da, sắc tộc,...</p> <p>Bước 2: Phân tích, chứng minh</p> <p>- Biểu hiện của tình yêu thương: hỏi han, quan tâm, động viên, chia sẻ, giúp đỡ nhau về vật chất và tinh thần, chăm sóc khi đau ốm,...</p> <p>- Tình yêu thương có sức mạnh vô cùng to lớn:</p> <p>+Cho ta chỗ dựa tinh thần để niềm vui được nhân lên, nỗi buồn được giải tỏa; cho ta sự giúp đỡ khi cần.</p> <p>+Nhờ được yêu thương, ta có cảm giác mình không đơn độc, một mình, có đủ dũng khí để vượt qua những điều tưởng như không thể.</p> <p>+Tình yêu thương giúp con người biết cảm thông, thấu hiểu, vị tha; để con người có thêm nhiều cơ hội hiểu nhau, sống tốt đẹp, thân ái với nhau hơn. -I-Tình yêu thương có thể cảm hóa cái xấu, cái ác; xóa bỏ những ngăn cách, hận thù, làm cho cuộc sống ngày càng tốt đẹp, nhân văn (Thí sinh lấy dẫn chứng trong văn học và thực tế.)</p> <p>-Xã hội không có tình yêu thương sẽ chỉ toàn điều ích kỉ, dối trá, lừa lọc, tàn nhẫn.</p> <p>Dẫn chứng: Những giọt nước mắt nóng hổi lăn trên gò má khi xem một bộ phim khiến ta xúc động, có khi đó là nỗi niềm trắc ẩn trước số phận bất hạnh của những cảnh đời éo le, một ánh mắt triu mến cảm thông, một cái nắm tay siết chặt tình bạn bè hay những hành động cử chỉ giản đơn hơn...</p>	2,0 điểm

Bước 3: Bàn luận, mở rộng

-Tình yêu thương phải thật lòng, phải xuất phát từ trái tim.

- Phê phán những biểu hiện sống thờ ơ, vô cảm, thiếu ý thức về tình yêu thương, không biết trân trọng những điều ý nghĩa có được từ tình yêu thương.

Bước 4: Bài học nhận thức và hành động; liên hệ bản thân.

3. Kết đoạn

Khẳng định: "*Con người sống không có tình thương cũng giống như vườn hoa không có ánh nắng mặt trời*" (Vích-to Huy-gô)

Có thể tham khảo đoạn văn sau

Mở đoạn → "*Nơi lạnh nhất không phải là Bắc Cực mà là nơi thiếu vắng tình yêu thương*". **Thân đoạn** → Vậy ta hiểu tình yêu thương là gì? **Giải thích** → Tình yêu thương là cái gốc của nhân loại, là sợi dây vô hình gắn kết con người với con người. **Phân tích, chứng minh** → **Biểu hiện** → Tình yêu thương được biểu hiện ở sự đồng cảm, thấu hiểu, sẻ chia và gắn bó giữa con người với con người, từ suy nghĩ và còn thể hiện qua cả hành động tương thân tương ái, giúp đỡ nhau trong lúc khó khăn hoạn nạn. **Vai trò của tình yêu thương** → Tình yêu thương có sức mạnh vô cùng to lớn. Nó cho ta chỗ dựa tinh thần để niềm vui được nhân lên, nỗi buồn được giải tỏa; cho ta sự giúp đỡ khi cần. Nhờ được yêu thương, ta có cảm giác mình không đơn độc, một mình, có đủ dũng khí để vượt qua những điều tưởng như không thể. Tình yêu thương giúp con người biết cảm thông, thấu hiểu, vị tha; để con người có thêm nhiều cơ hội hiểu nhau, sống tốt đẹp, thân ái với nhau hơn. Tình yêu thương có thể cảm hóa cái xấu, cái ác; xóa bỏ những ngăn cách, hận thù, làm cho cuộc sống ngày càng tốt đẹp, nhân văn. **Dẫn chứng** → Những giọt nước mắt nóng hổi lăn trên gò má khi xem một bộ phim khiến ta xúc động, có khi đó là nỗi niềm trắc ẩn trước số phận bất hạnh của những cảnh đời éo le, một ánh mắt triu mến cảm thông, một cái nắm tay siết chặt tình bạn bè hay những hành động cử chỉ giản đơn hơn... Tất cả là minh chứng cho lòng yêu thương. **Bài học** → Bản thân là học sinh chúng ta hãy thể hiện tình yêu thương từ những việc làm nhỏ nhất, hãy dắt tay một em nhỏ, một cụ già qua đường, động viên các bạn khi gặp những khó khăn, dành phần tiên ăn sáng của mình tạo quỹ thập đỏ trong nhà trường, giúp đỡ những bạn có hoàn

	<p>cảnh gia đình khó khăn biết vượt khó học giỏi... Mỗi khi làm việc đó ta sẽ thấy vui hơn, hạnh phúc hơn và thấy tâm hồn mình cao đẹp hơn được mọi người tin yêu và kính trọng. Bàn luận, mở rộng ➔ Tuy nhiên, nếu thiếu tình yêu thương cuộc sống con người sẽ trở nên trống rỗng, cằn cỗi, tâm hồn con người bị xơ cứng, ích kỉ, hẹp hòi, đó là những con người cả đời chỉ lo đến quyền lợi cá nhân, thờ ơ vô cảm trước nỗi đau bất hạnh của người khác, đó là biểu hiện của lối sống ích kỉ, hẹp hòi đi ngược với đạo lí “<i>thương người như thể thương thân</i>” họ đáng bị xã hội lên án. Và chúng ta đừng bao giờ như họ, hãy yêu thương chân thành không vụ lợi, thậm chí ngay cả bản thân phải sống trong hoàn cảnh bất hạnh, nghèo khổ cũng cần phải yêu thương người khác. Kết đoạn ➔ Như vậy, tình yêu thương là một tình cảm cao đẹp của con người bởi lẽ “<i>Con người sống không có tình yêu thương cũng giống như vườn hoa không có ánh nắng mặt trời</i>” (Vích-to Huy-gô)</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a. Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>I. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đôi nét về tác giả Viễn Phương + Viễn Phương (1928 - 2005) là một nhà thơ tiêu biểu của miền Nam, một trong những cây bút có mặt sớm nhất của lực lượng văn nghệ giải phóng miền Nam thời kỳ chống Mỹ cứu nước. - Giới thiệu khái quát về bài thơ Viếng lăng Bác: Bài thơ Viếng lăng Bác in trong tập thơ “Như mây mùa xuân” (1978) là một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của Viễn Phương. - Giới thiệu đoạn trích: Là dòng cảm xúc của nhà thơ khi vào trong lăng và tâm trạng lưu luyến của nhà thơ khi rời xa lăng Bác <p>II. Thân bài</p> <p>1. Cảm xúc của nhà thơ khi vào trong lăng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vào trong lăng, khung cảnh và không khí như ngưng 	5,0 điểm

	<p>kết cả thời gian, không gian. Hình ảnh thơ đã diễn tả thật chính xác, tinh tế sự yên tĩnh, trang nghiêm cùng ánh sáng dịu nhẹ, trong trẻo của không gian trong lăng Bác.</p> <p>– Đứng trước Bác, nhà thơ cảm nhận Người đang ngủ giấc ngủ bình yên, thanh thản giữa vầng trăng sáng dịu hiền.</p> <p>– Hình ảnh “vầng trăng sáng dịu hiền” gợi cho chúng ta nghĩ đến tâm hồn, cách sống cao đẹp, thanh cao, sáng trong của Bác và những vần thơ tràn ngập ánh trăng của Người. Trăng với Bác đã từng vào thơ Bác trong nhà lao, trên chiến trận, giờ đây trăng cũng đến để giữ giấc ngủ ngàn thu cho Người. -> Chỉ có thể bằng trí tưởng tượng, sự thấu hiểu và yêu quý những vẻ đẹp trong nhân cách của Hồ Chí Minh thì nhà thơ mới sáng tạo nên được những ảnh thơ đẹp như vậy!</p> <p>– Tâm trạng xúc động của nhà thơ được biểu hiện bằng một hình ảnh ẩn dụ sâu xa: “Vẫn biết trời xanh là mãi mãi”.</p> <p>+ “Trời xanh” trước tiên được hiểu theo nghĩa tả thực đó là hình ảnh thiên nhiên mà chúng ta hằng ngày vẫn đang chiêm ngưỡng, nó tồn tại mãi mãi và vĩnh hằng.</p> <p>+ Mặt khác, “trời xanh” còn là một hình ảnh ẩn dụ sâu xa: Bác vẫn còn mãi với non sông đất nước, như “trời xanh” vĩnh hằng. Nhà thơ Tố Hữu đã viết: “Bác sống như trời đất của ta”, bởi Bác đã hóa thân thành thiên nhiên, đất nước và dân tộc.</p> <p>– Dù tin như thế nhưng mấy chục triệu người dân Việt Nam vẫn đau xót và nuối tiếc khôn nguôi trước sự ra đi của Bác – “Mà sao nghe nhói ở trong tim”.</p> <p>+ “Nhói” là từ ngữ biểu cảm trực tiếp, biểu hiện nỗi đau đột ngột quặn thắt. Tác giả tự cảm thấy nỗi đau mất mát ở tận trong đáy sâu tâm hồn mình: nỗi đau uất nghẹn tột cùng không nói thành lời. Đó không chỉ là nỗi đau riêng tác giả mà của cả triệu trái tim con người Việt Nam.</p> <p>+ Cặp quan hệ từ “vẫn, mà” diễn tả mâu thuẫn. Cảm giác nghe nhói ở trong tim mâu thuẫn với nhận biết trời xanh là mãi mãi. Như vậy, giữa tình cảm và lý trí có sự mâu thuẫn. Con người đã không kìm nén được khoảnh khắc yếu lòng. Chính đau xót này đã làm cho tình cảm giữa lãnh tụ và nhân dân trở nên ruột già, xót xa. Cảm xúc đau đớn này, vô vọng này đã từng xuất hiện trong bài thơ của Tố Hữu:</p> <p>Trái bưởi kia vàng ngọt với ai Thơm cho ai nữa hỡi hoa nhài</p>	
--	--	--

Còn đâu bóng Bác đi hôm sớm...
Cảm xúc này là đỉnh điểm của nỗi nhớ thương, của niềm đau xót. Nó chính là nguyên nhân dẫn đến những khát vọng ở khổ cuối bài thơ.

2. Tâm trạng lưu luyến của nhà thơ khi rời xa lăng Bác:

– Nếu ở khổ thơ đầu, nhà thơ giới thiệu mình là người con miền Namra thăm Bác thì trong khổ thơ cuối, nhà thơ lại đề cập đến sự chia xa Bác. Nghĩ đến ngày mai về miền Nam, xa Bác, xa Hà Nội, tình cảm của nhà thơ không kìm nén, ẩn giấu trong lòng mà được bộc lộ thể hiện ra ngoài:

“Mai về miền Nam thương trào nước mắt”.

+ Câu thơ “Mai về miền Nam thương trào nước mắt” như một lời giã biệt.

+ Lời nói giản dị diễn tả tình cảm sâu lắng.

+ Từ “trào” diễn tả cảm xúc thật mãnh liệt, luyến tiếc, bịn rịn không muốn xa nơi Bác nghỉ.

+ Đó là không chỉ là tâm trạng của tác giả mà còn là của muôn triệu trái tim khác. Được gần Bác dù chỉ trong giây phút nhưng không bao giờ ta muốn xa Bác bởi Người ấm áp quá, rộng lớn quá.

– Mặc dù lưu luyến muốn được ở mãi bên Bác nhưng tác giả cũng biết rằng đến lúc phải trở về miền Nam. Và chỉ có thể gửi tấm lòng mình bằng cách muốn hóa thân, hòa nhập vào những cảnh vật quanh lăng để được luôn ở bên Người trong thế giới của Người:

Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác

Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây

Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.

+ Điệp ngữ “muốn làm” cùng các hình ảnh đẹp của thiên nhiên “con chim”, “đóa hoa”, “cây tre” đã thể hiện ước muốn tha thiết, mãnh liệt của tác giả.

+ Nhà thơ ao ước được hóa thân thành con chim nhỏ cất tiếng hót làm vui lăng Bác, thành đóa hoa đem sắc hương, điểm tô cho vườn hoa quanh lăng.

+ Đặc biệt là ước nguyện “*Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này*” để nhập vào hàng tre bát ngát, canh giữ giấc ngủ thiên thu của Người. Hình ảnh cây tre có tính chất tượng trưng một lần nữa nhắc lại khiến bài thơ có kết cấu đầu cuối tương ứng. Hình ảnh hàng tre quanh lăng Bác được lặp ở câu thơ cuối như mang thêm nghĩa mới, tạo ấn tượng sâu sắc, làm dòng cảm xúc được trọn vẹn. “Cây tre trung hiếu” là hình ảnh ẩn dụ thể hiện lòng kính yêu, sự trung thành vô hạn với Bác, nguyện mãi mãi đi theo con

		<p>đường cách mạng mà Người đã đưa đường chỉ lối. Đó là lời hứa thủy chung của riêng nhà thơ và cũng là ý nguyện của đồng miền Nam, của mỗi chúng ta nói chung với Bác.</p> <p>III. Kết bài</p> <p>- Nội dung: Niềm xúc động thiêng liêng, thành kính, niềm tự hào, đau xót của nhà thơ với Bác.</p> <p>- Nghệ thuật:</p> <p>+ Giọng điệu thơ phù hợp với nội dung tình cảm, cảm xúc: vừa trang nghiêm, sâu lắng, vừa tha thiết, đau xót, tự hào.</p> <p>+ Thể thơ 8 chữ, xen lẫn những dòng thơ 7 hoặc 9 chữ. Nhịp thơ chủ yếu là nhịp chậm, diễn tả sự trang nghiêm, thành kính và những cảm xúc sâu lắng. Riêng khổ cuối nhịp thơ nhanh hơn, phù hợp với sắc thái của niềm mong ước.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
--	--	--	--

ĐỀ SỐ 23

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Kim Woo Chung, người sáng lập nên tập đoàn Deawoo từng viết trong quyển sách Thế giới quả là rộng lớn và có rất nhiều việc phải làm rằng: “Lịch sử thuộc về những người biết ước mơ. Ước mơ là động lực thay đổi thế giới. Tôi cam đoan rằng tất cả những người đang làm nên lịch sử thế giới ngày hôm nay đều có những ước mơ lớn khi còn trẻ”. Dù là thay đổi bản thân mình hay là thay đổi thế giới, thì người ta cũng bắt đầu bằng ước mơ.

Con đường theo đuổi ước mơ không bao giờ là con đường an toàn, cũng không phải là con đường dễ dàng. Đôi khi ta phải chấp nhận đi đường vòng, làm việc mình không thích để nuôi dưỡng ước mơ. Đôi khi ta phải đứng lên chống lại định kiến xã hội để đi theo con đường của mình. Nhiều khi ta phải đối mặt với cô đơn, thất vọng. Dù làm gì, dù thế nào đi nữa, thì đừng bỏ cuộc. Hãy luyện tập mãi giữa hằng ngày. Trái ngọt có được sau những chặng đường dài thực sự rất xứng đáng. Hãy tin tưởng,

(Trích Tuổi trẻ đáng giá bao nhiêu, Rosie Nguyễn, - NXB Hội Nhà văn, 2017, tr. 217).

Câu 1 (0.5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2 (0.5 điểm): Theo tác giả, để theo đuổi ước mơ chúng ta phải chấp nhận những điều gì?

Câu 3 (1.0 điểm): Em hiểu như thế nào về ý kiến của tác giả: “Con đường theo đuổi ước mơ không bao giờ là con đường an toàn, cũng không phải là con đường dễ dàng”.

Câu 4 (1.0 điểm): Em có đồng ý với quan điểm của Kim Woo Chung: “Ước mơ là động lực thay đổi thế giới”? Vì sao?

II. PHẦN LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm): Từ nội dung đoạn trích trong phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về **vai trò của ước mơ trong cuộc sống**.

Câu 2 (5.0 điểm):

*Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy trên lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ
Tất cả như hối hả
Tất cả như xôn xao...
Đất nước bốn ngàn năm
Vất vả và gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước.
Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến.
Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.*

(Trích *Mùa xuân nho nhỏ*, Thanh Hải, SGK Ngữ văn 9 tập II, - NXB Giáo dục Việt Nam, 2005, tr.56).

Cảm nhận của em về đoạn thơ trên. Từ đó trình bày suy nghĩ về khát vọng dâng hiến của tuổi trẻ Việt Nam trước tình hình đất nước đang đối mặt với đại dịch Covid - 19.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích: Nghị luận	<i>0,5 điểm</i>
	2	Để theo đuổi ước mơ, chúng ta phải chấp nhận đi đường vòng, làm việc mình không thích để nuôi dưỡng ước mơ. Nhiều khi phải chấp nhận đứng lên chống lại định kiến xã hội để đi theo con đường của mình. Nhiều khi phải đối mặt với cô đơn, thất vọng.	<i>0,5 điểm</i>
	3	Học sinh trình bày cách hiểu của bản thân, có lý giải: Gợi ý: Con đường theo đuổi ước mơ không bao giờ là an toàn, cũng không phải là con đường dễ dàng là một nhận định đúng. Con đường ấy chứa đựng đầy gian nan thử thách, thậm chí cả những thất bại không thể nào tránh khỏi. Đôi khi còn vấp phải sự quay lưng, phản đối của những người xung quanh. Nhiều khi phải đối diện với cả sự nguy hiểm kề cận.	<i>1,0 điểm</i>
	4	Học sinh trình bày theo quan điểm của mình, có lý giải. “Ước mơ là động lực thay đổi thế giới”	<i>1,0 điểm</i>

		<p>Đồng ý</p> <p>Lý giải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi có ước mơ con người sẽ tìm ra mục đích sống, đích đến, nhìn thấy lý tưởng của mình. - Khao khát, ước mơ chính là động lực để con người rèn luyện, tu dưỡng, phát triển bản thân - Ước mơ khiến con người có sức mạnh phi thường vượt qua mọi khó khăn <p>=>Làm nên những thành công không ngờ tới, những điều được xem là phi thường.</p>	
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>1/ Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề</p> <p>Ước mơ có vai trò quan trọng với cuộc sống con người, đối với tuổi trẻ càng quan trọng hơn, là động lực, phương hướng cho những bước đi vững chắc vào đời.</p> <p>2/ Thân đoạn:</p> <p>Bước 1: Giải thích</p> <p>“Ước mơ” là những mong muốn, nguyện ước tốt đẹp mà con người mong muốn có được trong tương lai.</p> <p>Bước 2: Phân tích, chứng minh : Vai trò ý nghĩa của ước mơ</p> <ul style="list-style-type: none"> -Người có ước mơ mới có động lực làm việc, học tập và cống hiến cho xã hội. Khi mỗi con người trên con đường thực hiện ước mơ của mình cũng chính là đóng góp cho xã hội, cho đất nước phát triển. - Trên con đường thực hiện ước mơ chúng ta có thể gặp những khó khăn thử thách, khi vượt qua được thử thách đó chúng ta sẽ có thêm những bài học quý giá để hoàn thiện bản thân mình. - Người sống có ước mơ sẽ thấy cuộc sống tươi đẹp hơn, nhiều màu sắc hơn. - Khi theo đuổi ước mơ, chúng ta sẽ rèn luyện được những đức tính quý báu như kiên trì, nhẫn nại, chăm chỉ... <p>Dẫn chứng: Bác Hồ, các sĩ tử ,...</p> <p>Bước 3: Bàn luận, mở rộng</p> <p>Trong xã hội vẫn còn nhiều người sống không có ước mơ, hoài bão, vô cảm hoặc có ước mơ nhưng không cố gắng thực hiện mà chỉ hão huyền, viễn vông về một cuộc sống</p>	2,0 điểm

tốt đẹp hơn → những người này đáng bị phê phán, chỉ trích.

Bước 4: Bài học nhận thức và hành động

- Là một học sinh ngồi trên ghế nhà trường chúng ta cần phải có ước mơ mục đích sống cho riêng mình.

- Để đạt được ước mơ chúng ta cần ra sức rèn luyện học tập, tu dưỡng đạo đức để chuẩn bị những tư trang cần thiết cho con đường đi tới ước mơ của mình.

3/ Kết bài: Khái quát lại tầm quan trọng của ước mơ

Có thể viết đoạn văn như sau

Mở đoạn → Câu nói "Ước mơ giống như ngọn hải đăng ngoài khơi xa, chúng ta như những con thuyền lênh đênh, trôi nổi giữa biển nước. Ngọn hải đăng soi sáng khiến con thuyền của ta cập bến tới bờ mà không bị mất phương hướng" đã nói lên tầm quan trọng của ước mơ.

Thân đoạn → Vậy, ước mơ là gì? **Giải thích** → "Ước mơ" là những mong muốn, nguyện ước tốt đẹp mà con người mong muốn có được trong tương lai.

Phân tích, chứng minh → **Vai trò, ý nghĩa** → Ước mơ chẳng khác nào ngọn đèn soi sáng khi ta chìm vào vực thăm bóng tối, là chiếc la bàn chỉ hướng khi ta lạc giữa rừng sâu.

Người có ước mơ mới có động lực làm việc, học tập và cống hiến cho xã hội. Trên con đường thực hiện ước mơ chúng ta có thể gặp những khó khăn thử thách, khi vượt qua được thử thách đó chúng ta sẽ có thêm những bài học quý giá để hoàn thiện bản thân mình. Người sống có ước mơ sẽ thấy cuộc sống tươi đẹp hơn, nhiều màu sắc hơn.

Dẫn chứng → Thử hỏi, nếu không phải là mong muốn, ước vọng về một nền hòa bình độc lập cho dân tộc, thì người thanh niên Nguyễn Tất Thành có đủ can đảm, dũng cảm rời bến cảng Nhà Rồng để chính thức bắt đầu cuộc hành trình đi tìm đường cứu nước? Nếu không phải là ước mơ về những năm tháng say mê học hỏi trên giảng đường đại học, thì làm sao hàng ngàn sĩ tử có thể quyết tâm ôn luyện, học tập từng ngày như vậy? Nói như thế mới thấy được tầm quan trọng của ước mơ.

Bàn luận, mở rộng → Tuy nhiên trong xã hội vẫn còn nhiều người sống không có ước mơ, hoài bão, vô cảm hoặc có ước mơ nhưng không cố gắng thực hiện mà chỉ hão huyền, viễn vông về một cuộc sống tốt đẹp hơn và những người này đáng bị phê phán, chỉ trích. **Bài học** → Bản thân em là học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường thì hãy nuôi dưỡng cho mình một ước mơ, hãy chăm chút cho ước mơ lớn lên và trưởng thành mỗi ngày. **Kết đoạn** → Tóm lại, "đừng

	<p><i>bao giờ từ bỏ ước mơ” bởi “đủ nắng hoa sẽ nở. Đủ gió chong chóng sẽ quay. Đủ yêu thương hạnh phúc sẽ đông đầy” và chắc chắn đủ ước mơ bạn sẽ gặt hái được thành công.</i></p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>1. Mở bài</p> <p>- Vài nét về nhà thơ Thanh Hải: Một nhà thơ có thể nói là đã cống hiến cả đời mình cho cách mạng.</p> <p>- Giới thiệu về hoàn cảnh ra đời đặc biệt của bài thơ: được viết trong những ngày cuối cùng Thanh Hải nằm trên giường bệnh, cả cuộc đời ông đã dùng để cống hiến cho cách mạng, giờ đây ông lại cất lên niềm khát khao, niềm mong mỏi có thể tiếp tục cống hiến “mùa xuân nho nhỏ” cho cuộc đời này.</p> <p>2. Thân bài</p> <p>a. Cảm xúc về mùa xuân của đất nước và con người.</p> <p>Mùa xuân của đất nước gắn với hình ảnh người cầm súng (những người làm nhiệm vụ chiến đấu) và hình ảnh “người ra đồng”, “lộc”- niềm hi vọng tươi sáng đang theo họ đi khắp nơi hay chính họ đã đem mùa xuân đến mọi nơi trên đất nước. Nhịp độ khẩn trương : “Tất cả như...xôn xao” - Công cuộc xây dựng mùa xuân của đất nước diễn ra khẩn trương, sôi động. => Nghệ thuật điệp cấu trúc, từ láy...</p> <p>=> Nhà thơ như reo vui trước tinh thần lao động khẩn trương của con người làm nên mùa xuân của đất nước.</p> <p>- Nhà thơ nhắc lại về lịch sử bốn nghìn năm “vất vả và gian lao” của đất nước đầy tự hào, đồng thời tin tưởng vào tương lai tươi đẹp của đất nước mai sau bằng hình ảnh so sánh đẹp mang nhiều ý nghĩa “Đất nước như vì sao...phía trước”.</p> <p>b. Ước nguyện của tác giả. Sự chuyển đổi ngôi thứ "tôi" -> "ta".</p> <p>=> Nói lên quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng</p> <p>- Điệp ngữ "ta làm", nói lên sự quyết tâm, lối liệt kê con</p>	5,0 điểm

		<p>chim, cảnh hoa, nốt nhạc -> Yếu tố tạo nên mùa xuân</p> <p>- Nốt nhạc trầm là biểu tượng cho sự cống hiến thầm lặng.</p> <p>- Điệp ngữ "dù là" -> Như lời nhắn nhủ giữa người đi trước và người đi sau - Lối hoán dụ người tóc bạc, tuổi 20 -> tuổi trẻ -> tuổi già -> Sự cống hiến không phân biệt tuổi tác, thứ bậc, giới tính, giai cấp.</p> <p>c. Khát vọng dâng hiến của tuổi trẻ trước tình hình đất nước trong đại dịch Covid 19 - Khát vọng dâng hiến tuổi trẻ là những mong muốn góp sức mình cùng chung tay đẩy lùi dịch bệnh Covid 19.</p> <p>- Đem sức lực, trí tuệ cùng góp phần giúp Tổ quốc ngăn chặn dịch bệnh (Học sinh tự lấy ví dụ minh họa: Tầm gương những y bác sĩ trẻ, sinh viên trường y, tình nguyện viên xung phong vào tuyến đầu chống dịch)</p> <p>3. Kết bài</p> <p>- Khái quát lại nội dung nghệ thuật của đoạn trích</p> <p>- Nhấn mạnh khát vọng dâng hiến của tuổi trẻ trước tình hình đất nước trong đại dịch covid 19.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.-/-</p>	
--	--	--	--

ĐỀ SỐ 24

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

*Mẹ vẫn luôn ở đây như mọi khi
con vấp ngã, con ốm đau, con khóc quấy
mẹ biết rất nhiều lần con ghét mẹ đến mức không thèm nhìn mà vẫn thấy
trái tim của một đứa con, mẹ biết vẫn luôn là vậy
tìm cách từ chối những ân cần...*

*Mẹ vẫn luôn ở đây lúc con mỗi gói chôn chân
nhìn ra chung quanh biết cuộc đời xa lạ
con không cần làm gì và cũng không cần phải mặc cả
mẹ sinh ra con giống như thân cây nảy mầm một chiếc lá
đã có gốc rễ lo vun trồng...*

Mẹ vẫn luôn ở đây ôm con, con biết không! "

(Trích *Mẹ vẫn luôn ở đây để ôm con....* Nguyễn Phong Việt, Sao con phải đau đến như vậy, NXB Văn hoá - Văn nghệ, 2017, tr64-65)

Câu 1. (0,5 điểm) Đoạn trích trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. (0,5 điểm) Chỉ ra phép liệt kê được sử dụng trong khổ thơ thứ nhất của đoạn trích.

Câu 3. (1,0 điểm) Em hiểu thế nào về nội dung của hai dòng thơ sau:

*mẹ sinh ra con giống như thân cây nảy mầm một chiếc lá
đã có gốc rễ lo vun trồng...*

Câu 4. (1,0 điểm) Trong cuộc sống, có những đứa con đôi khi tìm cách từ chối ân cần của cha mẹ. Ở vị trí của một người con, theo em điều đó đáng chê trách hay có thể cảm thông? Vì sao?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc-hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về cách thể hiện tình yêu thương của bản thân đối với gia đình.

Câu 2.

Cảm nhận của em về nhân vật ông Sáu trong đoạn trích sau:

Tôi hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó – buổi chiều sau một ngày mưa rừng, giọt mưa còn đọng trên lá, rừng sáng lấp lánh. Đang ngồi làm việc dưới tấm ni lông nóc, tôi bỗng nghe tiếng kêu. Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hớt hải chạy về, tay cầm khúc gỗ đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà.

Sau đó anh lấy vỏ đạn hai mươi li của Mĩ, đập mỏng làm thành một cây cưa nhỏ, cưa khúc gỗ thành từng miếng nhỏ. Những lúc rỗi, anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc. Chẳng hiểu sao tôi thích ngồi nhìn anh làm và cảm thấy vui vui khi thấy bụi gỗ rơi mỗi lúc một nhiều. Một ngày, anh cưa được một vài răng. Không bao lâu sau, cây lược được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược cho con gái, cây lược dùng để chải mái tóc dài, cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tẩn mẩn khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”. Cây lược gỗ ấy chưa chải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh. Những đêm nhớ con, anh ít nhớ đến nỗi hối hận đánh con, nhớ con, anh lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên mái tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Có cây lược, anh càng mong gặp lại con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra. Một ngày cuối năm năm mươi tám – năm đó ta chưa vỡ trang – trong một trận càn lớn của quân Mĩ – ngụy, anh Sáu bị hi sinh. Anh bị viên đạn của máy bay Mĩ bắn vào ngực. Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh.

- Tôi sẽ mang về và trao tận tay cho cháu.

Tôi cúi xuống gần anh và khẽ nói. Đến lúc ấy, anh mới nhắm mắt đi xuôi.

(Trích *Chiếc lược ngà*, Nguyễn Quang Sáng, Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr.199, 200)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Đoạn trích trên được viết theo thể thơ tự do	0,5 điểm
	2	Phép liệt kê: con vấp ngã, con ốm đau, con khóc quấy	0,5 điểm
	3	Hai câu thơ nói về tình yêu thương vô điều kiện của mẹ	1,0 điểm

		dành cho con, là sự chở che, vun đắp từ khi người con được sinh ra.	
	4	Trình bày quan điểm riêng của em, lý giải hợp lý	<i>1,0 điểm</i>
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>1.Mở đoạn: Giới thiệu về tình yêu thương của bản thân đối với gia đình. (là nền tảng của một gia đình hạnh phúc...)</p> <p>2.Thân đoạn:</p> <p>a. Giải thích: Tình yêu thương là gì? Tình yêu thương là một khái niệm chỉ phẩm chất tình cảm, vẻ đẹp tâm hồn của con người. Đó là tình cảm thương yêu, chia sẻ, đùm bọc lẫn nhau. Tình yêu thương của bản thân đối với gia đình là tình cảm của bạn dành cho những thành viên trong gia đình của mình.</p> <p>b.Phân tích, bàn luận</p> <p>- Biểu hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> + Yêu thương, kính trọng, hiếu thảo với ông bà cha mẹ + Là khi bản thân cố gắng học tập có thành tích tốt để ông bà cha mẹ vui + Biết trách nhiệm và vai trò của mình để tạo niềm vui cho ông bà, cha mẹ trong cuộc sống. + Anh chị em trong nhà yêu thương nhau, không tranh đua, không ganh ghét nhau <p>.....</p> <p>- Ý nghĩa của tình cảm gia đình</p> <ul style="list-style-type: none"> + Gia đình hòa thuận, đầm ấm, hạnh phúc + Được mọi người xung quanh thương yêu, quý mến và tôn trọng + Ông bà cha mẹ tự hào về con cháu hiếu thuận <p>c. Bàn luận mở rộng: Phê phán những người không có tình yêu thương....</p> <p>d. Bài học nhận thức và hành động: Em cần làm gì để duy trì tình cảm trong gia đình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cố gắng học tập và rèn luyện: chăm ngoan học giỏi, tránh xa thói hư tật xấu - Hiếu thảo với ông bà, cha mẹ: giúp làm việc nhà, nghe ông bà kể chuyện, xoa bóp tay chân cho ông bà bố mẹ. <p>3.Kết đoạn: Khẳng định vấn đề</p>	<i>2,0 điểm</i>

	<p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c.Triển khai văn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>I. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả: Nguyễn Quang Sáng sinh năm 1932, quê ở huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Trong kháng chiến chống Pháp, ông tham gia bộ đội, hoạt động ở chiến trường Nam Bộ. Từ sau năm 1954, tập kết ra miền Bắc, Nguyễn Quang Sáng bắt đầu viết văn. Những năm chống Mỹ, ông trở về Nam Bộ tham gia kháng chiến và tiếp tục sáng tác văn học. Tác phẩm của ông thuộc nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản phim và hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến cũng như trong thời bình. - Tác phẩm: Truyện ngắn “Chiếc lược ngà” được viết năm 1966, khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ và được đưa vào tập truyện cùng tên. - Nhân vật ông Sáu là nhân vật chính của tác phẩm, để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng bạn đọc. Đặc biệt là ở đoạn trích từ: “Tôi vẫn còn nhớ buổi chiều hôm đó... Anh mới nhắm mắt xuôi tay”. Đoạn trích thể hiện vẻ đẹp của tình phụ tử thiêng liêng, sâu sắc của ông Sáu đối với bé Thu trong những ngày ở chiến khu. <p>II.Thân bài:</p> <p>1. Giới thiệu khái quát cảnh ngộ gia đình ông Sáu và tình yêu thương ông Sáu dành cho con.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đất nước có chiến tranh, ông Sáu phải đi công tác khi con gái chưa đầy một tuổi, khi con lớn lên, ông Sáu không một lần được gặp con, được yêu thương chăm sóc cho con. - Sau tám năm vào sinh ra tử, khi được về thăm nhà, nỗi khao khát được gặp con, được ôm con vào lòng khiến ông không kìm nén được cảm xúc. Tuy nhiên, khi ông vì vết thẹo trên mặt, vết thương do chiến tranh gây ra nên đưa con gái hồn nhiên, ngây thơ của ông nhất định không chịu nhận cha. Đến khi con gái nhận ra thì cũng là lúc ông phải trở lại chiến trường. Lúc chia tay, ông đã cố nén giọt 	5,0 điểm

nước mắt vì cách bộc lộ, tình cảm của con đối với mình khiến ông quá xúc động. Niềm hạnh phúc mà ông hằng mong chờ đã tới nhưng quá ngắn ngủi vì đã đến giờ biệt li. Ông chỉ kịp rút khăn lau nước mắt rồi hôn lên tóc con, lặng lẽ ra đi không hẹn ngày về mang theo một ước nguyện của con là cây lược nhỏ.

2. Cảm nhận về vẻ đẹp nội dung của đoạn trích - vẻ đẹp của tình phụ tử thiêng liêng.

- Luôn ghi nhớ như in lời con dặn vội vàng lúc chia tay *“Ba về, ba mua cho con một cây lược nghe ba!”*. Điều đó thúc giục ông đến việc làm một chiếc lược ngà. Và ông Sáu đã dồn tất cả tình yêu, nỗi nhớ con vào việc làm cây lược ấy. *“Lúc rảnh rồi anh ngồi cửa từng chiếc răng lược cho đến khi hoàn thành, những đêm nhớ con anh lấy cây lược ra ngắm nghía”*.

- Chiếc lược trở thành một vật quý giá, nó làm vơi đi nỗi ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm nhớ thương, yêu mến của người cha đối với đứa con trong xa cách. Chiếc lược ngà trở thành một kỉ vật thiêng liêng, nuôi dưỡng tinh thần chiến đấu cho người chiến sĩ trong những ngày gian khổ.

- Bị thương nặng, chỉ đến khi gửi lại chiếc lược ngà lại cho bạn với lời nhắn nhủ sẽ trao tận tay bé Thu, ông mới yên lòng nhắm mắt.

- Ông Sáu hi sinh khi chưa kịp gửi món quà cho con gái. Đây là tình huống rất cảm động. Những mất mát do chiến tranh gây ra là không gì bù đắp nổi. Tuy không một lời trăng trối nhưng hành động cuối cùng của ông Sáu càng cho ta thấy tình cảm của ông dành cho con thật sâu nặng. Người đồng chí của ông - người kể chuyện đã thay ông làm việc đó. Chiếc lược ngà đã trở thành biểu tượng của tình cha con đời đời.

3. Vẻ đẹp về hình thức nghệ thuật.

- Đoạn văn là lời kể của một người đồng chí của ông Sáu, người đã chứng kiến toàn bộ quá trình ông làm cây lược tặng con gái và thấu hiểu những suy nghĩ, cảm xúc của ông. Đoạn văn vì thế trở nên khách quan, chân thành.

- Ngôn ngữ văn xuôi giàu tình cảm, khả năng miêu tả tâm lí tinh tế, chính xác, bắt nguồn từ một tâm hồn nhạy cảm và tấm lòng yêu thương, trân trọng con người.

- Đặc biệt, nhà văn đã xây dựng một tình huống truyện rất éo le, bất ngờ mà tự nhiên, cảm động; qua đó, phần nào nói lên sự ác nghiệt của chiến tranh.

III. Kết bài: Cảm nhận khái quát về đoạn văn, liên hệ

		bản thân. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
--	--	---	--

ĐỀ SỐ 25

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương ngày 8/2/2021.

Thiên thần của chị!

Em đang ngủ hờn nhiên, đôi môi chúm lại như đang mút kẹo. Còn chị, chị ngăm nhìn em, một thiên thần được sinh ra giữa mùa COVID, với niềm hạnh phúc không gì tả nổi. Chị muốn nói với em thật nhiều về những ngày tháng chị cùng em ở trong khu cách li này nhưng em quá bé nhỏ chẳng thể ghi nhớ nổi điều gì. Thế nên chị viết những dòng này cho em của chị.

[...] Em à! Chị thật may mắn khi được ở đây trong những ngày qua. Thời gian gần một tháng trời đã cho chị hiểu rằng bên trong tấm biển "khu vực cách ly đặc biệt" kia không phải là những điều đáng sợ như người ta vẫn tưởng mà là cả một thế giới của sự ân cần chăm sóc, của những tấm lòng ấm áp yêu thương. Thế giới có những anh hùng thầm lặng, sẵn sàng cho đi mà không đòi hỏi bất cứ thứ gì. Nơi đây đã cho chị biết hạnh phúc không phải chỉ là được ăn ngon, mặc đẹp, được thỏa sức vui chơi mà là được sống trong niềm tin về tình yêu thương giữa con người. Bây giờ, chị thực sự hiểu rằng vì sao một đất nước nhỏ bé trên bản đồ thế giới lại khiến cho các cường quốc năm châu phải nỗ lực trong cuộc chiến chống đại dịch Covid-19. Đơn giản thôi em ơi, mỗi con người của dải đất này đều truyền đến nhau thông điệp 5K "Khẩu trang - Khử khuẩn - Khoảng cách - Không tụ tập - Khai báo y tế". Tất cả cùng hòa chung "Vũ điệu rửa tay - Ghen Covy". Tất cả cùng đồng lòng "chống dịch như chống giặc", và anh dũng nhất là những nhân viên y tế tuyến đầu.

(Trích Bức thư đạt giải Nhất quốc gia cuộc thi viết thư quốc tế UPU lần thứ 50 của em Đào Anh Thư, lớp 842 trường THCS Nguyễn Huy Tưởng, Đông Anh, Hà Nội, nguồn <http://www.vnpost.vn>, ngày 11/5/2021)

Câu 1. (1,0 điểm) Theo lời người chị trong phần đầu bức thư, chị muốn nói với người em mới sinh của mình điều gì?

Câu 2. (1,0 điểm) Theo em, vì sao người chị lại cho rằng mình thật may mắn khi được ở đây trong những ngày qua?

Câu 3. (1,0 điểm) Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: Tất cả cùng đồng lòng "chống dịch như chống giặc".

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về **ý nghĩa của những đóng góp thầm lặng trong cuộc sống.**

Câu 2 (5,0 điểm)

Vẽ đẹp của biển cả và niềm vui của người lao động trong đoạn thơ sau:

Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng,
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng,
Vảy bạc đuôi vàng loé rạng đông,
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.
Câu hát căng buồm với gió khơi,
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.
Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi

(Trích Đoàn thuyền đánh cá - Huy Cận, Ngữ văn 9 Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam 2017)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Chị muốn nói với người em mới sinh của mình thật nhiều về những ngày tháng chị cùng em ở trong khu cách li này nhưng em quá bé nhỏ chẳng thể ghi nhớ nổi điều gì.	1,0 điểm
	2	Người chị lại cho rằng mình thật may mắn khi được ở đây trong những ngày qua vì đã hiểu rằng bên trong tám biển "khu vực cách ly đặc biệt" kia không phải là những điều đáng sợ như người ta vẫn tưởng mà là cả một thế giới của sự ân cần chăm sóc, của những tấm lòng ấm áp yêu thương.	1,0 điểm
	3	Câu văn: “Tất cả cùng đồng lòng chống dịch như chống giặc”. - Câu trên sử dụng biện pháp tu từ so sánh chống dịch như chống giặc. - Tác dụng: Thể hiện tinh thần đoàn kết, đồng lòng của tất cả mọi người và tầm quan trọng của việc chống lại dịch bệnh. Ai ai cũng quyết tâm đồng lòng, cùng thương yêu san sẻ trong trận chiến chống lại bệnh dịch, đem bình yên tới cho đất nước, nhân dân.	1,0 điểm
	4		
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>I. Mở đoạn:</p> <p>- Giới thiệu vấn đề nghị luận: Những đóng góp thầm lặng trong cuộc sống của thế hệ trẻ hiện nay.</p> <p>II. Thân đoạn:</p> <p>1. Giải thích vấn đề nghị luận</p> <p>- Sự cống hiến, đóng góp thầm lặng là những suy nghĩ, hành động tự nguyện vì người khác, không vụ lợi cá</p>	2,0 điểm

nhân, đặt lợi ích của người khác lên trên lợi ích của bản thân mình.

- Trách nhiệm giữ gìn nền độc lập, tích cực xây dựng nước nhà ngày càng vững mạnh.

2. Bàn luận về vấn đề nghị luận

- Những đóng góp thầm lặng là lối sống tích cực mà thế hệ cần rèn luyện, tu dưỡng và trau dồi.

- Lối sống công hiến của thế hệ trẻ thể hiện ở việc sẵn sàng đem hết trí tuệ, tài năng của bản thân phục vụ lợi chung, vì sự phát triển chung.

- Những đóng góp thầm lặng sẽ giúp thế hệ trẻ khẳng định giá trị của bản thân và phát huy hết vai trò là rường cột, là những chủ nhân tương lai của đất nước.

- Trong thời đại ngày nay, thế hệ trẻ Việt Nam vẫn không ngừng nỗ lực, cố gắng để công hiến hết mình trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước (những thanh niên xung kích, những thầy cô giáo trẻ, đội ngũ y bác sĩ...).

*Dẫn chứng:

- Những hy sinh thầm lặng trong trận chiến chống dịch: Trong cuộc chiến phòng, chống dịch COVID-19 hiện nay đã đọng lại nhiều hình ảnh xúc động, chạm đến trái tim của hàng triệu người Việt Nam:

+ Những “người lính áo trắng” xung phong ở tuyến đầu chống dịch,..

+ Chiến sĩ Công an vẫn âm thầm “cắm chốt” với nhiều đêm trắng.

Những hy sinh thầm lặng của họ đã và đang thắp lên niềm tin về ngày chiến thắng dịch Covid-19 không còn xa phía trước.

- Các nhà hảo tâm ủng hộ, giúp đỡ, cứu trợ đồng bào miền trung khi có lũ lụt,..

- Những tấm gương trồng người thầm lặng,..

3. Bàn luận mở rộng:

- Hiện tượng một số thanh niên đã xao nhãng, quên đi trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp chung của dân tộc (ích kỷ, chỉ mưu cầu lợi ích cá nhân...).

- Đó là những hiện tượng lệch lạc cần bị lên án, phê phán, chấn chỉnh, bài trừ.

4. Bài học nhận thức và hành động đối với thế hệ trẻ đối với sự hi sinh, đóng góp thầm lặng trong cuộc sống.

III. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề

d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.

e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính

	tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	<p>a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c.Triển khai văn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>I/Mở bài</p> <p>Huy Cận là một trong những nhà thơ tiêu biểu cho nền thơ ca hiện đại Việt Nam. Giữa năm 1958, ông có chuyến đi dài ngày thực tế ở Quảng Ninh. Từ chuyến đi thực tế này ông viết <i>Đoàn thuyền đánh cá</i>. Hai khổ thơ cuối, tác giả khắc họa hình ảnh ánh trăng lặn, thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người lao động, bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống.</p> <p style="text-align: center;"> <i>"... Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng</i> <i>Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng</i> <i>Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông</i> <i>Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng</i> </p> <p style="text-align: center;"> <i>Câu hát căng buồm với gió khơi,</i> <i>Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.</i> <i>Mặt trời đội biển nhô màu mới</i> <i>Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi"</i> </p> <p>II/ Thân bài</p> <p>1.Khái quát chung</p> <p>Bài thơ gồm bảy khổ thơ ghi lại hành trình của một đoàn thuyền đánh cá: ra khơi lúc hoàng hôn, đánh cá một đêm trăng trên Hạ Long, trở về bến lúc rạng đông. Đây là hai khổ thơ thứ 6 và 7 nói lên cảnh kéo lưới lúc mờ sáng và cảnh đoàn thuyền buồm căng gió lộng trở về. Bài thơ được sáng tác trong chuyến đi công tác của Huy Cận tới vùng mỏ Hòn Gai, Quảng Ninh năm 1958 và được in trong tập <i>"Trời mỗi ngày lại sáng"</i>. Bài thơ được bắt nguồn từ cảm hứng ngợi ca công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của miền Bắc. Với ý nghĩa đó, thi phẩm <i>"Đoàn thuyền đánh cá"</i> là khúc tráng ca, ca ngợi con người lao động với tinh thần làm chủ và niềm vui, niềm tin trước cuộc sống mới trong những năm đầu xây dựng đất nước. Bài thơ có bảy khổ, bố cục bài thơ theo trình tự một chuyến ra khơi của đoàn thuyền đánh cá : ra khơi lúc hoàng hôn, đánh cá một đêm trăng trên Hạ Long, trở về bến lúc rạng đông. Hai khổ thơ cuối của bài nói lên cảnh kéo lưới lúc mờ sáng và cảnh đoàn thuyền buồm căng gió</p>	5,0 điểm

lộng trở về. (Hoặc hai khổ thơ là khúc ca ca ngợi hình ảnh con người lao động với kết quả rực rỡ, ca ngợi vẻ đẹp tươi sáng của bình minh trên biển Hạ Long)

2. Cảm nhận hai khổ thơ cuối

Luận điểm 1: Cảnh kéo lưới lúc sáng (khổ 6)

Ra đi từ lúc hoàng hôn buông xuống, sóng cài then, đêm sập cửa, vũ trụ nghỉ ngơi, nay trở về bình minh đang lên rạng rỡ. Trước hết, đó là cảnh khẩn trương, hối hả chuẩn bị cho sự trở về:

*“Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng,
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng.*

*Vẩy bạc đuôi vàng loé rạng đông,
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng”*

“Sao mờ” là khoảng thời gian chuẩn bị trời đã bắt đầu rạng sáng, đó cũng chính là lúc công việc của người ngư dân càng trở nên khẩn trương, mau lẹ để kéo lưới cho kịp trời sáng. Cảnh lao động hiện lên như một bức tranh sống động với những nét tạo hình đầy khỏe khoắn, gân guốc với hình ảnh trung tâm là con người lao động. Cụm từ “*kéo xoăn tay*” không chỉ cho thấy những mẻ cá bội thu, nặng trĩu mà đây còn là một nét vẽ tạo hình với những bắp thịt săn chắc của những chàng thanh niên ngư dân cuộn cuộn nổi lên để kéo cá vào khoang thuyền. Từ đó khiến ta chợt nhớ tới câu thơ của nhà thơ Tế Hanh trong bài Quê hương khi cũng viết về dân chài lưới quê mình:

*“Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm”*

Ánh nắng hồng của bình minh hòa cùng với sắc màu của cá “*bạc*”, “*vàng*” có tác dụng tô đậm thêm sự giàu có và quý giá “*rừng vàng biển bạc*” của biển cả mà thiên nhiên ban tặng cho con người. “*Lưới xếp buồm lên*” là hai hình ảnh đối lập. “*Lưới xếp*” là kết thúc một ngày lao động còn “*buồm lên*” là đón chào một ngày mới. “*Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng*” gợi tả công việc nhịp nhàng của ngư dân với sự vận hành của vũ trụ. Khi lưới xếp lên khoang cũng là lúc đoàn thuyền trở về đón bình minh, kết thúc một ngày lao động vất vả, mệt nhọc. Hình ảnh “*nắng hồng*” ở cuối khổ thơ là ẩn dụ đặc sắc. Đó là nắng của một ngày mới, một cuộc đời mới mà cách mạng đem lại cho chúng ta.

Luận điểm 2: Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về (khổ cuối)

Bài ca lao động khép lại trong khổ thơ cuối với hình ảnh đoàn thuyền trở về trong thắng lợi lúc bình minh lên.

Nếu khổ đầu nói lên thời điểm xuất phát thì khổ cuối là thời điểm trở về. Điểm xuất phát lúc mặt trời xuống biển đỏ như hòn lửa thì lúc trở về bình minh mặt trời đội biển lên mang theo một màu mới khép kín một chu trình thời gian và cũng là hoàn thiện một chu trình làm việc của dân chài:

*“Câu hát căng buồm cùng gió khơi
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”*

Câu đầu tác giả lặp lại ở khổ thơ thứ nhất: *“Câu hát căng buồm với gió khơi”*. Chỉ có từ *“với”* là khác, có lẽ tác giả tránh sự lặp lại ở câu thơ trước. Điều đó làm cho khổ thơ cuối giống như điệp khúc của một bài hát, tạo cảm giác tuần hoàn về thời gian, về công việc lao động; nhấn mạnh khí thế tâm trạng của những người dân. Đoàn thuyền ra đi hào hứng sôi nổi, nay trở về cũng với tinh thần ấy rất khấn trương. Câu hát đưa thuyền đi nay câu hát lại đưa thuyền về. Đây là lần thứ ba tiếng hát vang lên. Tiếng hát biểu hiện cho niềm vui của những người đánh cá khi được hưởng thành quả rục rờ sau một đêm lao động vất vả. Tiếng hát ấy vang lên hùng tráng khi đoàn thuyền đang rẽ sóng trở về. Nhà thơ nhân hóa *“đoàn thuyền”* đang *“chạy đua cùng mặt trời”*, chạy đua cùng thời gian. Hai tiếng *“chạy đua”* cho ta thấy những người dân chài mặc dù suốt đêm làm việc không mệt mỏi nhưng sức lực của họ vẫn dồi dào, khí thế của họ vẫn mạnh mẽ. Được ví như nhân tự của tác phẩm, Huy Cận nâng tầm con người lên với tầm của vũ trụ. Quả cầu lửa của nhân loại, mặt trời lộng lẫy chói chang, giờ đây, đoàn thuyền với những người lao động cũng có thể sánh ngang với mặt trời. Con người thật xứng đáng với tầm vóc chủ nhân biển cả, vẫn muốn dành thời gian để lao động, để cống hiến. Sau một đêm lao động vất vả, họ vẫn dồi dào năng lượng, cũng giống như đất nước và con người Việt Nam, chìm trong chiến tranh, đạn bom loạn lạc, nhưng khi tổ quốc bước vào thời kì xây dựng, người dân vẫn luôn sẵn sàng tiên phong, đi theo tiếng gọi của Tổ quốc.

Mở đầu bài thơ là cảnh hoàng hôn, kết thúc bài thơ là cảnh bình minh *“Mặt trời đội biển nhô màu mới”*. Ánh mặt trời sáng rực, từ từ nhô lên ở phía chân trời xa cảm giác như mặt trời đội biển. Vẻ đẹp tráng lệ của bình minh trên biển được nhà thơ miêu tả sinh động qua biện pháp nhân hóa *“mặt trời đội biển”* gợi cảm giác thần thoại. Mặt trời có sức mạnh lớn lao, dường như nó đang đội biển mà lên và cái *“màu biển”* là màu hồng bình minh, là

lời chào đón của thiên nhiên với những người lao động cần cù. Đặc biệt câu thơ cuối cùng gợi ra hình ảnh đoàn thuyền nối đuôi nhau trở về, chiếc nào trên khoang cũng đầy ắp cá. Ánh mặt trời chiếu vào mắt cá khiến cho mỗi mắt cá như một mặt trời nhỏ, lấp lánh. Hình ảnh “*mắt cá huy hoàng*” vừa là thành quả lao động, vừa gợi ra niềm vui, niềm tự hào của những người lao động và cuộc sống mới đầy tốt đẹp đang mở ra trước mắt. Đó là một hình ảnh đầy sáng tạo và lãng mạn.

3.Đánh giá, mở rộng

Đánh giá=> Với cách sử dụng màu sắc, cách vận dụng các thủ pháp nghệ thuật như ẩn dụ, nhân hóa, sử dụng kết cấu đầu cuối tương ứng, Huy Cận đã sáng tạo được nhiều hình ảnh đẹp, đầy ý nghĩa. Hai khổ thơ cuối toát lên vẻ đẹp của vùng biển quê hương, là niềm vui của con người đã làm chủ thiên nhiên, làm chủ cuộc sống. **Mở rộng=>** Hình ảnh của con người lao động trong bài khiến ta liên tưởng đến những con người lao động trong “*Lặng lẽ Sa Pa*” của Nguyễn Thành Long. Họ là anh thanh niên, anh cán bộ nghiên cứu sét, anh kĩ sư vườn rau,...Họ là hiện thân của vẻ đẹp người lao động một thời. Họ là điển hình cao đẹp của con người lao động mới, con người trưởng thành trong công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Chính họ đã đóng góp một phần công sức lớn lao của mình vào việc đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, là hậu phương vững chắc bảo vệ Tổ quốc thân yêu.

III/Kết bài

Khẳng định thành công của tác phẩm=> Tóm lại, với hai khổ thơ cuối Huy Cận đã vẽ lên trước mắt người đọc bức tranh sau một đêm lao động vất vả, người dân cùng nhau kéo lưới, về bến. Đồng thời thông qua đó thể hiện niềm tin vào cuộc sống mới, người dân được hạnh phúc ấm no “*đón nắng hồng*” trong cuộc sống xã hội chủ nghĩa. **Dur âm của tác phẩm với bạn đọc=>** Hơn nửa thế kỉ đã trôi qua, bài thơ vẫn giữ nguyên vẹn giá trị ban đầu của nó. Phần nào, bài thơ giúp chúng ta hiểu được chân dung tinh thần mới của Huy Cận sau bao biến cố lịch sử trọng đại của đất nước và dân tộc – một Huy Cận trữ tình cách mạng.

d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.

e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

(1) Tôi thích lên danh sách. Đây là lời đề nghị: hãy lên danh sách năm mươi điều bạn trân trọng, biết ơn (vâng, năm mươi). Mười điều đầu tiên rất dễ: người thân, công việc, gia đình, vâng vâng. Biết ơn vì bạn nói tiếng Việt (hoặc tiếng Nhật, tiếng Đức). Biết ơn vì có đủ hai mắt, có trái tim khỏe, hoặc vì bạn không sống trong vùng chiến tranh. Biết ơn người khác. **Cầu chúc cho người nông dân nỗ lực làm nên thức ăn trên bàn. Cầu chúc cho người công nhân tạo ra chiếc xe máy bạn đi. Cầu chúc cho người bán hàng nơi bạn mua quần áo. Cầu chúc cho người phục vụ quán ăn bạn đến hôm qua.**

(2) Đó là thái độ biết ơn. Hãy lưu tâm đến những phúc lành của mình, đừng xem bất cứ điều gì là hiển nhiên. Tôi chắc chắn bạn sẽ có nhiều thứ để biết ơn hơn những gì bạn thấy. Chỉ cần nghĩ đến. Chỉ cần trân trọng. Và để ý xem điều gì sẽ xảy đến.

(Trích Đời ngắn đừng ngủ dài, Robin Sharma, NXB trẻ, 2019, tr.33-34)

Câu 1. (0,5 điểm) Theo đoạn văn (1), tác giả đề nghị điều gì?

Câu 2. (0,5 điểm) Chỉ ra thành phần biệt lập trong câu: “*Tôi chắc chắn bạn sẽ có nhiều thứ biết ơn hơn những gì bạn thấy*”.

Câu 3. (1,0 điểm) Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong các câu in đậm.

Câu 4. (1,0 điểm) Trong lời đề nghị của tác giả về những điều cần trân trọng, biết ơn, em tâm đắc nhất điều gì? Vì sao?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm).

Câu 1. (2,0 điểm).

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 từ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của lòng biết ơn trong cuộc sống. Đoạn văn có câu sử dụng thành phần khởi ngữ (gạch chân thành phần khởi ngữ).

Câu 2. (5,0 điểm).

Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen

Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...

Lặn độn đời bà biết mấy nắng mưa

Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ

Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm

Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm.

Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi

Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui

Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ

Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa !

(Bằng Việt, *Bếp lửa*, Ngữ văn 9, tập Một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, trang 144)

Viết bài văn trình bày cảm nhận của em về hình ảnh bếp lửa trong đoạn thơ trên.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Theo đoạn văn (1), tác giả đề nghị hãy lên danh sách năm mươi điều bạn trân trọng, biết ơn	0,5 điểm
	2	Thành phần biệt lập tình thái: chắc chắn	0,5 điểm
	3	*Biện pháp tu từ: Điệp ngữ * Tác dụng: - Tăng sức gợi hình gợi tả cho câu văn - Tạo nhịp điệu - Nhấn mạnh về việc bày tỏ lời chúc cầu mong một điều tốt lành.	1,0 điểm
	4	Học sinh có thể trình bày theo ý hiểu của mình về điều mà mình tâm đắc nhất, lý giải Gợi ý: - Điều tâm đắc nhất: Biết ơn vì có đủ hai mắt, có trái tim khỏe. - Lý giải: Con mắt là cửa sổ tâm hồn, biết ơn vì chúng ta có thể nhìn ngắm thế giới này, nhìn ngắm những vẻ đẹp và điều kì diệu của thế giới. Trái tim khỏe mạnh giúp chúng ta sống khỏe, biết cảm nhận tình yêu thương giúp cuộc đời có ý nghĩa hơn.	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: I.Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề cần bàn luận II. Thân đoạn: 1. Giải thích thế nào là “lòng biết ơn”? - Lòng biết ơn là sự ghi nhớ công ơn, tình cảm mà người khác mang lại cho mình. Những hành động, việc làm mà họ hi sinh để mang lại niềm hay hạnh phúc hay niềm vui cho mình. 2.Phân tích, bàn luận <u>*Biểu hiện của lòng biết ơn</u> - Luôn ghi nhớ công ơn của họ trong lòng - Có những hành động thể hiện sự biết ơn - Luôn mong muốn đền đáp công ơn của những người đã giúp đỡ mình <u>*Tại sao phải có lòng biết ơn?</u> - Vì đó là nghĩa cử, truyền thống tốt đẹp của ông cha ta từ bao đời xưa. - Lòng biết ơn là một tình cảm cao đẹp và thiêng liêng	2,0 điểm

	<p>của mỗi con người.</p> <p>- Mỗi công việc chúng ta thành công không phải tự nhiên mà có, dù lớn hay nhỏ cũng có sự giúp đỡ của ai đó, vậy nên ta cần phải có lòng biết ơn.</p> <p>3. Bàn luận, mở rộng vấn đề</p> <p>- Có một số người hiện nay không có lòng biết ơn.</p> <p>VD: Ăn cháo đá bát, qua cầu rút ván, ...</p> <p>4. Bài học nhận thức và hành động:</p> <p>III. Kết bài: Khẳng định vấn đề</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p><u>I/Mở bài</u></p> <p>Tuổi thơ của mỗi một con người đều hiện diện những hình ảnh rất thiêng liêng đáng quý trong ký ức, đó có thể là bóng dáng của người mẹ với những lời ru ngọt ngào, người cha với những lời dạy sâu sắc,... Và đối với tác giả Bằng Việt thì đó là hình ảnh người bà và bếp lửa đầy thiêng thiêng, đã nằm sâu trong ký ức tuổi thơ, với những tình cảm kính yêu, mặn nồng chan chứa của người cháu dành cho bà trong bài thơ Bếp lửa. Bài thơ được sáng tác năm 1963 khi tác giả đang du học tại Nga. Bài thơ có nhiều khổ trong đó hai khổ thơ sau đã diễn tả rất chi tiết sự chiêm nghiệm và tình cảm của cháu dành cho bà- ngọn lửa sáng rực trong tim của cháu:</p> <p style="text-align: center;">“Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...</p> <p style="text-align: center;">Lặn đận đời bà biết mấy nắng mưa Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm. Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa !”</p>	5,0 điểm

II/Thân bài

1.Khái quát chung

Bếp lửa được sáng tác năm 1963 khi tác giả đang là sinh viên du học ở Liên Xô. **Bố cục** bài thơ chia làm 4 phần. **Mạch cảm xúc** của bài thơ đi từ hồi tưởng đến hiện tại, từ kỉ niệm đến suy ngẫm. Điều đó được gợi ra qua hình ảnh bếp lửa quê hương và hình ảnh người bà. Từ đó mà người cháu (chính là Bằng Việt) bộc lộ nỗi nhớ về những kỉ niệm thời ấu thơ và được sống trong sự yêu thương, chăm sóc của bà. Đồng thời thể hiện niềm biết ơn, sự kính trọng của người cháu đối với người bà, đối với gia đình, đối với quê hương, đất nước. **Đoạn thơ trên nằm ở khổ 5 và 6** của bài. Đây là đoạn thơ đầy xúc động nhắc lại kỉ niệm êm đềm sâu sắc một thời gian khổ của bà và cháu.

2.Phân tích, cảm nhận

Luận điểm 1: Suy ngẫm về cuộc đời bà (Khổ 5)

Sau những đoạn thơ hồi tưởng về thời ấu thơ được sống cùng bên bà của mình, người cháu tiếp tục suy ngẫm, chiêm nghiệm về cuộc đời của bà qua hình ảnh bếp lửa:

“Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen

Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...”

Từ hình ảnh bếp lửa cụ thể ở câu trên, tác giả chuyển thành hình ảnh ngọn lửa trong lòng bà. Như thế, bếp lửa không chỉ được nhen lên bằng nhiên liệu củi rơm mà còn được nhen lên từ ngọn lửa của sức sống, lòng yêu thương “*luôn ủ sẵn*” trong lòng bà, của niềm tin vô cùng “*dai dẳng*”, bền bỉ và bất diệt. Ngọn lửa là những kỉ niệm ấm lòng, là niềm tin thiêng liêng kì diệu nâng bước cháu trên suốt chặng đường dài. Ngọn lửa là sức sống, lòng yêu thương, niềm tin mà bà truyền cho cháu. Cùng với hình tượng “*ngọn lửa*”, các từ ngữ chỉ thời gian: “*rồi sớm rồi chiều*”, các động từ “*nhen*”, “*ủ sẵn*”, “*chứa*” đã khẳng định ý chí, bản lĩnh sống của bà, cũng là của người phụ nữ Việt Nam giữa thời chiến. Điệp ngữ - ẩn dụ “*một ngọn lửa*” cùng kết cấu song hành đã làm cho giọng thơ vang lên mạnh mẽ, đầy xúc động tự hào. “*Ngọn lửa*” là sáng tạo nghệ thuật đắt giá của tác giả. Nó vừa có ý nghĩa nhấn mạnh đến sự sống dai dẳng bất diệt của ngọn lửa; lại vừa có ý nghĩa thể hiện tình yêu thương mà người bà dành cho cháu. Ngọn lửa chính là hiện thân cho tâm hồn, nghị lực sống phi thường của người bà. Vì thế, bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người, truyền lửa cho

người cháu cũng như là thế hệ mai sau. Bà tin cháu mình sau này sẽ nên người và thành tài để xây dựng non sông đất nước.

Luận điểm 2: Sự tàn tảo, hy sinh của bà (Khổ 6)

Từ những hoài niệm về tuổi thơ và bà, người cháu suy ngẫm về cuộc đời, về lẽ sống của bà. Bà là người tàn tảo, giàu đức hi sinh và giàu lòng nhân ái:

*"Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa
Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ
Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm
Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ
Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa!"*

Nhà thơ đã gói ghém cả cuộc đời bà bằng một câu thơ với nghệ thuật đảo ngữ *"Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa"*. Bốn chữ *"lận đận đời bà"* với cụm từ *"biết mấy nắng mưa"* đã gợi ra sự dài dặc của thời gian, sự vất vả, gian truân, nhọc nhằn, khổ cực, chên vênh của một đời người. Bà đã kiên cường vượt qua mọi *"mưa nắng"* cuộc đời để trở thành chỗ dựa cho con cháu. Cuộc đời bà là một cuộc đời đầy gian truân, vất vả, nhiều lận đận, trải qua nhiều nắng mưa tưởng như không bao giờ dứt. Hình ảnh của bà cũng là hình ảnh của bao người phụ nữ Việt Nam giàu đức hy sinh dù gian truân vất vả vẫn sáng lên tình yêu thương. Và qua *"mấy chục năm"*, *"đến tận bây giờ"*, bà vẫn chẳng nghỉ ngơi. Bà vẫn giữ thói quen cũ *"dậy sớm"* và *"nhóm bếp lửa"* cũng như giữ trọn tình yêu thương mà bà đã dành cho con, cho cháu mấy chục năm qua. Điệp từ *"nhóm"* được lặp đi lặp lại nhiều lần (4 lần) trong khổ thơ như lời khẳng định: **bà chính là người nhóm lên trong lòng cháu ngọn lửa của tình yêu thương, của đức hy sinh cao cả.** Khi nhóm lên *"lửa ấp iu nồng đượm"*, bà đã dạy cho cháu tình yêu thương những người ruột thịt. Nhóm tình quê *"khoai sắn ngọt bùi"*, bà dạy cháu tình yêu thương xóm làng, yêu mảnh đất quê nghèo. *"Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui"*, bà dạy cháu phải luôn mở lòng ra với mọi người xung quanh. Và cũng từ đó, bà cũng nhắc nhở cháu rằng không bao giờ được quên đi những năm tháng nghĩa tình, những năm tháng khó khăn mà hai bà cháu đã cùng trải qua. Không chỉ nhóm lên ngọn lửa đó ấm nồng và cháy sáng

mãi trong lòng mọi người. Người bà kì diệu ấy đã nhóm dây, khơi dây, giáo dục, bồi đắp cho người cháu về cả thể xác lẫn tâm hồn, về ước mơ, lẽ sống của "*tâm tình tuổi nhỏ*". Bếp lửa của bà khó khăn, nhọc nhằn, vất vả. Bà nuôi cháu khôn lớn bằng bếp lửa ấy. Vậy mà giờ đây, cháu đã du học tận trời Nga xa xôi, xa bà, xa quê hương, xa Tổ quốc. Cuộc đời của cháu như một câu chuyện cổ tích. Và ở đây, bà là bà tiên hiền hậu, luôn nâng đỡ từng bước đi của cháu. Cháu đã trưởng thành từ bếp lửa của bà. Từ cuộc sống nghèo khổ, bà ươm mầm ước mơ cho cháu đi du học phương xa. Tất cả những gì cháu có được ngày hôm nay chính là nhờ ngọn lửa trong bà, ngọn lửa ấy chấp cánh cho người cháu tự tin bay vào cuộc đời cao rộng.

Khám phá ra những ý nghĩa kì diệu, cao cả, thiêng liêng từ bếp lửa của bà, cháu sung sướng reo lên:

"Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!"

Từ nơi phương xa, cháu vẫn luôn nhớ về bà với niềm xúc động mãnh liệt. Phép đảo ngữ, câu cảm thán với từ "*ôi*" đặt ở đầu câu bộc lộ sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng và vui sướng của cháu. "*Bếp lửa*"- "*kì lạ và thiêng liêng*" hay chính tình bà nặng sâu và diệu kì đến thế? Câu thơ chỉ có tám chữ mà có sức lan tỏa vô cùng. Bếp lửa ấy luôn hiện diện cùng bà, tỏa sáng vẻ đẹp của bà. Đứa cháu nhỏ ấy cảm thấy thật bất ngờ khi phát hiện ra những điều kì diệu thiêng liêng từ những thứ bình thường, giản dị. Bếp lửa và bà như hóa thân vào làm một, luôn rực cháy, bắt từ thiêng liêng. Cháu nhớ về bà, về bếp lửa cũng chính là nhớ về quê hương cội nguồn với tấm lòng tri ân sâu nặng.

Giờ đây, tác giả đã sống xa quê, đã rời xa vòng tay người bà. Cuộc sống đầy đủ vật chất hơn, nhưng hình ảnh bà mãi là một dấu ấn khó phai. Tình cảm ấy đã trở thành bất tử trong tâm hồn tác giả. Đây cũng là khởi đầu của tình yêu đất nước, con người Việt Nam.

3.Đánh giá, mở rộng

Đánh giá=> Đoạn thơ đã kết hợp nhuần nhuyễn, linh hoạt giữa biểu cảm với miêu tả, tự sự, lời thơ có tính triết lí sâu sắc, phép đảo ngữ và điệp từ được sử dụng rất hiệu quả làm tăng thêm xúc cảm cho bài thơ và biểu lộ cảm xúc của tác giả chân thực, rõ nét hơn. Thành công của đoạn thơ còn ở sự sáng tạo vừa chân thực vừa giàu ý nghĩa biểu tượng: hình ảnh bếp lửa và ngọn lửa biểu tượng cho tình yêu vô bờ bến của bà dành cho người cháu. **Mở rộng**=> **Đó cũng là người bà trong "*Tiếng gà***

		<p>trua" của nữ sĩ Xuân Quỳnh, là bao người mẹ, người chị dịu dàng, đắm thắm đã tô đậm trang sử vàng chói lọi của truyền thống người phụ nữ Việt Nam anh hùng. Khép lại bài thơ, hình ảnh người bà vẫn cứ lặng lẽ tỏa sáng, nhóm lên trong lòng người đọc tình cảm mến yêu, kính phục và cả lòng biết ơn sâu sắc.</p> <p>III/Kết bài</p> <p>Khẳng định thành công của tác phẩm=> Qua hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, đoạn trích giúp ta hiểu hơn về hình ảnh người bà cũng như là những phẩm chất thiêng liêng cao quý của người phụ nữ Việt. Bà mãi mãi là tín ngưỡng đẹp nhất trong tâm hồn người cháu. Dur âm của tác phẩm với bạn đọc=>Gấp trang sách lại, lòng ta dấy lên bao cảm xúc tốt đẹp: yêu bà, yêu gia đình và yêu quê hương đất nước. Càng suy ngẫm, thấm từng lời thơ của Bằng Việt ta càng hiểu thế nào là nỗi nhớ quê hương “<i>Quê hương nếu ai không nhớ/ Sẽ không lớn nổi thành người</i>” (Đỗ Trung Quân)</p> <p>d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
--	--	---	--

ĐỀ SỐ 27

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Nếu nói về những ngõ xanh im vắng, có lẽ Huế có nhiều nhất những hun hút xanh chan hòa đem lại cho con người cảm giác thư thái ấy. Sống ở Huế thật lâu, tôi mơ hồ những ngõ nhỏ xứ Huế như một sợi dây nối tâm hồn Huế ra với cao rộng cuộc đời. Sợi dây ấy đan bằng lá cây và sương khói, bên vào đó những âm vang bình dị từ những khu vườn và cả ánh sáng khiêm nhường của những thời khắc cảnh sắc không gian Huế, tất cả được đan bằng bàn tay của một tâm thức đầy mẫn cảm vừa lặng lẽ rêu phong vừa sôi động như ngọn gió qua rừng tre trúc.

Ngõ Huế, gần như là một tiếng gọi, thật gần mà lại mơ hồ xa vắng. Ngõ Huế, đó chính là cái cửa ngõ ngay trước ngôi nhà ẩm áp khói lam chiều, là những ngõ quê thơm mùi đất, những ngõ vườn xao động hoa lá điệu dàng, những ngõ phố sống động đêm khuya và cả những ngõ chùa nắng vàng như màu thiên xứ sở...

(Hồ Đăng Thanh Ngọc, *Đôi triêu giống của Mẹ*, NXB Văn học, 2011, tr. 13,14)

Câu 1. (0,5 điểm) Chỉ ra và gọi tên thành phần biệt lập có trong câu: Nếu nói về những ngõ xanh im vắng, có lẽ Huế có nhiều nhất những hun hút xanh chan hòa đem lại cho con người cảm giác thư thái ấy.

Câu 2. (0,5 điểm) Xác định hai phép liên kết về hình thức có trong ngữ liệu trên. **Câu 3.** (1,0 điểm) Xác định và nêu tác dụng của hai biện pháp tu từ từ vựng có trong câu: “*Ngõ Huế, đó chính là cái cửa ngõ ngay trước ngôi nhà ẩm áp khói lam chiều, là những ngõ*

quê thơm mùi đất, những ngõ vườn xao động hoa lá điệu dàng, những ngõ phố sống động đêm khuya và cả những ngõ chùa nắng vàng như màu thiên xứ sở...”

Câu 4. (1,0 điểm) Em có nhận xét gì về tình cảm của tác giả dành cho ngõ Huế ? (trả lời 3-5 dòng).

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề **sống có ích**.

Câu 2. (5,0 điểm) Viết bài văn trình bày cảm nhận về hai đoạn thơ sau:

Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu,

Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả,

Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở:

- Sớm mai này, bà nhóm bếp lên chưa?...

(Bằng Việt, *Bếp lửa*, Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục, 2005, tr.145)

Người đồng mình thương lắm con ơi

Cao đo nỗi buồn

Xa nuôi chí lớn

Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn

Sống trên đá không chê đá gập ghềnh

Sống trong thung không chê thung nghèo đói

Sống như sông như suối

Lên thác xuống ghềnh

Không lo cực nhọc

(Y Phương, *Nói với con*, Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục, 2005, tr.72)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Có lẽ - thành phần biệt lập tình thái.	0,5 điểm
	2	Hai phép liên kết về hình thức: - Phép thế: Sợi dây ấy thay thế cho “sợi dây nối tâm hồn Huế ra với cao rộng cuộc đời”. - Phép lặp: Ngõ Huế	0,5 điểm
	3	- Liệt kê: là cái ngõ ngay trước ngôi nhà ẩm áp khói lam chiều, là những ngõ quê thơm mùi đất, những ngõ vườn xao động hoa lá điệu dàng, những ngõ phố sống động đêm khuya, những ngõ chùa nắng vàng như màu thiên xứ sở. - So sánh: ngõ chùa nắng vàng như màu thiên xứ sở - Tác dụng: + Biện pháp liệt kê làm nổi bật những nét đặc sắc, phong phú của không gian ngõ Huế. + So sánh khẳng định không gian ngõ Huế với màu sắc độc đáo “màu thiên”, tổ đậm đặc trưng văn hóa của vùng đất này. + Làm cho câu văn có nhịp điệu, giàu hình ảnh.	1,0 điểm
	4	- Tác giả dành tình yêu, sự trân trọng gắn bó với ngõ Huế.	1,0 điểm

		<p>- Tâm hồn tác giả dành sự cảm nhận tinh tế với không gian đặc trưng này của xứ Huế.</p> <p>-> Đó là tình cảm của người con với quê hương, chạm đến trái tim người đọc, truyền tải tình yêu với những người con quê hương, làm phong phú thêm vẻ đẹp của Huế mộng và thơ.</p>	
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>1. Mở đoạn: Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận: sống có ích.</p> <p>2. Thân đoạn</p> <p>a. Giải thích: Sống có ích là một lối sống lành mạnh, vì lợi ích cho chính mình cũng như cho cộng đồng, xã hội</p> <p>b. Bàn luận:</p> <p>+ Biểu hiện: Có một lối sống tích cực, suy nghĩ cho người khác, luôn vì lợi ích của cái chung. (Học sinh là sự chăm chỉ học tập, biết phụ giúp gia đình.)</p> <p>+ Chứng minh: Các hoạt động ngày thường, yêu thương ông bà cha mẹ, học tập tốt, biết bảo vệ môi trường...</p> <p>+ Ý nghĩa: Giúp bản thân sống tốt đẹp hơn, luôn vui vẻ hạnh phúc, giúp cho xã hội ngày càng tốt đẹp, văn minh hơn.</p> <p>c. Bàn luận mở rộng: Phê phán những lối sống không lành mạnh, thiếu lạc quan ảnh hưởng tiêu cực đến chính con người họ và ảnh hưởng cho cả xã hội.</p> <p>d. Bài học, liên hệ: Mỗi cá nhân phải nhận thức được lối sống có ích, có những hành động, việc làm đúng đắn.</p> <p>3. Kết đoạn: Mở rộng, kết luận lại vấn đề.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	2,0 điểm
	2	<p>a. Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>1. Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu đôi nét về 2 văn bản và hai đoạn thơ:</p>	5,0 điểm

	<p>+ Mượn lời tâm sự với con, Y Phương đã để lại trong lòng người đọc nhiều cảm nhận sâu sắc về những đức tính tốt đẹp của “người đồng mình” – của con người quê hương miền núi.</p> <p>+ Qua hình ảnh bếp lửa, Bằng Việt đã thể hiện sâu sắc tình cảm gia đình, quê hương.</p> <p>2. Thân bài:</p> <p>a. Khổ thơ bài Bếp lửa: Nổi nhớ khắc khoải, khôn nguôi về người bà</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lời tự bạch của đứa cháu khi trưởng thành, xa quê hương: Người cháu vẫn cảm thấy ấm áp bởi tình yêu thương vô bờ của bà. - Kết thúc bài thơ tác giả tự vấn “Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?": Niềm tin dai dẳng, nỗi nhớ luôn thường trực trong lòng người cháu <p>=> Tác giả rất thành công trong việc sáng tạo ra hình tượng mang ý nghĩa thực, mang ý nghĩa biểu tượng: Bếp lửa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết hợp miêu tả, biểu cảm, tự sự phù hợp với dòng hồi tưởng và tình cảm của cháu. - Bài thơ chứa đựng triết lý, ý nghĩa thâm kín về tình cảm gia đình, quê hương. <p>b. Khổ thơ bài Nói với con: lời ngợi ca phẩm chất đẹp đẽ của người đồng mình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người đồng mình dù sống trong nghèo khổ, gian nan vẫn thủy chung gắn bó với quê hương, cội nguồn <p>+ “Sống trên đá không chê đá gập ghềnh/ Sống trong thung không chê thung nghèo đói/ Sống như sống như suối/ Lên thác xuống ghềnh/ Không lo cực nhọc”</p> <p>→ Phép liệt kê với những hình ảnh ẩn dụ “đá gập ghềnh”, “thung nghèo đói”. = Gợi cuộc sống đói nghèo, khó khăn, cực nhọc</p> <p>=> Vận dụng thành ngữ dân gian “Lên thác xuống ghềnh”, ý thơ gợi bao nỗi vất vả, lam lũ => Những câu thơ dài ngắn, cùng những thanh trắc tạo ấn tượng về cuộc sống trắc trở, gian nan, đói nghèo của quê hương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người đồng mình có ý thức tự lập, tự cường và tinh thần tự tôn dân tộc <p>+ Phẩm chất của người của con người quê hương còn được người cha ca ngợi qua cách nói đối lập tương phản giữa hình thức bên ngoài và giá trị tinh thần bên trong, nhưng rất đúng với người miền núi: “Người đồng mình thô sơ da thịt. Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con”</p> <p>→ Sự tương phản này đã tôn lên tầm vóc của người đồng mình. Họ mộc mạc nhưng giàu chí khí, niềm tin. Họ có</p>	
--	--	--

		<p>thể “thô sơ da thịt” nhưng không hề nhỏ bé về tâm hồn, về ý chí.</p> <p>=> Cùng với ý thức tự lực, tự cường, người đồng mình còn ngời sáng tinh thần tự tôn dân tộc và khát vọng xây dựng quê hương: “Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương Còn quê hương thì làm phong tục”.</p> <p>c. Điểm chung của hai đoạn thơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai văn bản tuy viết vào những thời điểm khác nhau nhưng đều thể hiện thâm đậm tình yêu nước, yêu quê hương. - Đây là những dòng thơ tâm tình nói về tình cảm gia đình thiêng liêng và qua đó thể hiện tình yêu sâu sắc của tác giả với đất nước, với quê hương. <p>3. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát nội dung và nghệ thuật của 2 đoạn thơ - Cảm nghĩ của bản thân về tình cảm gia đình, quê hương ở mọi thời đại. <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
--	--	---	--

ĐỀ SỐ 28

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Câu chuyện về củ khoai tây

Một ngày nọ, thầy giáo yêu cầu mỗi chúng tôi mang một túi nilông sạch và một bao tải khoai tây đến lớp. Sau đó, thầy bảo mỗi lần chúng tôi không tha thứ lỗi lầm cho người nào đó thì hãy chọn ra một củ khoai tây, viết tên người ấy và ngày tháng lên đó, rồi bỏ nó vào túi nilông. Sau vài ngày, túi của nhiều người trong lớp đã bắt đầu nặng dần.

Sau đó, thầy lại yêu cầu chúng tôi phải luôn đeo cái túi đầy bên mình dù đi bất cứ đâu, ngủ hay làm việc. Sự phiền phức khi phải mang vác một cái túi chứa hàng chục củ khoai tây khiến chúng tôi càng cảm nhận rõ ràng gánh nặng tinh thần mà mình đang chịu đựng. Không những thế, chúng tôi còn phải luôn để tâm đến nó, nhớ đến nó và nhiều khi đặt nó ở những chỗ chẳng tế nhị chút nào.

Qua thời gian, khoai tây bắt đầu phân huỷ thành một thứ chất lỏng nhầy nhụa và chúng tôi không muốn mang nó bên mình nữa...”

(Quà tặng cuộc sống, nguồn Internet)

Câu 1. Trong đoạn trích trên người thầy giáo đã yêu cầu chúng tôi (học sinh) những gì? (0,5 điểm)

Câu 2. Vì sao chúng tôi (những người học sinh) không muốn mang những túi khoai tây bên mình nữa? (0,5 điểm)

Câu 3. Em hiểu như thế nào về ý nghĩa của câu văn được in đậm "*Sau vài ngày, túi của nhiều người trong lớp đã bắt đầu nặng dần*" ? (1.0 điểm)

Câu 4. Thế nào là hàm ý? Nêu điều kiện sử dụng hàm ý, Đặt 1 câu có hàm ý khuyên mọi người nên tha thứ lỗi lầm cho người khác (1,0 điểm)

II. PHẦN LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về ý nghĩa của việc tha thứ lỗi lầm trong cuộc sống.

Câu 2 (5.0 điểm)

Phân tích đoạn thơ sau, trích Ánh Trăng - Nguyễn Duy

*Từ hồi về thành phố
quen ánh điện cửa gương
vàng trắng đi qua ngõ
như người dưng qua đường
Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-dinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn
Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng
Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình*

(Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam 2010, trang 156)

Từ đoạn thơ, hãy rút ra bài học nhận thức và định hướng hành động cho bản thân để xứng đáng với những hi sinh của thế hệ đi trước trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	<p><i>Trong đoạn trích trên người thầy giáo đã yêu cầu chúng tôi (học sinh):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> -Mang một túi nilông sạch và một bao tải khoai tây đến lớp, ai không tha thứ lỗi lầm cho người nào đó thì hãy chọn ra một củ khoai tây, viết tên người ấy và ngày tháng lên đó, rồi bỏ nó vào túi nilông. - Phải luôn đeo cái túi đấy bên mình dù đi bất cứ đâu, ngủ hay làm việc. 	0,5 điểm
	2	<p><i>Chúng tôi (những người học sinh) không muốn mang những túi khoai tây bên mình nữa vì:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> -Sự phiền phức khi phải mang vác một cái túi chứa hàng chục củ khoai tây. 	0,5 điểm

		<p>-Không những thế, chúng tôi còn phải luôn đề tâm đến nó, nhớ đến nó và nhiều khi đặt nó ở những chỗ chẳng tế nhị chút nào.</p> <p><i>-Qua thời gian, khoai tây bắt đầu phân huỷ thành một thứ chất lỏng nhầy nhụa.</i></p>	
	3	<p>- Câu văn muốn giúp người đọc nhận thức được tác hại của việc không biết tha thứ lỗi lầm của người khác. Sự giận dữ và oán hận trở thành một gánh nặng tinh thần ngày càng lớn dần.</p> <p>- Câu văn gửi gắm đến người đọc thông điệp: Hãy bao dung, độ lượng, biết tha thứ lỗi lầm của người khác để mình thanh thản, nhẹ nhàng hơn. Tha thứ cho người khác cũng chính là đang tha thứ cho chính mình.</p>	1,0 điểm
	4	<p>Hàm ý là những nội dung ý nghĩa mà người nói có ý định truyền bá cho người nghe nhưng không nói ra trực tiếp, chỉ ngụ ý để người nghe tự suy ra căn cứ vào ngữ cảnh, nghĩa tường minh, căn cứ vào những phương châm hội thoại.</p> <p>Điều kiện sử dụng hàm ý, cần đảm bảo hai điều kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Người nói (viết) có ý thức đưa hàm ý vào câu. – Người nghe (đọc) có năng lực giải đoán hàm ý. <p><i>Học sinh tự đặt câu của mình.</i></p>	1,0 điểm
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>1.Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề</p> <p>2.Thân đoạn:</p> <p>a. Giải thích: Tha thứ lỗi lầm là buông bỏ, giải phóng những sự thù hận, oán trách ra. Tha thứ lỗi lầm đồng nghĩa với việc biết chấp nhận những thiếu sót của bản thân và vị tha với lỗi lầm của người khác.</p> <p>b. Phân tích, bàn luận</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tha thứ khiến cho người được tha thứ có cơ hội chuộc lỗi, sửa chữa lỗi lầm, sống tốt đẹp hơn. Tha thứ giúp cải thiện các mối quan hệ. -Tha thứ, giúp cho người tha thứ sự thanh thản. Buông ra sự giận dữ và thù oán có thể giúp con người bình tĩnh, cải thiện sức khỏe và hạnh phúc hơn. -Tha thứ không đồng nghĩa với việc giữ những khúc mắc, đau khổ, và sự không hài lòng ở trong tâm. Cũng không đồng nghĩa với việc dung túng, bao che lỗi lầm hay để 	2,0 điểm

	<p>người khác lợi dụng...</p> <p>c. Bàn luận mở rộng: Phê phán những người không biết tha thứ.</p> <p>d. Bài học: Đừng thù hận. Hãy biết tha thứ.</p> <p>3. Kết đoạn: Tình yêu và sự tha thứ là chìa khóa dẫn tới hạnh phúc, sự viên mãn trong cuộc sống.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a. Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai văn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>I. Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, dẫn dắt tới đoạn trích và chủ đề nghị luận.</p> <p>II. Thân bài:</p> <p>1. Hình ảnh vầng trăng trong hiện tại:</p> <p>- Hoàn cảnh sống:</p> <p>+ Đất nước hòa bình.</p> <p>+ Hoàn cảnh sống thay đổi: xa rời cuộc sống giản dị của quá khứ, con người được sống sung túc trong “ánh điện cửa gương” – cuộc sống đầy đủ, tiện nghi, khép kín trong những căn phòng hiện đại, xa rời thiên nhiên.</p> <p>– “Vầng trăng đi qua ngõ – như người dưng qua đường”:</p> <p>+ Vầng trăng bây giờ đối với người lính năm xưa giờ chỉ là dĩ vãng, dĩ vãng nhạt nhòa của quãng thời gian xa xôi nào đó.</p> <p>+ Biện pháp nhân hóa, so sánh -> “Vầng trăng tình nghĩa” trở thành “người dưng qua đường”. Vầng trăng vẫn “đi qua ngõ”, vẫn tròn đầy, vẫn thủy chung tình nghĩa, nhưng con người đã quên trăng, hờ hững, lạnh nhạt, dửng dưng đến vô tình. Vầng trăng giờ đây bỗng trở thành người xa lạ, chẳng còn ai nhớ, chẳng còn ai hay biết.</p> <p>-> Rõ ràng, khi thay đổi hoàn cảnh, con người có thể dễ dàng quên đi quá khứ, có thể thay đổi về tình cảm. Nói chuyện quên nhớ ấy, nhà thơ đã phản ánh một sự thực trong xã hội thời hiện đại.</p> <p>– Con người gặp lại vầng trăng trong một tình huống bất ngờ:</p> <p>+ Tình huống: mất điện, phòng tối om.</p> <p>+ “Vội bật tung”: vội vàng, khẩn trương -> bắt gặp vầng</p>	5,0 điểm

trăng

-> Đây là khổ thơ quan trọng trong cấu tứ toàn bài. Chính cái khoảnh khắc bất ngờ ấy đã tạo nên bước ngoặt trong mạch cảm xúc của nhà thơ-> Sự xuất hiện bất ngờ của vầng trăng khiến nhà thơ ngỡ ngàng, bối rối, gọi cho nhà thơ bao kỉ niệm nghĩa tình.

2.Cảm xúc và suy ngẫm của tác giả trước vầng trăng.

– Từ “mặt” được dùng với nghĩa gốc và nghĩa chuyển – mặt trăng, mặt người – trăng và người cùng đối diện đàm tâm.

– Với tư thế “ngửa mặt lên nhìn mặt” người đọc cảm nhận sự lặng im, thành kính và trong phút chốc cảm xúc dâng trào khi gặp lại vầng trăng: “có cái gì rung rung”. Rung rung của những niềm thương nỗi nhớ, của những lãng quên lạnh nhạt với người bạn cố tri; của một lương tri đang thức tỉnh sau những ngày đắm chìm trong cõi u mê mộng mị; rung rung của nỗi ân hận ăn năn về thái độ của chính mình trong suốt thời gian qua. Một chút áy náy, một chút tiếc nuối, một chút xót xa đau lòng, tất cả đã làm nên cái “rung rung”, cái thổn thức trong sâu thẳm trái tim người lính.

– Và trong phút giây nhân vật trữ tình nhìn thẳng vào trăng- biểu tượng đẹp đẽ của một thời xa vắng, nhìn thẳng vào tâm hồn của mình, bao kỉ niệm chợt ùa về chiếm trọn tâm tư. Kí ức về quãng đời ấu thơ trong sáng, về lúc chiến tranh máu lửa, về cái ngày xưa hồn hậu hiện lên rõ dần theo dòng cảm nhận trào dâng, “như là đồng là bể, như là sông là rừng”. Đồng, bể, sông, rừng, những hình ảnh gần bó nơi khoảng trời kỉ niệm.

-> Cấu trúc song hành của hai câu thơ, nhịp điệu dồn dập cùng biện pháp tu từ so sánh, điệp ngữ và liệt kê như muốn khắc họa rõ hơn kí ức về thời gian gần bó chan hòa với thiên nhiên, với vầng trăng lớn lao sâu nặng, nghĩa tình, tri kỉ. Chính thứ ánh sáng dung dị đôn hậu đó của trăng đã chiếu tỏ nhiều kỉ niệm thân thương, đánh thức bao tâm tình vốn tưởng chừng ngủ quên trong góc tối tâm hồn người lính. Chất thơ mộc mạc chân thành như vầng trăng hiền hòa, ngôn ngữ hàm súc, giàu tính biểu cảm như “có cái gì rung rung”, đoạn thơ đã đánh động tình cảm nơi người đọc.

– Hình ảnh “trăng cứ tròn vành vạnh” là tượng trưng cho quá khứ nghĩa tình, thủy chung, đầy đặn, bao dung, nhân hậu.

– Hình ảnh “ánh trăng im phăng phắc” mang ý nghĩa

	<p>ng nghiêm khắc nhắc nhở, là sự trách móc trong lặng im. Chính cái im phăng phắc của vầng trăng đã đánh thức con người, làm xáo động tâm hồn người lính năm xưa. Con người “giật mình” trước ánh trăng là sự bừng tỉnh của nhân cách, là sự trở về với lương tâm trong sạch, tốt đẹp. Đó là lời ân hận, ăn năn day dứt, làm đẹp con người.</p> <p>3. Bài học nhận thức và định hướng hành động cho bản thân để xứng đáng với những hi sinh của thế hệ đi trước trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn trích cho ta ghi nhớ về đạo lí “uống nước nhớ nguồn”. - Khi con người được sống đầy đủ về mặt vật chất thì thường hay quên đi những giá trị tinh thần, quên đi cái nền tảng cơ bản của cuộc sống, đó chính là tình cảm con người - “Ánh trăng” đã đi vào lòng người đọc bao thế hệ như một lời nhắc nhở đối với mỗi người: Nếu ai đã lỡ quên đi, đã lỡ đánh mất những giá trị tinh thần quý giá thì hãy thức tỉnh và tìm lại những giá trị đó. còn ai chưa biết coi trọng những giá trị ấy thì hãy nâng niu những kí ức quý giá của mình ngay từ bây giờ, đừng để quá muộn. - Liên hệ bản thân em sẽ làm gì.... <p>III. Kết bài: Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật</p> <p>*Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Bài thơ là một lời tự nhắc nhở của tác giả về những năm tháng gian lao của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước bình dị, hiền hậu. – Gợi nhắc, củng cố ở người đọc thái độ sống “uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ. <p>*Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thể thơ 5 chữ, phương thức biểu đạt tự sự kết hợp với trữ tình. – Giọng thơ mang tính tự bạch, chân thành sâu sắc. – Hình ảnh vầng trăng – “ánh trăng” mang nhiều tầng ý nghĩa. 	
--	---	--

ĐỀ SỐ 29

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

(1) Con ong làm mật, yêu hoa
Con cá bơi, yêu nước; con chim ca, yêu trời.

Con người muốn sống, con ơi
 Phải yêu đồng chí, yêu người anh em.
 (2) Một ngôi sao chẳng sáng đêm
 Một thân lúa chín, chẳng nên mùa vàng.
 Một người - đâu phải nhân gian?
 Sống chẳng, một đốm lửa tàn mà thôi!
 (3) Núi cao bởi có đất bồi
 Núi chề đất thấp núi ngời ở đâu?
 Muôn dòng sông đổ biển sâu
 Biển chề sông nhỏ, biển đâu nước còn?

(Trích *Tiếng ru* - Tố Hữu, Gió lộng, NXB Văn học, 1981)

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định thành phần biệt lập trong khổ thơ (1)

Câu 2. (0,5 điểm) Chỉ ra các từ thuộc trường từ vựng “*thế giới tự nhiên*” trong khổ thơ (3).

Câu 3. (1,0 điểm) Nêu tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng trong hai câu thơ sau:

Con ong làm mật, yêu hoa
 Con cá bơi, yêu nước, con chim ca, yêu trời.

Câu 4. (1,0 điểm) Em hiểu như thế nào về hai câu thơ:

Một người - đâu phải nhân gian?
 Sống chẳng, một đốm lửa tàn mà thôi!

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về **sự cần thiết của tinh thần tương thân tương ái trong cuộc sống.**

Câu 2 (5,0 điểm)

Phân tích thái độ và hành động của bé Thu qua hai đoạn trích sau:

[...] Trong bữa cơm đó, anh Sáu gấp một cái trứng cá to vàng để vào chén của nó. Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi thất thần hất cái trứng ra cơm văng tung tóe cả mâm. Giận quá và không kịp suy nghĩ anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên:

– Sao mày cứng đầu quá vậy hả?

Tôi tưởng con bé sẽ lăn ra khóc, sẽ giãy, sẽ đập đổ cả mâm cơm, hoặc sẽ chạy vụt đi. Nhưng không, nó ngồi im, đầu cúi gằm xuống. Nghĩ thế nào, nó cầm đũa gấp lại cái trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm. Xuống bển, nó nhảy xuống xuống, mở lời tới cổ làm cho dây lời tới khua rộn ràng, khua thật to, rồi lấy dầm bơi qua sông. Nó sang qua nhà ngoại, mét với ngoại và khóc ở bên ấy. Chiều đó, mẹ nó sang dỗ dành mấy nó cũng không về...

Và:

[...] Đến lúc chia tay, mang ba lô lên vai, sau khi bắt tay hết mọi người, anh Sáu mới đưa mắt nhìn con, thấy nó đứng trong góc nhà.

Chắc anh cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng lại sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó. Anh nhìn với đôi mắt trù mến lẫn buồn rầu. Tôi thấy đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao.

- Thôi ! Ba đi nghe con ! – Anh Sáu khe khẽ nói.

Chúng tôi, mọi người – kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên:

- Ba...a...a... ba!

Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “ba” như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Tôi thấy làn tóc tơ sau ót nó như dựng đứng lên.

Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc:

- Ba! Không cho ba đi nữa ! Ba ở nhà với con !

Ba nó bế nó lên. Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa...

(Trích *Chiếc lược ngà*- Nguyễn Quang Sáng, Ngữ văn 9, Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Thành phần biệt lập là: "ôi" => thành phần gọi - đáp.	0,5 điểm
	2	Trường từ vựng: núi, đất, dòng sông, biển, nước.	0,5 điểm
	3	Biện pháp nhân hóa được thể hiện ở từ “yêu”. Đây là từ dùng cho con người nhưng lại được sử dụng cho con vật	1,0 điểm
	4	Học sinh có thể lý giải theo nhiều cách khác nhau, lý giải. Gợi ý: Câu thơ trên có thể hiểu: Một người không thể làm nên cả một nhân gian nghĩa là muốn thành công hãy đoàn kết, hãy sống trong tình yêu thương của mọi người thay vì tách mình ra khỏi xã hội.	1,0 điểm
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>1. Mở đoạn</p> <p>- Tinh thần tương thân, tương ái là một truyền thống quý báu của dân tộc ta.</p> <p>2. Thân đoạn</p> <p>a. Thế nào là tinh thần tương thân, tương ái?</p> <p>- Là sự quan tâm, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống giữa con người với con người.</p> <p>b. Phân tích, bàn luận:</p> <p>*Vì sao ta cần phải có tinh thần tương thân, tương ái?</p> <p>- Tinh thần tương thân, tương ái thể hiện phẩm chất, nhân cách cao quý của con người, là biểu hiện của tình yêu</p>	2,0 điểm

	<p>thương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tinh thần tương thân, tương ái giúp gắn kết con người lại với nhau, tạo ra sức mạnh vật chất lẫn tinh thần để vượt qua mọi khó khăn, thử thách. - Tinh thần tương thân, tương ái giúp con người sống nhân ái hơn. - Sống không có tinh thần tương thân, tương ái, thể hiện sự vô cảm của con người, con người sẽ bị tách biệt khỏi tập thể. <p>* Học sinh thể hiện tinh thần tương thân, tương ái như thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có tinh thần tương thân, tương ái là người sống có tấm lòng nhân nghĩa, có phẩm chất đạo đức tốt đẹp: <ul style="list-style-type: none"> + Trong gia đình: yêu thương, kính trọng ông bà, cha mẹ; sống hòa hợp, gắn bó với anh, chị, em: biết nhường nhịn lẫn nhau,... + Trong nhà trường: kính trọng, yêu mến thầy cô giáo, tôn trọng, giúp đỡ bạn bè,... + Ngoài xã hội: biết cảm thông, chia sẻ với hoàn cảnh của người nghèo khó; biết tương trợ, giúp đỡ đồng bào vùng thiên tai, lũ lụt,... <p>Dẫn chứng: Covid 19, bão lũ miền trung,...</p> <p>c. Bàn luận mở rộng:</p> <p>Phê phán: Trong xã hội ngày nay vẫn còn những kẻ chỉ biết nghĩ đến quyền lợi của bản thân mình, thờ ơ, vô cảm trước hoàn cảnh khó khăn, nỗi khổ đau của người khác. Những người như thế thật đáng chê trách.</p> <p>d. Bài học nhận thức và hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết tương thân, tương ái, giúp đỡ người khác trong khó khăn, hoạn nạn là việc làm tốt đẹp, cần tuyên dương, ngợi khen và lan tỏa trong cộng đồng. Thế nhưng, lòng tốt cũng cần phải đặt đúng chỗ, giúp đúng người, đúng việc, đừng để lòng tốt của mình bị kẻ xấu lợi dụng. - Không có gì đẹp bằng ánh sáng của lòng nhân ái. Hãy biết yêu thương, giúp đỡ người khác. - Liên hệ: Chúng ta hôm nay cần phải gìn giữ và phát huy tinh thần tốt đẹp ấy trong thời đại ngày nay. <p>3. Kết đoạn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định: Tinh thần tương thân, tương ái là truyền thống tốt đẹp, quý báu của dân tộc ta. Tương thân, tương ái là phẩm chất cần có ở mỗi con người. <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính</p>	
--	---	--

	tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	<p>a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c.Triển khai văn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>1. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm - Giới thiệu nhân vật và vấn đề nghị luận <p>2. Thân bài</p> <p>a)Trước khi bé Thu nhận ông Sáu là ba:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Là cô bé sinh ra và lớn lên trong chiến tranh nên trong suốt 8 năm trời cô bé không được gặp ba. Cô chỉ biết mặt ba qua 1 tấm ảnh ba chụp chung với má. -Những tưởng ngày đoàn viên sau 8 năm xa cách phải đầy mừng tủi, hạnh phúc nhưng cô bé lại thể hiện 1 thái độ khác thường: <ul style="list-style-type: none"> +Trước sự xúc động của ông Sáu, ba bé Thu thì cô bé ngạc nhiên, hoảng sợ, mặt tái đi, bỏ chạy, cầu cứu má. + Những ngày sau đó dù ông dành hết thời gian bên con, yêu thương, chăm sóc nhưng bé Thu vẫn lạnh nhạt, xa lánh thậm chí bướng bỉnh, ngang ngạnh cự tuyệt ông: <ul style="list-style-type: none"> • Cô bé không chịu gọi ông là cha. Những lúc phải nói với ông nó chỉ gọi trống không, bất chấp sự trách móc của mẹ. • Cô bé còn từ chối sự chăm sóc của ông rất quyết liệt. Nó hất miếng trứng cá ông gắp cho ra khỏi bát làm đổ cả cơm. • Lúc ông Sáu không tìm được nỗi đau khổ nên phạt bé Thu, con bé ngay lập tức bỏ sang nhà bà ngoại. <p>=>Miêu tả thái độ, hành động khác thường của con bé, tác giả đã:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tái hiện được hoàn cảnh éo le của chiến tranh. + Cho thấy bé Thu hồn nhiên nhưng cũng bướng bỉnh, cá tính. Cô không nhận ông Sáu là ba vì trên mặt ông có vết sẹo, không giống với người ba của cô bé trên tấm hình suốt 8 năm nay. <p>b.Khi bé Thu nhận ông Sáu là ba:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi nghe bà ngoại giải thích, bé Thu đã trở về nhà trong sáng ngày ông Sáu lên đường về đơn vị. Con bé đã thay đổi hoàn toàn thái độ trong sự ngỡ ngàng của ông Sáu và mọi người. + Nó cau có, bướng bỉnh mà buồn rầu và nghĩ ngợi sâu 	5,0 điểm

		<p>xa.</p> <p>+ Khi bắt gặp cái nhìn trùu mến, buồn bã của ba đôi mắt nó bỗng xôn xao. Đó là cái xôn xao của sự đồng cảm. Bé Thu nhận ra những tiếc nuối, xót xa, yêu thương trong ánh mắt của ba mình.</p> <p>+ Đến giây phút cuối cùng, khi ông Sáu cất lời từ biệt con bé mới cất lên tiếng gọi ba xé lòng</p> <p>+ Tiếng gọi bị kìm nén suốt 8 năm</p> <p>+ Tiếng gọi chất chứa bao tình yêu thương thấm thiết.</p> <p>+ Không chỉ vậy, nó xô đến ôm chặt lấy ba, hôn ba, hôn lên vết sẹo:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Con bé muốn giữ chặt ba, không cho ba đi. • Nó lo sợ ba sẽ đi mất. • Nó muốn bày tỏ tất cả tình yêu của mình dành cho ba. <p>->Trong khoảnh khắc, mọi khoảng cách với ba bị xóa bỏ. Cô bé không dấu diếm sự gắn bó và tình cảm của mình dành cho ba -> khiến mọi người xúc động.</p> <p>->Miêu tả biến đổi tình cảm của bé Thu, tác giả đã 1 lần nữa tô đậm tình yêu ba tha thiết. Khi lạnh nhạt cũng như khi quẩn quýt, bé Thu đều hướng đến ba mình.</p> <p>->Qua đó, ta thấy bé Thu gan góc, bướng bỉnh nhưng rất giàu tình cảm và dễ xúc động.</p> <p>3. Kết bài: Khẳng định vấn đề</p> <p>d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
--	--	--	--

ĐỀ SỐ 30

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Năm 2010, khi mới về dạy học ở Trường tiểu học Võ Thị Sáu, tận mắt chứng kiến sự thiếu ăn, thiếu mặc của học sinh (HS) tiểu học ở vùng này, cô Huỳnh Thị Thùy Dung (33 tuổi) bắt đầu đi xin các nhà hảo tâm. Gặp gì cô xin nấy, từ tấm áo, tập vở cho đến các loại nhu yếu phẩm cho học trò. Đa số các em là con đồng bào Dao, Tày, suốt ngày lên rẫy, không mấy quan tâm đến con em. Vì vậy, các em không chỉ thiếu sách vở, quần áo mà còn thiếu cả cơm ăn. Cô Dung tiến thêm một bước: nấu ăn miễn phí cho lũ trẻ.

Cô Dung bắt đầu nấu buổi trưa cho những HS có nhà ở xa. “Ban đầu chỉ nấu đồ ăn thôi, còn cơm thì tụi nhỏ tự mang theo. Nhưng nhìn mỗi đứa mỗi gói cơm mang theo khác nhau thấy tội quá. Nhiều bé mang cơm trắng, nhiều bé thì cơm không có màu trắng, thậm chí nhiều bé không có cơm để mang theo”, cô Dung nhớ lại.

Bước tiếp theo, cô Dung gõ cửa các nhà tài trợ để có thể mỗi tuần nuôi cơm miễn phí vài ba bữa. Ước nguyện của cô đã được đền đáp. Các nhà hảo tâm đã giúp cô trò mỗi

tuần 3 bữa ăn miễn phí. Nhưng đến lúc đó lại xuất hiện một nỗi khổ khác: nhà bếp quá tạm bợ, nhiều em phải ngồi bệt xuống nền đất để ăn. Trông cảnh ấy, rất khó cảm lòng. Thế rồi, cô Dung lại “thêm việc” cho mình: xin nhà hảo tâm để xây cho các cháu một nhà ăn thật đàng hoàng, sạch sẽ.

(Trích *Nuôi cơm miễn phí cho học sinh*, Thanh Quân, Báo Thanh niên, số 86, Thứ bảy 27.3.2021)

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

Câu 2 (0,5 điểm). Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

Câu 3 (1,0 điểm). Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ liệt kê được sử dụng trong câu văn: “*Vì vậy, các em không chỉ thiếu sách vở, quần áo mà còn thiếu cả cơm ăn*”.

Câu 4 (1,0 điểm). Qua đoạn trích trên, tác giả gửi gắm những thông điệp nào?

PHẦN II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về **ý nghĩa của tình yêu thương con người trong cuộc sống**.

Câu 2 (5,0 điểm).

Cảm nhận của em về hai khổ thơ sau:

“*Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng*

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kẻ chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.*”

(Trích *Ánh trăng*, Nguyễn Duy, SGK Ngữ văn lớp 9, tập một, NXB Giáo dục, 2014, tr.156)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: Tự sự	<i>0,5 điểm</i>
	2	Nội dung chính của đoạn trích trên: Việc nấu ăn miễn phí cho lũ trẻ của cô Huỳnh Thị Thùy Dung	<i>0,5 điểm</i>
	3	Nhấn mạnh sự thiếu thốn của các em học sinh ở <i>Trường tiểu học Võ Thị Sáu</i> .	<i>1,0 điểm</i>
	4	Tác giả gửi gắm những thông điệp: - Xã hội còn rất nhiều những mảnh đời bất hạnh cần sự chia sẻ từ chúng ta. - Hãy cho đi để rồi nhận lại. - Giúp đỡ những mảnh đời bất hạnh hơn mình.	<i>1,0 điểm</i>
II	1	a. <i>Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</i> b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i>	<i>2,0 điểm</i>

	<p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>1.Mở bài: Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận</p> <p>2. Thân bài</p> <p>Bước 1: Giải thích: Tình yêu thương là sự sẻ chia, thấu hiểu giữa con người với con người.</p> <p>Bước 2: Phân tích, chứng minh</p> <p>a) Biểu hiện của tình yêu thương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong gia đình: - Trong xã hội: <p>b) Ý nghĩa của tình yêu thương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Suối âm thầm hồn những con người cô đơn, đau khổ, bất hạnh, truyền cho họ sức mạnh, nghị lực để vượt lên hoàn cảnh. - Tạo sức mạnh cảm hoá kì diệu đối với những người “lầm đường lạc lối”; mang lại niềm hạnh phúc, niềm tin và cơ hội để có cuộc sống tốt đẹp hơn; - Là cơ sở xây dựng một xã hội tốt đẹp, có văn hóa. <p>Dẫn chứng: Giúp đỡ đồng bào lũ lụt, ủng hộ nhân dân vùng dịch,...</p> <p>Bước 3: Bàn luận, mở rộng</p> <p>Phê phán những người trong xã hội sống thiếu tình thương, vô cảm, đứng đưng trước nỗi đau chung của đồng loại; những kẻ ích kỉ, chỉ biết lo cho cuộc sống của bản thân mình mà không quan tâm đến bất cứ ai.</p> <p>Bước 4: Bài học nhận thức và hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình yêu thương có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống - Chúng ta hãy nâng niu hạnh phúc gia đình; hãy sống yêu thương, biết sẻ chia, đồng cảm với những cảnh ngộ trong cuộc đời. <p>3/ Kết bài:</p> <p>Tổng kết, khẳng định lại vấn đề: Tình yêu thương có vai trò quan trọng trong cuộc sống con người, là lẽ sống của mỗi người.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác</p>	5,0 điểm

lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.

Có thể viết bài văn theo định hướng sau :

I/ Mở bài

Thời gian vẫn trôi và bốn mùa luôn luân chuyển. Con người chỉ xuất hiện một lần trong đời và cũng chỉ một lần ra đi mãi mãi vào cõi vĩnh hằng...nhưng những gì là thơ, là văn, là nghệ thuật đích thực thì vẫn còn mãi với thời gian. Trước khi chết, vua Phổ cầm tay Moda và nói *“Ta tiêu biểu cho trật tự, ngươi tiêu biểu cho cái đẹp. Biết đâu hậu thế sẽ quên ta và nhắc nhở đến ngươi”*. Có lẽ về sau, chúng ta vẫn sẽ không quên *“Ánh trăng”* của Nguyễn Duy. Một bài thơ hay, ngọt ngào, da diết, là tiếng lòng thổn thức của Nguyễn Duy gửi đến thế hệ bạn đọc. Đặc biệt là hai khổ thơ cuối, là dòng cảm xúc và suy ngẫm của tác giả trước vầng trăng:

*“Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng*

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.”*

II/ Thân bài

1.Khái quát chung

Thi phẩm *“Ánh trăng”* ra đời vào năm 1978, in trong tập thơ *“Ánh trăng”* của Nguyễn Duy –tập thơ đạt giải A của Hội nhà Văn Việt Nam năm 1984. Bài thơ là câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian từ quá khứ đến hiện tại gắn với các mốc sự kiện trong cuộc đời con người. Theo dòng tự sự ấy mạch cảm xúc đi từ quá khứ đến hiện tại và lắng kết trong cái *"giật mình"* ở cuối bài thơ.

2.Cảm nhận khổ thơ

Khổ 5=>Thật vậy, vầng trăng đã từng gắn bó với tuổi thơ, với cuộc đời người lính, đã trở thành người bạn tri kỉ, ngỡ không bao giờ quên. nhưng hoàn cảnh sống đổi thay, con người cũng thay đổi, có lúc cũng trở nên vô tình. Sau chiến thắng trở về thành phố, quen *“ánh điện cửa gương”*, khiến cho vầng trăng tình nghĩa vô tình bị lãng quên nhưng một tình huống đời thường xảy ra làm cho con người phải giật mình tỉnh ngộ, phải đối mặt với vầng trăng mà sám hối:

“Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rung rung
như là đồng là bể
như là sông là rừng”

Vần thơ có cái gì đó khiến lòng người cảm động. Hai từ “*mặt*” trong cùng một dòng thơ: mặt người và mặt trăng, mặt đối mặt, lòng đối lòng. Bao cảm xúc bên trong nhân vật trữ tình lúc này cũng như cánh cửa sổ “*bật tung*” ra, trào dâng đến nỗi như “*có cái gì rung rung*”. “*Rung rung*” là biểu hiện xúc động, nước mắt đang ứa ra, sắp khóc. Rung rung của những niềm thương nỗi nhớ, của những lãng quên lạnh nhạt với người bạn cố tri; của một lương tri đang thức tỉnh sau những ngày đắm chìm trong cõi u mê mộng mị; rung rung của nỗi ân hận ăn năn về thái độ của chính mình trong suốt thời gian qua. Một chút áy náy, một chút tiếc nuối, một chút xót xa đau lòng, tất cả đã làm nên cái “*rung rung*”, cái thổn thức trong sâu thẳm trái tim người lính. Và trong phút giây nhân vật trữ tình nhìn thẳng vào **trăng- biểu tượng đẹp đẽ của một thời xa vắng**, nhìn thẳng vào tâm hồn của mình, bao kỉ niệm chợt ứa về chiếm trọn tâm tư. Kí ức về quãng đời ấu thơ trong sáng, về lúc chiến tranh máu lửa, về cái ngày xưa hồn hậu hiện lên rõ dần theo dòng cảm nhận trào dâng, “*như là đồng là bể, như là sông là rừng*”. Đồng, bể, sông, rừng, những hình ảnh gắn bó nơi khoảng trời kỉ niệm. **Cấu trúc song hành của hai câu thơ, nhịp điệu dồn dập cùng biện pháp tu từ so sánh, điệp ngữ và liệt kê như muốn khắc họa rõ hơn kí ức về thời gian gần bó chan hòa với thiên nhiên, với vầng trăng lớn lao sâu nặng, nghĩa tình, tri kỉ.** Chính thứ ánh sáng dung dị đôn hậu đó của trăng đã chiếu tỏ nhiều kỉ niệm thân thương, đánh thức bao tâm tình vốn tưởng chừng ngủ quên trong góc tối tâm hồn người lính. Chất thơ mộc mạc chân thành như vầng trăng hiền hòa, ngôn ngữ hàm súc, giàu tính biểu cảm như “*có cái gì rung rung*”, đoạn thơ đã đánh động tình cảm nơi người đọc. Đọc bốn câu thơ, ta thấy thương thay cho trăng và tiếc thay cho người chiến sĩ.

“Khéo trách người sao quá vội vàng
Bỏ lại bao kỉ niệm quá khứ
Khá trách người sao quá phũ phàng
Lãng quên những yêu thương tình tự”.

Nhân vật trữ tình đã có biết bao lần có thể hội ngộ cùng trăng, nhưng người đều bỏ lỡ dịp đó. Người đã xem trăng

như người dung, và giờ là lúc người bị cắn rứt lương tâm tốt độ.

Khổ 6=>Khổ cuối bài thơ, Nguyễn Duy đưa người đọc cùng đắm chìm trong suy tư, trong chiêm nghiệm về vàng trắng tình nghĩa một thời:

*"Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình."*

“Trăng tròn vành vạnh” là hiện diện cho quá khứ đẹp đẽ không thể phai mờ. Nó đối lập với con người vô tình đổi thay, đối lập với ánh điện cửa gương dễ bị chi phối bởi hoàn cảnh. Hai tiếng “*kể chi*” như một lời khẳng định thể hiện sự bao dung độ lượng của trăng. Ánh trăng được nhân hoá và khoanh khắc “*im phăng phắc*” là cái lặng im của sự nghiêm khắc mà bao dung, của sự thấu hiểu và độ lượng, tha thứ. Sự im lặng của trăng đủ để nhà thơ “*giật mình*”. Cái giật mình ấy làm cho con người trở nên đáng trọng hơn. Cái “*giật mình*” là cảm giác và phản xạ tâm lí có thật của một người biết suy nghĩ, chợt nhận ra sự vô tình, bạc bẽo, sự nông nổi trong cách sống của mình. Cái “*giật mình*” của sự ăn năn, tự trách, tự thấy phải đổi thay trong cách sống. Cái “*giật mình*” tự nhắc nhở bản thân không bao giờ được làm người phản bội quá khứ, phản bội thiên nhiên, sùng bái hiện tại mà coi rẻ quá khứ. Con người “*giật mình*” trước ánh trăng là sự bừng tỉnh của nhân cách, là sự trở về với lương tâm trong sạch, tốt đẹp. Đó là lời ân hận, ăn năn day dứt, làm đẹp con người. Nguyễn Duy thầm nhắc nhở chính mình và cũng đồng thời nhắc nhở chúng ta, những người đang sống trong hoà bình, hưởng những tiện nghi hiện đại, đừng bao giờ quên công lao của biết bao người đi trước. Trân trọng, khắc ghi, tri ân kỉ niệm. “*Uống nước nhớ nguồn*”.

3.Đánh giá, mở rộng

Đánh giá=> Với giọng thơ trầm tĩnh, sâu lắng, hai đoạn thơ trên đã gây nhiều xúc động cho người đọc. Nó như là lời tâm sự, lời tự thú, lời tự nhắc chân thành. Qua đoạn thơ, tác giả muốn nói rằng: phải thủy chung, trọn vẹn, phải nghĩa tình sắt son với nhân dân, với đất nước, và ngay với chính bản thân mình. **Mở rộng**=>Cũng lối sống thủy chung, ân tình đó ta lại liên tưởng tới bài thơ “*Bếp lửa*” của Bằng Việt.

Bài thơ khẳng định: hãy sống ân tình, thủy chung với quê

		<p>huong, với quá khứ, với lịch sử và nhân dân. Chẳng ai hạnh phúc nếu không biết trân trọng, tri ân và chung thủy với quá khứ.</p> <p>III/ Kết bài</p> <p>Khẳng định thành công về tác phẩm=> Tóm lại, hai khổ thơ trên mang tính chất triết lí sâu sắc, nhẹ nhàng cảnh tỉnh ai đó đã lãng quên quá khứ tốt đẹp. Cần biết sống thủy chung, nghĩa tình. Dur âm của tác phẩm=> Cuộc sống hôm nay dù không còn bom đạn chiến tranh nhưng vẫn còn đó một cuộc đấu tranh với chính mình để loại bỏ cái vô tình, bội bạc, để hướng tới cuộc sống tốt đẹp. Hai khổ thơ trên đã, đang và sẽ soi rọi vào những góc tối của tâm hồn để con người nhận ra chính mình và có những cái "<i>giật mình</i>" đáng quý.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
--	--	--	--

ĐỀ SỐ 31

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

TAY TRONG TAY

Một ngày hè, tôi ngồi trên bãi biển và ngắm nhìn hai đứa trẻ đang chơi trên cát. Chúng say sưa xây một lâu đài có đủ cổng, tháp, hào và có cả khách tham quan. Khi công trình gần hoàn thành thì một cơn sóng lớn ập đến phá tan tất cả. Giờ thì chỉ còn một đồng cát ướt mà thôi. Tôi tưởng bọn trẻ sẽ khóc vì sóng đã phá tan những gì chúng kỳ công xây dựng. Nhưng không! Chúng lại cùng chạy ra xa con nước, cười giòn, tay nắm tay và... xây dựng một lâu đài mới. Chúng đã dạy tôi một bài học quan trọng. Tất cả mọi thứ trong cuộc sống dù quý giá đến đâu thì cũng không khác gì những tòa lâu đài trên cát. Chỉ có tình yêu, tình bạn là vững bền. Trước sau gì thì cơn sóng cũng sẽ đến và mang đi tất cả những gì chúng ta có công xây đắp. Nhưng bao giờ thì những cơn sóng sẽ đến? Không ai biết trước được! Chỉ biết rằng với những ai có được bàn tay của người khác để nắm chặt, để cùng chia sẻ những thành công, thất bại thì mới có thể cười vang và vượt qua mọi khó khăn.

(Theo Songdep.xitrum.net – sống đẹp tập II NXB. Giáo dục Việt Nam, tr. 117)

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. (0,5 điểm) Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: "*Chúng ta cùng chạy ra xa, con nước, cười giòn, tay nắm tay và... xây dựng một lâu đài mới.*"

Câu 3. (1,0 điểm) Em hiểu như thế nào về ý nghĩa nhan đề văn bản "*Tay trong tay*"?

Câu 4. (1,0 điểm) Thông điệp nào của văn bản có ý nghĩa nhất với em.

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Từ nội dung phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn ngắn (200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của sự đồng cảm, sẻ chia trong cuộc sống.

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận về **đẹp của nhân vật Phương Định** trong đoạn trích sau :

“...Vắng lặng đến phát sợ. Cây còn lại xơ xác. Đất nóng. Khói đen vật vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì từ xa. Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không? Chắc có, các anh ấy có những cái ống nhòm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt. Tôi đến gần quả bom. Cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ theo dõi mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới.

Quả bom nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Đầu này có vẻ hai vòng tròn màu vàng...

Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Đất rắn. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thỉnh thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng từ bên trong quả bom. Hoặc là mặt trời nung nóng. Chị Thao thối còi. Như thế là đã hai mươi phút trôi qua. Tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi. Dây mìn dài, cong, mềm. Tôi khỏa đất rồi chạy lại chỗ ẩn nấp của mình. Hời còi thứ hai của chị Thao. Tôi nép người vào bức tường đất, nhìn đồng hồ. Không có gió. Tim tôi cũng đập không rõ. Dường như vật duy nhất vẫn bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung là chiếc kim đồng hồ. Nó chạy, sinh động và nhẹ nhàng, đề lên những con số vĩnh cửu. Còn đằng kia, lửa đang chui bên trong cái dây mìn, chui vào ruột quả bom...

Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ tới cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đứng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi, mằn mặn, cát lạo xạo trong miệng. Nhưng quả bom nổ. Một thứ tiếng kì quái, đến váng óc. Ngực tôi nhói, mắt cay mãi mới mở ra được. Mùi thuốc bom buồn nôn. Ba tiếng nổ nữa tiếp theo. Đất rơi lộp bộp, tan đi âm thầm trong những bụi cây. Mảnh bom xé không khí, lao và rít vô hình trên đầu.”...

(Lê Minh Khuê, *Những ngôi sao xa xôi*, Ngữ văn 9, tập hai, trang 117-118)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: tự sự	0,5 điểm
	2	Các em có thể lựa chọn 1 trong 2 biện pháp tu từ: liệt kê hoặc nhân hóa (con nước)	0,5 điểm
	3	Ý nghĩa nhan đề văn bản: Thể hiện tinh thần đoàn kết, gắn bó, sẻ chia, đồng cảm giữa người với người để vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống.	1,0 điểm
	4	Lựa chọn thông điệp em nghĩ tới. Gợi ý: Tất cả mọi thứ trong cuộc sống dù quý giá đến đâu thì cũng không khác gì những tòa lâu đài trên cát. Chỉ có tình yêu, tình bạn là vững bền. Trước sau gì thì cơn sóng cũng sẽ đến và mang đi tất cả những gì chúng ta cố công xây đắp. Nhưng bao giờ thì những cơn sóng sẽ đến?	1,0 điểm

		Không ai biết trước được. Chỉ biết rằng với những ai có được bàn tay của người khác để nắm chặt, để cùng chia sẻ những thành công, thất bại thì mới có thể cười vang và vượt qua mọi khó khăn.	
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề</p> <p>2. Thân bài:</p> <p>a. Giải thích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng cảm: Là biết rung cảm trước những vui buồn của người khác, đặt mình vào hoàn cảnh của người khác để hiểu và cảm thông với họ. - Sẻ chia: Cùng người khác san sẻ vui buồn, những trạng thái tình cảm, tâm hồn với nhau; cả sự chia sẻ những khó khăn về vật chất, giúp nhau trong hoạn nạn... <p>Khi ta học được cách đồng cảm và chia sẻ tức biết sống vì người khác cũng là lúc mình nhận được niềm vui; ta cảm thấy cuộc đời này thật tuyệt vời. Nếu ai cũng biết “học cách đồng cảm và sẻ chia”, trái đất này sẽ thật là “thiên đường”.</p> <p>b. Phân tích, bàn luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuộc sống đầy những khó khăn vì vậy cần lắm những tấm lòng đồng cảm, sẻ chia + Sẻ chia về vật chất: Giúp đỡ khi khó khăn, hoạn nạn. + Sẻ chia về tinh thần: Ánh mắt, nụ cười, lời an ủi, chúc mừng, đôi khi chỉ là sự im lặng cảm thông, lắng nghe. - Sự đồng cảm, sẻ chia được thể hiện trong những mối quan hệ khác nhau + Đối với người nhận (...) + Đối với người cho (...) + Đồng cảm, sẻ chia và xã hội ngày nay (...) <p>c. Bàn luận, mở rộng: Phê phán bệnh vô cảm, lối sống ích kỷ, sống thiếu trách nhiệm với đồng loại, với cộng đồng ở một số người.</p> <p>d. Bài học nhận thức và hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức: Đồng cảm, sẻ chia giúp con người thêm sức mạnh để vượt qua những thử thách, những nghịch cảnh của cuộc đời. Đó cũng là một trong những phẩm chất “người”, kết tinh giá trị nhân văn cao quý ở con người. - Hành động: Phải học cách đồng cảm, sẻ chia và phân 	2,0 điểm

	<p>biệt đồng cảm, sẽ chia với sự thương hại, ban ơn... Ai cũng có thể đồng cảm, sẽ chia với những người quanh mình với điều kiện và khả năng có thể của mình.</p> <p>3. Kết đoạn: Cuộc sống sẽ đẹp vô cùng khi con người biết đồng cảm, sẽ chia. Đó cũng là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c.Triển khai văn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>I/Mở bài</p> <p style="text-align: center;">“ Chào em, em gái tiền phương Hẹn gặp nhé, giữa Sài Gòn Em vẫn cười đôi mắt trong. ”</p> <p style="text-align: right;">(Lá đỏ-Nguyễn Đình Thi)</p> <p>Hình ảnh các cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn là nguồn cảm hứng bất tận cho văn học cách mạng, đó là những cô gái kiên cường nhưng giàu tình cảm, mang những phẩm chất tốt đẹp. Phương Định trong truyện ngắn “<i>Những ngôi sao xa xôi</i>” của Lê Minh Khuê là một minh chứng tiêu biểu cho sức sống mãnh liệt của hình tượng cô thanh niên xung phong trong lòng bạn đọc. Nhà văn Lê Minh Khuê bằng một bút pháp tinh tế và cảm nhận sâu sắc đã mở ra một khoảng trời kí ức trong tâm hồn Phương Định, hé lộ những phẩm chất của nhân vật, đặc biệt qua đoạn trích “<i>Vắng lặng... vô hình trên đầu</i>”.</p> <p>II/ Thân bài</p> <p>1.Khái quát chung</p> <p>Truyện ngắn “ <i>Những ngôi sao xa xôi</i>” được Lê Minh Khuê viết vào năm 1971, khi ấy nước ta đang trải qua cuộc kháng chiến chống Mỹ ác liệt. Tác phẩm đã ghi lại một cách chân thực nhất đời sống của các cô gái thanh niên xung phong sống và chiến đấu trên tuyến đường Trường Sơn đầy bom đạn mà tiêu biểu là nhân vật Phương Định. Đoạn trích nằm ở giữa tác phẩm. Sau khi giặc ném bom, chị Thao và Nho đi trinh sát, phát hiện ra có bốn quả bom chậm cần phải phá, nhằm</p>	5,0 điểm

đảm bảo tuyến đường Trường Sơn không bị đứt mạch, Phương Định có nhiệm vụ phá một quả bom trên đồi. Đoạn trích miêu tả công việc phá bom căng thẳng và nguy hiểm của Phương Định. Qua đoạn trích trên ta thấy Phương Định là một cô thanh niên xung phong can trường, gan dạ, giàu tinh thần trách nhiệm.

2. Cảm nhận về đẹp của nhân vật Phương Định trong đoạn trích

Rời ghế nhà trường phổ thông, Phương Định xung phong ra mặt trận, nguyện dâng hiến cả tuổi thanh xuân cho đất nước. Cuộc sống nơi chiến trường luôn đối mặt với thử thách, nguy hiểm và cái chết đã tôi luyện ở Phương Định lòng quả cảm, không sợ hi sinh. Tâm lí Phương Định trong một lần phá bom được miêu tả rất cụ thể, tinh tế đến từng cảm giác, ý nghĩ dù chỉ thoáng qua trong giây lát. Lê Minh Khuê đã rất tinh tế khi miêu tả không gian tĩnh lặng, hoang tàn trên đường Phương Định đi đến chỗ quả bom để làm, bật lên sự tàn khốc, căng thẳng của cuộc chiến. Phương Định nhận xét về bầu không khí ấy *“Vắng lặng đến phát sợ”*. Đó là sự tĩnh lặng tuyệt đối và căng thẳng như đè nặng lên tâm hồn nhân vật. Tất cả cảnh vật đều thiếu sức sống. Bom giặc hủy diệt thiên nhiên, những cái cây sót lại thì *“xơ xác”*. *“Đất nóng”* - câu văn ngắn khiến người đọc cảm nhận được mặt đất nóng rẫy bởi lửa đạn chiến tranh. Trong không khí là *“khói đen vật vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì ở xa”*. Hình ảnh đám khói tạo cảm giác hiu quạnh, hoang tàn. **Tất cả các cảnh vật đều gọi đến sự hủy diệt, đều gọi nhắc đến lằn ranh giữa sự sống và cái chết chỉ tích tắc, bởi đó là sự tàn tích sót lại sau một đợt càn quét dữ dội của quân giặc. Vậy mà giữa không gian hoang tàn chết chóc đó, Phương Định chỉ có một mình.**

Trong tình huống nguy hiểm và cô độc ấy, tâm trí Phương Định bỗng hiện ra câu hỏi *“Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không?”*. Câu hỏi ấy cất lên thật tự nhiên, phù hợp với tâm lí nhân vật vì Phương Định luôn dành tình cảm đặc biệt cho các anh lính giải phóng. Tuy cô có nét kiêu kì của một người con gái Hà Thành không sẵn sàng, vồn vã nhưng thực tâm cô luôn nghĩ rằng *“những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ”*. Sự hiện diện của các anh như tiếp thêm cho cô sức mạnh và niềm tin để hoàn thành nhiệm vụ. Mặt khác trong cái tĩnh

lặng và cô độc đến đáng sợ ấy ánh mắt dõi theo của các anh cao xạ giống như một sự đồng tình, một sự ủng hộ, một động lực lớn lao đồng hành cùng Phương Định. Nó xua tan cảm giác cô quạnh và xua tan sự sợ hãi. Nó giúp Phương Định nhận ra sợi dây gắn bó vô hình nhưng bền chặt giữa cô và đồng đội, giữa một cá nhân và một tập thể, để có được thứ sức mạnh đoàn kết to lớn làm điểm tựa tinh thần. Cho nên, mặc dù lúc đầu sự không chắc chắn thể hiện qua hình thức câu hỏi, qua cụm từ “*chắc có*”, Phương Định vẫn tin tưởng mạnh mẽ vào các anh lính cao xạ. Biện pháp **nói quá** “*Các anh ấy có những cái ống nhòm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt*” vừa cho thấy sự nể phục vừa cho thấy niềm tin vững chắc của Phương Định vào các anh chiến sĩ.

Có một điểm tựa tinh thần như thế nên Phương Định trở nên mạnh mẽ hơn. Cô nhận ra mình không còn sợ nữa. Và hơn hết cô có can đảm để khẳng định “*Tôi sẽ không đi khom*”. Ta có thể hình dung một dáng đi hiên ngang, mạnh mẽ, ngẩng cao đầu đầy kiêu hãnh của cô thanh niên xung phong đầy can trường giữa hoàn cảnh khắc nghiệt. Ở Phương Định sáng lên vẻ đẹp của **lòng tự trọng và một trái tim dũng cảm, bản lĩnh**.

Thế rồi hình ảnh quả bom hiện ra “*Quả bom nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Đầu này có vẻ hai vòng tròn màu vàng...*”. Phép nhân hóa qua từ “*lạnh lùng*” khiến quả bom như một kẻ thù hiểm ác, vừa như đe dọa, vừa như thách thức. Hình ảnh quả bom tách ra, chỉ có hai câu, tô đậm thêm sự nguy hiểm và bầu không khí căng thẳng, nặng nề của công việc phá bom. Phương Định nhanh chóng bắt tay vào công việc. Những câu trần thuật ngắn đặt kề nhau như những nhịp hoạt động liên tục, thành thực của Phương Định “*Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom*”, “*Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên*”. Công việc gian khổ, nguy hiểm này có lẽ Phương Định phải đối mặt mỗi ngày cho nên cô hành động dứt khoát, không do dự. Câu đặc biệt “*Đất rắn*” ngắn và bình thản. Nó cho thấy sự cảm nhận trong tích tắc và **sự phán đoán mau lẹ** của Phương Định. Công việc phá bom không chỉ căng thẳng cần một thần kinh thép mà còn đòi hỏi một sức khỏe bền bỉ và sự cẩn thận, chính xác từng li, từng tí.

Đôi lúc lưỡi xẻng chạm vào quả bom, Lê Minh Khuê miêu tả âm thanh ấy: “*Một tiếng động sắc đến gai người, cửa vào da thịt tôi*”. **Phép chuyển đổi cảm giác** đầy

sống động đã giúp người đọc hình dung ra cái âm thanh chất chứa của kim loại chạm vào nhau. **Tiếng động ấy như một lưỡi dao cứa vào da thịt Phương Định và như cứa vào trái tim người đọc.** Bởi âm thanh ấy, trong những dao động gai người của nó, **là thông điệp của cái chết.** Biết đâu sau một trong những va chạm nhỏ nhất, quả bom sẽ phát nổ? Lưỡi hái thần chết luôn rình rập trong công việc đầy nguy hiểm, gian khổ này.

Âm thanh chất chứa này dội vào tâm hồn Phương Định, cô nhận ra sao mình làm quá chậm. Câu cầu khiến “*Nhanh lên một tí*” vang ra như một sự thúc giục. Cần phải nhanh chóng hoàn thành nhiệm vụ trước khi có điều bất trắc gì xảy ra. Chi tiết “*vỏ quả bom nóng*” là một chi tiết đắt giá. Bởi đó là “*một dấu hiệu chẳng lành*”. Có thể vỏ quả bom nóng do mặt trời nung, như vậy thì mọi việc vẫn bình an. Nhưng cũng có thể vỏ quả bom nóng do sức nóng từ bên trong, có nghĩa là nó sắp phát nổ. Câu văn “*vỏ quả bom nóng*” như dồn nén tất cả sự căng thẳng. Trong một khoảnh khắc đó là sự giằng co giữa sự sống và cái chết, an toàn và hiểm nguy, là một thử thách lớn lao ngay cả với những tâm hồn can đảm nhất. Trước thử thách tâm lý nặng nề ấy, người đọc nhận ra một sức mạnh phi thường trong tâm hồn Phương Định. **Điệp cấu trúc “hoặc là”...lặp đi lặp lại hai lần cho thấy sự phán đoán bình thản đến bất ngờ.** Dường như đứng giữa lằn ranh sống chết ấy, Phương Định quên đi sự an nguy của chính mình và vượt qua mọi nỗi sợ hãi, dồn toàn bộ tâm trí để hoàn thành nhiệm vụ.

Đặt mìn phá bom xong, Phương Định hồi hộp chờ kết quả. Nếu ở phần trên, Lê Minh Khuê khắc họa sự nguy hiểm, căng thẳng của công việc phá bom trên bình diện không gian còn đến đây thì nữ nhà văn giúp người đọc hình dung điều đó rõ hơn qua bình diện thời gian. Hai dấu hiệu của thời gian đó là: hồi còi của chị Thao và chiếc kim đồng hồ.

Không gian tĩnh lặng đến tận cùng. Và dường như thời gian ngưng đọng. “*Không có gió*” –không có dù chỉ một âm thanh nhỏ và không khí vẫn khô nóng đầy ngột ngạt. Không gian tĩnh lặng đủ để Phương Định cảm nhận trái tim mình. “*Tim tôi đập không rõ*”. Đó là những nhịp tim loạn nhịp cho thấy sự căng thẳng, hồi hộp ngự trị trong tâm hồn cô thanh niên xung phong. Đối lập với tâm hồn đầy biến động của Phương Định là hình ảnh những chiếc kim đồng hồ “*bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động*”

chung” như một sinh vật sống đứng đưng, lạnh lùng. Những câu văn dài như dòng chảy vô thủy vô chung của thời gian *“Nó chạy sinh động và nhẹ nhàng, đè lên những con số vĩnh cửu”*. Ở đây bằng sự tương phản giữa thời gian vật lí và thời gian tâm lí, Lê Minh Khuê đã khắc họa được bức tranh tâm hồn của Phương Định. Nếu thời gian của đời người trong cuộc phá bom đầy nguy hiểm này chỉ là từng khoảnh khắc giằng co giữa sống-chết thì thời gian vật lí lạnh lùng vô tri bởi chúng ta chỉ là *“những con số vĩnh cửu”*. Nếu tâm lí căng thẳng của Phương Định cảm nhận thời gian trôi chậm chạp, nặng nề thì những chiếc kim đồng hồ chỉ đơn giản là *“chạy, sinh động và nhẹ nhàng”* theo nhịp vận động từ ngày xưa của nó. Tại sao Phương Định lại có thể mạnh mẽ đến như vậy khi đối mặt với cái chết? Tại sao cô lại hồi hộp, căng thẳng đến mức tim loạn nhịp khi dõi theo ngọn lửa chạy vào quả bom? Khi công việc phá bom thành công. Phương Định tâm tình cùng bạn đọc và lí giải những điều đó *“Quen rồi”*. Câu đặc biệt vừa chân thành như một lời tâm tình vừa bình thản gan dạ đến lạ lùng. Thì ra sức mạnh tinh thần lớn lao ấy giống như một thứ kim loại quý giá và vững vàng đã được ngọn lửa chiến tranh tôi luyện để càng rắn rỏi. Chính cái hoàn cảnh *“một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít:ba lần”* đã tạo cho Phương Định và đồng đội của mình một **tinh thần thép** để vượt qua nỗi sợ hãi và những khoảnh khắc căng thẳng đối diện với cái chết.

Tất nhiên họ không phải là những kẻ liều mạng. Họ đủ tỉnh táo để nhận ra *“Tôi có nghĩ tới cái chết nhưng cái chết mờ nhạt, không cụ thể”*. Thông thường những người yêu cuộc sống tha thiết sẽ sợ cái chết bởi như một danh nhân từng nói *“Bị kịch thật sự của cái chết không phải là ta chết mà chính là ở chỗ ta không còn được sống nữa”*. Thế nhưng thật nghịch lí trong hoàn cảnh chiến tranh lúc con người ta dám can đảm đối mặt với cái chết là lúc con người ta yêu cuộc sống nhất. Bởi cái chết khi làm nhiệm vụ khiến cuộc đời của họ kết thúc một cách có ý nghĩa, họ ngã xuống trở thành một phần máu thịt của đất mẹ quê hương. Lí do khác khiến Phương Định cảm thấy cái chết *“mờ nhạt không cụ thể”* chính là bởi tâm trí cô có một mục tiêu rõ ràng, quan trọng, cần phải quan tâm hơn: nhiệm vụ. Các câu hỏi như những làn sóng xoáy sâu vào tâm trí *“Liệu mình có nổ không?”*, *“Không thì làm cách nào để châm mìn lần hai”* đã lấn át ý niệm về cái chết và

khiến nó trở nên thật mờ nhạt. Như vậy, chính tinh thần trách nhiệm cao độ mà cơ sở của nó chính là tình yêu nước, là khát vọng hòa bình đã tiếp thêm sức mạnh cho Phương Định để cô có thể vững vàng vượt qua tất cả.

Và giây phút chờ đợi đã qua. Bom nổ - “*Một thứ tiếng kì quái đến váng óc*”, ngực nhói, mắt cay, ... “*Mảnh bom xé không khí, lao và rít vô hình trên đầu.*”...cô vẫn phui áo và chạy xuống ngay nơi nổ. “*Bom nổ*”. “*Thắng rồi*”. Phương Định đã hoàn thành công việc. Đây quả là một cuộc đấu trí gan góc, kiên cường. Từ đó ta thấy tinh thần, ý chí và lòng dũng cảm của người con gái nhỏ bé, bình dị nhưng không bao giờ chịu khuất phục. Một ngày trong những năm tháng Trường Sơn của cô là như vậy! Những trang lịch sử Trường Sơn không thể quên ghi một ngày như thế!

Đoạn trích trên đã giúp người đọc hình dung ra bức chân dung tinh thần của Phương Định-một cô thanh niên dũng cảm gan dạ với **một tinh thần thép và bản lĩnh phi thường**. Chính nghịch cảnh chiến trường đã tôi luyện nơi cô thanh niên xung phong một trái tim quả cảm, một tinh thần trách nhiệm để có thể vượt qua được sự căng thẳng của công việc, vượt qua được nỗi sợ hãi cái chết để có thể hoàn thành nhiệm vụ. Sự gan dạ, dũng cảm phi thường ấy có nguồn cội sâu xa từ tinh thần yêu nước sâu sắc và khát vọng hòa bình mãnh liệt trong tâm hồn Phương Định. Qua đó ta thấy được ngòi bút của Lê Minh Khuê đậm chất nhân văn. Nhà văn đã mở lòng mình ra để đồng cảm với nhân vật và **khai phá được những nét đẹp rất riêng của nhân vật** cũng như **khái quát lên được những phẩm chất của cả một thế hệ**. Đó là thế hệ trẻ trên tuyến đường Trường Sơn quyết dâng hiến sức trẻ của mình để giải phóng dân tộc. Ở họ dòng suối cuộc đời đã hòa vào trường giang của quê hương, để rồi tất cả chan hòa trong đại dương của Tổ quốc, làm nên những sức mạnh thật diệu kì.

3.Đánh giá, mở rộng

a.Đánh giá

Có thể nói, xây dựng nhân vật Phương Định, Lê Minh Khuê đã xây dựng bằng những thủ pháp nghệ thuật đặc sắc, hiệu quả. Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sắc sảo tinh tế. Ở đoạn văn trên, nữ nhà văn đã chú ý đến các yếu tố không gian thời gian và chọn lọc các chi tiết ngoại cảnh (tiếng xêng chạm vào vỏ bom, chi tiết vỏ bom nóng,...) để khắc họa tâm lí nhân vật. Việc chọn ngôi kể

	<p>là ngôi thứ nhất, lời kể của Phương Định cũng giúp người đọc dễ dàng đồng cảm với nhân vật. Ngôn ngữ tự sự hấp dẫn, sống động, giàu sức tạo hình. Đặc biệt là sự kết hợp giữa câu văn dài, ngắn khác nhau, kết hợp linh hoạt các kiểu câu trần thuật, câu cầu khiến vừa đặc tả được sự tĩnh lặng của không gian, sự trôi chảy của thời gian, vừa giúp người đọc hình dung được hoạt động và tâm lí nhân vật.</p> <p>b.Mở rộng</p> <p>Hình ảnh Phương Định khiến ta gợi nhớ đến hình ảnh của những cô gái thanh niên xung phong trong thơ Phạm Tiến Duật, Lâm Thị Mỹ Dạ, trong văn của Nguyễn Minh Châu, và 10 đóa hoa thơm ở ngã ba Đồng Lập,...Họ là những cô gái trẻ đã hiến dâng tuổi thanh xuân của mình cho đất nước.</p> <p style="text-align: center;"><i>“Em nằm dưới đất sâu Nơi khoảng trời nằm yên trong đất Đêm đêm tâm hồn em tỏa sáng Nhưng vì sao ngời chói lung linh”.</i></p> <p style="text-align: center;">(“Khoảng trời hố bom”- Lâm Thị Mỹ Dạ)</p> <p>III/Kết bài</p> <p>Tóm lại, qua đoạn trích trên, Phương Định hiện lên là một cô gái dũng cảm, gan dạ, giàu tinh thần trách nhiệm. Bằng một ngòi bút bằng bạc chất thơ và thấm đẫm cảm xúc, Lê Minh Khuê đã vẽ nên bức chân dung gần gũi, đáng yêu của cô thanh niên Phương Định, để lại ấn tượng trong lòng bạn đọc. Chính vì lẽ đó, đưa con tinh thần đầu tay của nhà văn – truyện ngắn “<i>Những ngôi sao xa xôi</i>” đến nay vẫn có sức sống mãnh liệt, nó khơi gợi trong lòng người đọc sự trân trọng và nể phục trước một thế hệ trẻ hào hùng của những trang sử vàng dân tộc.</p> <p style="text-align: center;"><i>“Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước’ Mà lòng phơi phới dậy tương lai”</i></p> <p style="text-align: right;">(Tố Hữu)</p> <p>d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
--	---	--

ĐỀ SỐ 32

I.PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

(1) "...Người có tính khiêm tốn thường hay cho mình là kém, còn phải phấn đấu thêm, trau dồi thêm, cần được trao đổi, học hỏi nhiều thêm nữa. Người có tính khiêm tốn không bao giờ chịu chấp nhận sự thành công của cá nhân mình trong hoàn cảnh hiện tại, lúc nào cũng cho sự thành công của mình là tầm thường, không đáng kể, luôn luôn tìm cách để học hỏi thêm nữa.

(2) Tại sao con người lại phải khiêm tốn như thế? Đó là vì cuộc đời là một cuộc đấu tranh bất tận, mà tài nghệ của mỗi cá nhân tuy là quan trọng, nhưng thật ra chỉ là những giọt nước bể nhỏ giữa đại dương bao la. Sự hiểu biết của mỗi cá nhân không thể đem so sánh với mọi người cùng chung sống với mình. Vì thế, dù tài năng đến đâu cũng luôn luôn phải học thêm, học mãi mãi.

(3) Tóm lại, con người khiêm tốn là con người hoàn toàn biết mình, hiểu người, không tự mình đề cao vai trò, ca tụng chiến công của cá nhân mình cũng như không bao giờ chấp nhận một ý thức chịu thua mang nhiều mặc cảm tự ti đối với mọi người..."

(Trích "*Tinh hoa xử thế*", Lâm Ngữ Đường, Ngữ văn 7, tập hai, NXB Giáo dục, 2015, tr.70-71)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Xác định và nêu tác dụng của một phép tu từ được sử dụng ở đoạn (1)? (0,75 điểm)

Câu 3. Em có đồng tình với tác giả khi cho rằng cá nhân "*dù tài năng đến đâu cũng luôn luôn phải học thêm, học mãi mãi*" không? Vì sao? (0,75 điểm)

Câu 4. Thông điệp nào của đoạn trích có ý nghĩa nhất đối với em? Vì sao? (1,0 điểm)

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về **giá trị của đức tính khiêm tốn**.

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*"Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng.*

*Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy trên lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ
Tất cả như hối hả
Tất cả như xôn xao."*

(Trích "*Mùa xuân nho nhỏ*", Thanh Hải, Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục, 2005, tr. 55-56)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận	0,5 điểm
	2	Phép tu từ: phép điệp ngữ “ <i>người có tính khiêm tốn</i> ” -> Tác dụng: nhấn mạnh, tô đậm nội dung nghị luận về đức tính khiêm tốn	0,75 điểm
	3	Em đồng tình với tác giả khi cho rằng “ <i>dù tài năng đến đâu cũng luôn luôn phải học thêm, học mãi mãi</i> ” vì cuộc đời là cuộc đấu tranh bất tận, tài nghệ của mỗi cá nhân chỉ như giọt nước nhỏ bé giữa đại dương bao la; mình giỏi còn có người giỏi hơn giống như núi cao còn có núi cao hơn nữa.	0,75 điểm
	4	Thông điệp có ý nghĩa nhất đối với em là chúng ta cần biết rèn luyện đức tính khiêm tốn, sống biết mình, biết người vì đức tính ấy sẽ giúp em sống chan hòa, yêu thương nhiều hơn, không ngừng học hỏi và trau dồi để tích lũy kiến thức và phát triển bản thân, trở thành công dân có ích cho xã hội.	1,0 điểm
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>1.Mở bài: Giới thiệu vấn đề: lòng khiêm tốn</p> <p>2.Thân bài</p> <p>a. Giải thích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là một đức tính tốt mà con người cần phải trau dồi, rèn luyện - Khiêm tốn là nhã nhặn, có thái độ đúng mực trong việc đánh giá bản thân, không tự mãn , tự kiêu , tự cho mình là hơn người - Thường đi kèm với sự tự tin, lòng tự trọng <p>b. Phân tích mặt đúng , chỉ ra tác dụng, ý nghĩa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu hiện của đức tính khiêm tốn : <ul style="list-style-type: none"> + Trong phát ngôn: luôn dung từ giản dị, dễ hiểu, không nói nhiều về mình, không khoe khoang + Trong thái độ đối xử: không quá tự tin vào bản thân, luôn “ kính trên nhường dưới”, không dùng từ làm tổn thương người khác; nhẹ nhàng, biết lắng nghe nếu được góp ý - Tác dụng ý nghĩa : <ul style="list-style-type: none"> + Giúp con người dễ đạt đến sự thành công, có được sự tin tưởng của mọi người 	2,0 điểm

	<p>+ Luôn nhận được sự giúp đỡ chân thành của mọi người, được mọi người quý mến, tôn trọng</p> <p>c. Bàn luận mở rộng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngược lại với khiêm tốn là sự tự cao, tự đại, luôn khoe khoang, thích nói nhiều về bản thân - Tác hại: dễ bị mọi người xa lánh <p>d. Bài học nhận thức và hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học lối sống khiêm tốn để dễ hòa đồng với xã hội, với mọi người - Thắng không kiêu, bại không nản <p>3. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định giá trị của đức tính khiêm tốn trong việc hình thành nhân cách con người. <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a. Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>1. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thanh Hải là người có công lớn thấp sáng ngọn lửa thi ca cách mạng trong lòng miền Nam trong những năm dài đen tối, đầy máu và nước mắt dưới ách thống trị của thực dân Mỹ. - Bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” được Thanh Hải viết vào tháng 11 năm 1980 khi còn nằm trên giường bệnh, một tháng trước lúc qua đời. Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp và khí thế của đất nước vào xuân , thể hiện khát vọng và tình yêu thiết tha được trọn đời dâng hiến cho quê hương, đất nước. - Khổ thơ là cảm nhận của tác giả về mùa xuân của thiên nhiên, đất nước. <p>2. Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh mùa xuân của đất nước được lắng đọng , cảm nhận từ cái nhìn triu mến, thiết tha của nhà thơ, hiện lên như một thế giới trong xanh, tỏa sáng và tươi non với những sắc màu và âm thanh thân quen và tươi mới. <p>+ Đường nét thật giản đơn: nền xanh của nước(của trời) hiện lên một bông hoa tím biếc giản dị, khiêm nhường. Đó là sự hòa điệu của sắc màu: màu hồ thủy của dòng</p>	5,0 điểm

	<p>sông, màu tím biếc hơi trầm của bông hoa nhỏ... Độ lắng của sắc màu cũng là độ lắng của cảm xúc. Mùa xuân đơn sơ, dịu nhẹ, làm nao lòng người...</p> <p>+ Giai điệu mùa xuân chọt cất cao, lạnh lót và lan tỏa trong tiếng chim chiền chiện vui tươi. Cái không khí của một buổi sớm mùa xuân trong veo, bầu trời trong veo, không gian trong veo, tiếng chim trong veo... đến mức có thể hóa thành “giọt long lanh”. Giọt sương – giọt ánh sáng- giọt âm thanh tất cả đã hóa thành giọt long lanh của mỗi sáng mai. Kì diệu thay, đôi bàn tay nhà thơ đã hứng lấy giọt tinh túy của trời đất mùa xuân mát lành.</p> <p>+ Từ những khoảnh khắc bất chợt cảm nhận về sắc màu, thanh âm trong trẻo như vậy, cả mùa xuân lớn của dân tộc chọt ùa vào tâm hồn nhà thơ.</p> <p>+ Hình ảnh mùa xuân đất nước: Lấy người cầm súng, người ra đồng- hai lực lượng chính trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.</p> <p>+ Lộc : điệp từ “lộc”- điệp từ mang tính khẳng định kết hợp với từ láy “hối hả”, “xôn xao” tạo nên một không khí khẩn trương, tràn đầy sức sống, sức xuân – niềm lạc quan, tin tưởng vào thành quả cách mạng.</p> <p>3. Kết bài:</p> <p>- Khổ thơ giàu tính nhạc , nhịp điệu nhẹ nhàng, uyển chuyển thanh thoát của những câu thơ 5 chữ giai điệu sôi nổi, da diết của những điệp ngữ phù hợp với giọng điệu cảm xúc trữ tình.</p> <p>- Thể hiện tình cảm tha thiết , trong trẻo, đầm thắm của tác giả trước vẻ đẹp , sức sống của mùa xuân thiên nhiên , đất nước. Từ những rung động ngọt ngào, sâu lắng và da diết, tác giả khao khát được hòa nhập vào cuộc đời- mùa xuân nho nhỏ vào dòng chảy dạt dào sức sống, dạt dào tình đời, tình người mùa xuân của đất trời.</p> <p>d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
--	---	--

ĐỀ SỐ 33

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Một nhà nghiên cứu thực hiện thí nghiệm sau. Ông đưa hai người – một người gốc nghệch ốm yếu và một người thông minh cường tráng - đến một vùng đất. Sau đó, ông nói hai người cùng đào giếng để tìm nguồn nước.

Chàng ngốc không suy nghĩ gì mà liên cầm cuốc lên và bắt đầu đào. Còn người thông minh dự đoán và lựa chọn phần đất có thể có nước. Hai tiếng sau, cả hai đều đào được hai mét nhưng vẫn chưa thấy nước. Người thông minh nghĩ mình đã chọn sai nên liền tìm một vị trí khác để đào. Chàng ngốc tiếp tục kiên nhẫn đào phần đất của mình. Hai tiếng sau, anh đào được thêm một mét nữa, còn người thông minh đào được hai mét ở chỗ mới.

Một lúc sau, người thông minh lại cảm thấy dường như mình đang đào sai chỗ nên tìm một mảnh đất khác. Hai tiếng nữa lại trôi qua, chàng ngốc đào được thêm nửa mét nữa, còn người thông minh chuyển sang chỗ mới và đào được hai mét. Cả hai đều chưa thấy nước. Người thông minh cho rằng vùng đất này không có nước nên bỏ cuộc. Trong khi đó, chàng ngốc vẫn tiếp tục đào và cuối cùng anh đã tìm thấy nguồn nước.

Kết quả là chàng ngốc đã chiến thắng người thông minh.

(Theo Hạt giống tâm hồn, Tập 13, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2020, tr. 97-98)

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản.

Câu 2. (0,5 điểm) Theo văn bản, vì sao người thông minh lại bỏ cuộc?

Câu 3. (1,0 điểm) Tìm, gọi tên và cho biết vai trò của thành phần biệt lập trong câu: Ông đưa hai người - một người ngốc nghếch ốm yếu và một người thông minh cường tráng - đến một vùng đất.

Câu 4. (1,0 điểm) Em có đồng tình với suy nghĩ và hành động của người thông minh trong văn bản không? Vì sao?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về **vai trò của tính kiên nhẫn đối với con người**.

Câu 2 (3,0 điểm) Trong bài thơ Đồng chí, Chính Hữu viết:

Quê hương anh nước mặn, đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.

Anh với tôi đôi người xa lạ .

Từ phương trời chẳng hạn quen nhau,

Súng bên súng, đầu sát bên đầu,

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.

Đồng chí !

(Theo Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr. 128)

Trình bày cảm nhận của em về tình đồng chí của những người lính trong đoạn thơ trên.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: tự sự	0,5 điểm
	2	Theo văn bản, người thông minh lại bỏ cuộc vì cho rằng vùng đất này không có nước.	0,5 điểm
	3	Thành phần phụ chú: "- một người ngốc nghếch ốm yếu và một người thông minh cường tráng "	1,0 điểm
	4	Nêu ý kiến của bản thân em và lập luận phù hợp.	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội	2,0 điểm

	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>1.Mở đoạn: Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận: Lòng kiên nhẫn là một trong những đức tính quan trọng trong mỗi cá nhân chúng ta.</p> <p>2.Thân đoạn:</p> <p>a. Giải thích: Lòng kiên nhẫn là sự kiên trì, nhẫn nại</p> <p>b. Phân tích, bàn luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu hiện: Trong mọi hoàn cảnh, mọi công việc biết suy nghĩ kỹ lưỡng, kiên trì chờ đợi, đợi một thời điểm, thời cơ thích hợp... - Vai trò, ý nghĩa: Giúp bản thân trưởng thành hơn, vượt qua được khó khăn, rèn luyện bản thân tốt hơn => dẫn chứng: có công mài sắt, có ngày nên kim... <p>c. Bàn luận, mở rộng: Người thiếu lòng kiên nhẫn sẽ gặp phải nhiều khó khăn, sẽ tạo cho bản thân thói ỷ lại, những thói xấu và dễ dẫn đến thất bại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng: Có lòng kiên nhẫn thôi không đủ cần phải kết hợp rèn luyện với các đức tính khác để dễ dàng đến với thành công hơn <p>d. Bài học : Không ngừng học tập, trau dồi bản thân.</p> <p>3.Kết đoạn: Kiên trì là một trong những chìa khóa mở cửa thành công.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>I/ Mở bài :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sơ nét về tác giả Chính Hữu qua những nét nổi bật nhất. - Giới thiệu tác phẩm Đồng chí cùng giá trị đặc sắc về nội dung. - Dẫn dắt vấn đề: cảm nhận 7 câu thơ đầu bài Đồng chí. <p>II/ Thân bài :</p> <p>1. Tình đồng chí của người lính bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân:</p>	5,0 điểm

- Ngay từ những câu thơ mở đầu, tác giả đã lí giải cơ sở hình thành tình đồng chí thấm thiết, sâu nặng của anh và tôi – của những người lính Cách mạng:

*“Quê hương tôi nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.”*

+ Thành ngữ “nước mặn đồng chua”, hình ảnh “đất cày lên sỏi đá”

+ Giọng điệu thủ thỉ, tâm tình như lời kể chuyện

=> Các anh ra đi từ những miền quê nghèo đói, lam lũ - miền biển nước mặn, trung du đồi núi, và gặp gỡ nhau ở tình yêu Tổ quốc lớn lao. Các anh là những người nông dân mặc áo lính – đó là sự đồng cảm về giai cấp.

Cũng như giọng thơ, ngôn ngữ thơ ở đây là ngôn ngữ của đời sống dân dã, mộc mạc:

*“Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau”.*

=> Đến từ mọi miền đất nước, vốn là những người xa lạ, các anh đã cùng tập hợp trong một đội ngũ và trở nên thân quen.

2. Cùng chung mục đích, lí tưởng chiến đấu:

“Súng bên súng, đầu sát bên đầu”

- Điệp từ, hình ảnh sóng đôi mang ý nghĩa tượng trưng.

=> Tình đồng chí, đồng đội được hình thành trên cơ sở cùng chung nhiệm vụ và lí tưởng cao đẹp. Theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc thân yêu, các anh đã cùng tập hợp dưới quân kì, cùng kề vai sát cánh trong đội ngũ chiến đấu để thực hiện nhiệm vụ thiêng liêng của thời đại.

3. Cùng chia sẻ mọi gian lao, thiếu thốn:

- Mỗi tính từ kĩ của những người bạn chí cốt được biểu hiện bằng một hình ảnh cụ thể, giản dị, gợi cảm:

“Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”.

- Chính trong những ngày gian khó, các anh đã trở thành tri kỉ của nhau, để cùng chung nhau cái giá lạnh mùa đông, chia nhau cái khó khăn trong một cuộc sống đầy gian nan.

4. Đánh giá chung

- Thể thơ tự do với những câu dài ngắn đan xen đã giúp cho nhà thơ diễn tả hiện thực và bộc lộ cảm xúc một cách linh hoạt.

- Hình ảnh thơ cụ thể, xác thực mà giàu sức khái quát. Ngôn ngữ thơ hàm súc, cô đọng, giàu sức biểu cảm

III/ Kết bài :

- Tóm tắt nội dung và giá trị của toàn tác phẩm.

- Tổng kết ý nghĩa của đoạn thơ đầu bài thơ Đồng chí.

		- Bày tỏ cảm xúc cá nhân khi cảm nhận 7 câu thơ đầu bài Đồng chí. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
--	--	---	--

ĐỀ SỐ 34

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Cảm nhận sự vất vả, hy sinh thầm lặng của đội ngũ y, bác sĩ đang nỗ lực, căng mình chống dịch Covid-19, ca sĩ Nguyễn Phi Hùng đã sáng tác ca khúc “*Bao la những trái tim hồng*”. Lời bài hát như sau:

“Chờ ngày mai nắng lên
 Em ngược lên nhìn trời
 Gửi về nơi xa xôi
 Ngày bão giông mong thấy ánh mặt trời
 Nước mắt bao lần rơi
 Bao đau thương không nói thành lời
 Cầm tay nhau vượt qua đường xa
 Mong ngày buồn rồi sẽ chóng qua
 Yêu thương sẽ chữa lành vết thương
 Mơ ngày mai nắng lên trên khắp quê hương
 Cho đàn em thơ vui bước đến trường
 Những vòng tay yêu thương sẽ không còn cách xa
 Điệp khúc:
 Và điều đẹp nhất là có những tấm lòng
 Thắp lên hy vọng xua tan những đêm mùa đông
 Vì tình yêu nguyện dâng hiến cho cuộc đời
 Để thế giới minh mông, không bao la bằng những trái tim hồng”
 (*Bao la những trái tim hồng*, Nguyễn Phi Hùng - Nguồn <https://nhac.vn>)

Em đọc kỹ lời bài hát trên và thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính. (0,75 điểm).

Câu 2. Trong câu “Thắp lên hy vọng xua tan những đêm mùa đông”, những từ nào được dùng theo nghĩa chuyển? (0.75 điểm).

Câu 3. Xác định biện pháp tu từ trong câu “Ngày bão giông mong thấy ánh mặt trời”; phân tích hiệu quả sử dụng biện pháp tu từ trên. (1,5 điểm).

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Em hãy viết đoạn văn (không quá 200 chữ) trình bày suy nghĩ về **tinh thần trách nhiệm của mỗi người trong phòng, chống dịch Covid-19.**

Câu 2. (5,0 điểm) Cảm nhận của em về đoạn thơ:

“Thình lình đèn điện tắt
 Phòng buyn - đình tối om

Vội bật tung cửa sổ
Đột ngột văng trăng tròn
Ngửa mặt lên nhìn mặt
Có cái gì rưng rưng
Như là đồng là bể
Như là sống là rừng
Trăng cứ tròn vành vạnh
Kể chi người vô tình
Ánh trăng im phăng phắc
Đủ cho ta giết mình”.

(Trích *Ánh trăng*, Nguyễn Duy, Ngữ văn 9, tập một, NXBGD Việt Nam, tr.156)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm	0,75 điểm
	2	Những từ được dùng theo nghĩa chuyển: thấp, xua tan	0,75 điểm
	3	- Biện pháp nghệ thuật ẩn dụ - Tác dụng: + Câu thơ giàu hình ảnh, sinh động, hấp dẫn + Nhấn mạnh niềm mong ước những ngày “bão giông”, những ngày tháng khó khăn phải đối diện với dịch bệnh sẽ qua đi để cuộc sống được trở lại tươi đẹp như trước.	1,5 điểm
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>1.Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề: trách nhiệm của bản thân trong việc đẩy lùi dịch Covid 19.</p> <p>2.Thân đoạn:</p> <p>a. Giải thích:</p> <p>- Trách nhiệm là ý thức thực hiện tốt nghĩa vụ, công việc của bản thân, không ỷ lại, dựa dẫm hay đùn đẩy trách nhiệm cho người khác.</p> <p>=> Khẳng định trách nhiệm của bản thân trong việc đẩy lùi dịch Covid 19 là vô cùng cần thiết.</p> <p>b. Phân tích, bàn luận:</p> <p>*Biểu hiện của tinh thần trách nhiệm:</p> <p>- Đối với học sinh: trách nhiệm của chúng ta là học tập thực tốt, nghiêm chỉnh thực hiện các quy định của nhà trường, chính phủ về việc thực hiện phòng chống dịch bệnh,...</p> <p>- Biết giúp đỡ, sẵn sàng chia sẻ, quan tâm người khác.</p> <p>- Dẫn chứng, chứng minh hành động cụ thể.</p>	2,0 điểm

	<p>+ Dịch bệnh COVID-19 đã tàn quét, gây ảnh hưởng về Sức Khỏe, kinh tế của nhiều quốc gia trên thế giới. Là một nước nằm trong vùng ảnh hưởng của dịch bệnh, Việt Nam đã có những cách xử lý tuyệt vời, làm thế giới thán phục. Có thể nói, chính nhờ sức mạnh , trách nhiệm của mỗi cá nhân đã giúp đất nước ta bước đầu chiến thắng trên mặt trận chống Tinh cảm gia đình, thầy trò, hàng xóm láng giềng, chung tay góp từ thiện ủng hộ...</p> <p>+ Ngay từ lúc dịch bệnh bùng phát, giữa bối cảnh nhiều quốc gia hoang mang lo lắng, chính phủ nước ta đã có động thái quyết tâm, thể hiện trách nhiệm bảo vệ, giúp đỡ công dân, “Việt Nam quyết tâm không để ai bị bỏ lại phía sau, trong cuộc chiến chống dịch bệnh COVID-19”.</p> <p>+ Tham gia ác hoạt động thiện nguyện, “lá lành đùm lá rách”, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn để đẩy lùi, chống dịch COVID-19. + Học sinh, sinh viên các trường đại học đeo khẩu trang, nước rửa tay thường xuyên.</p> <p>* Ý nghĩa của tinh thần trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mang lại hạnh phúc cho nhân loại. - Tình cảm giữa con người với con người ngày một bền chặt hơn. - Xây dựng được một xã hội văn minh, giàu tình người. - Phát huy sức mạnh tình yêu thương: Việt Nam đã vượt qua tình trạng khó khăn do COVID 19 gây ra. + Cơ bản đã kiểm soát được dịch bệnh... . - Thành công trong công việc và cuộc sống <p>3. Bàn luận, mở rộng: Những người có lối sống ích kỉ, không có tinh thần trách nhiệm, đối xử tệ bạc với nhau....</p> <p>4. Liên hệ, rút ra bài học: trách nhiệm của bản thân trong việc đẩy lùi dịch Covid 19</p> <p>3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>1. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả Nguyễn Duy và bài thơ " Ánh trăng ". - Giới thiệu khái quát về ba khổ thơ cuối 	5,0 điểm

2. Thân bài

a.Khổ thơ 1: tạo nên bước ngoặt làm chuyển hướng mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình

-Hoàn cảnh được đẩy đến bước ngoặt khi tình huống bất ngờ xảy đến:

Thình lình đèn điện tắt

Phòng buyn đing tối om

Đây là tình huống quen thuộc, rất thực, tình huống tạo nên tính bước ngoặt để tác giả bộc lộ và thể hiện chủ đề tác phẩm

-Sự đối lập giữa ánh sáng và bóng tối, giữa “ *phòng tối om* ” >< “ *vầng trăng tròn* ”

- Người và trăng đối mặt thì tình xưa nghĩa cũ dâng lên, dường như “ *vầng trăng tròn vành vạnh* ” vẫn luôn chung thủy đứng chờ

- Trăng xuất hiện đột ngột có sức rung động mạnh mẽ thức tỉnh lương tâm con người

→ khổ thơ quan trọng tạo nên tính bước ngoặt cho bài thơ cũng là hồi chuông làm thức tỉnh tình nghĩa, lương tâm của con người

b.Khổ thơ 2: Hình tượng vầng trăng và dòng cảm xúc của tác giả

Sự xúc động mãnh liệt của nhân vật trữ tình “ *ngửa mặt lên nhìn mặt/ có cái gì rưng rưng/ như là đồng là bể/ như là sông là rừng* ”

- Chủ thể trữ tình lặng lẽ đối diện với vầng trăng trong tư thế im lặng cũng chính là quá khứ đối diện với hiện tại, sự thủy chung tình nghĩa đối diện với sự bạc bẽo vô tình

+ Đối diện với vầng trăng tình nghĩa, con người dường như thức tỉnh được sự thiện lương: nhìn sâu vào bản thân để thấy lỗi lầm, sự thay đổi của mình

+ Cuộc gặp gỡ không lời giúp con người tự soi chiếu vào chính mình

c.Khổ cuối: thể hiện những suy ngẫm sâu sắc mang tính triết lý của tác giả

- “trăng cứ tròn vành vạnh” biểu trưng cho sự chung thủy, nghĩa tình, trọn vẹn của thiên nhiên và quá khứ dù con người có thay đổi, vô tình

- Ánh trăng được nhân hóa “im phăng phắc” không trách cứ, oán hờn thể hiện sự bao dung, độ lượng của con người nghĩa tình

- Sự im lặng khiến nhân vật trữ tình “giật mình” đây là sự thức tỉnh lương tâm rất đáng trân trọng

- Câu thơ cuối cùng là sự âm hận, nỗi niềm tâm sự trở nên

		<p>âm ảnh, day dứt → Sự cảnh tỉnh, nhắc nhở con người nhớ về quá khứ, về những điều ân tình thủy chung => Tổng kết: 3 khổ thơ hình là cuộc gặp gỡ có ý nghĩa gợi nhắc cho người đọc một thái độ sống một đạo lý cao đẹp của dân tộc Việt Nam mà không ai được lãng quên - Uống nước nhớ nguồn</p> <p>3. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định giá trị của ba khổ thơ cuối nói riêng và bài thơ nói chung - Tình cảm của em dành cho tác phẩm <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
--	--	--	--

ĐỀ SỐ 35

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Mỗi người chúng ta đều là một con chim làm tổ trên cây, bố mẹ chính là cây cổ thụ. Cây che nắng cháy gió mưa, che chở chim non đến khi đủ lông đủ cánh.

Nhưng chim luôn hướng tới bầu trời, tò mò về thế giới chưa biết. Chim non lớn sẽ rời khỏi tổ, thoảng lại biến mất, nhưng cây không thể đi theo, chỉ biết yên lặng chờ đợi nơi chôn cũ.

Nuôi dạy con cái là nhìn chúng ngày càng đi xa khỏi đời mình, người làm bố làm mẹ chỉ có thể đưa tiễn phía sau.

Tiếng nói của họ là tiếng lá cây xào xạc trong gió, mái tóc bạc của họ là vòng tuổi được khắc bởi thời gian. (...)

Cây vẫn chờ ở chỗ cũ, đợi cánh chim mới quay về, hết thấy xem như trời yên biển lặng, nhưng vòng tuổi mãi mãi vẫn luôn thay đổi.

Tôi nghĩ, hôm nay đã đến lúc về nhà.

(Trích *Có một ngày, bố mẹ sẽ già đi* - Nhiều tác giả, Losedow dịch, NXB Thế giới, 2020, tr. 271)

Câu 1. (0,5 điểm) Chỉ ra từ làm phép nối để liên kết hai đoạn văn ở phần in đậm.

Câu 2. (0,5 điểm) Tìm từ láy được sử dụng trong câu văn: *Tiếng nói của họ là tiếng lá cây xào xạc trong gió, mái tóc bạc của họ là vòng tuổi được khắc bởi thời gian.*

Câu 3. (1,0 điểm) Em hiểu như thế nào về nội dung câu văn: *Cây che nắng cháy gió mưa, che chở chim non đến khi đủ lông đủ cánh?*

Câu 4. (1,0 điểm) Theo em, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì qua đoạn trích?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Có một ngày, bố mẹ sẽ già đi và chúng ta sẽ lớn...

Từ gợi ý trên, hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về **vai trò của tính tự lập đối với giới trẻ.**

Câu 2. (5,0 điểm)

Phân tích đoạn thơ sau:

Chân phải bước tới cha

Chân trái bước tới mẹ

Một bước chạm tiếng nói

Hai bước tới tiếng cười

Người đồng mình yêu lắm con ơi

Đan lò cài nan hoa

Vách nhà ken câu hát

Rừng cho hoa

Con đường cho những tấm lòng

(Trích *Nói với con* - Y Phương, Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr.72)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Từ làm phép nối để liên kết hai đoạn văn ở phần in đậm: "nhưng"	0,5 điểm
	2	Từ láy: <i>xào xạc</i>	0,5 điểm
	3	Cây chính là tượng trưng cho cha mẹ, bởi vậy ta có thể hiểu cha mẹ là mái ấm, là nơi che chở, sinh dưỡng và nuôi con khôn lớn trưởng thành, để con có thể tự tin bước vào cuộc sống của chính mình.	1,0 điểm
	4	Các em tự lựa chọn thông điệp mà mình muốn nhất: Gợi ý: - Dù con có đi đâu chẳng nữa thì bố mẹ luôn đợi con ở phía sau. - Bố mẹ hãy cho con cái khoảng trời riêng của mình. -	1,0 điểm
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>1.Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề: Tự lập là đức tính cần thiết và quan trọng trong mỗi cuộc sống.</p> <p>2.Thân đoạn:</p> <p>a. Giải thích</p> <p>- Tự lập chính là một cách sống tự quyết định, tự hành động, tự lựa chọn cho mình một con đường trong tương lai để đi. Tự lập là hành động mà không dựa dẫm vào người khác đặc biệt là bố mẹ của mình.</p>	2,0 điểm

	<p>b. Bàn luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu hiện của tính tự lập + Tự học mà bố mẹ không phải thúc giục + Hoàn thành mọi bài tập bằng sức của mình, không đi chép bài + Dám đưa ra ý kiến, quan điểm của mình - Vì sao phải có tính tự lập? + Tự lập là đức tính quan trọng mà cha ông chúng ta dạy từ thuở nhỏ. + Tự lập giúp con người có tính sáng tạo hơn. + Khi tự lập, con người có ý thức hơn trong mọi hành động + Tính tự lập giúp con người nhận thức toàn diện hơn về mọi mặt, có cái nhìn bao quát hơn về mọi mặt cuộc sống. + Tính tự lập giúp con người khẳng định giá trị bản thân. + Tính tự lập giúp xã hội hoàn thiện và phát triển <p>c. Bàn luận, mở rộng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện trạng tính tự lập trong giới trẻ hiện nay + Học sinh đang thiếu dần tính tự lập vì mọi chuyện đều có bố mẹ lo. + Tuy nhiên vẫn còn rất nhiều người biết sống tự lập, không phải chờ đợi, dựa dẫm vào những kết quả mà bố mẹ đã đưa sẵn, không chịu làm việc mà chỉ muốn hưởng. <p>d. Bài học nhận thức và hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chăm chỉ rèn luyện học tập + Giúp đỡ mọi người xung quanh cùng rèn luyện tính tự lập <p>3. Kết đoạn: Hãy rèn luyện để trở thành một người có tính tự lập vì "<i>Có một ngày, bố mẹ sẽ già đi và chúng ta sẽ lớn...</i>"</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>1. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đôi nét về tác giả, tác phẩm: + Y Phương là một nhà thơ đặc trưng cho người dân tộc, thơ ông là tiếng nói được phát từ sâu thẳm trái tim, vừa 	5,0 điểm

	<p>gần gũi, giản dị nhưng cũng chứa đựng nhiều giá trị nhân văn sâu sắc.</p> <p>+ “Nói với con” là một bài thơ hay của Y Phương nói lên tình cảm thiêng liêng giữa cha và con. Bài thơ giống như lời chia sẻ, trò chuyện của một người đi trước với người đi sau, của một người cha dành cho đứa con máu mủ của mình, những kỷ niệm khó quên.</p> <p>- Khái quát nội dung khổ 1: Người cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng: Con lớn lên trong tình yêu thương, sự nâng đỡ của cha mẹ, trong cuộc sống lao động nên thơ của quê hương.</p> <p>2. Thân bài</p> <p>a. Luận điểm 1: Tình yêu thương của cha mẹ đối với con cái là sâu sắc và vô hạn</p> <p>- Ngay từ những câu đầu tiên lời thơ đã giống như một lời tự sự:</p> <p><i>"Chân phải bước tới cha Chân trái bước tới mẹ Một bước chạm tiếng nói Hai bước tới tiếng cười"</i></p> <p>- Một đứa trẻ khi ngày từ khi được hình thành lên từ trong bụng mẹ đã mang rất nhiều tâm sự, yêu thương, bao bọc của những người thân yêu, của cha mẹ.</p> <p>- Mở rộng lời bài hát “Nhật ký của mẹ” do nhạc sĩ Nguyễn Văn Chung sáng tác có những câu sau: “Bao ngày mẹ ngóng, bao ngày mẹ trông, bao ngày mẹ mong con chào đời...” -> Đó chính là nỗi lòng yêu thương của bậc làm cha, làm mẹ dành cho hài nhi bé bỏng của mình.</p> <p>- Hình ảnh một em bé chập chững biết đi những bước chân đầu tiên trên đường đời luôn được sự cổ vũ động viên từ những người thương yêu chính là cha mẹ.</p> <p>=> Không khí gia đình tuy nhỏ bé nhưng thật ấm áp, êm đềm, hạnh phúc.</p> <p>b. Luận điểm 2: Con lớn lên trong cuộc sống lao động nên thơ của quê hương.</p> <p>- Tác giả lại gieo vào lòng người đọc những tình cảm thân thuộc, tình cảm đồng bào, tình làng nghĩa xóm đầy quý mến, trân trọng.</p> <p><i>"Người đồng mình thương lắm con ơi Đan lờ cài nan hoa Vách nhà ken câu hát Rừng cho hoa Con đường cho những tấm lòng Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới"</i></p>	
--	---	--

	<p><i>Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời"</i></p> <p>- Tác giả kể về những kỷ niệm, những cánh rừng đầy hoa, những con đường thân thuộc gần gũi, giản dị, nhưng sâu sắc chứa đựng biết bao tình nghĩa.</p> <p><i>"Đan lò cài nan hoa</i> <i>Vách nhà ken câu hát"</i></p> <p>- Động từ "<i>ken, cài</i>" ngoài nghĩa miêu tả còn nói lên tình cảm gắn bó quăn quýt trong lao động, làm ăn của đồng bào quê hương.</p> <p><i>"Rừng cho hoa</i> <i>Con đường cho những tấm lòng"</i></p> <p>- Rừng núi quê hương đẹp, thơ mộng, trữ tình đã che chở nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn và lối sống.</p> <p>-> Tác giả muốn qua những câu thơ này để gợi nhớ cho con phải biết yêu thương xóm làng, yêu thương những con người gắn bó với mình, những người tuy không cùng chung dòng máu nhưng lại thân thiết hơn cả ruột thịt.</p> <p>=> Đoạn thơ khẳng định con lớn lên trong sự nuôi dưỡng của cha mẹ và sự đùm bọc của quê hương bản làng.</p> <p>c. Đặc sắc nghệ thuật</p> <p>- Từ ngữ giàu hình ảnh, sức gợi cảm.</p> <p>- Cách nói phù hợp với người miền núi.</p> <p>- Thể thơ tự do phóng khoáng, cụ thể, giàu sức khái quát, vừa mộc mạc nhưng giàu chất thơ.</p> <p>- Các phép tu từ so sánh, điệp ngữ.</p> <p>3. Kết bài</p> <p>- Khái quát giá trị nội dung khổ 1 bài <i>Nói với con</i></p> <p>- Nêu cảm nhận của em.</p> <p>d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
--	---	--

ĐỀ SỐ 36

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Tôi muốn nhắc lại ý tưởng của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn: "Sống trong đời sống cần có một tấm lòng". Con người khác máy móc, công nghệ chính là ở tình cảm, tấm lòng. Một người máy làm thay cho chúng ta rất nhiều việc, có thể giải quyết công việc vô cùng phức tạp nhưng quả thật lòng trắc ẩn, vị tha, "mình vì mọi người, mọi người vì mình" chắc chỉ có ở con người chúng ta. Tôi cho rằng lòng trắc ẩn là "bệ đỡ" quan trọng, là nền tảng cho mọi hành động, suy nghĩ của chúng ta. Không ai có thể phát triển mà không quan tâm đến người xung quanh, không chia sẻ.

Lòng trắc ẩn cũng phải "có đi có lại", nghĩa là sự chia sẻ, gắn kết trên tinh thần mình vì mọi người, mọi người vì mình. Một xã hội quan trọng nhất là có sự gắn kết, đồng cam cộng khổ, ai muốn đi nhanh thì đi một mình, muốn đi xa thì đi cùng nhau.

(Nguồn: <http://tuoitre.vn>)

Câu 1 (1,0 điểm). Theo quan điểm của tác giả, điểm khác nhau giữa con người và máy móc công nghệ là gì?

Câu 2 (1,0 điểm). Tìm 01 lời dẫn trực tiếp được sử dụng trong đoạn trích và chuyển lời dẫn đó thành lời dẫn gián tiếp.

Câu 3 (1,0 điểm). Em hiểu như thế nào về nghĩa của các cụm từ “*đi một mình*” và “*đi cùng nhau*” trong câu văn: Một xã hội quan trọng nhất là có sự gắn kết, đồng cam cộng khổ, ai muốn đi nhanh thì đi một mình, muốn đi xa thì đi cùng nhau.

II. PHẦN LÀM VĂN

Câu 1 (2,0 điểm).

Hoạt động từ thiện đang trở thành vấn đề nóng trong đời sống cộng đồng vào thời gian gần đây. Hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ), chia sẻ quan điểm của em về **cách làm từ thiện có ý nghĩa**.

Câu 2 (5,0 điểm). Cảm nhận của em về vẻ đẹp của bài thơ sau:

*Bông nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về*

*Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu*

*Vẫn còn bao nhiêu nắng
Đã vơi dần cơn mưa.
Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi
(Sang thu, Hữu Thỉnh)*

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Theo quan điểm của tác giả, điểm khác nhau giữa con người và máy móc công nghệ ở tình cảm, tấm lòng	1,0 điểm
	2	Lời dẫn trực tiếp: Sống trong đời sống cần có một tấm lòng Chuyển lời dẫn đó thành lời dẫn gián tiếp: Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn từng có một ý tưởng rằng Sống trong đời sống cần có một tấm lòng.	1,0 điểm
	3	- đi một mình: bạn tự bước trên con đường mà mình hướng tới, chịu mọi trách nhiệm và tự bản thân vượt qua mọi khó khăn, thử thách.	1,0 điểm

		- đi cùng nhau: là bạn có người đồng hành để đi tới mục tiêu chung, và chắc chắn rằng khi đi cùng nhau thì quãng đường tới mục tiêu sẽ bớt xa hơn rất nhiều.	
	4		
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>1.Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề: Từ thiện là một trong những phong trào đang trở thành xu hướng phổ biến trong xã hội hiện nay. Nhưng cách làm từ thiện có ý nghĩa chứ không phải chạy theo xu thế là một vấn đề khá là bất cập.</p> <p>2.Thân đoạn:</p> <p>a.Giải thích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ thiện có nghĩa là làm việc tốt từ lòng yêu thương (người). - Từ thiện là một hành động trợ giúp người yếu thế. <p>b.Phân tích, bàn luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vì sao cần làm từ thiện? + Xã hội chẳng thiếu những số phận bất hạnh. + Các cơ quan, tổ chức chỉ có thể hỗ trợ một bộ phận nhỏ đặc biệt là trong tình hình hiện nay: khi đại dịch hoành hành, thiên tai + Làm việc thiện trở thành một nếp sống quen thuộc, một nét sống đẹp của dân tộc ta. + Dẫn chứng - Những ích lợi của việc từ thiện: + Họ nhận thấy tâm hồn mình được thoải mái hơn, nhẹ lòng hơn. + Có người thì họ không làm vì mình mà để phúc đức lại cho con cháu. + Họ chỉ mong muốn đóng góp một phần cho xã hội: để cuộc sống của những người bất hạnh được dịu đi. + Một xã hội tốt là một xã hội giàu lòng yêu thương, có nhiều người yêu thương nhau. <p>c. Bàn luận, mở rộng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phê phán một lớp người trong xã hội còn vô cảm, dửng dưng, không biết quan tâm, sẻ chia...với những người có hoàn cảnh bất hạnh trong xã hội. - Có những người chỉ làm từ thiện để lấy danh nghĩa, lấy sự nổi tiếng về cho bản thân chứ không xuất phát từ thực tâm thiện nguyện. Từ thiện là tốt nhưng từ thiện sai cách, 	2,0 điểm

	<p>sai đối tượng lại đem đến những điều phản tác dụng.</p> <p>d. Bài học nhận thức và hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được từ thiện là hành động tốt đẹp trong xã hội, thể hiện tình yêu thương của con người với đồng loại, là cơ sở để xây dựng các mối quan hệ xã hội và phát triển đất nước. - Hành động: Tuổi trẻ càng cần tích cực trong công tác từ thiện. Việc thiện thật ra không đòi hỏi nhiều tiền bạc và thì giờ, chỉ cần có một tấm lòng. <p>3. Kết đoạn: Kết thúc vấn đề: Không có thứ gì trên đời buộc người ta phải làm việc thiện, hãy làm từ thiện sao cho thật có ý nghĩa.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a. Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>1. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về tác giả, tác phẩm: + Hữu Thỉnh là nhà thơ trưởng thành từ quân đội, viết nhiều và viết hay về những con người ở nông thôn, về mùa thu. + Bài thơ Sang thu chính là cảm nhận tinh tế của nhà thơ Hữu Thỉnh về sự biến đổi của đất trời từ cuối hạ sang đầu thu. <p>2. Thân bài</p> <p>a. Cảm nhận tinh tế của nhà thơ về tín hiệu sang thu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm nhận tín hiệu thu về không gian gần bằng nhiều giác quan và sự rung cảm tinh tế + Hương ổi chín lan vào không gian, phả vào gió se + Sương đầu thu giăng mắc nhẹ nhàng, chuyển động chầm chậm nơi đường thôn ngõ xóm + Từ “bỗng” diễn tả sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng của nhà thơ trước những phát hiện thú vị báo thu về + Động từ “phả” gọi lên hương thơm của ổi chín như sánh lại, luồn vào trong gió gọi lên cho người đọc hình dung được không gian và thời gian của tiết sang thu + Gọi ra hình dung của hương ổi chín lan trong không gian, phả vào gió se 	5,0 điểm

+ Chùng chình – nghệ thuật nhân hóa: sương như có ý chậm lại, quần quýt, điều đó cũng gợi hình ảnh về bước đi của thời gian, nhẹ nhàng.

b. Những chuyển biến tinh tế của đất trời lúc thu sang

- Khoảnh khắc giao mùa được diễn tả thú vị qua đám mây mùa hạ “vắt nửa mình sang thu” – nghệ thuật nhân hóa diễn tả sự nuối tiếc, sự lưỡng lự trước khi chuyển mùa.

- Hình ảnh dòng sông trôi thanh thản, êm dịu chính là sự lắng đọng, “dềnh dàng” đặc trưng của mùa thu

- Chim “vội vã”: nghệ thuật nhân hóa, dường như chim muông cũng cảm nhận được sự chuyển giao của mùa mới nên tìm cho mình hướng đi.

=> Các hình ảnh, chi tiết đặc sắc giàu sức gợi hình tái hiện chân thật góc nhìn cũng như cảm xúc say sưa, hòa nhịp của tác giả trong khoảnh khắc thiêng liêng của đất trời.

c. Những tâm tư, suy ngẫm của tác giả

Vẫn còn bao nhiêu nắng

Đã vơi dần cơn mưa

- Các tính từ chỉ mức độ “vẫn còn”, “vơi dần” bớt từ chỉ mức độ rằng hạ nhạt dần, thu đậm nét hơn

- Quan sát tinh tế, nhạy cảm của tác giả: *Sấm cũng bớt bất ngờ/ Trên hàng cây đứng tuổi*

+ Hình ảnh thực của tự nhiên sang thu sấm thưa thớt, không còn dữ dội làm lay động hàng cây nữa

+ Nghệ thuật nhân hóa: “bớt bất ngờ” - trạng thái của con người

+ Hàm ý: con người khi cứng cáp, trưởng thành sẽ không còn sợ, hay cảm thấy bất ngờ trước những thử thách, sóng gió của cuộc đời. Con người từng trải sẽ vững vàng, kiên định hơn trước những tác động bất thường từ ngoại cảnh.

3. Kết bài

- Khẳng định lại giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm:

+ Nội dung: Sang thu là bài thơ đẹp thể hiện những rung động tinh tế của tác giả trước khoảnh khắc chuyển mùa hạ sang thu. Qua đó nêu bật lên chiêm nghiệm của tác giả về cuộc đời, con người.

+ Nghệ thuật: sử dụng nhiều từ láy, tính từ gợi trạng thái, hình ảnh chân thực. Nghệ thuật nhân hóa mang lại cái hồn cho bài thơ, nghệ thuật ẩn dụ tạo chiều sâu về cảm xúc và suy nghĩ.

d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.

	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
--	---	--

ĐỀ SỐ 37**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)****Đọc bài thơ sau:**

*Yêu từng bờ ruộng, lối mòn,
 Đỏ tươi bông gạo, biếc rờn ngàn dâu.
 Yêu con sông mặt sóng xao,
 Dòng sông tuổi nhỏ rì rào hát ca.
 Yêu hàng ốt đã ra hoa
 Đám dưa trổ nụ, đám cà trổ bông.
 Yêu sao tiếng mẹ ru nồng,
 Tiếng thoi lách cách bên nông dâu tằm.*

(Ta yêu quê ta, Lê Anh Xuân Thơ Thiếu nhi chọn lọc, NXB Văn học, 2017, tr.94)

Thực hiện các yêu cầu:**Câu 1.** (0,5 điểm) Bài thơ được viết theo thể thơ nào?**Câu 2.** (0,5 điểm)

Tìm hai từ láy tượng thanh có trong bài thơ.

Câu 3. (1,0 điểm) Trong hai dòng thơ sau, cảnh vật quê ta hiện lên như thế nào?

*Yêu từng bờ ruộng, lối mòn,
 Đỏ tươi bông gạo, biếc rờn ngàn dâu.*

Câu 4. (1,0 điểm) Phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp điệp ngữ trong bài thơ.**II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)****Câu 1.** (2,0 điểm) Bài thơ đã đánh thức trong em tình cảm, suy nghĩ gì? Trình bày bằng một đoạn văn 200 chữ.**Câu 2.** (5,0 điểm)**Cảm nhận của em về nhân vật ông Sáu trong đoạn trích sau:**

Tôi hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó – buổi chiều sau một ngày mưa rừng, giọt mưa còn đọng trên lá, rừng sáng lấp lánh. Đang ngồi làm việc dưới tấm ni lông nóc, tôi bỗng nghe tiếng kêu. Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hớt hải chạy về, tay cầm khúc gỗ đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà.

Sau đó anh lấy vỏ đạn hai mươi li của Mĩ, đập mỏng làm thành một cây cưa nhỏ, cưa khúc gỗ thành từng miếng nhỏ. Những lúc rỗi, anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc. Chẳng hiểu sao tôi thích ngồi nhìn anh làm và cảm thấy vui vui khi thấy bụi gỗ rơi mỗi lúc một nhiều. Một ngày, anh cưa được một vài răng. Không bao lâu sau, cây lược được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược cho con gái, cây lược dùng để chải mái tóc dài, cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tần mẩn khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”. Cây lược gỗ ấy chưa chải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh. Những đêm nhớ con, anh ít nhớ đến nỗi hối hận đánh con, nhớ con, anh lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên mái tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Có cây lược, anh càng mong gặp lại con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra. Một ngày cuối năm

năm mười tám – năm đó ta chưa vỡ trang – trong một trận càn lớn của quân Mỹ – nguy, anh Sáu bị hi sinh. Anh bị viên đạn của máy bay Mỹ bắn vào ngực. Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh.

- Tôi sẽ mang về và trao tận tay cho cháu.

Tôi cúi xuống gần anh và khẽ nói. Đến lúc ấy, anh mới nhắm mắt đi xuôi.

(Trích *Chiếc lược ngà*, Nguyễn Quang Sáng, Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr.199)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Bài thơ được viết theo thể thơ lục bát.	0,5 điểm
	2	Hai từ láy: lách cách, rì rào.	0,5 điểm
	3	Cảnh vật quê ta hiện lên bằng những hình ảnh thân quen, bình dị nhất của quê hương đó là bờ ruộng, bông gạo ...	1,0 điểm
	4	BPTT là: điệp ngữ " yêu " -> Tác dụng: Làm rõ tình yêu của tác giả đối với những hình ảnh thân quen nơi quê hương mình, bộc lộ cảm xúc và khiến cho hình ảnh đẹp hơn, sinh động hơn.	1,0 điểm
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>1. Mở đoạn: Nêu vấn đề cần bàn luận: Tình yêu quê hương đối với những điều bình dị nhất.</p> <p>2. Thân đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình yêu quê hương đất nước là tình cảm gắn bó sâu sắc, chân thành đối với những sự vật và con người nơi ta được sinh ra và lớn lên. - Quê hương gắn liền với những cảnh vật quen thuộc, những điều tưởng chừng rất đơn giản và bình dị. Yêu quê hương từ những điều bình dị nhất chính là trân trọng tất cả những điều ấy, bảo vệ, giữ gìn và làm đẹp những thứ bình dị đó. - Tình yêu quê hương không nhất thiết đến từ những điều lớn lao phi thường mà đôi khi nó đến từ những tình yêu nhỏ bé, từ những cống hiến thầm lặng. <p>(Học sinh tự lấy dẫn chứng phù hợp)</p> <p>3. Kết đoạn: Khái quát vấn đề bàn luận, nêu cảm xúc của em.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng,</p>	2,0 điểm

	<p>mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>I/Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả: Nguyễn Quang Sáng sinh năm 1932, quê ở huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Trong kháng chiến chống Pháp, ông tham gia bộ đội, hoạt động ở chiến trường Nam Bộ. Từ sau năm 1954, tập kết ra miền Bắc, Nguyễn Quang Sáng bắt đầu viết văn. Những năm chống Mỹ, ông trở về Nam Bộ tham gia kháng chiến và tiếp tục sáng tác văn học. Tác phẩm của ông thuộc nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản phim và hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến cũng như trong thời bình. - Tác phẩm: Truyện ngắn “Chiếc lược ngà” được viết năm 1966, khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ và được đưa vào tập truyện cùng tên. - Nhân vật ông Sáu là nhân vật chính của tác phẩm, để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng bạn đọc. Đặc biệt là ở đoạn trích từ: “Tôi vẫn còn nhớ buổi chiều hôm đó... Anh mới nhắm mắt xuôi tay”. Đoạn trích thể hiện vẻ đẹp của tình phụ tử thiêng liêng, sâu sắc của ông Sáu đối với bé Thu trong những ngày ở chiến khu. <p>II.Thân bài:</p> <p>1. Giới thiệu khái quát cảnh ngộ gia đình ông Sáu và tình yêu thương ông Sáu dành cho con.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đất nước có chiến tranh, ông Sáu phải đi công tác khi con gái chưa đầy một tuổi, khi con lớn lên, ông Sáu không một lần được gặp con, được yêu thương chăm sóc cho con. - Sau tám năm vào sinh ra tử, khi được về thăm nhà, nỗi khao khát được gặp con, được ôm con vào lòng khiến ông không kìm nén được cảm xúc. Tuy nhiên, khi ông vì vết sẹo trên mặt, vết thương do chiến tranh gây ra nên đưa con gái hồn nhiên, ngây thơ của ông nhất định không chịu nhận cha. Đến khi con gái nhận ra thì cũng là lúc ông phải trở lại chiến trường. Lúc chia tay, ông đã cố nén giọt nước mắt vì cách bộc lộ, tình cảm của con đối với mình 	5,0 điểm

khiến ông quá xúc động. Niềm hạnh phúc mà ông hằng mong chờ đã tới nhưng quá ngắn ngủi vì đã đến giờ biệt li. Ông chỉ kịp rút khăn lau nước mắt rồi hôn lên tóc con, lặng lẽ ra đi không hẹn ngày về mang theo một ước nguyện của con là cây lược nhỏ.

2. Cảm nhận về vẻ đẹp nội dung của đoạn trích - vẻ đẹp của tình phụ tử thiêng liêng.

- Luôn ghi nhớ như in lời con dặn vội vàng lúc chia tay “Ba về, ba mua cho con một cây lược nghe ba!”. Điều đó thúc giục ông đến việc làm một chiếc lược ngà. Và ông Sáu đã dồn tất cả tình yêu, nỗi nhớ con vào việc làm cây lược ấy. “Lúc rảnh rỗi anh ngồi cửa từng chiếc răng lược cho đến khi hoàn thành, những đêm nhớ con anh lấy cây lược ra ngắm nghía”.

- Chiếc lược trở thành một vật quý giá, nó làm vui đi nỗi ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm nhớ thương, yêu mến của người cha đối với đứa con trong xa cách. Chiếc lược ngà trở thành một kỉ vật thiêng liêng, nuôi dưỡng tinh thần chiến đấu cho người chiến sĩ trong những ngày gian khổ.

- Bị thương nặng, chỉ đến khi gửi lại chiếc lược ngà lại cho bạn với lời nhắn nhủ sẽ trao tận tay bé Thu, ông mới yên lòng nhắm mắt.

- Ông Sáu hi sinh khi chưa kịp gửi món quà cho con gái. Đây là tình huống rất cảm động. Những mất mát do chiến tranh gây ra là không gì bù đắp nổi. Tuy không một lời trăng trối nhưng hành động cuối cùng của ông Sáu càng cho ta thấy tình cảm của ông dành cho con thật sâu nặng. Người đồng chí của ông - người kể chuyện đã thay ông làm việc đó. Chiếc lược ngà đã trở thành biểu tượng của tình cha con đời đời.

3. Vẻ đẹp về hình thức nghệ thuật.

- Đoạn văn là lời kể của một người đồng chí của ông Sáu, người đã chứng kiến toàn bộ quá trình ông làm cây lược tặng con gái và thấu hiểu những suy nghĩ, cảm xúc của ông. Đoạn văn vì thế trở nên khách quan, chân thành.

- Ngôn ngữ văn xuôi giàu tình cảm, khả năng miêu tả tâm lí tinh tế, chính xác, bắt nguồn từ một tâm hồn nhạy cảm và tấm lòng yêu thương, trân trọng con người.

- Đặc biệt, nhà văn đã xây dựng một tình huống truyện rất éo le, bất ngờ mà tự nhiên, cảm động; qua đó, phần nào nói lên sự ác nghiệt của chiến tranh.

III/ Kết bài: Cảm nhận khái quát về đoạn văn, liên hệ bản thân.

		<p>d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
--	--	--	--

ĐỀ SỐ 38

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Nếu nói về những ngõ xanh im vắng, có lẽ Huế có nhiều nhất những hun hút xanh chan hòa đem lại cho con người cảm giác thư thái ấy. Sống ở Huế thật lâu, tôi mơ hồ những ngõ nhỏ xứ Huế như một sợi dây nối tâm hồn Huế ra với cao rộng cuộc đời. Sợi dây ấy đan bằng lá cây và sương khói, bên vào đó những âm vang bình dị từ những khu vườn và cả ánh sáng khiêm nhường của những thời khắc cảnh sắc không gian Huế, tất cả được đan bằng bàn tay của một tâm thức đầy đặn cảm vừa lặng lẽ rêu phong vừa sôi động như ngọn gió qua rừng tre trúc.

Ngõ Huế, gần như là một tiếng gọi, thật gần mà lại mơ hồ xa vắng. Ngõ Huế, đó chính là cái cửa ngõ ngay trước ngôi nhà ẩm áp khói lam chiều, là những ngõ quê thơm mùi đất, những ngõ vườn xao động hoa lá điệu dàng, những ngõ phố sống động đêm khuya và cả những ngõ chùa nắng vàng như màu thiên xứ sở...

(Hồ Đăng Thanh Ngọc, *Đôi triềng giồng của Mẹ*, NXB Văn học, 2011, tr. 13,14)

Câu 1. (0.5 điểm) Chỉ ra và gọi tên thành phần biệt lập có trong câu: *Nếu nói về những ngõ xanh im vắng, có lẽ Huế có nhiều nhất những hun hút xanh chan hòa đem lại cho con người cảm giác thư thái ấy.*

Câu 2. (0,5 điểm) Xác định hai phép liên kết về hình thức có trong ngữ liệu trên. **Câu 3.** (1,0 điểm) Xác định và nêu tác dụng của hai biện pháp tu từ từ từ vựng có trong câu: *“Ngõ Huế, đó chính là cái cửa ngõ ngay trước ngôi nhà ẩm áp khói lam chiều, là những ngõ quê thơm mùi đất, những ngõ vườn xao động hoa lá điệu dàng, những ngõ phố sống động đêm khuya và cả những ngõ chùa nắng vàng như màu thiên xứ sở...”*

Câu 4. (1,0 điểm) Em có nhận xét gì về tình cảm của tác giả dành cho ngõ Huế ? (trả lời 3-5 dòng).

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về **ý nghĩa của lối sống hòa hợp với thiên nhiên.**

Câu 2. (5,0 điểm)

Phân tích đoạn thơ sau để thấy được dòng hoài niệm đẹp đẽ của người cháu về tuổi thơ sống bên bà.

*Tám năm ròng, cháu cùng bà nhóm lửa
 Tu hú kêu trên những cánh đồng xa
 Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà?
 Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế.
 Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!
 Mẹ cùng cha công tác bận không về,
 Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe,*

Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học,
Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc,
Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà,
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?
(Trích *Bếp lửa* - Bằng Việt - Ngữ văn 9, NXBGD Việt Nam, 2017)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Có lẽ - thành phần biệt lập tình thái.	0,5 điểm
	2	Hai phép liên kết về hình thức: - Phép thế: Sợi dây ấy thay thế cho “ <i>sợi dây nối tâm hồn Huế ra với cao rộng cuộc đời</i> ”. - Phép lặp: Ngõ Huế	0,5 điểm
	3	- Liệt kê: là cái ngõ ngay trước ngôi nhà ẩm áp khói lam chiều, là những ngõ quê thơm mùi đất, những ngõ vườn xao động hoa lá điệu dàng, những ngõ phố sống động đêm khuya, những ngõ chùa nắng vàng như màu thiên xứ sở. - So sánh: ngõ chùa nắng vàng như màu thiên xứ sở - Tác dụng: + Biện pháp liệt kê làm nổi bật những nét đặc sắc, phong phú của không gian ngõ Huế. + So sánh khẳng định không gian ngõ Huế với màu sắc độc đáo “ <i>màu thiên</i> ”, tổ đậm đặc trưng văn hóa của vùng đất này. + Làm cho câu văn có nhịp điệu, giàu hình ảnh.	1,0 điểm
	4	- Tác giả dành tình yêu, sự trân trọng gắn bó với ngõ Huế. - Tâm hồn tác giả dành sự cảm nhận tinh tế với không gian đặc trưng này của xứ Huế. -> Đó là tình cảm của người con với quê hương, chạm đến trái tim người đọc, truyền tải tình yêu với những người con quê hương, làm phong phú thêm vẻ đẹp của Huế mộng và thơ.	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: Thiên nhiên là cội nguồn của sự sống, là ngôi nhà chung của tất cả chúng ta. Thiên nhiên cung cấp cho chúng ta mọi điều kiện sống, giúp con người sinh tồn và phát triển. Thiên nhiên còn mang lại cho con người vẻ đẹp, để con người tận hưởng cuộc sống tốt lành, thoir thả tâm hồn sau những công việc đầy khó nhọc. Bởi thế, từ xưa, con	2,0 điểm

	<p>người luôn dành cho thiên nhiên một tình yêu lớn. Yêu cuộc sống tự nhiên chính là sự gắn bó, sống hòa hợp với thiên nhiên, yêu quý và giữ gìn thiên nhiên ở xung quanh mình. Con người từ lâu đã dành cho thiên nhiên một tình yêu lớn. Vẻ đẹp của thiên nhiên đi vào nghệ thuật thi ca, hội họa, âm nhạc, nâng đỡ và dịu dặt cảm xúc của con người. Lối sống hòa hợp, tôn trọng thiên nhiên của người xưa là một mẫu mực của tình yêu thiên nhiên thiết tha. Thế nhưng, ngày nay, thiên nhiên đang bị hủy hoại nghiêm trọng bởi con người, gây nên những hậu quả nặng nề đến đời sống của toàn nhân loại. Mẹ thiên nhiên đang bị xúc phạm và con người phải gánh lấy hậu quả do những hành động nông nổi của chính mình. hãy nhớ rằng mỗi mầm xanh là một nguồn sống đáng quý, mỗi dòng nước chảy mang theo nguồn năng lượng sinh tồn. Hãy biết bảo vệ lấy nó. Bảo vệ thiên nhiên là bảo vệ cuộc sống chính mình, bảo vệ sự sống trên trái đất.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>I/ Mở bài: Dẫn dắt vấn đề nghị luận xã hội: dòng hoài niệm đẹp đẽ của người cháu về tuổi thơ sống bên bà trong bài thơ Bếp Lửa được thể hiện trong: trích thơ</p> <p>II/ Thân bài:</p> <p>1/ Nhớ về những kỉ niệm là nhớ về bếp lửa, nhớ về tình bà trong suốt tám năm bên bà</p> <p>Nhớ về những kỉ niệm là nhớ về bếp lửa, nhớ về tình bà trong suốt tám năm bên bà:</p> <p>– “Tám năm ròng cháu sống cùng bà” – tám năm cháu nhận được sự yêu thương, che chở, dưỡng nuôi tâm hồn từ tấm lòng của bà. Tám năm ấy, cháu sống cùng bà vất vả, khó khăn nhưng đầy tình yêu thương.</p> <p>– Kháng chiến bùng nổ, “Mẹ cùng cha công tác bận không về”,bà vừa là cha, lại vừa là mẹ: “bà bảo cháu nghe – Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học”. Chính bà là người đã nuôi dưỡng, dạy dỗ cháu nên người. Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế để nhắc nhở cháu về truyền thống gia</p>	5,0 điểm

đình, về những đau thương mất mát và cả những chiến công của dân tộc. Bà luôn bên cháu, dạy dỗ, chăm sóc cho cháu lớn lên.

-> Một loạt các từ ngữ “bà bảo”, ”bà dạy”, ”bà chăm” vừa diễn tả một cách sâu sắc tình thương bao la, sự chăm chút hết mình của người bà dành cho cháu, vừa thể hiện được lòng biết ơn của cháu đối với bà. Tình yêu và kính trọng bà của tác giả được thể hiện thật chân thành, sâu sắc: “Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc”.

– Bà và bếp lửa là chỗ dựa tinh thần, là sự chăm chút, đùm bọc dành cho cháu. Bếp lửa của quê hương, bếp lửa của tình bà lại gợi thêm một kỉ niệm tuổi thơ – kỉ niệm gắn với tiếng chim tu hú trên đồng quê mỗi độ hè về:

Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!

Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà

Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?

Đoạn thơ khiến ta chạnh nhớ về “tiếng chim tu hú” của nữ sĩ Anh Thơ: tiếng chim tu hú gắn liền với hình ảnh cha già với những kỉ niệm về một thời thiếu nữ hoa niên, tiếng chim tu hú len lỏi khắp bài thơ như một âm thanh u ầu, không buồn mà tiếc. Còn ở đây, tiếng chim tu hú bước vào thơ Bằng Việt như một chi tiết để gợi nhắc nhà thơ về những kỉ niệm ấu thơ được sống bên bà. Tiếng chim tu hú – âm thanh quen thuộc của làng quê Việt Nam mỗi độ hè về, báo hiệu mùa lúa chín vàng đồng, vải chín đỏ cây. Tiếng chim như giục giã, như khắc khoải một điều gì da diết khiến lòng người trỗi dậy những hòa niệm, nhớ mong. Phải chăng đó chính là tiếng đồng vọng của đất trời để an ủi, sẻ chia với cuộc đời lam lũ của bà? Câu hỏi tu từ “Tu hú ơi chẳng đến ở cùng bà – Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa” mới thấm thía làm sao, xót xa làm sao! Nó diễn tả nỗi lòng da diết của tác giả khi nhớ về tuổi thơ, nhớ về bà.

=> Những câu thơ như lời đối thoại tâm tình, cháu trò chuyện với bà trong tâm tưởng, cháu trò chuyện với chim tu hú trong tình yêu thương. Và tất cả đều là sự bộc bạch của cháu dành cho người bà kính yêu. Hình ảnh của bà, hình ảnh của bếp lửa và âm thanh của chim tu hú vang vọng trong một không gian mênh mông khiến cả bài thơ nhuốm phủ sắc bàng bạc của không gian hoài niệm, của tình bà cháu đẹp như trong chuyện cổ tích.

2/ Đặc sắc nghệ thuật:

- Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm và miêu tả, tự sự và bình luận.

		<p>- Thể thơ tám chữ kết hợp với 7 chữ, 9 chữ phù hợp với việc diễn tả dòng cảm xúc và suy ngẫm về bà.</p> <p>- Giọng điệu tâm tình, thiết tha, tự nhiên, chân thành.</p> <p>III/ Kết bài: dòng hoài niệm đẹp đẽ của người cháu về tuổi thơ sống bên bà càng cho ta thấy rõ tình cảm thiêng liêng giữa bà với cháu.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
--	--	--	--

ĐỀ SỐ 39

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Ôi tuổi thơ, ta dầm mưa ta tắm.
 Ta lội tung tăng trên mặt nước mặt sông
 Ta lặn xuống, nghe vang xa tiếng sấm
 Nghe mưa rơi, tiếng âm tiếng trong.
 Ôi đâu rồi những trò chơi tuổi trẻ
 Những tàu chuối bẹ dừa, những mảnh chòi nhỏ bé
 Những vết chân thơ ấu buổi đầu tiên
 Mấy tấm mo cau là mấy chiếc thuyền
 Mưa cuốn đi rồi.
 Mưa chảy xuống dòng sông quê nội
 Sóng nước quê hương dào dạt chảy về khơi,
 Chờ những kỷ niệm xưa, chìm lắng bốn phương trời.
 (Trích “*Nhớ cơn mưa quê hương*” - Lê Anh Xuân)

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích .

Câu 2. (0, 5 điểm) Chỉ ra ít nhất một thành phần biệt lập có trong đoạn trích trên .

Câu 3. (1,0 điểm) Xác định biện pháp tu từ trong câu thơ được in đậm và nêu tác dụng (Nghe mưa rơi, tiếng âm tiếng trong)

Câu 4. (1,0 điểm) Em hiểu như thế nào về cảm xúc của tác giả trong đoạn trích trên ?

II . PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 . (2,0 điểm)

Aesop – Một nhà văn Hi Lạp đã từng nói :

“ *Sự tử tế , dù nhỏ tới thế nào , không bao giờ là lãng phí* “

Từ câu nói trên, em hãy nêu suy nghĩ của mình về giá trị của lòng nhân ái .

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận về vẻ đẹp của nhân vật Thúy Kiều trong đoạn trích sau:

"Trông người dưới nguyệt chén đồng,

Tin sương luống những rày trông mai chờ.

Bên trời góc bể bơ vơ,

Tám son gột rửa bao giờ cho phai.

Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?
Sân Lai cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm,"

(Trích *Kiêu ở lầu Ngưng Bích*, *Truyện Kiều* - Nguyễn Du, Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, tr.93 – 94)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm	0,5 điểm
	2	Thành phần biệt lập thành phần cảm thán: “Ồi”.	0,5 điểm
	3	Biện pháp tu từ trong câu in đậm: ẩn dụ chuyển đổi cảm giác. Tác dụng: tiếng mưa được cảm nhận qua thính giác được chuyển đổi qua cảm giác “ấm” và thị giác “trong” thể hiện được nét độc đáo, tinh tế trong sự cảm nhận của người con xa quê, những liên tưởng, bất ngờ, thú vị về âm thanh tiếng mưa là sản phẩm của những rung động sâu sắc, sự nhạy cảm, tài hoa của tác giả. Mặt khác, còn làm cho hình ảnh thơ sống động, như hiện hữu đa chiều và dễ đi vào lòng người đọc.	1,0 điểm
	4	Tác giả khi nhớ về quê hương với bao nhiêu kỉ niệm thời thơ ấu ùa về cùng những cảm xúc lắng đọng, nhớ nhung da diết và cũng có một phần tiếc nuối những hoài niệm, kỉ ức đã qua. Qua đó cũng cho ta thấy trong sâu thẳm trái tim của người con xa quê là tình yêu quê hương sâu nặng, thiết tha.	1,0 điểm
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>I/Mở đoạn: giới thiệu vấn đề nghị luận.</p> <p>II. Thân đoạn:</p> <p>1.Giải thích:</p> <p>-“Nhân” là người, “ái” là yêu, “Nhân ái”là tình yêu thương đối xử với nhau thật tốt đẹp đúng nghĩa làm người.</p> <p>- Tình yêu thương này còn là một trong những thước đo nhân cách con người và là nét đẹp về đạo đức.</p> <p>2. Phân tích, bàn luận:</p> <p>* Biểu hiện của lòng nhân ái:</p> <p>- Qua hành động đơn giản, qua sự quan tâm, qua ý thức chung.</p>	2,0 điểm

	<p>- Không cần phải là những việc làm to tát, những điều xa xỉ mà lòng nhân ái hiện diện xung quanh cuộc sống thường ngày của chúng ta.</p> <p>*Giá trị của lòng nhân ái:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Con người yêu thương nhau hơn - Xã hội tốt đẹp hơn, bình đẳng hơn. - Con người sống vui hơn, tin tưởng và đoàn kết với nhau hơn. - Đạo đức được nâng lên, tinh thần được cổ vũ. <p>3.Bàn luận mở rộng: Phê phán những con người vô cảm, thờ ơ và không có lòng nhân ái: Một số thực trạng mặt trái về lòng nhân ái hiện nay.</p> <p>4. Bài học nhận thức và hành động</p> <p>III. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>I/ Mở bài</p> <p>Nguyễn Du là đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới, tên tuổi của ông gắn liền với tác phẩm "<i>Truyện Kiều</i>" - kiệt tác số một của văn học trung đại Việt Nam. Ngoài giá trị nội dung sâu sắc, <i>Truyện Kiều</i> còn rất thành công về nghệ thuật đặc biệt là bút pháp "<i>Vịnh cảnh ngụ tình</i>" (lấy cảnh vật để nói lên nỗi lòng của con người, người và cảnh vì thế mà tâm đầu ý hợp hòa quyện vào nhau). Tiêu biểu là đoạn trích "<i>Kiều ở lầu Ngưng Bích</i>" và điển hình là tám câu thơ sau đã khắc họa một cách xúc động về nỗi nhớ người yêu, nhớ bố mẹ của Thúy Kiều, qua ngôn ngữ độc thoại nội tâm của chính nhân vật:</p> <p style="text-align: center;"> <i>"Trông người dưới nguyệt chén đồng</i> <i>Tin sương luống những rày trông mai chờ.</i> <i>Bên trời góc bể bơ vơ,</i> <i>Tám son gột rửa bao giờ cho phai.</i> <i>Xót người tựa cửa hôm mai,</i> <i>Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?</i> <i>Sân Lai cách mấy nắng mưa,</i> <i>Có khi gốc tử đã vừa người ôm"</i> </p>	5,0 điểm

II/ Thân bài

1. Khái quát đoạn trích:

Sau khi trao duyên cho em là Thúy Vân, Kiều theo Mã Giám Sinh về Lâm Tri để yên phận làm vợ, nào ngờ đó lại là chốn lầu xanh trêu hoa ghẹo bướm. Quyết giữ thân trong trắng, Kiều cự tuyệt và dùng mọi cách để không sa vào vũng bùn lầy như nhục ấy. Đòn roi của mụ Tú Bà không khuất phục được ý chí giữ gìn phẩm giá của người con gái đẹp. Mụ đưa Kiều vào lầu Ngưng Bích nhưng thực chất là giam lỏng và bắt đầu như âm mưu “*thuần phục*” nàng. Tại lầu Ngưng Bích, nhìn cảnh vật đượm nỗi ưu sầu với vẻ non xa, tấm trăng gần, cơn cát bụi bay mờ mịt, thời gian, không gian trôi qua vô hình vô định như chính cuộc đời nàng. Thương cho số phận của chính mình, Kiều nhớ về gia đình, nhớ về cha mẹ, nhớ về những người thân yêu và nhớ về mối tình dang dở với chàng Kim.

2. Cảm nhận về vẻ đẹp của nhân vật Thúy Kiều trong đoạn trích

a. Kiều nhớ Kim Trọng

Trước hết Kiều nhớ đến Kim Trọng. Đã có nhiều người phê phán rằng Kiều không phải là người con chí hiếu khi trong tình cảnh như thế này lại nhớ đến người yêu trước tiên. Có lẽ việc để Thúy Kiều nhớ về Kim Trọng trước cũng là một trong

những dụng ý của tác giả. **Nguyễn Du đã khéo léo để nàng Kiều nhớ Kim Trọng trước, cha mẹ sau. Bởi, trước hết nó phù hợp với quy luật tâm lí của tuổi trẻ.** Hơn nữa, trong cơn gia biến, Kiều đã hi sinh chữ tình vì chữ hiếu. Nàng đã bán mình chuộc cha, làm tròn đạo hiếu. Với cha mẹ, nàng đã đền đáp được công ơn sinh thành và dưỡng dục cao như núi, dài như bể của cha mẹ. Vì vậy nàng không có gì phải ăn năn, day dứt. Thế nhưng, còn với chàng Kim, nàng đã không làm tròn được lời thề đính ước giữa chàng và nàng:

*“Trông người dưới nguyệt chén đồng
Tin sương luống những rày trông mai chờ”*

Tại sao tác giả lại không dùng từ nhớ mà lại dùng từ “*trông*”? “*Trông*” có nghĩa là nhớ nhưng, hồi tưởng, vừa là nhớ, vừa là hình dung, tưởng tượng ra người mình yêu. Nhớ về Kim Trọng là nhớ về người yêu nên bao giờ Kiều cũng nhớ về lời thề đôi lứa. “*Chén đồng*” là chén rượu thề nguyện, đồng lòng, đồng dạ mà Kiều và Kim

Trọng đã uống dưới ánh trăng vắng vặc:

"Vàng trắng vắng vặc giữa trời

Đinh linh hai miệng một lời song song"

Vàng trắng kia vẫn còn, chén rượu thề nguyên chưa ráo mà nay tình duyên đã chia cắt đột ngột. Câu thơ như có nhịp thôn thức của trái tim yêu thương đang rỉ máu.

Nhớ về Kim Trọng, đau đớn hình dung cảnh ở Liêu Dương xa xôi cách trở, Kim Trọng không hề hay biết Kiều đã bán mình chuộc cha mà vẫn hướng về Kiều chờ tin mà uống công vô ích. Càng nhớ chàng bao nhiêu thì Kiều càng thương cho số phận mình bấy nhiêu:

"Bên trời góc bể bơ vơ

Tấm son gột rửa bao giờ cho phai"

Thương thân mình bơ vơ trên trời, góc bể, càng nuôi tiếc cho mối tình đầu. Câu thơ *"Tấm son gột rửa bao giờ cho phai"* có thể hiểu tấm son của Kiều đã bị hoen ố nàng không còn là một thiếu nữ phòng khuê, nhưng có thể hiểu *"tấm son"* là tấm lòng chung thủy son sắc của nàng dành cho Kim Trọng chẳng bao giờ nguôi ngoai. Đặt trong hoàn cảnh cô đơn Kiều đã tạm để tấm lòng mình lắng xuống và nhớ đến Kim Trọng. Đó là sự vị tha và tấm lòng chung thủy của một người.

b. Kiều nhớ cha mẹ

Tiếp theo là Kiều nhớ đến cha mẹ, nàng đã làm tròn đạo hiếu, nhưng không vì thế mà nổi nhớ cha mẹ kém phần day dứt:

"Xót người tựa cửa hôm mai

Quạt lòng áp lạnh những ai đó giờ?

Sân Lai cách mấy nắng mưa

Có khi gốc tử đã vừa người ôm"

Khi viết về nỗi nhớ cha mẹ của Kiều, Nguyễn Du dùng từ *"xót"*. Từ này thể hiện nỗi nhớ thương quặn lòng của một đứa con hiếu thảo. Nguyễn Du sử dụng thành ngữ *"quạt nồng áp lạnh"*, điển cố *"sân Lai"*, *"gốc tử"* để nói lên nỗi xót xa của nàng khi cha mẹ đã già mà không được chăm sóc chu đáo. Cụm từ *"cách mấy nắng mưa"* vừa nói được thời gian xa cách qua bao mùa mưa nắng vừa nói lên sự tàn phá của tự nhiên, của nắng mưa đối với con người và cảnh vật, lần nào nhớ về cha mẹ Kiều cũng *"nhớ ơn chín chữ cao sâu"* và luôn ân hận day dứt vì đã phụ công sinh thành nuôi dưỡng của cha mẹ. Còn gì xót xa hơn khi nghĩ đến cha mẹ đã già mà vẫn phải nhớ thương, ngày đêm lo lắng cho mình, vẫn tựa cửa chờ ngóng tin con. Là người con chí hiếu, Kiều đã quyết *"bán mình*

chuộc cha", nhưng giờ đây nơi nghìn trùng xa cách, nàng vẫn không nguôi được nỗi nhớ thương, xót xa cho cha mẹ già. Ai sẽ thay mẹ chăm sóc cha mẹ luôn là câu hỏi xoáy sâu tâm can nàng. **Đến đây ta hiểu tại sao trong nỗi nhớ thương, Kiều lại nhớ Kim Trọng trước cha mẹ sau,** phải chăng trong hai chữ tình hiếu nàng đã tạm yên với chữ hiếu bởi khi bán mình chuộc cha Kiều đã phần nào đền đáp được công ơn sinh thành nuôi dưỡng của cha mẹ. Còn với Kim Trọng trước khi về Liêu Dương chịu tang chú, chàng đã kỳ vọng vào Kiều bao nhiêu.

"Giữ vàng giữ ngọc cho hay

Cho đành lòng kẻ chân mây với trời"

Vậy mà giờ đây, tấm thân Kiều đã bị hoen ố, nàng đã phụ bạc chàng Kim vì thế nàng luôn ân hận, day dứt như một kẻ phụ tình. Nỗi đau ấy cứ xé tâm can nàng khiến nàng luôn nhớ đến Kim Trọng, nhớ người yêu trước nhớ cha mẹ sau, điều đó hoàn toàn phù hợp với quy luật tâm lý của Kiều. Đồng thời thể hiện sự tinh tế trong ngòi bút miêu tả tâm lý của Nguyễn Du. Điều đáng lưu ý là dù trong hoàn cảnh cô đơn ở lầu Ngưng Bích, Kiều là người đáng thương nhất nhưng trái tim Kiều đầy yêu thương nhân hậu vị tha. **Nàng là người tình thủy chung, là người con rất mực hiếu thảo,** thật đáng trân trọng biết bao.

3.Đánh giá

Chỉ với 8 câu thơ ngắn gọn , Nguyễn Du với nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc, tinh tế, đã thể hiện được tấm lòng thủy chung của Kiều với Kim Trọng và hiếu thảo của Kiều với gia đình. Dù trong hoàn cảnh khó khăn, cô độc, Kiều vẫn luôn đau đáu về người yêu, về trách nhiệm của người con với cha mẹ. Trách nhiệm và tấm lòng thương yêu người yêu, cha mẹ của nàng thật đáng quý biết bao. Nói đến Kiều, người ta thường nói đến cái tài, cái sắc, nhưng chính cái tình của Kiều đối với gia đình, đối với người yêu, đối với tất cả mọi người trong cuộc đời này mới là điều làm nên nhân cách cao đẹp của Kiều.

III/Kết bài

Tóm lại, bằng việc sử dụng ngôn ngữ độc thoại nội tâm, những từ ngữ hình ảnh tinh tế, qua đoạn trích *"Kiều ở lầu Ngưng Bích"* nói chung và **tám câu thơ trên nói riêng, Nguyễn Du đã khắc họa thành công và thật xúc động nỗi nhớ người yêu, nhớ cha mẹ của Thúy Kiều,** qua đây cho ta thấy, **Kiều không chỉ là một cô gái**

	<p>tài sắc vẹn toàn mà còn là người tình thủy chung, người con hiếu nghĩa. Đồng thời đoạn thơ cho ta thấy được tấm lòng ngợi ca trân trọng vẻ đẹp phẩm chất của con người, đặc biệt là người phụ nữ của thi nhân – một trong những biểu hiện cho cảm hứng nhân đạo trong sáng tác của Nguyễn Du.</p> <p>d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
--	---	--

ĐỀ SỐ 40

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

“Có lẽ chỉ những giấc mơ trở về tuổi thơ mới đem lại cho tôi những cảm giác ấm áp, bình yên đến thế... Trong mơ... Tôi thấy một tôi rơm rớm nước mắt trong buổi chia tay. Xung quanh, bạn bè tôi đều tâm trạng cả. Đứa khóc thút thít, đứa cười đỏ hoe mắt, đứa bịn rịn lặng thinh... Tất cả nắm tay tôi thật chặt, ôm tôi thật lâu... Giấc mơ tuổi học trò du dương như một bản nhạc Ballad - bản nhạc nhẹ nhàng mà da diết khôn nguôi. Bản nhạc đó mỗi lần kết thúc lại đẩy lên trong tôi những băng khuâng, tiếc nuối. Nhưng, tôi vẫn thích nghe, thích cảm nhận niềm hạnh phúc hân hoan khi được trở về những năm tháng tuổi thơ, bên mái trường, bên thầy cô, bên bạn bè và những gì thân thương nhất. Dù biết rằng đó chỉ là một giấc mơ...”

(“*Có những giấc mơ về lại tuổi học trò*” - Đăng Tâm)

Câu 1. Tìm và chỉ ra phép liên kết câu chính được dùng trong đoạn văn. (0.5 điểm)

Câu 2. Câu văn “Xung quanh, bạn bè tôi đều tâm trạng cả...” mang hàm ý gì? Nêu tác dụng ? (1,0 điểm)

Câu 3. Hãy tìm và phân tích tác dụng nghệ thuật của các biện pháp tu từ được Đăng Tâm sử dụng trong đoạn văn. (1.5 điểm)

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm) Trong ca khúc “*Đường đến ngày vinh quang*”, có một đoạn rất hay:

“*Chẳng chặng đường nào trải bước trên hoa hồng. Bàn chân cũng thấm đau vì những mũi gai. Đường vinh quang đi qua muôn ngàn sóng gió*”.

(Trích “*Đường đến ngày vinh quang*” – Trần Lập)

Trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của câu hát trên bằng một đoạn văn văn (khoảng 200 chữ)

Câu 2: (5.0 điểm)

Cảm nhận của em về khổ thơ sau

“*Buồn trông cửa bể chiều hôm*
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa
Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu
Buồn trông nội cỏ rầu rầu
”

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”

(Theo “Kiều ở lầu Ngưng Bích, Trích Truyện Kiều của Nguyễn Du)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	<p>Phép liên kết câu chính được sử dụng trong đoạn văn: Phép thế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Bản nhạc đó” - thế cho “Giấc mơ tuổi học trò”/ “Bản nhạc Ballad”. - “Tất cả” - thế cho những người bạn của nhân vật trữ tình. 	0,5 điểm
	2	<p>Hàm ý của câu ‘Xung quanh, bạn bè tôi đều tâm trạng cả...’:</p> <p>=> Ý nói rằng : mỗi thành viên lớp trong buổi chia tay đều mang trong mình nỗi buồn khó diễn tả, nỗi buồn phải chia tay bạn bè, thầy cô, chia tay mái trường...</p> <p>* Tác dụng : Tạo tính hàm súc cho lời nói: lời nói ngắn gọn mà chất chứa nhiều nội dung, ý nghĩa. Tạo hiệu quả mạnh mẽ, sâu sắc với người nghe.</p>	1,0 điểm
	3	<p>Biện pháp tu từ chủ yếu được Đăng Tâm sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê: + “Đứa khóc thút thít, đứa cười đỏ hoe mắt, đứa bịn rịn lặng thinh” + “...Trở về những năm tháng tuổi thơ, bên mái trường, bên thầy cô, bên bạn bè và những gì thân thương nhất...” - Ẩn dụ (chuyển đổi cảm giác): “Giấc mơ tuổi học trò du dương...” - So sánh: “Giấc mơ tuổi học trò du dương như một bản nhạc Ballad...” <p>* Tác dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc kết hợp giữa 3 biện pháp tu từ đã làm nổi bật cảm nhận của tác giả về “giấc mơ tuổi học trò”, giấc mơ với nhiều những kỷ niệm vui- buồn của một thời tuổi thơ. - Làm bật nên khao khát bình dị đó là được quay ngược thời gian trở về tuổi học trò của Đăng Tâm. - Khơi gợi trong trái tim độc giả tình yêu mái trường, yêu bạn bè, thầy cô, biết trân trọng những khoảnh khắc đáng quý của “giấc mơ tuổi học trò” 	1,5 điểm
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p>	2,0 điểm

Có thể viết đoạn văn như sau:

1. Giải thích ý nghĩa thông điệp của tác giả

– “Hoa hồng” là loại hoa có hương thơm nồng nàn, có màu sắc rực rỡ của niềm vui, một loại hoa đẹp luôn là biểu tượng cao nhất của tình yêu trong cuộc sống con người. Ở đây hoa hồng là chỉ thành công và hạnh phúc mà con người đạt được.

– “Mũi gai” hoa hồng đẹp nhưng có gai, đôi lúc dễ cầm bông hồng trên tay chúng ta cũng phải chịu đau đớn không ít lần vì mũi gai nhọn của nó. Giống như cuộc sống, để có thành công và hạnh phúc ta phải biết vượt qua những sóng gió và thử thách trong cuộc đời” Qua cơn mưa trời lại sáng”

=>Tác giả muốn khẳng định chân lí: Muốn có hạnh phúc và thành công trên đường vinh quang mỗi người bắt buộc phải biết “chịu đau” khi gặp những “mũi gai” và “đi qua muôn ngàn sóng gió”.

2. Bàn luận

– Hạnh phúc, vui sướng...luôn là ước mơ cũng là mục tiêu của mọi con người. Nhưng nghịch lí cuộc đời vẫn để khó khăn vất vả chiếm đa phần trong đời mỗi chúng ta. Phải đi qua, thoát ra khỏi đau khổ, con người mới có thành công.

– Mọi sự thành công đều bao gồm sự hi sinh mất mát và những nỗi đau, nỗi buồn. Biết chấp nhận đau thương, vất vả cũng là biết cố gắng để đi tới đích trên đường vinh quang.

Dẫn chứng: Nick Vujic – con người tàn tật biết chấp nhận sự thiếu thốn, không vụn nguyên về thể xác để thành công và trở thành biểu tượng của bản lĩnh, nghị lực sống trên toàn thế giới.

– Đường vinh quang là đi qua muôn trùng sóng gió – Lời bài hát như khẳng định thêm về ý chí của một con người luôn hiên ngang bước qua mọi gian nan ở đời. Đó là một bài học ý nghĩa về cách sống mà Trần Lập muốn gửi gắm đến mỗi con người, đặc biệt là thế hệ trẻ. Sống tốt đẹp là phải biết đối mặt với thử thách, đối mặt với phong ba bão táp và chiến thắng nó. Thành công sẽ đến với những người không bao giờ chùn bước và run sợ trước khó khăn. Dẫn chứng: “*Người thương binh Nguyễn Xuân Năng với tình thân*” Thương binh tàn mà không phế” đã có nhiều thành tích cao trong việc thi đấu bóng bàn ở trong nước và Quốc tế.

3. Phê phán

	<p>– Trái ngược với những tấm gương luôn sống đương đầu với thử thách thì không ít bạn trẻ ngày nay có lối sống nhút nhát, gặp khó khăn là nản chí, nhụt chí và dễ dàng bỏ cuộc.</p> <p>– Cũng không ít người không chịu chấp nhận những thất bại, buồn đau mà khó khăn của mình gây ra, mà tìm cách đi đến thành công bất chấp mọi thủ đoạn.</p> <p>Dẫn chứng: Nhiều cán bộ vì muốn giàu ra sức tham nhũng của dân chúng; thành công mà hại người khác...</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a. Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>I/ Mở bài</p> <p>Nguyễn Du là đại thi hào dân tộc, là danh nhân văn hóa thế giới. Nhắc đến ông, người ta nhớ đến “ <i>Truyện Kiều</i>”- một tác phẩm đã nâng Tiếng Việt lên thành ngôn ngữ dân tộc. Đọc truyện, ta cảm nhận được trái tim nhân hậu, đa cảm đối với con người của nhà thơ. Như Mông Liên Đường chủ nhân trong lời tựa <i>Truyện Kiều</i> đã viết “<i>Lời văn tả ra hình như có máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm ở trên tờ giấy, khiến ai đọc cũng phải thấm thìa, ngậm ngùi, day dứt đến đứt ruột</i>”. Và có đọc tám câu thơ cuối của đoạn “ <i>Kiều ở lầu Ngưng Bích</i>” ta mới cảm nhận được nét tinh tế, được cái hay, cái đẹp của bút pháp tài ba của Nguyễn Du, đặc biệt là bút pháp “<i>vịnh cảnh ngụ tình</i>”:</p> <p style="text-align: center;"> <i>“Buồn trông cửa bể chiều hôm</i> <i>Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa</i> <i>Buồn trông ngọn nước mới sa</i> <i>Hoa trôi man mác biết là về đâu</i> <i>Buồn trông nội cỏ rầu rầu</i> <i>Chân mây mặt đất một màu xanh xanh</i> <i>Buồn trông gió cuốn mặt duềnh</i> <i>Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”</i> </p> <p>II/ Thân bài</p> <p>1. Khái quát đoạn trích</p> <p>Đoạn trích nằm giữa hai biến cố đau xót. Đây là những</p>	5,0 điểm

biến cố giúp ta hiểu những bàng hoàng tê tái và sự lo âu về tương lai của nàng Kiều. Tại lầu Ngưng Bích, Kiều không thôi buồn nhớ. Nàng nghĩ đến thân phận hoa trôi bèo nổi của mình rệu rã tâm hồn. Nàng còn nhớ đến Kim Trọng, nhớ đến đêm uống rượu hẹn thề mà đắng cay. Thấy thương Kim Trọng rày trong mai chờ mòn mỏi. Rồi nàng thương cha mẹ ngày đêm ngóng chờ. Song thân tuổi già hiu quạnh, không người kê cận mà xót xa trong lòng. Càng suy nghĩ, nàng càng đau đớn và tuyệt vọng. Nhìn ra bốn bề mong tìm lấy một sự trợ giúp nào đó. Thế nhưng, càng mong đợi, lại càng thấy xa vời, mờ mịt hơn:

2. Cảm nhận 8 câu thơ

Đoạn thơ chia ra làm bốn cặp lục bát, mở đầu mỗi cảnh là điệp từ “*buồn trông*” xuất hiện với âm hưởng trầm buồn, báo hiệu biết bao sóng gió, khó khăn phía trước. Đồng thời mỗi cặp lục bát cũng tương ứng với một nét tâm trạng của Thúy Kiều.

Mở đầu là khung cảnh biển nước mênh mông:

“Buồn trông cửa bể chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa”

Nguyễn Du sử dụng linh hoạt hai từ láy “*thấp thoáng*”, “*xa xa*” và kết hợp với đại từ phiếm chỉ “*ai*” cho thấy nỗi chờ đợi, trông ngóng trong vô vọng của nàng. Không chỉ vậy, Nguyễn Du cũng rất tinh tế khi lựa chọn khoảng thời gian để bộc lộ tâm trạng, đó là thời gian buổi chiều, gợi nhắc gợi nhớ về hơi ấm gia đình. Đúng lúc ấy lại xuất hiện hình ảnh “*cánh buồm*” nhỏ bé trước “*cửa bể*” rộng lớn, làm cho nỗi hoang vắng mênh mông càng lớn hơn. Đồng thời “*cánh buồm*” đó cũng chính là **ẩn dụ** cho thân phận bé nhỏ, lẻ loi của nàng.

Đến khung cảnh thứ hai, Nguyễn Du dựng nên cảnh dòng nước với đóa hoa trôi. Cảnh vật được nhìn bằng ánh mắt sầu não đến ghê gớm, trước mắt nàng lại hiện lên cảnh tan tác, chia lìa:

“Buồn trông ngọn nước mới sa

Hoa trôi man mác biết là về đâu ?”

Nàng Kiều tự ví bản thân mình với những cánh hoa mỏng manh, yếu đuối, thân phận chìm nổi lênh dênh không biết đi đâu về đâu. Kết hợp với câu hỏi tu từ “*biết là về đâu?*” càng cho thấy rõ hơn nữa thân phận bọt bèo, bấp bênh, vô định của nàng. Trong dòng nước mênh mang, cánh hoa trôi chao đảo, cứ dập dềnh, quẩn quanh, không biết trôi về đâu. Dòng nước ấy hay chính là dòng đời vạn biến. Cánh “*hoa trôi man mác*” trên “*ngọn nước mới sa*” gợi lên

thân phận nhỏ bé, mỏng manh, lênh đênh trôi dạt trên dòng đời vô định không biết đi đâu về đâu. Số kiếp của bông hoa hay cũng chính là số kiếp của đời Kiều đầy thối. Càng nghĩ càng thêm đáng sợ. Lỡ sa bước vào cạm bẫy cuộc đời giả trá, Kiều nào có hay. Để đến nỗi giờ đây nàng cũng không biết đời mình sẽ đi đâu về đâu. Rồi phận gái long đong, tuổi xuân cao quý cũng sẽ bị cuộc đời vùi dập tan tành mà thôi. Câu hỏi tu từ như chạm vào nơi sâu thẳm của trái tim người đọc.

Dựng nên bức tranh thứ 3 này, Nguyễn Du muốn nói với chúng ta rằng Kiều đang rất buồn khổ và lo lắng cho tương lai của mình. Đó là một tương lai vô định, càng nghĩ ngợi càng thấy mờ mịt. Càng nhìn xa càng thấy mịt mờ. Dưới ánh mắt của Thúy Kiều, tất cả dường như mờ ảo, tan biến, ẩn giấu biết bao hoài nghi và bí mật :

“Buồn trông nội cỏ rầu rầu

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh”

Hình ảnh cỏ, đã nhiều lần xuất hiện trong thơ Nguyễn Du, là sắc xanh non mơn mớn trong ngày hội xuân, đầy sức sống: *“Cỏ non xanh tận chân trời”*. Nhưng đến đây sắc xanh ấy đâu còn nữa, mà thay vào đó là màu sắc của sự tàn tạ, héo úa *“rầu rầu”*. Nội cỏ *“rầu rầu”* nhuộm màu đau thương trải rộng nơi *“chân mây mặt đất”* gợi cuộc sống úa tàn, bi thương, vô vọng kéo dài không biết đến bao giờ. *“Cỏ”* trong đôi mắt thấm đẫm tâm trạng của nàng Kiều *“rầu rầu”* tàn lụi, héo úa. Tác giả tả màu xanh của cỏ nối tiếp nhau đến tận chân trời, nhưng màu xanh ấy không sắc nét mà nhòe mờ, pha lẫn vào nhau, có phần đơn điệu. Màu cỏ héo úa như sắp tàn lụi như sắp từ biệt vũ trụ, kết thúc cuộc đời ngắn ngủi. **Màu cỏ hay cũng chính là tâm hồn của Thúy Kiều đang héo úa, heo hắt, rệu rã trước cuộc đời.** Phải chăng trong dòng nước mắt cô đơn và tủi cực mà cái nhìn của nàng nhìn đâu cũng thấy vô vọng.

Đến bức tranh cuối cùng, một lần nữa nàng Kiều lắng lòng mình, để nghe những vang vọng của cuộc sống. Nhưng những thứ nàng nghe được chỉ là chuỗi âm thanh khủng khiếp:

“Buồn trông gió cuốn mặt duềnh

Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”

Hình ảnh *“gió cuốn mặt duềnh”* và âm thanh ầm ầm của tiếng sóng *“kêu quanh ghế ngồi”* gợi **tâm trạng lo sợ, hãi hùng của Thúy Kiều.** Nàng hoàn toàn tuyệt vọng trong cái nghịch cảnh trớ trêu của mình. Nó như báo

trước những trắc trở, như vẽ ra con đường gian nan mà nàng sẽ phải đi qua “*Âm âm tiếng sóng*”. Chỉ ngay sau lúc này, dông bão của số phận sẽ nổi lên, xô đẩy, vùi dập cuộc đời Kiều “*Thanh y hai lượt, thanh lâu hai lần*”. Với những nét vẽ này, Nguyễn Du khắc họa đậm nét sự hoảng loạn, mất phương hướng trong tinh thần của Kiều. **Nàng hoàng toàn tuyệt vọng trước dòng đời khắc nghiệt.** Nàng cầu cứu trăm phương nhưng bất lực.

Độc đáo hơn, khi **những bức tranh tâm trạng được cụ Nguyễn Du sắp xếp theo trình tự tăng tiến.** Từ cảm giác hoang mang trước của biển, đến suy nghĩ về tương lai vô định, nổi trôi của kiếp đời con gái. Sau đó là sự tuyệt vọng trước nghịch cảnh bế tắc, tối tăm. Cuối cùng, nàng rơi vào trạng thái hoang tưởng, tột cùng đau đớn và sợ hãi.

3.Đánh giá

Với nghệ thuật ẩn dụ, hệ thống câu hỏi tu từ, các từ láy “*thấp thoáng*”, “*xa xa*”, “*man mác*”, “*rầu rầu*”, “*xanh xanh*”, “*âm âm*”... đã góp phần làm nổi bật nỗi buồn nhiều bề trong tâm trạng Kiều. Tác giả lấy ngoại cảnh để bộc lộ tâm cảnh. Cảnh được miêu tả từ xa đến gần. Màu sắc từ nhạt đến đậm. Âm thanh từ tĩnh đến động. Nỗi buồn từ man mác, mông lung đến lo âu, kinh sợ, dồn đến cơn bão táp của nội tâm, cực điểm của cảm xúc trong lòng Kiều. Toàn là hình ảnh về sự vô định. Sự vật mong manh, dạt trôi. Lòng người chao đảo nghiêng đổ dữ dội. Cuối cùng hoàn toàn rơi vào bế tắc, tuyệt vọng đến tận cùng. Lúc này, Kiều bất lực, buông xuôi trước thực tại phũ phàng. Bởi thế, nàng ngây thơ mắc lừa Sở Khanh để rồi nàng bị đẩy xuống bùn nhơ của cuộc đời: “*Thanh y hai lượt, thanh lâu hai lần*”.

III/ Kết bài

Tóm lại, 8 câu thơ cuối trong đoạn trích “*Kiều ở lầu Ngưng Bích*” đặc tả tâm trạng cô đơn, buồn tủi và khổ đau của Thúy Kiều. Đoạn trích đã khẳng định sự kì tài của Nguyễn Du trong việc miêu tả nội tâm nhân vật bằng bút pháp “*tả cảnh ngụ tình*” đặc sắc. Đồng thời ta cũng thấy được **tấm lòng nhân đạo, niềm cảm thương sâu sắc** mà Nguyễn Du dành cho người con gái hồng nhan bạc mệnh. Khép lại đoạn thơ nhưng hình ảnh, âm thanh của nó vẫn sẽ còn lưu lại mãi trong tâm trí người đọc. **Và ta tự hỏi liệu xã hội ngày nay có người con gái nào bất hạnh như Kiều?**

d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng,

		mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
--	--	---	--

ĐỀ SỐ 41

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Mẹ và Quả

*Những mùa quả mẹ tôi hái được
Mẹ vẫn trồng vào tay mẹ vun trồng
Những mùa quả lặn rồi lại mọc
Như mặt trời, khi như mặt trăng.
Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên
Còn những bí và bầu thì lớn xuống
Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn
Rỏ xuống lòng thầm lặng mẹ tôi.
Và chúng tôi, một thứ quả trên đời
Bảy mươi tuổi mẹ đợi chờ được hái
Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi
Mình vẫn còn một thứ quả non xanh?*

(Nguyễn Khoa Điềm)

Câu 1 (0,5 điểm) . Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

Câu 2 (1,0 điểm). Bài thơ sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Nêu tác dụng.

Câu 3 (0,5 điểm) . Hình ảnh “Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi/ Mình vẫn còn một thứ quả non xanh?” gợi cho em suy nghĩ gì?

Câu 4 (1,0 điểm). Nêu suy nghĩ của em về bài thơ trên.

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Từ nội dung bài thơ trên, hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về tình mẫu tử.

Câu 2 (5,0 điểm). Phân tích nhân vật Phương Định trong truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là biểu cảm.	0,5 điểm
	2	Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn trích: Ẩn dụ: “những mùa quả mẹ trồng”: ẩn dụ cho việc mẹ sinh ra, nuôi nấng, chăm sóc những đứa con thơ gian nan, vất vả nhưng mẹ luôn cố gắng đầy tâm huyết. So sánh: “Những mùa quả lặn rồi lại mọc/ Như mặt trời, khi như mặt trăng.” Cứ hết mùa quả này mẹ lại trồng mùa quả khác cũng giống như vòng tuần hoàn lặp đi lặp lại của mặt trời và mặt trăng; liên tưởng này giúp bạn đọc dễ dàng hình dung ra những công lao to lớn của mẹ.	1,0 điểm

	3	Hình ảnh “Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi/ Mình vẫn còn một thứ quả non xanh?” gợi suy nghĩ: Sẽ là một nỗi sợ nếu phải rời xa vòng tay mẹ khi chưa đủ trưởng thành để đối diện với phong ba bão táp ngoài kia; sẽ không còn bến đỗ bình yên chúng ta có thể quay về sau những mệt mỏi.	0,5 điểm
	4	Bài thơ “Mẹ và quả” đã gợi cho em nhiều ấn tượng sâu sắc: những đứa con giống như những loại quả mẹ vun trồng, một lòng chăm sóc chờ ngày đơm hoa kết trái nhận quả ngọt. Mẹ đã bỏ bao công sức, tâm huyết, tình yêu thương chỉ mong các con nên người. Bài thơ không chỉ nói về công lao to lớn của mẹ mà còn thể hiện sự biết ơn, tình yêu thương, trân trọng mà người con dành cho mẹ.	1,0 điểm
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: tình mẫu tử.</p> <p>2. Thân đoạn:</p> <p><i>a. Giải thích</i> Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng nhất trong những tình cảm của con người. Đó không chỉ là tình cảm mà người mẹ dành cho con mà còn là sự hiếu kính, biết ơn, yêu thương dành cho mẹ của phận làm con.</p> <p><i>b. Phân tích</i> Tình mẫu tử là tình cảm đầu tiên mà mỗi chúng ta nhận được từ khi còn trong bụng mẹ, được mẹ yêu thương, nuôi nấng lớn lên từng ngày. Tình mẫu tử góp phần quan trọng trong việc hình thành nhân cách cũng như nuôi dưỡng những tình cảm khác của người con. Tình mẫu tử là gốc rễ tạo động lực cho chúng ta vượt qua những khó khăn, thử thách của cuộc sống.</p> <p><i>* Chứng minh</i> Mỗi học sinh lấy ít nhất 2 dân chứng về tình mẫu tử. (Dân chứng nổi bật, tiêu biểu được nhiều người biết đến).</p> <p><i>c. Bàn luận, mở rộng</i> Tuy nhiên, trong cuộc sống vẫn còn có nhiều người thiếu thốn tình mẫu tử. Vì bất cứ lí do thì chúng ta cũng cần yêu thương, đồng cảm nhiều hơn với những hoàn cảnh này.</p>	2,0 điểm

	<p><i>d. Bài học nhận thức và hành động:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho những người làm mẹ.. - Cho những người làm con. <p>3. Kết đoạn: Khái quát lại ý nghĩa của tình mẫu tử.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>I. Mở bài</p> <p>Giới thiệu tác giả Lê Minh Khuê, truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi và nhân vật Phương Định.</p> <p>II . Thân bài</p> <p>1.Khái quát:</p> <p>Tác phẩm được sáng tác vào năm 1971, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc diễn ra hết sức gay go và ác liệt. Nội dung truyện kể về 3 cô gái thanh niên xung phong Nho, Thao, Phương Định với công việc rất khó khăn và nguy hiểm : phá bom nhưng họ vẫn lạc quan, yêu đời và có tinh thần trách nhiệm cao. Nổi bật trong số đó là Phương Định với những phẩm chất và tính cách đáng yêu, đáng mến.</p> <p>2. Phân tích nhân vật Phương Định:</p> <p>a. Hoàn cảnh sống và chiến đấu</p> <p>Xuất thân là con gái Hà Nội, Phương Định tham gia thanh niên xung phong sống giữa khói bụi Trường Sơn và bom đạn. Công việc của chị là đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom nổ. Công việc hết sức nguy hiểm.</p> <p>Giữa chiến trường khói lửa, chị vẫn hồn nhiên, ngây thơ, trẻ con đôi khi nhạy cảm, mơ mộng, thích hát.</p> <p>Chị vẫn hay nhớ về những kỉ niệm bên mẹ trong căn gác nhỏ, nhớ về thành phố tuổi thơ.</p> <p>Là cô gái yêu đời, hồn nhiên, giàu cá tính, hay hát hay cười một mình, hay ngắm mình trong gương. Tự đánh giá mình là một cô gái khá, có hai bím tóc dài, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Mắt dài, màu nâu hay nheo lại như chói nắng và được các anh chiến sĩ nhận xét là “có cái nhìn sao mà xa xăm”.</p>	5,0 điểm

	<p>Chị có cái điệu đà của một cô gái Hà Nội nhưng đáng yêu, hồn nhiên và chân thực. Điềm xinh xắn và điệu đà được cánh pháo thủ và lái xe quan tâm, khi đó chị cảm thấy ấm lòng và tự tin hơn.</p> <p><i>b. Bản chất anh hùng, nghiêm túc trong công việc, tinh thần dũng cảm, luôn có thân chết rình rập.</i></p> <p>Phương Định là một cô gái có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc.</p> <p>Tinh thần dũng cảm trong cuộc phá bom đầy nguy hiểm, chị dũng cảm, bình tĩnh tiến đến quả bom, dang hoàng mà bước tới cùng xói xẻ đào đất, có lúc lưỡi xẻng chạm trúng vào quả bom. Đó là cuộc sống thường nhật của họ.</p> <p>Có những lúc chị nghĩ đến cái chết nhưng chỉ “mờ nhạt”, mục đích hoàn thành nhiệm vụ luôn được chị đặt lên trên.</p> <p>→ Ấy vậy mà Phương Định vẫn đùa vui trong gian khổ, coi thường thương tích, coi rằng công việc của mình cũng có cái thú vị riêng.</p> <p><i>c. Tình cảm gắn bó với đồng chí, đồng đội</i></p> <p>Yêu mến đồng đội, quan tâm, tôn trọng tất cả những người bạn, người anh em cùng sống và chiến đấu với mình.</p> <p>Phương Định miêu tả chị Nho và chị Thao đầy triu mến, khi miêu tả các anh bộ đội, khi Phương Định chăm sóc chị Nho.</p> <p>Lo lắng, sốt ruột khi đồng đội lên cao điểm chưa về.</p> <p>3. Đánh giá nội dung, nghệ thuật</p> <p>III. Kết bài: Khái quát lại nhân vật và giá trị của tác phẩm.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
--	--	--

ĐỀ SỐ 42

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

Anh hát em nghe khúc hát đồng quê
 Cho lắng lại vui buồn muôn thuở
 Cho mẹ thương con, cho chồng thương vợ,
 Người không thương nhau có rất ít ở trên đời!
 Anh hát em nghe về những con người
 Sống với đất chết lẫn vào cùng đất
 Chỉ để lại nụ cười chân thật

Như hoa đồng cỏ nội nở rồi quên.
 Những câu hát nhắc anh, những câu hát nhắc em
 Ăn hạt gạo không quên người cày cuốc...
 Bao vất vả gian lao đã có gì được hưởng,
 Ai quên ai khuya sớm nhọc nhằn?

(Khúc hát đồng quê, Chữ Văn Long, Theo baocantho.com.vn, ngày 29/05/2010)

Câu 1. Đoạn thơ được viết theo thể thơ nào? (0,5 điểm)

Câu 2. Ghi lại 02 dòng thơ có sử dụng cặp từ trái nghĩa trong đoạn thơ và chỉ rõ cặp từ trái nghĩa đó. (0,75 điểm)

Câu 3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ được sử dụng trong khổ thơ thứ 3. (0,75 điểm)

Câu 4. Em có đồng tình với quan niệm: Người không thương nhau có rất ít ở trên đời? Vì sao? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của lối sống chân thật.

Câu 2 (50 điểm)

Cảm nhận của em về nhân vật Phương Đình trong đoạn văn sau:

Bây giờ là buổi trưa. Im ắng lạ. Tôi ngồi dựa vào thành đá và khe khẽ hát. Tôi mê hát. Thường cứ thuộc một điệu nhạc nào đó rồi bịa ra lời mà hát. Lời tôi bịa lộn xộn mà ngớ ngẩn đến tôi cũng ngạc nhiên, đôi khi bỏ ra mà cười một mình.

Tôi là con gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm!”.

Xa đến đâu mặc kệ, nhưng tôi thích ngắm mắt tôi trong gương. Nó dài dài, màu nâu, hay nheo lại như chói nắng.

Không hiểu sao các anh pháo thủ và lái xe lại hay hỏi thăm tôi. Hỏi thăm hoặc viết những thư dài gửi đường dây, làm như ở cách nhau hàng nghìn cây số, mặc dù có thể chào nhau hàng ngày. Tôi không sẵn sàng, vồn vã. Khi bọn bạn gái tôi xúm nhau lại đối đáp với một anh bộ đội nói giỏi nào đấy, tôi thường đứng ra xa, khoanh hai tay trước ngực và nhìn đi nơi khác, môi mím chặt. Nhưng chẳng qua tôi điệu thể thôi. Thực tình trong suy nghĩ của tôi, những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ.

(...)

Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Đất rắn. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thình thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người, cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng từ bên trong quả bom. Hoặc là mặt trời nung nóng.

Chị Thao thối còi. Như thế là đã hai mươi phút qua. Tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi. Dây mìn dài, cong mềm. Tôi khoả đất rồi chạy lại chỗ nắp của mình.

Hồi còi thứ hai của chị Thảo. Tôi nép người vào bức tường, nhìn đồng hồ. Không có gió. Tim tôi cũng đập không rõ. Đường như vật duy nhất vẫn bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung là chiếc kim đồng hồ. Nó chạy, sinh động và nhẹ nhàng, đề lên những con số vĩnh cửu. Còn đằng kia, lửa đang chui bên trong cái dây mìn, chui vào ruột quả bom...

Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ tới cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đứng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi, mẩn mẩn, cát lạo xạo trong miệng.

(Trích Những ngôi sao xa xôi, Lê Minh Khuê, Ngữ Văn 9 tập 2, NXBGD, 2013)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Thể thơ tự do	0,5 điểm
	2	Cho lắng lại vui buồn muôn thuở/ Sống với đất chết lần vào cùng đất Cặp từ trái nghĩa: vui - buồn; sống - chết	0,75 điểm
	3	-Biện pháp tu từ điệp ngữ được sử dụng trong khổ thơ thứ 3: Những câu hát nhắc ... -Tác dụng: Nhấn mạnh hơn để người đọc chú ý vào những nội dung tiếp sau đó: Những câu hát kia nhắc chúng ta là phải nhớ công lao của người đã ngày đêm vất vả làm ra hạt gạo. Không lên ăn mà không nghĩ tới công lao của người thức khuya dậy sớm, vất vả bao ngày để làm ra hạt gạo	0,75 điểm
	4	Trình bày quan điểm cá nhân, nêu rõ lý do. Gợi ý: Đồng ý với "Người không thương nhau có rất ít ở trên đời" + Trong cuộc sống hiện nay, có rất ít người không thương nhau. + Nhân dân ta luôn yêu thương, chia sẻ, đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau - đó đã trở thành một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.	1,0 điểm
II	1	1.Mở đoạn: Sống chân thật là lối sống cao quý, rất đáng được trân trọng và làm theo. 2.Thân đoạn: a.Giải thích: Sống chân thật là sống ngay thẳng, thật thà, chân thành, không dối trá, không sống theo kiểu hai mặt. b. Phân tích, chứng minh: -Sống trung thực mới có cơ hội thử thách để thành công. -Sống chân thật sẽ làm mối quan hệ giữa người và người sẽ tốt đẹp hơn, cái ác cái xấu cũng sẽ giảm đi, cái tốt được	2,0 điểm

đề cao và tôn vinh.
 - Nếu sống không chân thật, con người sẽ đánh mất lòng tin ở mọi người.
 - Người chân thành luôn tạo ra sự tin cậy quanh họ, là chỗ dựa tinh thần ấm áp của bạn bè, người thân.
 - Những ai sống bằng sự giả dối, cuộc sống sẽ luôn bất an, phập phồng lo sợ người khác phát hiện ra sự dối trá của mình, tiếp tục nghĩ ra kiểu dối trá khác để đối phó.
 D/c: Gian lận trong thi cử, gian lận để thắng trong một cuộc thi,....

c. Bàn luận mở rộng:

-Nói dối, giả dối, thiếu chân thật là một hành vi xấu nhưng có khi ta cũng phải nói dối để bảo vệ một giá trị lớn lao hơn. Trong những trường hợp đặc biệt, vì tình thân nhân đạo, bí mật quốc gia, buộc người ta phải nói dối. Cần biết bao lời nói dối của một bác sĩ để một bệnh nhân nan y còn có hy vọng, cố gắng chữa trị; người chiến sĩ bị giặc bắt, dù bị tra tấn dã man vẫn không khai báo tổ chức, đơn vị

d. Bài học:

- Phải sống chân thật.

3.Kết đoạn:

Tóm lại, lối sống chân thật là lối sống đẹp mà mỗi người đều cần có trong cuộc sống để hướng tới những giá trị hạnh phúc và bền vững trong đời.

ĐOẠN VĂN MẪU

Lối sống chân thật là phẩm chất và lối sống mỗi người đều cần trang bị cho bản thân trong cuộc sống. Sống chân thật là sống thành thật với lòng mình, đối xử với tất cả mọi người xung quanh bằng tấm lòng chân thành và hướng tới những giá trị thật và bền vững. Những người sống chân thật với lòng mình sẽ luôn theo đuổi những giá trị cuộc sống bền vững và có ý nghĩa thay vì những hư vinh hão huyền chẳng bền lâu. Những con người này thực sự đáng quý vì họ đối xử với chính bản thân và người xung quanh bằng tấm lòng trắc ẩn và chân thành. Họ luôn lan tỏa yêu thương và lòng tử tế nhằm giúp cho xã hội được tốt đẹp và hạnh phúc hơn. Hơn nữa, những người có lối sống chân thật thì luôn hiểu bản thân mình khao khát điều gì và sẵn sàng dấn thân đam mê và theo đuổi đam mê ấy. Những người sống chân thật ấy cũng là những người vô cùng dũng cảm vì họ dám thành thật với lòng mình mà đối xử với bản thân và những người xung quanh bằng sự tử tế nhất. Tóm lại, lối sống chân thật là lối sống

	đẹp mà mỗi người đều cần có trong cuộc sống để hướng tới những giá trị hạnh phúc và bền vững trong đời.	
2	<p>I. Mở bài</p> <p>- Lê Minh Khuê là một cây bút nữ chuyên viết truyện ngắn, trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc . Ngôi bút của bà trong chiến tranh thường hướng về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ trên tuyến đường Trường Sơn.</p> <p>- Truyện ngắn “ <i>Những ngôi sao xa xôi</i>” là tác phẩm tiêu biểu của bà khi viết về đề tài này. Tác phẩm của bà được sáng tác vào năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc diễn ra vô cùng ác liệt. Tác phẩm là bức tranh về cuộc sống chiến đấu vô cùng ác liệt mà ánh sáng của nó là ánh sáng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Những cô gái thanh niên xung phong trinh sát mặt đường là nhân vật chính trong tác phẩm.</p> <p>- Đoạn văn trên giúp người đọc cảm nhận về đẹp nhân vật Phương Định- nhân vật chính trong tác phẩm với vẻ đẹp tâm hồn và sự dũng cảm, gan dạ đầy ngưỡng mộ.</p> <p>II. Thân bài</p> <p>1. Khái quát về đoạn trích</p> <p>2. Cảm nhận về Phương Định:</p> <p>a. Phương Định là một cô gái Hà Thành hồn nhiên, thơ mộng , trẻ trung, đáng yêu tràn đầy sức sống</p> <p>+ Ấn tượng đầu tiên là cô gái có bề ngoài trẻ trung, xinh xắn, đầy sức sống. Cô có “ <i>hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh..</i>”, “ <i>ánh mắt nhìn xa xăm</i>”, cô hay thích ngắm mình trong gương và làm điệu có vẻ kiêu kì...</p> <p>+ Cô mang theo vào chiến trường vẻ hồn nhiên vô tư lự của cô gái Hà Thành mơ mộng với những bài hát “ <i>thuộc bất cứ một nhạc điệu nào rồi bịa ra lời mà hát....</i>” Tiếng hát ấy để động viên đồng đội và động viên chính bản thân mình, để gửi vào trong tiếng hát sự khao khát của tuổi trẻ, của người chiến sĩ, mong được trở về quê hương yêu dấu, được gặp lại người yêu sau bao ngày nhớ nhung, yêu thương.</p> <p>b. Phương Định- cô gái thanh niên xung phong gan dạ, dũng cảm, mạnh bạo</p> <p>+ Phương Định có hoàn cảnh sống và chiến đấu vô cùng khó khăn, sống trên một cao điểm, nơi có trọng điểm ở tuyến Trường Sơn ác liệt, giữa mênh mông khói bụi và bom đạn hủy diệt kẻ thù. Công việc của họ là “<i>đo khối lượng đất</i></p>	5,0 điểm

lắp vào hố bom và đếm bom nếu bom chưa nổ thì phá bom”, Công việc vô cùng vất vả, hiểm nguy, cô phải đối diện với tử thần với cái chết bất cứ lúc nào.

+ Trận phá bom trên đỉnh cao Trường Sơn thể hiện rõ tinh thần, thái độ dũng cảm vượt mọi hiểm nguy của Phương Định và các cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường ấy.

+ Phương Định gan dạ dũng cảm, không hề sợ hãi, không đi khom... vừa thể hiện thái độ tự trọng, vừa là ý chí mạnh mẽ giúp cô vượt mọi khó khăn, hiểm nguy.

+ Phương Định có những thao tác rất chuẩn xác “ *dùng xẻng nhỏ đào đất*”, “ *cẩn thận bỏ gói thuốc mìn châm ngòi*”, “ *khỏa đất*” Sự thuần thục, nhanh nhẹn do được tôi luyện theo thời gian đã trở thành tiềm thức của nhân vật.

+ Phương Định là người có cảm xúc nhạy bén, cảm nhận rõ rệt về trái bom khi nóng lên , suy nghĩ cảm thấy mình làm còn chậm . Sự thúc giục bản thân cần nhanh chóng hoàn thành công việc , tinh thần tự giác và tinh thần trách nhiệm cao trong trái tim người trẻ tuổi yêu nước.

+ Tâm trạng nhân vật Phương Định được miêu tả tỉ mỉ, chi tiết, suy nghĩ, lo lắng, hoảng sợ nhưng vẫn gan dạ, dũng cảm, hoàn thành trách nhiệm.. Có nghĩ đến cái chết nhưng là cảm giác bình thường, cái chết không rõ ràng, mà vô cùng mơ hồ,..Tinh thần trách nhiệm cao hơn tất cả, cao hơn cả mạng sống bản thân, Họ sẵn sàng hi sinh vì nhiệm vụ.

+ Câu nói “ *quen rồi*”, “ *phá bom 5 lần*”, sự bản lĩnh được tôi luyện. Đối mặt với tử thần là khó khăn nhưng các cô đã làm điều đó trong một thời gian dài để “ *quen rồi*”..

+ Câu văn miêu tả trận phá bom ngắn, dồn dập, khẩn trương, tất cả làm nổi bật vẻ đẹp cô thanh niên xung phong với lý tưởng sống cao đẹp, dũng cảm, gan dạ với đời sống tinh thần phong phú, hồn nhiên, lạc quan, lãng mạn, thơ mộng,...

+ Phương Định và những đồng đội của mình là những người đã không tiếc tuổi thanh xuân, họ hiến dâng trọn vẹn tất cả những gì cho Tổ quốc:

“ *Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*

Mà lòng phơi phới dậy tương lai”.

3. Đánh giá, mở rộng

- Đọc tác phẩm “ *Những ngôi sao xa xôi*” của Lê Minh Khuê, người đọc thấy khâm phục và yêu mến Phương

	<p>Định bởi vẻ hồn nhiên, ngây thơ lãng mạn của cô và vẻ đẹp dịu dàng, gan dạ, lí tưởng yêu nước cao đẹp trong người con gái này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Qua nhân vật này chúng ta còn cảm nhận được vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong những năm tháng kháng chiến chống Mĩ đầy oanh liệt hào hùng. Họ đã góp sức nên “<i>thiên sử vàng</i>”. - Liên hệ mở rộng so sánh với bài thơ khác cùng viết về đề tài này như: “ <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i>”(Phạm Tiến Duật) viết về những chàng thanh niên lái xe, “ <i>Khoảng trời hố bom</i> ” về cô gái mở đường... - Liên hệ bản thân về trách nhiệm của thế hệ trẻ trong thời đại hiện nay: Đất nước đã ra khỏi cuộc chiến tranh, nhiệm vụ của thế hệ trẻ là học tập , rèn luyện bản thân để phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.... <p>III. Kết bài: Khẳng định vấn đề</p>	
--	---	--

ĐỀ SỐ 43

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu :

Không hiểu bằng cách nào, một hạt cát lọt vào bên trong cơ thể của con trai . Vị khách không mời mà đến đó tuy rất nhỏ, nhưng gây rất nhiều khó chịu và đau đớn cho cơ thể mềm mại của con trai . Không thể tống hạt cát ra ngoài, cuối cùng con trai quyết định đối phó bằng cách tiết ra một chất dẻo bọc quanh hạt cát .

Ngày qua ngày, con trai đã biến hạt cát gây ra nỗi đau cho mình thành một viên ngọc trai lấp lánh tuyệt đẹp

(Theo *Lớn lên trong trái tim của mẹ*, Bùi Xuân Lộc, NXB Trẻ, 2005)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên ? (0,5 điểm)

Câu 2. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn (0,5 điểm)

" Vị khách không mời mà đến đó tuy rất nhỏ, nhưng gây rất nhiều khó chịu và đau đớn cho cơ thể mềm mại của con trai "

Câu 3. Em hiểu như thế nào về nghĩa tượng trưng của hai hình ảnh: hạt cát và chất dẻo? (1 điểm)

Câu 4. Câu chuyện trên gửi đến cho em thông điệp gì trong cuộc sống?(1 điểm)

II. TẬP LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1. (2 điểm)

Hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) bàn về ý nghĩa của *trinh thần lạc quan đối với cuộc sống của mỗi người* .

Câu 2 (5 điểm)

Cảm nhận của em về vẻ đẹp nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn "*Lặng lẽ Sa Pa*" của Nguyễn Thành Long (SGK Ngữ văn 9, tập 1)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: tự sự	0,5 điểm
	2	Biện pháp tu từ nhân hóa " <i>Vị khách</i> "	0,5 điểm
	3	Nghĩa tượng trưng của 2 hình ảnh: - Hạt cát: Những nghịch cảnh, khó khăn, rủi ro mà con người có thể gặp trong cuộc sống. - Chất dẻo: Cách ứng phó, khắc phục để vượt qua những rủi ro, trở ngại.	1,0 điểm
	4	Thông điệp: Cuộc sống luôn tiềm ẩn những khó khăn, trở ngại, những việc bất thường. Vì vậy, khi đứng trước khó khăn, mỗi người phải biết đổi mới, tìm cách khắc phục để có được sự thành công.	1,0 điểm
II	1	<p>1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận: ý nghĩa của tinh thần lạc quan trong cuộc sống</p> <p>2. Thân đoạn</p> <p><i>Lạc quan là gì?</i></p> <p>"Lạc" là vui vẻ, "quan" là cách nhìn nhận. Lạc quan là trạng thái tinh thần của con người luôn hướng về những điều tốt đẹp, tích cực trong cuộc sống.</p> <p><i>Ý nghĩa của tinh thần lạc quan trong cuộc sống</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp cuộc sống tươi đẹp cho tất cả mọi người - Giúp chúng ta biết sống một cách có ý nghĩa hơn - Giúp con người tránh khỏi những hiểm họa trong cuộc sống - Những người lạc quan thường thành công trong cuộc sống và công việc <p><i>Biểu hiện của tinh thần lạc quan</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Luôn tươi cười dù có chuyện gì xảy ra - Luôn yêu đời - Luôn bình tĩnh xử lý mọi tình huống dù có chuyện gì xảy ra <p><i>Dẫn chứng một số tấm gương về tinh thần lạc quan</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bác Hồ ở trong tù vẫn có thể sáng tác thơ, ngắm trăng - Các bệnh nhân ung thư vẫn lạc quan để chiến đấu bệnh tật để giành giật sự sống - Các em bé mồ côi vẫn lạc quan sống để mong ngày gặp lại cha mẹ của mình <p>3. Kết đoạn: Khẳng định tinh thần lạc quan vô cùng quan trọng giúp cuộc sống con người trở nên thoải mái hơn.</p>	2,0 điểm
	2	<p>I. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả Nguyễn Thành Long và tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa. - Đặc biệt, tác giả đã khắc họa thành công vẻ đẹp của 	5,0 điểm

nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn.

II. Thân bài

1. Khái quát chung:

- *Hoàn cảnh sáng tác:*

+ Riêng: Mùa hè 1970 sau chuyến đi thực tế ở Lào Cai
+ Chung: Miền Bắc đang xây dựng CNXH (vừa làm nhiệm vụ của hậu phương chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam, vừa chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

- *Tóm tắt truyện:* 5-7 dòng

- *Cốt truyện đơn giản:* xoay quanh cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa ông họa sĩ, cô kĩ sư với anh thanh niên ở trạm khí tượng trên đỉnh Yên Sơn.

2. Cảm nhận về nhân vật anh thanh niên

a. Hoàn cảnh sống và công việc khó khăn gian khổ:

- Hoàn cảnh sống và làm việc:

+ Hoàn cảnh sống: trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m-> gian khổ, vất vả

+ Công việc: Công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu

+ Nhiệm vụ: đo gió, đo mưa, tính mây, tính nắng,...-> đòi hỏi chính xác, tỉ mỉ,...

b. Vẻ đẹp phẩm chất, tâm hồn cao quý

* Yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm với công việc

- Yêu nghề: “Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi,...nếu cất đi cháu buồn đến chết mất”

-> Anh tìm thấy niềm vui, niềm hạnh phúc, tình yêu và niềm đam mê công việc.

- Tinh thần trách nhiệm: Nửa đêm, đúng giờ ốp thì dù mưa tuyết, gió rét vẫn trở dậy làm việc-> Vượt qua khó khăn, gian khổ để hoàn thành công việc.

* Tâm hồn lạc quan, biết sắp xếp công việc, cuộc sống khoa học, gọn gàng, ngăn nắp.

- Căn nhà ba gian sạch sẽ, đồ đạc được kê xếp gọn gàng, ngăn nắp.

- Ngoài giờ làm việc, anh trồng hoa, nuôi gà, đọc sách, coi sách là bạn.

-> Tự tìm niềm vui, hạnh phúc trong cuộc sống.

* Cởi mở, chân thành, hiếu khách

- Anh đón khách niềm nở, chia sẻ cởi mở những suy nghĩ về cuộc sống và công việc của mình.

- Pha trà Yên Sơn mời khách, biểu ông họa sĩ làn trứng, cô kĩ sư bó hoa để tưởng nhớ buổi đầu gặp mặt=> Người con trai đáng yêu thật.

* Khiêm tốn, có ý thức hoàn thiện bản thân:

	<p>- Ông họa sĩ định vẽ chân dung nhưng anh từ chối, giới thiệu người khác xứng đáng hơn.</p> <p>- Anh cảm thấy đóng góp của mình còn nhỏ bé.</p> <p>* Biết quan tâm chu đáo đến người khác:</p> <p>- Biểu bác lái xe củ tam thất khi biết bác gái bị ốm.</p> <p>- Biểu ông họa sĩ lần trứng, cô kĩ sư bó hoa....</p> <p>c. Những ảnh hưởng tích cực của anh với các nhân vật khác:</p> <p>* Ông họa sĩ:</p> <p>- Cảm thấy bối rối, Họa sĩ bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước.....</p> <p>- Ông muốn vẽ chân dung anh nhưng làm thế nào đặt được chính tâm lòng của mình vào bức tranh đó.</p> <p>=> ATN làm cho ông họa sĩ thêm khao khát, thêm yêu cuộc sống.</p> <p>* Cô kĩ sư:</p> <p>- Cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh thanh niên khiến cô cảm thấy “bàng hoàng”. Cô hiểu thêm cuộc sống một mình dừng cảm tuyệt đẹp của người thanh niên, về cái thế giới những con người như anh mà anh kể và về con đường cô đang đi tới.</p> <p>- Một ấn tượng hàm ơn khó tả dạt lên trong lòng cô gái trẻ.</p> <p>=> ATN làm cho cô kĩ sư háo hức và mơ mộng. Cô tin tưởng con đường mà mình đã lựa chọn.</p> <p>3. Đánh giá, mở rộng:</p> <p>* Đánh giá:</p> <p>- Nhân vật ATN là đại diện cho vẻ đẹp của người lao động đang ngày đêm lặng lẽ, âm thầm cống hiến cho đất nước. “Nếu là con chim.....nhận riêng mình (Tố Hữu)</p> <p>- Nghệ thuật:</p> <p>+ Nhân vật chính được tái hiện qua nhiều điểm nhìn: Ông họa sĩ, cô kĩ sư,..</p> <p>+ Cách đặt tên cho nhân vật: Được gọi bằng các Danh từ chung như anh thanh niên, cô kĩ sư,...xây dựng cốt truyện, tình huống nhẹ nhàng, hợp lí.</p> <p>+ Truyện đậm chất thơ (chất trữ tình): toát lên từ vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Sa Pa.</p> <p>* Mở rộng:</p> <p>- Tác phẩm cùng đề tài: Đoàn thuyền đánh cá (Huy Cận); Bài ca xuân 61 (Tố Hữu)’ Một khúc ca xuân (Tố Hữu); Mùa lạc (Nguyễn Khải)....</p> <p>=> Miền Bắc xây dựng CNXH, ca ngợi những con</p>	
--	---	--

		<p>người đang lạc quan, làm việc hăng say, cống hiến cho đất nước.</p> <p>III. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định vẻ đẹp của hình tượng nhân vật anh thanh niên tiêu biểu cho những người lao động bình dị đang cống hiến lặng thầm cho đất nước. - Tác phẩm khơi dậy khát vọng sống cao cả cho người đọc: Sống có lí tưởng, sống đẹp, sống có ích “<i>Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình</i>”. (Tô Hữu) 	
--	--	---	--

ĐỀ SỐ 44

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây:

(1) Cuộc sống này vốn không chỉ có hương thơm của hoa hồng và vẻ thơ mộng của dòng sông, nó còn có cả những phút giây bị gai hoa hồng đâm đếnứa máu hoặc vấy vùng giữa dòng nước chảy xiết. Bên cạnh những niềm vui là những khó khăn và cạm bẫy luôn chờ chờ chỉ cần bạn lơ là mất cảnh giác chúng sẽ xô tới. Chính những khó khăn thử thách ấy sẽ góp phần nhào nặn bạn trở thành một phiên bản tốt hơn.

(2) Sẽ có những lúc bạn hoang mang, chông chênh, mệt mỏi và hoàn toàn mất phương hướng. Đó có thể là khi bạn thi trượt cuộc thi mà bạn nghĩ là quan trọng nhất đời mình. Đó là khi người bạn thân nhất quay lưng đi sau khi đâm vào lưng bạn một vết dao.

[...]

(3) Để vượt qua được những khoảnh khắc đó, bạn phải tìm kiếm cho mình một điểm tựa vững chắc luôn cho bạn lời khuyên và không bao giờ rời xa. Đến cái bóng cũng rời xa bạn khi bạn đi vào bóng tối, nhưng điểm tựa thì không, mỗi người hãy tìm kiếm cho mình một điểm tựa. Có một loại điểm tựa như thế, thường được gọi là “trọng tâm cuộc đời”.

(Phi Tuyết *Sống như ngày mai sẽ chết*, NXB Thế giới, 2017, tr.37-39)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích. (0,5 điểm)

Câu 2. Theo tác giả, cuộc sống này có những gì ? (0,5 điểm)

Câu 3. Chỉ ra và gọi tên các phép liên kết về hình thức được sử dụng trong đoạn (2). (1,0 điểm)

Câu 4. Theo em, vì sao tác giả cho rằng: *Đến cái bóng cũng rời xa bạn khi bạn đi vào bóng tối, nhưng điểm tựa thì không* ? (1,0 điểm)

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) bàn về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: *Chính những khó khăn thử thách sẽ góp phần nhào nặn bạn trở thành một phiên bản tốt hơn*.

Câu 2. (5,0 điểm) Trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

Quê hương anh nước mặn, đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.

Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau,
Súng bên súng, đầu sát bên đầu,
Đêm rét chung chăn thành đội tri kỉ.
Đồng chí !

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

(Trích Đồng chí - Chính Hữu, Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục, 2008, tr.128)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: nghị luận	0,5 điểm
	2	Theo tác giả, cuộc sống này vốn không chỉ có hương thơm của hoa hồng và vẻ thơ mộng của dòng sông, nó còn có cả những phút giây bị gai hoa hồng đâm đến ứa máu hoặc vấy vùng giữa dòng nước chảy xiết.	0,5 điểm
	3	Phép liên kết về hình thức được sử dụng trong đoạn (2): Phép thế: "đó" = "những lúc bạn hoang mang, chông chênh, mệt mỏi và hoàn toàn mất phương hướng." Phép lặp: "là khi", "bạn"	1,0 điểm
	4	Tác giả cho rằng: Đến cái bóng cũng rời xa bạn khi bạn đi vào bóng tối, nhưng điểm tựa thì không, vì: + Điểm tựa là thứ vững chắc, nó chính là niềm tin xuất phát từ trong tâm mỗi chúng ta. Chỉ cần có điểm tựa mọi khó khăn sẽ không làm ta gục ngã. + Điểm tựa sẽ giúp ý chí của ta thêm vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách. => Qua câu nói này, tác giả muốn nhấn mạnh ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của điểm tựa.	1,0 điểm
II	1	1. Mở đoạn: Giới thiệu ný kiến:” Chính những khó khăn thử thách sẽ góp phần nhào nặn bạn trở thành một phiên bản tốt hơn”. 2. Thân đoạn: Giải thích vấn đề - Khó khăn, thử thách là những trở ngại mà con người sẽ gặp phải trong cuộc sống. - Nhào nặn là hoạt động, tác động làm cho biến đổi dần, hình thành nên cái mới. => Cả câu nói khẳng định những trở ngại trong cuộc sống góp phần giúp con người trưởng thành hơn. Bàn luận vấn đề - Vì sao nói khó khăn thử thách sẽ góp phần nhào nặn bạn thành phiên bản tốt hơn? + Đem đến cho con người những bài học quý giá trong	2,0 điểm

	<p>cuộc sống. Đó có thể là bài học về công việc, tình yêu,...</p> <ul style="list-style-type: none"> + Rèn luyện ý chí, tôi luyện tính cách của con người. + Giúp con người trở nên bản lĩnh, trưởng thành hơn. + Giúp con người biết trân quý những thành công mình có được. + Giúp con người thấu hiểu lẽ đời và biết sống khiêm nhường. <p>= > Khó khăn, thử thách giúp bạn rút ra những bài học kinh nghiệm, giúp bạn có sức mạnh, niềm tin, lòng kiên trì vượt qua mọi thử thách. Từ một con người non nớt, mềm yếu nhờ khó khăn, thử thách, nhờ vấp ngã mà bạn ngày càng trưởng thành, vững vàng và tốt đẹp hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khó khăn, thử thách luôn hiện diện trong cuộc sống, là một phần tất yếu cuộc sống. Sau khi vượt qua khó khăn, thử thách con người sẽ có được những thành quả quý giá. Vì vậy không nên nản chí. - Phê phán những người sống thiếu ý chí, ngại khó. - Liên hệ và rút ra bài học cho bản thân. <p>3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề.</p>	
2	<p>I. Mở bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu ngắn gọn tác giả Chính Hữu và bài thơ “Đồng chí” - là một trong số những bài thơ hay nhất, tiêu biểu nhất của Chính Hữu và cũng là của nền thơ kháng chiến. - Qua bài thơ ta càng hiểu rõ hơn về cơ sở hình thành tình đồng chí cũng như tình cảm mà các anh dành cho nhau. <p>II. Thân bài:</p> <p>1. Khái quát chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ “Đồng chí” được sáng tác mùa xuân năm 1948, sau khi tác giả tham gia chiến dịch Việt – Bắc thu đông (1947). Bài thơ là kết quả từ những trải nghiệm của tác giả về thực tế cuộc sống và chiến đấu của bộ đội ta trong những ngày đầu kháng chiến. - Bài thơ được in trong tập “Đầu súng trăng treo” (1966) – tập thơ phần lớn viết về người lính trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. <p>2. Cơ sở hình thành tình đồng chí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình đồng chí bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân của những người lính: "Quê hương anh nước mặn đồng chua Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá". "Anh" ra đi từ vùng "nước mặn đồng chua", "tôi" từ miền "đất cày lên sỏi đá". Hai miền đất xa nhau, "đôi 	5,0 điểm

người xa lạ" nhưng cùng giống nhau ở cái "nghèo". Hai câu thơ giới thiệu thật giản dị hoàn cảnh xuất thân của người lính: họ là những người nông dân nghèo.

- Tình đồng chí hình thành từ sự cùng chung nhiệm vụ, cùng chung lý tưởng, sát cánh bên nhau trong hàng ngũ chiến đấu:

"Súng bên súng, đầu sát bên đầu"

Họ vốn "chẳng hẹn quen nhau" nhưng lý tưởng chung của thời đại đã gắn kết họ lại với nhau trong hàng ngũ quân đội cách mạng. "Súng" biểu tượng cho nhiệm vụ chiến đấu, "đầu" biểu tượng cho lý tưởng, suy nghĩ. Phép điệp từ (súng, đầu, bên) tạo nên âm điệu khoẻ, chắc, nhấn mạnh sự gắn kết, cùng chung lý tưởng, cùng chung nhiệm vụ.

- Tình đồng chí nảy nở và bền chặt trong sự chan hoà và chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui:

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ.

Cái khó khăn thiếu thốn hiện lên: đêm rét, chăn không đủ đắp nên phải "chung chăn". Nhưng chính sự chung chăn ấy, sự chia sẻ với nhau trong gian khổ ấy đã trở thành niềm vui, thắt chặt tình cảm của những người đồng đội để trở thành "đôi tri kỷ".

=> Sáu câu thơ đầu đã giải thích cội nguồn và sự hình thành của tình đồng chí giữa những người đồng đội. Câu thơ thứ bảy như một cái bản lề khép lại đoạn thơ một đề mở ra đoạn hai.

3. Những biểu hiện cảm động của tình đồng chí

- Tình đồng chí là sự cảm thông sâu sắc những tâm tư, nỗi niềm của nhau. Những người lính gắn bó với nhau, họ hiểu đến những nỗi niềm sâu xa, thầm kín của đồng đội mình:

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày,

Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

Người lính đi chiến đấu để lại sau lưng những gì yêu quý nhất của quê hương: ruộng nương, gian nhà, giếng nước gốc đa,... Từ "mặc kệ" cho thấy tư thế ra đi dứt khoát của người lính. Nhưng sâu xa trong lòng, họ vẫn da diết nhớ quê hương. Ở ngoài mặt trận, họ vẫn hình dung thấy gian nhà không đang lung lay trong cơn gió nơi quê nhà xa xôi.

- Tình đồng chí còn là cùng nhau chia sẻ những gian lao, thiếu thốn của cuộc đời người lính :

+ Những gian lao, thiếu thốn trong cuộc sống của người

	<p>lính những năm kháng chiến chống pháp hiện lên rất cụ thể, chân thực: áo rách, quần vá, chân không giày, sự khô sở của những con sốt rét rừng hành hạ, trời buốt giá, môi miệng khô và nứt nẻ, nói cười rất khó khăn, có khi nứt ra chảy cả máu. Nhưng những người lính vẫn cười bởi họ có hơi ấm và niềm vui của tình đồng đội "thương nhau tay nắm lấy bàn tay".</p> <p>+ Hơi ấm ở bàn tay, ở tấm lòng đã chiến thắng cái lạnh ở "chân không giày" và thời tiết "buốt giá". Cặp từ xưng hô "anh" và "tôi" luôn đi với nhau, có khi đứng chung trong một câu thơ, có khi đi sóng đôi trong từng cặp câu liền nhau diễn tả sự gắn bó, chia sẻ của những người đồng đội.</p> <p>3.Kết bài: Tổng kết cảm nhận của em.</p>	
--	---	--

ĐỀ SỐ 45

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau

“1) Cảm ơn hay xin lỗi là một trong các biểu hiện của ứng xử có văn học hành vi văn minh, lịch sự trong quan hệ xã hội. Trong ứng xử giữa cộng đồng, cảm ơn và xin lỗi được trình bày một cách chân thành, một mặt phản ánh phẩm chất văn hóa của cá nhân, một mặt giúp mọi người dễ cư xử với nhau hơn.

(2) Trong nhiều trường hợp, lời cảm ơn hay lời xin lỗi không chỉ đem niềm vui tới người nhận, chúng còn trực tiếp giải tỏa khúc mắc, gỡ rối các quan hệ con người cũng vì thế mà sống vị tha hơn.

(3) Trước đây, trong quan hệ xã hội, việc mọi người cảm ơn và xin lỗi "vốn là chuyện bình thường, cảm ơn và xin lỗi trở thành một trong các tiêu chí “định tính tư cách văn hóa của con người. Rồi nhiều năm trở lại đây, lời cảm ơn và xin lỗi như có chiều hướng giảm trong giao tiếp xã hội. Có người cho ra 18 nguyên nhân của tình trạng này là do sự lỏng lẻo của chuẩn mực ứng xử, lại người cho rằng, lối sống công nghiệp làm con người thay đổi, hay do bản tính cá một người cụ thể nào đó vốn không quen với hai từ cảm ơn và xin lỗi,... Song thiết nghĩ, vẫn còn một nguyên nhân nữa là lâu nay, như một luật lệ bất thành và thường thì chỉ có con cái xin lỗi hay cảm ơn cha mẹ, người ít tuổi xin lỗi hay cảm ơn người lớn tuổi, mà nhiều người lớn tuổi không chú ý tới việc cảm ơn hay xin lỗi khi ứng xử với người khác. Trong giao tiếp xã hội, nhất là trong giao tiếp với công cộng, người lớn tuổi hơn ít khi sử dụng lời xin lỗi hoặc cảm ơn cho dù họ nhận được sự giúp đỡ, hay hành vi của họ gây phiền toái cho người khác. Các em nhỏ khi nhận được sự giúp đỡ hay sau khi mắc lỗi thường không ngần ngại nói lời xin lỗi hay cảm ơn, nhưng càng lớn lên thì thói quen này dường như đã mất dần, phải chăng vì các em học nói lời cảm ơn và xin lỗi không chỉ qua bài học giáo dục công dân hoặc qua lời răn dạy của cha mẹ, mà còn học trực tiếp qua ứng xử và việc làm của những người lớn tuổi?”

(dẫn theo Hà Anh, "Cảm ơn" và "xin lỗi" là biểu hiện của ứng xử văn hóa, <https://www.nhandan.com.vn/> - Báo Nhân dân điện tử)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. (0,5 điểm)

Em hãy cho biết, lời “cảm ơn” và “xin lỗi” được sử dụng trong trường hợp nào?

Câu 2. (0,5 điểm)

Theo tác giả bài viết, “Trong ứng xử giữa cộng đồng, khi cảm ơn và xin lỗi được trình bày một cách chân thành, một mặt phản ánh phẩm chất văn hóa của cả nhân, một mặt giúp mọi người dễ cư xử với nhau hơn”, nhưng trong nhiều trường hợp, lời cảm ơn, xin lỗi còn có tác dụng nào khác?

Câu 3. (1,0 điểm).

Ở đoạn (3), tác giả bài viết chỉ ra những nguyên nhân nào làm cho “lời cảm ơn và xin lỗi như có chiều hướng giảm trong giao tiếp xã hội”? (Nêu ngắn gọn những nguyên nhân đó).

Câu 4. (1,0 điểm)

Em có đồng ý với ý kiến: “Cảm ơn hay xin lỗi là một trong các biểu hiện của ứng xử có văn hóa” không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung văn bản Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ), nói về ý nghĩa của lời xin lỗi trong cuộc sống.

Câu 2. (5,0 điểm) Phân tích đoạn thơ sau:

“Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giât bom rung kính vỡ đi rồi
Ung dung buồng lái ta ngồi,
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa như ùa vào buồng lái.”

(Trích Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật - dẫn theo Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục, 2012, trang 131)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Lời “cảm ơn” và “xin lỗi” được sử dụng trong các trường hợp ứng xử cộng đồng: - Khi nhận được sự giúp đỡ - Khi hành động của mình gây phiền toái cho ai đó - Khi mắc lỗi với ai đó.	
	2	Theo tác giả bài viết, “Trong ứng xử giữa cộng đồng, khi cảm ơn và xin lỗi được trình bày một cách chân thành, một mặt phản ánh phẩm chất văn	

		<i>hóa của cả nhân, một mặt giúp mọi người dễ cư xử với nhau hơn”, nhưng trong nhiều trường hợp, lời cảm ơn, xin lỗi còn có tác dụng đem niềm vui tới người nhận, trực tiếp giải tỏa khúc mắc, gỡ rối các quan hệ, con người cũng vì thế mà sống vị tha hơn.</i>	
	3	<i>Những nguyên nhân làm cho “lời cảm ơn và xin lỗi như có chiều hướng giảm trong giao tiếp xã hội”: sự lỏng lẻo của chuẩn mực ứng xử lối sống công nghiệp làm con người thay đổi, hay do bản tính cá một người cụ thể nào đó vốn không quen với hai từ cảm ơn và xin lỗi; thường chỉ có con cái xin lỗi hay cảm ơn cha mẹ, người ít tuổi xin lỗi hay cảm ơn người lớn tuổi, mà nhiều người lớn tuổi không chú ý tới việc cảm ơn hay xin lỗi khi ứng xử với người khác.</i>	
	4	Đồng ý: vì cảm ơn và xin lỗi chính là những cách ứng xử tối thiểu thể hiện sự văn minh, lịch sự trong cuộc sống giữa người với người. Đầu tiên, ta cần biết nói lời cảm ơn, xin lỗi đúng nơi đúng lúc và thời điểm. Có như vậy, nó sẽ phản ánh được phẩm chất văn hóa của chính mỗi người chúng ta. Bên cạnh đó, khi nói lời cảm ơn hay xin lỗi, ta cần thực sự thể hiện được thái độ chân thành từ tình cảm từ trong chính trái tim mình, ví dụ thái độ hối lỗi khi nói xin lỗi và thái độ cảm kích khi nói cảm ơn.	
II	1	<p>1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Bàn về lời xin lỗi, suy nghĩ về vai trò, ý nghĩa của lời xin lỗi trong cuộc sống</p> <p>2. Thân đoạn:</p> <p>- Giải thích</p> <p>+ Xin lỗi": là hành động tự nhận khuyết điểm, sai lầm về mình, là sự đồng cảm, sẻ chia đối với người bị ta làm tổn thương, thiệt hại. Biết xin lỗi là mong muốn được đền bù thiệt hại và tha thứ.</p> <p>+ Xin lỗi không chỉ là cách thể hiện thái độ biết lỗi, tự nhận thấy sai lầm mà còn là phép lịch sự trong giao tiếp, ứng xử giữa người với người.</p> <p>- Tại sao sống phải biết nói lời xin lỗi?</p> <p>+ Xin lỗi là một trong các biểu hiện của ứng xử có văn hóa của con người, là hành vi văn minh, lịch sự trong quan hệ xã hội</p> <p>+ Lời xin lỗi chân thành phản ánh phẩm chất văn hóa của cá nhân, giúp mọi người dễ cư xử với nhau hơn.</p>	

- + Xin lỗi là một phép lịch sự trong giao tiếp, thể hiện sự văn minh và thái độ tôn trọng con người
- + Lời xin lỗi chân thành có thể cứu vãn được sự việc đáng tiếc có thể đã xảy ra
- + Xin lỗi đúng cách, đúng lúc giúp ta tránh được những tổn thất về vật chất và tinh thần
- + Lời xin lỗi còn để thể hiện sự chia sẻ, đồng cảm với mọi người
- + Lời xin lỗi chân thành hàn gắn những chia rẽ và hận thù do những lỗi lầm ấy gây nên.
- + Xin lỗi còn để dạy cho con cái biết học cách lớn lên là người có ý thức trách nhiệm.
- + Biết nói lời xin lỗi giúp cho cuộc sống của chúng ta được an lành, hạnh phúc hơn.

- Bài học nhận thức và hành động

- + Biết sống chân thành, tôn trọng, quý trọng người khác, thành thật nhận khuyết điểm về mình, không được né tránh trách nhiệm hay nguy biện về hành động của mình
- + Lời xin lỗi phải xuất phát từ đáy lòng mới thật sự hữu dụng
- + Hiểu rõ đối tượng là ai để bày tỏ thái độ xin lỗi một cách đúng đắn và hiệu quả nhất.
- + Xin lỗi đúng lúc, đúng nơi sẽ làm cho người được xin lỗi thấy dễ tha thứ hơn, đặc biệt cần biết sửa sai sau khi xin lỗi.

3. Kết đoạn: Khẳng định vai trò, ý nghĩa của lời xin lỗi trong các mối quan hệ cuộc sống

Đoạn văn mẫu tham khảo:

Có ai đó đã từng nói: “Một lời xin lỗi vụng về vẫn tốt hơn sự im lặng”. Quả thật như vậy, lời xin lỗi là cái cúi đầu, cái khoanh tay lễ phép và lời chân thành: cháu xin lỗi, em xin lỗi, bác xin lỗi, thầy xin lỗi... Nhưng trong cuộc sống này đã mấy ai làm được điều đó. Lời xin lỗi khi mình làm sai không chỉ là cách thể hiện thái độ biết lỗi, tự nhận thấy sai lầm mà còn là phép lịch sự trong giao tiếp, ứng xử giữa người với người. Lời xin lỗi là thể hiện sự tôn trọng và khiến người nghe cảm thấy hài lòng, vui vẻ, chấp nhận, bỏ qua, làm cho mối quan hệ tốt đẹp hơn. Còn người xin lỗi thì cảm thấy nhẹ lòng và trên hết là ý thức được trách nhiệm của mình trước hành động sai trái. Hành động của cậu bé 8 tuổi ở Hải Phòng lỡ làm vỡ gương ô tô đã viết giấy gửi lời

	<p>xin lỗi và số điện thoại ngõ ý đền bù cho chủ nhân chiếc ô tô để trước cổng trường mà báo chí đưa tin trong suốt thời gian qua khiến chúng ta phải suy ngẫm. Cho nên biết nói lời xin lỗi là một hành động lịch sự làm cuộc sống xã hội trở nên văn minh, tốt đẹp hơn. Cần phê phán những kẻ thiếu tự trọng, thiếu dũng cảm, làm sai nhưng bảo thủ không nhận trách nhiệm. Cũng qua đây chúng ta cần rút ra bài học cho mình: cần phải nghiêm túc nhận lỗi khi làm sai, biết nói lời xin lỗi chân thành cũng như dũng cảm, tự trọng trước những sai lầm của bản thân.</p>	
2	<p>I.Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm - Giới thiệu vấn đề nghị luận <p>II. Thân bài</p> <p>1. Hình ảnh những chiếc xe không kính</p> <ul style="list-style-type: none"> – Xưa nay, những hình ảnh xe cộ, tàu thuyền đưa vào thơ thì đều được “mĩ lệ hóa”, “lãng mạn hóa” và thường mang ý nghĩa tượng trưng hơn là tả thực. Người đọc đã bắt gặp chiếc xe tam mã trong thơ Pus-kin, con tàu trong “Tiếng hát con tàu” của Chế Lan Viên, đoàn thuyền đánh cá trong bài thơ cùng tên của Huy Cận. – Ở bài thơ này, hình ảnh những chiếc xe không kính được miêu tả cụ thể, chi tiết rất thực. Lẽ thường, để đảm bảo an toàn cho tính mạng con người, cho hàng hoá nhất là trong địa hình hiểm trở Trường Sơn thì xe phải có kính mới đúng. Ấy thế mà chuyện “xe không kính” lại là một thực tế, là hình ảnh thường gặp trên tuyến đường Trường Sơn. – Hai câu thơ mở đầu có thể coi là lời giải thích cho “sự cố” có phần không bình thường ấy: Không có kính không phải vì xe không có kính Bom giật, bom rung, kính vỡ đi rồi. + Lời thơ tự nhiên đến mức buộc người ta phải tin ngay vào sự phân bua của các chàng trai lái xe dũng cảm. Chất thơ của câu thơ này hiện ra chính trong vẻ tự nhiên đến mức khó ngờ của ngôn từ. + Bằng những câu thơ rất thực, đậm chất văn xuôi, điệp ngữ “không”, cùng với động từ mạnh “giật”, “rung” -> Tác giả đã lí giải nguyên nhân không có kính của những chiếc xe. Bom đạn chiến tranh đã làm cho những chiếc xe trở nên biến dạng “không 	

có kính”, “không có đèn”, “không có mui xe”, “thùng xe có xước”. Từ đó, tác giả đã tạo ấn tượng cho người đọc một cách cụ thể và sâu sắc về hiện thực chiến tranh khốc liệt, dữ dội, về cuộc chiến đấu gian khổ mà người lính phải trải qua.

=> Hình ảnh những chiếc xe không kính vốn chẳng hiếm trong chiến tranh, song phải có một hồn thơ nhạy cảm, có nét tinh nghịch, ngang tàn như Phạm Tiến Duật mới phát hiện ra được, đưa nó vào thơ và trở thành biểu tượng độc đáo của thơ ca thời chống Mỹ.

2. Hình ảnh người lính lái xe

* Hình ảnh những chiếc xe không kính đã làm nổi rõ hình ảnh những chiến sĩ lái xe ở Trường Sơn. Thiếu đi những điều kiện, phương tiện vật chất tối thiểu lại là một cơ hội để người lính lái xe bộc lộ những phẩm chất cao đẹp, sức mạnh tinh thần lớn lao của họ, đặc biệt là lòng dũng cảm, tinh thần bất chấp gian khổ khó khăn.

a. Vẻ đẹp của người lính lái xe trước hết thể hiện ở tư thế hiên ngang, ung dung, đường hoàng, tự tin, và tâm hồn lãng mạn, lạc quan, yêu đời

Ung dung buồng lái ta ngồi

Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.

+ Nghệ thuật đảo ngữ với từ láy “ung dung” được đảo lên đầu câu thứ nhất và nghệ thuật điệp ngữ với từ “nhìn” được nhắc đi nhắc lại trong câu thơ thứ hai -> nhấn mạnh tư thế ung dung, bình tĩnh, tự tin của người lính lái xe.

+ Cái nhìn của các anh là cái nhìn bao quát, rộng mở “nhìn đất”, “nhìn trời”, vừa trực diện, tập trung cao độ “nhìn thẳng”. Các anh nhìn vào khó khăn, gian khổ, hi sinh mà không hề run sợ, né tránh – một bản lĩnh vững vàng.

– Trong tư thế ung dung ấy, người lính lái xe có những cảm nhận rất riêng khi được tiếp xúc trực tiếp với thiên nhiên bên ngoài:

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng

Thấy con đường chạy thẳng vào tim

Thấy sao trời và đột ngột cánh chim

Như sa, như ùa vào buồng lái.

+ Sau tay lái của chiếc xe không có kính chắn gió nên các yếu tố về thiên nhiên, chướng ngại vật rơi rụng, quăng ném, va đập vào trong buồng lái. Song,

		<p>quan trọng hơn là các anh có được cảm giác như bay lên, hòa mình với thiên nhiên rồi được tự do giao cảm, chiêm ngưỡng thế giới bên ngoài. Điều này được thể hiện ở nhịp thơ đều đặn, trôi chảy như xe lăn với việc vận dụng linh hoạt điệp ngữ “thấy” và phép liệt kê. Có rất nhiều cảm giác thú vị đến với người lính trên những chiếc xe không có kính.</p> <p>+ Các hình ảnh “con đường”, “sao trời”, “cánh chim”... diễn tả rất cụ thể cảm giác của những người lính khi được lái những chiếc xe không kính. Khi xe chạy trên đường bằng, tốc độ xe chạy đi nhanh, giữa các anh với con đường dường như không còn khoảng cách, chính vì thế, các anh mới có cảm giác con đường đang chạy thẳng vào tim. Và cái cảm giác thú vị khi xe chạy vào ban đêm, được “thấy sao trời” và khi đi qua những đoạn đường cua dốc thì những cánh chim như đột ngột “ùa vào buồng lái”. Thiên nhiên, vạn vật dường như cũng bay theo ra chiến trường. Tất cả điều này đã giúp người đọc cảm nhận được ở các anh nét hào hoa, kiêu bạc, lãng mạn và yêu đời của những người trẻ tuổi. Tất cả đã hiện thực nhưng qua cảm nhận của nhà thơ đã trở thành những hình ảnh lãng mạn.</p> <p>III.Kết bài: Khẳng định vấn đề</p>	
--	--	---	--

ĐỀ SỐ 46

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:

TRUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH

*Tôi yêu truyện cổ nước tôi
 Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa
 Thương người rồi mới thương ta
 Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm
 Ở hiền thì lại gặp hiền
 Người ngay thì gặp người tiên độ trì
 Mang theo truyện cổ tôi đi*

*Nghe trong cuộc sống thâm thì tiếng xưa
 Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa
 Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi
 Đời cha ông với đời tôi*

Như con sông với chân trời đã xa
Chỉ còn truyện cổ thiết tha
Cho tôi nhận mặt ông cha của mình
Rất công bằng, rất thông minh
Vừa độ lượng lại đa tình, đa mang.
Thị thơm thì giấu người thơm
Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà
Đẽo cày theo ý người ta
Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì.
Tôi nghe truyện cổ thăm thì
Lời cha ông dạy cũng vì đời sau.
Đậm đà cái tích trâu cau
Miếng trâu đỏ thắm nặng sâu tình người.

Lâm Thị Mỹ Dạ – Theo SGK Tiếng việt lớp 5, tập 2

Câu 1. Bài thơ gợi nhắc cho em đến những truyện cổ nào trong kho tàng truyện cổ dân gian của người Việt? (0,5 điểm)

Câu 2. Nhà thơ đã khẳng định những giá trị, ý nghĩa gì của truyện cổ? (0,5 điểm)

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp điệp từ trong hai câu thơ” (1,0 điểm)

Thương người rồi mới thương ta

Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm

Câu 4. Những thông điệp mà nhà thơ muốn gửi gắm qua bốn câu thơ cuối là gì? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung văn bản Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ), nói về sự cần thiết phải trân trọng cuộc sống mỗi ngày.

Câu 2. (5,0 điểm)

Phân tích nhân vật ông Hai trong truyện ngắn *Làng* của Kim Lân.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Những truyện cổ nào trong kho tàng truyện cổ dân gian của người Việt: Sự tích trâu cau, cây tre trăm đốt, Duyên nợ ba sinh, Đẽo cày giữa đường, Tấm cám...	0,5 điểm
	2	Giá trị, ý nghĩa của truyện cổ là: - Thể hiện truyền thống ân nghĩa, ân tình, vẻ đẹp tâm hồn của người Việt Nam. - Chứa đựng những lời khuyên, lời răn dạy của ông cha, những bài học nhân sinh sâu sắc. - Là một nguồn tư liệu quý báu để thế hệ sau hiểu về truyền thống, về ông cha mình.	0,5 điểm
	3	Tác dụng: Nhấn mạnh, khẳng định truyền thống tương thân, tương ái, giàu lòng yêu thương của con	1,0 điểm

		người Việt Nam từ ngàn xưa.	
	4	<p>Cần nêu ra ít nhất hai thông điệp, đảm bảo tính hợp lí và thuyết phục. Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thế hệ sau cần trân trọng, lắng nghe lời dạy của cha ông, đó là vốn trí tuệ quý báu của dân tộc. - Cần giữ gìn truyền thống ân tình, thủy chung của người Việt, phát huy truyền thống đó trong thời kì hội nhập. - Cần biết giữ gìn và phát huy những giá trị mà truyện cổ để lại cho thế hệ hiện tại bởi mỗi câu chuyện đều là những viên ngọc quý kết tinh đời sống tâm hồn của cha ông trong quá khứ. 	1,0 điểm
II	1	<p>1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết thành đoạn văn (khoảng 200 chữ). - Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành. <p>2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,25 điểm)</p> <p>Sự cần thiết phải trân trọng cuộc sống mỗi ngày.</p> <p>3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm)</p> <p>Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ sự cần thiết phải trân trọng cuộc sống mỗi ngày. Có thể theo hướng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích: Trân trọng cuộc sống mỗi ngày là thái độ quý trọng, nâng niu, tận dụng mọi khoảnh khắc của hiện tại, không bỏ phí dù chỉ một giây phút nhỏ bé. - Sự cần thiết phải trân trọng cuộc sống mỗi ngày: <ul style="list-style-type: none"> + Mỗi ngày là một phần tạo nên dòng chảy dài của cuộc sống. Trân trọng cuộc sống mỗi ngày giúp ta hiểu được ý nghĩa của từng điều nhỏ bé để tạo nên tảng vững chắc cho tương lai. + Trân trọng cuộc sống mỗi ngày giúp con người sống trọn vẹn trong từng khoảnh khắc, sống có ý nghĩa. + Trân trọng cuộc sống mỗi ngày là thái độ sống tích cực, chỉ những người biết trân trọng từng khoảnh khắc, tận dụng nó mới có thể tạo nên thành công. <p>4. Chính tả, ngữ pháp (0,25 điểm)</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	2,0 điểm

	<p>5. Sáng tạo (0,25 điểm) Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.</p>	
2	<p>I. Mở bài: - Giới thiệu vài nét về tác giả Kim Lân và truyện ngắn Làng: + Kim Lân (1920 - 2007) là một trong những nhà văn hiện thực xuất sắc của nền văn học Việt Nam thế kỉ 20. + Làng (1948) là một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất của nhà văn Kim Lân viết về làng quê và những người dân quê Việt Nam. - Giới thiệu về nhân vật ông Hai: nhân vật ông Hai trong Làng nổi bật lên với những phẩm chất đáng quý của một người nông dân yêu làng yêu nước.</p> <p>II. Thân bài 1 Khái quát về truyện ngắn Làng - Làng được sáng tác vào thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp kể về nhân vật ông Hai - một nông dân có lòng tha thiết yêu làng Chợ Dầu của mình. - Truyện diễn tả chân thực và sinh động tình yêu làng, yêu quê hương, đất nước và tinh thần cách mạng của nhân vật ông Hai trong thời kì kháng chiến chống Pháp xâm lược. - Tóm tắt ngắn gọn tình huống truyện: + Ông Hai - người nông dân yêu, tự hào về làng, mọi niềm vui, nỗi buồn của ông đều xoay quanh chuyện làng chợ Dầu. Ở nơi tản cư ông luôn nhớ về làng, khoe làng của mình với mọi người + Ở nơi tản cư, ông Hai nghe tin làng chợ Dầu theo giặc làm Việt gian.</p> <p>2. Phân tích nhân vật ông Hai a. Tình yêu, niềm tự hào về làng của ông Hai - Trước Cách mạng: ông yêu làng, tự hào về làng, hay khoe làng. - Sau Cách mạng: + Ông tin tưởng vào thắng lợi cuộc kháng chiến do Chính phủ và Cụ Hồ lãnh đạo. + Ở nơi tản cư thì nhớ làng da diết - muốn về làng, muốn tham gia kháng chiến. + Mong nắng cho Tây chết. => Yêu thương, gắn bó với làng quê, tự hào và có trách nhiệm với cuộc kháng chiến của làng.</p>	5,0 điểm

	<p>- Ở phòng thông tin, khi nghe được nhiều tin hay, tin chiến thắng của quân ta, ruột gan ông cứ múa cả lên -> Quan tâm tha thiết, nồng nhiệt đến cuộc kháng chiến.</p> <p>=> Ông Hai là người nông dân có tính tình vui vẻ, chất phác, có tâm lòng gắn bó với làng quê và cuộc kháng chiến.</p> <p>b. Nỗi đau đớn của ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc</p> <p>- Từ chỗ đang vui vẻ, phấn chấn vì nghe được nhiều tin ta thắng giặc thì ông Hai lại hay tin làng của ông theo giặc “<i>Cổ ông lão nghen đặng hấn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được</i>”.</p> <p>- Ông rơi vào trạng thái đau đớn, tủi hổ ngày càng nặng nề, cố ra vẻ bình thản để che giấu tâm trạng, nỗi tủi hổ</p> <p>+ “cúi gằm mặt xuống mà đi”, tai còn nghe văng vẳng tiếng chửi theo “...giống Việt gian bán nước”.</p> <p>+ Lúc nào cũng nơm nớp lo sợ, thấy đám đông tụ tập nhắc tới hai chữ <i>Cam không, Việt gian</i> ông lại chột dạ</p> <p>- Về đến nhà ông nằm vật ra giường, nhìn đàn con mà tủi, “...nước mắt ông lão cứ giàn ra.</p> <p>+ Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư?”.</p> <p>+ Niềm tin, sự ngờ vực giằng xé mạnh trong tâm trạng ông Hai. Ông căm giận lũ người theo giặc, phản bội quê hương, đất nước.</p> <p>- Cái tin làng theo giặc cứ ám ảnh bám riết, khiến tâm tư ông nặng nề, day dứt, đau khổ. Suốt mấy ngày, ông chẳng dám đi đâu, chỉ quanh quẩn trong nhà. Ông mặc cảm, thu mình trong nỗi đau xót, tủi hổ, trần trọc không ngủ được, không muốn nói năng gì.</p> <p>- Ông Hai có một cuộc xung đột nội tâm dữ dội: “Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”</p> <p>+ Tình yêu nước rộng lớn bao trùm lên tình yêu làng, dù xác định như thế nhưng trong lòng ông vẫn chan chứa nỗi xót xa, tủi hổ</p> <p>+ Ông Hai tiếp tục rơi vào bế tắc, tuyệt vọng khi mục chủ nhà đánh tiếng đuổi gia đình ông đi nơi khác.</p> <p>- Ông Hai tâm sự cùng với đứa con nhỏ thể hiện</p>	
--	---	--

	<p>tấm lòng bền chặt, sâu sắc gắn bó giữa ông với quê hương, đất nước, với kháng chiến và cụ Hồ. Nói với con, nhưng thực chất ông nói với lòng mình, tự giải bày, tự minh oan. Lời tâm sự như một lời thề, khẳng định sắt đá tình yêu làng, yêu nước sâu nặng, bền vững của ông Hai.</p> <p>c. Niềm vui của ông Hai khi tin làng theo giặc được cải chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi có tin đánh chính làng ông không theo giặc, niềm vui trở lại trên gương mặt ông: + “cái mặt buồn thiu mọi ngày bỗng tươi vui rạng rỡ hẳn lên” + khăn áo lại chỉnh tề, mặt tươi rạng rỡ, miệng lém bèm nhai trầu, mắt hấp háy, nói bô bô, khoe con ăn bánh rán đường,... <p>Ông hoan hỉ chạy sang nhà bác Thứ khoe với bác và tất cả mọi người tin vui “Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhẵn!”. => Đó là minh chứng hùng hồn cho việc làng ông không theo giặc, trung thành với kháng chiến, với cách mạng.</p> <p>+ Ông nhắc đi nhắc lại “<i>Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhẵn!</i>”</p> <p>=> Ông Hai như sống lại, mọi nỗi xót xa, tủi hờn, đau đớn tan biến, thay vào đó là niềm hân hoan, hạnh phúc hiện lên trên khuôn mặt, cử chỉ, điệu cười của ông.</p> <p>3. Đánh giá về nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôi bút phân tích tâm lí sắc sảo - Ngôn ngữ mang đậm tính khẩu ngữ và là lời ăn tiếng nói của người nông dân. - Lời trần thuật và lời nhân vật có sự thống nhất về sắc thái, giọng điệu, do truyện được trần thuật chủ yếu theo điểm nhìn của nhân vật ông Hai. - Đặt tâm trạng nhân vật vào tình huống thử thách để khai thác chiều sâu tâm trạng - Thể hiện tâm trạng nhân vật tài tình, cụ thể qua ngôn ngữ đối thoại, độc thoại, và độc thoại nội tâm qua ý nghĩ, hành vi, cử chỉ. - Lối kể chuyện giản dị, tự nhiên, gần gũi <p>III. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại vẻ đẹp của nhân vật ông Hai tiêu biểu cho người nông dân Việt Nam và tấm lòng của nhà văn. 	
--	--	--

	- Liên hệ mở rộng: Suy nghĩ về tình yêu nước, yêu cách mạng của nông dân Việt Nam.	
--	--	--

ĐỀ SỐ 47

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Loài người không được cho sẵn bất cứ cái gì trên mặt đất này. Tất cả những gì anh ta cần – anh ta phải làm ra chúng. Và ở đây loài người đối mặt với sự lựa chọn cơ bản nhất của mình: anh ta chỉ có thể tồn tại được theo một trong hai cách – bằng cách làm việc độc lập với bộ óc của riêng anh ta, hay là trở thành một kẻ ăn bám nhờ bộ óc của những người khác. Người sáng tạo chọn cách thứ nhất. Kẻ ăn bám thì chọn cách thứ hai. Người sáng tạo một mình đối mặt với tự nhiên. Kẻ ăn bám đối mặt với tự nhiên thông qua những trung gian.

Mối quan tâm của người sáng tạo là chinh phục tự nhiên. Còn mối quan tâm của kẻ ăn bám là chinh phục con người.

Người sáng tạo sống với lao động của mình. Anh ta không cần ai khác. Mục đích cơ bản của anh ta là chinh bản thân anh ta. Kẻ ăn bám sống cuộc đời thứ cấp. Anh ta cần những người khác. Những người khác trở thành động lực chính của anh ta.

(Trích tiểu thuyết **Suối nguồn**, Ayn Rand, NXB Trẻ, TP HCM, 2017, tr.1174)

Câu 1. Cách loài người có thể tồn tại được tác giả nêu ra trong đoạn trích? (0,5 điểm)

Câu 2. Em hiểu câu: “ Mối quan tâm của người sáng tạo là chinh phục tự nhiên” như thế nào? (0,5 điểm)

Câu 3. Theo em việc tác giả khẳng định: “Loài người không được cho sẵn bất cứ cái gì trên mặt đất này. Tất cả những gì anh ta cần – anh ta phải làm ra chúng” có ý nghĩa gì? (1,0 điểm)

Câu 4. Em có đồng tình với ý kiến: *Người sáng tạo sống với lao động của mình. Anh ta không cần ai khác.* Vì sao? (1,0 điểm)

I. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về hậu quả của lối sống ăn bám.

Câu 2. (5 điểm)

Cảm nhận của em về **nhân vật bé Thu** trong truyện ngắn *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Theo tác giả, loài người chỉ có thể tồn tại được theo sự lựa chọn một trong hai cách: <i>bằng cách làm việc độc lập với bộ óc của riêng anh ta, hay là trở thành một kẻ ăn bám nhờ bộ óc của những người khác.</i>	0,5 điểm
	2	Câu: “ Mối quan tâm của người sáng tạo là chinh phục tự nhiên” có nghĩa là: Người sáng tạo luôn khát khao tìm kiếm, khám phá thế giới xung quanh, đặc	0,5 điểm

		biệt là thế giới tự nhiên để phục vụ đời sống con người.	
	3	Việc tác giả khẳng định: “ <i>Loài người không được cho sẵn bất cứ cái gì trên mặt đất này. Tất cả những gì anh ta cần – anh ta phải làm ra chúng</i> ” có ý nghĩa: HS có thể theo gợi ý sau: – Con người cần phải lao động, sáng tạo để tồn tại. – Nhắc nhở mỗi người không ngừng nỗ lực phát huy bản thân để cuộc sống có ý nghĩa.	1,0 điểm
	4	Thí sinh có thể đồng tình, không đồng tình, hoặc đồng tình một phần nhưng phải có lí giải hợp lí, thuyết phục.	1,0 điểm
II	1	a. Viết đúng bố cục của một đoạn văn khoảng 200 chữ. Trình bày mạch lạc rõ ràng, không sai lỗi chính tả, dùng từ đặt câu... b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: <i>Hậu quả của lối sống ăn bám</i> . Khuyến khích sự sáng tạo của thí sinh khi viết đoạn văn. c. Triển khai vấn đề nghị luận: Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ hậu quả của lối sống ăn bám. Có thể theo hướng sau: – Lối sống ăn bám là một thói tật của con người, là khi con người sống dựa dẫm, phụ thuộc, kí sinh, lợi dụng người khác để mưu lợi cho bản thân mình. – Khi sống theo kiểu ăn bám, con người thường có thái độ ỷ lại, thiếu tự lập, không có kĩ năng sống, không đủ sức đề kháng với những thử thách trong cuộc đời. – Khi sống theo kiểu ăn bám, con người hạ thấp giá trị, nhân cách, dễ đánh mất cái tôi của mình. – Một xã hội tồn tại nhiều kẻ ăn bám, xã hội không thể phát triển. d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	2,0 điểm 0, 25 điểm 0, 25 điểm 1,0 điểm 0, 25 điểm 0, 25 điểm
	2	I. Mở bài - Tác giả: Sinh ra, lớn lên và hoạt động chủ yếu ở chiến trường miền Nam nên các sáng tác của nhà	5, 0 điểm

	<p>văn chỉ viết về cuộc sống và con người nơi đây trong hai cuộc kháng chiến cũng như sau hòa bình. Lối viết giản dị, mộc mạc nhưng sâu sắc, đậm chất Nam Bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - CLN được viết 1966 tại chiến trường Nam Bộ khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra ác liệt. Tác phẩm là câu chuyện cảm động về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. - Nhân vật bé Thu: tình yêu thương cha sâu sắc, mãnh liệt, và có cá tính mạnh mẽ. <p>II. Thân bài</p> <p>1. Hoàn cảnh của bé Thu: (dựa vào cốt truyện và tình huống truyện)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh ra khi đất nước có chiến tranh: cha con xa cách khi chưa đầy tuổi. - Chỉ biết mặt cha qua hình chụp với má. - Sau tám năm, ông Sáu về phép thì nảy sinh tình huống éo le: Thu không nhận ba. Đến lúc nhận ra ba thì ông Sáu lên đường trở về đơn vị. Lần gặp mặt ấy là đầu tiên và cũng là cuối cùng của hai cha con. <p>2. Diễn biến , thái độ, tình cảm của Thu trong thời gian ông Sáu về phép</p> <p>* Phút đầu gặp cha:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe gọi tên, giật mình, tròn mắt nhìn,... - Ngơ ngác - Nghi ngờ - Mặt tái đi,...vụt chạy, kêu thét lên <p>* Những ngày ông Sáu nghỉ phép: tỏ ra ngờ vực, lảng tránh=> thái độ lạnh nhạt, xa cách.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ông Sáu càng vỗ về thì bé Thu càng đẩy ra. - Không chịu gọi ông Sáu là ba, xem như người lạ (nói trống)... - Bị dồn vào thế bí (chất nước cơm) - Kiên quyết chối từ tình yêu thương của ông Sáu (hất cái trứng)-> bị đánh đòn, xuống xuống qua bà ngoại. <p>=> Bướng bỉnh, cự tuyệt tình cảm của ông Sáu</p> <p>+ Sự ương ngạnh không đáng trách: Thu còn nhỏ không hiểu hết được những éo le của chiến tranh, đó là tâm lí hoàn toàn tự nhiên của một đứa trẻ có cá tính mạnh mẽ=> Biểu hiện tuyệt vời của tình yêu thương cha sâu sắc.</p> <p>3. Thái độ, hành động của bé Thu trong buổi sáng chia tay</p>	
--	--	--

	<p>- Về mặt buồn rầu, đôi mắt không chớp, nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa.</p> <p>- Bất ngờ cất tiếng gọi ba, ôm ba, hôn ba, hôn cả vết sẹo dài...</p> <p>- Trong đêm bé Thu bỏ về bà ngoại được bà ngoại giải thích...=> ân hận.</p> <p>=> Tình yêu và nỗi mong nhớ người cha xa cách đã bị dồn nén bấy lâu, nay bùng ra thật mạnh mẽ và hối hả, cuống quýt, có xen lẫn cả sự hối hận=> tình yêu cha mãnh liệt</p> <p>- Có người không cầm được nước mắt và người kể chuyện cảm thấy như có bàn tay ai nắm lấy trái tim mình.</p> <p>4. Đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật bé Thu</p> <p>- Nhà văn rất thành công trong việc xây dựng tình huống truyện</p> <p>- Xây dựng tính cách nhân vật qua tâm lí và hành động: Bé Thu tình cảm sâu sắc, mạnh mẽ những cũng rất dứt khoát, rạch ròi; có cá tính cứng cỏi đến ương ngạnh nhưng vẫn là một đứa trẻ hồn nhiên, ngây thơ.</p> <p>- Tác giả am hiểu tâm lí trẻ em và diễn tả rất sinh động với tấm lòng yêu mến trân trọng những tình cảm trẻ thơ</p> <p>=> Hình ảnh bé Thu và tình yêu cha sâu sắc, mãnh liệt đã gây xúc động mạnh trong lòng người đọc, để lại những ấn tượng khó phai.</p> <p>III. Kết bài</p> <p>Suy nghĩ: Tình cảm cha con trong chiến tranh có những xa cách, trắc trở nhưng rất thiêng liêng, mãnh liệt và cao quý.</p>	
--	--	--

ĐỀ SỐ 48

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây:

Tâm gương là người bạn chân thật suốt một đời mình, không bao giờ biết xu nịnh ai, dù đó là kẻ vương giả uy quyền hay giàu sang hãnh tiến. Dù gương có tan xương nát thịt thì vẫn cứ nguyên tấm lòng ngay thẳng trong sạch như từ lúc mẹ cha sinh ra nó. Nếu ai có bộ mặt không xinh đẹp thì gương không bao giờ nói dối, nịnh rằng xinh đẹp. Nếu ai mặt nhọ gương nhắc nhở ngay. Nếu ai buồn phiền cau có thì gương cũng buồn phiền cau có theo như để an ủi, sẻ chia cho người đỡ buồn phiền sâu khổ.

Là người, ai dám tự bảo mình là trong sáng suốt đời như tấm gương kia. Thiếu gì kẻ ác độc, nịnh hót, hót lẻo, dối trá, có kẻ còn tham lam mà bảo trắng là đen, gọi xấu là tốt đây sao.

Không một ai là không soi gương, từ già đến trẻ, từ đàn ông đến đàn bà. Soi gương nhiều nhất có lẽ là các chị chúng ta, những cô gái càng xinh đẹp thì càng thích soi gương.

Không hiểu ông Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi có lúc nào soi gương để buồn phiền cho gương mặt xấu xí của mình, để rồi làm ra bài phú “Hoa sen giếng ngọc” nổi tiếng bao đời. Anh Trương Chi nữa, anh ngồi trên con thuyền lơ lửng mặt sông, có soi vào dòng nước để tui cho khuôn mặt mình, nên dành gửi lòng vào tiếng hát cho say đắm lòng cô gái cầm cung và bao người khác nữa... thành câu chuyện đau buồn.

Có một gương mặt đẹp soi vào gương quả là hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc càng trọn vẹn hơn khi có một tâm hồn đẹp để mỗi khi soi vào tấm gương lương tâm sâu thẳm mà lòng không hổ thẹn.

Còn tấm gương bằng thủy tinh tráng bạc, nó vẫn là người bạn trung thực, chân thành, thẳng thắn, không hề nói dối, cũng không bao giờ biết nịnh hót hay độc ác với bất cứ ai.

(Băng Sơn, *U tôi* – theo sách *Ngữ văn 7*, Tập một, NXB giáo dục Việt Nam 2015)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

Câu 2. (0, 5 điểm) Tác giả dùng hình ảnh “tấm gương” để tượng trưng cho điều gì?

Câu 3. (1,0 điểm) Theo em qua hình ảnh “tấm gương”, tác giả muốn nói đến những con người nào trong xã hội?

Câu 4. (1,0 điểm) Em có đồng tình với ý kiến: “Có một gương mặt đẹp soi vào gương quả là hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc càng trọn vẹn hơn khi có một tâm hồn đẹp để mỗi khi soi vào tấm gương lương tâm sâu thẳm mà lòng không hổ thẹn” không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về cách nuôi dưỡng tâm hồn đẹp.

Câu 2. (5,0 điểm)

Suy nghĩ về tình cảm sâu nặng và cao đẹp mà ông Sáu dành cho con trong đoạn trích *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	
	2	Tấm gương trong đoạn trích tượng trưng cho những phẩm chất, tính cách của con người.	
	3	Những con người được nói đến: - Những con người trung thực, ngay thẳng, ... - Những kẻ xu nịnh, dối trá, nịnh hót, ác độc, tham lam ...	
	4	Thí sinh bộc lộ quan điểm của mình, có thể đồng ý	

		hoặc không đồng ý với quan điểm trên nhưng phải lý giải hợp lý.	
II	1	<p><i>a. Đảm bảo yêu cầu hình thức đoạn văn</i> Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hay song hành.</p> <p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Cách nuôi dưỡng tâm hồn đẹp.</p> <p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i> Học sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ các cách mà bản thân đã áp dụng để nuôi dưỡng vẻ đẹp tâm hồn. Có thể theo hướng sau: - Tâm hồn đẹp là vẻ đẹp của phẩm chất bên trong, là yếu tố tạo nên nét đẹp chân chính của mỗi con người. - Nuôi dưỡng tâm hồn đẹp là điều rất quan trọng và cần thiết. Việc làm ấy cần được tiến hành thường xuyên và ngay từ khi còn nhỏ. - Mỗi người có thể nuôi dưỡng tâm hồn mình bằng nhiều cách khác nhau: biết lắng nghe sự chỉ bảo của ông bà, cha mẹ, thầy cô giáo; không ngừng học hỏi để nâng cao vốn sống, vốn hiểu biết, luôn hướng thiện cho tâm hồn đồng cảm với người khác; biết cách sống mình vì mọi người; có ý chí vươn lên trong cuộc sống; tránh gây tổn thương cho những người xung quanh... lời nói đi đôi với việc làm, hành động bên ngoài thống nhất với suy nghĩ bên trong.</p> <p><i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo quy tắc chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu.</p> <p><i>e. Sáng tạo:</i> Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.</p>	<p>2,0 điểm 0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p> <p>1,0 điểm</p> <p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p>
	2	<p>I. Mở bài - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Vấn đề nghị luận: <i>Tình cha con sâu nặng, cao đẹp</i> trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh được thể hiện qua nhân vật ông Sáu.</p> <p>II. Thân bài 1. Giới thiệu về ông Sáu: - Là một người nông dân Nam Bộ giàu lòng yêu nước, từng tham gia kháng chiến chống Pháp nhưng ông không tập kết ra Bắc mà ở lại đấu tranh, gây dựng lực lượng, tiếp tục tham gia vào cuộc kháng</p>	5,0 điểm

	<p>chiến công Mỹ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ông đã chiến đấu và hi sinh vì Tổ quốc, là một người lính anh hùng nhưng nhà văn không tập trung khắc họa con người ông ở khía cạnh đó mà đi vào đời sống riêng của ông để viết về tình phụ tử. <p>2. Tình cảm ông Sáu dành cho con</p> <p>* Nỗi khao khát gặp lại con:</p> <ul style="list-style-type: none"> - không chờ cho xuồng cập bến, nhảy thót lên bờ.. - Nôn nóng được gặp con khiến vết sẹo đỏ ửng lên, giàn giụa, giọng run run...ba đây con... - Bé Thu không nhận cha: buồn bã, hụt hẫng, thất vọng,... “anh đừng sống lại đó...” <p>* Trong những ngày nghỉ phép:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ông không đi xa, chỉ ở nhà, tìm cách gần gũi con “<i>Anh quay lại....cười vậy thôi</i>” - Yêu thương con, chăm sóc con “<i>gắp trứng cá</i>”.....-> đánh con=> ân hận. - Giờ phút chia tay: không dám lại gần, chỉ nhìn từ xa bằng ánh mắt trĩu mến, buồn rầu. Bất ngờ nghe tiếng gọi “<i>ba</i>”: ông xúc động, nghẹn ngào “<i>một tay ôm con, một tay lấy khăn lau nước mắt rồi hôn lên mái tóc con</i>”=> Giọt nước mắt hạnh phúc, sung sướng vì ông cảm nhận được tình ruột thịt từ con mình. <p>* Khi trở lại chiến trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mang theo nỗi nhớ con, nỗi day dứt ân hận vì đánh con. - Mang theo lời hẹn ước với con gái: “<i>Ba về..mua cây lược cho con nghe ba!</i>” đã thôi thúc ông nghĩ đến việc làm một chiếc lược ngà tặng con. - Khi kiếm được một khúc ngà “<i>mặt anh hớn hờ....được quà</i>” - Dành hết tâm trí vào việc làm cây lược “<i>thận trọng..thơ bạc</i>”=> đã biến người chiến sĩ thành 1 nghệ nhân- nghệ nhân chỉ sáng tạo một tác phẩm duy nhất trong đời. - Kì công khắc hàng chữ trên sống lưng lược “<i>Yêu nhớ tặng Thu con của ba</i>”=> chứa đựng bao yêu thương, trĩu mến ông dành cho con gái-> kết tụ tình phụ tử. - Chiếc lược còn làm dịu đi bao nỗi ân hận và chứa đựng bao tình cảm yêu mến “<i>chưa chải được mái tóc...tâm trạng anh</i>”=> trở thành vật thiêng, an ủi, nuôi dưỡng tình cha con và sức mạnh chiến đấu. 	
--	---	--

	<p>- Những lúc nhớ con, ông lấy cây lược ra ngắm , mài lên tóc cho thêm bóng, thêm mượt.</p> <p>- Trước lúc hi sinh, chuyển nó cho người bạn như một cử chỉ chuyển giao sự sống, một sự ủy thác, là ước nguyện cuối cùng của người bạn thân, ước nguyện của tình phụ tử “<i>chỉ có tình cha con là không thể chết được</i>”</p> <p>=> Tình cảm của ông Sáu thật sâu nặng, tha thiết. Tình cảm ấy bất diệt trước sự hủy diệt, tàn khốc của chiến tranh.</p> <p>3. Đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật ông Sáu</p> <p>- Tác giả lựa chọn ngôi kể thứ nhất nhưng đặt vào nhân vật bác Ba- người đồng đội của ông Sáu. Vì thế câu chuyện được tái hiện một cách chân thực, khách quan hơn.</p> <p>- Đặt nhân vật vào tình huống bất ngờ nhưng tự nhiên, hợp lí.</p> <p>- Miêu tả tâm lí, tình cảm nhân vật sâu sắc.</p> <p>- Sáng tạo hình ảnh chiếc lược ngà mang nhiều ý nghĩa: CLN : tình người, tình đồng đội, tình cha con</p> <p>III. Kết bài:</p> <p>- Nhân vật ông Sáu đã góp phần thể hiện sâu sắc tư tưởng chủ đề của truyện: khẳng định và ca ngợi tình phụ tử thiêng liêng. Đó là tình cảm cao đẹp, sâu nặng, cảm động trong hoàn cảnh eo le của chiến tranh.</p> <p>- Liên hệ: Thấm thía những mất mát không gì bù đắp của con người Việt Nam trong chiến tranh, trân trọng những tình cảm cao đẹp trong tâm hồn họ.</p>	
--	--	--

ĐỀ SỐ 49

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“*Sự trung thực là nền tảng cơ bản giữ cho những mối quan hệ được bền vững*”- Ramsey Clark.

Trung thực- ứng xử cao nhất của sự tôn trọng.

Một thái độ ứng xử tích cực, những thói quen tốt, cách nhìn lạc quan, khát khao theo đuổi những mục tiêu, vv.. mới chỉ là điều kiện cần nhưng vẫn chưa đủ để đưa bạn đến thành công nếu vẫn còn thiếu sự trung thực và chính trực. Bạn sẽ chẳng bao giờ cảm nhận trọn vẹn những giá trị của bản thân khi chưa tìm thấy sự bình an trong tâm hồn mình. Viên đá đầu tiên và cần thiết nhất của nền tảng đó là sự trung thực.

Vì sao tôi lại xem trọng tính trung thực đến thế? Đó là bởi vì tôi đã phải mất một thời gian rất dài mới có thể nhận ra rằng sự trung thực chính là phần còn thiếu trong nỗ lực tìm kiếm sự thành công và hoàn thiện bản thân tôi. Tôi không phải là một kẻ hay nói dối, một kẻ tham lam, một tên trộm mà tôi chỉ thiếu tính trung thực mà thôi. Giống như nhiều người khác, tôi cũng quan niệm “Ai cũng thế cả mà”, một chút không trung thực không có gì là xấu cả. Tôi đã tự lừa dối mình. Dù muộn màng, nhưng rồi tôi cũng khám phá ra rằng không trung thực là một điều rất tệ hại và để lại một hậu quả khôn lường. Ngay sau đó, tôi quyết định sẽ ngay thẳng, chính trực trong tất cả mọi việc. Đó là một lựa chọn quan trọng làm thay đổi cuộc đời tôi.

(Theo Hal Urban, “**Những bài học cuộc sống**”, www.wattpad.com)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên?

Câu 2. Vì sao tác giả lại cho rằng: “Một thái độ ứng xử tích cực, những thói quen tốt, cách nhìn lạc quan, khát khao theo đuổi những mục tiêu, vv.. mới chỉ là điều kiện cần nhưng vẫn chưa đủ để đưa bạn đến thành công nếu vẫn còn thiếu sự trung thực và chính trực”?

Câu 3. Anh (chị) hiểu như thế nào về câu nói: “Sự trung thực là nền tảng cơ bản giữ cho những mối quan hệ được bền vững”?

Câu 4. Anh (chị) có đồng tình với quan điểm của tác giả: “không trung thực là một điều rất tệ hại và để lại một hậu quả khôn lường” hay không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh (chị) về vai trò của sự trung thực trong thành công của mỗi người.

Câu 2 (5.0 điểm)

Phân tích **nhân vật Vũ Nương** trong tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt: Nghị luận	
	2	Vì: – Một thái độ ứng xử tích cực, những thói quen tốt, cách nhìn lạc quan, khát khao theo đuổi những mục tiêu, vv.. là động lực, là điều kiện để con người cố gắng phấn đấu, rèn luyện mình trên con đường tìm đến thành công. – Nhưng vẫn chưa đủ bởi để có được thành công, con người còn cần đến những mối quan hệ xã hội. Và sự trung thực và chính trực là yếu tố giúp tạo nên quan hệ bền vững, là thái độ ứng xử cao nhất của sự tôn trọng đối với những người xung quanh, cũng là tôn trọng chính bản thân mình..	
	3	“Sự trung thực là nền tảng cơ bản giữ cho những mối quan hệ được bền vững”: – Sự trung thực: là thật thà, ngay thẳng, đúng với sự	

		<p>thật, không làm sai lạc đi; trái ngược với sự dối trá...</p> <p>– Sự trung thực sẽ giúp tạo được niềm tin, lòng tin với mọi người, từ đó giữ cho các mối quan hệ được bền vững, lâu dài</p>	
	4	<p>– Học sinh có thể đưa ra ý kiến riêng và có lí giải hợp lí</p> <p>(Có thể đưa ra ý kiến đồng tình và lí giải :</p> <p>+ Không trung thực sẽ đánh mất niềm tin của mọi người dành cho mình; sẽ không đạt được kết quả mình mong muốn trong công việc cũng như trong cuộc sống....</p> <p>+ Không trung thực sẽ có lợi trước mắt nhưng làm ảnh hưởng đến người khác và để lại hậu quả về sau....</p> <p>+ Người không trung thực sẽ sống không thanh thản, không vui vẻ)</p>	
II	1	<p>1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận</p> <p>2. Thân đoạn:</p> <p>a. Giải thích vấn đề:</p> <p>– Sự trung thực</p> <p>– Vai trò của sự trung thực trong thành công của mỗi người</p> <p>b. Bàn luận:</p> <p>– Quan niệm về “thành công”: Đạt được kết quả, mục đích như dự định trong công việc; Đạt được mong ước trong cuộc sống; Hài lòng, hạnh phúc với những gì mình có được và có ước mơ tốt đẹp trong tương lai</p> <p>– Sự trung thực là điều kiện đủ để có được thành công, là yếu tố quan trọng đưa con người đến thành công. Bởi vì</p> <p>+ Sự trung thực sẽ giúp tạo được niềm tin, lòng tin với mọi người, từ đó giữ cho các mối quan hệ được bền vững, lâu dài. Điều này vô cùng quan trọng, giúp công việc thuận lợi, các mối quan hệ xã hội trở nên hài hòa.</p> <p>+ Sống trung thực sẽ đem đến sự thanh thản trong tâm hồn, giúp con người luôn vui vẻ, thoải mái. Điều này lại đem đến sự tỉnh táo, sáng suốt khi đưa ra những lựa chọn, những quyết định quan trọng trong cuộc sống, trong công việc, góp phần tạo nên thành công.</p> <p>(Có thể có dẫn chứng cụ thể)</p> <p>c. Bài học nhận thức, hành động:</p>	

		<p>– Cần trung thực trong công việc cũng như trong cuộc sống.</p> <p>3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề</p>	
2		<p>I. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả Nguyễn Dữ, tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương. - Dẫn dắt vấn đề nghị luận: Nhân vật Vũ Nương là người con gái có những phẩm chất tốt đẹp nhưng bị hàm oan vì thế số phận trở nên bất hạnh <p>MB trực tiếp</p> <p>Trong nền văn học Trung đại Việt Nam, Nguyễn Dữ xuất hiện như một đại diện tiêu biểu cho thể loại truyện kì. Bằng trái tim giàu yêu thương đối với những con người đau khổ và bất hạnh, cùng một thái độ căm ghét sự ngang trái bất công của chế độ đương thời, ông đã đem đến cho nền văn học nước nhà tập Truyện kì mạn lục với 20 truyện ngắn giàu sáng tạo. Trong số đó ta phải kể đến sự góp mặt của “Chuyện người con gái Nam Xương”- tác phẩm đã tái hiện một cách chân thực số phận đau khổ của Vũ Nương cùng với những phẩm hạnh của nàng. Vũ Nương là hiện thân cho vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam truyền thống cũng như nỗi đau đớn xót xa trong số phận của người phụ nữ phong kiến xưa.</p> <p>MB gián tiếp</p> <p>Hình tượng người phụ nữ luôn là một đề tài hấp dẫn trong văn học. Đó là đề tài đã lấy đi rất nhiều tình cảm và nước mắt của biết bao nhiêu thi nhân, văn nhân trong lịch sử văn học nước nhà. Ta đã từng thổn thức với nàng Kiều- một người con gái đẹp nghiêng nước nghiêng thành nhưng cuộc đời lại ngang trái trong thơ Nguyễn Du. Ta cũng từng phải ngạc nhiên với người phụ nữ ngang tàng, bản lĩnh trong thơ Hồ Xuân Hương. Và thật xúc động biết bao khi một lần nữa ta lại được thương, được khóc cho một Vũ Nương đẹp người đẹp nết nhưng số phận lại đầy rẫy nỗi oan khiên trong “Chuyện người con gái Nam Xương”.</p> <p>II. Thân bài</p> <p>1. Giới thiệu khái quát về tác phẩm (3-5 dòng)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian ra đời: thế kỉ XVI, khi XHPK Việt Nam còn nặng tư tưởng trọng nam khinh nữ, người phụ nữ mang thân phận bọt bèo... - Nội dung chính: tập trung làm nổi bật vẻ đẹp phẩm 	

	<p>giá của Vũ Nương cũng như những đau đớn mà nàng phải trải qua.</p> <p>2. Phân tích nhân vật Vũ Nương</p> <p>a. Hoàn cảnh sống của Vũ Nương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã hội: Chiến tranh phong kiến, xã hội trọng nam khinh nữ - Gia đình: <ul style="list-style-type: none"> + Xuất thân nghèo khó + Vợ chồng vì chiến tranh phải xa nhau + Hôn nhân không bình đẳng + Tính cách vợ chồng trái ngược nhau... <p>b. Vũ Nương là người phụ nữ có nhiều phẩm chất tốt đẹp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người phụ nữ thùy mị, nét na. - Người vợ thủy chung, thấu hiểu nỗi khổ và nguy hiểm của chồng phải đối mặt nơi chiến tuyến, chờ đợi chồng. - Người con dâu hiếu thảo: chăm sóc mẹ chồng khi ốm đau, lo ma chay chu đáo. - Người mẹ hết mực thương yêu con: bù đắp thiếu thốn cho con bằng cách chỉ bóng mình trên tường để tạo cho con những hình ảnh về người cha. - Người phụ nữ trọng nhân phẩm và danh dự: tìm đến cái chết để giữ tròn danh tiết, từ chối trở về trần gian để nhân phẩm được bảo toàn. <p>=> Vũ Nương mang trong mình đầy đủ những nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam truyền thống: công, dung, ngôn, hạnh.</p> <p>c. Vũ Nương có số phận bất hạnh, hẩm hiu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chồng đi lính, một mình gánh vác gia đình, chăm sóc con nhỏ, phụng dưỡng mẹ già-> trụ cột của gia đình. - Bị chồng nghi oan, mắng nhiếc, đánh đuổi,.. - Phải chết khi tuổi đời còn trẻ, khi hạnh phúc mới chớm nở trong đời. - Ở chốn thủy cung luôn nhớ về nhân gian nhưng không thể trở về. <p>=> Số phận của Vũ Nương tiêu biểu cho phụ nữ xưa.</p> <p>3. Đánh giá khái quát:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: tạo dựng tình huống để thử thách nhân vật, khắc họa nhân vật qua ngoại hình, hành động, đối thoại...kết hợp yếu tố kì ảo và yếu tố thực để làm nên nỗi đau của nhân vật. 	
--	---	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện niềm thương cảm với số phận oan nghiệt của người phụ nữ trong xã hội phong kiến; khẳng định những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ: hiếu thảo, thủy chung, nhân hậu,... - Lên án, tố cáo chiến tranh phi nghĩa, phê phán thói xấu: gia trưởng, thô bạo, bất bình đẳng giới... luôn chà đạp và vùi dập người phụ nữ. <p>III. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vũ Nương tiêu biểu cho số phận bi thảm của người phụ nữ trong xã hội cũ. - Vũ Nương để lại trong lòng người đọc nỗi cảm thương sâu sắc. 	
--	---	--

ĐỀ SỐ 50

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Nếu bước chân vào bất kì bệnh viện nào và hỏi bác sĩ về “bệnh vô cảm”, chắc hẳn bạn sẽ không nhận được câu trả lời. Bởi đó là căn bệnh tồn tại ngoài xã hội chứ không phải đơn thuần trên giường bệnh. “Bệnh vô cảm” là tình trạng chai sạn của tâm hồn, là thái độ sống thờ ơ, lãnh đạm trước những gì diễn ra xung quanh mình. Đáng sợ hơn là nó diễn ra ngay cả trước những đau khổ, mất mát của con người. Một ngày, bạn không còn biết yêu thương và cũng không căm ghét, không cảm nhận được hạnh phúc và cũng không động lòng trước đau khổ, không có khát vọng sống có ý nghĩa... thì ắt hẳn, bạn đang có những “triệu chứng” của căn bệnh vô cảm đáng sợ kia. Nó không làm con người ta đau đớn hay chết đi về thể xác nhưng lại làm trái tim và tâm hồn chết dần trong sự lạnh lẽo. Và phải chăng “cái chết không phải là điều mất mát lớn nhất trong cuộc đời, sự mất mát lớn nhất là bạn để tâm hồn tàn lụi ngay khi còn sống” như lời Nooc- man Ku- sin đã khẳng định?

(Theo Bài tập ngữ văn 12, Tập hai, NXB GD, 2013)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên. (0,5 điểm)

Câu 2: Em hiểu như thế nào về câu nói của **Nooc- man Ku- sin**: “cái chết không phải là điều mất mát lớn nhất trong cuộc đời, sự mất mát lớn nhất là bạn để tâm hồn tàn lụi ngay khi còn sống”? (0,5 điểm)

Câu 3: Em hãy chỉ ra một biểu hiện khác của “bệnh vô cảm” trong đời sống? (1,0 điểm)

Câu 4: Thông điệp sống có ý nghĩa nhất mà em rút ra từ văn bản trên? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Từ đoạn trích trong phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về *bệnh vô cảm trong cuộc sống hiện nay*.

Câu 2 (5,0 điểm):

Vẻ đẹp của chị em Thúy Kiều trong đoạn trích cùng tên, trích *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
	U		

I	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	(0,5 điểm)
	2	Ý nghĩa của câu nói: Theo Nooc- man, cái chết không phải là điều đáng sợ nhất mà tâm hồn chai sạn, lụi tàn khiến cuộc sống con người bất hạnh hơn cái chết.	(0,5 điểm)
	3	HS có thể nêu một biểu hiện khác của “bệnh vô cảm” trong đời sống, chẳng hạn: không quan tâm tới mọi người xung quanh, sống khép kín,...	(1,0 điểm)
	4	HS có thể trình bày quan điểm cá nhân, thông điệp có ý nghĩa, phù hợp với chuẩn mực đạo đức. Lập luận chặt chẽ, thuyết phục. VD: Mỗi người cần ý thức sâu sắc về mối nguy hại của bệnh vô cảm để phòng chống căn bệnh này.	(1,0 điểm)
II	1	<p>1. Mở đoạn: Giới thiệu về bệnh vô cảm</p> <p>2. Thân đoạn:</p> <p>(1) Thực trạng của bệnh vô cảm Bệnh vô cảm là căn bệnh liên quan đến tâm hồn của con người. những con người này có trái tim lạnh giá, không xúc động, sống ích kỷ, lạnh lùng, cho sự an toàn của bản thân mình là trên hết. ngoài ra họ còn thờ ơ, làm ngơ trước những điều xấu xa, hoặc nổi bất hạnh, không may của những người sống xung quanh mình.</p> <p>Căn bệnh này xuất hiện nhiều ở rất nhiều học sinh, thanh niên: những con người này sống ích kỷ, ham chơi, chỉ biết đòi hỏi, hưởng thụ không có trách nhiệm với gia đình, xã hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thậm chí có học sinh tìm đến cái chết chỉ vì cha mẹ không đáp ứng các yêu cầu cá nhân của mình... - Biểu hiện: <ul style="list-style-type: none"> + không sẵn sàng giúp người nghèo khổ, đói khát hơn mình + không giúp đỡ người tàn tật khi đi trên đường <p>(2) Nguyên nhân của bệnh vô cảm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do xã hội phát triển nhiều loại hình vui chơi giải trí - Do phụ huynh nuông chiều con cái... - Do ảnh hưởng của khoa học công nghệ đến con người - Do ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường đến đạo đức truyền thống - Lối sống thực dụng của nền công nghiệp hiện đại. - Thiếu tình yêu thương trái tim. <p>(3) Hậu quả của bệnh vô cảm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách, phát triển 	2,0 điểm

	<p>của xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vô cảm nguy hiểm với cả chính người bệnh lẫn và người xung quanh - Bệnh vô cảm nếu không được giáo dục, không được ngăn chặn sẽ là tác nhân làm “lệch chuẩn” hay “loạn chuẩn” đạo đức <p>(4) Biện pháp giải quyết bệnh vô cảm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cải cách giáo dục một cách đúng đắn và hiệu quả - Sống yêu thương, quan tâm và vị tha cho nhau - Mở lòng với những người xung quanh. <p>3. Kết đoạn</p> <p>Nêu cảm nghĩ của em về bệnh vô cảm.</p>	
2	<p>I.Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả Nguyễn Du và đoạn trích Chị em Thúy Kiều - Dẫn dắt vấn đề nghị luận: đoạn trích đã làm nổi bật nhan sắc và tài năng của chị em Thúy Kiều, đặc biệt là sắc đẹp và tài năng của Thúy Kiều. <p>Mở bài tham khảo Nguyễn Du cả đời cầm bút luôn dụng tâm hướng cảm xúc của mình đến với vẻ đẹp cũng như số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Dưới ngòi bút của ông, chân dung những người phụ nữ luôn được ca ngợi và cực tả đến tuyệt mỹ. Điều này ta có thể thấy rõ qua bức chân dung chị em Thúy Kiều trong đoạn trích cùng tên. Bằng nét bút tài hoa, ông đã dựng nên bức tranh về hai tố nữ với những nét đẹp không hề lặp lại. Vẻ đẹp ấy đã làm cho trái tim bao thế hệ bạn đọc không khỏi trầm trồ, ngưỡng mộ. Đồng thời qua đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” mỗi chúng ta có cơ hội được diện kiến ngòi bút kì tài của Nguyễn Du trong nghệ thuật khắc họa chân dung nhân vật.</p> <p>II.Thân bài</p> <p>1. Giới thiệu khái quát về đoạn trích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nằm ở phần đầu của Truyện Kiều - Nội dung: Khắc họa chân dung chị em Thúy Kiều qua đó bộc lộ cảm hứng nhân văn sâu sắc của tác giả. <p>2. Vẻ đẹp của Chị em Thúy Kiều</p> <p>a. Vẻ đẹp của Thúy Vân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phong thái: thanh thoát, nhẹ nhàng, đoan trang, lịch sự; - Nhân diện: Láy vàng trắng so sánh khuôn mặt: phúc hậu, hiền hòa 	5,0 điểm

	<p>- Giọng nói: cũng trở thành nét đẹp rất riêng trong con người nàng. Xuân Diệu ca ngợi: từ thốt là chữ đắt giá.</p> <p>- Dự báo số phận từ nhan sắc: “<i>mây thua....tuyết nhường.</i>”: số phận bình an, hạnh phúc.</p> <p>=> Bằng bút pháp ước lệ tượng trưng và thủ pháp so sánh ngầm, Nguyễn Du đã làm cho chân dung Thúy Vân hiện lên như một tổ nữ, đẹp người, đẹp nét và bình an trong số phận.</p> <p>b. Vẻ đẹp tài sắc của Thúy Kiều</p> <p>b1. Nhan sắc của Thúy Kiều:</p> <p>- Thúy Vân là phong nền hoàn hảo mở đường cho sự xuất hiện của Thúy Kiều với vẻ đẹp sắc sảo, mặn mà;</p> <p>- Thủ pháp tăng tiến trong miêu tả “<i>Kiều càng sắc sảo mặn mà</i>” không chỉ đẹp mà còn có sức hút mạnh mẽ đối với người đối diện;</p> <p>- <i>Đôi mắt</i> như nước mùa thu lột tả nội tâm luôn man mác một chút buồn ảm sâu dưới cái nhìn trong veo của Kiều</p> <p>- Nguyễn Du sử dụng những từ ngữ có sức gợi cảm cao như “ghen”, “hờn” khi miêu tả vẻ đẹp của Kiều. Hai từ ngữ ấy tự nó đã chứa đựng sự dự báo không mấy tốt đẹp mà Kiều có thể phải đối mặt ở tương lai.</p> <p>=> Tạo hóa ganh ghét với nhan sắc vượt qua những chuẩn chung. Nguyễn Du đã bày tỏ sự thương cảm kín đáo với số phận của nhân vật.</p> <p>- “<i>Nghiêng nước nghiêng thành</i>” : đây vẻ đẹp của Kiều lên hàng <i>quốc sắc thiên hương</i>, có một không hai-> Sự yêu mến hết mực mà Nguyễn Du đã dành cho Kiều-> Chân dung của Kiều hiện ra với vẻ đẹp vạn người mê. Vẻ đẹp ấy khiến cho tạo hóa và vạn vật sinh lòng đố kị->Dấu hiệu dự báo một cuộc đời đầy sóng gió.</p> <p>b2. Nét đẹp tài năng:</p> <p>- Thúy Kiều có tài năng toàn vẹn: cầm, kì, thi, họa. Lĩnh vực nào Kiều cũng tinh thông nhưng nổi bật nhất là tài đàn.</p> <p>- Nguyễn Du hoàn thiện cho một triết lí “<i>tài mệnh tương đố</i>”, mỗi khúc đàn luôn ẩn chứa nét buồn ai oán-> tiếng đàn mang tính chất dự báo một thiên bạc mệnh đang chờ đợi nàng ở phía trước-> người con gái đa sầu, đa cảm.</p> <p>=> Bằng bút pháp lí tưởng hóa, vẻ đẹp của Thúy</p>	
--	---	--

	<p>Kiều ở phương diện tài năng và nhan sắc đạt đến mức hoàn mỹ và đỉnh cao.</p> <p>c. Vẻ đẹp trong lối sống của chị em Thúy Kiều</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lối sống phong lưu, được chăm sóc và yêu chiều “<i>Phong lưu rất mực hồng quần</i>” - Luôn khuôn phép giữ mình theo đúng chuẩn mực của một người có nền nếp gia phong. - Cả hai chị em Kiều là những cô gái ngoan, kín đáo, tế nhị và luôn ý thức được giá trị của bản thân mình. “<i>Tường đông ong bướm đi về mặc ai</i>” <p>3. Đánh giá khái quát:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tả người từ khái quát đến cụ thể, tả ngoại hình mà bộc lộ tính cách, dự báo số phận, ngôn ngữ gợi tả, sử dụng hình ảnh ước lệ, thủ pháp đòn bẩy, các biện pháp tu từ, nhân hóa, so sánh, dùng điển tích, điển cố. Tất cả đã làm nổi bật lên hai bức tranh tố nữ với những nét đẹp không hề lặp lại. Nghệ thuật ấy đã tôn lên tài năng của Nguyễn Du trong việc khắc họa chân dung nhân vật. - Qua chân dung chị em Kiều, ta càng mến yêu, trân trọng những người phụ nữ xưa. Dù cuộc sống có trải qua những thăng trầm biến cố song vẻ đẹp của họ luôn khiến ta ngưỡng mộ và yêu thương. <p>III. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá khái quát lại vẻ đẹp của chị em Kiều cũng như tấm lòng và tài năng của Nguyễn Du. - Nêu được cảm xúc của bản thân về hai nhân vật và niềm mong ước của bản thân về cuộc sống và số phận của người phụ nữ trong xã hội ngày nay. 	
--	---	--

ĐỀ SỐ 51

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

Bà hành khát đến ngõ tôi
 Bà tôi cung cúc ra mời vào trong
 Lưng còng đỡ lấy lưng còng
 Thăm hai tiếng gậy tưng trong nắng chiều.
 Nhà nghèo chẳng có bao nhiêu
 Gạo còn hai ống chia đều thảo thơm
 Nhường khách ngồi chiếc chõ rơm.
 Bà ngồi dưới đất mắt buồn ngó xa...
 Lá tre rụng xuống sân nhà
 Thoảng hương nụ với... chiều qua.... cùng chiều.
 (Bà Tôi - Kao Sơn, dẫn theo nguồn <http://baohinhbinh.org.vn>)

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ?

Câu 2 (1,0 điểm). Tìm từ đồng nghĩa với từ ***hành khát***.

Câu 3 (0,5 điểm). Chỉ ra biện pháp tu từ trong câu thơ thứ ba: *Lung còng đỡ lấy lưng còng*

Câu 4 (1,0 điểm). Thái độ ứng xử cảm động chan chứa tình người của người bà trong hai thơ trên đã gợi cho em những suy nghĩ gì?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm).

Niềm tin tạo nên sức mạnh.

Từ ý kiến trên hãy viết đoạn văn ngắn với chủ đề: *Niềm tin trong cuộc sống*

Câu 2 (5,0 điểm).

Cảm nhận về ước nguyện của nhà thơ Thanh Hải trong hai khổ thơ sau:

*Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến.
Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.*

(Trích *Mùa xuân nho nhỏ* - Thanh Hải, Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ: biểu cảm	0,5 điểm
	2	Từ đồng nghĩa với từ "hành khát" là "ăn mày" hoặc "ăn xin"	1,0 điểm
	3	Biện pháp tu từ trong câu thơ "Lung còng đỡ lấy lưng còng" là: (chọn 1 trong 2) - Điệp ngữ: "lưng còng" - Hoán dụ => khắc họa chân dung già nua, nhọc nhằn có phần tội nghiệp của hai người bạn già. Từ "lưng còng" được lặp lại, kết hợp với động từ " đỡ" đã tái hiện một hình ảnh đẹp đẽ, cảm động, ám áp tình người giữa chủ nhà và người hành khát.	0,5 điểm
	4	Thái độ ứng xử cảm động chan chứa tình người của người bà trong bài thơ trên đã gợi cho em những suy nghĩ về tình người, lòng nhân ái của người bà đối với người ăn xin. Đó là nét đẹp tinh thần rất cần phải được trân trọng, nâng niu, giữ gìn và nhân lên.	1,0 điểm
II	1	I. Mở đoạn - Dẫn dắt vấn đề nghị luận: Bàn về vai trò, sức mạnh của niềm tin trong cuộc sống con người. II. Thân đoạn	2,0 điểm

1. Giải thích

– Niềm tin: sự tin tưởng, tin nhiệm vào những điều có thể làm trong cuộc sống dựa trên cơ sở hiện thực nhất định.

– Sức mạnh niềm tin trong cuộc sống là sức mạnh tinh thần, giúp con người làm được những điều mong ước, hoàn thành những dự định.

2. Phân tích, bình luận

a) Vì sao cần có sức mạnh niềm tin trong cuộc đời ?

– Có niềm tin sẽ tạo ra sức mạnh để vượt qua những khó khăn, trắc trở.

– Niềm tin vào bản thân đem lại niềm tin yêu cuộc sống, yêu con người, hi vọng vào những gì tốt đẹp. Niềm tin giúp con người vững vàng, lạc quan và thành công trong cuộc sống.

– Niềm tin vào bản thân giúp con người vượt lên mọi thử thách và trưởng thành: Trong cuộc sống, có biết bao con người không may mắn, họ phải trải qua nhiều khó khăn, thử thách, bất hạnh. Nhưng càng khó khăn, bản lĩnh của họ càng vững vàng. Họ tin vào ý chí, nghị lực, khả năng của bản thân và họ đã vượt lên, chiến thắng tất cả.

– Vì cuộc đời không bao giờ lường hết cho ta những hiểm nguy, cuộc sống của chúng ta luôn trực chờ sự tổn thương nên cần có niềm tin để vượt qua.

– Niềm tin là nền tảng của mọi thành công: Để có được thành công, có cuộc sống tốt đẹp, con người phải biết dựa vào chính bản thân mình chứ không phải dựa vào ai khác, khách quan chỉ là điều kiện tác động, hỗ trợ chứ không phải là yếu tố quyết định thành công.

b) Biểu hiện của sức mạnh niềm tin trong cuộc đời

– Luôn lạc quan, yêu đời, không gục ngã trước bất kì khó khăn, thử thách nào.

– Có ý chí, nghị lực để đối mặt và vượt qua những khó khăn.

– Tỉnh táo để tìm những lời giải cho những bài toán mà cuộc sống đặt ra cho chúng ta. Không rối rắm, mất niềm tin.

– Biết truyền niềm tin, niềm lạc quan cho người khác và cho cộng đồng.

c) Mở rộng

– Tự tin, khiêm tốn, cẩn trọng là những đức tính

	<p>đáng quý của con người. Nó dẫn con người ta đến bến bờ thành công và được mọi người quý trọng. Tuy nhiên, đừng quá tự tin vào bản thân mình mà dẫn đến chủ quan, đừng quá tự tin mà bước sang ranh giới của tự kiêu, tự phụ sẽ thất bại.</p> <p>3. Bài học hành động và liên hệ bản thân</p> <p>– Em có những niềm tin vào bản thân, gia đình và xã hội như thế nào.</p> <p>– Em đã và đang làm gì để thực hiện hóa niềm tin ấy.</p> <p>– Liên hệ bản thân</p> <p>III. Kết đoạn: Khẳng định lại vai trò, tầm quan trọng của niềm tin đối với con người trong cuộc sống.</p>	
2	<p>1. Mở bài:</p> <p>– Giới thiệu qua về tác giả và tác phẩm:</p> <p>– Bài thơ “<i>Mùa xuân nho nhỏ</i>” là một bài thơ hay nó chính là nỗi lòng của tác giả, nói lên ước mơ, khát khao của tác giả Thanh Hải muốn cống hiến sức lực, trí tuệ của mình để xây dựng đất nước.</p> <p>– Đây là bài thơ cuối được tác giả viết năm 1980 khi đang nằm trên giường bệnh trước khi qua đời không lâu.</p> <p><i>Ta làm con chim hót</i> <i>Ta làm một nhành hoa</i> ... <i>Dù là khi tóc bạc</i></p> <p>2. Thân bài:</p> <p>– Phân tích tựa đề của bài thơ là “Mùa xuân nho nhỏ” tác giả cũng đã gửi gắm rất nhiều tình cảm vào đó. Mùa xuân chúng ta sẽ nghĩ nhiều tới những cảnh lộc non đâm chồi xanh biếc, nhiều sức sống, phơi phới niềm tin. Nhưng đi bên cạnh hai từ “mùa xuân” lại là hai từ “nho nhỏ” gọi cho ta những cái gì đó nhỏ bé, giản dị.</p> <p>– Ước mơ được cống hiến, mãi cống hiến, được thấy mình còn có ích, giúp ích cho cuộc đời dù chỉ là một cái gì đó “nho nhỏ”. Dù là tuổi hai mươi trẻ trung, phơi phới, tràn trề năng lượng, nhiệt huyết hay là khi tóc đã điểm hoa râu, đôi chiếc bạc, thân thể đã yếu ớt, cơ bắp và thớ thịt đã không còn cứng chắc, thì ước muốn được cống hiến vẫn còn vẹn nguyên trong tim tác giả.</p> <p>– Tác giả chỉ muốn như “một nốt trầm xao xuyến”</p>	5,0 điểm

	<p>hòa nhập cùng mọi người, hòa ca vào bản nhạc mùa xuân của cuộc đời, của đất nước.</p> <p>– Tác giả nói tới quy luật của cuộc đời của con người là sinh- lão-bệnh-tử. Ai cũng có lúc trẻ trung, rồi già đi “dù là tuổi hai mươi” hay là khi “tóc bạc” thì khát khao cống hiến, cảm thấy mình sống có ích vẫn luôn cháy bỏng trong tim tác giả.</p> <p>– Tác giả hy vọng những ước mơ giản dị, những dâng hiến nhỏ nhoi của mình sẽ được hòa vào biển người rộng lớn ngoài kia cùng chung tay xây dựng vào sự phát triển của tổ quốc, một tổ quốc thiêng liêng.</p> <p>3. Kết bài</p> <p>– Nêu lên cảm nghĩ của mình về bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”.</p> <p>– Khẳng định lại một lần nữa những khát khao, ước muốn trong con tim tác giả gửi tới cuộc đời, một khát khao được sống cống hiến sức mình cho việc xây dựng quê hương đất nước “dù là tuổi hai mươi, dù là khi tóc bạc”.</p>	
--	---	--

ĐỀ SỐ 52

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Học vẫn chỉ là một phần trong quá trình học hỏi mà thôi. Thông qua học hỏi, bạn sẽ đạt được nhiều thứ hơn: hình thành tính cách, mở mang trí tuệ, học cách tôn trọng người khác và khiêm tốn hơn, bởi vì càng học hỏi bạn càng hiểu rằng kho tàng kiến thức là vô tận. Và bạn có thể học hỏi nhiều thứ từ mọi người chung quanh, từ mỗi trải nghiệm, hay những khó khăn, giông tố trong đời.

(Theo *Cho đi là còn mãi*, Azim Jamal & Harvey McKinnon, biên dịch: Huế Phương, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, năm 2017, tr.67-68)

Câu 1. (0.5 điểm) Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích

Câu 2. (1.0 điểm) Tìm một phép liên kết câu, xác định từ ngữ thực hiện phép liên kết ấy được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 3. (1,5 điểm) Trong đoạn trích trên, em hãy chọn một ý kiến và lí giải vì sao em đồng ý hoặc không đồng ý với ý kiến đó.

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Từ nội dung văn bản phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (từ 7 đến 10 câu) trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa của việc không ngừng học hỏi.

Câu 2. (5,0 điểm)

NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI (Trích)

Vắng lặng đến phát sợ. Cây còn lại xơ xác. Đất nóng. Khói đen vật vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì từ xa. Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không?

Chắc có, các anh ấy có những cái ống nhôm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt. Tôi đến gần quả bom. Cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ dõi theo mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ thẳng hoàng mà bước tới.

Quả bom nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Đầu này có vẽ hai vòng tròn màu vàng...

Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Đất rắn. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thanh thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người, cửa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng từ bên trong quả bom. Hoặc là mặt trời nung nóng.

Chị Thao thôi còi. Như thế là đã hai mươi phút qua. Tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi. Dây mìn dài, cong, mềm. Tôi khóa đất rồi chạy lại chỗ ẩn nấp của mình.

Hồi còi thứ hai của chị Thao. Tôi nép người vào bức tường đất, nhìn đồng hồ. Không có gió. Tim tôi cũng đập không rõ. Đường như vật duy nhất vẫn bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung là chiếc kim đồng hồ. Nó chạy, sinh động và nhẹ nhàng, đề lên những con số vĩnh cửu. Còn đằng kia, lửa đang chui bên trong cái dây mìn, chui vào ruột quả bom..

Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ tới cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đứng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi, mằn mằn, cát lạo xạo trong miệng.

Nhưng quả bom nổ. Một thứ tiếng kì quái đến váng óc. Ngực tôi nhói, mắt cay mãi mới mở ra được. Mùi thuốc bom buồn nôn. Ba tiếng nổ nữa tiếp theo. Đất rơi lộp bộp, tan đi âm thầm trong những bụi cây. Mảnh bom xẻ không khí, lao và rít vô hình trên đầu.

(Lê Minh Khuê, theo Ngữ văn 9, tập hai, NXB GDVN, 2017, tr. 117-118)

Cảm nhận về nhân vật Phương Định trong đoạn trích trên. Từ đó lí giải ngắn gọn vì sao chuyện kể về những cô gái thanh niên xung phong được đặt tên là *Những ngôi sao xa xôi*.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: Nghị luận	0,5 điểm
	2	- Phép liên kết câu là phép lặp ở câu 1 và 2 : từ ngữ lặp "học hỏi". - Phép nối ở câu 3, 4 với từ "và". Tác dụng: Nhằm liên kết các câu trong đoạn văn với nhau.	1,0 điểm
	3	Các em có thể lựa chọn các ý sau để phân tích: - Học vẫn chỉ là một phần trong quá trình học hỏi mà thôi. - Thông qua học hỏi, bạn sẽ đạt được nhiều thứ hơn:	1,5 điểm

		<p>hình thành tính cách, mở mang trí tuệ, học cách tôn trọng người khác và khiêm tốn hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Càng học hỏi bạn càng hiểu rằng kho tàng kiến thức là vô tận - Học hỏi nhiều thứ từ mọi người chung quanh, từ mỗi trải nghiệm, hay những khó khăn, giông tố trong đời. 	
II	1	<p>Có thể tham khảo những ý sau đây về ý nghĩa của việc không ngừng học hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Học hỏi là gì?</i> Học hỏi là quá trình bạn tìm kiếm, khám phá những tri thức mới, đặt ra những thắc mắc và tìm sự hỗ trợ hoặc tự mình tìm ra câu trả lời cho những thắc mắc ấy. Không ngừng học hỏi là con đường dẫn đến thành công - <i>Tại sao lại cần phải học hỏi?</i> <ul style="list-style-type: none"> + Học tập sẽ chuẩn bị hành trang thay đổi cuộc đời + Học hỏi giúp xây nên thứ vũ khí hủy diệt + Là cách để ta luôn luôn theo kịp được với thời đại. + Học hỏi để nâng cao hình tượng trong mắt người khác + Học hỏi giúp ta liên hệ đến nhiều thứ, từ đó biết thêm nhiều điều khác nữa. - <i>Ý nghĩa của việc học hỏi:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Mở rộng hiểu biết bản thân, giúp bạn tự tin về mọi mặt trong cuộc sống. + Học hỏi sẽ giúp tâm hồn rộng mở, bắt kịp xu thế của thời đại. + Dễ dàng đạt được sự thành công. - Nếu không học hỏi, nâng cao bản thân, con người sẽ tụt hậu. Mỗi cá nhân tụt hậu sẽ kéo theo sự thoái hóa về nhiều mặt trong xã hội. - Các nguồn để học hỏi: sách vở, từ những người thân, bạn bè, thầy cô, từ trải nghiệm của cá nhân mình, - Phê phán những người lười biếng, tự cao, tự mãn với bản thân. - Liên hệ bản thân: Em đã không ngừng học hỏi hay chưa? Hãy chia sẻ đôi điều về bản thân mình trong chủ đề trên? Phương pháp phân tích, tổng hợp. <p>=> Tóm lại, học hỏi là quá trình giúp bạn hiểu biết nhiều hơn về cuộc đời, và nhờ học hỏi, bạn sẽ hiểu rõ được bản chất ở những vấn đề mà bạn tiếp cận, rút ra được đâu là điều nên làm, đâu là điều không nên</p>	2,0 điểm

	làm, điều nào là tốt, điều nào là xấu,....	
2	<p>I. Mở bài: giới thiệu về nhân vật Phương Định</p> <ul style="list-style-type: none">- Lê Minh Khuê là một nhà thơ nổi tiếng về các tác phẩm ngắn, các tác phẩm của bà luôn mang một vẻ tươi sáng, một niềm mong ước tươi đẹp. Các tác phẩm tiêu biểu của Lê Minh khuê như: Cao điểm mùa hạ, Đoạn kết, Một chiều xa thành phố, Tôi đã không quên, Bi kịch nhỏ, Trong làn gió heo may, Màu xanh man trá, Những dòng sông, Buổi chiều, Con mưa, Một mình qua đường, Những ngôi sao, Trái đất, Dòng, Nhiệt đới gió mùa,....- Trong những tác phẩm của bà, có một tác phẩm tôi rất thích đó là <i>Những ngôi sao xa xôi</i> và nhân vật Trương Định là một hình tượng của cả truyện. <p>II. Thân bài:</p> <p>1. Giới thiệu tác phẩm <i>Những ngôi sao xa xôi</i>:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tác phẩm nói về 3 cô thanh niên xung phong- Nhiệm vụ của các cô là phá bom trong thời kì chống Mỹ- Dù công việc của họ rất khó khăn nguy hiểm nhưng họ vẫn lạc quan và yêu đời- Nêu cao tinh thần đồng đội và yêu nước <p>2. Nhân vật Phương Định trong truyện:</p> <p>a. Trước khi đi làm nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Cô là một cô gái thành phố nhưng mong muốn mặc quân phục vì cho đó là bộ đồ đẹp nhất- Cô thuộc rất nhiều bài hát và hay hát- Cô rất hay mơ mộng và nghĩ vẩn vơ <p>b. Khi vào quân ngũ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Cô làm quen với quân ngũ và sự căng thẳng hằng ngày- Cô cho rằng mỗi ngày là một thử thách- Cô làm công việc của mình một cách thuần thục và nhanh chóng, nhanh gọn- Cô không quan tâm đến tính mạng của mình, chỉ nghĩ đến có gỡ được bom không <p>c. Tình cảm của cô đối với đồng đội:</p> <ul style="list-style-type: none">- Cô yêu thương Nho- Dành tình cảm quý mến và tôn trọng chị Thao- Cô chăm sóc đồng đội rất nhiệt tình và chu đáo- Cô thích mưa và trở nên trẻ con khi gặp mưa- Một người sống tình cảm <p>III. Kết bài: Nêu cảm nghĩ của em về nhân vật Phương Định: Phương Định, một hình tượng đẹp, có</p>	5,0 điểm

		ý nghĩa tiêu biểu về người thanh niên Việt Nam trong sự nghiệp chiến đấu bảo vệ tổ quốc với sự lạc quan, yêu đời.	
--	--	---	--

ĐỀ SỐ 53

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

HỌA SĨ TÀI GIỎI NHẤT

Thuở trước, ở một thành phố nọ, người ta tổ chức cuộc thi họa sĩ tài giỏi. Rất đông họa sĩ đua tài, trưng bày những bức tranh đẹp của mình cho một ban giám khảo tình tường xem xét. Cuộc thi đi đến hồi kết thì ban giám khảo lúng túng. Trước mắt họ chỉ còn lại hai tranh của hai họa sĩ bậc thầy. Ban giám khảo hết nhìn tranh lại thì thảo bàn thảo với nhau, cố tìm ra những khiếm khuyết của từng bức để quyết định ai là người tài giỏi nhất. Nhưng dù đã hết sức cố gắng hay giám khảo vẫn không thấy bức tranh nào có khiếm khuyết điểm gì.

Có một nhà hiền triết đi ngang qua thấy vậy, nói với ban giám khảo là ông sẽ giúp đỡ họ.

Nhà hiền triết đến bên hai họa sĩ và nói:

- Thưa hai ngài, bức tranh của hai ngài rất đẹp, nhưng thú thực là ban giám khảo cũng như tôi không thấy chúng có khiếm khuyết gì, vì thế xin hai ngài hãy nhìn kỹ lại tranh của mình rồi nói cho tôi biết về những khiếm khuyết của chúng.

Sau một hồi lâu nhìn ngắm tranh của mình, vị họa sĩ thứ nhất thẳng thắn trả lời:

- Thưa tiên sinh, ngắm đi ngắm lại bức tranh của mình tôi vẫn không thấy nó bị khuyết thiếu gì.

Vị họa sĩ thứ hai thì đứng im.

- Chắc ngài cũng không thấy tranh của mình có khiếm khuyết? - nhà hiền triết hỏi.
- Thưa không phải, chỉ là tôi đang không biết cần bắt đầu từ khiếm khuyết nào - vị họa sĩ bối rối trả lời trung thực.
- Ngài đã thắng cuộc thi - nhà hiền triết mỉm cười nói.

Mọi người ô lên:

- Sao thế được? Giải thưởng trao cho người thấy tranh của mình còn nhiều khiếm khuyết là sao?

Nhà hiền triết từ tốn giải thích:

"..."

(Theo Pritchett in, Ngân Xuyên dịch)

Câu 1. (1,0 điểm)

Xác định thể loại và chỉ ra phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2. (1,0 điểm)

Trong văn bản trên, em hãy:

- a. Tìm một câu có lời dẫn gián tiếp và chuyển thành câu có lời dẫn trực tiếp.
- b. Tìm một câu có lời dẫn trực tiếp và chuyển thành câu có lời dẫn gián tiếp.

Câu 3. (1,0 điểm)

Em hãy sáng tạo lời giải thích của nhà hiền triết để hoàn chỉnh văn bản trên.

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Viết một bài văn ngắn khoảng một trang giấy thi, trình bày suy nghĩ về vấn đề được gợi ra từ lời giải thích của nhà hiền triết mà em sáng tạo ở câu 3 phần Đọc hiểu.

Câu 2. (5,0 điểm)

Phân tích sự thay đổi tâm trạng của bé Thu trong đoạn trích sau:

(...) Trong bữa cơm đó, anh Sáu gấp một cái trứng cá to vàng để vào chén nó. Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả mâm. Giận quá và không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên:

- Sao mày cứng đầu quá vậy hả?

Tôi tưởng con bé sẽ lăn ra khóc, sẽ giãy, sẽ đạp đổ cả mâm cơm, hoặc sẽ chạy vụt đi. Nhưng không, nó ngồi im, đầu cúi gằm xuống. Nghĩ thế nào mà nó cầm đũa, gấp lại cái trứng cá để vào chén rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm. Xuống bến, nó nhảy xuống xuống, mở lời tới cổ làm cho dây lòi tới khua rỏ rảng, khua thật to, rồi lấy đầm bơi qua sông. Nó sang qua nhà nhà ngoại, mét với ngoại và khóc ở bên ấy. Chiều đó, mẹ nó sang dỗ dành mấy nó cũng không về.

Và:

(...) Trong lúc đó, nó vẫn ôm chặt lấy ba nó. Không ghìm được xúc động và không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con:

- Ba đi rồi ba về với con

- Không! – Con bé hét lên, hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run. Nhìn cảnh ấy bà con xung quanh có người không cầm được nước mắt, còn tôi bỗng thấy khó thở như có bàn tay a nắm lấy trái tim tôi.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	- Đoạn trích trên thuộc thể loại truyện ngắn - Phương thức biểu đạt chính: tự sự	1,0 điểm
	2	<i>a. Câu có lời dẫn gián tiếp:</i> Có một nhà hiền triết đi ngang qua thấy vậy, nói với ban giám khảo là ông sẽ giúp đỡ họ. => Chuyển thành câu có lời dẫn trực tiếp: Có nhà hiền triết đi ngang qua thấy vậy, bèn nói với ban giám khảo: - Tôi sẽ giúp các vị tìm ra người chiến thắng. <i>b. Câu có lời dẫn trực tiếp:</i> - Chắc ngài cũng thấy bức tranh của mình có khiếm khuyết? - nhà hiền triết hỏi: => Chuyển thành câu có lời dẫn gián tiếp: Nhà hiền triết quay sang hỏi người họa sĩ thứ hai xem có thấy khuyết điểm nào không	1,0 điểm
	3	Trong câu trả lời của học sinh phải nêu được ý: người thấy mình không có khuyết điểm là người không làm gì, tự mãn với những gì mình có. Chỉ có những người nhận ra khuyết điểm của mình, biết sửa chữa nó mới là những người thành công, tài năng thật sự. Ví dụ: Chỉ có hai loại người không có khuyết điểm, đó là những người chưa sinh ra và những người đã chết. Người không có khuyết điểm là người không làm được gì.	1,0 điểm
II	1	1. Giải thích: Vị hiền triết chọn người họa sĩ thứ hai là người chiến thắng vì người nghệ sĩ ấy biết nhận ra những khiếm khuyết của mình => Vấn đề nghị luận biết nhận ra những yếu điểm của mình để tự khắc phục, nâng cao khả năng của bản thân, 2. Bàn luận <i>* Vì sao nhận ra khuyết điểm của bản thân lại quan trọng?</i> - Con người không có ai là hoàn hảo, nhận ra khuyết điểm của mình là có ý thức về bản thân, biết làm gì để khắc phục những khiếm khuyết đó. - Chỉ khi nhận ra được khuyết điểm của bản thân, chúng ta mới có ý chí vươn lên, vượt qua những vết xe đổ đổ.	2,0 điểm

	<p>- Con người ta lớn lên từ những thất bại chứ không phải từ con đường trải đầy hoa hồng của thành công. <i>* Biểu hiện những người ưu tú nhất là những người biết nhận ra khiếm khuyết của mình và sửa chữa nó.</i></p> <p>- Mỗi người có một hạn chế riêng, ngay cả trong lĩnh vực tâm đắc nhất của bản thân vẫn có những điểm chưa thật hài lòng.</p> <p>- Nhận ra và sửa chữa những thiếu sót đó là quá trình chúng ta nhận thức thêm nhiều điều mới mẻ, tích lũy cho mình những kinh nghiệm mới, tự phát triển và hoàn thiện bản thân.</p> <p>- Khi không thấy bản thân có khuyết điểm gì, nghĩa là không có ý thức tự phản vấn, không thấy con đường phát triển ở bậc cao hơn. (Có dẫn chứng chứng minh)</p> <p><i>*Đúc kết vấn đề</i></p> <p>- Tự nhận ra khuyết điểm của mình để sửa chữa là điều tốt nhưng không phải lúc nào mình cũng thiếu sót. Có những điều bản thân thực sự đạt đến mức độ tuyệt đối, phải tự tin vào bản thân mình để không bỏ lỡ những cơ hội quý giá.</p> <p>3. Bài học hành động và liên hệ bản thân .</p> <p>- Em nhận ra những khiếm khuyết nào của bản thân.</p> <p>- Em khắc phục nó ra sao?</p>	
2	<p>I. Mở bài</p> <p>- Giới thiệu về tác giả Nguyễn Quang Sáng, hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm “Chiếc lược ngà”.</p> <p>- Giới thiệu về nhân vật bé Thu, giới thiệu 2 đoạn trích.</p> <p>II. Thân bài</p> <p>1. Giới thiệu khái quát về hoàn cảnh của hai cha con: Anh Sáu đi kháng chiến chống Pháp từ khi đứa con duy nhất của anh chưa đầy một tuổi. Từ đó hai ba con chưa hề gặp lại nhau, cho đến khi anh được nghỉ phép ba ngày, anh đã trở về thăm gia đình, nhưng đứa con gái tám tuổi không chịu nhận ba.</p> <p>Đoạn 1:</p> <p>- Tính cách rắn rỏi, bướng bỉnh, ngang bướng rất trẻ con của bé Thu được thể hiện trong đoạn văn thứ nhất: "Trong bữa cơm đó.... nó cũng không về".</p> <p>+ Hất đồ cả chén cơm khi anh Sáu gấp cho nó cái trứng cá. Bị ba đánh, tưởng đâu “con bé sẽ lăn ra khóc, sẽ giãy, sẽ đập đồ cả mâm cơm, hoặc sẽ chạy vụt đi. Nhưng không, nó ngồi im, đầu cúi gằm</p>	5,0 điểm

xuống. Nghĩ thế nào nó cầm dừa, gấp lại cái trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng đây, bước ra khỏi mâm.” => Hình ảnh một đứa trẻ gan góc, lì lợm.

+ "Nhảy xuống xuống, mở lòi tôi có làm cho dây lòi tôi khua rộn ràng, khua thật to" => tính cách trẻ con, hình ảnh của một đứa trẻ lúc giận dữ được khắc họa rất tinh tế với chỉ một chi tiết nhỏ.

+ "Nó sang nhà bà ngoại và khóc ở bên đây" => dù gan lì và bướng bỉnh nhưng bởi Thu vẫn còn là một đứa trẻ nên vẫn có những hành động mềm nheo khóc nhè.

=> Bè Thu là một đứa bé gan góc, có cá tính mạnh mẽ, thà sang nhà ngoại khóc thật to nhưng khi đứng trước mặt ông Sáu - người mà bé đang căm ghét thì lằm lằm, im lặng trông như nét hờn dỗi của người lớn. Nhưng suy cho cùng, Thu vẫn là một đứa bé nên vẫn có những hành động trẻ con để thể hiện nỗi bức dọc của mình. Bên cạnh đó, hành động quyết liệt của bé Thu cũng thể hiện tình yêu thương cha mãnh liệt, bé kiên quyết cự tuyệt ông Sáu vì ông không giống bức hình trong ảnh, trên mặt ông có vết sẹo dài. Chính yếu tố đó vừa thể hiện tình yêu thương cha vừa thể hiện cá tính mạnh mẽ của bé Thu.

=> Nguyễn Quang Sáng đã rất tinh tế, tài tình khi khắc họa được hình ảnh của bé Thu đa chiều và sâu sắc như thế chỉ trong một hành động nhỏ.

Đoạn 2:

- Tình yêu thương ba vô bờ bên được thể hiện ở đoạn văn thứ hai "Trong lúc đó... nắm lấy trái tim tôi"

+ Bé Thu bướng bỉnh bao nhiêu, lì lợm gan góc bao nhiêu thì lại bởi bé thương ba của mình bấy nhiêu: "Con bé hét lên, hai tay nó siết lấy chặt cô....và đôi vai nhỏ bé của nó run run"

=> Những cái ôm như cố gắng để chặt nhất có thể, như để bù đắp cho những tháng ngày xa lánh ba của mình, những cái ôm cuối cùng như để lấp đi tất thảy những khoảng trống của tình ba – con trong những ngày tháng vừa qua.

=> Đoạn văn là những gì xúc động nhất, sâu lắng nhất về tình cảm mà bé Thu dành cho ba của mình.

2. Hai đoạn văn đã cho thấy được sự thay đổi trong tâm lý của nhân vật bé Thu đối với người cha của mình. Nếu như đoạn trên, bé Thu xa lánh, với ba mình bao nhiêu thì đoạn 2 lại thấy được sự

		<p>gần gũi không còn khoảng trống của tình cảm mà Thu dành cho người ba của mình. Đoạn 1 bé Thu lì lợm bướng bỉnh bao nhiêu thì đoạn 2, bé Thu lại trở nên nhẹ nhàng, tình cảm bấy nhiêu</p> <p>3. Đánh giá chung: Hai đoạn trích cũng cho thấy được sự tài tình trong miêu tả diễn biến tâm lý nhân vật, đặc biệt là tâm lý của trẻ con của nhà văn: tinh tế, sâu sắc.</p> <p>III. Kết bài</p> <p>Khái quát suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về nhân vật bé Thu và truyện ngắn Chiếc lược ngà</p>	
--	--	---	--

ĐỀ SỐ 54

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu bên dưới

Nhờ các bạn thân mà ta mở rộng chân trời của ta được, khi giao du với họ mà kinh nghiệm của ta tăng tiến là lúc đó cá tính của ta mạnh mẽ và vững rồi đấy.

Hết thấy chúng ta đều có một cái gì để tặng bằng hữu, dù chỉ là một nét đặc biệt của cá tính ta, một quan niệm độc đáo về đời sống hoặc cái tài kể chuyện vui. Tiếp xúc với nhiều bạn bè, tâm hồn ta phong phú lên, rồi làm cho tâm hồn những bạn sau này của ta cũng phong phú lên.

(Trích “*Tìm thêm bạn mới*”, Ý cao tình đẹp - Nguyễn Hiến Lê dịch, NXB Trẻ, 2004, tr.115)

Câu 1. (0,5 điểm) Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2. (0,5 điểm) Xác định một phép liên kết và chỉ ra từ ngữ thực hiện phép liên kết ấy trong đoạn văn: “Hết thầy chúng ta đều có một cái gì để tặng bằng hữu, dù chỉ là một nét đặc biệt của cá tính ta, một quan niệm độc đáo về đời sống hoặc cái tài kể chuyện vui. Tiếp xúc với nhiều bạn bè, tâm hồn ta phong phú lên, rồi làm cho tâm hồn những bạn sau này của ta cũng phong phú lên”.

Câu 3. (1,0 điểm) Theo tác giả, chúng ta có thể tặng bằng hữu những gì?

Câu 4. (1,0 điểm) Em có đồng ý với ý kiến: “*Nhờ các bạn thân mà ta mở rộng chân trời của ta được*”? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết đoạn văn nghị luận (200 chữ) trình bày suy nghĩ về *tình bạn tuổi học trò*.

Câu 2. (5,0 điểm) Cảm nhận hai đoạn thơ sau:

*Ngày xuân con én đưa thoi
Thiều quan chín chục đã ngoài sáu mươi
Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*

(Trích “*Cảnh ngày xuân*” - *Truyện Kiều*, Nguyễn Du, *Ngữ văn 9, tập 1*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018, Tr.84)

*Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân,
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung.
Bốn bề bát ngát xa trông,
Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia.*

(Trích “*Kiều ở lầu Ngưng Bích*” - *Truyện Kiều*, Nguyễn Du, *Ngữ văn 9, tập 1*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018, Tr.93)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: nghị luận	0,5 điểm
	2	Phép liên kết thế: bằng hữu - bạn bè	0,5 điểm
	3	Theo tác giả, chúng ta có thể tặng bằng hữu hết thầy mọi thứ	1,0 điểm
	4	Đồng ý Vì: - Tình bạn giúp ta mở mang kiến thức - Tình bạn giúp bản thân ta cởi mở, biết chia sẻ buồn vui. - Tạo những mối quan hệ sau này trong cuộc sống.	1,0 điểm
II	1	1. Mở đoạn Cuộc đời học sinh thật đẹp với biết bao kỷ niệm	2,0 điểm

buồn vui, và tình bạn tuổi học trò vẫn luôn đẹp biết mấy

2. Thân đoạn

**. Tình bạn là gì?*

Tình bạn là tình cảm của một người biết quan tâm, giúp đỡ, đồng cảm, một người mình có thể tin tưởng để chia sẻ những niềm vui, nỗi buồn.

Tình bạn là điều không thể thiếu với mỗi người, nhất là ở lứa tuổi học trò. Bạn bè là người ta có thể chia sẻ mọi chuyện buồn vui, những thăng trầm trong cuộc sống.

Tình bạn tuổi học trò là thứ rất trong sáng, đẹp đẽ.

**. Biểu hiện của tình bạn tuổi học trò*

- Nêu dẫn chứng về tình bạn tuổi học trò: đôi bạn cùng tiến, giúp nhau vượt qua khó khăn: Ta có những người bạn thân thiết cùng giúp nhau học tập, mỗi người học hỏi từ bạn bè những cách sống tốt, những điều hay lẽ phải để hoàn thiện bản thân mình hơn. Thật

**. Làm thế nào để có một tình bạn tuổi học trò đáng nhớ*

- Phải tin bạn, không lừa dối, không vụ lợi
- Thông cảm, chia sẻ khó khăn với bạn
- Đồng cảm với bạn bất cứ chuyện vui buồn, khó khăn
- Rộng lượng tha thứ những lỗi lầm của bạn
- Gắn bó tình bạn thân thiết với tập thể, không chia rẽ khỏi tập thể.
- Phê bình sai lầm giúp bạn sửa sai, tình bạn ngày tốt hơn
- Nể nang, che giấu điều xấu của bạn sẽ làm bạn chậm tiến và tình bạn chậm phát triển.

**. Phê phán tình bạn xấu*

- Dùng tình bạn để trục lợi, ta chơi thật lòng, nhưng họ lại lừa rồi ta vu lợi.
- Lôi kéo ta theo con đường sai trái. Dù ta bỏ học, tập hút thuốc lá, trộm tiền của cha mẹ, ăn cắp xung quanh.
- Dân gian ta có câu: “ giàu vì bạn”, “ nghèo vì bạn”

3. Kết đoạn

- Nêu ý nghĩa về tình bạn: Tình bạn tuổi học đường là tình bạn hồn nhiên, đẹp đẽ, và trong sáng nhất. Mỗi người hãy xây dựng cho mình một tình

	<p>bạn đẹp để động viên, giúp đỡ nhau trong học tập và cuộc sống.</p> <p>- Liên hệ bản thân</p>	
2	<p>I. Mở bài</p> <p>- Giới thiệu tác giả Nguyễn Du và 2 đoạn trích</p> <p>II. Thân bài</p> <p>1. Khái quát về đoạn trích Cảnh ngày xuân</p> <p>- Đoạn thơ Cảnh ngày xuân là một bức tranh thiên nhiên tả cảnh mùa xuân đẹp với một không khí lễ hội rộn ràng và tung bừng</p> <p>- Cảnh mùa xuân được Nguyễn Du tả theo trình tự không gian và thời gian.</p> <p>+ Không gian khoáng đạt: cảnh ngày xuân trong trẻo, tinh khôi và tràn đầy sức sống.</p> <p>+ Không gian trên trời</p> <p>+ Chim én đưa thoi</p> <p>+ Không gian dưới mặt đất</p> <p>Màu cỏ non xanh rợn đến chân trời: gợi lên không gian khoáng đạt.</p> <p>Cảnh lê trắng: gợi sự thanh khiết, trong trẻo.</p> <p>Thời gian: thời điểm của tiết Thanh minh</p> <p>Thiều quang chín chục, đã ngoài sáu mươi</p> <p>-> Gợi ra không gian, thời gian: sắc xuân thắm nồng, hội xuân tươi vui và tình xuân ấm áp.</p> <p>2. Khái quát về đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích</p> <p>– Đây là tâm trạng của Kiều những ngày đầu ở lầu Ngưng Bích, một tâm trạng sống không bằng chết, cô đơn chán nản cuộc đời và mất lòng tin ở con người.</p> <p>“Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung Bốn bề bát ngát xa trông Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia”</p> <p>- Mở đầu đoạn trích, Nguyễn Du viết: Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân. Khóa xuân để chỉ người con gái đẹp bị cầm cung. Kiều ra lầu Ngưng Bích sau khi đã bị Mã Giám Sinh phá đời thiếu nữ, định tự tử mà không chết được. Thực chất là nàng đang bị giam lỏng. Vì vậy, khóa xuân ở đây có ý nghĩa mỉa mai, nói lên cảnh ngộ trơ trẽn, bất bình thường của nàng Kiều. Vừa bị lừa vừa bị mắng, vừa tự tử không thành, lại vừa bị giam lỏng. Kiều cảm thấy rất cô đơn, buồn tủi.</p>	5,0 điểm

	<p>- Cảnh thiên nhiên quanh lầu Ngưng Bích là cảnh núi xa, cảnh trăng sáng, cồn cát vàng, bụi đỏ bốc lên hàng dặm. Cảnh vật được miêu tả rất rộng lớn, bát ngát, và đã góp phần bộc lộ tâm trạng cô đơn, buồn tủi, ngồn ngộn của Thúy Kiều.</p> <p>=> Thiên nhiên trong 4 câu thơ đầu được miêu tả hoang vắng, bao la đến rợn ngợp. Ngồi trên lầu cao, nhìn phía trước là núi non trùng điệp, ngẩng lên phía trên là vầng trăng như sắp chạm đầu, nhìn xuống phía dưới là những đoạn cát vàng trải dài vô tận, lác đác như bụi hồng nhỏ bé như cànô tô đậm thêm cuộc sống cô đơn, lẻ loi của nàng.</p> <p>3. Nhận xét chung</p> <p>- Nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật: diễn biến tâm trạng được thể hiện qua ngôn ngữ độc thoại và tả cảnh ngụ tình đặc sắc. Lựa chọn từ ngữ, sử dụng các biện pháp tu từ.</p> <p>- Đoạn trích thể hiện tâm trạng cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Thúy Kiều.</p> <p>III. Kết bài</p> <p>Nêu cảm nhận chung của em.</p>	
--	---	--

ĐỀ SỐ 55

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

(1) *Cây dừa xanh toả nhiều tàu
Dang tay đón gió, gật đầu gọi trăng
Thân dừa bạc phéch tháng năm
Quả dừa – đàn lợn con nằm trên cao*

(2) *Đêm hè hoa nở cùng sao
Tàu dừa – chiếc lược chải vào mây xanh
Ai mang nước ngọt, nước lành
Ai đeo bao hũ rượu quanh cổ dừa...*

(Trích *Cây dừa* - Trần Đăng Khoa - Nguồn: <https://www.thivien.net>)

Câu 1 (1,0 điểm). Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ gì?

Câu 2 (1,0 điểm). Phân tích ý nghĩa của hai biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ (1).

Câu 3 (1,0 điểm). Chép lại câu thơ có sử dụng thành phần biệt lập trong khổ (2) và cho biết đó là thành phần biệt lập gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm).

Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bày tỏ ý kiến của em về *tầm quan trọng của việc đọc sách*.

Câu 2 (5,0 điểm).

Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Hai (trong truyện ngắn Làng của nhà văn Kim Lân) khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ lục bát.	1,0 điểm
	2	<p>Hai biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ (1) là: nhân hóa, so sánh</p> <p>– Phép nhân hoá được sử dụng trong các từ ngữ: <i>Dang tay đón gió; gật đầu gọi trăng</i>. Các từ ngữ này có tác dụng làm cho vật vô tri là cây dừa cũng có những biểu hiện tình cảm như con người. Dừa cũng mở rộng vòng tay đón gió, cũng gật đầu mời gọi trăng lên. Qua cách nói nhân hoá, cảnh vật trở nên sống động, có đường nét, hình khối, có hồn và có sức gợi tả, gợi cảm cao.</p> <p>– Phép so sánh được thể hiện trong các từ ngữ: quả dừa (giống như) đàn lợn con; tàu dừa (giống như) chiếc lược. Cách so sánh ở đây khá bất ngờ, thú vị, thể hiện sự liên tưởng, tưởng tượng phong phú của tác giả. Cách so sánh này cũng có tác dụng làm cho cảnh vật trở nên sống động, có đường nét, có hình khối, có sức gợi tả, gợi cảm cao.</p>	1,0 điểm
	3	<p>Câu thơ có sử dụng thành phần biệt lập trong khổ (2):</p> <p><i>Tàu dừa – chiếc lược chải vào mây xanh</i></p> <p>Thành phần phụ chú: - <i>chiếc lược chải vào mây xanh</i></p>	1,0 điểm
II	1	<p>I. Mở đoạn</p> <p>- Nhà văn M. Gorki đã nói: “Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới”. Câu nói khẳng định vai trò quan trọng của sách đối với việc nâng cao tri thức của con người.</p> <p>II. Thân đoạn</p> <p>1. Giải thích</p> <p>- Sách là một bản in bằng giấy có nội dung rất phong phú, được phân loại theo thể loại, lĩnh vực, độ tuổi, sở thích của từng đối tượng, được in với nhiều thứ tiếng, nhiều ngôn ngữ khác nhau và có thể mang đến bất kì đâu trên thế giới.</p> <p>2. Bàn luận</p> <p>a) Vai trò của sách:</p> <p>- Sách cung cấp cho con người những hiểu biết, những tri thức về mọi lĩnh vực của đời sống, vượt thời gian và vượt không gian.</p>	2,0 điểm

	<p>- Sách là phương tiện để ta có thể giao tiếp: giao tiếp với tác giả, với độc giả bao thế hệ để từ đó tự rèn luyện mình.</p> <p>- Sách giúp con người vươn tới những ước mơ, khát vọng; giáo dục tình cảm, đạo đức; giáo dục ý thức thẩm mỹ...</p> <p>- Nếu thiếu sách, cuộc sống con người sẽ rơi vào tăm tối, không có ánh sáng của tri thức, con người trở nên lạc hậu.</p> <p>b) Làm thế nào để đọc sách hiệu quả?</p> <p>- Cần biết chọn sách và đọc sách:</p> <p>+ Chọn sách theo mục đích sử dụng, tuy nhiên sách phải có nội dung lành mạnh, tích cực.</p> <p>+ Đọc sách phải có tư duy phản biện, tránh bị chìm đắm trong thế giới mà sách tạo nên, dẫn đến xa rời thực tế, tránh sa vào lí thuyết suông.</p> <p>c) Mở rộng, phản đề:</p> <p>- Cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, văn hoá đọc đang bị văn hoá nghe nhìn lấn át. Nhiều bạn trẻ đã đánh mất thói quen đọc sách. Đây là một hiện tượng rất đáng lo ngại bởi nếu không chịu khó đọc sách, con người sẽ trở nên hời hợt, thiếu tư duy tưởng tượng và thiếu trải nghiệm cần thiết.</p> <p>3. Bài học nhận thức và hành động</p> <p>- Nhận thức được vai trò của sách, bản thân đã rèn luyện cho mình thói quen đọc sách, đọc để tích lũy kiến thức, đọc để hiểu biết hơn về cuộc sống.</p> <p>III. Kết đoạn</p> <p>- Chẳng lẽ con người vẫn còn nhu cầu nhận thức về thế giới và thưởng thức vẻ đẹp của trí tuệ, chẳng lẽ loài người còn biết đề cao văn hóa và các giá trị tinh thần, thì chẳng lẽ sách vẫn còn là một công cụ hữu hiệu và vô giá trong công cuộc khai hóa nền văn minh.</p>	
2	<p>I. Mở bài</p> <p>- Giới thiệu tác giả Kim Lân và truyện ngắn <i>Làng</i>:</p> <p>+ Nhà văn Kim Lân là nhà văn chuyên viết truyện ngắn, ông vốn am hiểu và gắn bó sâu rộng với cuộc sống nông thôn, <i>Làng</i> là truyện ngắn xuất sắc của ông.</p> <p>+ Dẫn dắt nội dung nghị luận: diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai trong truyện ngắn <i>Làng</i> của Kim Lân.</p> <p>II. Thân bài</p>	5,0 điểm

1. Khái quát về nhân vật và tình huống nảy sinh sự chuyển biến tâm trạng của ông Hai

- Nhân vật ông Hai người nông dân yêu, tự hào về làng, mọi niềm vui, nỗi buồn của ông đều xoay quanh chuyện làng chợ Dầu.

+ Ở nơi tản cư ông luôn nhớ về làng, khoe làng của mình với mọi người.

- Nhân vật được đặt trong tình huống ngặt nghèo có tính thử thách để nhân vật bộc lộ tâm trạng, tình yêu làng của mình: ở nơi tản cư, ông Hai nghe tin làng chợ Dầu theo giặc làm Việt gian.

2. Phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai

- Khi đang vui mừng tin thắng trận ở khắp nơi thì ông Hai nghe tin dữ: làng chợ Dầu theo giặc làm Việt gian, ông bất ngờ, choáng váng (Cổ ông nghẹn ắng lại như không thở được).

- Ông cố trấn tĩnh bản thân, ông hỏi lại như thể không tin vào những điều vừa nghe thấy nhưng người phụ nữ tản cư khẳng định chắc chắn khiến ông Hai sững sờ, ngượng ngùng, xấu hổ (ông cố làm ra vẻ bình thản, đánh trống lảng ra về).

+ Cổ ông lão nghẹn ắng lại, da mặt tê rân rân ông lão lặng đi tưởng như không thở được.

- Về tới nhà ông tủi hổ, lo lắng khi thấy đàn con (nước mắt lão cứ dàn ra, chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư?)

+ Niềm tin, sự ngờ vực giằng xé mạnh trong tâm trạng ông Hai

- Nghe thấy tiếng chửi bọn Việt gian “ông cúi gằm mặt xuống mà đi”, nỗi tủi hổ khiến ông không dám lộ mặt ra ngoài

+ Lúc nào cũng nơm nớp lo sợ, thấy đám đông tụ tập nhắc tới hai chữ Cam nhông, Việt gian ông lại chột dạ.

→ Tác giả diễn đạt cụ thể nỗi lo lắng, sợ hãi tới mức ám ảnh thường xuyên của ông Hai, trong tâm trạng ông lúc nào cũng thường trực nỗi đau xót, tủi hổ trước tin làng mình theo giặc.

- Tình yêu làng quê và tình yêu làng trong ông có cuộc xung đột lớn, gay gắt. Ông Hai dứt khoát chọn theo cách mạng “Làng yêu thì yêu thật, nhưng làng theo giặc thì phải thù”.

+ Tình yêu nước rộng lớn bao trùm lên tình yêu làng, dù xác định như thế nhưng trong lòng ông vẫn

	<p>chan chứa nỗi xót xa, tủi hổ.</p> <p>+ Ông Hai tiếp tục rơi vào bế tắc, tuyệt vọng khi chủ nhà đánh tiếng đuổi gia đình ông đi nơi khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn văn diễn tả cảm động, chân thật nỗi đau sâu xa trong lòng và sự chân thành của nhân vật ông Hai - Ông Hai chỉ biết tâm sự nỗi lòng mình với đứa con chưa hiểu sự đời. Lời nói của ông với con thực chất là lời nói để ông tỏ lòng mình: nỗi nhớ, tình yêu làng, sự thủy chung với kháng chiến, cách mạng - Khi nghe tin cải chính, ông Hai như sống lại, mọi nỗi xót xa, tủi hờn, đau đớn tan biến, thay vào đó là niềm hân hoan, hạnh phúc hiện lên trên khuôn mặt, cử chỉ, điệu cười của ông (dẫn chứng trong văn bản) <p>3. Thành công nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt tâm trạng nhân vật vào tình huống thử thách để khai thác chiều sâu tâm trạng - Thể hiện tâm trạng nhân vật tài tình, cụ thể qua ngôn ngữ đối thoại, độc thoại, và độc thoại nội tâm qua ý nghĩ, hành vi, cử chỉ. <p>+ Ngôn ngữ đậm chất khẩu ngữ và lời ăn tiếng nói của người nông dân, và thế giới tinh thần của người nông dân.</p> <p>III. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tâm trạng nhân vật ông Hai được thể hiện qua nhiều cung bậc tinh tế, chân thật, đa dạng: diễn tả đúng, gây ấn tượng mạnh mẽ về sự ám ảnh, day dứt trong tâm trạng nhân vật. - Ông Hai người yêu làng mạnh mẽ, say sưa, hãnh diện thành thói quen khoe làng, qua tình huống thử thách tình cảm đó càng trở nên sâu sắc hơn. - Chứng tỏ Kim Lân am hiểu sâu sắc về người nông dân và thế giới tinh thần của họ. 	
--	---	--

ĐỀ SỐ 56

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc kĩ ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu biên dưới:

Âm nhạc là phương tiện chuyển tới cảm xúc tuyệt vời nhất, trọn vẹn nhất, giúp chúng ta cảm nhận được từng ngõ ngách sâu thẳm nhất của tâm hồn [...] Âm nhạc là chất xúc tác lãng mạn, thi vị làm khuấy động xúc cảm. Thử hình dung những thước phim lãng mạn sẽ buồn tẻ, vô hồn đến nhường nào nếu không có giai điệu của những bản tình ca. Có một câu nói mà tôi rất tâm đắc "từng nốt nhạc chạm vào da thịt tôi, vuốt ve xoa dịu nỗi cô đơn tưởng như đá hóa thạch trong tâm hồn". Âm nhạc là một người bạn thủy chung, biết chia sẻ. Khi buồn, nó là liều thuốc xoa dịu nỗi sầu, làm tâm hồn nhẹ nhàng, thanh thản. Khi vui, nó lại là chất xúc tác màu hồng tô vẽ cảm xúc, giúp ta cảm nhận sâu sắc hơn vẻ đẹp của cuộc sống

(Dr Bernie S Siegel, Quà tặng cuộc sống, biên dịch Thu Quỳnh -Hạnh Nguyên, NXHTH TP HCM, tr. 11)

Câu 1: (0,5 điểm)

Xác định phương thức biểu đạt chính của ngữ liệu trên

Câu 2: (0,5 điểm)

Đặt một nhan đề phù hợp cho ngữ liệu:

Câu 3: (1,0 điểm)

Chỉ rõ hai phép liên kết về hình thức có trong ngữ liệu.

Câu 4: (1,0 điểm)

Xác định và nêu ngắn gọn tác dụng của biện pháp tu từ từ vựng trong câu : Âm nhạc là một người bạn thủy chung, biết chia sẻ.

II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Viết một đoạn văn nghị luận (200 chữ) bàn về ý nghĩa của tinh thần lạc quan đối với cuộc sống của mỗi người.

Câu 2: (5 điểm)

Cảm nhận của em về vẻ đẹp của đoạn trích sau:

Tôi hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó – buổi chiều sau một ngày mưa rùng, giọt mưa còn đọng trên lá, rừng sáng lấp lánh. Đang ngồi làm việc dưới tấm ni lông nóc, tôi bỗng nghe tiếng kêu. Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hớt hải chạy về, tay cầm khúc gỗ đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà.

Sau đó anh lấy vỏ đạn hai mươi li của Mĩ, đập mỏng làm thành một cây cưa nhỏ, cưa khúc gỗ thành từng miếng nhỏ. Những lúc rỗi, anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc. Chẳng hiểu sao tôi thích ngồi nhìn anh làm và cảm thấy vui vui khi thấy bụi gỗ rơi mỗi lúc một nhiều. Một ngày, anh cưa được một vài răng. Không bao lâu sau, cây lược được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược cho con gái, cây lược dùng để chải mái tóc dài, cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tẩn mẩn khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”. Cây lược gỗ ấy chưa chải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh. Những đêm nhớ con, anh ít nhớ đến nỗi hối hận đánh con, nhớ con, anh lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên mái tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Có cây lược, anh càng mong gặp lại con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra. Một ngày cuối năm năm mươi tám – năm đó ta chưa vỡ trang – trong một trận càn lớn của quân Mĩ – nguy, anh Sáu bị hi sinh. Anh bị viên đạn của máy bay Mĩ bắn vào ngực. Trong giờ

phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh.

- Tôi sẽ mang về và trao tận tay cho cháu.

Tôi cúi xuống gần anh và khẽ nói. Đến lúc ấy, anh mới nhắm mắt đi xuôi.

(Trích “Chiếc lược ngà”, Nguyễn Quang Sáng, Ngữ Văn 9, Tập một)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của ngữ liệu trên: Nghị luận	0,5 điểm
	2	Âm nhạc là điều tuyệt vời của cuộc sống.	0,5 điểm
	3	Hai phép liên kết về hình thức có trong ngữ liệu: - Phép lặp: âm nhạc là - Phép thế: "nó" = "âm nhạc"	1,0 điểm
	4	Biện pháp tu từ từ vựng trong câu: nhân hóa Tác dụng: làm câu văn gợi cảm xúc, nhấn mạnh rằng âm nhạc là người bạn đồng hành cùng chúng ta	1,0 điểm
II	1	I. Mở đoạn - Giới thiệu vấn đề nghị luận: tinh thần lạc quan trong cuộc sống II. Thân đoạn: 1. Lạc quan là gì? - Lạc quan là thái độ sống - Lạc quan là luôn vui tươi, vui cười dù có bất kì chuyện gì xảy ra - Lạc quan như là một liều thuốc bổ cho cuộc sống tươi đẹp hơn. 2. Phân tích, chứng minh - Lạc quan sẽ tạo nên cuộc sống tươi đẹp cho tất cả mọi người - Giúp chúng ta biết sống một cách có ý nghĩa hơn - Giúp con người tránh khỏi những hiểm họa trong cuộc sống - Những người lạc quan thường thành công trong cuộc sống và công việc * Biểu hiện của tinh thần lạc quan - Luôn tươi cười dù có chuyện gì xảy ra - Luôn yêu đời - Luôn bình tĩnh xử lí mọi tình huống dù có chuyện gì xảy ra * Một số tấm gương về tinh thần lạc quan - Bác Hồ ở trong tù vẫn có thể sáng tác thơ, ngắm	2,0 điểm

	<p>trắng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các bệnh nhân ung thư vẫn lạc quan để chiến đấu bệnh tật để giành giật sự sống - Các em bé mồ côi vẫn lạc quan sống để mong ngày gặp lại cha mẹ của mình <p>III. Kết đoạn</p> <p>Nêu cảm nghĩ của em về tinh thần lạc quan</p>	
2	<p>I. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả: Nguyễn Quang Sáng sinh năm 1932, quê ở huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Trong kháng chiến chống Pháp, ông tham gia bộ đội, hoạt động ở chiến trường Nam Bộ. Từ sau 1954, tập kết ra miền Bắc, Nguyễn Quang Sáng bắt đầu viết văn. Những năm chống Mỹ, ông trở về Nam Bộ tham gia kháng chiến và tiếp tục sáng tác văn học. Tác phẩm của ông thuộc nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản phim và hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến cũng như trong thời bình. - Truyện ngắn “<i>Chiếc lược ngà</i>” được viết năm 1966, khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ và được đưa vào tập truyện cùng tên. - Nhân vật ông Sáu là nhân vật chính của tác phẩm, để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng bạn đọc. Đặc biệt là ở đoạn trích từ: “<i>Tôi vẫn còn nhớ buổi chiều hôm đó... Anh mới nhắm mắt xuôi tay</i>”. Đoạn trích thể hiện vẻ đẹp của tình phụ tử thiêng liêng, sâu sắc của ông Sáu đối với bé Thu trong những ngày ở chiến khu. <p>II. Thân bài</p> <p>1. Giới thiệu khái quát cảnh ngộ gia đình ông Sáu và tình yêu thương ông Sáu dành cho con</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đất nước có chiến tranh, công Sáu phải đi công tác khi con gái chưa đầy một tuổi, khi con lớn lên, ông Sáu không một lần được gặp con, được yêu thương chăm sóc cho con. - Sau tám năm vào sinh ra tử, khi được về thăm nhà, nỗi khao khát được gặp con, được ôm con vào lòng khiến ông không kìm nén được cảm xúc. Tuy nhiên, vì vết sẹo trên mặt, vết thương do chiến tranh gây ra nên đứa con gái hồn nhiên, ngây thơ của ông nhất định không chịu nhận cha. Đến lúc con gái nhận ra thì là lúc ông phải trở lại chiến trường. Niềm hạnh phúc mà ông hằng mong chờ đã 	5,0 điểm

tới nhưng quá ngắn ngủi vì đến giờ biệt li. Ông chỉ kịp rút khăn lau nước mắt rồi hôn lên tóc con, lặng lẽ ra đi không hẹn ngày về mang theo một ước nguyện của con là cây lược nhỏ.

2. Cảm nhận về vẻ đẹp nội dung của đoạn trích – vẻ đẹp của tình phụ tử thiêng liêng

- Luôn ghi nhớ như in lời con dặn vội vàng lúc chia tay “*Ba về, ba mua cho con một cây lược nghe ba!*”. Điều đó thúc giục ông đến việc làm cây lược ấy. “*Lúc rảnh rồi anh ngồi cửa từng chiếc răng lược cho đến khi hoàn thành, những đêm nhớ con anh lấy cây lược ra ngắm nghía*”.

- Chiếc lược trở thành một vật quý giá, nó làm vơi đi nỗi ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm nhớ nhung, yêu mến của người cha đối với đứa con trong xa cách. Chiếc lược ngà trở thành một kỉ vật thiêng liêng, nuôi dưỡng tinh thần chiến đấu cho người chiến sĩ trong những ngày tháng gian khổ.

- Bị thương nặng, chỉ đến khi gửi lại chiếc lược ngà lại cho bạn với lời nhắn nhủ sẽ trao tận tay bé Thu, ông mới yên lòng nhắm mắt.

- Ông Sáu hi sinh khi chưa kịp gửi món quà cho con gái. Đây là tình huống rất cảm động. Những mất mát do chiến tranh gây ra là không bù đắp nổi. Tuy không một lời trăng trối nhưng hành động cuối cùng của ông Sáu càng cho ta thấy tình cảm của ông dành cho con thật sâu nặng. Người đồng chí của ông – người kể chuyện đã thay ông làm việc đó. Chiếc lược ngà đã trở thành biểu tượng của tình cha con đời đời bất diệt.

3. Vẻ đẹp về hình thức nghệ thuật

- Đoạn văn là lời kể của một người đồng chí của ông, người đã chứng kiến toàn bộ quá trình ông làm cây lược tặng con gái và thấu hiểu những suy nghĩ, cảm xúc của ông. Đoạn văn vì thế trở nên khách quan, chân thành.

- Ngôn ngữ văn xuôi giàu tình cảm, khả năng miêu tả tâm lí tinh tế, chính xác, bắt nguồn từ một tâm hồn nhạy cảm và tấm lòng yêu thương, trân trọng con người.

- Đặc biệt, nhà văn đã xây dựng một tình huống truyện rất éo le, bất ngờ mà tự nhiên, cảm động; qua đó, phần nào nói lên sự ác nghiệt của chiến tranh.

III. Kết bài

- Cảm nhận khái quát về đoạn văn, liên hệ bản thân.

ĐỀ SỐ 57**I. PHÂN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Hành trình trái tim từ những người lạ

Quãng đường mà cậu bé Vì Quyết Chiến đi được bằng xe đạp khoảng 103 km từ Sơn La đến Hòa Bình trong hành trình thăm em trai bị ốm tại Bệnh viện Nhi trung ương được lan truyền trên các phương tiện truyền thông như một "Chuyện lạ chưa từng xảy ra"...

Nhiều nhà hảo tâm muốn giúp đỡ cậu bé có chiếc xe mới, ủng hộ gia đình Chiến tiền chạy chữa cho con trai. Nhưng điều đáng quý nhất trong câu chuyện của Chiến chính là những con người tốt bụng, xa lạ đã giúp đỡ Chiến trên chuyến xe đưa cậu bé về Hà Nội an toàn.

Chuyến xe ấy là câu chuyện về lòng nhân văn, là hành trình trái tim ấm áp tình người! Trên chuyến xe ấy, dù chẳng ai quen Vì Quyết Chiến nhưng họ hỏi han, đưa cậu bé đến điểm cuối. Nhà xe còn mua bánh, nước cho cậu bé ăn uống, liên lạc với bố của Chiến. Chắc hẳn ai nấy trên xe đều kinh ngạc khi cậu bé chẳng có gì ngoài chiếc xe đạp mất phanh, đôi dép mòn chày do phanh xe, bàn chân xước sát, trên người không tiền, không điện thoại... Tài xế xe khách kể: Trời tối, tôi thấy cậu bé nhỏ nhắn vậy xe, ban đầu tôi tưởng cậu bé đùa nên đi qua. Nhưng rồi, tôi dừng lại, cầm đèn pin xuống hỏi cậu bé và không tin nói câu chuyện của em. Lúc vậy xe cũng là lúc em đã quá đói và không thể tiếp tục hành trình. Nếu chiếc xe không dừng lại, có lẽ câu chuyện của Chiến đã sang một hướng khác.

(Theo <http://www.24h.com.vn/tintuctrongngay>, 28/3/2019)

Câu 1 (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2 (0,5 điểm) Chỉ ra và gọi tên thành phần biệt lập trong câu văn sau: “Chắc hẳn ai nấy trên xe đều kinh ngạc khi cậu bé chẳng có gì ngoài chiếc xe đạp mất phanh, đôi dép mòn chày do phanh xe, bàn chân xước sát, trên người không tiền, không điện thoại...”

Câu 3 (1,0 điểm) Vì sao tác giả bài viết lại cho rằng: Chuyến xe ấy là câu chuyện về lòng nhân văn?

Câu 4 (1,0 điểm) Em có đồng ý với hành động của cậu bé Vì Quyết Chiến đã đạp xe khoảng 103km từ Sơn La đến Hòa Bình trong hành trình thăm em trai bị ốm tại Bệnh viện Nhi Trung ương không? Vì sao?

I. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm) Từ nội dung phần Đọc hiểu, em hãy nêu *cảm nhận về lòng tốt giữa con người với con người trong cuộc sống hiện nay*. (Trình bày trong một đoạn văn khoảng 200 từ)

Câu 2 (5.0 điểm)

Cảm nhận của em về vẻ đẹp của mùa xuân đất nước và con người qua các khổ thơ sau:

*Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim chiền chiện*

Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng.

.....
Đất nước bốn nghìn năm
Vất vả và gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước.
Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hoà ca
Một nốt trầm xao xuyến.

(Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: tự sự	0,5 điểm
	2	Thành phần biệt lập: tình thái - Chắc hẳn	0,5 điểm
	3	Tác giả bài viết cho rằng: Chuyến xe ấy là câu chuyện về lòng nhân văn bởi trên chuyến xe ấy, dù chẳng ai quen Vì Quyết Chiến nhưng họ hỏi han, đưa cậu bé đến điểm cuối. Nhà xe còn mua bánh, nước cho cậu bé ăn uống, liên lạc với bố của Chiến. Hơn nữa, chuyến xe ấy là do cậu bé tự lái và đi bằng xe đạp tận 103 km để xuống viện thăm em trai. Đó cũng chính là biểu hiện cao đẹp của tình cảm gia đình, của tình thân máu mủ ruột thịt.	1,0 điểm
	4	Nêu quan điểm của em: đồng ý hoặc không rồi đưa ra lý do. Gợi ý: Đồng ý nếu em cảm nhận đây là một cách thể hiện tình yêu thương trong gia đình của người anh và người em. Không đồng ý: em quá nhỏ, đạp xe như vậy nguy hiểm và nếu như chuyến xe đó không dừng lại thì liệu em sẽ thế nào?	1,0 điểm
II	1	Tham khảo đoạn văn sau: “Cuộc sống có vô vàn những thứ quý giá như sức khỏe, thời gian bởi người ta thường nói "có sức khỏe là có tất cả" và “thời gian là vàng”. Song có một thứ quý giá vô cùng mà ta không thể không kể đến đó là lòng tốt trong câu “lòng tốt là của cải”. Vậy lòng tốt là gì? Lòng tốt là hành động, việc làm xuất phát từ tấm lòng nhằm giúp đỡ người khác.	2,0 điểm

	<p>Người có lòng tốt giúp đỡ người khác như tìm thấy niềm vui trong cuộc sống và người được giúp đỡ sẽ trở lên hân hoan, có niềm tin để vượt qua khó khăn, những trẻ em nghèo, những người nhiễm chất độc da cam sẽ yên tâm hơn với cuộc sống, nhờ có lòng tốt của người khác mà những người nghèo được đón Tết đầy đủ, vui vẻ hơn. Có thể nhờ có lòng tốt mà cuộc sống của con người với con người trở lên tốt đẹp hơn.</p> <p>Người có lòng tốt luôn quan tâm, chia sẻ giúp đỡ những người khác, không nghĩ xấu, nói xấu ai, không đố kị, không tranh giành quyền lợi... Biểu hiện của lòng tốt trong cuộc sống rất đa dạng và phong phú, nhỏ nhất là việc dắt cụ già đi qua đường, nhặt được của rơi trả lại người mất... lớn hơn là giúp đỡ người khi gặp hoạn nạn... Tuy nhiên, trên thực tế con người không phải ai cũng tốt, cái ác vẫn tồn tại vì tham lam, đố kị, vì bồng lộc quyền hành nhiều khi cả những cái hảo huyền mà người ta đối xử với nhau một cách tàn nhẫn, chúng ta cần lên án đấu tranh chống lại cái ác, đồng thời quý trọng người có lòng tốt.</p> <p>Nhưng lòng tốt không mua được bằng tiền, lòng tốt quý hơn của cải, của cải dùng mãi sẽ hết còn lòng tốt thì không bao giờ cạn. Lòng tốt là giá trị tinh thần vô giá không gì đánh đổi được nên ngay từ hôm nay chúng ta hãy nâng niu, nuôi dưỡng hạt mầm yêu thương để lòng tốt nảy nở từ những việc làm nhỏ nhất.</p>	
2	<p>I. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả Thanh Hải và bài thơ Mùa xuân nho nhỏ - Bài thơ là nỗi lòng của tác giả về niềm yêu mến tha thiết với cuộc đời, đất nước mong muốn cống hiến góp vẻ đẹp của mùa xuân đất nước và con người. <p>II. Thân bài</p> <p>Đoạn thơ thứ nhất: Cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên đất nước và con người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bức tranh thiên nhiên tươi đẹp trong tưởng tượng của tác giả (lưu ý, tác giả viết bài thơ 11/1980 - lúc này đang là mùa đông) + Hình ảnh vẻ đẹp của mùa xuân xứ Huế được khắc họa qua: hoa tím, sông xanh, bầu trời cao rộng 	5,0 điểm

		<p>+ Âm thanh tiếng chim chiền chiện báo xuân về như kết tinh thành “từng giọt long lanh”</p> <p>+ Vẻ đẹp của mùa xuân thể hiện qua góc nhìn của tác giả cũng như tấm lòng trân trọng của tác giả trước thiên nhiên, cuộc đời</p> <p>+ Lời trò chuyện thân mật cùng tự nhiên và sự trân trọng sự sống được thể hiện qua hành động “đưa tay hứng” của tác giả</p> <p>Từng giọt long lanh rơi</p> <p>Tôi đưa tay tôi hứng</p> <p>+ Giọt long lanh được hiểu theo nghĩa ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, từ chỗ âm thanh được cảm nhận bằng thính giác chuyển sang cảm nhận bằng thị giác và xúc giác “đưa tay hứng”</p> <p>→ Tác giả say đắm trong mùa xuân của thiên nhiên đất trời với tâm thế đón nhận trân trọng</p> <p>Đoạn thơ thứ 2: Ước nguyện chân thành, giản dị được công hiến của tác giả</p> <p>- Tác giả thể hiện tâm nguyện tha thiết muốn cống hiến qua những hình ảnh đẹp, thuần phác:</p> <p><i>Ta làm con chim hót</i></p> <p><i>Ta làm một cành hoa</i></p> <p><i>Ta nhập vào hòa ca</i></p> <p><i>Một nốt trầm xao xuyến</i></p> <p>+ Điệp từ “ta” để khẳng định đó là tâm niệm chân thành của nhà thơ, cũng là khát vọng cống hiến cho đời chung của nhiều người.</p> <p>+ Các từ láy “lặng lẽ”, “nhỏ nhỏ” là cách nói khiêm tốn, chân thành của nhân cách sống cao đẹp khi hướng tới việc góp vào lợi ích chung của dân tộc.</p> <p>- Mùa xuân nhỏ nhỏ là một ẩn dụ đầy sáng tạo của nhà thơ khi thể hiện thiết tha, cảm động khát vọng được cống hiến và sống ý nghĩa.</p> <p>+ Điệp từ “dù là” khiến âm điệu câu thơ trở nên thiết tha, lắng đọng</p> <p>+ Dù đang nằm trên giường bệnh nhưng tác giả vẫn tha thiết với cuộc đời, mong muốn sống đẹp và hữu ích, tận hiến cho cuộc đời chung.</p> <p>→ Với niềm yêu đời tha thiết, tác giả vượt lên trên hoàn cảnh về bệnh tật mong muốn da diết được sống có ích bằng tất cả sức trẻ của mình.</p> <p>Đoạn thơ thứ 3. Ngợi ca quê hương đất nước qua điệu hát dân ca Huế</p> <p>- Cả bài thơ giống như làn điệu dân ca Huế mượt</p>	
--	--	---	--

	<p>mà, trữ tình và sâu lắng</p> <p>+ Bài thơ khế lại với điệu Nam ai, Nam bình của xứ Huế để ca ngợi vẻ đẹp và nỗi niềm của người con xứ Huế</p> <p>+ Khúc ca còn ngân vang mãi từ tâm hồn của người lạc quan, yêu đời, khát khao sống có ích</p> <p>III. Kết bài</p> <p>- Những đoạn thơ chính là tiếng lòng của tác giả trước cuộc đời, đất nước.</p> <p>- Với giọng trầm lắng có lúc nhộn nhịp, hồi hả, bài thơ không những diễn đạt được vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước mà còn thể hiện được sự mê say với cuộc sống và khát vọng chân thành đẹp đẽ của tác giả.</p>	
--	---	--

ĐỀ SỐ 58

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

*Có gì đâu, có gì đâu
 Mỡ màu ít chắt dồn lâu hoá nhiều
 Rễ siêng không ngại đất nghèo
 Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù
 Vươn mình trong gió tre đu
 Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành
 Yêu nhiều nắng nở trời xanh
 Tre xanh không đứng khuất mình bóng râm
 Bão bùng thân bọc lấy thân
 Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm.*

(Trích Tre Việt Nam - Nguyễn Duy, tập Cát trắng, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1973)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Chỉ ra các từ láy trong đoạn thơ trên. (0,5 điểm)

Câu 3. Nêu tác dụng của 01 biện pháp tu từ đặc sắc được sử dụng trong hai câu thơ: (1,0 điểm)

*"Bão bùng thân bọc lấy thân
 Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm"*

Câu 4. Theo em, hình ảnh cây tre đã gợi lên những phẩm chất cao quý nào của dân tộc Việt Nam? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về *sự cần thiết của tinh thần lạc quan trong cuộc sống*

Câu 2 (5,0 điểm)

Truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long có đoạn: "... Nhân dịp Tết một đoàn các chủ lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở Sa Pa. Không có cháu ở đây. Các chủ lại cử một chủ lên tận đây. Chủ ấy nói: nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy tháng ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Đối với cháu, thật là đột ngột, không ngờ lại là như thế (...)

Nhưng từ hôm ấy cháu sống thật hạnh phúc. Ở bác về cháu đấy ư? Không, không đừng về cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác về hơn"

(Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017, tr 185).

Và tác phẩm Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê Có đoạn: "Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần, Ngày nào Ít ba lần. Tôi cố nghĩ đến cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mình có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đừng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi,, mằn mằn, cát lạo xạo trong miệng. "

(Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017, tr 118)

Cảm nhận của em về hai đoạn trích trên. Từ đó, hãy nhận xét ngắn gọn về vẻ đẹp của tuổi trẻ Việt Nam trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ trên: Biểu cảm	0,5 điểm
	2	Chỉ ra các từ láy trong đoạn thơ trên: mờ màu, cần cù, kham khổ, nặng nề, bão bùng	0,5 điểm
	3	Biện pháp tu từ nhân hóa. Tác dụng: nhấn mạnh và gợi cảm xúc thêm cho câu thơ, và nó diễn tả cho người đọc hình ảnh cây tre mang những phẩm chất tốt đẹp của con người đã đem lại những bài học "thân bọc lấy thân", "tay ôm tay núu"	1,0 điểm
	4	Theo em, hình ảnh cây tre đã gợi lên những phẩm chất cao quý nào của dân tộc Việt Nam: Sự cố gắng bền bỉ vươn lên trong hoàn cảnh khó khăn thử thách, sự đoàn kết đùm bọc che chở.	1,0 điểm
II	1	I. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận: ý nghĩa của tinh thần lạc quan trong cuộc sống II. Thân đoạn 1. Lạc quan là gì? - Lạc quan là thái độ sống - Lạc quan là luôn vui tươi, vui cười dù có bất kì chuyện gì xảy ra - Lạc quan như là một liều thuốc bổ cho cuộc sống tươi đẹp hơn. 2. Biểu hiện của tinh thần lạc quan - Luôn tươi cười dù có chuyện gì xảy ra	2,0 điểm

	<ul style="list-style-type: none"> - Luôn yêu đời - Luôn bình tĩnh xử lí mọi tình huống dù có chuyện gì xảy ra <p>3. Ý nghĩa của tinh thần lạc quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lạc quan sẽ tạo nên cuộc sống tươi đẹp cho tất cả mọi người - Giúp chúng ta biết sống một cách có ý nghĩa hơn - Giúp con người tránh khỏi những hiểm họa trong cuộc sống - Những người lạc quan thường thành công trong cuộc sống và công việc <p>4. Một số tấm gương về tinh thần lạc quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bác Hồ ở trong tù vẫn có thể sáng tác thơ, ngắm trăng - Các bệnh nhân ung thư vẫn lạc quan để chiến đấu bệnh tật để giành giật sự sống - Các em bé mồ côi vẫn lạc quan sống để mong ngày gặp lại cha mẹ của mình <p>III. Kết đoạn: Nêu cảm nghĩ của em về tinh thần lạc quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đây là một tinh thần rất tốt, giúp con người vượt qua số phận - Bên cạnh đó nó còn có những tác động xấu khi con người có tinh thần lạc quan thái quá. 	
2	<p>I. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm và hai nhân vật <p>+ Giới thiệu Nguyễn Thành Long và truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa; Lê Minh Khuê và truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi.</p> <p>+ Giới thiệu nhân vật anh thanh niên và Phương Định, từ đó khái quát về đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong cuộc sống lao động và chiến đấu thời kháng chiến chống Mỹ cứu nước.</p> <p>II. Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lặng lẽ Sa Pa là kết quả từ chuyến đi thực tế ở Lào Cai của Nguyễn Thành Long. Tác giả đã khắc họa vẻ đẹp của người lao động, ca ngợi cuộc sống mới, con người mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, là hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn ở miền Nam. - Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê lại miêu tả chân thực, sinh động cuộc sống chiến đấu dũng cảm; tâm hồn lạc quan, hồn nhiên, trong sáng của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến 	5,0 điểm

đường Trường Sơn.

1. Vẻ đẹp trong cách sống

a. Nhân vật anh thanh niên trong *Lặng lẽ Sa Pa*

– Hoàn cảnh sống và làm việc: một mình trên núi cao, quanh năm suốt tháng giữa cây cỏ và mây núi Sa Pa. Công việc là đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất..

– Anh làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cụ thể, tỉ mỉ, chính xác, đúng giờ ốp thì dù cho mưa tuyết, giá lạnh thế nào anh cũng trở dậy ra ngoài trời làm việc đúng giờ quy định.

– Anh đã vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ quanh năm suốt tháng trên đỉnh núi cao không một bóng người.

– Sự cởi mở chân thành, quý trọng mọi người, khao khát được gặp gỡ, trò chuyện với mọi người.

– Tổ chức sắp xếp cuộc sống của mình một cách ngăn nắp, chủ động: trồng hoa, nuôi gà, tự học..

b. Cô thanh niên xung phong Phương Định

– Hoàn cảnh sống và chiến đấu: ở trên cao điểm giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung nhất bom đạn và sự nguy hiểm, ác liệt. Công việc đặc biệt nguy hiểm: Chạy trên cao điểm giữa ban ngày, phơi mình trong vùng máy bay địch bị bắn phá, ước lượng khối lượng đất đá, đếm bom, phá bom.

– Yêu mến đồng đội, yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn.

– Có những đức tính đáng quý, có tinh thần trách nhiệm với công việc, bình tĩnh, tự tin, dũng cảm...

2. Vẻ đẹp tâm hồn

a. Anh thanh niên trong *Lặng lẽ Sa Pa*

– Anh ý thức về công việc của mình và lòng yêu nghề khiến anh thấy được công việc thầm lặng ấy có ích cho cuộc sống, cho mọi người.

– Anh đã có suy nghĩ thật đúng và sâu sắc về công việc và những đóng góp của mình rất nhỏ bé.

– Cảm thấy cuộc sống không cô đơn buồn tẻ vì có một nguồn vui, đó là niềm vui đọc sách mà lúc nào anh cũng thấy như có bạn để trò chuyện.

– Là người nhân hậu, chân thành, giản dị.

b. Cô thanh niên xung phong Phương Định

– Có thời học sinh hồn nhiên vô tư, vào chiến trường vẫn giữ được sự hồn nhiên.

	<p>– Là cô gái nhạy cảm, mơ mộng, thích hát, tinh tế, quan tâm và tự hào về vẻ đẹp của mình.</p> <p>– Kín đáo trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình.</p> <p>-> Các tác giả đã miêu tả sinh động, chân thực tâm lí nhân vật làm hiện lên một thế giới tâm hồn phong phú, trong sáng và đẹp đẽ cao thượng của nhân vật ngay trong hoàn cảnh chiến đấu đầy hi sinh gian khổ.</p> <p>+ Một người ở hậu phương, một người ở tiền tuyến nhưng cả hai có điểm chung là đều có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; không ngại gian khổ hi sinh trong hoàn cảnh đơn độc hay ác liệt; sống có lí tưởng, sống là để cống hiến, phục vụ, sẵn sàng hi sinh cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>+ Cùng có tinh thần dũng cảm, lạc quan, yêu đời, trẻ trung, sôi nổi hồn nhiên; giản dị, khiêm tốn.</p> <p>=> Hai tác phẩm có đề tài phản ánh khác nhau, thể hiện hình tượng nhân vật khác nhau nhưng cùng hướng đến vẻ đẹp chung của tuổi trẻ Việt Nam trong cuộc sống lao động và chiến đấu để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giữa những ngày tháng chống Mỹ ác liệt nhất.</p> <p>III. Kết bài</p> <p>– Hai tác phẩm đều khám phá, phát hiện ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn con người Việt Nam trong lao động và trong chiến đấu.</p> <p>– Vẻ đẹp của các nhân vật đều mang màu sắc lí tưởng, họ là hình ảnh của con người Việt Nam mang vẻ đẹp của thời kì lịch sử gian khổ hào hùng và lãng mạn của dân tộc.</p>	
--	--	--

ĐỀ SỐ 59

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Câu chuyện chú Dê

Buổi sớm nọ, một chú Dê đứng lảng vảng ngoài vườn rau, chú ta muốn ăn cải trong vườn nhưng vì bờ rào cao nên không thể vào được.

Lúc ấy, trời vờn tối, mặt trời vừa ló dạng ở đằng đông, Chú Dê nhìn thấy cái bóng của mình dài thật di. Chú ta chợt nghĩ “Ôi, mình cao thế này ư? Thế thì mình có thể ăn quả trên cây rồi, cần gì phải ăn những cây cải dưới đất nữa” Ở đằng xa có một vườn táo. Các cây táo trĩu nặng những quả táo ửng hồng. Chú Dê hăm hở chạy đến đó.

Khi đến nơi thì trời đã trưa, lúc này mặt trời lên đến đỉnh đầu. Bóng chú Dê trở thành một cái bóng nhỏ sát chân chú.

"Ôi, thì ra mình bé nhỏ đến thế làm sao mình ăn quả trên cây được, thôi đành trở về ăn cỏ trong vườn thôi". Chú ta buồn bã quay lại nơi vườn cỏ.

Khi đến nơi, mặt trời đã xuống phía tây, cái bóng của chú lại trải dài thật dài.

"Sao mình lại trở về đây làm gì nhỉ? Mình cao thế này thì ăn những quả táo trên cây đầu thành vấn đề?" - Chú ta phiền não, lẩm bầm.

(Nguồn <http://thuvienbinhthuan.com.vn/moi-ngay-mot-call-chuyen>)

Câu 1 (0,5 điểm). Văn bản trên thuộc kiểu văn bản gì (tự sự, thuyết minh, nghị luận)?

Câu 2 (0,5 điểm). Em hãy chỉ ra những hành động của chú Dê trong câu chuyện trên.

Câu 3 (1,0 điểm). Vì sao cuối câu chuyện, chú ta phiền não, lẩm bầm?

Câu 4 (1,0 điểm). Bài học rút ra từ câu chuyện trên.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Từ nội dung gợi ra ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về việc *mỗi người cần xác định mục tiêu trong cuộc sống của mình*.

Câu 2 (5,0 điểm): Trong bài thơ Khoảng trời, hồ bom, Lâm Thị Mỹ Dạ có đoạn viết:

Chuyện kể rằng: em, cô gái mở đường

Để cứu con đường đêm ấy khỏi bị thương

Cho đoàn xe kịp giờ ra trận

Em đã lấy tình yêu Tổ quốc của mình thắp lên ngọn lửa

(Theo Văn chương một thời để nhớ, NXB Văn học, 2006)

Hình ảnh cô gái thanh niên xung phong mở đường một lần nữa được Lê Minh Khuê khắc họa trong truyện ngắn **Những ngôi sao xa xôi** (Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục, 2006). Em hãy phân tích để làm nổi bật vẻ đẹp của các nhân vật trong truyện ngắn đó.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Văn bản trên thuộc kiểu văn bản tự sự.	0,5 điểm
	2	Những hành động của chú Dê trong đoạn trích - lảng vảng ngoài vườn rau - nhìn thấy cái bóng của mình thật dài - - chợt nghĩ “Ôi mình cao thế này ư? Thế thì mình có thể ăn quả trên cây rồi cần gì phải ăn những cây cỏ dưới đất nữa”. - hăm hở chạy đến vườn táo - buồn bã quay lại nơi vườn cỏ - phiền não, lẩm bầm	0,5 điểm
	3	Chú ta phiền não, lẩm bầm vì thấy rằng quyết định của mình là sai lầm.	1,0 điểm
	4	Bài học rút ra từ câu chuyện: Chúng ta nên xác định mục tiêu rõ ràng và kiên định với mục tiêu mình lựa chọn.	1,0 điểm
II	1	1. Giới thiệu vấn đề 2. Giải thích vấn đề	2,0 điểm

	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: đích cần đạt tới để thực hiện nhiệm vụ - Việc xác định mục tiêu trong cuộc sống của mỗi người là vô cùng quan trọng. <p>3. Bàn luận vấn đề</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại sao cần xác định mục tiêu trong cuộc sống? + Mục tiêu khiến cuộc sống con người có phương hướng và có ý nghĩa + Mục tiêu sẽ thúc đẩy con người nỗ lực để vươn tới thành công + Một người sống có mục tiêu tức là sống có ý tưởng, có ước mơ và khát vọng - Cần phải có mơ ước, có ý tưởng sống rõ ràng, hiểu được năng lực, thể mạnh của bản thân để xác định được đúng mục tiêu của mình. - Khi đã có mục tiêu cần vạch ra kế hoạch cụ thể, không ngừng nỗ lực, cố gắng vượt qua mọi khó khăn để vươn đến mục tiêu - Mỗi người cần xây dựng cho mình những mục tiêu riêng trong cuộc sống - Phê phán những người sống không mục tiêu không lý tưởng <p>4. Liên hệ bản thân.</p>	
2	<p>1. Giới thiệu chung về tác giả tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lê Minh Khuê sinh năm 1949, quê ở huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. - Trong kháng chiến chống Mỹ bà gia nhập thanh niên xung phong, truyện của bà viết về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ ở tuyến đường Trường Sơn. Sau năm 1975, tác phẩm của nhà văn bám sát những chuyển biến của đời sống xã hội và con người trên tinh thần đổi mới. - Tác phẩm Hoàn cảnh sáng tác: năm 1971, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ ở vào giai đoạn ác liệt nhất. - Các em có thể trích dẫn câu thơ trong đề bài của Lâm Thị Mỹ Dạ để dẫn dắt vào đề. <p>2. Phân tích vẻ đẹp của ba nhân vật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà văn Lê Minh Khuê đã tái hiện lại một tình huống quen thuộc trong chiến trường những năm tháng chống Mỹ cứu nước gian khổ ác liệt – tình huống phá bom. Đây là tình huống đầy thử thách nhưng lại là công việc thường nhật của các cô gái trong tổ trinh sát mặt đường trên tuyến đường 	5,0 điểm

	<p>Trường Sơn.</p> <p>- Tác giả đặt nhân vật vào hoàn cảnh khắc nghiệt mà ranh giới giữa sự sống và cái chết rất mong manh. Nhưng cũng từ đó, các nhân vật bộc lộ phẩm chất của mình sự lạc quan, dũng cảm tinh thần trách nhiệm với công việc, tình đồng chí đồng đội sâu sắc... Đó là phẩm chất anh hùng của thế hệ trẻ Việt Nam thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước.</p> <p>2.1 Hoàn cảnh sống và chiến đấu của ba cô gái</p> <p>- Ba cô gái sống trong một cái hang dưới chân cao điểm ở vùng trọng điểm bắn phá của giặc Mỹ.</p> <p>- Các cô đảm nhiệm công việc phá bom “Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần”. Đó là một công việc nguy hiểm gian khổ đòi hỏi sự dũng cảm tinh thần trách nhiệm cao.</p> <p>- Từ hang các cô ở, nhìn ra bên ngoài đường bị đánh lở loét màu đất đỏ trắng lẫn lộn chỉ có thân cây bị tước khô cháy. Đất bốc khói không khí bàng hoàng máy bay rẻ rẻ, phản lực gầm gào... Ở đây không có dấu hiệu của sự sống.</p> <p>=> Bằng những lời kể mộc mạc, giọng điệu tự nhiên, nhà văn Lê Minh Khuê đã tái hiện chân thực hiện thực khốc liệt của chiến trường. Đặt nhân vật vào hoàn cảnh đó, bà đã khắc họa nổi bật phẩm chất anh hùng của những cô gái thanh niên xung phong trẻ tuổi</p> <p>2.2 Vẻ đẹp của ba cô thanh niên xung phong</p> <p>a. Những nét chung</p> <p>+ Lòng dũng cảm, sẵn sàng hi sinh không quản ngại khó khăn gian khổ, tinh thần trách nhiệm cao, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ được phân công</p> <p>+ Sống lạc quan, nhiều mơ mộng, thích làm đẹp cho cuộc sống ngay cả trong chiến trường</p> <p>+ Tinh đồng đội keo sơn gắn bó.</p> <p>→ Đó là những phẩm chất vừa cao đẹp, vừa bình dị lạc quan của thế hệ trẻ Việt Nam trong chiến tranh chống Mỹ</p> <p>b. Nét tính cách riêng của mỗi người</p> <p>* Nhân vật chị Thao:</p> <p>- Sự cứng cỏi, điềm tĩnh:</p>	
--	---	--

	<p>+ Những lúc sắp bước vào cuộc chiến và sau cuộc chiến chị bình tĩnh đến phát sợ: bóc bánh quy ra ăn, lúc từ mặt đường đầy đạn bom trở về chị vẫn bình thản như không.</p> <p>+ Chị luôn có những mệnh lệnh quyết đoán: lệnh cho Phương Định ở lại hàng trực điện đài còn chị và Nho lên mặt đường</p> <p>+ Lúc Nho bị thương dù rất lo lắng nhưng chị không hề khóc, còn bảo Phương Định hát để xua đi căng thẳng.</p> <p>=> Chị Thao là người bình tĩnh, cứng cỏi nhất tổ trinh sát mặt đường.</p> <p>- Là một tâm hồn nhạy cảm nữ tính trẻ trung, giàu tình cảm</p> <p>+ Chị hay hát và có đến 3 quyển sổ dày để chép bài hát.</p> <p>+ Chị cũng thích làm đẹp: lông mày tỉa nhỏ như cái tăm áo lót thêu chỉ màu</p> <p>+ Chị rất sợ máu và vết.</p> <p>+ Rất gần bó với đồng đội chị kín đáo quan tâm, lo lắng cho họ. No bị thương: chị mở to mắt như không còn sự sống hng túng quanh Nho, ngấm nhìn Nho ngủ, sửa cổ áo, mái tóc cho Nho.</p> <p>=> Vẻ đẹp nữ tính đã tạo nên chiều sâu nhân vật này. Vẻ đẹp ấy khiến chị Thao trở nên gần gũi hơn, đời thường hơn.</p> <p>* Nhân vật Nho:</p> <p>- Nhỏ tuổi nhất trong tổ trinh sát mặt đường nên được các chị yêu chiều như cô em út trong nhà.</p> <p>+ Nho mang vẻ xinh xắn nhẹ nhõm dễ thương, cô như một que kem trắng bé nhỏ khiến Phương Định thương mến đến mức muốn bế lên tay.</p> <p>+ Nho hay vùi vãnh, làm nũng các chị hay đòi ăn kẹo, lần nào Phương Định cũng chiều theo cô.</p> <p>- Mạnh mẽ, can đảm dám đối mặt với đạn bom của chiến tranh Khi bị thương cô không kêu rên một tiếng không về quân y viện chữa trị mà vẫn bám trụ lại cao điểm để hoàn thành công việc của mình</p> <p>=> Dù ít tuổi nhất nhưng Nho cũng mang những nét can đảm riêng, khó lẫn.</p> <p>* Nhân vật Phương Định:</p> <p>- Hồn nhiên, mơ mộng, yêu đời: Trong bom đạn khóc hết, cô vẫn hồn nhiên hát, hát dân ca quan</p>	
--	---	--

	<p>họ mềm mại dịu dàng hát Ca-chau-Sa của Hồng quân Liên Xô, hát dân ca Ý trữ tình giàu có... Cô gái ấy còn hay mơ mộng ngắm mình trong gương nhớ về kỉ niệm thơ trẻ, gia đình, quê hương...</p> <p>-> Cô vui thích cuồng cuồng khi gặp cơn mưa đá</p> <p>- một niềm vui rất đổi nữ tính Những xúc cảm hồn nhiên như nguồn sống, là điểm tựa giúp cô có thêm sức mạnh vượt qua mưa bom bão đạn của chiến trường</p> <p>- Dũng cảm có tinh thần trách nhiệm trong công việc phẩm chất anh hùng)</p> <p>+ Phương Định giới thiệu về công việc phá bom của mình bằng giọng điệu khô khốc, thản nhiên như chính bản lĩnh kiên cường của cô: “Việc của chúng tôi là ngồi đây, khi có bom nổ thì chạy lên... Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần”. Cô kể mình bị thương nhưng quyết không đi viện quân y vì việc nào cũng có cái thú của nó”. Vâng, chính chiến tranh và đạn bom đã làm cô trưởng thành trở thành dũng sĩ mạnh mẽ mà cô không hề biết. Thật đáng phục làm sao!</p> <p>+ Sự dũng cảm còn thể hiện trong từng cách nghĩ cách hành động của Phương Định. Khi đến gần quả bom cô vẫn giữ được tư thế hiên ngang ngẩng cao đầu Dù có kmh nghiệm và ngày phá tới năm quả bom nhưng cô có lúc vẫn thấy “rùng mình” nghĩ đến cái chết, có lúc “thần kinh căng như dây chèo, tim đập bất chấp cả nhịp điệu” nhưng cô vẫn dũng cảm đến gần dùng xẻng đào đất dưới quả bom.. Như thế cô đã đặt công việc lên trên cả tính mạng của mình. Quả thật, bom đạn của kẻ thù có thể đốt cháy cánh rừng già Trường Sơn, có thể cày nát những con đường xe qua nhưng không thể nào dập tắt được ý chí, lòng dũng cảm và bản lĩnh của các cô gái thanh niên xung phong như Phương Định. Đó chính là phẩm chất anh hùng đáng trân quý, ngưỡng mộ.</p> <p>=> Dường như nhà văn Lê Minh Khuê đã hóa thân cao độ vào nhân vật để miêu tả tường tận chân thực những suy nghĩ nội tâm trong cổ và để tái hiện một cách chân thực nhất đời sống chiến đấu nơi chiến trường ác liệt. Nhờ đó chúng ta</p>	
--	---	--

	<p>càng hiểu và thêm yêu mến nhân vật Phương Định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giàu tình cảm + Trong suy nghĩ của cô gái trẻ ấy, những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ. Cô luôn dành cho các anh bộ đội một niềm thần phục, ngưỡng mộ như thế đấy! + Phương Định rất hiểu tính cách, sở thích của chị Thao và Nho. Biết chị Thao lúc cương quyết táo bạo (chị không ra nước mắt), khi mềm mại nữ tính (sợ máu, sợ vắt, thích thêu thùa...) + Lúc Nho bị thương, Phương Định “moi đất bẻ Nho đặt lên đầu” rửa vết thương pha sữa, chăm sóc chu đáo. -> Phải nói rằng, nhà văn từng có mặt trên tuyến đường Trường Sơn trong những năm chống Mĩ nên bà viết về những nữ thanh niên xung phong bằng cả sự trải nghiệm nơi chiến trường và bằng tình cảm yêu mến kính phục các cô gái trẻ. -> Bạn đọc không khỏi yêu mến cảm phục trước một cô gái trẻ hồn nhiên, yêu đời, đời sống tâm hồn phong phú nhưng cũng đầy tâm huyết với công việc, với đồng đội => Nhà văn Lê Minh Khuê viết về ba cô gái với tất cả tình cảm trân trọng và cảm phục, ngưỡng mộ. Họ tiêu biểu cho thế hệ trẻ thời chống Mĩ - những con người mang trong mình tình yêu Tổ Quốc lớn lao. <p>3. Tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Truyện làm nổi bật tâm hồn trong sáng, mơ mộng, th thần dũng cảm cuộc sống chiến đấu gian khổ, hi sinh nhưng rất hồn nhiên lạc quan của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. Đó chính là hình ảnh tiêu biểu về thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mĩ. - Nghệ thuật + Lựa chọn ngôi kể phù hợp, cách kể chuyện tự nhiên và + Nghệ thuật xây dựng nhân vật, nhất là miêu tả diễn biến tâm lí. + Ngôn ngữ giản dị vừa mang tính khẩu ngữ vừa đậm chất trữ tình. 	
--	--	--

	+ Câu văn ngắn, nhịp điệu dồn dập, gợi không khí căng thẳng khẩn trương ở chiến trường.	
--	---	--

ĐỀ SỐ 60**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)****Đọc đoạn thơ sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:***Tre xanh**Xanh tự bao giờ?**Chuyện ngày xưa... đã có bờ tre xanh**Thân gầy guộc, lá mong manh**Mà sao nên lũy nên thành tre ơi?**Ở đâu tre cũng xanh tươi**Cho dù đất sỏi đất vôi bạc màu!**Có gì đâu, có gì đâu**Mỡ màu ít chất dồn lâu hoá nhiều**Rễ siêng không ngại đất nghèo**Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù**Vươn mình trong gió tre đu**Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành**Yêu nhiều nắng nỏ trời xanh**Tre xanh không đứng khuất mình bóng râm**(Trích Tre Việt Nam- Nguyễn Duy, Cát trắng,**NXB Quân đội Nhân dân, 1973***Câu 1. (0,5 điểm)** Xác định thể thơ.**Câu 2. (0,5 điểm)** Chỉ ra phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ.**Câu 3. (1,0 điểm)** Tìm hai biện pháp tu từ, xác định từ ngữ thực hiện hai biện pháp tu từ ấy được sử dụng trong hai dòng thơ sau:*Thân gầy guộc, lá mong manh**Mà sao nên lũy nên thành tre ơi?***Câu 4. (1,0 điểm)** Hình tượng cây tre trong hai dòng thơ sau mang đến cho em cảm nhận gì về vẻ đẹp của con người Việt Nam?*Rễ siêng không ngại đất nghèo**Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù***II. Làm văn (7,0 điểm)****Câu 1. (2,0 điểm)**

Từ nội dung phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (từ 7 đến 10 câu) trình bày suy nghĩ của em về đức tính siêng năng cần cù của con người Việt Nam.

Câu 2. (5,0 điểm)

Một trong những thành công nổi bật của nhà văn Kim Lân là xây dựng được những tình huống truyện độc đáo.

Từ truyện ngắn *Làng* của Kim Lân (*Ngữ văn 9*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016), em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN/CÂU	Nội dung	ĐIỂM
Phần I Đọc hiểu	Thể thơ: <i>Lục bát</i> .	0,5 điểm
	Câu 2. Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm	0,5 điểm
	Câu 3. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong hai dòng thơ: - Nhân hóa (<i>Thân gầy guộc, lá mong manh</i>). - Ẩn dụ (Hình ảnh <i>tre</i> là ẩn dụ cho con người Việt Nam). - Đối lập (<i>Thân gầy guộc, lá mong manh - nên lũy nên thành</i>). - Câu hỏi tu từ: <i>Mà sao nên lũy nên thành tre ơi?</i>	1,0 điểm
	Câu 4. Học sinh có thể hiểu và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng có thể theo các định hướng sau: Hình tượng cây tre trong hai dòng thơ mang đến cảm nhận gì về vẻ đẹp của con người Việt Nam: cần cù, chịu khó, gắn bó tha thiết với quê hương, đất nước...	1, 0 điểm
Phần II: Làm văn Câu 1	Câu 1. Viết một đoạn văn (từ 7 đến 10 câu) trình bày suy nghĩ của em về <i>đức tính siêng năng cần cù của con người Việt Nam</i> .	2,0 điểm
	a. Về hình thức: Đảm bảo thể thức của một đoạn văn, số câu quy định, liên kết chặt chẽ, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ, đặt câu.	(0,5 điểm)
	b. Về nội dung: Xác định đúng vấn đề nghị luận: <i>đức tính siêng năng cần cù của con người Việt Nam</i> . Có thể triển khai hợp lý nội dung đoạn văn theo nhiều cách khác nhau song cơ bản hướng vào các ý: - Nêu vấn đề nghị luận: <i>Đức tính siêng năng cần cù của con người Việt Nam</i> . - Những biểu hiện của <i>đức tính siêng năng cần cù</i> của con người Việt Nam. - Thái độ và hành động của bản thân - Phê phán những người lười biếng, không siêng năng cần cù	(1,25 điểm)
	c. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.	(0,25 điểm)
Câu 2	Câu 2. Một trong những thành công nổi bật của nhà văn Kim Lân là xây dựng được những tình huống truyện độc đáo.	5,0 điểm

	Từ truyện ngắn <i>Làng</i> của Kim Lân (<i>Ngữ văn 9</i>, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016), em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.	
	a. Về kĩ năng: <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đúng kiểu bài nghị luận về tác phẩm văn học (tác phẩm truyện/đoạn trích). - Vận dụng kiến thức, kĩ năng của kiểu bài nghị luận văn học để trình bày vấn đề. - Bố cục ba phần rõ ràng, rành mạch, hợp lí. - Diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.... 	(1,0 điểm)
	b. Về kiến thức: Học sinh có thể trình bày bài văn theo nhiều cách khác nhau. Song cơ bản cần hướng vào các ý sau: * Giới thiệu những nét cơ bản về tác giả Kim Lân, truyện ngắn <i>Làng</i> và vấn đề nghị luận (<i>nghệ thuật xây dựng tình huống truyện</i>). * Giải thích ngắn gọn khái niệm <i>tình huống truyện</i> : à mối quan hệ đặc biệt giữa các nhân vật với nhau, giữa nhân vật với hoàn cảnh và môi trường sống, qua đó bộc lộ rõ tâm trạng, tính cách hay thân phận của nhân vật, góp phần thể hiện sâu sắc tư tưởng của tác phẩm. * Chứng minh thành công của nhà văn Kim Lân trong nghệ thuật xây dựng tình huống truyện: - Trong truyện ngắn <i>Làng</i> , Kim Lân đã sáng tạo ra một tình huống đặc sắc, gay cấn: Ông Hai trong truyện là người rất yêu làng Chợ Dầu của mình, luôn hãnh diện khoe về làng, ấy thế mà tình cờ ông nghe được tin ngôi làng yêu quý của mình trở thành làng Việt gian theo Pháp, phản lại kháng chiến, phản lại Cụ Hồ. - Ý nghĩa của tình huống truyện: + Tình huống bất ngờ, gay cấn tạo nút thắt cho cốt truyện. + Tác động mạnh mẽ đến diễn biến tâm lí của ông Hai. Toàn bộ diễn biến tâm lí của ông Hai từ khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc cho đến khi tin thất thiệt được cải chính là một trường tâm trạng hết sức phong phú, phức tạp. + Thể hiện tư tưởng, chủ đề của tác phẩm: Tình cảm yêu làng, tinh thần yêu nước của người nông dân trong thời kì kháng chiến chống Pháp. - Nhận xét, đánh giá: + tình huống truyện đã thể hiện tài năng viết truyện ngắn của nhà văn Kim Lân; + Tình huống truyện độc đáo tạo nên sức hấp dẫn đặc biệt đối với người đọc, thôi thúc người đọc dõi theo toàn bộ câu	(3,0 điểm)

	chuyện từ khi bắt đầu cho đến phút cuối cùng.	
	c. Sáng tạo: có cách diễn đạt độc đáo, suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về nội dung, nghệ thuật hoặc tư tưởng; biết liên hệ mở rộng vấn đề.	(1,0 điểm)
Tổng điểm		10,0 điểm

ĐỀ SỐ 61

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu

*Đất nước mình bé nhỏ vậy thôi em
Nhưng làm được những điều phi thường lắm
Bởi hai tiếng nhân văn được cất vào sâu thẳm
Bởi vẫn giữ vẹn nguyên hai tiếng đồng bào.*

*Em thấy không? Trong nỗi nhọc nhằn, vất vả, gian lao
Khi dịch bệnh hiểm nguy đang ngày càng lan rộng
Cả đất nước mình cùng đồng hành ra trận
Trên dưới một lòng chống dịch thoát nguy.*

(Trích "Đất nước ở trong tim" - Chu Ngọc Thanh)

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định thể thơ của đoạn thơ trên?

Câu 2 (0,5 điểm). Đoạn thơ trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

Câu 3 (1,0 điểm). Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ cuối của khổ thơ thứ nhất. Hiệu quả của biện pháp tu từ đó?

Câu 4 (1,0 điểm). Nêu nội dung chính của đoạn thơ. Từ nội dung đó đã chạm vào miền cảm xúc nào trong em về đất nước?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm) Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 từ) trình bày suy nghĩ của em về tinh thần đoàn kết được gợi ra từ đoạn trích trong phần Đọc hiểu.

Câu 2 (5,0 điểm): Phân tích tình cảm của ông Sáu dành cho con gái qua đoạn trích sau đây:

[...] Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hót hải chạy về, tay cầm khúc gỗ đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà.

Sau đó anh lấy vỏ đạn hai mươi ly của Mĩ, đập mỏng làm thành một cây cưa nhỏ, cưa khúc gỗ thành từng miếng nhỏ. Những lúc rỗi, anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc... Mỗi ngày anh cưa được một vài răng. Không bao lâu sau, cây lược được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi... cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tẩn mẩn khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba” ... Những đêm nhớ con, ... anh lấy cây lược ra ngắm nghía, rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Có cây lược, anh càng mong gặp lại con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra... Anh bị viên đạn của máy bay Mĩ bắn vào ngực. Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi

lâu. Tôi không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh.

- Tôi sẽ mang về trao tận tay cho cháu.

Tôi cúi xuống gần anh và khẽ nói. Đến lúc ấy, anh mới nhắm mắt đi xuôi.

(Trích **Chiếc lược ngà**, Nguyễn Quang Sáng, Ngữ văn 9, Tập 1)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Thể thơ của đoạn thơ: tự do	0,5 điểm
	2	Đoạn thơ trên sử dụng phương thức biểu đạt chính là biểu cảm	0,5 điểm
	3	Biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ cuối của khổ thơ thứ nhất là biện pháp điệp từ. Tác dụng: vừa nhấn mạnh, vừa gợi cho cảm xúc của người đọc vào lý do rằng trong con người Việt Nam vẫn luôn tồn tại "nhân văn", "đồng bào" nên dù nước ta có nhỏ bé thật đấy nhưng vẫn làm nên được những điều phi thường.	1,0 điểm
	4	Nội dung chính của đoạn thơ: Sự đoàn kết của cả nước trước đại dịch. (Các em tự nêu suy nghĩ và nêu cảm xúc của mình.)	1,0 điểm
II	1	<p>*Mở đoạn:Dẫn dắt đề tài: Sau khi đọc bài thơ "Đất nước ở trong tim" của cô giáo Chu Ngọc Thanh đã cho em những suy nghĩ gì về tinh thần đoàn kết.</p> <p>*Thân đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích: <ul style="list-style-type: none"> + Tinh thần đoàn kết là sự gắn kết, sự liên kết bền chặt giữa các cá nhân trong một tập thể để trải qua hoặc hoàn thành những giai đoạn khác nhau của cuộc sống. + Tinh thần đoàn kết đó cũng được bộc lộ rõ nét trong tình hình đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nặng nề về cả kinh tế, tính mạng và sức khỏe người dân. - Biểu hiện của tinh thần đoàn kết <ul style="list-style-type: none"> + Khi xưa, tinh thần đoàn kết của nhân dân, của ông cha ta khi đánh lùi giặc ngoại xâm, giữ vững bảo toàn lãnh thổ Việt Nam khỏi thực dân Pháp, đế quốc Mỹ. + Ngày nay, tinh thần đoàn kết chính là chung tay vào xây dựng phát triển đất nước, xã hội. Khi dịch bệnh bùng phát, người dân trong cả nước ủng hộ, quyên góp sức người sức của. Không chỉ 	2,0 điểm

	<p>có các y, bác sĩ, những chiến sĩ ngoài biên phòng... mà là toàn Đảng, toàn dân ta cùng chung tay chống dịch.</p> <p>- Làm sao có được sự đoàn kết ?</p> <p>+ Mỗi cá nhân nên đặt lợi ích chung hàng đầu, phấn đấu cống hiến hết mình vì tổ chức.</p> <p>+ Hiểu rõ sức mạnh đoàn kết và cố gắng phát huy tinh thần đó trong tổ chức, tập thể.</p> <p>- Lên án người không có sự đoàn kết:</p> <p>+ Phê phán các cá nhân sống ích kỷ, hẹp hòi, chỉ nghĩ cho bản thân mình, vì trục lợi mà bán khẩu trang, nước rửa tay khô giá đắt, không đạt tiêu chuẩn...</p> <p>+ Phê phán những kẻ âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, lan truyền mê tín dị đoan, thông tin sai lệch ảnh hưởng nghiêm trọng tới cộng đồng.</p> <p>*Kết đoạn: Đúc kết lại vấn đề và rút ra bài học cho bản thân em.</p>	
2	<p>I.Mở bài</p> <p>- Giới thiệu vài nét về tác giả Nguyễn Quang Sáng và tác phẩm “<i>Chiếc lược ngà</i>”.</p> <p>- Giới thiệu cảm nghĩ khái quát về nhân vật ông Sáu.</p> <p>- Giới thiệu về vấn đề nghị luận: Tình yêu của ông Sáu dành cho bé Thu, được thể hiện trong đoạn văn kể chuyện khi ông trở về khu căn cứ và làm cho con cây lược ngà.</p> <p>II. Thân bài</p> <p>1. Khái quát</p> <p>Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến, mãi đến khi con gái ông lên tám tuổi, ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Bé Thu không chịu nhận cha vì vết sẹo trên mặt làm ba em không giống với người chụp chung với má trong bức ảnh mà em đã biết. Thu đối xử với ba như người xa lạ, đến lúc hiểu ra, tình cảm cha con thức dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải lên đường. Ở khu căn cứ, bao nỗi nhớ thương con, ông dồn vào việc làm cho con cây lược. Ông hi sinh trong một trận càn của Mỹ nguỵ. Trước lúc nhắm mắt, ông còn kịp trao cây lược cho một người bạn. Tình đồng đội, tình cha con của ông Sáu được miêu tả thật cảm động, làm sáng ngời vẻ đẹp của</p>	5,0 điểm

người lính Cách mạng, của người cha yêu con.

2. Tình cảm của ông Sáu dành cho con khi ông ở căn cứ kháng chiến.

- Kiếm được ngà voi, mặt ông *“hón hỏ như một đĩa trể được quà”*. Những lúc rỗi, ông *“ngồi tựa chiếc rặng lược, thận trọng tỉ mỉ và khổ công như người thợ bạc”*. Trên sống lưng cây lược, ông đã tần mẩn khắc một dòng chữ nhỏ: *“Yêu nhớ tặng Thu con của ba”*. Dòng chữ nhỏ mà chứa bao tình cảm lớn lao. Việc làm chiếc lược vừa là cách ông giải tỏa tâm trạng mong nhớ, ân hận vừa là cách gửi vào đó những yêu thương khao khát cháy bỏng dành cho đứa con gái yêu của mình. Chiếc lược ngà giờ đây đã trở thành một vật quý giá thiêng liêng với ông Sáu. Nó làm dịu đi nỗi ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm yêu mến, nhớ thương, mong đợi của người cha đối với đứa con xa cách. Cây lược ấy chưa chải được mái tóc của con nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của ông. Những lúc nhớ con, ông *“lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng thêm mượt”*. Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ trở thành một nghệ nhân - nghệ nhân chỉ sáng tạo ra một tác phẩm duy nhất trong đời. Ông gửi vào đó bao lời nhắn nhủ thiêng liêng, gửi vào đó bao nỗi nhớ mong con. Chiếc lược ngà là kết tinh tình phụ tử mộc mạc mà đậm thắm, đơn sơ mà diệu kì, là hiện hữu của tình cha con bất hủ giữa ông Sáu và bé Thu. Tình thương ông dành cho con cháy bỏng, như một dòng sông chảy mãi từ suối nguồn, như dòng máu chảy sâu vào tim ông, vào tâm hồn ông đến phút cuối vẫn bùng cháy chẳng nguôi.

- Một tình cảnh đau thương lại đến với cha con ông Sáu: trong một trận càn lớn của quân Mỹ ngụy, ông Sáu bị một viên đạn bắn vào ngực và ông đã hi sinh. *“Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được”*, tất cả tàn lực cuối cùng chỉ còn cho ông làm một việc *“đưa tay vào túi, móc cây lược”* đưa cho người bạn chiến đấu. Đó là điều trăng trối không lời nhưng nó thiêng liêng hơn cả những lời di

chúc. Nó là sự ủy thác, là ước nguyện cuối cùng, ước nguyện của tình phụ tử. Chiếc lược ngà như là biểu tượng của tình thương yêu, săn sóc của người cha dành cho con gái, cho dù đến khi không còn nữa anh chưa một lần được chải tóc cho con. Người kể chuyện, đồng đội của ông Sáu đã bộc lộ một sự đồng cảm và xúc động thực sự khi kể lại câu chuyện.

- Những dòng cuối cùng của đoạn trích khép lại trong nỗi buồn mênh mang mà chứa chan ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Chiến tranh là hiện thực đau xót của nhân loại. Chiến tranh đã làm cho con người phải xa nhau, chiến tranh làm khuôn mặt ông Sáu biến dạng, chiến tranh khiến cuộc gặp gỡ của hai cha con vô cùng éo le, bị thử thách, rồi một lần nữa chiến tranh lại khắc nghiệt để ông Sáu chưa kịp trao chiếc lược ngà đến tận tay cho con mà đã phải hi sinh trên chiến trường. Nhưng những đau thương mất mát mà chiến tranh tàn bạo gây ra không thể nào giết chết những tình cảm đẹp đẽ của con người Việt Nam. “Chiếc lược ngà” như một truyện cổ tích hiện đại dẫn người đọc dõi theo số phận của nhân vật. Người còn, người mất nhưng kỉ vật gạch nối giữa cái mất mát và sự tồn tại là chiếc lược ngà nói với chúng ta nhiều điều về tình người, tình đồng chí, tình cha con. Cảm động nhất, để lại ấn tượng nhiều nhất cho người đọc là tình phụ tử thiêng liêng, sâu đậm – tình yêu thương mà ông Sáu dành cho đứa con gái.

3. Nhận xét, đánh giá:

- Có thể nói nhân vật ông Sáu được nhà văn xây dựng bằng những nét nghệ thuật đặc sắc. Nguyễn Quang Sáng đã đặt nhân vật vào cảnh ngộ éo le của đời sống để từ đó ngòi bút miêu tả tâm lí tinh tế đã phát hiện bao cung bậc cảm xúc của tình phụ tử.

- Ngôn ngữ kể chuyện vừa truyền cảm, vừa mang đậm chất địa phương Nam Bộ đem đến cho người đọc nhiều xúc động. Đặc biệt, nhà văn đã lựa chọn được một số chi tiết nghệ thuật rất đắt giá như lời dặn mua cho con cây lược của bé Thu, ông Sáu hờn hờ khi kiếm được chiếc ngà voi... Tất cả đã góp phần tô đậm vẻ đẹp của

	<p>người chiến sĩ Cách mạng, của người cha yêu con nông thắm.</p> <p>III. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định thành công của tác giả trong việc thể hiện tình phụ tử thiêng liêng. - Khẳng định giá trị tác phẩm. 	
--	--	--

ĐỀ SỐ 62

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi.

(1) Một chàng trai trẻ đến gặp một chuyên gia đá quý và đề nghị ông ta dạy cho anh trở thành một nhà nghiên cứu về đá quý. Chuyên gia nọ từ chối vì ông sợ rằng chàng trai không đủ kiên nhẫn để theo học. Chàng trai cầu xin một cơ hội. Cuối cùng, vị chuyên gia đồng ý và bảo chàng trai "Ngày mai hãy đến đây".

(2) Sáng hôm sau, vị chuyên gia đặt một hòn ngọc bích vào tay chàng trai và bảo chàng hãy cầm nó. Rồi ông tiếp tục công việc của mình: mài đá, cân và phân loại đá quý. Chàng trai ngồi yên lặng và chờ đợi.

(3) Buổi sáng tiếp theo, vị chuyên gia lại đặt hòn ngọc bích vào tay chàng trai và bảo chàng cầm nó. Ngày thứ ba, thứ tư, thứ năm sau đó vị chuyên gia vẫn lặp lại hành động trên.

(4) Đến ngày thứ sáu, chàng trai vẫn cầm hòn ngọc bích nhưng chàng không thể im lặng được nữa.

- Thưa thầy - chàng trai hỏi - khi nào thì em sẽ bắt đầu học ạ?

- Con sẽ được học - vị chuyên gia trả lời và tiếp tục công việc của mình.

(3) Vài ngày nữa lại trôi qua và sự thất vọng của chàng trai càng tăng. Một ngày kia, khi vị chuyên gia bảo chàng trai đưa tay ra, chàng định nói với ông ta rằng chàng chẳng muốn tiếp tục việc này nữa. Nhưng khi vị chuyên gia đặt hòn ngọc bích lên tay chàng trai, chàng nói mà không cần nhìn viên đá:

- Đây không phải là hòn đá con vẫn cầm!

- Con đã bắt đầu học rồi đấy - vị chuyên gia nói.

(Theo Quà tặng cuộc sống. NXB Trẻ, 2013)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 2. Vì sao ban đầu vị chuyên gia lại từ chối lời đề nghị của chàng trai?

Câu 3. Tìm câu văn có lời dẫn trực tiếp trong đoạn (1), sau đó chuyển thành lời dẫn gián tiếp.

Câu 4. Em có đồng tình với quan điểm được gọi ra từ phần đọc hiểu "tự học là cách học tập hiệu quả nhất" không? Vì sao? (Trình bày từ 7 đến 10 câu)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung của văn bản trong phần đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của lòng kiên nhẫn.

Câu 2. (5,0 điểm)

Trình bày suy nghĩ về nhân vật Phương Định trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản là: tự sự	0,5 điểm
	2	Ban đầu vị chuyên gia lại từ chối lời đề nghị của chàng trai vì ông sợ rằng chàng trai không đủ kiên nhẫn để theo học.	0,5 điểm
	3	Lời dẫn trực tiếp trong đoạn (1): "Ngày mai hãy đến đây". Chuyển thành lời dẫn gián tiếp: Cuối cùng, vị chuyên gia đồng ý và bảo chàng trai hãy đến đây và ngày mai.	1,0 điểm
	4	Tự học là cách học tập hiệu quả nhất là quan điểm đúng đắn bởi: - Tự học giúp ta chủ động tiếp thu kiến thức thoải mái hơn, có sự cầu tiến - Thúc đẩy con người tự chủ hơn trong mọi công việc, có động lực tìm kiếm đam mê của mình - Giúp kiến thức nhớ lâu hơn, khắc ghi trong suy nghĩ để áp dụng vào thực tế.	1,0 điểm
II	1	1.Mở đoạn: Dẫn dắt, giới thiệu về lòng Kiên nhẫn. Nêu khái quát nhận định, suy nghĩ của em về lòng Kiên nhẫn và vai trò của nó đối với mỗi người (quan trọng, cần thiết,...). 1.Thân đoạn: Giải thích Kiên nhẫn là gì? Sự nhẫn nại, bền bỉ, vững vàng, không cúi đầu trước thất bại, không buồn bỏ cho đến khi đạt được mục tiêu đặt ra. Người có lòng kiên nhẫn là người như thế nào? Người biết cố gắng phấn đấu, không ngại khó khăn, thất bại trên con đường dẫn đến thành công. Tầm quan trọng của lòng kiên nhẫn: Giúp con người rèn luyện ý chí, nghị lực từ đó không dễ dàng bị vấp ngã. Làm cho con người trở nên bản lĩnh hơn, không sợ hãi hay lùi bước trước những khó khăn có thể xảy đến trong cuộc sống. Trang bị cho con người những phẩm chất đẹp, là chìa khóa dẫn đến sự thành công trong nhiều lĩnh vực. Người có lòng kiên nhẫn tích góp được cho mình nhiều kinh nghiệm quý giá và sự dẻo dai.	2,0 điểm

	<p>Người không có long kiên nhẫn thường chán nản, bỏ dở mọi việc giữa chừng, khó thành công trong mọi việc.</p> <p>Dẫn chứng cụ thể một vài tấm tấm gương về lòng kiên nhẫn mà em biết:</p> <p>Đối tượng là ai? tên gì? (có thể lấy ví dụ về một danh nhân, một người bạn mà em biết). Sống ở đâu? (nếu biết)</p> <p>Lòng Kiên nhẫn được thể hiện qua điều gì?</p> <p>Nó giúp đối tượng đạt được những thành công như thế nào?</p> <p>Qua đó, nêu cảm nghĩ của em về tầm quan trọng của lòng Kiên nhẫn đối với sự thành công của một con người. (là yếu tố quan trọng, cần thiết, không thể thiếu,...)</p> <p>- Liên hệ bản thân, đúc kết kinh nghiệm và đưa ra lời khuyên.</p> <p>3. Kết đoạn</p> <p>- Khẳng định lại quan điểm, nhận định về lòng Kiên nhẫn.</p>	
2	<p>1/ Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác.</p> <p>Sơ lược đánh giá: về vẻ đẹp của nhân vật Phương Định và thành công về nghệ thuật của truyện.</p> <p>2/ Thân bài: Lần lượt trình bày các luận điểm:</p> <p>Phương Định là cô gái Hà Nội dễ thương, có tâm hồn trong sáng, mơ mộng, hồn nhiên.</p> <p>Phương Định là cô thanh niên xung phong: dũng cảm, lạc quan.</p> <p>Phương Định là hình ảnh đẹp tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam thời đánh Mỹ.</p> <p>Phương Định được khắc họa sinh động: qua nghệ thuật kể chuyện tự nhiên, miêu tả tâm lý nhân vật</p> <p>3/ Kết bài: Khẳng định lại vẻ đẹp của nhân vật Phương Định và những thành công về nghệ thuật xây dựng nhân vật.</p> <p>- Liên hệ thực tế rút ra bài học thiết thực cho bản thân.</p>	5,0 điểm

ĐỀ SỐ 63

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc ngữ liệu và trả lời các câu hỏi:

Điều gì là quan trọng?

Chuyện xảy ra tại một trường trung học.

Thầy giáo giơ cao một tờ giấy trắng, trên đó có một vệt đen dài và đặt câu hỏi với học sinh:

- Các em có thấy gì không?

Cả phòng vang lên câu trả lời:

- Đó là một vệt đen.

Thầy giáo nhận xét:

- Các em trả lời không sai. Nhưng không ai nhận ra đây là một tờ giấy trắng ư?

Và thầy kết luận:

- Có người thường chú tâm đến những lỗi lầm nhỏ nhất của người khác mà quên đi những phẩm chất tốt đẹp của họ. Khi phải đánh giá về một sự việc hay một con người, thầy mong các em đừng chú trọng vào vệt đen mà hãy nhìn ra tờ giấy trắng với nhiều mảng sạch mà ta có thể viết lên đó những điều có ích cho đời,

(Trích Quà tặng cuộc sống)

Câu 1:

a) Xác định phương thức biểu đạt chính. (0,5 điểm)

b) Cho biết cách trích dẫn ở phần in đậm? (0,5 điểm)

c) Chỉ ra và gọi tên phép liên kết hình thức ở phần in đậm. (0,5 điểm)

Câu 2: (0,5 điểm)

Em hiểu thế nào về câu nói: "Có người thường chú tâm đến những lỗi lầm nhỏ nhất của người khác mà quên đi những phẩm chất tốt đẹp của họ"?

Câu 3: (1,0 điểm)

Từ ngữ liệu trên, em rút ra bài học gì?

II. PHẦN LÀM VĂN: (7,0 điểm).**Câu 1: (2,0 điểm)**

Từ ngữ liệu ở phần đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về lời khuyên của thầy giáo " Khi phải đánh giá về một sự việc hay một con người, thầy mong các em đừng chú trọng vào vệt đen mà hãy nhìn ra tờ giấy trắng với nhiều mảng sạch mà ta có thể viết lên đó những điều có ích cho đời,"

Câu 2. (5,0 điểm)

Phân tích khổ thơ cuối bài Viếng lăng Bác của Viễn Phương

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	a) Xác định phương thức biểu đạt chính: Tự sự b) Cho biết cách trích dẫn ở phần in đậm: trực tiếp c) Phép nối: Nhưng	1,5 điểm
	2	Việc chỉ “chú tâm đến những lỗi lầm nhỏ nhất của người khác mà quên đi những phẩm chất tốt đẹp của họ” thể hiện một cách đánh giá con người chủ quan, phiến diện, thiếu đi sự độ lượng, bao dung cần thiết để nhìn nhận, đánh giá người khác một cách toàn diện.	0,5 điểm
	3	Các em có thể tùy theo suy nghĩ của mình:	1,0 điểm

		<p>Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đừng đánh giá người khác qua sai lầm, thiếu sót, hạn chế của họ - Đừng bao giờ phán xét người khác một cách dễ dàng 	
II	1	<p>1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có một lời khuyên của thầy giáo nói với học sinh " Khi phải đánh giá về một sự việc hay một con người, thầy mong các em đừng chú trọng vào vệt đen mà hãy nhìn ra tờ giấy trắng với nhiều mảng sạch mà ta có thể viết lên đó những điều có ích cho đời." <p>2. Thân đoạn:</p> <p>Giải thích từ cách nhìn: cách nhìn là sự quan sát, đánh giá, quan niệm của mỗi người về hiện tượng, sự vật, con người, cuộc sống...</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Vệt đen”: những lỗi lầm những điều chưa tốt, chưa hoàn hảo ở một con người - “Tờ giấy trắng” những điều tốt, những khoảng trống trong tâm hồn một người có thể tạo dựng vun đắp để tạo nên những điều tốt đẹp <p>=> Ý kiến của thầy giáo là một lời khuyên vô cùng đúng đắn: Khi đánh giá một con người không nên quá chú ý vào những sai lầm thiếu sót mà cần biết trân trọng những điều tốt đẹp, biết nhìn thấy trong tâm hồn mỗi người đều có những khoảng trống để từ đó có thể tạo dựng, vun đắp, hoàn thiện nhân cách.</p> <p>Bình luận về ý nghĩa gợi ra từ câu chuyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cuộc sống muôn hình vạn trạng , cùng một sự việc xảy ra, cùng một vấn đề nhưng mỗi người lại có cách đánh giá khác nhau, phụ thuộc vào cách nhìn nhận chủ quan của bản thân. + Trong cuộc sống có những cách đánh giá, nhìn nhận vấn đề đánh mất cơ hội, sự tự tin, lạc quan của con người. Cách nhìn này kìm hãm sự nỗ lực hành động vươn lên của con người. Nhưng trong cuộc sống cũng có những cách đánh giá, nhìn nhận vấn đề tạo cơ hội, niềm tin, lạc quan của con người. Đó là cách nhìn tạo động lực giúp con người nỗ lực hành động để tạo ra những thành quả có ý nghĩa cho bản thân và xã hội. + Để có được cách nhìn đúng đắn, tích cực con người cần có sự tinh nhạy, sắc bén, sâu sắc khi 	2,0 điểm

	<p>quan sát và suy xét thấu đáo vấn đề trước khi đưa ra kết luận. Và quan trọng hơn là phải có niềm tin đối với đối tượng được nhìn nhận, đánh giá.</p> <p>+ Phản đề : Phê phán những người có cái nhìn hời hợt, có cách đánh giá chủ quan theo cảm tính. Phê phán cái nhìn bi quan, thiếu tự tin,...</p> <p>Liên hệ và rút ra bài học:</p> <p>+ Cuộc sống vốn muôn màu, muôn sắc nên khi nhìn nhận vấn đề không được vội vàng, hấp tấp chỉ nhìn hời hợt bên ngoài hiện tượng mà phải suy nghĩ kỹ lưỡng trước khi đưa ra kết luận. Và phải có trách nhiệm trước sự đánh giá của bản thân.</p> <p>+ Cần có cách nhìn lạc quan để phát hiện mặt tốt, mặt tích cực của sự vật, hiện tượng, con người....</p> <p>Từ đó luôn biết vượt qua những khó khăn, thử thách để tạo cơ hội hướng tới mục đích cao cả.</p> <p>3.Kết đoạn: khẳng định vấn đề</p>	
2	<p>I. Mở bài</p> <p>- Giới thiệu nhân cách phẩm chất đạo đức của chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại</p> <p>- Nêu vấn đề nghị luận: Phân tích khổ cuối bài thơ Viếng lăng Bác của nhà thơ Viễn Phương</p> <p>II. Thân bài</p> <p>1. Giới thiệu khái quát chung về bài thơ</p> <p>Viếng Lăng Bác được nhà thơ Viễn Phương sáng tác năm 1976 khi ông được vinh dự cùng đoàn đại biểu miền Nam ra thủ đô Hà Nội viếng lăng Bác sau ngày đất nước hoàn toàn thống nhất và lăng Bác vừa được hoàn thành.</p> <p>2. Phân tích nội dung khổ thơ cuối</p> <p>- Niềm thương cảm lớn lao:</p> <p><i>Mai về miền Nam thương trào nước mắt</i></p> <p>+ Một tiếng “thương” của miền Nam là trọn vẹn tình cảm của người miền Nam đối với Bác.</p> <p>+ Thương là yêu là kính yêu là quý trọng cả cuộc đời cao thượng vĩ đại của Bác đã dành hết cho dân cho nước cho sự nghiệp giải phóng dân tộc:</p> <p><i>Bác để tình thương cho chúng con</i></p> <p><i>Một đời thanh bạch chẳng vàng son</i></p> <p>+ Thương là xót xa vì nỗi đau mất mát đi người cha già kính yêu, nỗi đau ấy trào dâng thành nước mắt, mà cả dân tộc Việt Nam không kiềm lại được. Nỗi đau niềm thương tiếc của nhân dân Việt Nam đối với Bác làm cảm động cả tâm lòng trời</p>	5,0 điểm

	<p>đất khi: <i>Suốt mấy đêm dài đau tiễn đưa</i> <i>Đời tuôn nước mắt trời tuôn mưa</i> => Câu thơ như bộc lộ rất chân thành nỗi xót thương vô hạn bị kềm nén cho tới phút chia tay và tuôn thành dòng lệ. - Nguyên ước của tác giả: + Trong cảm xúc nghẹn ngào, tâm trạng lưu luyến ấy, nhà thơ như muốn được hoá thân để mãi mãi bên Người: <i>Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác</i> <i>Muốn làm đoá hoa tỏa hương đâu đây</i> <i>Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này</i> + Điệp ngữ "muốn làm" được nhắc tới ba lần cùng với các hình ảnh liên tiếp con chim, đoá hoa, cây tre như để nói lên ước nguyện tha thiết của nhà thơ muốn là Bác yên lòng, muốn đền đáp công ơn trời biển của Người. => Nguyên ước của nhà thơ vừa chân thành, sâu sắc đó cũng chính là những cảm xúc của hàng triệu con người miền Nam trước khi rời lăng Bác sau những lần đến thăm Người. III. Kết bài - Nêu cảm nhận của bản thân về khổ thơ</p>	
--	--	--

ĐỀ SỐ 64

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới:

"*Quê hương mỗi người chỉ một,*
Như là chỉ một mẹ thôi.
Quê hương nếu ai không nhớ,
Sẽ không lớn nổi thành người."

(Trích "Bài học đầu cho con" - Đỗ Trung Quân - thivien.net).

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. (1,5 điểm) Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong câu "Quê hương mỗi người chỉ một,/ Như là chỉ một mẹ thôi, ""

Câu 3. (1,0 điểm). Em tâm đắc nhất với thông điệp nào được tác giả gửi gắm trong hai câu thơ "Quê hương nếu ai không nhớ. Sẽ không lớn nổi thành người ""

II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ văn bản trong phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của quê hương đối với mỗi con người.

Câu 2. (5,0 điểm)

Về *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ, có ý kiến cho rằng: *Tác phẩm không chỉ phản ánh số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến mà còn khẳng định vẻ đẹp truyền thống đáng quý của họ.*

Theo em, ý kiến trên thể hiện như thế nào qua nhân vật Vũ Nương?

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm	0,5 điểm
	2	Biện pháp tu từ: So sánh: Quê hương như là chỉ một mẹ thôi. Tác dụng: nhấn mạnh tình yêu tha thiết, sự gắn bó sâu nặng với quê hương của tác giả. Đồng thời đã làm nổi bật hình ảnh quê hương thật ấm áp, gần gũi, thân thương, máu thịt, thấm thiết.	1,5 điểm
	3	Học sinh có thể tùy ý kiến của mình mà đưa ra thông điệp bản thân tâm đắc: Gợi ý: - Vai trò của quê hương. - Giáo dục tình yêu quê hương	1,0 điểm
II	1	<p>1.Mở đoạn: Dẫn dắt vấn đề: Trong mỗi con người chúng ta, quê hương có ý nghĩa vô cùng quan trọng.</p> <p>2. Thân đoạn:</p> <p>a. Giải thích:</p> <p>- Quê hương có ý nghĩa là gì? => Quê hương chính là nơi ta sinh ra và lớn lên, nơi mà ta có nhiều kỉ niệm gắn liền với những kí ức và tâm hồn của mỗi con người, là một thứ vô hình, vô dạng nhưng đã in sâu vào trong tâm trí chúng ta để khi đi xa ta vẫn nhớ về nó.</p> <p>b. Ý nghĩa của quê hương đối với mỗi con người.</p> <p>- Mỗi con người đều gắn bó với quê hương, mang bản sắc, truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp của quê hương. Chính vì thế, tình cảm dành cho quê hương ở mỗi con người là tình cảm có tính chất tự nhiên, sâu nặng.</p> <p>- Quê hương luôn bồi đắp cho con người những giá trị tinh thần cao quý: tình làng nghĩa xóm. tình yêu quê hương, gia đình sâu nặng...</p> <p>- Quê hương luôn là điểm tựa vững vàng cho con người trong mọi hoàn cảnh, là nguồn cổ vũ, động viên, là đích hướng về của con người. (Lưu ý: HS lấy dẫn chứng trong đời sống, trong văn học để chứng minh)</p> <p>c. Trách nhiệm của mỗi con người, rút ra bài học</p> <p>- Tình yêu quê hương, gia đình luôn gắn liền với tình yêu đất nước. Cần hướng về quê hương, song không có nghĩa là chỉ hướng về mảnh đất nơi mình sinh ra, mà phải biết tôn trọng và yêu quý tất cả những gì thuộc về Tổ quốc.</p> <p>- Xây đắp, bảo vệ, phát huy những truyền thống tốt đẹp của quê hương, đất nước là trách nhiệm,</p>	2,0 điểm

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

"Một người ăn xin đã già. Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi. Ông chìa tay xin tôi. Tôi lục hết túi nọ đến túi kia, không có lấy một xu, không có cả khăn tay, chẳng có gì hết. Ông vẫn đợi tôi. Tôi chẳng biết làm thế nào. Bàn tay tôi run run nắm chặt lấy bàn tay nóng hổi của ông:

- Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả.

Ông nhìn tôi chăm chăm, đôi môi nở nụ cười:

- Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi.

Khi ấy tôi chợt hiểu ra: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được một cái gì đó của ông."

(Theo Tuốc – ghê – nhép)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên. (0.5 điểm)

Câu 2: Hành động và lời nói của nhân vật "Tôi" trong câu chuyện thể hiện tình cảm gì của nhân vật đối với ông lão ăn xin? (0.5 điểm)

Câu 3: Theo em, nhân vật "Tôi" trong câu chuyện đã nhận được gì ở ông lão ăn xin? (0,5 điểm)

Câu 4: Em rút ra bài học gì qua câu chuyện trên? (1.5 điểm)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm)

Từ câu chuyện trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về tình yêu thương của giới trẻ hiện nay.

Câu 2: (5.0 điểm)

Phân tích nhân vật anh thanh niên qua đoạn trích sau:

- Anh hạ giọng, nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều:
- Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Và, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả "thèm" hờ bác? Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy. Bác lái xe đi, về Lai Châu cứ đến đây dừng lại một lát.. Không vào giờ "ốp" là cháu chạy xuống chơi, lâu thành lệ. Cháu bỗng dưng tự hỏi: Cái nhớ xe, nhớ người ấy thật ra là cái gì vậy? Nếu là nỗi nhớ phồn hoa đô hội thì xoàng. Cháu ở liên trong trạm hàng tháng. Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toe, mặc, cháu gan lì nhất định không xuống. Ấy thế là một hôm, bác lại phải thân hành lên trạm cháu. Cháu nói: "Đấy, bác cũng chẳng thèm người là gì?"

Anh xoay sang người con gái đang một mắt đọc cuốn sách, một mắt lắng nghe, chân cô đứng đưa khe khẽ, nói:

- Và cô cũng thấy đấy, lúc nào tôi cũng có người trò chuyện. Nghĩa là có sách ấy mà. Mỗi người viết một về.

- Quê anh ở đâu thế? - Họa sĩ hỏi.

- Quê cháu ở Lào Cai này thôi. Năm trước, cháu tưởng cháu được đi xa lắm cơ đấy, hóa lại không. Cháu có ông bố tuyệt lắm. Hai bố con cùng viết đơn xin ra lính đi mặt trận. Kết quả: bố cháu thắng cháu một - không. Nhân dịp Tết, một đoàn các chú lái máy bay

lên thăm cơ quan cháu ở Sa Pa. Không có cháu ở đây. Các chú lại cử một chú lên tận đây. Chú ấy nói: nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy, tháng ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Đối với cháu, thật là đột ngột, không ngờ lại là như thế. Chú lái máy bay có nhắc đến bố cháu, ôm cháu mà lắc “Thế là một - hoà nhé!”. Chưa hòa đâu bác ạ. Nhưng từ hôm ấy cháu sống thật hạnh phúc. Ô, bác vẽ cháu đây ư? Không, không, đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn... .

(**Lặng lẽ Sa Pa**, Nguyễn Thành Long, SGK Ngữ Văn 9, tập 1, NXBGD)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: tự sự	0,5 điểm
	2	Hành động và lời nói của nhân vật “ <i>tôi</i> ” đã thể hiện tình cảm xót thương và đồng cảm với cảnh ngộ của người ăn xin	0,5 điểm
	3	Nhân vật “ <i>tôi</i> ” nhận được <u>lời cảm ơn</u> từ ông lão, đồng thời nhận được <u>bài học sâu sắc</u> : Sự đồng cảm, tình người có giá trị hơn mọi thứ vật chất, của cải khác	0,5 điểm
	4	Các bài học rút ra từ văn bản: - Sự quan tâm, lòng chân thành chính là món quà tinh thần quý giá nhất đối với những mảnh đời bất hạnh, nó vượt lên trên mọi giá trị vật chất khác. - Phải biết yêu thương, chia sẻ, đồng cảm với hoàn cảnh, số phận của người khác - Khi cho đi cũng chính là lúc ta nhận lại. Trả lời được 1 trong 3 bài học trên thì được trọn điểm Học sinh có thể rút ra các bài học khác nhau nhưng phải gắn với thông điệp của văn bản.	1,5 điểm
II	1	1/ Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề bàn luận: Tình yêu thương con người là phẩm chất cao quý, sáng ngời giá trị nhân văn của mỗi con người chúng ta, phát xuất từ tình yêu những người ruột thịt : cha mẹ, anh em, họ hàng cô bác rồi đến cộng đồng người trong xã hội nói chung. 2/ Thân đoạn: Đưa ra quan điểm đánh giá của bản thân: - Quan điểm tích cực: Giới trẻ ngày nay vẫn luôn thể hiện tình yêu thương của mình với gia đình, thầy cô, bạn bè và xã hội. Những học sinh, sinh viên không những lo đèn sách, học tập văn hóa, bồi dưỡng kiến thức mà họ còn tham gia nhiều hoạt động xã hội như: Chiến dịch tình nguyện	2,0 điểm

	<p>mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo, dạy thêm cho các mái ấm ... đó là biểu hiện tốt đẹp của tình yêu thương con người</p> <p>- Quan điểm tiêu cực: Hiện nay, một bộ phận giới trẻ ăn chơi lêu lổng, ích kỉ, vô cảm với cuộc sống của người thân trong gia đình và xã hội. Những người này không những không thể hiện tình yêu thương đối với gia đình, mọi người xung quanh mà thậm chí trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội.</p> <p>Rút ra bài học cho bản thân</p> <p>3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề</p>	
2	<p>1. Mở bài: Giới thiệu tác giả, đoạn trích</p> <p>- Tác giả Nguyễn Thành Long:</p> <p>+ Là một nhà văn Việt Nam, Nguyễn Thành Long sinh tại huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, nguyên quán ở Quy Nhơn, Bình Định</p> <p>+ Ông có nhiều tác phẩm văn học đặc sắc như: Bác com Cù Hồ (1952), Gió bắc gió nồm (1956), Hương điền (1957), Chuyện nhà chuyện xưởng (1962), Trong gió bão (1963), Gang ra (1964), Những tiếng vỗ cánh (1967), Giữa trong xanh (1972), Nửa đêm về sáng (1978), Lý Sơn mùa tỏi (1980), Sáng mai nao, xế chiều nào (1984),...</p> <p>- Tác phẩm <i>Lặng lẽ Sapa</i>:</p> <p>+ Tác phẩm xoay quanh cuộc gặp gỡ của bốn nhân vật</p> <p>+ Qua câu chuyện ta có thể thấy được nhiều phẩm chất tốt đẹp của anh thanh niên</p> <p>+ Tác phẩm xây dựng hình tượng nhân vật độc đáo</p> <p>+ Đoạn trích nằm trong đoạn hội thoại của anh thanh niên với ông họa sĩ qua đó bộc lộ vẻ đẹp trong tính cách của người thanh niên.</p> <p>2. Thân bài: Phân tích nhân vật anh thanh niên qua đoạn trích cuộc đối thoại với ông họa sĩ</p> <p><i>* Hoàn cảnh sống và làm việc:</i></p> <p>- Nhân vật chính trong truyện làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu. Sống một mình trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m, quanh năm suốt tháng giữa cỏ cây và mây núi Sa Pa. Công việc của anh là: “đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dựa vào công việc báo</p>	5,0 điểm

	<p>trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu”. Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao (nửa đêm đúng giờ ốp thì dù mưa tuyết, giá lạnh thế nào cũng phải trở dậy ra ngoài trời làm công việc đã quy định).</p> <p>- Nhưng cái gian khổ nhất là phải vượt qua được sự cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng một mình trên đỉnh núi cao không một bóng người – một hoàn cảnh thật đặc biệt.</p> <p><i>* Những nét đẹp trong việc làm, cách sống, suy nghĩ, tình cảm và quan hệ với mọi người.</i></p> <p>- Vượt lên hoàn cảnh sống, những vất vả của công việc, anh có những suy nghĩ rất đẹp:</p> <p>- Anh đã có những suy nghĩ thật đúng, thật giản dị mà sâu sắc về công việc, về cuộc sống. Có lẽ đây là những tâm sự chân thành và sâu sắc nhất của anh: “ Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt...mình vì ai mà làm việc”. Dù đang một mình nhưng anh tự hiểu mình đang cùng với bao nhiêu người khác làm việc, làm việc vì con người, vì cuộc sống, nên không còn thấy cô đơn nữa.</p> <p>- Anh có những suy nghĩ thật đúng và sâu sắc về công việc đối với cuộc sống con người: “khi ta làm việc, ta với công việc là một, sao lại gọi là một mình được” và anh hiểu rằng công việc của anh còn gắn với công việc của bao anh em đồng chí dưới kia. “Công việc của cháu gian khổ thật đấy chứ vất vả nó đi, cháu buồn đến chết mất”.</p> <p>- Ý thức về công việc và lòng yêu nghề, thấy được ý nghĩa cao quý trong công việc thầm lặng của mình. Anh không tô đậm cái gian khổ của công việc, nhưng anh nhấn mạnh niềm hạnh phúc khi biết được mình góp phần phát hiện kịp thời một đám mây khô mà nhờ đó “ không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng”</p> <p>- Anh còn biết tìm đến những niềm vui lành mạnh để cân bằng cuộc sống tinh thần của mình. Cuộc sống của anh không còn cô đơn, buồn tẻ khi anh biết lấy sách làm người bạn tâm tình, biết tổ chức cuộc sống của mình một cách ngăn nắp, tươi tắn (trồng hoa, nuôi gà). Thế giới</p>	
--	---	--

	<p>riêng của anh là công việc “ Một căn nhà ba gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm. Cuộc đời anh thu gọn lại một góc trái gian với chiếc giường con, một chiếc bàn học, một giá sách”</p> <p><i>* Ở người thanh niên ấy còn có nhiều nét tính cách và phẩm chất rất đáng mến</i></p> <p>- Anh đếm từng phút vì sợ hết mất ba mươi phút gặp gỡ vô cùng quý báu: “ Bác lái xe chỉ cho ba mươi phút thôi. Hết năm phút rồi. Cháu nói qua công việc của cháu năm phút. Còn hai mươi phút, mời cô và bác vào nhà uống chè, cho cháu nghe chuyện. Cháu thèm nghe chuyện dưới xuôi lắm”, “ Trời ơi chỉ còn có năm phút !”</p> <p>- Anh còn người khiêm tốn thành thực, cảm thấy công việc và những đóng góp của mình chỉ là nhỏ bé. Khi ông họa sĩ muốn vẽ chân dung anh, anh không dám từ chối để khỏi vô lễ, nhưng anh nhiệt thành giới thiệu những người khác mà anh thực sự cảm phục.</p> <p>=> Dù anh thanh niên chỉ xuất hiện trong khoảng khắc nhưng bằng những chi tiết tiêu biểu, tác giả đã phác họa được chân dung nhân vật với những nét đẹp về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa của công việc.</p> <p>3. Kết bài:</p> <p>- Nêu cảm nghĩ của em về phẩm chất con người tốt đẹp của anh thanh niên.</p> <p>- Qua câu chuyện về anh thanh niên, tác phẩm cũng gợi ra những vấn đề về ý nghĩa và niềm vui của lao động tự giác, vì những mục đích chân chính đối với con người: dù trong hoàn cảnh đơn độc giữa thiên nhiên vắng lặng quanh năm mà con người vẫn không cô đơn buồn tẻ khi người ta tìm thấy ý nghĩa của công việc và cuộc sống của mình.</p>	
--	--	--

ĐỀ SỐ 66

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc ngữ liệu và trả lời các câu hỏi sau:

Trên đường đời bạn cũng có lúc vấp ngã. Tôi cũng vậy. Ngay cả người tài giỏi, khôn ngoan nhất cũng có lúc vấp ngã. Vấp ngã là điều bình thường, chỉ có những người không bao giờ đứng dậy sau vấp ngã mới là người thực sự thất bại. Điều chúng ta cần

ghi nhớ là, cuộc sống không phải là một cuộc thi đó - trượt... Cuộc sống là một quá trình thử nghiệm các biện pháp khác nhau cho đến khi tìm ra một cách thích hợp. Những người đạt được thành công phần lớn là người biết đứng dậy từ những sai lầm ngớ ngẩn của mình bởi họ coi thất bại, vấp ngã chỉ là tạm thời và là kinh nghiệm bổ ích. Tất cả những người thành đạt mà tôi biết đều có lúc phạm sai lầm. Thường thì họ nói rằng sai lầm đóng vai trò quan trọng đối với thành công của họ. Khi vấp ngã, họ không bỏ cuộc. Thay vì thế, họ xác định các vấn đề của mình là gì, cố gắng cải thiện tình hình và tìm kiếm giải pháp sáng tạo hơn để giải quyết. Nếu thất bại năm lần, họ cố gắng đứng dậy năm lần, mỗi lần một cố gắng hơn, Winston Churchill đã nắm bắt được cốt lõi của quá trình này khi ông nói: "Sự thành công là khả năng đi từ thất bại này đến thất bại khác mà không đánh mất nhiệt huyết và quyết tâm vươn lên".

(Trích *Cuộc sống không giới hạn*, Nick Vujicic, chương VII, trang 236)

Câu 1: (1,0 điểm)

- Xác định phương thức biểu đạt chính. (0,25 điểm)
- Cho biết cách trích dẫn ở phần in đậm? (0,25 điểm)
- Chỉ ra phép liên kết hình thức được sử dụng trong hai câu văn sau: "Khi vấp ngã, họ không bỏ cuộc. Thay vì thế, họ xác định các vấn đề của mình là gì, cố gắng cải thiện tình hình và tìm kiếm giải pháp sáng tạo hơn để giải quyết." (0,5 điểm)

Câu 2: (1,0 điểm)

- Em hiểu thế nào về câu văn: "Vấp ngã là điều bình thường, chỉ có những người không bao giờ đứng dậy sau vấp ngã mới là người thực sự thất bại" ?

Câu 3: (1,0 điểm)

Em có đồng ý với quan điểm của Winston Churchill: "Sự thành công là khả năng đi từ thất bại này đến thất bại khác mà không đánh mất nhiệt huyết và quyết tâm vươn lên." ? Vì sao?

II. LÀM VĂN: (7,0 điểm).

Câu 1: (2,0 điểm).

Từ ngữ liệu phần đọc hiểu, em hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về ý nghĩa của việc đứng dậy sau vấp ngã đối với tuổi trẻ trong cuộc sống.

Câu 2: (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về đoạn thơ:

*Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng,
Ra đậu dặm xa dò bụng biển,
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.
Cá nhụ cá chim cùng cá đé,
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,
Cái đuôi em quẫy trắng vàng chóc.
Đêm thơ: sao lùa nước Hạ Long,*

(Trích *Đoàn thuyền đánh cá*, Huy Cận, Ngữ văn 9, tập 1, NXBGD 2018, tr.140)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	a. Phương thức biểu đạt chính là nghị luận. b. Trích dẫn trực tiếp. c. Phép thế: "Khi vấp ngã, họ không bỏ cuộc." = "Thay vì thế"	1,0 điểm
	2	- Vấp ngã là điều bình thường bởi ai cũng có lúc thất bại và vấp ngã trong cuộc sống, chỉ trừ những người không dám đứng dậy sau vấp ngã hay chính là sợ hãi, không dám đối mặt với những điều xấu nhất có thể xảy ra thì họ mới là người thực sự thất bại.	1,0 điểm
	3	Học sinh có thể đưa ra quan điểm riêng của mình là đồng tình hoặc không đồng tình. Đồng thời đưa ra lập luận giải thích cho quan điểm đó.) Ví dụ: Đồng tình vì: - Thất bại là một phần của cuộc sống và đó là điều rất bình thường, không ai không thành công mà không trải qua những thất bại. - Thất bại thử thách sự kiên nhẫn của con người. Con người biết theo đuổi đam mê, chắc chắn sẽ thành công. - Thất bại cho con người những bài học kinh nghiệm quý báu để nuôi dưỡng đam mê của chính mình.	1,0 điểm
II	1	1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề: ý nghĩa của việc đứng dậy sau vấp ngã đối với tuổi trẻ trong cuộc sống. - Cuộc đời ai cũng từng vấp ngã trước khó khăn thất bại. Điều quan trọng không phải là khó khăn to hay nhỏ mà quan trọng là con người có đủ sức để đứng dậy sau những vấp ngã hay không? 2. Thân đoạn: Bàn luận vấn đề - Con người từ khi sinh ra đã không ít lần vấp ngã: Ngày còn bé bụ bẫm, chập chững tập đi qua bao nhiêu lần vấp ngã đứng dậy và tập đi được. Vì vậy giờ ta có trưởng thành thì ta càng phải biết cách chấp nhận nó như một điều tự nhiên trong cuộc sống để sống nhẹ nhàng và vui vẻ hơn. Thất bại chính là động lực để con người vượt qua, là bài học để từ đó con người rèn luyện bản thân phần đầu để ngày càng hoàn thiện. - Đứng dậy sau mỗi lần vấp ngã làm ta trưởng thành hơn trong cuộc sống, học được cách đứng dậy giúp ta vượt qua được khó khăn. - Trong cuộc sống, ai cũng ít nhất 1 lần vấp ngã theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Sau mỗi lần vấp ngã ấy, người ta sẽ rút ra dc một bài học cho chính mình, biết tránh những chỗ ghồ ghề khó đi, biết	2,0 điểm

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới**

Mùa dịch giúp xóa khoảng cách và kéo mọi người gần nhau hơn. Mọi người đồng lòng và cùng chung mục tiêu chiến thắng dịch bệnh. Các hoạt động thiện nguyện một phần xuất phát từ tinh thần trách nhiệm xã hội, và sâu thẳm tận đáy lòng của mọi người là tình thần "máu chảy ruột mềm", vì tình dân tộc và nghĩa đồng bào.

Không cần những mỹ từ kêu gọi, mọi người đến với nhau và chung tay trên sự tin tưởng và tín nhiệm. Chúng tôi đã cùng nhau lập các nhóm thiện nguyện "Góp khẩu trang cho tuyến đầu", "Góp gạo, nhu yếu phẩm cho người yếu thế", với sự hợp sức của các nhóm tình nguyện viên trên khắp miền đất nước. Mỗi người mỗi công việc khác nhau nhưng chất kết dính là sự đồng lòng, minh bạch.

Sau hơn một tháng chống dịch, tôi nghĩ "niềm tin thắng dịch" là vitamin tích cực giúp sợi dây đồng lòng, chung sức của mọi người thêm bền chặt.

(Trích *Sức hạnh đồng lòng, đoàn kết*, tuoitre.vn, ngày 19-04-2020)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2 (0,5 điểm).

Theo tác giả, các hoạt động thiện nguyện trong mùa dịch xuất phát từ những điều gì?

Câu 3 (1,0 điểm). Nêu nội dung chính của đoạn trích.

Câu 4 (1,0 điểm) Em có đồng tình với quan điểm của tác giả: "niềm tin chống dịch" là vitamin tích cực giúp sợi dây đồng lòng chung sức của mọi người thêm bền chặt "? Vì sao? (Trả lời trong khoảng 3 - 5 dòng).

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 15 - 20 dòng) trình bày suy nghĩ của em về **ý nghĩa của lòng tốt trong cuộc sống hôm nay**.

Câu 2 (5,0 điểm)

Phân tích **nhân vật Vũ Nương** trong tác phẩm “*Chuyện người con gái Nam Xương*” của Nguyễn Dữ.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: nghị luận	0,5 điểm
	2	Theo tác giả, các hoạt động thiện nguyện trong mùa dịch xuất phát từ <i>tinh thần trách nhiệm xã hội, và sâu thẳm tận đáy lòng của mọi người là tình thần "máu chảy ruột mềm", vì tình dân tộc và nghĩa đồng bào.</i>	0,5 điểm
	3	Nội dung chính của đoạn trích: chất kết dính là sự đồng lòng, minh bạch	1,0 điểm
	4	- Thí sinh thể hiện quan điểm cá nhân: đồng tình/không đồng tình/đồng tình một phần - Có sự lí giải thuyết phục, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,0 điểm

		- Đảm bảo dung lượng (khoảng 3 – 5 dòng)	
II	1	<p>Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề</p> <p>Thân đoạn: Bàn luận về lòng tốt</p> <p>- Giải thích: Lòng tốt là gì? Nhận diện người có lòng tốt và biểu hiện?</p> <p>+ Lòng tốt là những hành động, việc làm cao đẹp xuất phát từ tấm lòng của bản thân mỗi cá nhân nhằm giúp đỡ người khác.</p> <p>+ Lòng tốt là tấm lòng yêu thương con người, thể hiện qua cách ứng xử tốt đẹp giữa người với người trong xã hội....</p> <p>+ Người có lòng tốt sẽ biết cảm thông, chia sẻ; luôn nhường nhịn, hi sinh; không bao giờ tranh giành quyền lợi hay ghen ghét, đố kị ai...</p> <p>- Vai trò của lòng tốt trong cuộc sống hôm nay: Là thước đo phẩm chất, nhân cách con người; xóa bỏ sự ích kỷ, hẹp hòi, làm tâm hồn con người thêm rộng mở; tăng sự đoàn kết trong tập thể, cộng đồng; giúp những người khó khăn có cơ hội sống tốt hơn, khắc phục và vượt qua hoàn cảnh...</p> <p>- Biểu hiện của lòng tốt: nhỏ là dắt người già qua đường, nhặt được của rơi trả người đánh mất; lớn là cứu người bị nạn, mở lòng từ bi dành cả đời mình làm việc thiện. Nói lòng tốt là của cải nghĩa là lòng tốt được so với của cải, quý giá, quan trọng và cần thiết như của cải.</p> <p>- Bàn luận mở rộng</p> <p>+ Lòng tốt không mua được bằng tiền; lòng tốt cho đi mà không vơi, không mất. Vì thế, lòng tốt là tài sản tinh thần vô giá.</p> <p>+ Phê phán, lên án và đấu tranh chống lại cái ác.</p> <p>+ Không để lòng tốt bị lợi dụng</p> <p>Kết đoạn: Khẳng định lại tầm quan trọng của lòng tốt trong cuộc sống ngày hôm nay</p>	2,0 điểm
	2	<p>I. Mở bài</p> <p>- Giới thiệu tác giả Nguyễn Dữ, tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương.</p> <p>- Dẫn dắt vấn đề nghị luận: Nhân vật Vũ Nương là người con gái có những phẩm chất tốt đẹp nhưng bị hàm oan vì thế số phận trở nên bất hạnh</p> <p>II. Thân bài</p> <p>1. Giới thiệu khái quát về tác phẩm (3-5 dòng)</p>	5,0 điểm

- Thời gian ra đời: thế kỉ XVI, khi XHPK Việt Nam còn nặng tư tưởng trọng nam khinh nữ, người phụ nữ mang thân phận bọt bèo...

- Nội dung chính: tập trung làm nổi bật vẻ đẹp phẩm giá của Vũ Nương cũng như những đau đớn mà nàng phải trải qua.

2. Phân tích nhân vật Vũ Nương

a. Hoàn cảnh sống của Vũ Nương

- Xã hội: Chiến tranh phong kiến, xã hội trọng nam khinh nữ

- Gia đình:

+ Xuất thân nghèo khó

+ Vợ chồng vì chiến tranh phải xa nhau

+ Hôn nhân không bình đẳng

+ Tính cách vợ chồng trái ngược nhau...

b. Vũ Nương là người phụ nữ có nhiều phẩm chất tốt đẹp.

- Người phụ nữ thùy mị, nết na.

- Người vợ thủy chung, thấu hiểu nỗi khổ và nguy hiểm của chồng phải đối mặt nơi chiến tuyến, chờ đợi chồng.

- Người con dâu hiếu thảo: chăm sóc mẹ chồng khi ốm đau, lo ma chay chu đáo.

- Người mẹ hết mực thương yêu con: bù đắp thiếu thốn cho con bằng cách chỉ bóng mình trên tường để tạo cho con những hình ảnh về người cha.

- Người phụ nữ trọng nhân phẩm và danh dự: tìm đến cái chết để giữ tròn danh tiết, từ chối trở về trần gian để nhân phẩm được bảo toàn.

=> Vũ Nương mang trong mình đầy đủ những nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam truyền thống: công, dung, ngôn, hạnh.

c. Vũ Nương có số phận bất hạnh, hẩm hiu:

- Chồng đi lính, một mình gánh vác gia đình, chăm sóc con nhỏ, phụng dưỡng mẹ già-> trụ cột của gia đình.

- Bị chồng nghi oan, mắng nhiếc, đánh đuổi...

- Phải chết khi tuổi đời còn trẻ, khi hạnh phúc mới chớm nở trong đời.

- Ở chốn thủy cung luôn nhớ về nhân gian nhưng không thể trở về.

=> Số phận của Vũ Nương tiêu biểu cho phụ nữ xưa.

		<p>3. Đánh giá khái quát:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: tạo dựng tình huống để thử thách nhân vật, khắc họa nhân vật qua ngoại hình, hành động, đối thoại...kết hợp yếu tố kì ảo và yếu tố thực để làm nên nỗi đau của nhân vật. - Thể hiện niềm thương cảm với số phận oan nghiệt của người phụ nữ trong xã hội phong kiến; khẳng định những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ: hiếu thảo, thủy chung, nhân hậu,.. - Lên án, tố cáo chiến tranh phi nghĩa, phê phán thói xấu: gia trưởng, thô bạo, bất bình đẳng giới...luôn chà đạp và vùi dập người phụ nữ. <p>III. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vũ Nương tiêu biểu cho số phận bi thảm của người phụ nữ trong xã hội cũ. - Vũ Nương để lại trong lòng người đọc nỗi cảm thương sâu sắc. 	
--	--	--	--

ĐỀ SỐ 68

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây:

(1) Cuộc sống này vốn không chỉ có hương thơm của hoa hồng và vẻ thơ mộng của dòng sông, nó còn có cả những phút giây bị gai hoa hồng đâm đếnứa máu hoặc vấy vùng giữa dòng nước chảy xiết. Bên cạnh những niềm vui là những khó khăn và cạm bẫy luôn chờ chờ chỉ cần bạn lơ là mất cảnh giác chúng sẽ xô tới. Chính những khó khăn thử thách ấy sẽ góp phần nhào nặn bạn trở thành một phiên bản tốt hơn.

(2) Sẽ có những lúc bạn hoang mang, chông chênh, mệt mỏi và hoàn toàn mất phương hướng. Đó có thể là khi bạn thi trượt cuộc thi mà bạn nghĩ là quan trọng nhất đời mình. Đó là khi người bạn thân nhất quay lưng đi sau khi đâm vào lưng bạn một vết dao.

[...]

(3) Để vượt qua được những khoảnh khắc đó, bạn phải tìm kiếm cho mình một điểm tựa vững chắc luôn cho bạn lời khuyên và không bao giờ rời xa. Đến cái bóng cũng rời xa bạn khi bạn đi vào bóng tối, nhưng điểm tựa thì không, mỗi người hãy tìm kiếm cho mình một điểm tựa. Có một loại điểm tựa như thế, thường được gọi là “trọng tâm cuộc đời”.

(Phi Tuyết Sống như ngày mai sẽ chết, NXB Thế giới, 2017, tr.37-39)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích. (0,5 điểm)

Câu 2. Theo tác giả, cuộc sống này có những gì ? (0,5 điểm)

Câu 3. Chỉ ra và gọi tên các phép liên kết về hình thức được sử dụng trong đoạn (2). (1,0 điểm)

Câu 4. Theo em, vì sao tác giả cho rằng: Đến cái bóng cũng rời xa bạn khi bạn đi vào bóng tối, nhưng điểm tựa thì không ? (1,0 điểm)

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) bàn về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: *Chính những khó khăn thử thách sẽ góp phần nhào nặn bạn trở thành một phiên bản tốt hơn.*

Câu 2. (5,0 điểm) Trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

Quê hương anh nước mặn, đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.
Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau,
Súng bên súng, đầu sát bên đầu,
Đêm rét chung chăn thành đội tri kỉ.
Đồng chí !
Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

(Trích *Đồng chí* - Chính Hữu, *Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục, 2008, tr.128*)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: nghị luận	0,5 điểm
	2	Theo tác giả, cuộc sống này vốn không chỉ có hương thơm của hoa hồng và vẻ thơ mộng của dòng sông, nó còn có cả những phút giây bị gai hoa hồng đâm đến ứa máu hoặc vấy vùng giữa dòng nước chảy xiết.	0,5 điểm
	3	Phép liên kết về hình thức được sử dụng trong đoạn (2): Phép thế: "đó" = "những lúc bạn hoang mang, chông chênh, mệt mỏi và hoàn toàn mất phương hướng." Phép lặp: "là khi", "bạn"	1,0 điểm
	4	Gợi ý: Tác giả cho rằng: Đến cái bóng cũng rời xa bạn khi bạn đi vào bóng tối, nhưng điểm tựa thì không, vì: + Điểm tựa là thứ vững chắc, nó chính là niềm tin xuất phát từ trong tâm mỗi chúng ta. Chỉ cần có điểm tựa mọi khó khăn sẽ không làm ta gục ngã. + Điểm tựa sẽ giúp ý chí của ta thêm vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách. => Qua câu nói này, tác giả muốn nhấn mạnh ý	1,0 điểm

		nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của điểm tựa.	
II	1	<p>Giới thiệu vấn đề: ý kiến Chính những khó khăn thử thách sẽ góp phần nhào nặn bạn trở thành một phiên bản tốt hơn.</p> <p>Giải thích vấn đề - Khó khăn, thử thách là những trở ngại mà con người sẽ gặp phải trong cuộc sống. - Nhào nặn là hoạt động, tác động làm cho biến đổi dần, hình thành nên cái mới.</p> <p>=> Cả câu nói khẳng định những trở ngại trong cuộc sống góp phần giúp con người trưởng thành hơn.</p> <p>Bàn luận vấn đề</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vì sao nói khó khăn thử thách sẽ góp phần nhào nặn bạn thành phiên bản tốt hơn? + Đem đến cho con người những bài học quý giá trong cuộc sống. Đó có thể là bài học về công việc, tình yêu,... + Rèn luyện ý chí, tôi luyện tính cách của con người. + Giúp con người trở nên bản lĩnh, trưởng thành hơn. + Giúp con người biết trân quý những thành công mình có được. + Giúp con người thấu hiểu lẽ đời và biết sống khiêm nhường. <p>= > Khó khăn, thử thách giúp bạn rút ra những bài học kinh nghiệm, giúp bạn có sức mạnh, niềm tin, lòng kiên trì vượt qua mọi thử thách. Từ một con người non nớt, mềm yếu nhờ khó khăn, thử thách, nhờ vấp ngã mà bạn ngày càng trưởng thành, vững vàng và tốt đẹp hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khó khăn, thử thách luôn hiện diện trong cuộc sống, là một phần tất yếu cuộc sống. Sau khi vượt qua khó khăn, thử thách con người sẽ có được những thành quả quý giá. Vì vậy không nên nản chí. - Phê phán những người sống thiếu ý chí, ngại khó. <p>Kết thúc vấn đề: Liên hệ và rút ra bài học cho bản thân.</p>	2,0 điểm
	2	<p>I. Mở bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu ngắn gọn tác giả Chính Hữu và bài thơ “Đồng chí” - là một trong số những bài thơ hay nhất, tiêu biểu nhất của Chính Hữu và cũng 	5,0 điểm

là của nền thơ kháng chiến.

- Qua bài thơ ta càng hiểu rõ hơn về cơ sở hình thành tình đồng chí cũng như tình cảm mà các anh dành cho nhau.

II. Thân bài:

1. Khái quát chung: Hoàn cảnh sáng tác:

- Bài thơ “Đồng chí” được sáng tác mùa xuân năm 1948, sau khi tác giả tham gia chiến dịch Việt – Bắc thu đông (1947). Bài thơ là kết quả từ những trải nghiệm của tác giả về thực tế cuộc sống và chiến đấu của bộ đội ta trong những ngày đầu kháng chiến.

– Bài thơ được in trong tập “Đầu súng trăng treo” (1966) – tập thơ phần lớn viết về người lính trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

2. Cơ sở hình thành tình đồng chí

- Tình đồng chí bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân của những người lính:

"Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá".

"Anh" ra đi từ vùng "nước mặn đồng chua", "tôi" từ miền "đất cày lên sỏi đá". Hai miền đất xa nhau, "đôi người xa lạ" nhưng cùng giống nhau ở cái "nghèo". Hai câu thơ giới thiệu thật giản dị hoàn cảnh xuất thân của người lính: họ là những người nông dân nghèo.

- Tình đồng chí hình thành từ sự cùng chung nhiệm vụ, cùng chung lý tưởng, sát cánh bên nhau trong hàng ngũ chiến đấu:

"Súng bên súng, đầu sát bên đầu"

Họ vốn "chẳng hẹn quen nhau" nhưng lý tưởng chung của thời đại đã gắn kết họ lại với nhau trong hàng ngũ quân đội cách mạng. "Súng" biểu tượng cho nhiệm vụ chiến đấu, "đầu" biểu tượng cho lý tưởng, suy nghĩ. Phép điệp từ (súng, đầu, bên) tạo nên âm điệu khoẻ, chắc, nhấn mạnh sự gắn kết, cùng chung lý tưởng, cùng chung nhiệm vụ.

- Tình đồng chí nảy nở và bền chặt trong sự chan hoà và chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui:

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ.

Cái khó khăn thiếu thốn hiện lên: đêm rét, chăn không đủ đắp nên phải "chung chăn". Nhưng

chính sự chung chẵn ấy, sự chia sẻ với nhau trong gian khổ ấy đã trở thành niềm vui, thắt chặt tình cảm của những người đồng đội để trở thành "đôi tri kỷ".

=> Sáu câu thơ đầu đã giải thích cội nguồn và sự hình thành của tình đồng chí giữa những người đồng đội. Câu thơ thứ bảy như một cái bản lề khép lại đoạn thơ một đề mở ra đoạn hai.

3. Những biểu hiện cảm động của tình đồng chí

- Tình đồng chí là sự cảm thông sâu sắc những tâm tư, nỗi niềm của nhau. Những người lính gắn bó với nhau, họ hiểu đến những nỗi niềm sâu xa, thầm kín của đồng đội mình:

*Ruộng nương anh gửi bạn thân cày,
Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.*

Người lính đi chiến đấu để lại sau lưng những gì yêu quý nhất của quê hương: ruộng nương, gian nhà, giếng nước gốc đa,... Từ "mặc kệ" cho thấy tư thế lòng, họ vẫn da diết nhớ quê hương. Ở ngoài mặt trận, họ vẫn hình dung thấy gian nhà không đang lung lay trong cơn gió nơi quê nhà ra đi dứt khoát của người lính. Nhưng sâu xa trong xa xôi.

- Tình đồng chí còn là cùng nhau chia sẻ những gian lao, thiếu thốn của cuộc đời người lính :

+ Những gian lao, thiếu thốn trong cuộc sống của người lính những năm kháng chiến chống pháp hiện lên rất cụ thể, chân thực: áo rách, quần vá, chân không giày, sự khổ sở của những cơn sốt rét rừng hành hạ, trời buốt giá, môi miệng khô và nứt nẻ, nói cười rất khó khăn, có khi nứt ra chảy cả máu. Nhưng những người lính vẫn cười bởi họ có hơi ấm và niềm vui của tình đồng đội "thương nhau tay nắm lấy bàn tay".

+ Hơi ấm ở bàn tay, ở tấm lòng đã chiến thắng cái lạnh ở "chân không giày" và thời tiết "buốt giá". Cặp từ xưng hô "anh" và "tôi" luôn đi với nhau, có khi đứng chung trong một câu thơ, có khi đi sóng đôi trong từng cặp câu liền nhau diễn tả sự gắn bó, chia sẻ của những người đồng đội.

III.Kết bài:Tổng kết cảm nhận của em.

--	--	--	--

ĐỀ SỐ 69

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản:

“1) Cảm ơn hay xin lỗi là một trong các biểu hiện của ứng xử có văn học hành vi văn minh, lịch sự trong quan hệ xã hội. Trong ứng xử giữa cộng đồng, cảm ơn và xin lỗi được trình bày một cách chân thành, một mặt phản ánh phẩm chất văn hóa của cá nhân, một mặt giúp mọi người dễ cư xử với nhau hơn.

(2) Trong nhiều trường hợp, lời cảm ơn hay lời xin lỗi không chỉ đem niềm vui tới người nhận, chúng còn trực tiếp giải tỏa khúc mắc, gỡ rối các quan hệ con người cũng vì thế mà sống vị tha hơn.

(3) Trước đây, trong quan hệ xã hội, việc mọi người cảm ơn và xin lỗi "vốn là chuyện bình thường, cảm ơn và xin lỗi trở thành một trong các tiêu chí “định tính tư cách văn hóa của con người. Rồi nhiều năm trở lại đây, lời cảm ơn và xin lỗi như có chiều hướng giảm trong giao tiếp xã hội. Có người cho ra 18 nguyên nhân của tình trạng này là do sự lỏng lẻo của chuẩn mực ứng xử, lại người cho rằng, lối sống công nghiệp làm con người thay đổi, hay do bản tính cá một người cụ thể nào đó vốn không quen với hai từ cảm ơn và xin lỗi,... Song thiết nghĩ, vẫn còn một nguyên nhân nữa là lâu nay, như một luật lệ bất thành và thường thì chỉ có con cái xin lỗi hay cảm ơn cha mẹ, người ít tuổi xin lỗi hay cảm ơn người lớn tuổi, mà nhiều người lớn tuổi không chú ý tới việc cảm ơn hay xin lỗi khi ứng xử với người khác. Trong giao tiếp xã hội, nhất là trong giao tiếp với công cộng, người lớn tuổi hơn ít khi sử dụng lời xin lỗi hoặc cảm ơn cho dù họ nhận được sự giúp đỡ, hay hành vi của họ gây phiền toái cho người khác. Các em nhỏ khi nhận được sự giúp đỡ hay sau khi mắc lỗi thường không ngần ngại nói lời xin lỗi hay cảm ơn, nhưng càng lớn lên thì thói quen này dường như đã mất dần, phải chăng vì các em học nói lời cảm ơn và xin lỗi không chỉ qua bài học giáo dục công dân hoặc qua lời răn dạy của cha mẹ, mà còn học trực tiếp qua ứng xử và việc làm của những người lớn tuổi?”

(dẫn theo Hà Anh, "Cảm ơn" và "xin lỗi" là biểu hiện của ứng xử văn hóa, <https://www.nhandan.com.vn/> - Báo Nhân dân điện tử)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. (0,5 điểm)

Em hãy cho biết, lời “cảm ơn” và “xin lỗi” được sử dụng trong trường hợp nào?

Câu 2. (0,5 điểm)

Theo tác giả bài viết, “Trong ứng xử giữa cộng đồng, khi cảm ơn và xin lỗi được trình bày một cách chân thành, một mặt phản ánh phẩm chất văn hóa của cá nhân, một mặt giúp mọi người dễ cư xử với nhau hơn”, nhưng trong nhiều trường hợp, lời cảm ơn, xin lỗi còn có tác dụng nào khác?

Câu 3. (1,0 điểm)

Ở đoạn (3), tác giả bài viết chỉ ra những nguyên nhân nào làm cho “lời cảm ơn và xin lỗi như có chiều hướng giảm trong giao tiếp xã hội”? (Nêu ngắn gọn những nguyên nhân đó).

Câu 4. (1,0 điểm)

Em có đồng ý với ý kiến: “Cảm ơn hay xin lỗi là một trong các biểu hiện của ứng xử có văn hóa” không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung văn bản Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ), nói về ý nghĩa của lời xin lỗi trong cuộc sống.

Câu 2. (5,0 điểm) Phân tích đoạn thơ sau:

Vẻ đẹp của chị em Thúy Kiều trong đoạn trích cùng tên, trích *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Lời “ <i>cảm ơn</i> ” và “ <i>xin lỗi</i> ” được sử dụng trong các trường hợp ứng xử cộng đồng: - Khi nhận được sự giúp đỡ - Khi hành động của mình gây phiền toái cho ai đó - Khi mắc lỗi với ai đó.	0,5 điểm
	2	Theo tác giả bài viết, “ <i>Trong ứng xử giữa cộng đồng, khi cảm ơn và xin lỗi được trình bày một cách chân thành, một mặt phản ánh phẩm chất văn hóa của cả nhân, một mặt giúp mọi người dễ cư xử với nhau hơn</i> ”, nhưng trong nhiều trường hợp, lời cảm ơn, xin lỗi còn có tác dụng đem niềm vui tới người nhận, trực tiếp giải tỏa khúc mắc, gỡ rối các quan hệ, con người cũng vì thế mà sống vị tha hơn.	0,5 điểm
	3	Những nguyên nhân làm cho “lời cảm ơn và xin lỗi như có chiều hướng giảm trong giao tiếp xã hội”: <i>sự lỏng lẻo của chuẩn mực ứng xử lối sống công nghiệp làm con người thay đổi, hay do bản tính cá một người cụ thể nào đó vốn không quen với hai từ cảm ơn và xin lỗi; thường chỉ có con cái xin lỗi hay cảm ơn cha mẹ, người ít tuổi xin lỗi hay cảm ơn người lớn tuổi, mà nhiều người lớn tuổi không chú ý tới việc cảm ơn hay xin lỗi khi ứng xử với người khác.</i>	1,0 điểm
	4	Đồng ý: vì cảm ơn và xin lỗi chính là những cách ứng xử tối thiểu thể hiện sự văn minh, lịch sự trong cuộc sống giữa người với người. Đầu tiên, ta cần biết nói lời cảm ơn, xin lỗi đúng nơi đúng lúc và thời điểm. Có như vậy, nó sẽ phản ánh được phẩm chất văn hóa của chính mỗi người chúng ta. Bên cạnh đó, khi nói lời cảm ơn hay xin lỗi, ta cần thực sự thể hiện được thái độ	1,0 điểm

		chân thành từ tình cảm từ trong chính trái tim mình, ví dụ thái độ hối lỗi khi nói xin lỗi và thái độ cảm kích khi nói cảm ơn.	
II	1	<p>- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Bàn về lời xin lỗi, suy nghĩ về vai trò, ý nghĩa của lời xin lỗi trong cuộc sống</p> <p>- Giải thích</p> <p>+ Xin lỗi": là hành động tự nhận khuyết điểm, sai lầm về mình, là sự đồng cảm, sẻ chia đối với người bị ta làm tổn thương, thiệt hại. Biết xin lỗi là mong muốn được đền bù thiệt hại và tha thứ.</p> <p>+ Xin lỗi không chỉ là cách thể hiện thái độ biết lỗi, tự nhận thấy sai lầm mà còn là phép lịch sự trong giao tiếp, ứng xử giữa người với người.</p> <p>- Tại sao sống phải biết nói lời xin lỗi?</p> <p>+ Xin lỗi là một trong các biểu hiện của ứng xử có văn hóa của con người, là hành vi văn minh, lịch sự trong quan hệ xã hội</p> <p>+ Lời xin lỗi chân thành phản ánh phẩm chất văn hóa của cá nhân, giúp mọi người dễ cư xử với nhau hơn.</p> <p>+ Xin lỗi là một phép lịch sự trong giao tiếp, thể hiện sự văn minh và thái độ tôn trọng con người</p> <p>+ Lời xin lỗi chân thành có thể cứu vãn được sự việc đáng tiếc có thể đã xảy ra</p> <p>+ Xin lỗi đúng cách, đúng lúc giúp ta tránh được những tổn thất về vật chất và tinh thần</p> <p>+ Lời xin lỗi còn để thể hiện sự chia sẻ, đồng cảm với mọi người</p> <p>+ Lời xin lỗi chân thành hàn gắn những chia rẽ và hận thù do những lỗi lầm ấy gây nên.</p> <p>+ Xin lỗi còn để dạy cho con cái biết học cách lớn lên là người có ý thức trách nhiệm.</p> <p>+ Biết nói lời xin lỗi giúp cho cuộc sống của chúng ta được an lành, hạnh phúc hơn.</p> <p>- Bài học nhận thức và hành động</p> <p>+ Biết sống chân thành, tôn trọng, quý trọng người khác, thành thật nhận khuyết điểm về mình, không được né tránh trách nhiệm hay ngụy biện về hành động của mình</p> <p>+ Lời xin lỗi phải xuất phát từ đáy lòng mới thật sự hữu dụng</p> <p>+ Hiểu rõ đối tượng là ai để bày tỏ thái độ xin lỗi một cách đúng đắn và hiệu quả nhất.</p>	2,0 điểm

	<p>+ Xin lỗi đúng lúc, đúng nơi sẽ làm cho người được xin lỗi thấy dễ tha thứ hơn, đặc biệt cần biết sửa sai sau khi xin lỗi.</p> <p>- Kết luận: Khẳng định vai trò, ý nghĩa của lời xin lỗi trong các mối quan hệ cuộc sống</p> <p><u>Đoạn văn mẫu tham khảo:</u></p> <p>Có ai đó đã từng nói: “Một lời xin lỗi vụng về vẫn tốt hơn sự im lặng”. Quả thật như vậy, lời xin lỗi là cái cúi đầu, cái khoanh tay lễ phép và lời chân thành: cháu xin lỗi, em xin lỗi, bác xin lỗi, thầy xin lỗi... Nhưng trong cuộc sống này đã mấy ai làm được điều đó. Lời xin lỗi khi mình làm sai không chỉ là cách thể hiện thái độ biết lỗi, tự nhận thấy sai lầm mà còn là phép lịch sự trong giao tiếp, ứng xử giữa người với người. Lời xin lỗi là thể hiện sự tôn trọng và khiến người nghe cảm thấy hài lòng, vui vẻ, chấp nhận, bỏ qua, làm cho mối quan hệ tốt đẹp hơn. Còn người xin lỗi thì cảm thấy nhẹ lòng và trên hết là ý thức được trách nhiệm của mình trước hành động sai trái. Hành động của cậu bé 8 tuổi ở Hải Phòng lỡ làm vỡ gương ô tô đã viết giấy gửi lời xin lỗi và số điện thoại ngõ ý đền bù cho chủ nhân chiếc ô tô để trước cổng trường mà báo chí đưa tin trong suốt thời gian qua khiến chúng ta phải suy ngẫm. Cho nên biết nói lời xin lỗi là một hành động lịch sự làm cuộc sống xã hội trở nên văn minh, tốt đẹp hơn. Cần phê phán những kẻ thiếu tự trọng, thiếu dũng cảm, làm sai nhưng bảo thủ không nhận trách nhiệm. Cũng qua đây chúng ta cần rút ra bài học cho mình: cần phải nghiêm túc nhận lỗi khi làm sai, biết nói lời xin lỗi chân thành cũng như dũng cảm, tự trọng trước những sai lầm của bản thân.</p>	
2	<p>I. Mở bài</p> <p>- Giới thiệu tác giả Nguyễn Du và đoạn trích Chị em Thúy Kiều</p> <p>- Dẫn dắt vấn đề nghị luận: đoạn trích đã làm nổi bật nhan sắc và tài năng của chị em Thúy Kiều, đặc biệt là sắc đẹp và tài năng của Thúy Kiều.</p> <p>II. Thân bài</p> <p>1. Giới thiệu khái quát về đoạn trích</p> <p>- Nằm ở phần đầu của Truyện Kiều</p> <p>- Nội dung: Khắc họa chân dung chị em Thúy</p>	5,0 điểm

	<p>Kiều qua đó bộc lộ cảm hứng nhân văn sâu sắc của tác giả.</p> <p>2. Vẻ đẹp của Chị em Thúy Kiều</p> <p>a. Vẻ đẹp của Thúy Vân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phong thái: thanh thoát, nhẹ nhàng, đoan trang, lịch sự; - Nhân diện: Láy vàng trắng so sánh khuôn mặt: phúc hậu, hiền hòa - Giọng nói: cũng trở thành nét đẹp rất riêng trong con người nàng. Xuân Diệu ca ngợi: từ thốt là chữ đắt giá. - Dự báo số phận từ nhan sắc: “<i>mây thua....tuyết nhường..</i>”: số phận bình an, hạnh phúc. <p>=> Bằng bút pháp ước lệ tượng trưng và thủ pháp so sánh ngầm, Nguyễn Du đã làm cho chân dung Thúy Vân hiện lên như một tố nữ, đẹp người, đẹp nét và bình an trong số phận.</p> <p>b. Vẻ đẹp tài sắc của Thúy Kiều</p> <p>b1. Nhan sắc của Thúy Kiều:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thúy Vân là phong nền hoàn hảo mở đường cho sự xuất hiện của Thúy Kiều với vẻ đẹp sắc sảo, mặn mà; - Thủ pháp tăng tiến trong miêu tả “ <i>Kiều càng sắc sảo mặn mà</i>” không chỉ đẹp mà còn có sức hút mạnh mẽ đối với người đối diện; - <i>Đôi mắt</i> như nước mùa thu lột tả nội tâm luôn man mác một chút buồn ẩn sâu dưới cái nhìn trong veo của Kiều - Nguyễn Du sử dụng những từ ngữ có sức gợi cảm cao như “ghen”, “hờn” khi miêu tả vẻ đẹp của Kiều. Hai từ ngữ ấy tự nó đã chứa đựng sự dự báo không mấy tốt đẹp mà Kiều có thể phải đối mặt ở tương lai. <p>=> Tạo hóa ganh ghét với nhan sắc vượt qua những chuẩn chung. Nguyễn Du đã bày tỏ sự thương cảm kín đáo với số phận của nhân vật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - “ <i>Nghiêng nước nghiêng thành</i>” : đây vẻ đẹp của Kiều lên hàng <i>quốc sắc thiên hương</i>, có một không hai-> Sự yêu mến hết mực mà Nguyễn Du đã dành cho Kiều-> Chân dung của Kiều hiện ra với vẻ đẹp vạn người mê. Vẻ đẹp ấy khiến cho tạo hóa và vạn vật sinh lòng đố kỵ->Dấu hiệu dự báo một cuộc đời đầy sóng gió. <p>b2. Nét đẹp tài năng:</p>	
--	---	--

	<p>- Thúy Kiều có tài năng toàn vẹn: cầm, kì, thi, họa. Lĩnh vực nào Kiều cũng tinh thông nhưng nổi bật nhất là tài đàn.</p> <p>- Nguyễn Du hoàn thiện cho một triết lí “<i>tài mệnh tương đố</i>”, mỗi khúc đàn luôn ẩn chứa nét buồn ai oán-> tiếng đàn mang tính chất dự báo một thiên bạc mệnh đang chờ đợi nàng ở phía trước-> người con gái đa sầu, đa cảm.</p> <p>=> Bằng bút pháp lí tưởng hóa, vẻ đẹp của Thúy Kiều ở phương diện tài năng và nhan sắc đạt đến mức hoàn mĩ và đỉnh cao.</p> <p>c. Vẻ đẹp trong lối sống của chị em Thúy Kiều</p> <p>- Lối sống phong lưu, được chăm sóc và yêu chiều “<i>Phong lưu rất mực hồng quần</i>”</p> <p>- Luôn khuôn phép giữ mình theo đúng chuẩn mực của một người có nền nếp gia phong.</p> <p>- Cả hai chị em Kiều là những cô gái ngoan, kín đáo, tế nhị và luôn ý thức được giá trị của bản thân mình. “<i>Tường đông ong bướm đi về mặc ai</i>”</p> <p>3. Đánh giá khái quát:</p> <p>- Tả người từ khái quát đến cụ thể, tả ngoại hình mà bộc lộ tính cách, dự báo số phận, ngôn ngữ gợi tả, sử dụng hình ảnh ước lệ, thủ pháp đòn bẩy, các biện pháp tu từ, nhân hóa, so sánh, dùng điển tích, điển cố. Tất cả đã làm nổi bật lên hai bức tranh tố nữ với những nét đẹp không hề lặp lại. Nghệ thuật ấy đã tôn lên tài năng của Nguyễn Du trong việc khắc họa chân dung nhân vật.</p> <p>- Qua chân dung chị em Kiều, ta càng mến yêu, trân trọng những người phụ nữ xưa. Dù cuộc sống có trải qua những thăng trầm biến cố song vẻ đẹp của họ luôn khiến ta ngưỡng mộ và yêu thương.</p> <p>III. Kết bài</p> <p>- Đánh giá khái quát lại vẻ đẹp của chị em Kiều cũng như tấm lòng và tài năng của Nguyễn Du.</p> <p>- Nêu được cảm xúc của bản thân về hai nhân vật và niềm mong ước của bản thân về cuộc sống và số phận của người phụ nữ trong xã hội ngày nay.</p>	
--	--	--

ĐỀ SỐ 70

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:

*Có bao giờ sông chảy thẳng đâu em
Sông lượn khúc lượn dòng mà đến biển
Bờ bãi loi thôi xóm làng ẩn hiện
Đời sống như đời người trên sông*

...

*Em yêu anh có yêu được như sông
Sông chẳng theo ai, tự chảy nên dòng
Sông nhớ biển lao ghềnh vượt thác
Mang suối nguồn đi đến suốt mênh mông
Đã yêu sông anh chẳng ngại sâu nông
Em có theo anh lên núi về đồng
Hạt muối mặn lên ngàn, bè tre xuôi về bến
Em có cùng lũ lụt với mưa đông
Đời sống trôi như đời người trên sông
Anh tin bến, tin bờ, tin sức mình đến bể
Tin ánh sáng trên cột buồm, ngọn lửa
Tin mái chèo cày trên sóng cần lao
Anh tin em khi đứng mũi chịu sào
Anh chẳng sợ mọi đá ngầm sóng cả
Anh yêu sông, yêu từ nguồn đến bể
Gió về rồi, nào ta kéo buồm lên*

(Vũ Quần Phương – *Tình yêu dòng sông* – NXB Văn học, 1988)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản? (0,5 điểm)

Câu 2. Trong bài thơ, nhà thơ đã bày tỏ niềm băn khoăn: “Em yêu anh có yêu được như sông”. Theo nhà thơ, dòng sông và tình yêu có những điểm nào tương đồng? (1,0 điểm)

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong khổ thơ: (0,5 điểm)

*Đời sống trôi như đời người trên sông
Anh tin bến, tin bờ, tin sức mình đến bể
Tin ánh sáng trên cột buồm, ngọn lửa
Tin mái chèo cày trên sóng cần lao*

Câu 4. Thông điệp tình yêu ẩn chứa trong hai câu thơ cuối là gì? (1,0 điểm)

I. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ về bài học từ những dòng sông được nêu trong hai câu mở đầu của bài thơ phân Đọc – hiểu:

*Có bao giờ sông chảy thẳng đâu em
Sông lượn khúc lượn dòng mà đến biển*

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về nhân vật anh thanh niên trong đoạn trích sau:

[...] Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu [...] Cháu lấy những con số, mỗi ngày báo về “nhà” bằng máy bộ đàm bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối, lại một giờ sáng. Bản báo ấy trong ngành gọi là “ốp”. Công việc nói chung dễ, chỉ cần chính xác. Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét,

bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió giống những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung ... Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hùng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ được.

(Trích *Lặng lẽ Sa Pa*, Nguyễn Thành Long, Ngữ văn 9, tập I)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm/ Phương thức biểu cảm.	0,5 điểm
	2	Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, thể hiện khả năng hiểu biết của bản thân về văn bản nhưng cần đảm bảo logic, chặt chẽ. Cần nêu được ít nhất hai nét tương đồng. Gợi ý: -Sông lượn khúc, lượn dòng mà tới biển; lũ, đông, đá ngầm, vực xoáy: tình yêu nhiều thử thách, trắc trở, khó khăn. -Sông nhớ biển, lao ghềnh vượt thác; suối nguồn đi suốt mệnh mông: tình yêu mạnh mẽ, nồng nhiệt, dạt dào, đòi hỏi sự hi sinh; -Sông chẳng theo ai tự chảy nên dòng: bản lĩnh, ý chí vượt qua khó khăn trong tình yêu.	1,0 điểm
	3	Tác dụng: -Tăng tính sinh động và gợi cảm cho câu thơ. -Thể hiện hình ảnh của cuộc đời như một cuộc hành trình dài với nhiều khó khăn, thử thách và cũng nhiều niềm vui, hạnh phúc. Con người cần có can đảm đi qua khó khăn thì sẽ đạt đến thành công.	0,5 điểm
	4	-Tình yêu cần có niềm tin, sự lạc quan, niềm tin làm nên sự bền vững của tình yêu. -Trong tình yêu cần chân thành, chung thủy. Sự chân thành, thủy chung tạo nên sức mạnh to lớn cho tình yêu. -Tình yêu cần trọn vẹn, yêu ai là yêu chính con người của họ. Đó là tình yêu đích thực, tình yêu từ những điều nhỏ nhất.	1,0 điểm
II	1	1.Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề 2. Thân đoạn: a. Giải thích: + Chảy thẳng: đối đầu trực diện với khó khăn, đi xuyên qua một cách quyết liệt. Lượn khúc, lượn	2,0 điểm

	<p>dòng</p> <p>đến biển: tìm ra con đường đi mới, đi vòng khéo léo tránh được khó khăn để đi đến đích.</p> <p>+ Nội dung của hai câu thơ đã thể hiện hai quan niệm sống, hai cách ứng xử với những khó khăn, thử thách trong cuộc sống: hoặc là đối đầu, xuyên qua khó khăn hoặc là linh hoạt, tìm con đường khác. Từ đó giúp cho mỗi người có được bài học cho riêng mình.</p> <p>b.Bàn luận:</p> <p>+ Hai quan niệm, hai cách ứng xử trước khó khăn, thử thách có những giá trị riêng, ý nghĩa, vai trò riêng.</p> <p>+ Khi đi xuyên qua khó khăn là chấp nhận tổn thương, đau đớn, nguy hiểm; cần có ý chí vững vàng nhưng qua đó cũng tôi luyện được bản lĩnh con người, giúp con người trưởng thành. (dẫn chứng)</p> <p>+ Khi đi vòng đường khác, né tránh những khó khăn một cách linh hoạt tuy có xa hơn, chậm hơn để đến đích nhưng an toàn hơn. Tuy nhiên, chỉ biết né tránh cũng là lựa chọn của người yếu đuối, thể hiện sự thụt lùi, sự kém cỏi. (dẫn chứng)</p> <p>c.Bài học nhận thức: Dựa vào hoàn cảnh thực tế để có ứng xử phù hợp.</p> <p>3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề</p>	
2	<p>I. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm - Khái quát chung về nhân vật anh thanh niên qua đoạn trích. <p>II.Thân bài</p> <p>1. Khái quát chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác. - Tóm tắt lại nội dung chính của đoạn trích <p>2. Cảm nhận về nhân vật anh thanh niên</p> <p>a. Công việc của anh thanh niên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn văn là lời của nhân vật thanh niên, nhân vật chính trong truyện Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long kể về công việc làm của mình cho ông họa sĩ già và cô kỹ sư nông nghiệp trẻ, qua lời giới thiệu của bác lái xe, lên thăm nơi ở và làm việc của anh thanh niên trên đỉnh Yên Sơn cao hai ngàn sáu trăm mét trong thời gian ba 	5,0 điểm

	<p>mười phút.</p> <p>Nhân vật thanh niên đó sống một mình trên núi cao, quanh năm suốt tháng làm việc với cây và mây núi ở Sa Pa.</p> <p>- Công việc của anh là làm khí tượng kiêm vật lý địa cầu. Nhiệm vụ của anh là đo gió, đo mưa, đo gió, đo chấn động mặt đất và dự báo thời tiết hằng ngày phục vụ cho công việc chiến đấu và sản xuất. Anh lấy những con số, mỗi ngày báo về “nhà” bằng báo bộ đàm bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối và một giờ sáng. Công việc anh thanh niên kể trong đoạn văn là ghi báo về những con số lúc một giờ sáng trong hoàn cảnh thời tiết khắc nghiệt.</p> <p>- Ngoài khó khăn được nói đến trong đoạn trích trên, hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật còn có điều đặc biệt là: Anh thanh niên mới có hai mươi bảy tuổi, cái tuổi đang hùng hực sức sống và sự bay nhảy. Thế mà, anh đã sống một mình trong suốt bốn năm trên đỉnh Yên Sơn. Trong bốn năm đó, ông họa sĩ và cô gái trẻ là đoàn khách thứ hai đến thăm nhà anh. Như vậy, cái gian khổ nhất đối với anh là phải vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng chỉ có một mình trên đỉnh núi cao không một bóng người. Công việc của anh làm âm thầm, lặng lẽ một mình, báo về “ốp” đều đặn những con số để phục vụ sản xuất, chiến đấu. Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác, có tính trách nhiệm cao.</p> <p>=> Hoàn cảnh sống khắc nghiệt, công việc gian khổ, vất vả. Đó là thử thách rất lớn nhưng anh thanh niên đã vượt qua hoàn cảnh ấy bằng ý chí, nghị lực và những suy nghĩ rất đẹp.</p> <p><i>b. Phẩm chất của anh thanh niên được thể hiện qua đoạn văn</i></p> <p>- Trước hết, anh thanh niên rất yêu nghề. Anh có những suy nghĩ đúng và sâu sắc về công việc đối với cuộc sống con người: “...Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với công việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất”.</p>	
--	--	--

	<p>- Là người có hành động đẹp: Một mình sống trên đỉnh Yên Sơn, không có ai đôn đốc, kiểm tra nhưng anh vẫn vượt qua hoàn cảnh làm việc một cách nghiêm túc, tự giác với tinh thần trách nhiệm cao. Dù thời tiết khắc nghiệt mùa đông giá rét mà anh đều thức dậy thắp đèn đi “ốp” đúng giờ. Ngày nào cũng vậy anh làm việc một cách đều đặn, chính xác 4 lần trong ngày, âm thầm, bền bỉ trong nhiều năm trời.</p> <p>- Anh thấy được công việc thầm lặng của mình có ích cho cuộc sống, cho mọi người. Anh đã thấy mình “thật hạnh phúc” khi được biết một lần do phát hiện kịp thời một đám mây khô mà anh đã góp phần vào chiến thắng của không quân ta bắn rơi nhiều máy bay Mỹ trên bầu trời Hàm Rồng.</p> <p>- Người có phong cách sống đẹp: Anh có một phong cách sống khiến mọi người phải nể trọng. Tinh thần thái độ làm việc của anh thật nghiêm túc, chính xác, khoa học và nó đã trở thành phong cách sống của anh.</p> <p>3. Đánh giá, mở rộng:</p> <p>- Anh thanh niên là đại diện tiêu biểu cho thanh niên Việt Nam, hăng say làm việc, hết mình cống hiến cho dân tộc, cho đất nước:</p> <p>“<i>Nếu là con chim...</i>” (Khúc ca xuân, Tố Hữu)</p> <p>- Nghệ thuật: cách đặt tên cho nhân vật, xây dựng cốt truyện,...</p> <p>- Mở rộng những tác phẩm cùng đề tài.</p> <p>III. Kết bài</p> <p>Cảm nhận chung về anh thanh niên : sống có lí tưởng, sống đẹp, sống có ích « <i>Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình</i> »</p>	
--	---	--

ĐỀ SỐ 71

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu

Giặc Covid đang áp đặt luật chơi cho loài người, và đã thấy rõ con người mới yếu ớt, mỏng manh, nhỏ bé biết bao. Trong cuộc chiến này, nếu muốn lật ngược thế cờ, đẩy giặc virus Covid ra khỏi cơ thể, dập dịch thành công ở mỗi quốc gia, nhân loại, thì con người phải nghĩ đến con người. Cá nhân nghĩ đến mình, những cũng phải nghĩ đến mọi người. Chỉ cần Covid đục thủng phòng tuyến ở một người, và người đó chủ quan, vô tình, tiếp xúc vô tội vạ, không cách ly toàn xã hội, thì đội quân virus sẽ tràn lan cả cộng đồng, cả quốc gia. Chỉ cần Covid xâm nhập vào một quốc gia, nhưng quốc gia ấy và các

quốc gia khác không phong tỏa, lơ là phòng chống, thì đại dịch sẽ hoành hành, tàn phá khắp hành tinh.

Mỗi người hãy hòa mình vào dân tộc, nhân loại. Loài người hãy hòa nhập với thiên nhiên. Không phá đi rồi xây. Không hủy diệt rồi nuôi trồng. Không đổi đầu. Không đổi nghịch. Không đổi kháng. Con người phải đặt trong môi trường sinh thái của thiên nhiên, chung sống hòa bình với vạn vật. Một con voi, con hổ, hay con sâu cái kiến, một loài côn trùng, một loại vi khuẩn, một chủng virus nào đó cũng có vị thế trong vũ trụ của Tạo hóa. Con người chớ ngạo mạn đến mức khùng điên làm chúa tể của muôn loài không chế, thống trị chúng sinh, mà không biết sống hòa nhập hòa bình trong sinh thái cân bằng.

Nhận thức lại về thiên nhiên và giống loài trên trái đất để ứng xử là một điều cần thiết. Hy vọng nhân loại sẽ đi qua đại dịch Covid 19. Sau bão giông, trời lại sáng. Những cánh rừng lại xanh. Ngựa, dê, hổ báo nô đùa với con người. Chim chóc đậu nơi cửa sổ nghiêng ngó đầu nhìn đôi vợ chồng trẻ sau một đêm nồng nàn đang ngủ nướng. Nắng mới tràn mọi ngõ ngách! Cuộc sống thường nhật an lành sẽ lại về trong hạnh phúc bình dị.

(*Loài người có bớt ngạo mạn (trích) - Sương Nguyệt Minh*)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích? (0,5 điểm)

Câu 2. Theo tác giả “*Loài người hãy hòa nhập với thiên nhiên*” bằng những cách nào? (0,5 điểm)

Câu 3. Em hiểu thế nào về câu: *Chỉ cần Covid đục thủng phòng tuyến ở một người, và người đó chủ quan, vô tình tiếp xúc vô tội vạ, không cách li toàn xã hội, thì đội quân virut sẽ tràn lan cả cộng đồng, cả quốc gia?* (1,0 điểm)

Câu 4. Em có đồng tình với quan niệm của tác giả: *Giặc Covid đang áp đặt luật chơi cho loài người, và đã thấy rõ con người mới yếu ớt, mỏng manh, nhỏ bé biết bao?* Vì sao? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Dựa vào nội dung phần Đọc hiểu trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về **trách nhiệm của công dân trong việc phòng chống đại dịch Covid-19**.

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về nhân vật Phương Đình trong đoạn văn sau:

Bây giờ là buổi trưa. Im ắng lạ. Tôi ngồi dựa vào thành đá và khe khẽ hát. Tôi mê hát. Thường cứ thuộc một điệu nhạc nào đó rồi bịa ra lời mà hát. Lời tôi bịa lộn xộn mà ngỡ ngẩn đến tôi cũng ngạc nhiên, đôi khi bò ra mà cười một mình.

Tôi là con gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm!”.

Xa đến đâu mặc kệ, nhưng tôi thích ngắm mắt tôi trong gương. Nó dài dài, màu nâu, hay nheo lại như chói nắng.

Không hiểu sao các anh pháo thủ và lái xe lại hay hỏi thăm tôi. Hỏi thăm hoặc viết những thư dài gửi đường dây, làm như ở cách nhau hàng nghìn cây số, mặc dù có thể chào nhau hàng ngày. Tôi không sẵn sàng, vốn vã. Khi bọn bạn gái tôi xúm nhau lại đối

đáp với một anh bộ đội nói giỏi nào đấy, tôi thường đứng ra xa, khoanh hai tay trước ngực và nhìn đi nơi khác, môi mím chặt. Nhưng chẳng qua tôi điều thể thôi. Thực tình trong suy nghĩ của tôi, những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ.

(...)

Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Đất rắn. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thanh thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người, cửa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng từ bên trong quả bom. Hoặc là mặt trời nung nóng.

Chị Thao thối còi. Như thế là đã hai mươi phút qua. Tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi. Dây mìn dài, cong mềm. Tôi khoả đất rồi chạy lại chỗ nắp của mình.

Hồi còi thứ hai của chị Thảo. Tôi nép người vào bức tường, nhìn đồng hồ. Không có gió. Tim tôi cũng đập không rõ. Đường như vật duy nhất vẫn bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung là chiếc kim đồng hồ. Nó chạy, sinh động và nhẹ nhàng, dè lên những con số vĩnh cửu. Còn đằng kia, lửa đang chui bên trong cái dây mìn, chui vào ruột quả bom...

Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ tới cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đứng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi, mằn mặn, cát lạo xạo trong miệng.

(Trích Những ngôi sao xa xôi, Lê Minh Khuê, Ngữ Văn 9 tập 2, NXBGD, 2013)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên: Phương thức nghị luận	0,5 điểm
	2	Theo tác giả “Loài người hãy hòa nhập với thiên nhiên” bằng những cách sau: <ul style="list-style-type: none"> - Không phá đi rồi xây. - Không hủy diệt rồi nuôi trồng. - Không đốt dầu. - Không đối nghịch. - Không đối kháng. - Con người phải đặt trong môi trường sinh thái của thiên nhiên, chung sống hòa bình với vạn vật. 	0,5 điểm
	3	<ul style="list-style-type: none"> - Virus Covid-19 có khả năng lây lan từ người sang người. - Nếu một người chủ quan, bị mắc bệnh mà vẫn tiếp xúc với mọi người thì hậu quả sẽ là kéo theo cả những người xung quanh bị nhiễm bệnh. - Bởi vậy mà mỗi người hãy ý thức tự bảo vệ bản thân, để có thể bảo vệ cộng đồng trong cuộc chiến chống lại đại 	1,0 điểm

		dịch.	
	4	<p>- Đưa ra quan điểm cá nhân, giải thích lý do cho quan điểm đó.</p> <p>- Gợi ý: Tán thành với quan điểm trên.</p> <p>- Nguyên nhân: Virus Covid-19 có khả năng lây lan từ người sang người. Chúng giống như quân địch ở trong bóng tối, nắm quyền chủ động. Chỉ cần một người lơ là, dễ bị “chọc thủng phòng tuyến” thì sẽ nhanh chóng lây lan cho cả cộng đồng. Cụ thể là trên thế giới, hiện nay đã có hơn một trăm sáu mươi sáu triệu ca mắc, 3,44 triệu ca tử vong.</p>	<p>1,0 điểm</p> <p>0,25 điểm</p> <p>0,75 điểm</p>
II	1	<p>a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Có thể viết đoạn văn như sau:</p> <p>1.Mở đoạn: Dẫn dắt đề giới thiệu về đại dịch Covid-19.</p> <p>2. Thân đoạn:</p> <p>- Tình hình dịch Covid-19: diễn biến phức tạp với hơn 166 triệu ca mắc, 3,44 triệu ca tử vong (22/5/2021)</p> <p>- Hậu quả của dịch Covid-19: ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của con người; sự phát triển kinh tế của đất nước...</p> <p>- Trách nhiệm của công dân:</p> <p>+ Tuân thủ các biện pháp phòng dịch: đeo khẩu trang ở nơi công cộng, hạn chế tiếp xúc...</p> <p>+ Thực hiện thông điệp 5K của Bộ Y Tế.</p> <p>+ Ngăn chặn hành vi nhập cảnh trái phép, khai báo y tế trung thực...</p> <p>- Phê phán những người thiếu trách nhiệm trong phòng chống dịch.</p> <p>3. Kết đoạn: Khẳng định ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm công dân.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	2,0 điểm
	2	<p>a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p>	5,0 điểm

I. Mở bài

- Lê Minh Khuê là một cây bút nữ chuyên viết truyện ngắn, trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc. Ngôi bút của bà trong chiến tranh thường hướng về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ trên tuyến đường Trường Sơn.

- Truyện ngắn “*Những ngôi sao xa xôi*” là tác phẩm tiêu biểu của bà khi viết về đề tài này. Tác phẩm của bà được sáng tác vào năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc diễn ra vô cùng ác liệt. Tác phẩm là bức tranh về cuộc sống chiến đấu vô cùng ác liệt mà ánh sáng của nó là ánh sáng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Những cô gái thanh niên xung phong trinh sát mặt đường là nhân vật chính trong tác phẩm.

- Đoạn văn trên giúp người đọc cảm nhận về đẹp nhân vật Phương Định- nhân vật chính trong tác phẩm với vẻ đẹp tâm hồn và sự dũng cảm, gan dạ đầy ngưỡng mộ.

II. Thân bài

1. Khái quát về đoạn trích

2. Cảm nhận về Phương Định:

a. Phương Định là một cô gái Hà Thành hồn nhiên, thơ mộng, trẻ trung, đáng yêu tràn đầy sức sống

+ Ấn tượng đầu tiên là cô gái có bề ngoài trẻ trung, xinh xắn, đầy sức sống. Cô có “*hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh..*”, “*ánh mắt nhìn xa xăm*”, cô hay thích ngắm mình trong gương và làm điệu có vẻ kiêu kì...

+ Cô mang theo vào chiến trường vẻ hồn nhiên vô tư lự của cô gái Hà Thành mơ mộng với những bài hát “*thuộc bất cứ một nhạc điệu nào rồi bịa ra lời mà hát....*” Tiếng hát ấy để động viên đồng đội và động viên chính bản thân mình, để gửi vào trong tiếng hát sự khao khát của tuổi trẻ, của người chiến sĩ, mong được trở về quê hương yêu dấu, được gặp lại người yêu sau bao ngày nhớ nhung, yêu thương.

b. Phương Định- cô gái thanh niên xung phong gan dạ, dũng cảm, mạnh bạo

+ Phương Định có hoàn cảnh sống và chiến đấu vô cùng khó khăn, sống trên một cao điểm, nơi có trọng điểm ở tuyến Trường Sơn ác liệt, giữa mênh mông khói bụi và bom đạn hủy diệt kẻ thù. Công việc của họ là “*đo khối lượng đất lấp vào hố bom và đếm bom nếu bom chưa nổ thì phá bom*”, Công việc vô cùng vất vả, hiểm nguy, cô phải đối diện với tử thần với cái chết bất cứ lúc nào.

+ Trận phá bom trên đỉnh cao Trường Sơn thể hiện rõ tinh thần, thái độ dũng cảm vượt mọi hiểm nguy của Phương Định và các cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường ấy.

+ Phương Định gan dạ dũng cảm, không hề sợ hãi, không đi khom... vừa thể hiện thái độ tự trọng, vừa là ý chí mạnh mẽ giúp cô vượt mọi khó khăn, hiểm nguy.

+ Phương Định có những thao tác rất chuẩn xác “ *dùng xẻng nhỏ đào đất*”, “ *cẩn thận bỏ gói thuốc mìn chôn ngòi*”, “ *khỏa đất*”....Sự thuần thục, nhanh nhẹn do được tôi luyện theo thời gian đã trở thành tiềm thức của nhân vật.

+ Phương Định là người có cảm xúc nhạy bén, cảm nhận rõ rệt về trái bom khi nóng lên , suy nghĩ cảm thấy mình làm còn chậm . Sự thúc giục bản thân cần nhanh chóng hoàn thành công việc , tinh thần tự giác và tinh thần trách nhiệm cao trong trái tim người trẻ tuổi yêu nước.

+ Tâm trạng nhân vật Phương Định được miêu tả tỉ mỉ, chi tiết, suy nghĩ, lo lắng, hoảng sợ nhưng vẫn gan dạ, dũng cảm, hoàn thành trách nhiệm.. Có nghĩ đến cái chết nhưng là cảm giác bình thường, cái chết không rõ ràng, mà vô cùng mơ hồ,..Tinh thần trách nhiệm cao hơn tất cả, cao hơn cả mạng sống bản thân, Họ sẵn sàng hi sinh vì nhiệm vụ.

+ Câu nói “ *quen rồi*”, “ *phá bom 5 lần*”, sự bản lĩnh được tôi luyện. Đối mặt với tử thần là khó khăn nhưng các cô đã làm điều đó trong một thời gian dài để “ *quen rồi*”..

+ Câu văn miêu tả trận phá bom ngắn, dồn dập, khẩn trương, tất cả làm nổi bật vẻ đẹp cô thanh niên xung phong với lý tưởng sống cao đẹp, dũng cảm, gan dạ với đời sống tinh thần phong phú, hồn nhiên, lạc quan, lãng mạn, thơ mộng,...

+ Phương Định và những đồng đội của mình là những người đã không tiếc tuổi thanh xuân, họ hiến dâng trọn vẹn tất cả những gì cho Tổ quốc:

“ *Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*
Mà lòng phơi phới dậy tương lai”.

3. Đánh giá, mở rộng

- Đọc tác phẩm “ *Những ngôi sao xa xôi*” của Lê Minh Khuê, người đọc thấy khâm phục và yêu mến Phương Định bởi vẻ hồn nhiên, ngây thơ lãng mạn của cô và vẻ đẹp dũng cảm, gan dạ, lí tưởng yêu nước cao đẹp trong người con gái này.

		<p>- Qua nhân vật này chúng ta còn cảm nhận được vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong những năm tháng kháng chiến chống Mỹ đầy oanh liệt hào hùng. Họ đã góp sức nên “<i>thiên sử vàng</i>”.</p> <p>- Liên hệ mở rộng so sánh với bài thơ khác cùng viết về đề tài này như: “ <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i>”(Phạm Tiến Duật) viết về những chàng thanh niên lái xe, “ <i>Khoảng trời hố bom</i>” về cô gái mở đường...</p> <p>- Liên hệ bản thân về trách nhiệm của thế hệ trẻ trong thời đại hiện nay: Đất nước đã ra khỏi cuộc chiến tranh, nhiệm vụ của thế hệ trẻ là học tập , rèn luyện bản thân để phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa....</p> <p>III. Kết bài: Khẳng định vấn đề</p> <p>d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
--	--	--	--

ĐỀ SỐ 72

-

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn thơ và thực hiện các yêu cầu

Nếu giờ đây ai viết một chiến ca
Việt Nam tôi là bài ca bất hủ
Đánh giặc này chưa từng trong lịch sử
Nhưng vẫn tự tin như tự thuở nào.
Khi chống dịch thấy đậm nghĩa đồng bào
Con cá mớ rau gửi vào khóm phở
Chắc bị cách ly đâu thể còn đi chợ
Gói đồ này gửi người chẳng hề quen.
Đường phố Thủ đô thật quá lặng yên
Nhịp sống căng tràn giờ như nén lại
Hụt hẫng đầy nhưng lòng không trống trải
Hà Nội mình vẫn chiến đấu ngày đêm.
Vị Tư lệnh nhiều đêm thức chong đèn
Phối hợp cánh quân ra tay dập dịch
Mắt trừng sâu nhìn biểu đồ phân tích
Gần sáng rồi ngủ một chút đi Anh!
Ngành Y ta lại hát bản quân hành
Chiến sỹ tuyến đầu trong bộ blu trắng
Gian khó hiểm nguy hy sinh thầm lặng
Cứu sống mạng người đẹp nhất khúc vĩ thanh.
Tổ Quốc mình mãi là mảnh đất lành

*Giang rộng cánh tay đón Con về với Mẹ
Bộ đội nhường Con nơi nằm tử tế
Còn các anh với lán trại phong sương.
Là chiến binh ở nơi chốn thương trường
Khó khăn bội phần khi kinh doanh tụt dốc
Anh vẫn sẽ chia vẫn góp công góp sức
Số tiền này đỡ gánh nặng tiền phương.*

(Trích *Niềm tin ơi*, Đỗ Minh Phú)

Câu 1: (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích?

Câu 2: (0,5 điểm) Tìm trong đoạn trích những câu nói lên phẩm chất tốt đẹp của các chiến sĩ ngành Y và bộ đội?

Câu 3: (1,0 điểm) Em hiểu nội dung của khổ thơ sau như thế nào ?

Khi chống dịch thấy đậm nghĩa đồng bào

Con cá, mớ rau gửi vào khóm phở

Chắc bị cách ly, đâu thể còn đi chợ

Gói đồ này gửi người chẳng hề quen.

Câu 4: (1,0 điểm) Qua đoạn trích ở trên, em thấm thía điều gì nhất? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Từ nội dung đoạn trích ở phần đọc-hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái của nhân dân ta trong việc phòng chống đại dịch Covid 19.

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận về vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên trong tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích: Nghị luận	0,5 điểm
	2	Những câu nói lên phẩm chất tốt đẹp của các chiến sĩ ngành Y và bộ đội: <i>Gian khó hiểm nguy hy sinh thầm lặng</i> <i>Anh vẫn sẽ chia vẫn góp công góp sức</i>	0,5 điểm
	3	Nội dung các câu thơ: Nghĩa tình đồng bào thấm đượm trong mùa dịch.	1,0 điểm
	4	HS có thể trả lời theo những gợi ý sau: - Sự hi sinh thầm lặng của các y bác sĩ và bộ đội - Sự sẻ chia, đoàn kết chống dịch - HS lí giải theo sự hiểu biết của mình, không vi phạm chuẩn mực, đạo đức xã hội	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn	2,0 điểm

chúng.

Có thể viết đoạn văn như sau:

1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận

2. Thân đoạn

a. Giải thích:

- Đoàn kết là kết thành một khối thống nhất, cùng hoạt động vì một mục đích chung, không chia rẽ.

- Tương thân tương ái: là tinh thần thương yêu lẫn nhau.

b. Phân tích, chứng minh

- Cả hệ thống chính trị vào cuộc.

- Tất cả người dân cùng chung tay chống giặc bằng những hành động cụ thể.

Khẳng định đây là những hoạt động văn hóa ứng xử tốt đẹp của nhân dân ta

- Đoàn kết tạo nên sức mạnh chung thống nhất

- ĐK giúp đất nước vượt qua khó khăn, chung tay cùng với chính phủ đương đầu với “sóng thần” Covid 19.

- Giúp những người bị cách ly hoặc mắc Covid 19 nhận được những âm áp về tinh thần và vật chất.

- Góp phần lan tỏa tình yêu thương trong xã hội, góp phần tạo nên một xã hội tốt đẹp hơn.

=> Đoàn kết và tương thân tương ái đều là những biểu hiện của tình yêu nước.

Dẫn chứng: Ủng hộ những chai nước rửa tay khô, những chiếc khẩu trang y tế, những bữa ăn miễn phí cho vùng bị cách ly,...

c. Bàn luận, mở rộng

- Phê phán những biểu hiện sai trái, tin giả, trục lợi khi mua những thiết bị y tế.

d. Bài học nhận thức và hành động

* Nhận thức: là một nét đẹp trong hành động và trong văn hóa ứng xử của người Việt

* Hành động: Rèn cho mình đức tính đoàn kết, tương thân tương ái trong cuộc sống từ những việc nhỏ nhất.

3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề

Có thể viết đoạn văn như sau:

Tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái của nhân dân ta trong việc phòng chống đại dịch Covid 19 là một nét đẹp trong hành động và trong văn hóa ứng xử. Vậy đoàn kết và tương thân tương ái là gì? Đoàn kết là kết thành một khối thống nhất, cùng hoạt động vì một mục đích chung, không chia rẽ còn tương thân tương ái là tinh thần thương yêu lẫn nhau. Đây là những hoạt động văn hóa ứng xử tốt đẹp của nhân dân ta. Đoàn kết tạo nên sức mạnh chung

	<p>thống nhất, giúp đất nước vượt qua khó khăn, giúp những người bị cách ly hoặc mắc Covid 19 nhận được những ấm áp về tinh thần và vật chất, góp phần lan tỏa tình yêu thương trong xã hội để tạo nên một xã hội tốt đẹp hơn. Ta dễ dàng nhận thấy điều đó qua đại dịch Covid 19 khi cả hệ thống chính trị, người dân vào cuộc cùng chung tay chống giặc bằng những hành động cụ thể như ủng hộ những chai nước rửa tay khô, những chiếc khẩu trang y tế, những bữa ăn miễn phí cho vùng bị cách ly... Đoàn kết và tương thân tương ái đều là những biểu hiện của tình yêu nước. Tuy nhiên trong xã hội hiện nay khi cả nước đang oằn mình chống dịch thì vẫn còn đâu đó những hạng người với những biểu hiện sai trái, tung tin giả, trục lợi cho cá nhân. Những hành động này cần lên án gay gắt. Bản thân em là học sinh khi đang ngồi trên ghế nhà trường phải ra sức học tập và rèn luyện thật tốt bên cạnh đó cũng rèn cho mình đức tính đoàn kết, tương thân tương ái trong cuộc sống từ những việc nhỏ nhất, góp phần vào vườn hoa đẹp đẽ cùng cả nước chống dịch. Tóm lại, với tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái trong thời gian tới, nhất định dịch Covid 19 sẽ được ngăn chặn và đẩy lùi.</p> <p>d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.</p>	
2	<p>a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học</p> <p>b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</p> <p>Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</p> <p>I.Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm - Khái quát chung về nhân vật anh thanh niên <p>II. Thân bài</p> <p>1. Khái quát chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh sáng tác: + Riêng: Mùa hè 1970 sau chuyển đi thực tế ở Lào Cai + Chung: Miền Bắc đang xây dựng CNXH (vừa làm nhiệm vụ của hậu phương chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam, vừa chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. <p>- Tóm tắt truyện: 5-7 dòng</p>	5,0 điểm

- *Cốt truyện đơn giản*: xoay quanh cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa ông họa sĩ, cô kĩ sư với anh thanh niên ở trạm khí tượng trên đỉnh Yên Sơn.

2. Cảm nhận về nhân vật anh thanh niên

a. Hoàn cảnh sống và công việc khó khăn gian khổ:

- Hoàn cảnh sống và làm việc:
- + Hoàn cảnh sống: trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m-> gian khổ, vất vả
- + Công việc: Công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu
- + Nhiệm vụ: đo gió, đo mưa, tính mây, tính nắng,...-> đòi hỏi chính xác, tỉ mỉ,...

b. Vẻ đẹp phẩm chất, tâm hồn cao quý

*** Yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm với công việc**

- Yêu nghề: “Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi,..nếu cất đi cháu buồn đến chết mất”

-> Anh tìm thấy niềm vui, niềm hạnh phúc, tình yêu và niềm đam mê công việc.

- Tinh thần trách nhiệm: Nửa đêm, đúng giờ ốp thì dù mưa tuyết, gió rét vẫn trở dậy làm việc-> Vượt qua khó khăn, gian khổ để hoàn thành công việc.

*** Tâm hồn lạc quan, biết sắp xếp công việc, cuộc sống khoa học, gọn gàng, ngăn nắp.**

- Căn nhà ba gian sạch sẽ, đồ đạc được kê xếp gọn gàng, ngăn nắp.

- Ngoài giờ làm việc, anh trồng hoa, nuôi gà, đọc sách, coi sách là bạn.

-> Tự tìm niềm vui, hạnh phúc trong cuộc sống.

*** Cởi mở, chân thành, hiếu khách**

- Anh đón khách niềm nở, chia sẻ cởi mở những suy nghĩ về cuộc sống và công việc của mình.

- Pha trà Yên Sơn mời khách, biếu ông họa sĩ làn trứng, cô kĩ sư bó hoa để tưởng nhớ buổi đầu gặp mặt=> Người con trai đáng yêu thật.

*** Khiêm tốn, có ý thức hoàn thiện bản thân:**

- Ông họa sĩ định vẽ chân dung nhưng anh từ chối, giới thiệu người khác xứng đáng hơn.

- Anh cảm thấy đóng góp của mình còn nhỏ bé.

*** Biết quan tâm chu đáo đến người khác:**

- Biếu bác lái xe củ tam thất khi biết bác gái bị ốm.

- Biếu ông họa sĩ làn trứng, cô kĩ sư bó hoa....

c. Những ảnh hưởng tích cực của anh với các nhân vật khác:

*** Ông họa sĩ:**

- Cảm thấy bồi hồi, Họa sĩ bắt gặp một điều thật ra ông

vẫn ao ước.....

- Ông muốn vẽ chân dung anh nhưng làm thế nào đặt được chính tấm lòng của mình vào bức tranh đó.

=> ATN làm cho ông họa sĩ thêm khao khát, thêm yêu cuộc sống.

*** Cô kĩ sư:**

- Cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh thanh niên khiến cô cảm thấy “bàng hoàng”. Cô hiểu thêm cuộc sống một mình dững dưng tuyệt đẹp của người thanh niên, về cái thế giới những con người như anh mà anh kể và về con đường cô đang đi tới.
- Một ấn tượng hàm ơn khó tả dạt lên trong lòng cô gái trẻ.

=> ATN làm cho cô kĩ sư háo hức và mơ mộng. Cô tin tưởng con đường mà mình đã lựa chọn.

3. Đánh giá, mở rộng:

*** Đánh giá:**

- Nhân vật ATN là đại diện cho vẻ đẹp của người lao động đang ngày đêm lặng lẽ, âm thầm cống hiến cho đất nước. “Nếu là con chim.....nhận riêng mình (Tố Hữu)
- Nghệ thuật:
 - + Nhân vật chính được tái hiện qua nhiều điểm nhìn: Ông họa sĩ, cô kĩ sư,..
 - + Cách đặt tên cho nhân vật: Được gọi bằng các Danh từ chung như anh thanh niên, cô kĩ sư,...xây dựng cốt truyện, tình huống nhẹ nhàng, hợp lí.
 - + Truyện đậm chất thơ (chất trữ tình): toát lên từ vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Sa Pa.

*** Mở rộng:**

- Tác phẩm cùng đề tài: Đoàn thuyền đánh cá (Huy Cận); Bài ca xuân 61 (Tố Hữu)’ Một khúc ca xuân (Tố Hữu); Mùa lạc (Nguyễn Khải)....

=> Miền Bắc xây dựng CNXH, ca ngợi những con người đang lạc quan, làm việc hăng say, cống hiến cho đất nước.

III. Kết bài:

- Khẳng định vẻ đẹp của hình tượng nhân vật anh thanh niên tiêu biểu cho những người lao động bình dị đang cống hiến lặng thầm cho đất nước.
- Tác phẩm khơi dậy khát vọng sống cao cả cho người đọc: Sống có lí tưởng, sống đẹp, sống có ích “*Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình*”. (Tố Hữu)

d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.

	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
--	---	--

ĐỀ SỐ 73

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, trận tấn công Normandy mang tính quyết định đã thành công vang dội. Tại sao lại có được thành công to như vậy? Liên minh quân đội Mỹ - Anh trước khi tấn công đã có một sự chuẩn bị vô cùng kỹ lưỡng. Họ diễn tập rất nhiều lần, không chỉ diễn tập bình thường mà tập dượt cả phương hướng, địa điểm, thời gian, tất cả những việc cần làm khi tấn công. Cuối cùng, khi tấn công thực sự, thắng lợi như đã nằm gọn trong lòng bàn tay, thời gian tấn công chỉ lệch mấy giây so với kế hoạch. Đó chính là sức mạnh của sự chuẩn bị.

Người xưa đã dạy, biết lo xa sẽ tránh được tai họa. Chỉ có sự chuẩn bị kỹ lưỡng mới mang đến kết quả tốt nhất. Một người có sự chuẩn bị càng kỹ lưỡng thì khả năng thành công càng cao. Chúng ta đều thuộc lòng câu ngạn ngữ: “Nuôi binh ngàn ngày, dụng binh một giờ” hay “một phút huy hoàng trên sân khấu, mười năm khổ luyện trong cánh gà”. Đó chính là triết lý sâu xa về sự chuẩn bị.

Michael Jordan “không trung” là tuyển thủ vĩ đại nhất mọi thời đại trong lịch sử bóng rổ Mỹ, được tôn xưng là vua bóng rổ. Anh có đủ mọi tố chất và điều kiện của một ông vua bóng rổ, anh tham gia bất kì trận đấu nào thì tỉ lệ chiến thắng đều rất cao. Nhưng trước mỗi trận đấu, dù quan trọng hay thông thường, anh đều luyện tập kỹ càng. Anh tập ném bóng, tập các động tác cơ bản. Anh luôn là người luyện tập vất vả nhất trong đội bóng, cũng là người có sự chuẩn bị chu đáo nhất.

(Trích Giáo dục thành công theo kiểu Harvard, Tập 2, Vương Nghệ Lộ, người dịch: Nguyễn Đặng Chi, NXB Lao động, 2016, trang 235 - 236)

Câu 1: Xác định các thao tác lập luận được sử dụng trong đoạn trích?

Câu 2: Theo tác giả, vì sao “trận tấn công Normandy mang tính quyết định đã thành công vang dội” và Michael Jordan “được tôn xưng là vua bóng rổ”?

Câu 3: Nêu tác dụng của việc trích dẫn các câu ngạn ngữ trong văn bản?

Câu 4: Thông điệp nào của đoạn trích trên có ý nghĩa nhất với anh/chị? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 : (2.0 điểm)

Em hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến được trích dẫn từ phần **Đọc hiểu**: “Chỉ có sự chuẩn bị kỹ lưỡng mới mang đến kết quả tốt nhất”.

Câu 2 : (5.0 điểm)

Cảm nhận của em về nhân vật Vũ Nương trong "Chuyện người con gái Nam Xương" của tác giả Nguyễn Dữ.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
------	-----	----------	------

I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Các thao tác lập luận được sử dụng trong đoạn trích: bình luận, chứng minh.	0,5
	2	Theo tác giả, <i>trận tấn công Normandy mang tính quyết định đã thành công vang dội</i> và Michael Jordan <i>được tôn xưng là vua bóng rổ</i> vì có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, chu đáo.	0,5
	3	- Những câu ngạn ngữ: + <i>Nuôi binh ngàn ngày, dụng binh một giờ</i> + <i>Một phút huy hoàng trên sân khấu, mười năm khổ luyện trong cánh gà</i> - Tác dụng: khẳng định tính đúng đắn và độ tin cậy cao của vấn đề, tăng tính thuyết phục cho đoạn trích...	0,5
	4	- HS lựa chọn thông điệp có ý nghĩa nhất. - HS lí giải hợp lí, thuyết phục.	0,5 0,5
II.		LÀM VĂN	7,0
	1	Viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý kiến được trích dẫn từ phần Đọc hiểu: <i>Chỉ có sự chuẩn bị kỹ lưỡng mới mang đến kết quả tốt nhất.</i>	2,0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Tầm quan trọng của sự chuẩn bị kỹ lưỡng để đi tới thành công.	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i> Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ vấn đề nghị luận. Dưới đây là một vài gợi ý: * Giải thích - <i>Sự chuẩn bị</i> : trang bị, tích lũy những gì cần thiết; xem xét, cân nhắc, tập dượt, dự tính các phương án khác nhau... trước khi hành động. - <i>Kỹ lưỡng</i> : chú ý đầy đủ đến từng chi tiết, cẩn trọng, <i>đến nơi đến chốn</i> ... → Ý kiến khẳng định, đề cao tầm quan trọng, ý nghĩa, sự cần thiết của khâu chuẩn bị chu đáo. Chính khâu này sẽ giúp ta thành công. * Dùng lí lẽ và dẫn chứng thực tế để làm sáng tỏ tính đúng đắn của ý kiến: - Khi thực sự chú trọng việc chuẩn bị, thực tâm chuẩn bị kỹ lưỡng: đáp ứng được yêu cầu, hành động trơn tru, hiệu quả nhất; sẵn sàng ứng phó tốt nhất trước mọi tình huống; có thể đảm bảo sẽ không mắc sai lầm hoặc giảm sai sót đến mức tối thiểu... - Khi tỏ ra chủ quan, coi nhẹ công tác chuẩn bị, không chuẩn	1,0

	<p>bị hoặc chuẩn bị một cách qua loa, hời hợt, không đầy đủ, thiếu chu đáo: dễ mắc sai lầm, phải gánh chịu thất bại...</p> <p>(<i>Những dẫn chứng thực tế đời sống</i>)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị kĩ lưỡng không có nghĩa là chậm chạp, chần chừ; thiếu quyết đoán, mạo hiểm; bỏ lỡ cơ hội... - Phê phán những tư tưởng lệch lạc, những biểu hiện chủ quan... <p>* Bài học nhận thức và hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức rõ về bản thân để có những sự chuẩn bị cần thiết, đúng đắn. - Hành động kiên trì, tích cực để sự chuẩn bị có kết quả tốt. 	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
	<p>Viết bài văn</p>	10
	<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận</i></p>	0.25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i></p>	0.25
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm;</i></p>	
	<p><u>I. Mở bài:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác phẩm, tác giả - Giới thiệu nhân vật: Vũ Nương là nhân vật chính trong truyện; là người phụ nữ bình dân có truyền thống tốt đẹp về đạo đức, phẩm chất nhưng trong xã hội phong kiến nhưng chịu đau khổ. <p>+ Đọc “<i>Chuyện người con gái Nam Xương</i>” của Nguyễn Dữ ta thương nàng Vũ Thị Thiết đã chịu đựng nỗi đau oan khuất.</p> <p><u>II. Thân bài:</u></p> <p><u>1. Tóm tắt tác phẩm</u></p> <p>Vũ Nương nết na xinh đẹp. Trương Sinh cưới nàng về. Sau đó, Trương Sinh phải đi lính. Vũ Nương ở nhà chăm sóc mẹ già con trẻ. Bà mẹ vì quá nhớ con buồn rầu mà chết. Nàng ma chay tế lễ chu đáo. Vũ Nương hàng đêm thường chỉ bóng mình trên vách bảo với con đây là cha Đản. Khi giặc tan Trương Sinh trở về đưa trẻ không nhận là cha mình. Nghe nó kể lại Trương Sinh nghi ngờ vợ mình thất tiết, đánh đuổi vợ ra khỏi nhà. Vũ Nương thanh minh không được đành phải nhảy xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. Cùng làng có người tên là Phan Lang vì cứu Linh Phi lúc hóa rùa đã được Linh Phi cứu sống, tình cờ gặp Vũ Nương ở thủy cung. Phan Lang trở về trần gian Vũ Nương gửi theo chiếc hoa vàng cùng lời nhắn Trương Sinh. Biết vợ bị oan Trương Sinh đã</p>	

lập đàn giải oan bên bến Hoàng Giang. Vũ Nương hiện ra giữa dòng ngòi trên chiếc kiệu hoa đạ tạ chàng rồi biến mất.

2. Cảm nhận về nhân vật Vũ Nương

a) Những phẩm chất tốt đẹp của Vũ Nương

* Người phụ nữ đẹp người, đẹp nết

- “vốn đã thùy mị, nết na lại thêm tư dung, tốt đẹp”.

- Có tư tưởng tốt đẹp.

- Người vợ dịu hiền, khuôn phép: Chồng đi xa vẫn một lòng chung thủy, thương nhớ chồng khôn nguôi, mong chồng trở về bình yên vô sự, ngày qua tháng lại một mình vò võ nuôi con.

- Người con dâu hiếu thảo: Chăm nuôi mẹ chồng lúc đau yếu, lo việc ma chay, tế lễ chu toàn khi mẹ chồng mất.

* Người phụ nữ thủy chung

- Khi chồng ở nhà

- Khi tiễn chồng ra trận

- Những ngày tháng xa chồng

- Khi bị nghi oan

- Khi sống dưới thủy cung

* Người con dâu hiếu thảo

- Thay chồng chăm sóc mẹ khi mẹ đau ốm (lời nói của mẹ chồng).

- Lo liệu ma chay khi mẹ mất như với cha mẹ đẻ

- Là người mẹ yêu thương con: Một mình chăm sóc con nhỏ khi chồng đi vắng.

- Là người phụ nữ trọng nhân phẩm, tình nghĩa, chọn cái chết để minh oan cho mình.

- Giàu lòng vị tha: Bị Trương Sinh đẩy đến đường cùng phải chết oan ức nhưng không oán trách, hận thù. Khi Trương Sinh lập đàn giải oan ở bến sông vẫn hiện về nói lời “đạ tạ tình chàng”

b) Nỗi đau, oan khuất của Vũ Nương

- Người chồng đa nghi vì nghe lời con trẻ ngây thơ nên nghi oan, cho rằng nàng đã thất tiết.

- Nàng đau khổ, khóc lóc bày tỏ nỗi oan với chồng nhưng chồng vẫn không nghe còn mắng nhiếc, đánh và đuổi nàng đi.

- Không thể thanh minh được, nàng tìm đến cái chết để tỏ bày nỗi oan ức của mình.

c) Khi chết rồi Vũ Nương vẫn thiết tha với gia đình, muốn trở về quê cũ

- Ở thủy cung, nàng vẫn nhớ quê hương, có ngày tất phải tìm về.

- Tìm về là để giải bày nỗi oan với chồng, với mọi người.

	<p>- Nhưng nàng không thể trở về với nhân gian được nữa.</p> <p>3. Nhận xét về nghệ thuật</p> <p>- Nhận xét về nghệ thuật: khai thác vốn văn học dân gian, sáng tạo về nhân vật...</p> <p>- Liên hệ về hình ảnh người phụ nữ trong xã hội hiện nay</p> <p>III. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định “<i>Chuyện người con gái Nam Xương</i>” là tác phẩm giàu tính hiện thực và giá trị nhân văn</p> <p>- Những phẩm chất tốt đẹp của Vũ Nương cũng chính là nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam cần được tôn vinh trong mọi thời đại.</p>	
	d. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp.	0.25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0.25

ĐỀ SỐ 74

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Bạn không cần phải thắng bằng mọi giá

Một trong những câu hỏi quan trọng bạn có thể tự hỏi là: “Tôi muốn mình luôn luôn đúng hay tôi muốn được hạnh phúc?”. Trong nhiều trường hợp, hai điều này thường không đi cùng nhau.

Việc tỏ ra mình là người luôn đúng - nghĩa là người khác sai - sẽ đẩy chúng ta vào thế sẵn sàng tranh cãi với bất kỳ ai không cùng quan điểm. Và nếu tình trạng này cứ tiếp diễn sẽ khiến đầu óc chúng ta tốn rất nhiều năng lượng cũng như làm chúng ta xao nhãng với cuộc sống xung quanh. Mặc dù vậy, nhiều người vẫn dành rất nhiều thời gian và công sức để chứng minh (hay bảo vệ) quan điểm của mình và cho rằng người khác đã sai. Vô tình hay hữu ý, nhiều người tin rằng việc đưa ra ý kiến riêng “đúng đắn” sẽ giúp người khác điều chỉnh họ và học hỏi thêm nhiều điều. Thực ra, điều này hoàn toàn sai.

Bạn hãy nhớ lại xem, đã bao giờ bạn bị ai đó “sửa lưng” và bạn nói với họ: “Cảm ơn bạn đã chỉ cho tôi thấy điều tôi sai!”. Hoặc đã bao giờ có ai đó nói cảm ơn khi bạn phản đối họ hay chứng tỏ bạn đúng họ sai. Sự thật là đa phần chúng ta đều không thích bị người khác vạch ra sai lầm của mình. Con người luôn mong muốn người khác lắng nghe và được công nhận. Do đó, một người biết cách lắng nghe thường là người được yêu quý và tôn trọng. Những người có thói quen hay phản đối người khác thường chỉ nhận được phản ứng bức bối và bị lảng tránh.

(Richard Carlson - *Tất cả đều là chuyện nhỏ*, NXB Tổng hợp Thành phố HCM, trang 35)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt của văn bản.

Câu 2. Theo em việc bảo vệ quan điểm của mình và cho rằng người khác đã sai là đúng hay sai? (0,5 điểm)

Câu 3. Xác định lời dẫn trực tiếp trong câu sau, chuyển thành lời dẫn gián tiếp: *Một trong những câu hỏi quan trọng bạn có thể tự hỏi là: “Tôi muốn mình luôn luôn đúng hay tôi muốn được hạnh phúc?”.*

Câu 4. Em có đồng tình với quan điểm của tác giả cho rằng việc khẳng định mình luôn đúng và mình muốn được hạnh phúc thường không đi cùng nhau không? Vì sao? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về câu nói: *“Cảm ơn bạn đã chỉ cho tôi thấy điều tôi sai!”*.

Câu 2 (5.0 điểm)

Cảm nhận của em về khổ thơ sau trong bài *Đồng chí* của Chính Hữu:

Quê hương anh nước mặn, đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau.

Súng bên súng, đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ

Đồng chí!

Câu	Nội dung	Điểm
I. Đọc hiểu		3.0
1	Tác hại của việc tỏ ra mình là người luôn đúng là: - Tạo ra tâm thế sẵn sàng tranh cãi với người khác - Đầu óc tốn rất nhiều năng lượng - Sao nhãng với cuộc sống xung quanh	0.5
2	Học sinh có thể lập luận theo nhiều quan điểm khác nhau, song cần làm rõ được các ý: - Việc bảo vệ quan điểm của mình là đúng. Bởi đó là cách để khẳng định bản thân và cần thiết phải giữ vững lập trường, suy nghĩ của mình. - Tuy nhiên, không phải lúc nào cũng cho rằng mình luôn đúng và người khác đã sai. Bởi vì sự đánh giá của mình về chính mình và người khác là sự đánh giá phiến diện. - Cho nên không nhất thiết trong mọi trường hợp cần bảo vệ quan điểm của mình và cố gắng chỉ ra người khác đã sai.	0.5
3	<i>“Tôi muốn mình luôn luôn đúng hay tôi muốn được hạnh phúc?”</i> . - Chuyển: Một trong những câu hỏi quan trọng bạn có thể tự hỏi là bạn muốn mình luôn luôn đúng hay bạn muốn được hạnh phúc	1,0
4	Học sinh có thể đưa ra kiến giải riêng của mình và lập luận thuyết phục. Song cần làm rõ được các ý: - Việc khẳng định mình luôn đúng là thái độ hiếu thắng, tự kiêu tự đại không nên có trong giao tiếp. - Niềm hạnh phúc là cảm giác mãn nguyện khi chúng ta đạt	1,0

	<p>được ước mơ trong cuộc sống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc khẳng định mình luôn đúng không thể đem lại hạnh phúc cho con người bởi vì: + Tâm lí hiếu thắng có thể đem lại cho bạn cảm giác hãnh diện vui sướng nhất thời. Nhưng sẽ khiến bạn trở nên bị ghen ghét, xa lánh. + Bản thân mình không lắng nghe và nhận thấy lỗi sai của mình. + Khiến cho người khác thấy bức bối, không muốn lại gần 	
II. Làm văn		2.0
Câu 1	<p>Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh (chị) hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về câu nói: “<i>Cảm ơn bạn đã chỉ cho tôi thấy điều tôi sai!</i>”.</p> <p>* Yêu cầu về hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo bố cục đoạn văn: câu mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn - Trình bày câu văn mạch lạc, lập luận rõ ràng, sáng nghĩa <p>* Yêu cầu về nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích câu nói: là lời cảm ơn cần thiết khi có ai đó vạch ra lỗi sai của chính mình - Phân tích ý nghĩa của câu nói: + Câu nói đã khẳng định rằng: không phải mọi lúc bản thân mình luôn đúng. Do đó, khi được người khác chỉ ra sai lầm của mình cần biết lắng nghe để sửa lỗi + Biết nói lời cảm ơn khi có người giúp bạn sửa sai và hoàn thiện chính mình. Đó là lối ứng xử văn hóa - Bàn luận: + Trong giao tiếp, không ai luôn đúng hoặc luôn sai. Chúng ta nhất thiết cần phải lắng nghe quan điểm của người khác và nhìn thấy chỗ sai của mình. + Trên thực tế, nhiều người luôn cố tỏ ra mình luôn đúng và phủ nhận người khác. Khi bị vạch ra sai lầm thì luôn cảm thấy khó chịu, ầm ức. Đó là thái độ tiêu cực, cần loại bỏ khi giao tiếp. - Bài học nhận thức và hành động: + Luôn học hỏi, lắng nghe từ người khác + Luôn cầu thị, tự sửa lỗi để hoàn thiện mình + Không nhất thiết phải thắng bằng mọi giá trong giao tiếp. Luôn khiêm tốn với chính mình, luôn khéo léo trong cách chỉ ra lỗi sai của người khác. 	<p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p>
	Viết bài văn	10
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận</i>	0.25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i>	0.25
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm;</i>	
	1. Mở bài	
	- Giới thiệu tác giả, tác phẩm và 7 câu thơ đầu: Tác giả Chính	

Hữu – một nhà thơ, chiến sĩ đã xúc động mà sáng tác ra bài thơ. Tình đồng chí đồng đội sâu nặng dù trong hoàn cảnh khó khăn và thiếu thốn được thể hiện rõ nhất trong 7 câu thơ đầu câu bài thơ

2. Thân bài:

* **Cảm nhận về nét đặc sắc nội dung: 7 dòng thơ đầu đã khái quát cơ sở hình thành của tình đồng chí**

+ Họ chung nguồn gốc xuất thân: đều là những người con của vùng quê nghèo khó, nơi “nước mặn đồng chua”, “đất cày lên sỏi đá”-> Những vùng quê lam lũ, nghèo khổ, thời tiết khắc nghiệt. Họ đều là những người nông dân mặc áo lính, ra đi từ mảnh vườn thửa ruộng.

- Họ ra đi từ khắp các phương trời, vốn là những người xa lạ, nhưng "không hẹn mà quen"-> họ cùng gặp nhau nơi tình yêu tổ quốc, lý tưởng cách mạng.

+ Họ cùng chung lý tưởng, nhiệm vụ chiến đấu: "Súng bên súng, đầu sát bên đầu":

- Súng: tượng trưng cho nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ tổ quốc.

- Đầu: tượng trưng cho lý tưởng chiến đấu, sẵn sàng hy sinh vì tổ quốc.

-> Điệp từ, hình ảnh thơ sóng đôi đã nhấn mạnh sự gắn kết những người lính khi họ cùng sát cánh bên nhau, cùng nhau thực hiện nhiệm vụ, cùng chung lý tưởng

+ Họ cùng chung hoàn cảnh gian khổ khó khăn trong cuộc đời người lính: đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ -> sự thiếu thốn, vất vả, gian khó của cuộc đời người lính đã gắn kết họ lại với nhau, thấu hiểu, thông cảm, thương yêu nhau thành đôi tri kỷ, hiểu mình, hiểu ta, tuy 2 mà 1.

-> Tất cả những điều đó đã tạo nên tình đồng chí.

+ Đồng chí!

- Đó là tình cảm cao đẹp, gắn kết thiêng liêng giữa những người lính - đó không chỉ là chung chí hướng, cùng mục đích mà hơn hết đó là tình tri kỷ đã được đúc kết qua bao gian khổ, khó khăn, cùng chia ngọt sẻ bùi với nhau.

- Dòng thơ thứ 7 có kết cấu đặc biệt, thể hiện cảm xúc nghẹn ngào của Chính Hữu khi nhớ về những người đồng chí, đồng đội của mình.

* **Cảm nhận về đặc sắc nghệ thuật:**

- Thể thơ tự do, câu thơ dài ngắn khác nhau, phù hợp với dòng cảm xúc của tác giả.

- Ngôn ngữ thơ bình dị, hàm súc.

- Hình ảnh thơ chọn lọc, sử dụng nhiều hình ảnh sóng đôi...

- Cảm xúc dồn nén.

- Sử dụng thành công thành ngữ dân gian...

	3. Kết bài - Ý nghĩa của bảy câu thơ đầu: Qua bảy câu thơ đầu của bài thơ “Đồng chí”, Chính Hữu đã sử dụng nhiều hình ảnh chân thực, gợi tả và khái quát cao đã thể hiện được một tình đồng chí chân thực, không phô trương nhưng lại vô cùng lãng mạn và thi vị.	
	d. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp.	0.25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0.25

ĐỀ SỐ 75

ĐỌC HIỂU (3 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây:

Khi nói đến ước mơ của mỗi người thì điều đầu tiên cần phải xác định đó không phải là những mong ước viển vông mà chính là mục đích con người đặt ra và cố gắng phấn đấu để đạt đến trong cuộc đời mình.

Đồng thời một yếu tố cũng hết sức quan trọng là cần phải xác định cách thức để đạt được mục đích đó, bởi không ai trong cuộc đời này lại không muốn đạt đến một điều gì đó. Sự khác biệt chính là ở phương thức thực hiện, cách thức đạt đến ước mơ của mỗi người và điều này sẽ quyết định “đẳng cấp” về nhân cách của mỗi người.

Có người đi đến ước mơ của mình bằng cách trung thực và trong sáng thông qua những nỗ lực tự thân tột cùng. Đây là những người có lòng tự trọng cao và biết dựa vào sức của chính mình, tin vào khả năng của chính mình và sự công bằng của xã hội. Đối với họ, mục tiêu chưa chắc là điều họ quan tâm, cái họ quan tâm hơn chính là phương thế để đạt đến mục tiêu trong cuộc sống.

Chính vì vậy họ là những người không bao giờ chấp nhận sống trong thân phận “tầm gửi”, trở thành công cụ trong tay người khác hay giao phó tương lai của mình cho người khác. Sở dĩ như thế là bởi họ chỉ tự hào với những gì do chính bản thân họ làm ra và đạt đến, đồng thời cũng là những người xem phương tiện quan trọng như mục tiêu của cuộc đời mình.

(Nguồn: Lê Minh Tiến, *Đẳng cấp về nhân cách*, <http://tuoitre.vn>)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt của đoạn trích.

Câu 2. Xác định khởi ngữ trong câu sau: *Đối với họ, mục tiêu chưa chắc là điều họ quan tâm, cái họ quan tâm hơn chính là phương thế để đạt đến mục tiêu trong cuộc sống.*

Câu 3. Vì sao tác giả cho rằng: những người không bao giờ chấp nhận sống trong thân phận “tầm gửi” chỉ tự hào với những gì do chính bản thân họ làm ra và đạt đến?

Câu 4. Từ đoạn trích trên, hãy rút ra bài học có ý nghĩa nhất đối với anh/chị?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về cách thức đạt đến ước mơ của mỗi người.

Câu 2 (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*Những chiếc xe từ trong bom rơi
Đã về đây họp thành tiểu đội
Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi.*

*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy
Võng mắc chông chênh đường xe chạy
Lại đi, lại đi trời xanh thêm.*

*Không có kính, rồi xe không có đèn,
Không có mui xe, thùng xe có xước,
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:
Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

(Trích Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật, Ngữ văn 9, Tập 1)

=== Hết ===

Câu	Nội dung	Điểm
I. Đọc hiểu		3.0
1	Phương thức biểu đạt: nghị luận	0.5
2	Khởi ngữ: đối với họ	0.5
3	Những người không bao giờ chấp nhận sống trong thân phận “tầm gửi” chỉ tự hào với những gì do chính bản thân họ làm ra và đạt đến. Tác giả nói như vậy vì: - “Tầm gửi” là lối sống dựa dẫm vào người khác, là những người kém bản lĩnh, bất tài. - Những người không bao giờ chấp nhận sống trong thân phận “tầm gửi” là những người có lòng tự trọng, có ý thức về giá trị bản thân, luôn nỗ lực vươn lên để đạt được mục đích.	1,0
4	- Nỗ lực thực hiện ước mơ bằng chính khát vọng và khả năng của bản thân. - Tự tin, tự trọng làm nên giá trị con người.	1,0
II. Làm văn		2.0
Câu 1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh (chị) hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về câu nói: “ <i>Cảm ơn bạn đã chỉ cho tôi thấy điều tôi sai!</i> ”. * Yêu cầu về hình thức: - Đảm bảo bố cục đoạn văn: câu mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn - Trình bày câu văn mạch lạc, lập luận rõ ràng, sáng nghĩa * Yêu cầu về nội dung:	0.25 0.25

	<p>- Ước mơ là mong muốn đến những điều tốt đẹp ở tương lai. “Đẳng cấp” nhân cách chỉ mức độ cao về bản lĩnh, đạo đức, nhân cách của một con người. Cách thức thực hiện ước mơ của mỗi người sẽ cho thấy bản lĩnh, đạo đức, lối sống và giá trị đích thực của người đó.</p> <p>- Ước mơ hiện diện trong tất cả các lĩnh vực có vai trò quan trọng trong cuộc sống con người. Nhờ có ước mơ con người có thể chinh phục tự nhiên, cải thiện đời sống, tạo nên những thành tựu về khoa học và công nghệ, làm nên cuộc sống tốt đẹp hơn... Thực tế cho thấy có nhiều cách thức để thực hiện những mong ước như tự thân theo đuổi mục tiêu đúng đắn, rèn luyện ý chí và nghị lực, nỗ lực phấn đấu không ngừng, tương tác trí tuệ tập thể... Nhưng cũng có trường hợp dựa dẫm, ỷ lại vào các mối quan hệ, dùng vật chất đánh đổi...</p> <p>- Cách thức chính đáng để chinh phục ước mơ không chỉ làm nên vinh quang và giá trị của ước mơ mà còn thể hiện sự trung thực, trong sáng, tài năng, ý chí... là biểu hiện của nhân cách, bản lĩnh, trí tuệ và đạo đức ở con người.</p> <p>- Từ đó, biết phê phán thói dựa dẫm, ỷ lại, thụ động, không có ước mơ, hoài bão; Cần sống có ước mơ và dám ước mơ. Tự trọng, tự tin khi thực hiện ước mơ của mình</p>	<p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p>
	Viết bài văn	5
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận</i>	0.25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i>	0.25
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm;</i>	
	<p>1. Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm và đoạn thơ.(0,5 điểm)</p> <p>- Phạm Tiến Duật là một trong những gương mặt tiêu biểu của thế hệ các nhà thơ trẻ thời chống Mỹ cứu nước. Thơ Phạm Tiến Duật có giọng điệu tự nhiên, tinh nghịch mà sôi nổi, tươi trẻ, đã góp phần làm sống mãi hình ảnh thế hệ thanh niên thời chống Mỹ – đặc biệt là lớp trẻ ở tuyến đường Trường Sơn.</p> <p>- Bài thơ viết năm 1969, được in trong tập <i>Vàng trắng quàng lửa</i>. Ba khổ thơ cuối để lại ấn tượng trong lòng độc giả về cuộc chiến tranh ác liệt trên tuyến đường Trường Sơn và phẩm chất cao đẹp của người lính lái xe.</p> <p>2. Cảm nhận về đoạn thơ.(4,0 điểm)</p> <p>a. Hình ảnh những chiếc xe không kính(0,5 điểm)</p> <p>- Những chiếc xe không kính là một hình ảnh thực, thực đến trần trụi: <i>cửa kính vỡ, không có đèn, không có mui, thùng xe xước...</i> tạo nên sự độc đáo của hình ảnh thơ phù hợp với tâm hồn ưa thích cái lạ của nhà thơ.</p> <p>- Qua hình ảnh những chiếc xe không kính đi từ trong bom rơi, vẫn băng ra chiến trường ta thấy được bức tranh hiện thực của</p>	

đất nước trong đau thương mà anh dũng, hiên ngang.

=> Hình ảnh thực của những chiếc xe không kính góp phần làm nổi bật vẻ đẹp lãng mạn, dũng cảm của người lính lái xe, nổi bật chất thơ của tuổi trẻ hiên ngang, dũng cảm vượt qua thiếu thốn, gian khổ, hiểm nguy của chiến tranh.

b. Vẻ đẹp hình tượng người lính lái xe (3,0 điểm)

-Tình đồng chí đồng đội của người lính lái xe được nảy sinh và hình thành khi cùng trải qua chiến tranh ác liệt (1,0 điểm).

+Các anh đã trải qua bom đạn của chiến tranh với tinh thần phơi phới. Trong bom đạn hiểm nguy những chiếc xe không kính vừa thoát khỏi cái chết trong gang tấc giờ đây đã hợp thành đội ngũ anh hùng: đội ngũ của những chiếc xe không kính. Họ là những người từ bốn phương cùng lý tưởng chiến đấu, gặp nhau thành bạn bè.

+Tình thương yêu đồng chí đồng đội là bản chất, là sức mạnh của người lính không hề thay đổi. Cái “*bắt tay qua cửa kính vỡ rồi*” của những người lính chứa đựng sự động viên, thân thiện và cả một niềm tin chiến thắng.

=> Sự khốc liệt của chiến tranh đã tạo nên những tiểu đội xe không kính, đã gắn bó những con người có tinh thần sắt lửa lại với nhau như anh em, bè bạn cùng chung nhiệm vụ. Khó khăn, thử thách không chỉ giúp con người tôi rèn ý chí mà còn giúp cho tình bạn thêm gắn bó, keo sơn.

-Cuộc trú quân dã chiến của tiểu đội xe không kính ngăn ngủi mà thấm tình đồng chí, tình đồng đội (1,0 điểm).

+ Cảnh đoàn viên tri kỷ của người lính được gợi lên qua các chi tiết: “*bếp Hoàng Cầm*”, “*chung bát đũa*”, “*vòng mắc chông chênh*”. Đời lính vốn giản dị, bình dị mà lại rất sang trọng, đàng hoàng, đậm đà tình cảm gia đình. Tiểu đội xe không kính đã trở thành một tiểu gia đình chan chứa tình thương.

+Sau một bữa cơm thân mật, một vài câu chuyện thân tình lúc nằm võng, những người lính trở lại lên đường. Tiền phương vẫn gọi:

Lại đi, lại đi trời xanh thêm.

Điệp ngữ “*lại đi*” diễn tả nhịp bước hành quân, những cung đường, những chặng đường tiến quân lên phía trước của tiểu đội xe không kính. Hình ảnh “*trời xanh thêm*” là một nét vẽ tài hoa mang ý nghĩa tượng trưng sâu sắc: lạc quan, yêu đời, chứa chan hy vọng.

=> Đoạn thơ thể hiện đời sống sinh hoạt vật chất và tinh thần người lính thời đánh Mỹ rất độc đáo mà ta ít gặp trong thơ thời ấy.

-Ý chí chiến đấu vì giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1,0 điểm).

	<p>Chiếc xe đầy thương tích và chiến tích: <i>không kính, không đèn, không mui xe, thùng xe bị xước</i>. Chiếc xe vận tải quân sự mang tâm vóc những anh hùng lẫm liệt vô danh. "Không" mà lại "có", có "<i>một trái tim</i>" của người lính - trái tim rực lửa, sẵn sàng hy sinh, chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Giọng thơ, ý thơ trở nên mạnh mẽ, hào hùng. Quyết tâm chiến đấu và chí khí anh hùng của người lính không có bom đạn nào của quân thù có thể làm lay chuyển được.</p> <p>=>Đoạn thơ có ba khổ, khổ nào cũng có hình ảnh chiếc xe và hình ảnh anh bộ đội, cái ác liệt cùng sự anh hùng. Từ những chiếc xe tải không kính trên tuyến đường Trường Sơn, ta thấy được tinh thần ung dung bình tĩnh, hiên ngang dũng cảm của người lính lái xe. Mỗi khổ thơ hiện lên một vẻ đẹp của người chiến sỹ: tình cảm đồng chí, đồng đội nồng ấm và tình yêu Tổ quốc thiêng liêng cao cả.</p> <p>c. Nét đặc sắc nghệ thuật. (0,5 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khai thác chất liệu hiện thực của đời sống chiến tranh: những chiếc xe không kính và phẩm chất cao đẹp của người lính lái xe Trường Sơn. - Giọng điệu ngang tàng pha chất tinh nghịch, hóm hỉnh, đậm chất lính - Ngôn ngữ giản dị, mộc mạc đậm chất văn xuôi, hình ảnh thơ sáng tạo, độc đáo <p>3. Đánh giá chung.(0,5 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn thơ giúp người đọc hiểu rõ hơn về hiện thực đất nước những năm đầu thương mà anh hùng, hiểu rõ hơn về người lính lái xe – thế hệ trẻ thời chống Mỹ tràn đầy khí phách và tâm hồn lãng mạn, biết sống đẹp, ý thức sâu sắc về trách nhiệm của tuổi trẻ trước vận mệnh của đất nước, trong gian khổ, hi sinh mà vẫn lạc quan phơi phới. - Đoạn thơ nói riêng, bài thơ nói chung tiêu biểu cho hồn thơ Phạm Tiến Duật khỏe khoắn, tự nhiên mang âm hưởng sử thi và cảm hứng lãng mạn của thơ ca cách mạng những năm kháng chiến chống Mỹ. 	
	<p><i>d. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp.</i></p>	<p>0.25</p>
	<p><i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</i></p>	<p>0.25</p>